TOÀN TẬP CÁC BÀI GIẢNG
KINH TẠNG
Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng -Tập 1

Table of Contents

Thay lời giới thiệu (Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng) 3
Bài giảng ngày 22-5-2014 CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN *I. PHẨM CÂY LAU* 6
Bài giảng ngày 23-5-2014 GIẢI THOÁT (Vimokkhasutta) 21
Bài giảng ngày 24-5-2014 ĐƯA ĐẾN ĐOẠN TẬN (Upanīyasutta) 34
Bài giảng ngày 25-5-2014 BAO NHIÊU PHẢI CẮT ĐOẠN (Katichindasutta) 45
Bài giảng ngày 26-5-2014 TỈNH GIÁC 61
Bài giảng ngày 27-5-2014 KHÔNG LIỄU TRI 67
Bài giảng ngày 28-5-2014 *II. PHẨM VƯỜN HOAN HỶ* VƯỜN HOAN HỶ (Nandanasutta) 85
Bài giảng ngày 29-5-2014 KHÔNG AI BẰNG CON (Natthiputtasamasutta) 99
Bài giảng ngày 1-6-2014 AM TRANH 126
Bài giảng ngày 3-6-2014 XÚC CHẠM (Phusatisutta) 145
Bài giảng ngày 4-6-2014 CHẾ NGỰ TÂM 159
Bài giảng ngày 5-6-2014 NƯỚC CHẢY Sarasuttaṃ 171
Bài giảng ngày 7-6-2014 *IV. PHẨM QUẦN TIÊN* CON SƠN DƯƠNG 185
Bài giảng ngày 8-6-2014 XAN THAM 198
Bài giảng ngày 23-6-2014 CHÚNG KHÔNG PHẢI (Nasantisutta) 209
Bài giảng ngày 9-7-2014 8. MIẾNG ĐÁ VỤN. (8. Sakalikasutta) 220
Bài giảng ngày 10-7-2014 *V. PHẨM THIÊU CHÁY* THIÊU CHÁY 231
Bài giảng ngày 11-7-2014 BẬC HOÀN TOÀN Anomasutta 252
Bài giảng ngày 12-7-2014 TRỒNG RỪNG ((Vanaropasutta) 268
Bài giảng ngày 13-7-2014 XAN THAM (Maccharisutta) 280
Bài giảng ngày 14-7-2014 KHÔNG GIÀ 293
Bài giảng ngày 17-7-2014 PHI ĐẠO 305
Bài giảng ngày 19-7-2014 VII. PHẨM THẮNG DANH Nāmasutta 318
Bài giảng ngày 22-7-2014 TRIỀN PHƯỢC Bandhanasutta 330
Bài giảng ngày 26-7-2014 CỖ XE (tt) Rathasutta 348
Bài giảng ngày 29-7-2014 KHỦNG BỐ Bhītāsutta 364
Bài giảng ngày 31-7-2014 TÔN CHỦ Issariyasutta 375
Bài giảng ngày 02-8-2014 LƯƠNG THỰC 9. Pātheyyasutta 388

Thay lời giới thiệu (Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng)

Cuốn sách này ghi lại toàn bộ nội dung thuyết giảng bản Tương Ưng Bộ Kinh tại lớp Vietheravada (hệ thống paltalk); giải thích từng bài trong kinh theo bản Pāḷi bằng cách chú thích chữ khó và giảng nghĩa dựa trên Sớ Giải Pāḷi (Aṭṭhakathā)

Những bài giảng này được lưu trữ dưới dạng âm thanh trên internet ở địa chỉ sau đây: www.vietheravada.net; bản kinh Pāḷi và Sớ giải từ địa chỉ www.tipitaka.org. Tất nhiên là mọi sự đều vô thường nên những địa chỉ này một ngày nào đó có thể không còn hợp lệ.

Tôi chỉ là một thính giả tình cờ, bỗng một ngày nghe được những bài giảng của sư Giác Nguyên. Những đoản văn cô đọng, cổ ngữ khó hiểu bí ẩn, nằm im ỉm trong bộ kinh dày, bỗng như trở mình thành một thước phim 3D hiện rõ ra trước mắt với khung cảnh Đức Phật thuyết pháp cho thính chúng trong từng đối tượng, từng thời điểm, từng bối cảnh, qua lời giảng nói của sư Giác Nguyên. Người nghe sẽ cảm nhận rõ ràng, đây thật sự là giáo pháp của Như Lai, một giáo pháp vượt ngoài thời gian, thiết thực trong đời sống hiện tại, dẫn ta đến trạng thái an lạc giữa kiếp nhân sinh đầy phiền não này. Không muốn pháp bảo này mãi mãi nằm trong nghĩa địa của Google dưới dạng âm thanh khó khăn cho người tìm kiếm, nên bèn chép lại những bài giảng này, mong lưu lại chút gì hữu ích cho nhân gian, để kỷ niệm một lần góp mặt trầm luân trong cuộc.

Cuốn sách Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng này không khó đọc dù có rất nhiều khái niệm, thuật ngữ khó hiểu. Với kiến thức Phật pháp uyên thâm, vốn dụng ngữ phong phú và cách giảng dạy liên hệ gần gũi với đời thường, sư Giác Nguyên giống như một người dẫn chuyện đưa chúng ta đi vào thế giới của Phật pháp một cách dễ dàng, người lớn nghe những huyền thoại trong bài giảng cũng thích thú giống như những đứa trẻ nghe người bà người mẹ kể chuyện cổ tích, người sơ cơ sẽ dần dần nâng cao tầm hiểu biết về Phật học, hoặc ít ra cũng có một khái niệm cơ bản để tự mình tìm tòi học thêm, và nơi đây cũng là một thư viện cho các bậc thức giả mở rộng thêm tầm hiểu biết về những triết lý sâu sắc nằm sâu trong bản kinh. Cuốn sách này phù hợp với mọi đối tượng miễn là thích đọc sách và làm việc với chữ nghĩa. Người

đọc cuốn sách này sẽ không ít lần nhìn lại và tự vấn mình đã rốt ráo trong việc học cho đúng sách và tu cho đúng cách hay vẫn còn dễ duôi và phí hoài những năm tháng được mang thân làm người.

Vì là ghi lại từ văn nói sang văn viết nên chắc chắn không thể nào trọn vẹn, mà trên đời này liệu có gì tuyệt đối, mong độc giả lượng thứ.

Xin đảnh lễ và tri ân Sư Giác Nguyên, dù với biết bao nhiêu chướng duyên trong cuộc sống như bệnh duyên, thay đổi trú xứ, thời tiết ấm lạnh, khó khăn vật thực, v.v... nhưng Sư vẫn ròng rã miệt mài duy trì lớp học online suốt ba năm để những bài giảng được có mặt trên khắp thế giới này. Xin cảm ơn các anh chị Diệu Nghiêm, Ais Lynn, N Mai Trần, Thy Lam, Tín Hạnh, Alain Bảo, Chân Đức, Hữu Phúc, Vijjā Thiên Nhân, Ryan Nong và những admin khác của lớp học, đã đồng hành ngày đêm bất kể sự trở ngại vì các múi giờ sớm khuya khác nhau để thâu âm và lưu giữ nhật ký buổi giảng; cảm ơn sự góp mặt của những học viên thường xuyên giúp cho lớp học luôn được ấm áp và cuối cùng rất cảm ơn người bạn đạo Bảo Hương đã đọc bản thảo, yểm trợ tinh thần lẫn vật chất để những cuốn ghi chép này được ra đời.

Nha Trang, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Người ghi chép

Nhị Tường

THERAVĀDA
BÀI GIẢNG KINH TƯƠNG ƯNG TẬP 1
CHƯƠNG 1: TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN - PHẨM CÂY LAU
SƯ GIÁC NGUYÊN (SƯ TOẠI KHANH)

Bài giảng ngày 22-5-2014 CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN *I. PHẨM CÂY LAU*

Kính thưa quí vị, tôi hy vọng có đủ thì giờ để thưa chuyện với quí vị một chút và thời gian còn lại dành cho bài Tương Ưng Bộ kinh đầu tiên. Mục đích của lớp học này chúng tôi đã nói rõ trên facebook. Từ lâu và rất lâu, trên mười năm nay, nhiều lần để ý trên youtube hoặc các băng giảng ấn tống phát hành rộng rãi đến được tay chúng tôi, chúng tôi rất ưu tư khi chưa bao giờ thấy một vị pháp sư nào dù là Nam Tông hay Bắc phái, giảng về kinh tạng Nikāya mà y cứ vào chánh sớ Aṭṭhakathā cả. Chắc chắn câu nói này sẽ làm phiền rất nhiều vị, nhưng tôi xin thưa thiệt chưa bao giờ tôi được nghe một vị nào giảng về Trung Bộ, Trường Bộ, Tăng Chi, Tương Ưng, Tiểu Bộ, mà y cứ vào chánh sớ Aṭṭhakathā. Tôi rất tiếc là chư tăng Nam Tông lẫn Bắc Tông giảng về Kinh tạng, nhất là Trung Bộ Kinh chưa vị nào nhắc về chánh sớ Aṭṭhakathā. Vị nào biết Vi diệu pháp thì giải thích theo Vi diệu pháp, vị nào không mặn mà lắm với Vi diệu pháp thì giải thích theo cách hiểu của mình dựa trên bản dịch của HT Thích Minh Châu, chỉ vậy mà thôi. Ví dụ như, bài kinh Lõi Cây, bản dịch cũ gọi là kinh Tài Dụ. Nếu quí vị cảm thấy rằng chúng tôi nói quá lời, có vẻ cường điệu thì quí vị cứ thử hỏi quí thầy Bắc Tông Nam Tông nào thường giảng kinh Trung Bộ. Hỏi rằng trong bài kinh đó, Đức Phật có ví dụ: danh lợi, lợi lộc trong đời tu, giới luật, thiền định v.v..., những thứ đó nếu mình không khéo, nó sẽ cám dỗ đời tu của mình như người đi tìm lõi cây tưởng đó là lõi cây và sớm hài lòng với nó. Có người tìm được vỏ ngoài của cây, có người tìm được vỏ trong của cây. Có những tỳ kheo xuất gia trong giáo pháp này chưa gì hết được lợi lộc danh xưng, được tôn kính, quyền lực, họ dừng lại ở đó và không đi xa hơn. Có vị không bị quyền lực danh lợi cám dỗ nhưng vị đó sau khi giữ giới luật thanh tịnh thì thấy rằng mình là số một, "thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" và vị đó coi nhẹ người khác. Trong trường hợp này vị đó được xem là bị mắc kẹt trong giới luật. Phật pháp mênh mông mà chỉ mới có giới luật trong sạch mà đã coi mình là số một. Xin hỏi quí vị, danh lợi là cành lá, giới luật trong sạch là vỏ ngoài, vỏ trong chính là thiền định. Vị nào chứng đạt được tầng thiền này thiền kia rồi cho đó là tất cả những gì mình cần phải chứng đạt trong giáo pháp này, thế là vị đó vẫn nằm trong vòng luẩn quẩn mà thôi. Đức Phật dạy rằng, có vị vượt qua được vỏ ngoài, vượt qua được vỏ trong, đến phần giác cây, phần thịt gần lõi nhất. Quý vị đã bao giờ nghe quí thầy Nam truyền Bắc phái giải thích giác cây là gì không?

Làm ơn mở giùm tôi bài kinh Ví Dụ Lõi Cây. Tôi muốn hỏi, Đức Phật đã nói ẩn dụ: Kính thưa quí vị, tôi hy vọng có đủ thì giờ để thưa chuyện với quí vị một chút và thời gian còn lại dành cho bài Tương Ưng Bộ kinh đầu tiên. Mục đích của lớp học này chúng tôi đã nói rõ trên facebook. Từ lâu và rất lâu, trên mười năm nay, nhiều lần để ý trên youtube hoặc các băng giảng ấn tống phát hành rộng rãi đến được tay chúng tôi, chúng tôi rất ưu tư khi chưa bao giờ thấy một vị pháp sư nào dù là Nam Tông hay Bắc phái, giảng về kinh tạng Nikāya mà y cứ vào chánh sớ Aṭṭhakathā cả. Chắc chắn câu nói này sẽ làm phiền rất nhiều vị, nhưng tôi xin thưa thiệt chưa bao giờ tôi được nghe một vị nào giảng về Trung Bộ, Trường Bộ, Tăng Chi, Tương Ưng, Tiểu Bộ, mà y cứ vào chánh sớ Aṭṭhakathā. Tôi rất tiếc là chư tăng Nam Tông lẫn Bắc Tông giảng về Kinh tạng, nhất là Trung Bộ Kinh chưa vị nào nhắc về chánh sớ Aṭṭhakathā. Vị nào biết Vi diệu pháp thì giải thích theo Vi diệu pháp, vị nào không mặn mà lắm với Vi diệu pháp thì giải thích theo cách hiểu của mình dựa trên bản dịch của HT Thích Minh Châu, chỉ vậy mà thôi. Ví dụ như, bài kinh Lõi Cây, bản dịch cũ gọi là kinh Tài Dụ. Nếu quí vị cảm thấy rằng chúng tôi nói quá lời, có vẻ cường điệu thì quí vị cứ thử hỏi quí thầy Bắc Tông Nam Tông nào thường giảng kinh Trung Bộ. Hỏi rằng trong bài kinh đó, Đức Phật có ví dụ: danh lợi, lợi lộc trong đời tu, giới luật, thiền định v.v..., những thứ đó nếu mình không khéo, nó sẽ cám dỗ đời tu của mình như người đi tìm lõi cây tưởng đó là lõi cây và sớm hài lòng với nó. Có người tìm được vỏ ngoài của cây, có người tìm được vỏ trong của cây. Có những tỳ kheo xuất gia trong giáo pháp này chưa gì hết được lợi lộc danh xưng, được tôn kính, quyền lực, họ dừng lại ở đó và không đi xa hơn. Có vị không bị quyền lực danh lợi cám dỗ nhưng vị đó sau khi giữ giới luật thanh tịnh thì thấy rằng mình là số một, "thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" và vị đó coi nhẹ người khác. Trong trường hợp này vị đó được xem là bị mắc kẹt trong giới luật. Phật pháp mênh mông mà chỉ mới có giới luật trong sạch mà đã coi mình là số một. Xin hỏi quí vị, danh lợi là cành lá, giới luật trong sạch là vỏ ngoài, vỏ trong chính là thiền định. Vị nào chứng đạt được tầng thiền này thiền kia rồi cho đó là tất cả những gì mình cần phải chứng đạt trong giáo pháp này, thế là vị đó vẫn nằm trong vòng luẩn quẩn mà thôi. Đức Phật dạy rằng, có vị vượt qua được vỏ ngoài, vượt qua được vỏ trong, đến phần giác cây, phần thịt gần lõi nhất. Quý vị đã bao giờ nghe quí thầy Nam truyền Bắc phái giải thích giác cây là gì không?

Làm ơn mở giùm tôi bài kinh Ví Dụ Lõi Cây. Tôi muốn hỏi, Đức Phật đã nói ẩn dụ: *danh lợi như cành lá, vỏ ngoài như giới hạnh, vỏ trong như thiền định,* còn *giác cây*, nó là cái gì?

Đó chính là lý do sau nhiều trăn trở thao thức, tôi quyết định phải có một lớp học như thế này. Chưa hết, bài kinh đầu tiên của mỗi bộ kinh có một điều thú vị mà tôi ngờ rằng đó là dụng ý của các vị A-la-hán kiết tập. Đó là, trong cả 5 bộ kinh Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng, Tăng Chi, Tiểu Bộ, bài kinh số một bao giờ cũng là bài kinh phải nói rằng là sâu sắc, đáng được xem là tinh hoa của Phật pháp. Đó là lý do tại sao tôi muốn chiều nay cùng các vị bắt đầu lớp học này, để từ nay về sau, diễn giải kinh tạng có nguồn có gốc một chút. Đừng nói chi lời Phật, chỉ riêng truyện Kiều, nếu hôm nay chúng ta không có bản chú giải của cụ Bùi Kỷ hay cụ Đào Duy Anh mà chỉ đọc của Trương Vĩnh Ký thôi thì không thể hiểu được. Cũng vậy, đọc kinh tạng mà không đọc Aṭṭhakathā chỉ có chết thôi. Để khỏi mất thì giờ của quí vị, tôi xin đi thẳng vào bài kinh. Tôi chỉ giảng mười lăm phút, vì đường truyền chiều nay rất là hên xui.

Kinh Tương Ưng Bộ (Samyuttanikāya) là một trong năm bộ Nikāya của Kinh Tạng Pāḷi. Nội dung bộ kinh là những pháp thoại được Đức Phật và chư vị cao đồ của Ngài thuyết giảng cho các đối tượng gặp gỡ trên đường hóa đạo. Thời điểm trước sau của các pháp thoại đương nhiên không được nêu rõ, nhưng nội dung của bộ kinh được các vị Kiết Tập Sư san định thành từng chương mục theo từng nhóm đề tài. Những pháp thoại nào có nội dung đại khái giống nhau thì được các Ngài xếp chung vào một chương phẩm. Đây là lý do vì đâu bộ kinh có tên gọi là Samyuttanikāya, bộ kinh có nội dung được chia thành từng nhóm đề tài khế hợp với nhau.

Đặc điểm của Tương Ưng Kinh nói riêng, và của cả Kinh Tạng nói chung, là có vô số bài kinh tức pháp thoại của Đức Phật và chư đệ tử tuy có ngắn gọn đến mấy cũng có nội dung bao hàm nhiều vấn đề giáo lý cốt lõi, thậm chí có thể được xem là cương lĩnh giáo pháp, gói trọn hành trình tu chứng của một người cầu đạo giải thoát. Từ đó, xưa nay đã có rất nhiều hành giả chỉ cần hiểu rõ, đọc thuộc và nhớ kỹ ý nghĩa một số bài kinh tâm đắc (kiểu như kinh Tứ Niệm Xứ, Kinh Người Phương Ngoại - Bāhiyasutta, Kinh Kaccānagottasutta…) là có đủ hành trang cho một đời hành đạo của mình.

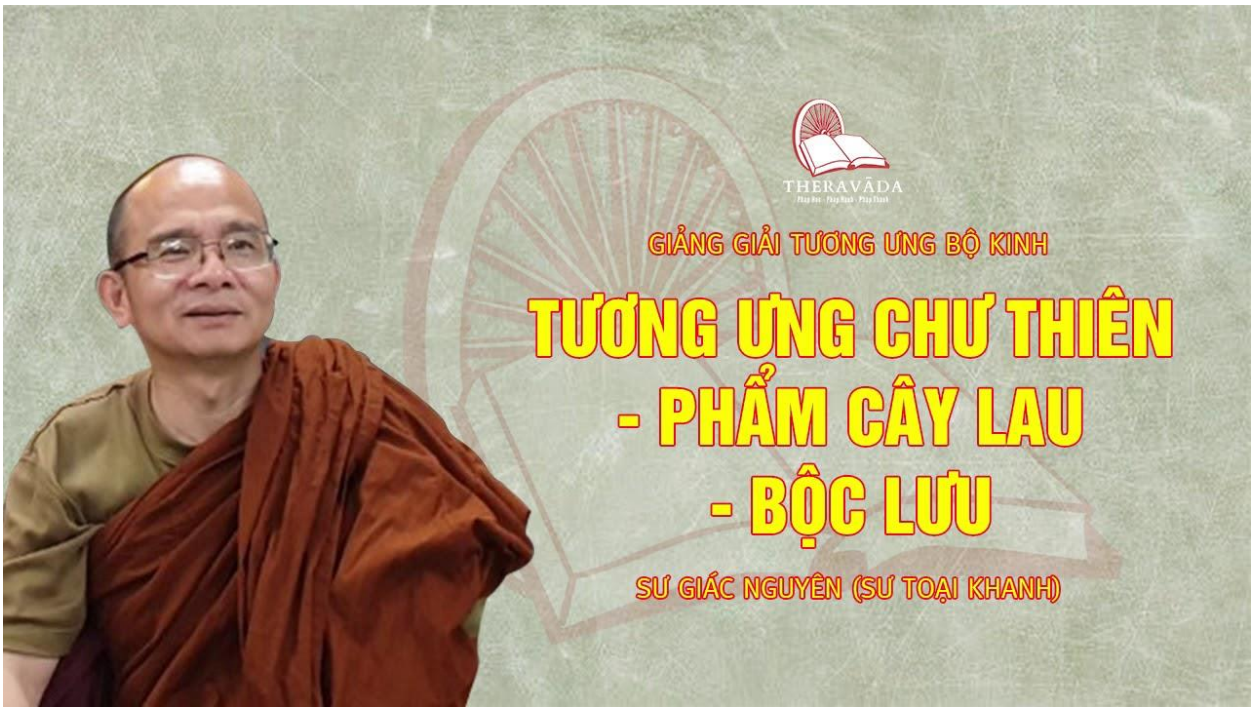
THERAVĀDA
GIẢNG GIẢI TƯƠNG ƯNG BỘ KINH
TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN
- PHẨM CÂY LAU
- BỘC LƯU
SƯ GIÁC NGUYÊN (SƯ TOẠI KHANH)

BỘC LƯU (Oghataranasutta)

Vào một ngày kia có vị thiên nhân xuống đảnh lễ Đức Phật và hỏi Ngài một câu: *"Làm sao ngài vượt thoát bộc lưu?*

". Hiểu theo ngôn ngữ thời nay là *"bằng cách nào ngài chấm dứt phiền não, bằng cách nào ngài chấm dứt sanh tử?*

".

Bộc lưu có thể hiểu theo hai nghĩa: Bộc lưu là '*ogha'*, là dòng nước lớn dòng nước mạnh (cuồng lưu, bộc lưu, bạo lưu). Phiền não của mình, có thể gọi là "bốn dòng bộc lưu" hoặc bốn dòng bạo lưu, cuồng lưu cuốn phăng hết mọi thứ. Dòng sanh tử là một dòng chảy. Danh sắc cũng vô thường biến dịch như một dòng chảy. Trong Duy thức có một câu là: "Hằng chuyển như bộc lưu", là để chỉ cho tình trạng biến dịch không ngừng của danh sắc, của 5 uẩn. Như vậy 'bộc lưu' chỉ cho sanh tử luân hồi, phiền não, dòng chảy liên tục của danh sắc của 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

"Vị thiên nhân" tức là 'vị trời'. Xin mở ngoặc chỗ này một chút, chúng ta thường nói câu này rất sai: *"một vị chư thiên"*. Chư Phật là phải từ hai vị trở lên; chư tăng, chư thiên cũng vậy, cũng từ hai vị trở lên. Cũng như vậy, trong tiếng Hán, chữ Chúa và Chủ giống nhau, nhưng bên Cơ Đốc giáo, *'Sunday'*là ngày Chúa Nhật - ngày của Chúa. Người VN vẫn gọi là ngày Chúa Nhật mà lẽ ra phải gọi là ngày Chủ Nhật. Tương tự, người ta gọi "Năm 600 "*trước Tây Lịch*" hay "*trước Công Nguyên*". '*Công'* là '*chung'*, '*Nguyên'* là '*gốc'*. '*Công nguyên*' là gốc chung. Khi nào mình nhìn nhận có ba ngôi Chúa - Thánh - Thần, tin vạn vật do Chúa tạo ra, có Adam, Eva v.v... thì mới nên gọi là Công Nguyên. Còn lịch sử nhân loại bắt đầu từ trước khi Cơ Đốc giáo ra đời, tại sao mình gọi lịch 2014 là Công Nguyên được?

Đó là của người Cơ Đốc nghĩ ra. Tôi vẫn dùng chữ 'Tây Lịch', Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tương truyền ra đời năm 623 'trước Tây Lịch'. Mặc dù tiếng Anh họ ghi là BC tức là Before Christmas, mình là người VN, và là theo đạo Phật nữa, không thể xài chữ 'trước Giáng Sinh', hay 'trước Công Nguyên' mà phải xài là 'trước Tây lịch'. Lâu nay mình là người VN mình thường niệm là "Mô Phật", Nam Tông niệm "Namo Buddhaya" (Con xin đảnh lễ Đức Phật), nhưng trong chú giải Aṭṭhakathā có một câu niệm rất là hay, không có niệm "Namo

Buddhaya" mà là "Namo Buddhanam" (Con xin đảnh lễ Chư Phật). Đó là sớ giải Kinh Tự Hoan Hỷ (Sampasādaniya) trong Trường Bộ Kinh.

Đức Phật biết rõ rằng vị Trời này từng gặp Đức Phật Ca Diếp và có lòng kiêu ngạo rất lớn, đến hỏi Ngài theo kiểu "dân nhà nghề" nên Ngài cũng trả lời theo cách đặc biệt. Ngài dạy rằng*: "Ta vượt khỏi phiền não, ta vượt khỏi sanh tử (vượt khỏi bộc lưu) bằng cách rất riêng, ta không phải bước tới, mà cũng không đứng lại"*.

Thông thường, nói tu hành nghĩa là mình có mặt trên một con đường; hành đạo là đi theo một phương pháp; sống đời là đang có mặt trên một hành trình. Sống đời hay hành đạo có nghĩa là đang có mặt trên một cuộc hành trình dù là đường bộ hay đường thủy. Thông thường, nói tu hành nghĩa là mình có mặt trên một con đường; hành đạo là đi theo một phương pháp; sống đời là đang có mặt trên một hành trình. Sống đời hay hành đạo có nghĩa là đang có mặt trên một cuộc hành trình dù là đường bộ hay đường thủy. *"Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền".* Đi trên bờ phải đi bằng ngựa, đi dưới nước phải đi bằng thuyền. Sau khi nghe Đức Phật nói "*ta có mặt trên con đường đó nhưng ta có mặt theo cách của ta, ta không bước tới mà ta cũng không đứng yên",* vị thiên nhân ấy lập tức chứng quả Tu-đà-hoàn. Đó là do vị này có túc duyên từ đời trước.

Sẵn đây xin nói qua chữ 'Túc'. *'Túc'* có ba nghĩa: (1) ở nhờ qua đêm (tá túc), (2) đầy đủ (thọ cụ túc giới), (3) đời xưa (túc duyên).

"Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta **trôi dạt**; do vậy, này Hiền giả, không **đứng lại**, không **bước tới**, Ta **vượt khỏi bộc lưu**."

Bước tới thì bị trôi dạt đứng yên thì bị chìm xuống. Theo chú giải:

Sự có mặt của Sự có mặt của *phiền não* là là *trôi dạt*. Sự có mặt của . Sự có mặt của **pháp hành** là là **chìm xuống**. Sự có mặt của . Sự có mặt của **tham ái và tà kiến** (*taṇhādiṭṭhī*) là) là **trôi dạt**. Sự có mặt của . Sự có mặt của *các phiền não* còn lại (avasesakilesā) là còn lại (avasesakilesā) là *chìm xuống*. Sự có mặt của . Sự có mặt của *thường kiến* (*Sassatadiṭṭhi*) là) là **trôi dạt**. Sự có mặt của . Sự có mặt của **đoạn kiến** (*ucchedadiṭṭhi*) là) là *chìm xuống*.

Thái độ sống Thái độ sống *tiêu cực* (*Olīyanā*) là) là *trôi dạt*. Thái độ sống . Thái độ sống *quá khích* (*atidhāvanā*) là) là *chìm xuống*. Những thái độ sống này đều có vấn đề. Không biết đi đâu làm gì, tìm ai, gặp ai; hoặc có trường hợp quá lăng xăng, cũng không tốt. . Những thái độ sống này đều có vấn đề. Không biết đi đâu làm gì, tìm ai, gặp ai; hoặc có trường hợp quá lăng xăng, cũng không tốt. *"Thái độ sống cũng là thái độ hành đạo"*

Hôn thụy là là *trôi dạt*. . *Trạo hối* là là *chìm xuống*

Lợi dưỡng là là *trôi dạt*. . *Khổ hạnh* là là *chìm xuống*

Ác pháp (*ākusalā*) là) là *trôi dạt*. . *Thiện hiệp thế* (*lokiyakusula*) là chìm xuống.

I. Bốn vô minh

Có 4 thứ vô minh:

1. Không biết mọi hiện hữu là khổ là: *vô minh trong khổ đế*

2. Không biết 6 ái là nhân sanh khổ đế: *vô minh trong tập đế*

3. Không biết rằng có một cứu cánh vắng mặt hoàn toàn cả khổ và tập đế: *vô minh trong diệt đế*

4. Không biết rằng Bát chánh đạo là con đường dẫn đến Diệt Đế: *Vô minh trong đạo đế*

Người có 4 vô minh này (tất cả chúng ta, kẻ đang nghe và người đang nói đều có đủ 4 vô minh này hết), dứt khoát chọn một trong ba con đường sau đây để đi:

II. Ba hành

*1. Phi phúc hành:*khổ quá, sống trong bất thiện. Mượn tham, mượn sân, mượn si để làm các điều bất thiện. Ví dụ đói quá đi câu cá, đói quá đi ăn cướp, lừa đảo… Người sống bất thiện trốn khổ tìm vui gọi là người sống theo con đường Phi phúc hành

2. Phúc hành: Khổ quá nhưng nhờ có trí tuệ nên không làm việc bất thiện, mà làm thiện. Làm thiện thấp là bố thí, trì giới, hồi hướng, phục vụ. Cao hơn một chút là đắc được sơ, nhị, tam, tứ, thiền. Trường hợp này gọi là đi theo con đường phúc hành, tức con đường thiện là thiện Dục và thiện Sắc Giới. Rồi có một số ít

người cũng có 4 vô minh này nhưng có trình độ. Trình độ ở đây là gồm 4 điều*: (1) Thân cận hiền trí, (2) Phước xưa sẵn dành, (3) Có dịp học hỏi lắng nghe, (4) Hành trì theo điều học hỏi lắng nghe.* Bốn điều này cho phép họ đời này được ly dục. Ly dục cấp thấp thì chứng được thiền Sắc. Ly dục cấp cao thì đắc được thiền Vô Sắc.

*3. Bất động hành:*Tu tập chứng được các tầng thiền Vô Sắc Giới, gọi là hành trình bất động hành.

Chỉ có người biết Phật pháp mới đi con đường ngoài ba nẻo đó. Người kiến văn hiểu biết, người biết đạo, trầm tư chín chắn, sẽ không thích thú trong việc đầu tư trong các cõi dục sắc và vô sắc. Một người không biết đạo thì chìm sâu vào con đường tội lỗi hoặc tạo được phước để sanh vào các cõi nhân thiên, ngũ uẩn. Riêng hạng cao nhất cũng có vô minh trong Bốn Đế nhưng có trình độ ly dục cao nhất sanh thì về cõi trời Vô Sắc. Dầu cõi Dục, Sắc hay Vô Sắc thì vẫn là tam giới như hỏa trạch, như ngôi nhà đang cháy. Hiểu được vô minh trong Tứ Đế dẫn đến ba hành thì mới hiểu được bài kinh Bộc Lưu này.

Nội dung bài kinh này là vị Trời hỏi Đức Phật bằng cách nào Ngài vượt được bộc lưu sanh tử, bộc lưu phiền não. Đức Phật biết đây là một người hiền trí nên Ngài đã trả lời theo cách vị này muốn: *Ta đã vượt khỏi bộc lưu phiền não, ta đã vượt khỏi bộc lưu sanh tử bằng con đường rất là riêng, đó là ta đi trên đường mà ta không thèm bước tới ta cũng không thèm đứng yên; vì bước tới là trôi dạt và đứng yên là chìm xuống.*

Ở đây các vị A-la-hán giải thích cho chúng ta, thế nào là trôi dạt và thế nào là chìm xuống. Trong hành trình tu chứng của Đức Phật, Ngài không bị chìm trong lợi dưỡng và khổ hạnh. Ngay trong thời pháp đầu tiên, bài kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật đã xác nhận: *Này các tỳ kheo, có hai con đường cực đoan mà người xuất gia cần phải tránh: một là lợi dưỡng, hai là khổ hạnh. Ở đây ta thuyết giảng con đường Trung Đạo gồm có Bát Chánh Đạo…* Ngay thông điệp đầu tiên Đức Phật gởi đến nhân thiên, theo kinh nói, có đến 18 triệu vị Phạm thiên đã chứng quả trong lúc Ngài giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân.

Trong bài kinh Vượt Bộc Lưu này Ngài cũng xác định Ngài là người đã lìa bỏ cả thường kiến và đoạn kiến. Tôi nhớ cách đây không lâu, trong một bài viết ngắn tôi có nhắc đến điểm này: Hiểu được vạn hữu Trong bài kinh Vượt Bộc Lưu này Ngài cũng xác định Ngài là người đã lìa bỏ cả thường kiến và đoạn kiến. Tôi nhớ cách đây không lâu, trong một bài viết ngắn tôi có nhắc đến điểm này: Hiểu được

vạn hữu *do duyên mà có* thì bỏ được thì bỏ được *đoạn kiến*. Hiểu được vạn hữu . Hiểu được vạn hữu *do duyên mà diệt* thì bỏ được thì bỏ được *thường kiến.* Ai bỏ được cả hai thì người đó có được chánh kiến. Chánh kiến là bước đầu tiên của Bát chánh đạo. Đầu tiên ở đây nghĩa là cái được kể đầu tiên trong Bát Chánh Đạo. Chánh kiến là gì?

Trí hiểu tam tướng và trí hiểu luật nhân quả gọi chung là chánh kiến.

Ác pháp (*ākusalā*) là trôi dạt; thiện hiệp thế (*lokiyakusula*) là chìm xuống nghĩa là sao?

Do vô minh trong tam tướng nên cứ tưởng ở đây khổ chạy lại kia hết khổ. Sợ cái khổ này quá, lại đi đầu tư cái khổ khác. Ví dụ như tôi cô đơn quá tôi đi tìm một mối tình. Người ta bỏ tôi đi, tôi thất tình, thế là tôi tìm đến người khác… gọi là tránh ô mồ gặp ô mã, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Hoặc, tôi ham tiền quá, tôi làm ăn bị chúng gạt, buồn quá, tôi đi uống rượu, bị đụng xe, nằm một chỗ. Mình tưởng người như vậy là ngu, nhưng thật ra không có ai là phàm phu mà không ngu hết, cứ đi trốn cái khổ này bằng cái khổ khác. Anh thứ nhất hèn nhất, trốn khổ bằng sát sanh trộm cướp, đầu tư tham sân si đến sa đọa. Anh thứ hai sang hơn một chút, trốn khổ bằng cách làm lành để sanh vào cõi Dục Thiên hay Phạm thiên Hữu Sắc. Anh thứ ba trốn khổ bằng cách chứng đắc các tầng thiền Vô Sắc. Nhưng Phạm thiên Vô Sắc sống lâu cho lắm rồi 84 ngàn đại kiếp ở cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng sanh trở lại kiếp trầm luân mà thôi. Tất cả chúng ta ngồi đây cũng như tất cả những chúng sinh chúng ta nhìn thấy như con ong cái kiến…không một loài nào, cá nhân cá thể nào mà chưa từng đặt chân lên cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Trong dòng sinh tử luân hồi thì chỗ nào mình cũng từng ghé qua. Chỉ có một chỗ mình chưa tới thôi, đó là cõi Ngũ Tịnh Cư dành cho các vị A-na-hàm, mình vô đó rồi thì không ra nữa mà đi luôn. Cõi địa ngục dành cho những người đoạn kiến bất trị, thì từng người từng người trong tất cả chúng ta ở đây, cũng đã từng vào ra trong đó như hoàng tử vào cung. Vì mình luân hồi lâu quá, dài quá nên mình không tin. Chỗ nào mình cũng từng vào. Khổ nỗi, bạn lành thì ít mà bạn ác thì nhiều. Vì vậy, đã xuống rồi thì cơ hội quay trở về đường cũ, cõi Phạm thiên bị mất lối.) là chìm xuống nghĩa là sao?

Do vô minh trong tam tướng nên cứ tưởng ở đây khổ chạy lại kia hết khổ. Sợ cái khổ này quá, lại đi đầu tư cái khổ khác. Ví dụ như tôi cô đơn quá tôi đi tìm một mối tình. Người ta bỏ tôi đi, tôi thất tình, thế là tôi tìm đến người khác… gọi là tránh ô mồ gặp ô mã, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Hoặc, tôi ham tiền quá, tôi làm ăn

bị chúng gạt, buồn quá, tôi đi uống rượu, bị đụng xe, nằm một chỗ. Mình tưởng người như vậy là ngu, nhưng thật ra không có ai là phàm phu mà không ngu hết, cứ đi trốn cái khổ này bằng cái khổ khác. Anh thứ nhất hèn nhất, trốn khổ bằng sát sanh trộm cướp, đầu tư tham sân si đến sa đọa. Anh thứ hai sang hơn một chút, trốn khổ bằng cách làm lành để sanh vào cõi Dục Thiên hay Phạm thiên Hữu Sắc. Anh thứ ba trốn khổ bằng cách chứng đắc các tầng thiền Vô Sắc. Nhưng Phạm thiên Vô Sắc sống lâu cho lắm rồi 84 ngàn đại kiếp ở cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng sanh trở lại kiếp trầm luân mà thôi. Tất cả chúng ta ngồi đây cũng như tất cả những chúng sinh chúng ta nhìn thấy như con ong cái kiến…không một loài nào, cá nhân cá thể nào mà chưa từng đặt chân lên cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Trong dòng sinh tử luân hồi thì chỗ nào mình cũng từng ghé qua. Chỉ có một chỗ mình chưa tới thôi, đó là cõi Ngũ Tịnh Cư dành cho các vị A-na-hàm, mình vô đó rồi thì không ra nữa mà đi luôn. Cõi địa ngục dành cho những người đoạn kiến bất trị, thì từng người từng người trong tất cả chúng ta ở đây, cũng đã từng vào ra trong đó như hoàng tử vào cung. Vì mình luân hồi lâu quá, dài quá nên mình không tin. Chỗ nào mình cũng từng vào. Khổ nỗi, bạn lành thì ít mà bạn ác thì nhiều. Vì vậy, đã xuống rồi thì cơ hội quay trở về đường cũ, cõi Phạm thiên bị mất lối. **"Tùng thiện như đăng tùng ác như băng"** (làm thiện khó như leo núi, làm ác dễ như trượt tuyết).

Tại sao khi bước ra đường mình thấy cảnh khổ nhiều hơn cảnh vui, người giàu ít hơn người nghèo, người đẹp ít hơn người xấu, người khỏe ít hơn người bệnh, người có vấn đề về gia đạo luôn luôn nhiều hơn người bách niên hạnh phúc trăm năm hảo hợp?

Vì sao nhìn đâu cũng cảnh khổ?

Chỉ vì một ngày mỗi chúng sinh tâm thiện ít hơn tâm bất thiện. Ngay trong đời này đã vậy nói chi trong vô số kiếp quá khứ. Tâm bất thiện nhiều thì làm sao niềm vui nhiều hơn nỗi buồn được. Ác nhiều thì khổ phải nhiều. Đó là lý do vì sao chúng ta gọi đời này là bể khổ.

Có những cảnh giới người ta không có cơ hội để nhìn thấy những nỗi khổ. Ở cảnh Dục thì cơ hội nhìn thấy những nỗi khổ rất nhiều, bởi vì đây là một cảnh giới có những môi trường để tất cả ác nghiệp nảy sinh. Cõi trời như khói như sương thì làm gì có bịnh, làm gì có tai nạn. Như mình ở đây, chỉ riêng bịnh ngoài da thôi, cứ vào bệnh viện da liễu mà nhìn là hết muốn tái sinh. Vô viện Ung Bướu thì càng lạnh xương sống nữa. Ai muốn tu hành tinh tấn, cứ vô bệnh viện

đảo một vòng, hoặc vô nhà xác, nghĩa trang, đảo một vòng là về đổi tánh liền. Còn vô chùa nghe pháp, gặp gỡ tăng chúng trong tình trạng vui vẻ thì không thấm được đời là khổ đâu.

Bài kinh này rất sâu, phủ nhận toàn bộ: lợi dưỡng là không chấp nhận được, khổ hạnh cũng không chấp nhận được, thường kiến đoạn kiến không chấp nhận được. Và cuối cùng, một phủ nhận mang tính toàn triệt, quyết định tuyệt đối, đó là, tất cả ác pháp phải bỏ đã đành mà tất cả thiện pháp hiệp thế cũng phải bỏ luôn. Thiện hiệp thế ở đây bao gồm: thiện Dục Giới, thiện Sắc Giới và thiện Vô Sắc Giới. 'Bỏ' ở đây không có nghĩa là không làm, mà làm trong một ý thức rất rõ rằng đây chỉ là phương tiện. Có câu này: Bài kinh này rất sâu, phủ nhận toàn bộ: lợi dưỡng là không chấp nhận được, khổ hạnh cũng không chấp nhận được, thường kiến đoạn kiến không chấp nhận được. Và cuối cùng, một phủ nhận mang tính toàn triệt, quyết định tuyệt đối, đó là, tất cả ác pháp phải bỏ đã đành mà tất cả thiện pháp hiệp thế cũng phải bỏ luôn. Thiện hiệp thế ở đây bao gồm: thiện Dục Giới, thiện Sắc Giới và thiện Vô Sắc Giới. 'Bỏ' ở đây không có nghĩa là không làm, mà làm trong một ý thức rất rõ rằng đây chỉ là phương tiện. Có câu này: *Đồng tiền là một ông chủ tồi nhưng là một nô lệ tốt.* Nghĩa là nếu mình coi đồng tiền là tất cả thì tệ lắm. Người thờ tiền thì chơi không vô. Người nào coi tiền là phương tiện sống, là món đồ để sinh hoạt, thì đó là người rất dễ thương. Thiện pháp cũng vậy, nếu coi thiện pháp là phương tiện để dẫn đến phước báu Ba-la-mật thì ok; nhưng nếu làm lành làm phước với tâm nguyện cầu được sinh về nơi này chốn nọ thì đó là ta đang đầu tư vào cái khổ - tức ba hành.

Quí vị có biết tại sao mình ăn ngon?

Trong kinh nói rõ lắm. Có những người quán tưởng rằng món ăn này vốn không dơ nhưng cơ thể mình bất tịnh nên chỉ chạm vào cơ thể bất tịnh của mình, dính tí nước bọt thì đã dơ rồi. Nói gì là nó đã đi qua đường ruột đường bài tiết. Người hạ căn nghĩ như vậy thì mới ly tham trong chuyện ăn uống. Bậc thượng căn thì nghĩ mình ăn ngon là do nghiệp dục giới mình đã sanh vào thân người, không ăn thì sẽ chết. Con cú thích ăn thịt chuột, con cá thích ăn rong, con nai thích ăn cỏ, con người thích ăn lung tung. Như vậy cái ngon ở đây chỉ là một thứ nhu cầu rất là sinh học, rất là khoa học và thuần túy mang tính kỹ thuật mà thôi. Chúng ta thấy ngon vì nghiệp đẩy mình làm thân người, hễ mang thân người thì có nhu cầu ăn uống. Nếu ăn không thấy ngon làm sao nuốt được. Do nghiệp khiến cho mình đói, thèm ăn. Đến giờ thì cơ thể cần thêm dưỡng tố để sống. Ăn chỉ là chuyện trả bài mà thôi, ăn để sống để tiếp tục trả nợ đời trăm năm, trả nợ kiếp người. Hiểu

như vậy mới thấy ăn là một thứ cực hình chớ không phải là một thứ khoái lạc để mình hưởng thụ.

Có người thấy rằng, được sống trong nhung lụa, sống trong điều kiện mình muốn là hạnh phúc; phải bị sống trong điều kiện bất toại thì đó là đau khổ. Nhưng có hạng người đặc biệt, họ thấy rằng, hễ có mặt trên đời này là một gánh nặng. Vì vậy, trong bài kệ này Đức Phật dạy một câu *"bước tới là trôi dạt, đứng lại là chìm xuống"*. Lời giải thích của vị A-la-hán: Ác pháp là trôi dạt, thiện hiệp thế là chìm xuống, nghĩa là hễ còn mang thân người trong điều kiện sống như thế nào đi nữa thì cũng là khổ. Tám chục tuổi rồi thì dù ông cụ ăn mày hay giáo hoàng cũng phải đi đứng khó khăn; cơ thể không còn nghe lời mình nữa dù đó là cư sĩ hay hòa thượng, dù có mười lăm bằng tiến sĩ hay không biết đọc biết viết. Voltaire có nói: . Lời giải thích của vị A-la-hán: Ác pháp là trôi dạt, thiện hiệp thế là chìm xuống, nghĩa là hễ còn mang thân người trong điều kiện sống như thế nào đi nữa thì cũng là khổ. Tám chục tuổi rồi thì dù ông cụ ăn mày hay giáo hoàng cũng phải đi đứng khó khăn; cơ thể không còn nghe lời mình nữa dù đó là cư sĩ hay hòa thượng, dù có mười lăm bằng tiến sĩ hay không biết đọc biết viết. Voltaire có nói: **Nếu muốn khóc thì hãy khóc khi một đứa bé chào đời chứ đừng khóc khi một ông già nằm xuống.** Đó là một câu nói rất là thông minh. Điều đáng trách là biết đời là khổ sao còn chui ra làm gì.

Người hiểu lời Phật thì biết rằng, có mặt trong điều kiện hoàn cảnh môi trường nào cũng đều khổ, vì ít nhất ba lý do:

III. Tam tướng

1. Vô thường. Cái gì cũng vô thường

2. Khổ: Là cái gì đó bị thúc đẩy (giống như áp suất) dầu muốn dầu không cũng bị đẩy về phía trước.

Dukha: Khổ. Kham không nổi (*Du*: xấu, khó chịu, *Kha*: sự chịu đựng). Chữ "*kham*" trong tiếng Việt hiểu như thế nào thì đúng là chữ "*kha*" này.

Dầu muốn dầu không mọi thứ luôn luôn bị đẩy về phía trước. Dầu muốn dầu không thì nhân thiện cho quả vui, nhân ác cho quả khổ. Dầu muốn dầu không thì quạ phải đen, cò phải trắng. Dầu muốn dầu không thì ngày vẫn trôi qua, xuân hạ thu đông vẫn xảy đến. Dầu muốn dầu không thì các pháp cứ theo duyên diễn ra. Đó gọi là khổ, mình không cưỡng lại được.

3. Vô ngã: mọi thứ do duyên, không do bàn tay nào hết.

IV. Ba khổ

Có 3 cái khổ:

1/ Sự có mặt của khổ là **khổ khổ** (*dukkha dukkha*)

2/ Sự vắng mặt của hạnh phúc là **hoại khổ** *(vipariṇāma dukkha*)

3/ Tất cả mọi hiện hữu ở đời là **hành khổ** *(abhisaṅkhāra dukkha*)

Người đời không biết đạo, chỉ hiểu khổ theo nghĩa thứ nhất, những gì khó chịu thuộc thân tâm. Cái khổ này chỉ là một phần ba cái khổ trong đạo Phật. Buổi trưa trời nóng quá, nóng là khổ khổ. Mở quạt mát mẻ bỗng bị cúp điện là hoại khổ. Sự có mặt của mình ở xứ nhiệt đới là hành khổ. Sự nóng nực ở đó là khổ khổ. Xa nhau là khổ khổ. Gặp rồi chia tay là hoại khổ. Sự quen biết giữa hai người là hành khổ.

Nói cách khác, sống trong tam giới này mà ở điều kiện bất toại gọi là khổ khổ. Được cái gì đó mà mất đi là hoại khổ. Sự có mặt trong tam giới này chính là hành khổ. Hành ở đây chính là pháp hành, nghĩa là các pháp do điều kiện mà có, do điều kiện mà diệt. Hễ có sanh phải có diệt, bản thân sự lệ thuộc nhân, duyên để sanh diệt là khổ. Một người học đạo phải biết, dù có sanh về cõi nào đi nữa, sống lâu bao nhiêu đi nữa, cũng có lúc lìa bỏ nó mà đi. Niềm vui nỗi buồn ở cõi này, qua cõi khác, với môi trường điều kiện khác, nhìn lại nó không bằng nhận thức cũ nữa, như vậy nên hạnh phúc hay nỗi buồn đó chỉ là đồ giả. Ví dụ có người nhìn thấy mâm cỗ ê hề thì ngán nhưng nhìn dĩa rau luộc thì thích, có người thì ngược lại. Có người thấy sống quạnh hiu là cực hình, nhưng có người thấy có thêm người thứ hai thì đó là cực hình. Có người thấy hoa hòe hoa sói thì thích, có người thấy diêm dúa thì sợ. Như vậy, hạnh phúc là vô thường, chỉ là giá trị ước lệ, biến kế sở chấp, thi thiết giả định mà thôi. Cùng một món ăn, lúc mình no, nhìn thấy khác, đói nhìn thấy khác. Cùng món ăn đó mà dọn chỗ dơ dáy mình ăn không được, dọn chỗ mâm cao cỗ đầy sạch sẽ, thì mình ăn được. Nói như vậy để thấy rằng những gì trong đời sống mình thấy là hay là dở, là ngon là không ngon, là vui là buồn là lệ thuộc vô số nhân duyên. Chính vì vậy ở đây Đức Phật dạy rằng, ác pháp Ngài bỏ đã đành mà đến cả thiện hiệp thế Ngài cũng bỏ là vì cả hai thứ này đều là những chất xúc tác dẫn đến sự có mặt trong ba cõi.

Tôi nói điều này sẽ làm phiền lòng không dưới 95% những người thờ Phật; nhưng tôi không thể không nói. Đó là, miệng mình nói mình tin Phật, miệng mình nói là mình cầu giải thoát, nhưng theo chỗ tôi nhận xét, 95% những người nói như vậy, 95% những người thờ Phật trên đầu hay thờ Phật trong lòng không sợ sinh tử. Họ không sợ chết từ kiếp này đi về kiếp khác, bấp bênh vô định. Hãy hỏi lòng mình, tu tập làm lành lánh dữ là để 'được' hay là để 'bỏ'?

Tu hành với lý tưởng là được thì xin thưa, những người này khó ưa lắm. Họ giữ được giới, họ thấy giới đó hay ghê lắm, họ bố thí được ba mớ họ thấy họ hay ghê lắm. Họ quen biết các vị cao tăng trưởng lão, họ thấy điều đó hay ghê lắm. Tu mà hướng đến chữ 'bỏ' thì lợi lắm. Thay vì hiểu thành Phật hoặc thành thánh thì được trí, được phước, được huệ…, mình hiểu thành thánh thì bỏ được phiền não, bỏ được tái sinh, lợi hơn biết bao nhiêu. Nếu mình nhắm lý tưởng bỏ thì chỉ cần mình có một chút kiêu ngạo là mình đã tự thấy xấu hổ rồi. Nếu tu hướng đến chữ được thì rất trẻ con, được người lớn xoa đầu thì vui, được khen ngoan thì thấy vui…

Chúng ta trưởng thành, có gia đình, tóc bạc hoa râm, muối tiêu; từ từ thấm thía chuyện đời, một ngày nào đó sẽ thấm thía rằng: thì ra đời sống này tất cả những cái mình có chỉ là để bỏ lại sau lưng chớ không phải để cầm. Bởi nếu cầm thì mình cầm được bao lâu?

Trong một bài viết của tôi, tôi có thưa với độc giả: Chỉ hai động từ thôi: 'được' và 'bỏ'. Tu để được cái gì và tu để bỏ được cái gì. Chỉ hai động từ này thôi đủ để làm thay đổi lịch sử Phật giáo suốt 2500 năm. Thay vì nghĩ A-la-hán được cái gì thì hãy nghĩ A-la-hán bỏ được cái gì. Tu hướng tới chữ 'bỏ' thì an toàn hơn. Trên hình thức, người tu nhắm đến chữ 'được' và chữ 'bỏ' giống nhau y chang, không khác gì hết; cũng làm lành lánh dữ, bố thí trì giới. Phật tử của mình nói chung nhắm đến chữ được nhiều, vì thế từ chỗ đạo tràng bát nhã biến thành bát nháo chỉ một xê xích nhỏ. Tôi nhớ một câu chuyện tôi kể hoài, ai mà Phật tử chùa Phật Pháp chắc thường nghe. Ngoài Bắc có một hòa thượng thấy trong chùa gây gổ hoài bèn họp chúng lại, quyên tiền đúc cái chuông mới. Mọi người mới hỏi chuông tốt quá rồi sao đúc thêm chuông khác. Hòa thượng nói, mỗi ngày khi tụng kinh kẻ đánh chuông bon bon, người đánh khánh kêu chen chen, tu hành mà cứ bon chen thì không khá. Mọi người hỏi vậy đúc chuông mới sẽ nghe ra sao, hòa thượng nói đúc chuông thế nào mà đánh vào nghe chữ 'buông' thì là chuông đúng. Có một anh đệ tử nghe vậy rất thích, anh ta đúc chuông rồi một thời gian

sau hoàn tục. Thầy hỏi vì sao, anh ta nói, *dạ thưa thầy khi đúc chuông đánh cho ra chữ Buông, con quên chữ G, nên con thành thương gia.*

Ở mấy tiệm tạp hóa của Mỹ hay có câu này chỗ cửa toilet: Ở mấy tiệm tạp hóa của Mỹ hay có câu này chỗ cửa toilet: *"No merchandise beyond this point"*(Đừng mang hàng hóa qua cánh cửa này). Người ta sợ khách đem đồ bỏ vào trong đó hoặc sợ khách tráo đồ bên trong toilet. Câu đó còn có ý nghĩa: "Bên trong cánh cửa này không có chuyện buôn bán". Trong chùa cũng nên có câu này, người tu hành đừng có chuyện mặc cả, đừng có chuyện buôn bán. Tu hành mà nghĩ đến chữ 'được' có nghĩa là buôn bán rồi. Tu là để buông, cái cần thiết nhất trên đường sinh tử không phải là được mà là buông. Nếu cho chọn lựa hoặc có nhiều thức ăn để khi nào đói thì có cái ăn, hoặc cho không biết cảm giác đói mà vẫn sống được, thì tôi chọn lựa không đói vẫn sống được chứ không phải là đói có đồ ăn. Có người muốn đói là phải có ăn, có những món ăn; nhưng có người chỉ muốn đừng bao giờ đói. Đời sống chỉ là một sự lựa chọn. Cũng vấn đề đó nhưng tùy cách nhìn. Có người nói hạnh phúc là phải được cái gì đó (nhan sắc, tiền bạc, quyền lực...). Còn có người nói hạnh phúc là không có cái gì đó (không nợ, không oán thù, không vướng pháp luật…).

Hôm nay trong lớp học này có nhiều vấn đề bà con nuốt không nổi nhưng dù sao tôi vẫn tin là có người hiểu tôi muốn nói cái gì, đặc biệt là câu tôi vừa nói. *"Có người nói hạnh phúc là được cái gì đó, có người nói hạnh phúc là không có cái gì đó. Có người nói tu là được cái gì đó, có người nói tu là bỏ cái gì đó"*. Đó cũng chính là lời kết thúc của tôi trong buổi giảng chiều nay. Chúc các vị một ngày vô cùng an lạc, xin hẹn gặp lại ngày mai.

Bài giảng ngày 23-5-2014 GIẢI THOÁT (Vimokkhasutta)

".. Ở Sāvatthi. Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn.. -- Thưa Tôn giả, Ngài có biết **giải thoát, thoát ly, viễn ly** *cho các chúng sanh không?*

-- Này Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly *cho các chúng sanh. -- Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết* giải thoát, thoát ly, viễn ly *cho các chúng sanh?*

Vị thiên đó hỏi Thế Tôn biết cách nào để giải thoát, thoát ly, viễn ly hay không. Và Ngài đã trả lời:

Hỷ, tái sanh đoạn tận,

Tưởng, thức được trừ diệt,

Các thọ diệt, tịch tịnh,

Như vậy này Hiền giả,

Ta biết sự giải thoát,

Thoát ly và viễn ly,

Cho các loại chúng sanh."

Có một chuyện rất quan trọng ở đây là nếu chúng ta đọc chánh kinh mà không hiểu gì hết hoặc hiểu một cách nghèo nàn khô khan thì khó bề có hứng thú đọc sang bài khác. Hiểu theo như trong chú giải thì bài kinh này có ý nghĩa rất sâu rộng, mênh mông, nhiều điều thú vị và có những vấn đề giáo lý phải biết, phải nhớ, phải học chứ không phải đơn giản như thấy trên mặt chữ của bài chánh kinh này.

Nandī: hỷ. *Bhava:* tái sanh. *Bhavaparikkhayāti:* tái sanh đoạn tận. Nandībhavaparikkhayāti: *"Hỷ, tái sanh đoạn tận"*

Theo bản dịch của HT Minh Châu, chữ '**giải thoát'** – chỉ trong chỗ này của bài kinh này thôi – từ chữ Pāḷi là danh từ *nimokkha*, (động từ là *nimuccati),* nghĩa là *"Sự giải thoát bằng tâm thánh đạo".* Chữ '**thoát ly'** là *pamokkha*, (động từ là *pamuccati)* nghĩa là *"Sự giải thoát bằng tâm thánh quả"*. Nghe thấy hai chữ '*giải*

thoát', '*thoát ly'* khác nhau nhưng đây là cách giải thích chung chung, vì tâm đạo và tâm quả dính liền nhau, khi sát na thánh đạo xuất hiện thì lập tức ngay sau đó phải là sát na thánh quả. Vì vậy, ngay giây phút đó vừa là *nimuccati*vừa là *pamuccati*. Đây chỉ là một cách chơi chữ chứ thật ra hai chữ đồng nghĩa nhau. '**Viễn ly'** (*viveka)* ám chỉ cho Niết bàn.

Hỷ tái sinh đoạn tận *(Nandībhavaparikkhayāti)* nghĩa là sự chấm dứt niềm hoan hỉ trong việc tái sinh. Muốn thoát khổ, đầu tiên phải bỏ ý muốn tái sinh. Hôm qua tôi đã nói, 95% những người nói mình là con Phật, tin Phật, thờ Phật và tu Phật không sợ tái sinh. Nhờ hoàn cảnh nào đó họ biết đến chùa chiền, tăng ni, biết làm phước, đi nghe pháp, đi tu thiền trong nước ngoài nước. Nhìn quanh thấy kẻ nghèo người giàu, kẻ khỏe người bệnh; thấy con trùn con dế lúc nhúc loi nhoi trong nhà xí ống cống dơ dáy; thấy cảnh tử biệt sinh ly, vợ chồng gây gổ, con cái bất hiếu, vô bệnh viện thấy thương tích máu me…thì ớn tái sinh. Nhưng đừng tưởng thấy vậy mà sợ tái sinh. Nếu như bây giờ, mình có mặt trong căn hộ triệu đô, có kẻ hầu người hạ, ăn của ngon vật lạ, muốn trai đẹp gái đẹp đều có được, đi chơi trên du thuyền mỗi ngày có trực thăng đem nhật báo đến để đọc, đang tắm biển thì có người đem rượu, đem trái cây tươi dâng tận miệng, trong điều kiện như vậy thì có còn sợ tái sinh hay không?

Hoặc muốn có mặt ở đâu thì lập tức có mặt ở đó, sống thọ nhiều tỷ năm, thì có sợ tái sinh không?

Chỉ có bậc hiền trí thứ thiệt, khi sống chánh niệm, họ thấy rằng hạnh phúc hay đau khổ chỉ là ảo giác. Có đói ăn mới ngon, có khát uống mới đã khát, đó chỉ là mặt khác của đau khổ. Người Mỹ có câu "Hạnh phúc là giây phút tạm dừng (pause) của đau khổ". Nói rốt ráo, toàn bộ cái gọi là hạnh phúc vốn không có thực mà chỉ là giải pháp cho đau khổ. Vì sao gọi là giải pháp?

Khi ngồi lâu quá, thay đổi tư thế, thấy hết mỏi, đó cũng là giải pháp. Khi đói quá, kiếm gì bỏ bụng, đó chỉ là giải pháp. Khi đó cái khổ được giải quyết nên mình thấy hạnh phúc.

Khi Đức Phật mới thành đạo, Ngài thấy để hiểu thấu, để giác ngộ đạo của Ngài rất khó khăn. Ngài không có ý đi hoằng pháp vì thấy chúng sinh tuyệt đại đa số chịu không nổi, hiểu không nổi lời dạy của Ngài. Khi Ngài nói, không có hạnh phúc, chỉ có giải pháp, làm sao họ chịu nổi. Họ sẽ nghĩ rằng: *Tôi thương cô đó, tôi cưới cô đó về, tôi rất là hạnh phúc sao lại nói là không có hạnh phúc*. Thật ra không phải là không có lạc thọ, hỉ thọ; nhưng hai thứ đó có được từ sự hiểu lầm.

Có chuyện này khá kỳ cục, ngoài đời người ta nói rằng: *tôi hiểu cô đó, cô đó hiểu tôi, chúng tôi coi nhau là tri kỷ, chúng yêu nhau và lấy nhau*, nhưng thật ra nếu nói theo tinh thần Phật pháp, vì không hiểu nhau, vì hiểu lầm nhau hoặc không hiểu nhau nên mới lấy nhau. Nếu hiểu nhau tới nơi tới chốn thì không cách chi lấy nhau được. Nếu biết rõ mọi sự đang diễn ra trong tấm thân, trong tư tưởng của người kia thì khó mà lấy nhau lắm. Vì cứ nghĩ người kia đẹp, có ánh mắt đẹp, có nụ cười đẹp, vì ảo giác đó nên người ta mới cưu mang gồng gánh nhau một đời. Niềm an lạc của phàm phu trong đời này là do sự hiểu lầm, do nghiệp và khuynh hướng tâm lý. Do nghiệp nên người ta phải chấp nhận hoàn cảnh sống. Chấp nhận được hoàn cảnh thì họ thấy hạnh phúc. Con chim cú thấy hạnh phúc khi bắt được con chuột chù để ăn vì nghiệp đẩy nó làm con chim cú, nó thấy ngon miệng nó mới ăn được hoài.

Vì vậy, trong bài kinh này, Đức Phật dạy rằng, ta biết cách dạy chúng sinh muốn giải thoát, thoát ly, viễn ly khỏi tam giới là phải chấm dứt *cái thích trong tái sinh*. Đứa bé thích chơi tượng trâu bò bằng đất sét vì nó thích theo cái nhận thức non nớt của một đứa bé. Khi lớn hơn một chút nó sẽ chán vì biết đó chỉ là đất sét, đó chỉ là trò chơi nhạt nhẽo vô vị. Một người hiểu đạo một ngày nào đó cũng sẽ thấy như vậy đối với tất cả các pháp ở đời. Có những cái được gọi là ngọt vì là do so sánh với cái đắng. Tôi nhớ có câu chuyện, một thiền sinh đến hỏi thiền sư: *Thưa ngài, ngài có thể thu gọn Phật pháp trong một câu nói cho con nghe được không?*

Vị thiền sư đó lấy một que vạch một đường trên đất, rồi hỏi thiền sinh: *Đường vạch này dài hay ngắn?*

Thiền sinh trả lời: *Ngài mới chỉ vạch một đường thôi làm sao con biết nó dài hay ngắn*. Vị thiền sư đáp: *Phật pháp là vậy đó!* Lập tức thiền sinh liễu ngộ. Chúng ta nghe câu chuyện này mà mơ hồ chẳng biết thiền sinh đó ngộ ra điều gì. Thực ra câu chuyện này rất sâu, chỉ một đường vạch thôi thì làm sao biết được dài hay ngắn. Muốn biết dài hay ngắn cần phải có các đường khác để so sánh. Đời sống của chúng sinh chỉ là sự so sánh. Cái này được gọi là hạnh phúc vì so với cái kia. Cái này được gọi là dài vì so với cái khác ngắn hơn. Cái này được gọi là đẹp bởi vì so với cái xấu hơn. Trong khi đó, theo tinh thần Phật pháp, một vị hành giả Tứ Niệm Xứ phải biết rằng: *thấy chỉ biết thấy mà thôi, nghe chỉ biết nghe mà thôi,* như vậy mới không có phiền não. Chúng ta có tham có ưu, có thương thích ghét sợ bởi vì chúng ta có so sánh. Có những người mình thích họ vì khi nhìn họ mình có cảm giác họ là người thân máu mủ. Có người mình ghét chỉ vì mặt họ giống ai

đó mình không ưa. Sống trong cuộc đời, chúng ta sống bằng ảo giác. Trong ảo giác đó, chúng ta tìm đến sự so sánh. Từ so sánh mới có thương thích ghét sợ. Hành giả Tứ Niệm Xứ phải sống với cái nhìn như thật, nó như thế nào phải thấy như thế ấy. Không thêm bớt, không vẽ vời, không suy diễn, không liên tưởng. Điều đó rất quan trọng. Chính vì vậy khi vị thiền sư vẽ một đường vạch trên mặt đất bảo so sánh, thiền sinh đã liễu ngộ: À thì ra, nó như thế nào thì thấy nó như vậy, đó chính là con đường giác ngộ. Chỉ cần mình thêm mắm dặm muối, suy diễn, liên tưởng, vẽ vời, tô điểm thì lập tức nảy sinh vấn đề ngay. Việc đầu tiên để hướng đến giải thoát là *không thích tái sinh.* Muốn không thích tái sinh thì việc đầu tiên phải thực hiện cho bằng được là con đường Tứ Niệm Xứ. Chỉ có thực hành Tứ Niệm Xứ mới cho mình thấy được sự có mặt của mình thật sự là cái gì. Phải thấy sự có mặt của mình trên đời thật sự là một gánh nặng. Gánh nặng bởi vì cuộc đời là vô thường vô ngã; sự có mặt của mình trong mỗi kiếp sống đều rất mong manh; chỗ đi về của một người phàm phu thì vô cùng bất trắc. Ngay khi còn gồng gánh tấm thân mấy chục ký lô này, chúng ta đã làm biết bao nhiêu chuyện để sống ở đời, để giáp mặt với xã hội. Có mặt ở đời thì không biết có mặt được bao lâu; sáng còn chiều mất. Thiện khó làm hơn ác, trong một ngày tâm thiện ít hơn tâm ác vì vậy lúc ra đi thì cõi tái sinh của chúng ta thật vô cùng khó lường. Trong dòng sinh tử luân hồi, gặp được minh sư thiện hữu không phải là chuyện dễ, cơ hội làm lành không phải là chuyện dễ, khuynh hướng ác luôn mạnh hơn khuynh hướng thiện nên cơ hội sa đọa là rất lớn. Hiểu được những điều này mới thấy chuyện tái sinh rất đáng sợ.

*"***Tưởng**, **thức** *được trừ diệt. Các* **thọ** *diệt, tịch tịnh".* Người từng học Vi diệu pháp liếc sơ qua bài kinh này sẽ thấy rõ ràng Đức Phật nói đến *tứ danh uẩn*. **Tưởng** ở đây là *tưởng uẩn*. **Thức** ở đây là *thức uẩn*, **thọ** ở đây là *thọ uẩn.* Vậy *hành uẩn* nằm ở đâu?

"Hỷ, tái sanh đoạn tận,

Tưởng, thức được trừ diệt"

'Hỷ, tái sanh' chính là *hành uẩn*. Tùy trường hợp của từng người, Đức Phật có nhiều cách nói, có người Ngài nói *"chấm dứt 5 uẩn là giải thoát"* không hề nói gì về phiền não, bát chánh đạo. Có người Ngài nói *"chấm dứt tham sân si là giải thoát*". Có người Ngài nói *"thấy rõ Niết bàn là giải thoát*" hoặc *"tu tập hoàn mãn Bát chánh đạo là giải thoát"*, hoặc *"tu tập hoàn mãn thất giác chi là giải thoát".* Cách khác nhau nhưng ý nghĩa giống hệt nhau. Trong bài kinh này Đức

Phật dạy rằng: *giải quyết được bốn danh uẩn là giải quyết toàn bộ hành trình sanh tử.* Quí vị từng học Vi diệu pháp có thấy điều này đúng hay không?

Sắc uẩn là những gì thuộc vật chất. Thọ uẩn là tâm sở thọ. Tưởng uẩn là tâm sở tưởng. Hành uẩn là 50 tâm sở còn lại. Trong 50 tâm sở đó, yếu tố quyết định tâm một người là phàm hay thánh, thiện hay bất thiện hoàn toàn nằm ở hành uẩn. Trong trường hợp bài kinh này hành uẩn chỉ cho tâm tham ái thích thú trong sự tái sinh.

Chữ **hành** (*saṅkhāra)* trong kinh nghĩa rộng vô cùng. Hành trong *hành uẩn* là 50 tâm sở ngoài thọ, tưởng. Còn khi nói "*Các hành là vô thường*" thì 'hành' ở đây ám chỉ tất cả danh sắc hữu vi nói chung.

Trong bài kinh này Đức Phật dạy con đường dẫn đến sự giải thoát chính là giải quyết trọn vẹn được danh uẩn. Bốn danh uẩn không còn nữa thì con đường tái sanh chấm dứt. Trong sớ giải có nói thêm, sở dĩ không nói đến sắc uẩn vì đối tượng trước mặt Ngài chỉ muốn nghe 4 danh uẩn mà thôi. Vị trời này đủ trí để hiểu rằng hễ 4 danh uẩn còn có mặt thì sắc uẩn hoàn toàn có cơ hội tồn tại. Ví dụ, chỉ trừ trường hợp một vị A-la-hán ở cõi trời Vô Sắc mà thôi, chứ còn đối với phàm phu, chúng ta từng sanh lên cõi Phi tưởng phi phi tưởng là cõi Phạm thiên cao nhất của tầng trời Vô Sắc. Miễn là còn có điều kiện để có tứ danh uẩn cho đời sau kiếp khác thì chúng ta cũng còn có cơ hội trở lại được sắc uẩn. Và hễ nói đến tứ danh uẩn thì không thể nào không nói sắc uẩn, nên trong trường hợp này chỉ cần nói tứ danh uẩn là đủ. Tôi tuyệt đối đồng ý với cách giải thích này trong chú giải, vì đây là cách nói hợp với người nghe. Có bao giờ xem kinh tạng quí vị có cảm giác, tại sao Đức Phật không nói như mình muốn, có cảm giác chỗ này Ngài nói khác một chút sẽ hay hơn hay không?

Ví dụ, có lần một nông dân thấy Đức Phật ngồi một mình, sau giờ ăn, với chiếc bình bát rỗng đã rửa sạch ở bên cạnh, ông ta nói bài kệ đại ý rằng: *Tôi tưởng tôi nghèo nhất, ai ngờ có người nghèo hơn tôi. Tôi đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương tần tảo sớm chiều, nghèo thật, nhưng ít ra tôi cũng còn có mái nhà, còn có vợ, có mấy con bò, còn có con cái sớm hôm. Không ngờ trên đời có người khỏe mạnh như vậy mà chẳng có chút tài sản. Sao mà hạnh phúc vui vẻ được?*

. Đức Phật trả lời y hệt như bài kệ của ông ta, chỉ thêm một chữ "không". *Ngươi hạnh phúc vì người có nhà, có vợ, có bò, có con. Như Lai hạnh phúc vì không nhà, không vợ, không bò, không con*. Ngày xưa khi đọc chỗ này, tôi không hiểu vì sao Đức Phật lại trả lời đơn giản đến vậy. Sau này tôi mới ngộ ra, món ngon

trên đời này chưa hẳn là món đắt tiền nhất, mà là món mình thích ăn nhất, hợp với mình nhất. Tôi là gốc nhà quê, thấy cái gì đắt tiền tôi không khoái. Tôi thích bụi cỏ dại mọc trên tường. Tôi thích nhánh hoa dại li ti mọc trên vách đá, gỗ mục, những nhánh lan dại trong rừng, hơn là những chậu hoa to tướng chưng trong các đại sảnh khách sạn sang trọng. Phật pháp cũng vậy, Đức Phật tùy duyên. Có những đối tượng Ngài giảng sâu rộng, có những người Ngài trả lời đơn giản nhưng đối với họ là cả trời bao la.

Bài kinh này cũng vậy, cái độc đáo là Đức Phật chỉ đề cập đến 4 danh uẩn. Giải quyết được 4 danh uẩn là chấm dứt sinh tử. Cái thú vị của bài kinh này là tôi muốn mượn buổi giảng sáng hôm nay để gởi đến quí vị những định nghĩa có thể rất là quen thuộc hoặc có thể rất là mới lạ, có thể là kỳ cục về *tứ danh uẩn*. Ryan Nong là một Phật tử thân quen với chúng tôi trên 20 năm ở Đà Nẵng. Anh ta hiện giờ là tiến sĩ toán, sống ở Mỹ, hiền như con gái. Tôi nhờ ảnh vào mở giùm room thì ảnh loay hoay làm cả buổi không được, cuối cùng tôi phải nhờ cô Tín Hạnh làm giúp. Trong đầu tôi cứ tưởng ảnh là tiến sĩ toán thì phải giỏi lắm. Nghĩa là tôi áp đặt lên con người đó một ký ức cũ, đây là một người giỏi, và ký ức đó đánh lừa tôi. Tôi có nói với anh ta đợi tôi ăn chén cháo. Trong lúc ngồi ăn cháo tôi ngộ được một chuyện thú vị. Tôi không phải là họa sĩ, nhưng đôi khi nhìn trong sân đầy lá tôi rất dễ dàng nhìn cái thảm lá đó xếp ra hình dáng một cụ già, một đứa bé, một chiếc xe đạp hay một con chó con. Khi nhìn những đám mây bay trên trời cũng vậy. Lúc ăn cháo, khi tôi xịt xì dầu lên dĩa cháo, nó tạo ra một bức hình rất đẹp đến nỗi tôi muốn chụp lại. Thì ra, cái gọi là nghệ thuật là do sự áp đặt của mình. Âm nhạc cũng vậy, người mê cổ nhạc thì thà nghe Dạ cổ hoài lang chớ không nghe được những bản giao hưởng của Tây phương. Nghe cải lương thì được chứ nghe nhạc thính phòng thì chịu thua. Cảm quan của mỗi người rõ ràng tùy thuộc vào nhiều yếu tố nền tảng như bản tính bẩm sinh, nơi sinh trưởng, trình độ giáo dục, bối cảnh gia đình, môi trường xã hội mình đang có mặt. Tất thảy những điều đó tạo nên không gian cảm nhận thế giới của mình.

1. Thế giới này là thế giới của *tưởng*

Chữ **Tưởng** trong tưởng uẩn, từ chữ Pāḷi là *Saññā*. Chúng ta có nhiều cái biết: biết bằng trí, biết bằng thức, biết bằng tưởng. Biết bằng trí nghĩa là biết cái này là nhân, cái này là quả, cái này là thiện, cái này là ác, cái này là nên, cái này là không nên, cái này là tín tấn niệm định tuệ, cái này là tham sân si hoài nghi phóng dật... Những cái biết phải do huân tập từ trí văn, trí tư, trí tu cộng lại mới có được là cái biết của trí. Biết bằng thức là cái biết của năm giác quan. Biết của

tưởng là biết dựa trên hồi ức, kinh nghiệm, trí nhớ cũ. Đại đa số phần lớn thời gian trong cuộc đời này chúng ta chỉ sống bằng tưởng. Đó chính là bi kịch nhân gian. Ví dụ, tôi là người Cơ đốc giáo, học giáo lý nhà thờ từ hồi nhỏ. Từ đó tôi nhìn thế giới này qua nhãn quan lăng kính của một tín hữu công giáo. Tôi là một Phật tử Bắc Tông, từ bé đã được dạy niệm Phật Di Đà, niệm Quán Âm để thoát nạn. Khi vào đời dù tôi nghiên cứu bao nhiêu kinh sách đi nữa thì ám ảnh trong đầu tôi vẫn là niệm Phật Đi Đà cầu vãng sinh, niệm Quán Âm cầu tai qua nạn khỏi, niệm Địa Tạng để thoát địa ngục. Tôi là một người Hồi Giáo, mỗi ngày tôi quỳ cầu nguyện năm lần, suy nghĩ gì cũng dựa trên kinh Qur'an. Tôi là người Do Thái giáo, tôi học sách Talmud từ bé, tôi không ăn các loại cá da trơn. Tất cả nền tảng suy nghĩ của tôi lúc nào cũng dựa trên kinh Talmud. Người Phật tử Nam Tông có học Vi diệu pháp suy nghĩ gì cũng không ra khỏi A-tỳ-đàm. Đời sống của chúng ta suy cho cùng đều y cứ trên những hồi ức, kỷ niệm, kinh nghiệm mình đã trải qua. Hiếm bao giờ mình dành thì giờ suy nghĩ lại để biết nghi ngờ con đường dưới chân mình. Tôn giáo đã vậy, chính trị, văn hóa cũng thế. Chúng ta được ăn học, được đào tạo trong một môi trường nào đó, thế rồi chúng ta không dám nghi ngờ nó vì cứ sợ mình lầm đường lạc lối để rồi cứ vậy mà sống cho đến ngày tàn hơi. Người như vậy thì không có khá. Khổ một nỗi, nếu sống mà không có hồi ức thì chúng ta tự cho rằng mình không có kiến thức, không có học thức, không có đủ kinh nghiệm. Thật ra, toàn bộ kiến thức học đường chỉ là kinh nghiệm của người khác trao truyền cho mình. Sau khi ra trường thành bác sĩ, thành kỹ sư rồi cộng thêm một số kinh nghiệm mới nữa thông qua những cái biết mới nhưng đời sống của mình vẫn dựa vào cái biết cũ, đó gọi là tưởng. Hôm nay tôi nói *tưởng uẩn* là những kinh nghiệm thì có nhiều người chịu không nổi, nhất là những người có học A-tỳ-đàm. Đối với những người đó tôi phải nói riêng vào tai của họ lời thầm thì rất nhỏ rằng là: tôi vẫn giữ nguyên cái biết của anh. Đúng rồi, tưởng uẩn là tâm sở tưởng. Nhưng anh phải làm ơn nhớ rằng hiểu như vậy nó nghèo lắm anh biết không. Tưởng uẩn, phải hiểu rằng nó là toàn bộ ký ức, kinh nghiệm, hồi ức của chúng ta trong đời sống. Cái biết bằng tưởng là như vậy đó! Tại sao chúng ta nghe âm thanh đó chúng ta thích?

Vì dựa vào ký ức cũ nào đó! Ghét thương hay sợ cũng vậy, do hồi ức. Cả hành trình sống của chúng ta chỉ toàn là hiểu lầm. Tức là nhìn cái này mình cứ nghĩ đến cái khác, cứ vậy mà sống. Có người vợ chết rồi cưới vợ khác, vẫn tìm bóng dáng người vợ cũ trên hình hài người vợ mới. Có người cứ thích một kiểu chưng hoa hay một kinh nghiệm nấu ăn nào đó, chỉ vì nó gắn liền với ký ức nào đó của người thân người thương cũ. Có những loại nhạc người ta chỉ nghe vào đêm

khuya. Có người nói với tôi rằng họ thèm một đêm mưa nằm nghe Khánh Ly hát nhạc Vũ Thành An, Từ Công Phụng, mà phải nghe đúng ca sĩ đó, vào thời điểm đó. Đó chính là tưởng. Có người thích hoàng hôn, có người sợ hoàng hôn. Có người thích mưa khuya, có người rất sợ mưa khuya. Có người sợ mùa đông tuyết trắng, còn tôi yêu châu Âu vì tôi yêu mùa đông ở đây nhưng có người muốn bỏ châu Âu mà đi vì họ sợ mùa đông ở đây. Đó là tưởng. Có người hỏi Trịnh Công Sơn nắng khuya là gì (trong câu hát "có khi nắng khuya chưa lên mà một loài hoa chợt tím"). Từ lúc tôi biết câu trả lời của Trịnh Công Sơn: nắng khuya là đèn đường, tôi yêu đèn đường hơn bao giờ hết. Chỗ ở của tôi bên Đức bây giờ có bốn ngọn đèn đường. Thỉnh thoảng những đêm không ngủ được tôi ngồi nhìn bốn ngọn đèn đường trước nhà mà thấy nắng khuya đang lên. Đó là tưởng! Khi Đức Phật ra đời, thấy điều đó, Ngài dạy rằng: *Thay vì chạy theo những kinh nghiệm những hồi ức rất đỗi phàm phu không có lợi, ta dạy cho các ngươi những cái tưởng có lợi hơn, đó là tưởng bất tịnh: tưởng về sự chết, tưởng về hài cốt.* Tại sao Ngài vẫn xài chữ Tại sao Ngài vẫn xài chữ *tưởng*?

Vì Ngài biết trước khi giác ngộ, trước khi có được thánh trí thì hành giả vẫn tiếp tục sử dụng cái hồi ức. Thay vì sử dụng những hồi ức rất là phàm phu không lợi ích, thì bây giờ ?

Vì Ngài biết trước khi giác ngộ, trước khi có được thánh trí thì hành giả vẫn tiếp tục sử dụng cái hồi ức. Thay vì sử dụng những hồi ức rất là phàm phu không lợi ích, thì bây giờ *tưởng*có lợi hơn. Vị hành giả ngồi tưởng tượng đây là xương. Một tấm thân người đẹp cách mấy, trắng cách mấy, đen cách mấy, mập ốm cách mấy, khi chết rồi thì một hai ngày sẽ trương sình lên, chảy nước, bốc mùi. Bảy mươi phần trăm cơ thể là nước nên nó sẽ rã tan rất nhanh sau đó chỉ còn lại một bộ xương trắng và một nhúm nội tạng, rất lâu mới phân hủy hết. Nhúm xương trắng đó mới đầu là bộ xương, sau rời ra từng lóng từng đốt nhỏ. Theo thời gian từ màu trắng muốt chuyển qua màu xám. Qua nhiều năm sẽ mục rã thành bột và đi vào đất như là chưa từng xuất hiện bao giờ. Tất cả những suy tư đó chỉ là *tưởng.* Nói theo Vi diệu pháp, đó chính là cái biết thông qua khía cạnh tục đế, chế định, biến kế sở chấp, thi thiết. Biết đó là đồ giả, nhưng vẫn cứ quán niệm thân này từ đầu đến chân gồm 32 thứ dơ bẩn (tóc, lông, móng, gân, xương, máu, mủ, mồ hôi, nước tiểu v.v...), tất cả những thứ dơ này được gói gọn trong túi da có chèn thịt bên trong. Nếu chúng ta lấy những thứ thức ăn thức uống trong một ngày nhai rồi nhả vào một bị ny-lon và đeo trước ngực liệu chúng ta có gần nhau nổi không. Nhưng cũng thức ăn đó nuốt tất cả vào bụng, đánh răng sạch sẽ thơm tho, thiên hạ nhìn nhau vẫn hấp dẫn như thường. Có những pháp môn tu chỉ là tưởng,

nhưng trau dồi nhiều ngày thì từ cái tưởng tục đế chuyển qua cái biết bằng trí tuệ để thấy được cái chân đế, bản chất thực của các pháp. Bản chất thực của các pháp vốn không dơ, không sạch, không xa, không gần, không sớm, không muộn, không lớn, không nhỏ, không trong, không ngoài. Nhưng khi chưa được tới giai đoạn nhìn thấy các pháp như vậy thì trước mắt chúng ta phải tùy thuộc vào các pháp tục đế, nhìn thấy mọi sự theo cách trẻ con. Nói đến chữ Nói theo Vi diệu pháp, đó chính là cái biết thông qua khía cạnh tục đế, chế định, biến kế sở chấp, thi thiết. Biết đó là đồ giả, nhưng vẫn cứ quán niệm thân này từ đầu đến chân gồm 32 thứ dơ bẩn (tóc, lông, móng, gân, xương, máu, mủ, mồ hôi, nước tiểu v.v...), tất cả những thứ dơ này được gói gọn trong túi da có chèn thịt bên trong. Nếu chúng ta lấy những thứ thức ăn thức uống trong một ngày nhai rồi nhả vào một bị ny-lon và đeo trước ngực liệu chúng ta có gần nhau nổi không. Nhưng cũng thức ăn đó nuốt tất cả vào bụng, đánh răng sạch sẽ thơm tho, thiên hạ nhìn nhau vẫn hấp dẫn như thường. Có những pháp môn tu chỉ là tưởng, nhưng trau dồi nhiều ngày thì từ cái tưởng tục đế chuyển qua cái biết bằng trí tuệ để thấy được cái chân đế, bản chất thực của các pháp. Bản chất thực của các pháp vốn không dơ, không sạch, không xa, không gần, không sớm, không muộn, không lớn, không nhỏ, không trong, không ngoài. Nhưng khi chưa được tới giai đoạn nhìn thấy các pháp như vậy thì trước mắt chúng ta phải tùy thuộc vào các pháp tục đế, nhìn thấy mọi sự theo cách trẻ con. Nói đến chữ *tưởng* ta phải tâm niệm một điều: toàn bộ đời sống này y cứ vào hồi ức, vào kinh nghiệm cũ, cái biết cũ; y cứ vào suy diễn và liên tưởng. Suy diễn và liên tưởng là nội dung của tâm sở tưởng, tức là sở hữu tưởng. Hội họa, âm nhạc, thi ca cũng là liên tưởng là suy diễn. Một tòa nhà được xây dựng cũng y cứ trên sự suy diễn và liên tưởng của ai đó. Kẻ phàm phu thích cái này cái kia trong năm trần, người ly dục thì không thích cái này cái kia, họ muốn tu thiền. Tu thiền là ngó vô các đề mục, cũng chính là tưởng.

2. Thế giới này là thế giới của *thọ*

Thọ, nếu nói một cách đơn giản, thọ tức là tâm sở thọ trong 52 trong tâm sở thì nghèo nàn quá. Thế giới này không chỉ là thế giới của tưởng mà còn là thế giới của cảm giác. Từ lúc trong bụng mẹ đến lúc đi vào quan tài chúng ta luôn theo đuổi cảm giác. Đứa bé khóc vì đói, vì lạnh, vì ngứa; cười khi cảm thấy thoải mái. Cứ thế nó lớn lên và đến khi già thì toàn bộ đời sống cũng chỉ là cảm giác; hoặc là như ý hoặc là bất toại. Điều quan trọng là hành giả Tứ Niệm Xứ biết cái gì đang xảy ra, cái biết này quí hơn kim cương. Vì sao mình có tâm tham?

Bởi khi có cảm giác như ý thì mình thích. Tại sao mình có tâm sân?

Vì khi có chuyện trái ý nghịch lòng thì khởi lên tâm sân. Một hành giả đúng mức khi thấy mọi sự diễn ra như vậy đừng thêm bớt gì hết, đừng để mình chìm sâu trong cái tưởng. Người không chìm sâu trong *tưởng* thì mới tự chủ trong thọ, trong cảm giác. Người sống để cái tưởng làm chủ thì không làm chủ được trong đời sống cảm thọ. Có một vị sư kia, ngẫu nhiên trong bữa cơm, không hiểu sao vị trí của vị này luôn luôn là một cái chén mẻ. Nếu không để ý thì không sao, còn nếu cứ để ý thì nghĩ là người dọn cơm có ác ý. Vấn đề ở chỗ là mình để ý, mình coi chuyện đó là quan trọng thì cái chén mẻ đó thành ra nỗi buồn của mình, nhưng nếu mình không để ý thì nó chẳng là gì hết. Nếu dùng cái *tưởng* nhiều quá thì cái *thọ* nảy sinh vấn đề. Tu chính là đừng để cho cái *tưởng* làm chủ. Tu cũng cũng chính là làm chủ cái *thọ*. Khi chưa biết đạo, cái làm cho ta vui toàn là chuyện tào lao, khi biết đạo rồi, cái tào lao làm cho vui thì ta không có vui, vậy là tu cái thọ. Khi chưa biết đạo, có nhiều chuyện làm ta bực mình, nhưng khi biết đạo rồi thì chuyện bực mình không giống như ngày xưa nữa. Ngày xưa ai chửi tôi, tôi chịu không được, bây giờ thì ok. Ngày xưa tôi nhịn đói không được, nhưng bây giờ, chuyện đói lạnh cũng ok. Nghĩa là mình đang làm chủ cảm thọ của mình. Với người đời, có những chuyện họ rất thích, nhưng với người tu, chuyện đó không nên, mình không tiếp tục thích nữa, như vậy là đang tu cái thọ. Nếu định nghĩa tu là tu cái xúc cũng được. Ngày xưa mắt mình muốn nhìn gì thì cứ nhìn, tai muốn nghe gì thì cứ nghe, chân muốn đi đâu thì cứ đi, bây giờ thì không; hạn chế tối đa. Vậy là tu xúc. Ngày xưa cái gì làm cho mình vui thì mình bất kể trời đất, hôm nay thì mình phải chọn lựa lại. Không phải bất cứ trò vui nào cũng tham gia được. Phải là cái gì được phép, hợp pháp, vô tội, có lợi. Có những nơi chốn mà tu sĩ không được đặt chân vào. Tôi là một con mọt sách. Tôi đi Miến Điện, Thái Lan, VN hay Thụy Sĩ, Đức, ở đâu tôi cũng hỏi thăm tiệm sách trước cái đã. Bên Thái Lan ngoài chuyện mua sách, có hai món tôi thích đi tìm. Bên đó có nhiều tượng Phật đẹp lắm. Thứ hai là có vài món mà ở Mỹ tôi dám mua nhưng ở Thái thì không dám, đó như những món bằng lụa, tôi muốn mua làm quà cho vài người ơn nghĩa. Xui cho họ, tôi đang đứng ở xứ kinh đô của lụa mà không dám bước vào.

Nếu nói rằng, hành tinh này, thế giới này, vũ trụ này, và vô lượng vũ trụ khác là cảnh giới của cảm thọ thì hoàn toàn không sai. Niềm vui nỗi buồn ở cõi Dục không giống như ở cõi Phạm thiên. Ở cõi Phạm thiên họ không có tâm sân, chỉ có niềm vui. Cái vui ở đó không có liên hệ đến năm dục như ở cõi Dục giới. Điều đó có nghĩa rằng, chỉ riêng cảm thọ thôi đã là cả vấn đề rất lớn. Một người có

giáo dục không có niềm vui bệnh hoạn, còn người không được giáo dưỡng thì họ không từ nan bất cứ niềm vui nào miễn là họ thấy thích. Vì vậy, có những niềm vui của người cư sĩ mà một vị xuất gia không nên bắt chước hay để tâm kiếm tìm.

3. Thế giới này là thế giới của *thức*

Đức Phật dạy rằng: *Con chim có điều kiện thì bay về trời, con cá có điều kiện thì nhảy xuống nước, chồn cáo có điều kiện sẽ trốn về hang, con rắn có điều kiện thì chui xuống đất. Cũng vậy, 6 căn của một người không tu tập luôn có khuynh hướng đi tìm 6 cảnh.* Dù là anh em cùng một nhà nhưng sở thích khác nhau. Có người tìm niềm vui qua con mắt. Có người tìm niềm vui qua những gì họ nghe được. Có người tìm niềm vui qua những gì họ ngửi. Có người coi nặng hình thức, trang phục quần là áo lụa, đồng hồ, mắt kính, nước hoa đắt tiền. Nước hoa cả ngàn đô la họ vẫn mua, những chai nước hoa đắt tiền mạ vàng cẩn hột trên nắp. Có người có mê âm nhạc, đầu tư cho những cặp loa rất đắt tiền, cho những đĩa nhạc. Có người mê ẩm thực, ghiền ăn và nơi nào có món ăn ngon là tìm đến. Có cô Phật tử bên Mỹ, cô ấy ở nhà lớn hay nhà nhỏ không thành vấn đề, xe tốt hay xe xấu không thành vấn đề, nhưng thành phố này có nhà hàng nào đó ngon lành, ngon miệng ra đời mà cô không biết tới, thì đó là vấn đề. Có người nặng về xúc, giường nằm phải êm ái, áo quần phải mịn màng họ mới chịu. Có người thích thiền định, trầm tư mặc tưởng. Thế giới này là thế giới của 6 thức là vậy đó. Có người muốn nhìn thế giới này qua cửa mắt, có người muốn nhìn thế giới này qua cửa mũi, cửa tai, cửa lưỡi, cửa thân, cửa ý.

4. Thế giới này là thế giới của *hành*

Thế nào là thế giới của hành?

Chỗ này tôi nói sơ qua cho những người có học A tỳ đàm. Trong 50 tâm sở hành uẩn có thiện có ác. Trong tâm của một vị A-la-hán, cái thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn giống hệt của mình, nhưng hành uẩn thì khác mình. Hành uẩn là yếu tố thiện ác trong tâm thức một người. Quí vị nấu ăn thì biết, có những thứ mình bỏ vô, nó không can dự vào mùi vị của món ăn, nhưng có những thứ thật sự tạo ra mùi vị đặc biệt. Trong một viên thuốc tây, chất trị bệnh không nhiều, nhưng tinh bột để làm nên viên thuốc thì nhiều. Trong một dĩa cơm thì thức ăn không nhiều bằng cơm. Trong tâm thức của mình có 4 danh uẩn: thọ, tưởng, hành, thức. Trong đó thọ, tưởng và thức không mang yếu tố quyết định phàm, thánh, thiện, ác. Cái danh uẩn đảm nhiệm vai trò yếu tố quyết định cho thiện ác phàm thánh ở một sát na tâm chính là hành uẩn. Ở tâm thức của một phàm phu có 14 tâm sở bất thiện

tùy lúc mà có cái nào. Trong một tâm thiện cũng vậy, 25 tâm sở tịnh hảo cũng tùy lúc mà có cái nào. Riêng trong tâm của một vị A-la-hán thì không phải như vậy, không có tâm bất thiện đã đành rồi mà các tâm sở xuất hiện trong tâm của các ngài cũng không phải là tâm sở thiện mà là những tâm sở mang tính cách duy tác. Trong tâm vị A-la-hán cũng có tâm sở tư nhưng nó không tạo nghiệp. Trong tâm vị A-la-hán vẫn có phần, vẫn có vô lượng phần; vẫn có tín, niệm, tàm, quý, vô tham, vô sân y chang như tâm đại thiện của phàm phu, gọi là thánh hữu học, nhưng những cái này như hạt thóc bị luộc không để lại di hậu, hay kết quả. Hành uẩn là một thành tố tâm lý của chúng sinh mà chính cái này quyết định tâm thiện hay là ác.

Nói thế giới này là thế giới của tưởng uẩn, là thế giới của thọ uẩn, là thế giới của thức uẩn, hay là thế giới của hành uẩn đều đúng hết. Nói rằng thế giới này là thế giới của thọ uẩn thì ta cũng phải nhớ rằng luôn luôn có sự can thiệp của hành uẩn. Nói rằng thế giới này là thế giới của tưởng uẩn thì chúng ta cũng đừng quên rằng nó luôn có sự can thiệp của hành uẩn. Nói rằng thế giới này là thế giới của thức uẩn thì ta cũng luôn luôn phải nhớ rằng có sự can thiệp của hành uẩn. Tu tập là tưởng cũng tu được, thọ cũng tu được, thức cũng tu được.

Thế nào là tu thức?

Nếu tôi không phải là nhà sư, tôi không phải là Phật tử, tôi muốn nhìn gì thì tôi nhìn. Nhưng tôi là nhà sư, là Phật tử, là người tin Phật, là hành giả, nên tôi hạn chế chuyện nhìn. Tôi sống trong thiền viện, trong chùa, hay trong nhà với vợ chồng con cái, tôi hạn chế tối đa chuyện lui tới để nghe, để nhìn những thứ tôi cho rằng không thực sự cần thiết cho đời sống chánh niệm của tôi. Như vậy là tôi đang tu với 6 thức. Ngay trong lúc đó cũng là lúc tôi đang tu với 6 thọ. Có những niềm vui tôi không muốn có nữa, vì nó là con đường dẫn đến đọa lạc, cũng như có những nỗi buồn giờ tôi không còn bận tâm nữa. Hạn chế tối đa những gì không thực sự cần thiết trong đời sống, đó là đang tu thọ, đang tu tưởng, đang tu thức.

Nội dung bài kinh này, Đức Phật dạy rằng: Con đường đi đến giải thoát là hành trình giải quyết dứt điểm tứ danh uẩn là như vậy. Quí vị nào không hiểu thì có thể hỏi thêm, đếm tới 3 không hỏi thì tôi đi. Bây giờ là 8 giờ, tôi chỉ còn có một ít thời gian là phải đi đến chỗ người ta cắt cây. Ở cái xứ này, muốn bỏ cây phải thuê người ta đem xe tới chở đi quăng. Một chỗ kiếm củi đốt không có, một chỗ muốn bỏ cây phải trả tiền, đúng là thế giới của cảm thọ. Xin chào đại chúng.

Bài giảng ngày 24-5-2014 ĐƯA ĐẾN ĐOẠN TẬN (Upanīyasutta)

Có một chuyện tôi nhắc tới nhắc lui tính đến hôm nay là ba ngàn tỷ lần rồi mà tôi vẫn thấy cần thiết phải nhắc lại đó là Có một chuyện tôi nhắc tới nhắc lui tính đến hôm nay là ba ngàn tỷ lần rồi mà tôi vẫn thấy cần thiết phải nhắc lại đó là có bốn thứ vô minh[1],những ai có lòng cầu giải thoát cần phải nhớ. ,những ai có lòng cầu giải thoát cần phải nhớ. *Không chịu hiểu rằng mọi hiện hữu trên đời này là khổ.* Dầu là chúng ta hiện hữu trong hình thức nào đi nữa thì nó cũng là khổ. Con ong cái kiến khổ đã đành rồi mà cả Phạm Thiên, Đế Thích cũng khổ bởi vì hễ còn là phàm phu thì sống hết tuổi thọ trên đó rồi cũng phải quay trở xuống cõi khổ. Vì sao?

Bởi vì mỗi người chúng ta trong vô số kiếp luân hồi đã tạo rất nhiều nghiệp thiện, rất nhiều nghiệp ác và có một chuyện ai cũng phải nhìn nhận đó là nghiệp thiện luôn luôn là số lẻ của nghiệp ác. Ví dụ, mình có tất cả là 1400 cái tiền nghiệp thiện ác thì trong đó thiện nghiệp nhiều lắm thì chỉ có 400 thôi, còn lại bao nhiêu là ác nghiệp. Vì sao?

Vì khuynh hướng tâm lý sinh tử của phàm phu lúc nào cũng hướng về cái ác nhiều hơn là cái thiện. Bạn lành khó kiếm hơn bạn ác, điều kiện làm lành khó kiếm hơn điều kiện làm ác. Nếu không tin thì quý vị ngồi xếp bằng lại một ngày đi, coi trong hăm bốn giờ đồng hồ đó cái giây phút mình có thiện tâm được bao nhiêu phần trăm thời gian so với giây phút mình sống bằng tham lam, sân hận, si mê, ganh tị, bỏn xẻn, nhỏ mọn, ích kỷ?

Trong một ngày như vậy có thể nói là chín mươi chín phần trăm thời gian của chúng ta là điều bất thiện. Thử nghĩ xem, mình đã biết Phật pháp, đã là tu sĩ, đã là Phật tử rồi mà còn tệ như vậy thì những kiếp mình không phải là tu sĩ hay Phật tử, không biết đến chánh pháp, những kiếp mình không mang thân nhân loại, những kiếp mình làm trùn dế, ruồi muỗi, cọp beo, heo bò đó ác nghiệp còn nhiều cỡ nào nữa. Thế nên, trong vòng luân hồi thỉnh thoảng chúng ta có được những thiện nghiệp và nhờ vậy thỉnh thoảng chúng ta được sanh về các cõi Nhân, Thiên, và sau những lần thỉnh thoảng sung sướng đó chúng ta quay trở về sự sa đọa thường trực chắc chắn của mình, cho nên nói gì thì nói hễ còn luân hồi là còn khổ.

Bất cứ một cảnh giới nào cũng nằm trong vòng kềm tỏa chi phối ảnh hưởng của tam tướng. Có sanh thì có diệt. Có mặt thì phải có vô thường. Mọi thứ luôn luôn trong tình trạng trở thành một cái khác, và mọi thứ, những gì chúng ta nhìn thấy trước mặt, khi chúng ta nhận ra nó là cái gì thì nó đã không còn nữa. Mọi thứ

biến diệt mau lẹ hơn sự tưởng tượng của chúng ta nữa. Vì vậy hễ còn có mặt hiện hữu trên đời này thì chúng ta còn dây dưa với hằng hà vô số cái khổ.

Hôm qua tôi đã nói rồi, khổ có 3: Tất cả những gì làm cho mình khổ thân khổ tâm: *khổ khổ*. Sự biến mất những gì làm cho mình sung sướng: *hoại khổ*. Chính sự có mặt trong tam giới này mới có cơ hội cho chúng ta gánh hai cái khổ trước: *hành khổ*. Có mặt trong tam giới này dù ở hình thức nào cũng là khổ. Đừng nghĩ rằng sanh ra ở cõi này thì khổ mà sanh ra ở cõi kia thì sướng thôi bây giờ ta bỏ cõi này ta cầu nguyện vãng sanh ở cõi kia, đó là một thứ lầm lạc. Không biết rằng mọi hiện hữu là khổ, cứ cho rằng có chỗ này đáng ở, chỗ kia đáng sống, suy nghĩ như vậy được gọi là vô minh trong khổ đế.

Tất cả cái khổ của khổ đế được khởi đi, được gầy dựng từ 6 ái. Sáu ái là gì?

Là thích trong những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, và suy tư. Nếu thích trong cảnh dục thì chết sẽ trở về cõi Dục tiếp tục sống trong cõi Dục; nếu thích trong thiền Sắc giới thì (phải ly dục, tu các đề mục) sau đó chết sẽ trở về cõi Phạm Thiên Sắc giới. Đắc thiền Sắc giới rồi nhưng không vừa lòng thỏa mãn với thiền Sắc giới thì tiếp tục ly dục để tu tập thiền Vô sắc để sanh về cõi Vô sắc cao hơn. Nói gom lại, dù thích cái gì cũng là tham ái, thích cái gì cũng là nằm trong 6 ái. Chính 6 ái này là nguồn cội để chúng ta tái sanh về các cảnh giới, và chính 6 ái này là lý do, điều kiện, nguyên nhân, yếu tố để chúng ta tiếp tục có mặt, tiếp tục hiện hữu. Tất cả cái khổ của khổ đế được khởi đi, được gầy dựng từ 6 ái. Sáu ái là gì?

Là thích trong những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, và suy tư. Nếu thích trong cảnh dục thì chết sẽ trở về cõi Dục tiếp tục sống trong cõi Dục; nếu thích trong thiền Sắc giới thì (phải ly dục, tu các đề mục) sau đó chết sẽ trở về cõi Phạm Thiên Sắc giới. Đắc thiền Sắc giới rồi nhưng không vừa lòng thỏa mãn với thiền Sắc giới thì tiếp tục ly dục để tu tập thiền Vô sắc để sanh về cõi Vô sắc cao hơn. Nói gom lại, dù thích cái gì cũng là tham ái, thích cái gì cũng là nằm trong 6 ái. Chính 6 ái này là nguồn cội để chúng ta tái sanh về các cảnh giới, và chính 6 ái này là lý do, điều kiện, nguyên nhân, yếu tố để chúng ta tiếp tục có mặt, tiếp tục hiện hữu. Tất cả cái khổ của khổ đế được khởi đi, được gầy dựng từ 6 ái. Sáu ái là gì?

Là thích trong những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, và suy tư. Nếu thích trong cảnh dục thì chết sẽ trở về cõi Dục tiếp tục sống trong cõi Dục; nếu thích trong thiền Sắc giới thì (phải ly dục, tu các đề mục) sau đó chết sẽ trở về cõi Phạm

Thiên Sắc giới. Đắc thiền Sắc giới rồi nhưng không vừa lòng thỏa mãn với thiền Sắc giới thì tiếp tục ly dục để tu tập thiền Vô sắc để sanh về cõi Vô sắc cao hơn. Nói gom lại, dù thích cái gì cũng là tham ái, thích cái gì cũng là nằm trong 6 ái. Chính 6 ái này là nguồn cội để chúng ta tái sanh về các cảnh giới, và chính 6 ái này là lý do, điều kiện, nguyên nhân, yếu tố để chúng ta tiếp tục có mặt, tiếp tục hiện hữu. Tất cả mọi hiện hữu đều là khổ, không hiểu được mọi hiện hữu đều là khổ gọi là vô minh trong khổ đế. **Không hiểu được 6 ái là gốc tạo ra khổ đế là vô minh trong tập đế. Không hiểu được có một trạng thái nằm ngoài khổ đế và tập đế là vô minh trong diệt đế.** Muốn chấm dứt khổ, chấm dứt tái sinh nhưng cứ loay hoay trong những pháp môn nằm ngoài Bát chánh đạo, giống như khát nước mà uống nước muối. Vấn đề ở đây không phải mình là người Phật tử nghe giảng Bát chánh đạo rồi tôn sùng Bát chánh đạo là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát. Tác dụng dẫn đến giải thoát của Bát chánh đạo không phải là vấn đề tôn giáo mà là vấn đề khoa học. Sẽ có những người không tin Phật nói với chúng ta: *Tu thì có nhiều con đường giải thoát lắm mà đạo Phật thì chỉ biết có Bát chánh đạo thôi cho nên đạo Phật cho rằng Bát chánh đạo là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát thật ra các tôn giáo khác cũng có đường hướng tu hành dẫn đến giải thoát.* Họ nói gì thì nói nhưng chúng ta phải biết lý do vì sao đạo Phật đặt nặng Bát chánh đạo. Vì tất cả cái khổ của chúng ta khởi đi từ sự hiểu lầm, Bát chánh đạo là con đường giúp chúng ta lìa bỏ sự hiểu lầm đó. Mọi thứ trong trời đất vũ trụ này chỉ là những gì rất đỗi mong manh, có mặt chớp nhoáng, tồn tại hư ảo, phù du, ngắn hạn; tùy duyên mà có tùy duyên mà mất, nên không có gì đáng cho chúng ta ghét hay thích. Và trong con người cũng vậy, không có con người nào đáng để cho chúng ta ghét hay đáng để chúng ta yêu. **Trong toàn bộ vũ trụ này chỉ có hai hạng chúng sinh: người đáng thương và người dễ thương, chứ không ai dễ ghét cả.** *Người đáng thương* là những người đang sống trong bất thiện, đang chịu khổ. Những người đang thiện, đang sướng là *người dễ thương*. Vì không biết Tứ đế nên mình cứ ghét cái này, thích cái kia, từ chuyên môn trong đạo Phật gọi là *tham ưu*. Trong Tứ Niệm Xứ, Phật dạy: *Vị tỳ kheo sống quán thân trên thân, tinh cần tỉnh giác chánh niệm, diệt trừ tham ưu ở đời. Tham* nghĩa là chạy theo, ôm ấp, thích thú, đam mê; *ưu* là chống đối, bất mãn, ghét sợ. Một người sống chánh niệm thì không chạy theo thích thú cũng không bất mãn chống đối. Chỉ có Bát chánh đạo mới cho người ta một nhận thức đúng đắn về bản chất thực sự của vũ trụ, của thế giới. Đó là lý do tại sao Bát chánh đạo là *đạo đế*, là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát.

Chính vì vô minh trong Bốn đế nên mới có 3 hành. (phi phúc hành, phúc hành và bất động hành)[2]để tiếp tục tái sinh trong tam giới (Dục, Sắc và Vô sắc giới). Có

nhiều vị trời, nhìn thấy dấu hiệu báo tin Bồ tát vừa nhận lời giáng trần tu hành thành Phật độ sinh thì nghĩ ngay: *ta sẽ đến gặp ngài*. Có vị thấy Bồ tát đản sinh ở vườn Lumbini thì cũng nghĩ rằng: *ta sẽ đến khi ngài thành đạo.* Có vị thấy Bồ tát bỏ ngai đi tu trong Khổ hạnh lâm thì nghĩ: *ta sẽ đến nghe ngài thuyết pháp*. Nhiều người đã nghĩ như vậy, nhưng tuổi thọ của loài người ngắn quá. Cõi Dục Thiên thấp nhất là cõi Tứ thiên vương cũng sống được 9 triệu năm nhân loại. Năm mươi năm của cõi nhân loại bằng một ngày đêm ở cõi Tứ thiên vương, một trăm năm của nhân loại bằng một ngày đêm của cõi Đao Lợi, hai trăm năm của nhân loại bằng một ngày đêm của cõi Dạ Ma… Họ sống lâu quá nên khái niệm thời gian không giống cõi Nhân loại nên từ khi họ nhìn thấy Bồ tát và dự định đến gặp Ngài đến khi họ chợt nhớ ra và đến hầu Ngài thì chỉ còn dịp nhìn thấy Ngài lần cuối cùng trong đêm Niết bàn mà thôi (Theo chú giải Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ Kinh). Dân sang nhất thế giới này là dân VN, từ cõi trời đi xuống nên mình rất thong thả, "không ăn đậu không phải người Mễ, không đi trễ không phải người VN". Thông báo giảng từ 5 giờ sáng mà giờ này chỉ có chừng này người, một lát nữa các vị vô thì tôi đã không còn nữa. Chính vì vậy mà vị Phạm thiên nói: *Mạng sống bị dắt dẫn, Tuổi thọ chẳng là bao, Bị dẫn đến già nua, Không có nơi dừng bước. Ai đem tâm quán tưởng, Sợ hãi tử vong này.* Tôi chọn giảng năm giờ sáng để sau đó tôi còn có nguyên một ngày. Giảng càng trễ thì dở dang không đi đến đâu. Tôi chọn cách làm việc của người Âu Mỹ, đúng giờ là làm việc. Thậm chí ngày mai không ai vào lớp tôi vẫn tiếp tục giảng, bên cạnh tôi có người, tôi giảng cho một người nghe cũng được. Tôi học ở Đức Phật câu chuyện này: Chỉ vì để gặp du sĩ ngoại đạo tên là Upaka mà từ gốc bồ đề đi về thành Vương Xá Ngài cố ý đi bộ thay vì dùng thần thông. Ông Upaka thấy Ngài đẹp nên hỏi: "*Ngài có phải là thần tiên?*
". Đức Phật trả lời: *Ta chỉ là một người tỉnh thức, một người giác ngộ*. Nghe vậy, Upaka nói: *Vậy cũng hay*. Đức Phật nói: . Đức Phật nói: Mai sau khi nào nhớ đến ta, cứ đi tìm ta và hỏi "**bậc chiến thắng đang ở đâu"**, sẽ có người chỉ đường. Về sau Upaka đi lang thang và được một người thợ săn đem về hộ độ. Con gái của người thợ săn chăm sóc ông và lửa đã gần rơm. Gia đình người thợ săn thấy Upaka không có nghề nghiệp gì nên kêu ông đi theo cuộc săn để lượm thú về. Cô vợ ở nhà chế ra một khúc hát[3]ru con: "*Nín đi con, nín đi con, đứa con trai của người du sĩ, vì một chút tình bỏ hết nợ nước mây, giờ trở về đi lượm thú, lượm chim trong rừng cây để sống. Nín đi con, nín đi con, đứa con trai của người du sĩ ngày nào giờ đã bỏ mộng nước mây…".* Upaka nghe khúc hát bỗng thấy sốc. Ngày xưa trời rộng bao la giờ thương một người đàn bà dốt nát quê mùa, mượn lời hát ru con mà mỉa mai chồng. Upaka nhớ lời đức Phật, lên đường đi tìm Ngài.

Khi đến chùa Kỳ Viên, ông xin xuất gia và đắc quả A-la-hán. Vợ ông dắt con đi tìm chồng, cũng xuất gia và đắc quả A-la-hán. Chỉ vì một chút nhân duyên của vị này thôi mà Đức Thế Tôn đã đi bộ từ gốc Bồ đề về thành Vương Xá để chuyển pháp luân. Trong đời Đức Phật có nhiều trường hợp như vậy, trường hợp cuối cùng là một chút từ bi đối với thợ rèn Cunda. Trong bữa ăn cuối cùng đó, thay vì nhận của nhiều người tiếng tăm, đại thí chủ, Đức Thế Tôn chọn nơi hẻo lánh và nhận bữa ăn cuối cùng từ một người thợ rèn. Những hình ảnh đẹp nhất trong đời Đức Phật mà tôi lưu ý chính là những gì nhỏ nhặt nhất. Chúng ta cứ tưởng một Bậc đại giác như vậy trước khi Niết bàn sẽ có những sắp xếp ghê gớm cho đại sự về sau, nhưng không, Ngài chú ý những chuyện rất nhỏ nhặt. Chuyện lớn đã giải quyết rồi, trước đó mấy ngày, Ngài liên tục thuyết *những pháp bất thối* để gìn giữ giềng mối tăng già mai hậu, nhưng trong những ngày tháng cuối, Đức Phật vẫn để ý những chuyện chi li sắp xếp cho đời sau. Ngài dặn ngài A Nan *"Sau này ta mất rồi, chúng tỳ kheo gọi có tôn ti một chút, nhỏ gọi lớn là Bhante, lớn gọi nhỏ là Avuso"*. Tôi nghĩ đó là chuyện nhỏ vậy mà Ngài bận tâm chuyện đó. Ngài còn dặn ngài Ananda: *"Sau khi ta mất rồi sẽ có tiếng đồn xấu cho Cunda, rằng thì là ta trọng bệnh vì ăn bữa cơm cuối cùng của Cunda. Hãy an ủi rằng, trong đời Như Lai chỉ có hai bữa cơm công đức vô lượng là của nàng Sujātā, nhờ bữa cơm đó mà ta có sức lực để thiền định và trở thành vị Chánh Đẳng Giác, bữa cơm thứ hai là của Cunda, bữa cơm cuối cùng trong đời của một vị Chánh Đẳng Giác, sau bữa cơm này ta viên tịch Niết bàn. Hãy nói với Cunda đó là hai bữa cơm quan trọng nhất trong đời vị Chánh Đẳng Giác"*. Chưa hết, Ngài còn dặn ngài Ānanda, *"Sau khi ta mất, tỳ kheo Channa xưa giờ rất kiêu ngạo, ỷ công đánh xe đưa ta đi xuất gia, từ đó sanh tâm kiêu ngạo không tôn trọng, không nhận lời nhắc nhở của ai hết, khi ta mất rồi, để giúp đỡ Channa, hãy dặn chư tăng bỏ lơ Channa một thời gian (*tiếng Phạn gọi là "phạm đàn" nghĩa là đừng dòm ngó gì hết*), đợi đến khi nào Channa cảm thấy hối hận đến ăn năn sám hối mới nhìn mặt và giúp đỡ"*. Ngài dặn thêm ngài Ananda: *"Khi ta mất rồi, tăng chúng tỳ kheo đừng quan tâm cúng dường thân xá lợi của ta, mà hãy dành việc đó cho cư sĩ, những người có niềm tin, việc quan trọng mà chúng tỳ kheo phải làm là tu tập 37 pháp Trợ bồ đề"*. Những giây phút cuối cùng của vị Chánh Đẳng Chánh Giác đẹp như vậy đó. Đẹp không phải vì những chuyện ghê gớm to tát mà đẹp là vì quan tâm đến những việc cần thiết bất kể chuyện đó lớn nhỏ thế nào trong mắt người đời nhận xét. Trong lý tưởng đó, tôi nghĩ mọi người chúng ta nếu cái gì cần làm thì làm, còn điều kiện bối cảnh ra sao thì tùy duyên vậy. Khi mình nói với nhau là năm giờ mình bắt đầu học, thì dù chỉ có một người tôi cũng nói. Thật ra mà nói, tôi nghĩ rằng cho đến hôm nay, tất cả mọi người trong room vẫn có nhiều

người không hiểu lý do tại sao có lớp học này, thậm chí có người còn ngờ những lý do rất là bất thiện nữa. Xin thưa rằng, chỉ một lý do duy nhất: hơn mười năm nay thỉnh thoảng tôi vào room Phật pháp, hoặc nghe youtube, hoặc các trang web có audio giảng pháp, tôi có một chút giựt mình, sợ hãi vừa chạnh lòng khi thấy rằng thật là khó hiểu khi Phật tử Nam Tông Bắc phái số người hiểu Phật pháp biết ngoại ngữ nhiều lắm vậy mà khi giảng Kinh Tạng người ta hoàn toàn không đả động gì đến cái gọi là chú giải hết. Tôi rất lấy làm lạ khi họ chỉ lật Trung Bộ Kinh ra, nhìn bản dịch của HT Minh Châu, họ dùng kiến thức tiếng Việt của họ, họ nghĩ ra làm sao thì họ dịch y chang như vậy. Chẳng hạn như bài kinh sáng nay, trong bài kinh có chữ "công đức": "*Ai đem tâm quán tưởng, Sợ hãi tử vong này, Hãy làm các công đức…".* Tăng ni, Phật tử ai mà chẳng hiểu chữ công đức này, thế là cứ giảng "công đức" là bố thí, trì giới v.v... Giảng như vậy không đến nỗi sai, nhưng không sát với nội dung bài kinh. Chỗ này có lệch một chút cũng không sao, nhưng có những bài kinh rất là quan trọng mà trình bày theo cách nghĩ cá nhân thì kẹt ghê lắm. Thứ nhất là bản thân mình không có điều kiện tiếp xúc được cái gọi là pháp nhũ, Phật thân. Thứ hai là mình không cho người nghe có cơ hội tiếp cận lời dạy uyên nguyên của Đức Phật. Không có gì đáng tiếc cho bằng tuệ giác của một vị Chánh Đẳng Giác mà được diễn dịch bằng trí tuệ phàm phu. Đó là một trong những điều thiệt là đáng tức và thực là đáng tiếc. Chính HT Thích Nhất Hạnh trong một bài viết ngắn, hình như là bài *Đi như một dòng sông*, có nói một câu mà tôi rất tâm đắc: *Điều đáng tiếc nhất là thành tựu trí tuệ, suy tư sâu sắc và cực kỳ minh triết của Đức Phật đã bị phàm phu đời sau diễn dịch theo nhãn quan thiển cận của họ và áp đặt lên những diễn dịch đó, bằng hai chữ "Phật ngôn" rất đỗi ngậm ngùi.* Phật không có nói như vậy, mình cứ giải thích theo ý của mình rồi gắn chữ Phật ngôn lên đó có phải là mình đổ oan cho Ngài không, Ngài có tầm thường như vậy không, Ngài có nông cạn thiển cận như vậy không mà mình cứ tùy hứng và một phần là nghĩ đến thính chúng là dốt nên tha hồ muốn nói sao thì nói?

Tôi nhớ VN có cái này vui lắm, mình nói hay nói dở gì họ cũng lên cúng bao thơ, nói hay nói dở gì họ cũng vỗ tay, nói hay nói dở gì họ cũng "sadhu" bể cái chùa, nói hay nói dở gì cứ thuyết trên ba thời pháp thì gọi là pháp sư, nói hay nói dở gì miễn có một lớp học thì được gọi là giảng sư. Nhiều khi chỉ giảng cách đọc kinh Pāḷi hoặc Pháp cú, cứ đem câu chuyện ra mà kể xong rồi tán hươu tán vượn chút xíu là có lớp học Pháp cú. Kể cũng lạ, kinh điển rất là nhiều nhưng không hiểu sao cứ coi Pháp cú như là lá cờ của Nam Tông. Có một ông ở Jacksonville bên Mỹ nói với tôi thế này: *"Thầy nói con Bắc tông chớ con đọc kinh Nam tông. Quyển Đức Phật và Phật pháp với quyển Pháp cú con đọc tới đọc lui không biết*

bao nhiêu lần". Ổng tưởng nói vậy cho tôi vui, nhưng tôi nghe tôi càng thêm hận, bởi vì hai quyển đó đâu đủ để đại diện tiêu biểu cho giáo lý nguyên thủy, giáo lý Pāḷi đâu. Sau này tôi phát hiện ra là do ổng vào trong mấy cái room chỉ nghe được chừng đó thôi. Mình đánh giá, nhận xét về Phật pháp mà thông qua hai cuốn đó thì… không phải tôi chê, nhưng mà hơi nghèo. Gia tài ông bố mình để lại gồm có tám muôn bốn ngàn công đất, trong đó có hằng hà sa số những nhà kho chứa đầy châu báu, tự nhiên mình hốt ra có một thau một thúng, thì uổng quá. Lý do ra đời của lớp học này chỉ là một chuyện rất là nhỏ thôi; mong sao nó là một chút gợi ý cho những vị đang hoặc sẽ giảng Kinh Tạng sau này. Tôi mong lớp học này chỉ là một que diêm, chỉ là một tiếng động nhỏ, nhắc nhớ cho thiên hạ hãy giải thích kinh tạng theo chú giải đi, rồi mai mốt giải Luật tạng, A-tỳ-đàm tạng theo chú giải đi, chứ còn mình suy diễn, diễn dịch theo ý mình thì sau này sẽ không còn gì hết. Trong kinh, Đức Phật dạy rằng: *Này các tỳ kheo, thuở xưa có một địa phương tên là Amaka có cái trống bằng da rất tốt, mỗi lần trong làng có chuyện gì cần hội họp thì người ta đánh cái trống đó lên. Lâu ngày cái trống đó có cái tên là trống Amaka,* giống như mình có trống Ngọc Lũ, Đông Sơn vậy. *Trống này bằng da nên lâu dần nó bị lủng, người ta dùng da vá lại, vá nhiều lần nhiều lỗ, dù vá bao nhiêu đi nữa nó vẫn mang tên là Trống Amaka. Này các tỳ kheo, rồi một ngày kia hình dáng chất lượng của trống cũ không còn nữa nhưng người ta vẫn gọi đó là trống Amaka. Này các tỳ kheo, sẽ có một ngày, sẽ có một thời, giáo pháp của Như Lai bị hiểu sai, bị xuyên tạc báng bổ nhưng người ta không biết và người ta vẫn cứ gọi đó là lời dạy của Đức Phật, lời dạy của Như Lai.* Sẽ có một ngày chúng ta vào chùa thấy cúng bái xin xăm gieo quẻ thờ phụng tào lao nhưng vẫn để tấm biển to là Chùa, Đạo Tràng… Có chuyện rất lạ lùng khó hiểu và rất đáng tiếc là toàn bộ PG hôm nay được đặt trên nền tảng của Tam tạng dầu là Hán Tạng hay Pāḷi tạng nhưng tủ Kinh Tạng trong mỗi chùa là một nơi chốn mà hiếm được người ta chú ý đến nhất. Đó là một điều rất là đáng buồn. Cho tôi nói câu này dễ ghét một chút, ví dụ thôi, nếu đúng là chùa của tôi, và Phật tử đúng là đệ tử, học trò của tôi, thứ nhất là trong chùa tôi, tôi sẽ dành cho đại tạng một vị trí quan trọng cực kỳ, và thay vì làm tháp thờ xá lợi tôi sẽ làm tháp thờ Tam tạng. Vì sao, vì tôi không tin xá lợi, không phải vì tôi không tin Phật mà vì tôi quá quí Đức Phật, tôi nghĩ nhiều lắm Ngài để lại 5kg xá lợi. Thử nghĩ trong hằng hà sa số vũ trụ biết bao nhiêu người có thần thông có đức độ họ muốn thờ xá lợi của Đức Phật, họ xứng đáng hơn mình nhiều; Chư thiên Phạm thiên trong hằng hà sa số vũ trụ, đến cả trong kinh nói lá y Ngài mặc người ta cũng đem thờ, cái nắm tóc Ngài bỏ đi trong lúc đi xuất gia Đế thích cũng đem về thờ, có nghĩa là chút xương của Ngài khi đã thành Phật còn quí cỡ nào nữa; mình tu hành đàng

hoàng chư thiên còn cho mình thờ chứ mình tu tào lao đời nào chư thiên họ để cho mình. Tôi không tin là hôm nay trên hành tinh này còn xá lợi Đức Phật. Nếu có thì hiếm ghê lắm chỗ đó phải có cao tăng thạc đức tu hành mới có, dù quí vị nghe rất là phiền nhưng tôi vẫn phải nói là tôi không tin xá lợi. Có là có ở đâu chứ ở trên hành tinh này tu kiểu cà chớn làm gì chư Thiên để cho mình thờ, cái quan trọng hơn chính là Tam Tạng. Nhưng khổ một chỗ, tủ Tam Tạng thì chùa có chùa không, mà nếu có thì Phật tử không biết trong đó là cái gì, không ai thèm dòm ngó. Chỗ đáng dâng hoa dâng hương quỳ lạy đó chính là Tam Tạng, vì đó là gốc của PG. Nếu là đệ tử của tôi thì tôi cũng sẽ hướng dẫn họ chú trọng Tam Tạng hơn hết, vì họ chỉ là Phật tử khi họ biết dòm ngó Tam Tạng. Chuyện vô cùng quan trọng nữa là càng hiểu nhiều Phật pháp thì công đức lúc bố thí trì giới sẽ lớn hơn. Trong A-tỳ-đàm có nói thiện hợp trí và thiện ly trí, tức là tâm thiện có trí đi cùng. Đừng tưởng tâm thiện hợp trí của tôi, của ông A, và ông B giống nhau. Cái tâm đại thiện hợp trí của ông A khác ông B vì cái biết của ông A nhiều hơn hoặc ít hơn ông B. Càng biết nhiều về Đức Phật thì khi lạy Phật công đức nhiều hơn, còn mù tịt về Đức Phật thì khi lạy Phật cũng giống như lạy một ông thần. Khổ một chỗ là Phật tử không được nhắc những chỗ này, cứ cắm đầu cắm cổ làm phước, cứ móc túi móc tiền ra cúng. Càng dốt Phật pháp chừng nào thì tâm hợp trí càng nhỏ càng bé, càng ít tác dụng chừng nấy. Mắc chứng gì vô chùa sợ Tam Tạng sợ kinh điển, sợ kinh cắn hay sao mà không dám học. Đi nói xấu tăng ni thì dám nói mà đi học đạo thì sợ bị la, vì sao, bởi vì mình là người cõi trên xuống, coi thường thời gian, coi trăm năm chỉ là rác, coi thường cơ hội gặp Chánh pháp. Đối với người Miến, họ quý cơ hội học Phật pháp, cơ hội trau dồi trí tuệ, cơ hội hành thiền lắm. Ý thức thời gian là mong manh, làm ơn làm cái gì đó cho đáng. Cơ hội của con rùa mù 100 năm trồi lên mặt biển một lần mà chui đầu vô lỗ ván là cơ hội khả thể (possibility) rất thấp. Cơ hội làm người còn khó hơn. Ngày xưa tôi nghĩ trong kinh dọa thôi, giờ già thì mới tin. Một ngày mình sống bằng tâm con người không nhiều, mà bằng tâm thú nhiều hơn: đói ăn khát uống, đực cái, trống mái, nam nữ tìm nhau. Ai đụng tới mình thì mình phản ứng tự vệ "cẩu xực xí quách"; dù mình có là tiến sĩ, bác sĩ, luật sư gì đi nữa cũng chỉ quẩn quanh cách sống đó thôi. Nếu mình sống như cái gì thì khi chết về với cảnh giới đó, mình sống với tâm của loài nào thì mai mốt mình về cộng trú với loài đó. Kiếp người ngắn ngủi và làm ơn nhớ điều này, chúng ta có 100 đồng, chia ra thành 5 tờ 20 đồng, giá trị của tờ nào cũng ngang nhau. Nhưng 100 năm của kiếp người thì không giống như vậy, 20 năm đầu đời mình có biết gì đâu, mình chỉ chớm trưởng thành, từ 20-60 thì chững chạc ngon lành, nhưng từ 60-80 thì hai

mươi năm đó sẽ không như giai đoạn 20 năm của những năm trước đó, khi đó bệnh tật già nua tràn về, còn từ 80 -100 thì chờ vất đi.

Nhớ cái so sánh trên mới thấy bài kinh này là bài kinh đáng để lưu tâm, Phạm Thiên nói sống ít quá chứ nếu ráng tu thiền về cõi Trời sống lâu hơn. Đức Phật mới nói rằng: Sợ chết rồi tu thiền về cõi trên, sống hết tuổi thọ rồi cũng về cõi yểu nữa. Vì vậy Ngài sửa lại bài kệ của Phạm Thiên một câu thay vì: "*Ai đem tâm quán tưởng, Sợ hãi tử vong này,* Hãy làm các công đức*, Đưa đến chơn an lạc"* Ngài nói: *Ai đem tâm quán tưởng, Sợ hãi tử vong này,* **Hãy bỏ mọi thế lợi***, Tâm hướng cầu tịch tịnh."* Theo chú giải, "Làm các công đức" ở đây là tu tập các tầng thiền định để về Phạm thiên. Thế lợi là *Lokāmisaṃ.* Nếu không đọc chú giải, chỉ dùng kiến thức Hán Việt sẽ giảng "thế lợi" là danh lợi, lợi ích vật chất của thế gian. **Thế lợi** ở đây trong tiếng Pāḷi chỉ cho **3 hành**[4]. Ba hành là từ 4 vô minh mà ra. **Tịch tịnh**là Niết bàn. Cái quan trọng nhất của người Phật tử là phải biết 4 thứ vô minh này. Bốn đế là toàn bộ vấn đề của vũ trụ, là toàn bộ vấn đề của sinh tử, là toàn bộ vấn đề của phàm và thánh. Nội dung bài kinh Chuyển Pháp Luân nói gì?

Bốn thánh đế là nội dung chính của bài kinh Chuyển pháp luân. Nếu Bốn thánh đế là một vấn đề nhỏ, tầm thường thì một vị Chánh Đẳng Chánh Giác nhất thiết trí như vậy sao lại lấy làm đề tài để chuyển pháp luân?

Khi Ngài giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân thì cả ngàn vũ trụ bị chấn động. Sau buổi học này, mong là bà con dù Nam hay Bắc tông hãy nhớ khái niệm căn bản về Bốn đế. Hôm trước tôi về Sài Gòn gặp mấy cô tu nữ. Tôi nói với họ rằng, chúng ta còn rất nhiều chuyện phải làm trong việc học hiểu Phật pháp. Tôi hỏi một cô Phật tử: *Giữ giới là sao?*

Cô ấm a ấm ớ đại khái là "không phạm giới". Hiểu như vậy là chết rồi. Một đứa bé còn bú nằm trong nôi làm sao phạm giới, vậy nói là nó đang giữ giới hay sao?

Giữ giới có nghĩa là gặp hoàn cảnh thử thách cám dỗ, lẽ ra phải phạm nhưng mình không phạm, đó mới gọi là giây phút giữ giới. Mình không nhớ mình là tỳ kheo, sa di, cư sĩ.., đang chạy xe ngoài đường, giây phút đó đâu phải là giữ giới. Giới chỉ được kể là giới khi mình có lòng tác ý mà thôi. Nếu như mình sống bình thường, vẫn nghe pháp, vẫn xem kinh, vẫn kinh hành, vẫn tọa thiền, nhưng bỗng có tiếng nhạc đâu đó vọng tới đúng ngay bài nhạc mình thích mà mình vẫn chánh niệm; hoặc buổi chiều đói lắm, mình nghe mùi chiên xào thơm phức, thèm lắm, người ta mời mà mình vẫn không ăn, đó là giữ giới. Tôi còn hỏi vị đó: *Thế nào là chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng*?

Các vị có tin nổi không, 4 cô tu nữ lanh lẹ xông xáo của chùa Phước Sơn, đi chung một xe khoảng hai chục cô, xung phong trả lời. Một cô trả lời: *Chánh*

nghiệp là nghề nghiệp chơn chánh. Trời nóng mà nghe câu trả lời tôi càng nóng hơn. Tôi hỏi một cô im lặng: *Cô có học Vi diệu pháp không*. Cô đáp: *dạ có*. Tôi nói cô trả lời, cô nói, *"Chánh ngữ là nói lời chân chánh"*. Người ngồi kế bên hích cùi chõ cô một cái *"Không phải nói lời chân chánh mà lời nói chân chánh"*. Còn chánh mạng thì suy nghĩ cả buổi rồi trả lời: *"Nghề nghiệp chân chánh*"; *chánh nghiệp thì trả lời là "hành động chân chánh"*. Xin hỏi bà con, ba cái định nghĩa đó có đúng chưa, có đủ chưa?

Tôi gợi ý cho quí vị một chuyện, cái định nghĩa Bát chánh đạo từ hồi đó đến giờ tăng ni Phật tử VN phổ biến trao truyền cho nhau cứ giải thích như vậy đó. Nếu quí vị nói đúng thì tôi cũng đồng ý là đúng nhưng không đủ. Vì sao?

Ở đây ai có học A-tỳ-đàm thì biết, Bát chánh đạo có mặt đầy đủ trong một sát na thánh đạo; khi mình từ phàm sang thánh thì diễn biến tâm lý lúc đó phải có xuất hiện một tâm thánh đạo, thí dụ như tâm Sơ đạo, Nhị đạo, Tam đạo, Tứ đạo. Ngay trong tâm Sơ đạo có đủ Bát chánh đạo; nếu định nghĩa "chánh ngữ là lời nói chân chánh, chánh nghiệp là hành động chân chánh, chánh mạng là nghề nghiệp chân chánh" thì tôi xin hỏi, trong một sát na tâm, (theo A-tỳ-đàm giải thích, chỉ một búng ngón tay là vô số sát na tâm sanh diệt) thì 3 thứ định nghĩa này làm sao lọt vô được một sát na?

Hiện giờ tôi đang uống một loại thuốc, Herba S, thuốc này chiết suất từ bông và trái Artichaut. Bên cạnh đó tôi cũng đi chợ mua bông Artichaut. Khi tôi cầm hộp thuốc Herba S này tôi thấy có ghi chữ Artichaut nhưng Artichaut này không giống như cái Artichaut tôi nấu trong nồi. Nó vừa giống và vừa khác. Cái viên thuốc nhỏ xíu mà tôi uống nó cũng là Artichaut, mà cái bông tôi bỏ vào nồi nấu cũng là Artichaut. Cái bông nó to cỡ nào mà viên thuốc nhỏ cỡ nào. Chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng nói ở trên cũng vậy… Bữa nay tôi lên trú xứ trên núi để làm cỏ, cưa cây khô, hôm qua mới mua cây cưa điện, giờ tôi phải đi rồi, khổ lắm chớ không phải sướng như bà con tưởng. Chúc bà con một ngày vui, ngày mai gặp lại.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên

[1] Xem bốn vô minh trong bài giảng ngày 22-5-2014

[2] Xem 3 hành trong bài Kinh Bộc Lưu giảng ngày 22-5-2014

[3] Một bản dịch khác:

"- Ầu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan

Cha con ẩn sĩ... lượm thịt săn giữa rừng

Ầu ơ... ẩn sĩ rớt bát nửa chừng

Vì con, vì vợ còng lưng tháng ngày."

(Ngàn xưa hương bối- Minh đức Triều Tâm Ảnh)
[4] Xem 3 hành trong bài kinh Bộc Lưu

Bài giảng ngày 25-5-2014 BAO NHIÊU PHẢI CẮT ĐOẠN (Katichindasutta)

Bài kinh số 4 (Bài kinh số 4 (*Thời Gian Trôi Qua*) có nội dung trùng với bài số 3 () có nội dung trùng với bài số 3 (*Đưa đến đoạn tận*) nên chúng ta bước qua bài số 5:) nên chúng ta bước qua bài số 5: *Bao nhiêu phải cắt đoạn.*

Tựa đề theo chánh kinh, bản dịch của HT Minh Châu: **"Bao nhiêu phải cắt đoạn"**.

"Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Phải cắt đoạn bao nhiêu,

Phải từ bỏ bao nhiêu,

Tu tập thêm bao nhiêu,

Vượt qua bao trói buộc,

Để được có danh xưng,

Tỷ-kheo **vượt bộc lưu**?

"

Trong trường hợp này "vượt bộc lưu" là danh từ. Nguyên phẩm này toàn là những vị Trời xuống hỏi pháp. Những bài kinh có điểm tương đồng thì người ta gom lại cho gọn. Nước chảy mạnh là *cuồng lưu, bạo lưu, bộc lưu*. Chữ '*ogha*' này có hai nghĩa: phiền não hay luân hồi cũng được gọi là Bộc lưu, trong trường hợp đặc biệt nào đó. Phiền não được gọi là cuồng lưu, bạo lưu vì chúng cuốn phăng chúng ta đi biền biệt, đầy bất trắc, không lường trước được nơi về. Một bậc thánh như vị Tu-đà-hoàn, Nhị quả hoặc Tam quả, đi đâu về đâu còn đoán ra, còn hành trình sinh tử của một kẻ phàm phu thì vô cùng bất trắc. Chín giờ đêm tối nay ta còn đang là một vị bác sĩ đứng đầu bệnh viện nhưng hai giờ sáng hôm sau rất có thể ta tái sinh vào bụng của một con chuột nái nằm dưới ống cống của bệnh viện đó. Chuyện đó không có gì lạ. Sáng hôm nay ta là một người ăn mày ở một góc phố nghèo hẻo lánh, rất có thể đêm nay ta là vị Trời ở cung trời Đao Lợi có một tòa lâu đài cao vút đầy vàng bạc, âm thanh ánh sáng mùi hương như ý. Đó là hành trình sinh tử của kẻ phàm phu. Kẻ phàm phu dứt khoát không thể được gọi

là *kẻ vượt khỏi bộc lưu* vì người như chúng ta chỉ như những chiếc lá bị cuốn phăng trên đó nên trong trường hợp này chữ '*oghatiṇṇo'* này chỉ dành cho vị thánh mà thôi. Ở đây Đức Phật trả lời rất ngắn gọn và Ngài biết rằng trả lời như vậy đã quá đủ cho người hỏi rồi. Trong chánh kinh Đức Phật trả lời như thế này: *Tu tập thêm năm pháp (lực), Vượt qua năm trói buộc, Để được có danh xưng, Tỷ-kheo "vượt bộc lưu",* diễn dịch theo ngôn ngữ chúng ta bây giờ là như thế này: ngôn ngữ chúng ta bây giờ là như thế này: Để xứng đáng với danh hiệu là một người vượt bộc lưu thì đương sự phải **từ bỏ năm pháp, tu tập năm pháp** và phải v**ượt qua năm thứ trói buộc** thì mới xứng đáng là vượt bộc lưu.

Có người phản ảnh với tôi, trong lúc thuyết giảng tôi nói quá nhanh. Cái room này độc đáo một chỗ là giống thực tế như ngoài đời: chánh pháp vẫn còn đó thôi nhưng người nghe chánh pháp thì có những điều kiện đặc biệt; chánh pháp vẫn còn đó thôi mà có người không nghe được chánh pháp bởi vì họ ở trong một hoàn cảnh đặc biệt. Tam Tạng còn đó mà có người không hề biết tới, tôi vẫn còn đó mà có người không nghe thật là độc đáo.

Thế nào là "thánh"?

Mặc Tử, Mạnh Tử cũng được gọi là thánh, thậm chí làm thơ hay như Lý Bạch cũng gọi là thánh, nhất là dân chat trên mạng ở VN cũng phong thánh cho bất cứ ai nổi trội về một mặt nào đó, trong khi PG Nam Tông chữ *thánh* rất khó xài, không phải trường hợp nào cũng xài chữ *thánh* được đâu. Bây giờ đi vào sớ giải, ở đây Đức Phật dạy rằng muốn được gọi là một vị vượt bộc lưu, nói nôm na là xứng danh một bậc thánh phải là người tối thiểu phải có khả năng làm mất đi được phàm tánh của mình, chẳng hạn như vị Sơ quả Tu-đà-hoàn, vị này không còn khả năng luân hồi nhiều hơn bảy kiếp. Các vị cứ tưởng tượng dòng luân hồi thăm thẳm, "tiền tiền vô thỉ, hậu hậu vô chung", xét về trước không biết bắt đầu từ hồi nào, nhìn về sau không biết kết thúc ở điểm nào. Đức Phật từng dạy: *Này các tỳ kheo nếu lấy tất cả cây cối trên hành tinh này, chẻ nhỏ thành từng que, số cây trên hành tinh này có thể hết đi nhưng số lần ai đó làm cha làm mẹ kể không hết.* Ngài từng dạy máu lệ đổ ra trong luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển hôm nay bởi vì dòng luân hồi dài lắm.

I. Năm hạ phần kiết sử (Olambhāgiyāsam-yoyanā)

Muốn vượt khỏi bộc lưu, để được gọi là hiền thánh đúng nghĩa thì năm pháp cần phải vượt qua, cắt đứt, đó là **năm hạ phần kiết sử**. '*Oram'* là 'bên dưới', 'hạ

liệt', '*uddham'* là 'ở trên'*,* '*kamadhatu'*: 'dục giới'. Năm hạ phần kiết sử gồm có: *thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, và sân*.

1. Thân kiến (*ahankara* – chấp là tôi, *mamankara* – chấp là của tôi): *cái nhận thức sai lầm cho rằng là đây là tôi, đây là của tôi - ngã và ngã sở.*

Nói chuyên môn một chút, tôi có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, 5 uẩn đó là tôi và tôi có danh sắc đó; mắt mũi tai này là của tôi và tôi chính là mắt mũi đó. Có lần Đức Phật đến thăm một vị tỳ kheo, Ngài hỏi có đau đớn lắm không, vị tỳ kheo đó đáp: *Bạch Thế Tôn, đau đớn đến nỗi con nghĩ là chết tốt hơn là tiếp tục sống mà chịu đựng nỗi đau đó.* Đức Phật dạy rằng: *Trước mắt ngươi đừng nghĩ rằng cơn đau đó là của tôi, tôi chính là cơn đau đó, danh là danh và sắc là sắc, cả danh lẫn sắc đó không phải là ngươi, cái mà ngươi vẫn nghĩ rằng nhiều đời nhiều kiếp đây là tôi đây là của tôi là một thứ ngộ nhận*. Đối với tôi, đây là một cách cầu an tuyệt vời bậc nhất dành cho người đang bịnh. Ngài từng dạy rằng hãy tâm niệm dù có bị xơ gan, bị ung thư, bị ruột thừa, bị cái gì đi nữa thì cũng đừng để tâm bịnh, đừng để tâm mình cuốn vào trong đó. Có thể nói rằng thân kiến chính là gốc của sanh tử, một vị Tu-đà-hoàn khi không còn thân kiến nữa thì khả năng sinh tử của vị này bị cắt đứt, chỉ còn tái sanh nhiều lắm là trong vài kiếp nữa bằng cái trớn (quán tính).

2. Hoài nghi: Sự hoang mang nghi hoặc không biết tôi là ai, ở đâu tôi tới, tôi sẽ đi về đâu, và bây giờ tôi nên làm cái gì. Đó là một thứ phiền não, là con đẻ của thân kiến.

Khi chúng ta còn khỏe, còn trẻ, chúng ta theo đạo Hồi, đạo Phật, đạo Chúa và trọn vẹn niềm tin. Khi không có đau bệnh nặng, không mất mát, không chịu cảnh sinh ly tử biệt, khi đang giàu có, quyền lực, thì mình hết lòng tin Chúa, tin Phật, và hết lòng tin vào lý tưởng chính trị này, lãnh tụ chính trị kia, nhưng một khi chúng ta bị đau bệnh nặng hoặc đối diện với nỗi khổ nào quá lớn thì đâm ra bàng hoàng hoang mang. Từ bàng hoàng chuyển qua hoang mang chỉ một giây thôi. Mình không biết mình là ai, từ đâu tới và sẽ đi về đâu. *"Trời ơi là trời, tôi làm cái gì mà chồng tôi/vợ tôi đối xử với tôi như vậy. Trời ơi là trời, tôi có ăn ở thất đức gì đâu mà cha mẹ tôi, con cái tôi, lìa bỏ tôi. Tôi có ác đức, có làm cái gì đâu mà bị lừa đảo, thân bại danh liệt thế này"*. Khi khổ quá mình không biết phải làm gì. Khi vui vẻ thì mình có vẻ hạnh phúc lắm và dễ dàng có thứ hạnh phúc thơ ngây, nhưng khi đối diện với nỗi khổ niềm đau lớn quá lúc đó mình mới nhận ra một điều là mình biết về mình quá ít. Chẳng hạn như giáo sư Rhys Davids, một học

giả nghiên cứu về Phật học Pāḷi và cũng là con chim đầu đàn của Hiệp hội The Pāḷi Text Society. Vị này khi còn khỏe mạnh dành hết thời gian, công sức, tiền bạc để nghiên cứu Phật pháp đùng một cái đứa con trai yêu quý qua đời, vị này bất mãn vì sao mình đã dành cuộc đời cho Phật pháp mà bị đại họa lớn như vậy, vị đó chuyển qua Thông thiên học. Thông thiên học là một giáo phái coi nặng Đức Phật Di Lạc, trong đời không gặp được Đức Phật Thích Ca thì dốc lòng dốc sức để gieo duyên lành chờ gặp đức Phật ra đời tựa như Cao Đài, Hòa Hảo Việt Nam chờ hội Long Hoa, chờ Thánh vương ra đời.

Tôi nhớ một câu chuyện thế này, có một anh chàng bị bệnh tâm thần, cứ tưởng mình là một hạt thóc, nhìn thấy con gà nào cũng cuống quít lên chạy trốn. Anh đi chữa bệnh bằng phân tâm học, và sau một thời gian điều trị, tình trạng đã có vẻ khả quan. Khi chia tay bác sĩ, anh nói với một giọng quả quyết: *"Bác sĩ cứ yên tâm, tôi khỏi bệnh rồi. Tôi là một con người, không phải là một hạt thóc".* Nhưng chỉ vài phút sau, anh hối hả chạy trở về phòng mạch, mặt cắt không còn hột máu. *"Con gà... con gà nó đuổi tôi"*, anh lắp bắp. *"Sao vậy?*

*"*Người bác sĩ ngạc nhiên. *"Anh khỏi rồi mà. Anh đâu phải là hạt thóc"* – "*Vâng*", anh chàng buồn bã trả lời. *"Vẫn biết tôi không phải là hạt thóc, nhưng khốn nỗi con gà nó vẫn tưởng tôi là hạt thóc..."*. Với nhiều người đó là câu chuyện cười nhưng với tôi đó là một câu chuyện rất là minh triết, minh họa cho cái gọi là phàm phu của chúng ta. Trước khi biết Phật pháp, chúng ta nghĩ rằng *đây là tôi, đây là của tôi*. Khi ai đó nói gì đó làm gì đó mà chúng ta thấy họ xúc phạm mình, làm tổn thương mình, làm cho mình bị sốc, bị đau khổ mình ngủ không được, hoặc khi ai đó khen tặng mình khi mình được danh dự, quyền lực, chức vụ nào đó mình sung sướng ngủ cũng không được, trong những trường hợp đó chúng ta bị cuốn hút mãnh liệt ghê lắm. Nhưng đến khi mình biết đạo rồi, mình thấy cái gì cũng là đồ giả thôi. Khổ thay, mình chưa cắt bỏ 5 hạ phần kiết sử, có nghĩa là thân kiến vẫn còn nguyên đó, hoài nghi vẫn còn nguyên đó, cho nên học cho vui vậy thôi, miệng nói như con nhồng con sáo con cưỡng vậy thôi, chớ khi mình bị ai đó nói hay bày tỏ biểu lộ cử chỉ mình cho là xúc phạm làm tổn thương mình thì phải nói mình chịu không nổi còn khi cuộc đời khen tặng vinh danh thì sung sướng mất ngủ. Thân kiến hoài nghi vẫn còn đó y hệt như anh thanh niên nói trên, lúc đầu anh ta tưởng mình là hạt thóc sau không biết mình không phải hạt thóc nhưng lại sợ mấy con gà không biết điều đó, có nghĩa là cái biết của ảnh có vấn đề. Có nhiều Phật tử học được 3 mớ Vi diệu pháp, dự vài ba khóa thiền rồi cảm thấy mình cao siêu rồi từ đó sinh kiêu ngạo. Trong số những người tôi quen có số người bị tâm bịnh mà chỉ có trời cứu thôi. Họ đam mê Phật

pháp, họ nghiên cứu Kinh Tạng, không từng biết Vi diệu pháp, mà chỉ bỏ thời gian nghiên cứu Kinh Tạng thôi. Nhìn qua không thấy ai nghiên cứu như họ, như vậy họ là độc tôn rồi. Điều đáng tiếc và đáng buồn là khi mình chấp đây là tôi, đây là của tôi đã đành rồi mà còn có cái bậy thê thảm hơn nữa là biết đạo rồi thì mình vẫn tiếp tục chấp mà chấp theo kiểu khác. Ngày xưa mình chấp đây là danh của tôi, đây là lợi của tôi, đây là vợ con chồng con của tôi, đây là nhà cửa của tôi còn bây giờ biết đạo rồi mình chấp thủ đây là kiến thức của tôi đây là cái đạo hạnh của tôi đây là trí tuệ của tôi đây là thiền Quán thiền Chỉ của tôi…

Nếu mình có cái nghi hoặc ở mình thì mình cũng sẽ nghi hoặc ở người khác và nghi hoặc cả cuộc đời này. Cái nghi hoặc đó quan trọng lắm, nếu mình biết rõ tất cả chỉ là chừng đó những thành tố do duyên mà có, do duyên mà mất và mọi thứ đang chờ vô thường đang chờ bị biến hoại, nếu hiểu đúng như vậy thì ổn rồi. Nếu chúng ta còn có gút mắc nào đó đối với cuộc đời, đối với những người mình thương, đối với những người mình ghét, đối với những người mình tôn trọng và đối với những người mình coi thường thì rõ ràng chúng ta còn nhiều vấn đề lắm. Nếu chúng ta có cái nhìn của bậc thánh thì đơn giản lắm, nó chỉ là nó, không thêm bớt, không vẽ vời tô điểm, không suy diễn, không suy luận.

3. Giới cấm thủ: Sự tuân thủ những giáo điều/ tín điều nằm ngoài Bát chánh đạo, hướng tới cứu cánh giải thoát không phải Niết bàn.

Khi mình không biết rõ mình là ai, mình là cái gì ở đâu mình tới, sẽ đi về đâu thì sẽ dẫn đến hệ lụy thứ ba đó là những khi mình thấy mình khổ quá, cô đơn hiu quạnh quá thì mình rất dễ dàng tìm đến chỗ nương tinh thần nào đó nằm ngoài tinh thần của Bát chánh đạo. Đức Phật gọi cái sự tùy miên và bất cẩn đó là giới cấm thủ, ví dụ như hành trì và tuân thủ những tín điều lạ lùng như thờ ông Tư bà Tám, đạo nước nóng nước lạnh…hoặc khổ hạnh như bên Ấn Độ không mặc áo quần gì hết, lấy phân bò trét lên người, cả ngày treo chân, chỏng đầu v.v..., với ý mong được thanh tịnh hơn, mai mốt sẽ được về trời hoặc về cảnh giới thiên đàng nào đó, hoặc như bên Hồi Giáo họ tin nếu họ chết vì đạo thì về trời và mỗi đàn ông được 47 cô tiên đẹp tuyệt vời, mà tôi nghĩ trên đó họ không còn trùm mặt nữa, vì trùm thì còn gì đẹp nữa, chung quanh thì lúc nào cũng có dòng sông đầy rượu. Quí vị nghĩ xem thiên đường mà chỉ toàn gái đẹp và rượu thì làm sao mà mấy ông ôm bom tự sát lại không khoái, dù lúc còn sống ở cõi người thì đạo Hồi cấm tín đồ uống rượu, sa đọa, trác táng bê tha, nhưng phần thưởng lại hứa hẹn như vậy đó. Rồi cứ tin như vậy mà mỗi ngày năm lần hướng về thánh địa Mecca

cầu nguyện. Mỗi một năm có một tháng Ramadan, nhịn ăn một ngày, chỉ ăn trở lại sau khi mặt trời lặn. Đó gọi là Giới cấm thủ.

4. Dục ái: niềm đam mê chấp thủ trong 5 cảnh dục gồm: cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị và cảnh xúc. Cảnh sắc là những gì mình thấy, cảnh thinh là những gì mình nghe, cảnh khí là những gì mình ngửi bằng mũi, cảnh vị là những gì mình nếm bằng lưỡi, cảnh xúc là những gì mình biết được bằng xúc giác, sờ chạm. Một vị Phạm thiên Sắc giới họ không còn thích năm cảnh này nữa, mắt tai của họ chỉ dùng để nhìn nghe những gì cần thiết. Cặp mắt chúng ta là điều kiện sinh học cần thiết để mình sinh tồn và là phương tiện để mình hưởng thụ đời sống; có rất nhiều niềm vui của mình có được từ những cái mình thấy nhưng trên cõi Phạm thiên thì không. Tuy nhiên chỉ những ai đắc thiền về cõi Sắc giới, trong thời gian còn sống trên đó thì họ không thích năm cảnh dục nhưng khi hết tuổi thọ trở về cõi dục rồi thì "con đường xưa em đi", mọi thứ lặp lại như cũ. Các cõi Phạm thiên, cõi Dục Thiên giống y chang như căn phòng máy lạnh ở xứ nhiệt đới vậy đó, giữa khi mọi người nóng bức thì mình sung sướng trong phòng máy lạnh, nhưng hạn chế khi mình còn ở trong phòng đó thôi. Khi cúp điện hoặc tắt thì không còn mát nữa. Các cõi trời Dục Thiên hay Phạm thiên cũng chỉ là trạm dừng chân rất là ngắn hạn so với dòng luân hồi nhiều lắm là vài chục đại kiếp, các cõi Dục Thiên thì vài triệu năm, vài tỷ năm, cõi Tha Hóa Tự Tại của Ma vương chỉ có 9 tỉ rưỡi năm. Chỉ có vị thánh Tam quả A-na-hàm vĩnh viễn từ bỏ dục ái. Vị Tu-đà-hoàn còn có lúc thích này thích kia, bất mãn này bất mãn nọ ra mặt, nhưng đối với vị Tư-đà-hàm - Nhị quả thì sự bực mình ít đi nhiều lắm; sự thích thú trong cảnh dục ít đi nhiều lắm, vị Tu-đà-hoàn đã ít rồi vị Tư-đà-hàm ít hơn nữa. Vị Tư-đà-hàm dục ái còn ít vì họ đã chấm dứt thân kiến rồi.

*5. Sân là sự bất mãn trong hoặc ngoài cảnh dục.*Ví dụ khi hành thiền, mình phóng tâm hoài không tập trung được, cảm thấy bực mình; hoặc buồn vì sao mình ngu quá học hoài không hiểu đó cũng là sân, cái sân này không thuộc về cảnh dục mà là cảnh pháp. Có những người đi Ấn Độ đến Kusinārā nhìn thấy bức tượng Đức Phật nằm, họ biết đây chính là nơi Đức Phật viên tịch và là chỗ cuối cùng mà Ngài có mặt trên hành tinh này, nhiều người chịu không nổi, họ khóc. Tôi nghe người đi Ấn Độ về kể lại là không có ngày nào mà trong ngôi đền ở Kusinārā không có người khóc. Trong không khí đó, người ta có cảm giác Đức Phật vừa mới ra đi mà thôi. Trong bối cảnh đó, họ thấy rằng mình rất là gần với Đức Phật, một Bậc đại giác cái gì cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có, ấy vậy mà người ấy lìa bỏ mình mà đi, nghĩ tới điều đó mà người ta không cầm được nước mắt. Trường hợp đó gọi là *sân ngoài cảnh dục*.

Hai phiền não Dục ái và Sân thì phải đợi đến A-na-hàm mới chấm dứt được. Dục ái và sân đi một cặp với nhau. Chỉ có ở cõi Dục mới có dục ái, chỉ có ở cõi Dục mới có sân, là bởi vì ở trong cảnh giới thiền như Sắc và Vô sắc cái niềm vui do thiền định đem lại nó không bất trắc, không phức tạp như niềm vui có được từ 5 cảnh dục. Đó là lý do tại sao Dục ái và Sân đi một cặp, hễ có dục ái là dứt khoát có sân, mà thấy sân lảng vảng ở đâu là biết dục ái đang phảng phất ở đó. Ở cõi Dục có những cái mình nhìn mình thích, và có cái làm mình bực mình; âm thanh, mùi vị cũng vậy. Người nào thích cảnh dục, dứt khoát người đó còn tâm sân. Cảnh Dục là như vậy, lúc vầy lúc khác. Riêng cảnh thiền thì không như vậy, ví dụ, bây giờ 6 giờ sáng ngày 15 tháng Ba, tôi nhập sơ thiền bốn tiếng đồng hồ rồi tôi xả, rồi trở lại đời sống bình thường. Hai ngày sau tôi nhập trở vô sơ thiền bốn tiếng đồng hồ thì hễ mỗi lần tôi nhập sơ thiền cái cảm giác giống hệt nhau và không bao giờ có sự nhàm chán, thừa mứa. Niềm an lạc do thiền đem lại luôn luôn là vậy lúc nào cũng giống nhau hết. Hạnh phúc do năm dục đem lại không phải như vậy. Có cảnh dục trước đây hấp dẫn nhưng sau đó lại làm cho ta bực mình. Cảnh dục luôn luôn bất trắc là vì một đóa hoa đang đẹp sẽ héo đi, một bóng dáng ngày xưa mình từng mất ngủ vì lấy không được hôm nay mình mất ngủ vì bỏ không được. Ở đâu có dục ái ở đó có sân vì dục ái là niềm đam mê rất là thô thiển và cảnh giới đam mê đó vốn đầy bất trắc vậy nên nếu mình còn thích trong cái thô thiển thì còn đối diện với cái bất trắc của nó. Vị A-na-hàm thì không còn thích cảnh dục nữa, vì vậy vị này không còn sân tâm nữa. **Người nào trong đời sống còn nhiều đam mê vớ vẩn thì còn bực mình vớ vẩn. Đời sống càng đơn giản thì nội tâm càng bớt rắc rối.**

Trong bài kinh này Đức Phật dạy, muốn được gọi là một bậc hiền thánh, một bậc vượt khỏi bộc lưu thì việc đầu tiên là phải cắt bỏ năm hạ phần kiết sử này. Trong bài kinh này Đức Phật dạy, muốn được gọi là một bậc hiền thánh, một bậc vượt khỏi bộc lưu thì việc đầu tiên là phải cắt bỏ năm hạ phần kiết sử này. *Năm hạ phần kiết sử* là năm vấn đề phải cắt bỏ bằng trí Tam quả. Kiết sử (1), (2) (3) chỉ được cắt bỏ bằng trí tuệ sơ đạo của vị Tu-đà-hoàn. Kiết sử (4) (5) chỉ được cắt bỏ bằng trí tuệ Tam quả A-na-hàm.

Năm pháp cần phải cắt bỏ(cắt bỏ: (cắt bỏ: chindati) **là năm hạ phần kiết sử** (*Olambhāgiyāsam-yoyanā)*. . **Năm pháp cần phải từ bỏ** (từ bỏ: (từ bỏ: jaheti): **5 thượng phần kiết sử** (*uddhambhāgiyāsam-yoyanā)*, đó là sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Chỉ cần học cho kỹ 10 bài kinh đầu tiên bằng chú giải là đã có căn bản giáo lý. Đây là lý do tại sao chúng ta phải có lớp học này. Phật tử phải được học những cái này. Năm hạ phần kiết sử cần phải cắt bỏ để trở thành thánh nhân. *Thánh* ở đây là Sơ quả và Tam quả. Vì sao không nhắc Nhị quả?

Vì kẻ nào đắc Tam quả hoặc Tam đạo thì làm sao mà sót nhị đạo được. Một chuyện vô cùng quan trọng cần nhắc lại: **Tu thì không nên nghĩ mình đắc cái gì mà phải nghĩ là bỏ cái gì.** Phải nghĩ làm sao mình cắt bỏ thân kiến giới cấm thủ để trở thành Tu-đà-hoàn, làm sao cắt dục ái và sân để trở thành A-na-hàm tốt hơn là nghĩ làm sao để có được trí tuệ phước báu của Tu-đà-hoàn, A-na-hàm. Kẻ nào tu hành có ý mong được cái này đắc cái kia thì rất dễ kiêu ngạo, rất dễ bị ngộ nhận. Chẳng hạn, về mặt lý thuyết mà nói, trong tiến trình tu Vipassana, các ngài phân ra tuệ thứ nhất, tuệ thứ hai, tuệ thứ ba v.v... đây chỉ là những giai đoạn tâm lý mà hành giả phải vượt qua trước khi đạt đến thánh trí. Ví dụ: *Tuệ sợ hãi*, khi mình theo dõi hơi thở, theo dõi danh sắc, đến một lúc nào đó mình thấy cái chết thật đơn giản, có hơi thở ra mà quên đi vô là xong, danh sắc sanh diệt liên tục như vầy nghĩa là mình phải chết liên tục và tái sanh liên tục trong từng phút. Cái thấy này là cái thấy bằng toàn bộ sự thấm thía thật sự khiến cho hành giả phải sợ. Khi cái tôi của mình bị tấn công mãnh liệt, để thấy rằng cái tôi của mình không có cốt lõi và mình hoàn toàn không có điểm tựa nào để nương tựa trao gởi niềm tin về một cái tôi, một cái nào đó của tôi - cảm giác lúc này được gọi là *Tuệ sợ hãi*. *Tuệ nhàm chán* là khi muốn buông thì thấy "làm cho lắm cũng mắm với dưa", danh sắc cũng bị vô thường, đẩy về phía trước, không cách gì níu giữ, nghĩ thấy nản, tuệ đó gọi là *tuệ chán nản*. Tuệ chỉ là các giai đoạn tâm lý. Nói theo A-tỳ-đàm thì tuệ chỉ là tâm đại thiện dục giới. Một người không biết Phật pháp gì hết, đang theo đạo Hồi, đạo Chúa, hoặc một người vô thần không tin tôn giáo thì họ cũng có thể có tâm đại thiện, có điều tâm đại thiện đó là trí hoặc ly trí, trí của họ không có yếu tố Phật pháp trong đó. Tâm đại thiện chỉ là tâm lành, một người tu tập thiền quán nếu đủ duyên và tu đúng thì bắt buộc phải trải qua giai đoạn tâm lý này và những giai đoạn đó chỉ là tâm đại thiện hợp trí mà thôi. Có người đi trình pháp nghe thiền sư giải thích mình đang trải qua các tuệ gì thì mừng lắm rồi dòm bà con chung quanh như nhìn những con thú chỉ một mình mình là "đỉnh cao trí tuệ thôi". Lý tưởng của đạo Phật là bỏ, là buông, là lìa xa, đằng này mình quán danh sắc cho đã rồi thấy danh sắc này hay hơn danh sắc khác, tôi thấy tôi hay vì tôi hiểu lý vô ngã hơn người khác, ở đây không ai hiểu được lý vô ngã bằng tôi, tôi là hay nhất.... Tu là để bỏ, chứ không phải đắc cái này đắc cái kia; bỏ thân kiến, bỏ hoài nghi, bỏ giới cấm thủ - tu đúng chánh pháp mà nhận thức sai lạc

vẫn là giới cấm thủ. Ví dụ như đầu đà, một ngày ăn một buổi là để thiểu dục, để ly tham, để tri túc; đêm không nằm chỉ ngồi là để thiểu dục, ly tham, để có thời gian tỉnh thức thiền định, hiểu như vậy thì là hiểu đúng. Hạnh *ekasanikanga* (nhất tọa thực - một ngày chỉ ăn một lần, buổi sáng lỡ ăn một chén cháo là nhịn luôn tới trưa cũng không được ăn nữa) chỉ có một tác dụng duy nhất là làm cho mình thiểu dục, ly tham mà mình tưởng như là cái gì huyền bí cao siêu cũng là giới cấm thủ. Hoặc giữ giới sát sinh là vì thương chúng sinh, không muốn ai giết mình và mình không nên giết ai, nếu nghĩ giữ giới này để đi về cõi Trời nào đó cũng là giới cấm thủ. Tu là để bỏ chớ không phải để được. Nếu tu với ý để bỏ thì được nhiều cái lợi, càng tu càng thanh thản, càng thảnh thơi và rất khó mắc phải ngộ ngận tăng thượng mạn, còn nếu tu có ý để được cái này đắc cái kia thì rất dễ bị ngộ nhận và càng tu càng thấy nặng, nặng dữ lắm vì nay được cái này mai được cái kia.

II. Năm thượng phần kiết sử

1/ Sắc ái: là niềm đam mê thích thú trong ba thứ thuộc Sắc giới: thích thú trong các tầng thiền Sắc, thiền Lạc và cõi Phạm thiên Sắc giới

2/ Vô sắc ái: Thích thú đam mê trong các tầng thiền và đam mê trong sự an lạc do thiền Vô sắc đem lại. (Nói là cõi Vô sắc nhưng thật ra nó không có thật vì Phạm thiên Vô sắc không có hình tướng, vi tế hơn cả một làn khói nữa thì họ cần gì một trú xứ

3/ Ngã mạn: là sự so sánh mình với người khác. Tu-đà-hoàn chấm dứt thân kiến không còn chấp thủ rằng đây là tôi đây là của tôi nữa, nhưng vị đó còn một chút phân biệt là A hơn B, B hơn A; sự phân biệt đi kèm một chút thích thú trong đó. Vị A-la-hán thì không như vậy, vị A-la-hán không còn sự so sánh thú vị rằng A hơn B, B thua C.. các vị ấy nhìn A và B, C và F giống như nhìn bông hồng so với bông mai và bông cúc, bông nào cũng là bông không nhất thiết có sự phân biệt ở đây. Giống như khi mình là một người mẹ có một đứa con đẹp, quá ngoan, quá giỏi, quá nổi tiếng; khi đi rước con ở phi trường, nhìn quanh khi nó đi qua sẽ thấy rất khác những thanh niên khác và có cảm giác đặc biệt; nhưng nếu mình là người hàng xóm đi rước thanh niên này thì cảm giác khác. Khi có ngã mạn chen vô thì sẽ có cảm giác so sánh. Ngã mạn gồm có 3 cách phân loại:

Cách 1: Như thật mạn: (*yathàvamàna*) kiêu mạn nhưng căn cứ trên sự thật cộng với sự so sánh và Hư ngụy mạn: (*ayathàvamàna*) không dựa vào sự thật mà do

mình tưởng tượng suy diễn không đúng sự thật mà vẫn ngã mạn. Vị thánh hữu học (Tam quả trở xuống) vẫn còn sót lại Như thật mạn, cũng còn so sánh.

Cách 2: Ngã mạn được chia làm ba: so sánh hơn, so sánh bằng và so sánh thua.

Cách 3: Ngã mạn được phân thành 9: (3 x 3) mình hơn người ta mà nghĩ rằng mình bằng người ta, mình hơn người ta mà nghĩ rằng mình thua người ta, mình hơn người ta và thấy rằng mình hơn người ta; mình bằng người ta mà nghĩ rằng mình hơn người ta, mình bằng người ta mà nghĩ rằng mình thua người ta, mình bằng người ta và thấy rằng mình bằng người ta; mình thua người ta mà nghĩ rằng mình hơn người ta, mình thua người ta mà nghĩ rằng mình bằng người ta, mình thua người ta và nghĩ rằng mình thua người ta. Trong 9 ngã mạn này, vị thánh hữu học còn sót lại 3, tuy không còn thân kiến nhưng còn so sánh.

Có lần đó Đức Phật đi nhập hạ trên cõi Đao Lợi, ngày ra hạ, Ngài trở về cõi Người, ngài Mục Kiền Liên biết Ngài sẽ xuống chỗ nào nên thông báo cho chư tăng Phật tử là Đức Thế Tôn sẽ trở về cõi Người ở địa điểm đó, thành Sankassa. Mọi người ngồi thấy hơi lâu nên hỏi ngài Mục Kiền Liên Thế Tôn đã rời khỏi cõi Đao Lợi chưa. Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ rất nhanh: *Ở đây có tôn giả Anuruddha là vị đệ nhất về thiên nhãn* (có khả năng nhìn 1000 vũ trụ như nhìn trái sung trong lòng bàn tay)*, hãy nhân dịp này để cho mọi người thấy, biết đến khả năng đặc biệt sở trường của vị này*. Ngài nói: *Các vị hãy đến hỏi tôn giả Anuruddha đi, đó là vị đệ nhất thiên nhãn*. Rõ ràng là ngài Mục Kiền Liên không hề ngã mạn ở đây, ngài "xử việc chứ không xử người", vì lợi ích chúng sinh mà làm, còn chúng ta thì sao, không phân biệt được cái mình thích và không phân biệt được cái mình cần, cứ cái nào thích thì lao vào, còn bậc thánh thì chỉ làm cái mình cần, mà lạ lắm, **khi cùng nhau một việc sẽ thương nhau, khi cùng thích một việc sẽ ghét nhau**.

4/ Phóng dật. Phóng dật là sự phiền não nhẹ nhàng của sự thiếu tập trung.

Có nhiều người cho rằng những phiền não nào mà còn dai dẳng đến quả vị A-la-hán mới trừ bỏ được thì đó là phiền não ghê gớm nhất, dai dẳng, bền bỉ nhất, còn những phiền não mà bậc thánh thấp trừ được thì đơn giản dễ trừ bỏ, suy nghĩ đó là hoàn toàn sai. Không phải những phiền não Tu-đà-hoàn trừ được là dễ đâu mà là quan trọng bậc nhất, nguy hiểm nhất, khó trừ nhất, những phiền não còn sót lại là không đáng kể, còn sót lại vì Ba-la-mật chưa đến mức chín muồi ví như gốc cây đã nhổ rồi, chỉ còn sót lại vài ba nhánh cỏ dại. Cái ngã mạn của một người không còn thân kiến thì rất nhẹ. Còn thân kiến mới là nặng, thân kiến là mẹ ruột

của hoài nghi, là nguồn cội của luân hồi. Những người còn dục ái và sân, nhìn còn thấy được vì họ còn thích cái này ghét cái kia, còn với những vị không còn dục ái và sân thì không thể nhìn mà biết được trong lòng họ nghĩ gì, nên khi mình nhìn vị A-na-hàm và A-la-hán mình không thể phân biệt được, những gì còn sót lại trong lòng vị A-na-hàm chỉ là vài cọng cỏ dại, cái định của vị này chưa chín muồi 100%, khi nào ra khỏi định thì tâm còn lan man một chút. Nên nhớ là phóng dật của chúng ta còn đầy chất ngất, là một cánh đồng lúa cò bay thẳng cánh, còn phóng dật của vị A-na-hàm thì như những hạt cơm còn dính sót lại trong chén.

5/ Vô minh. (Xem lại bốn thứ vô minh trong bài Bộc Lưu). Được gọi là thánh nhân là phải thấy rõ Bốn đế, giây phút nào ta chưa là A-la-hán thì cái thấy của ta về Bốn đế còn khiếm khuyết, cái thấy của ta còn khiếm khuyết là còn vô minh trong Bốn đế. Ở trong bộ Atthasālinī, Sớ giải bộ Pháp Tụ có cho một ví dụ thế này: Một người đang đi trong bóng đêm mịt mù bỗng nhìn thấy một tia chớp lóe lên trong bầu trời đêm và nhờ ánh sáng của tia chớp đó người khách bộ hành này đã kịp nhìn thấy trước mặt mình có nhà cửa, hồ nước, lâu đài hay là vực thẳm, kịp nhìn thấy có thể đi được nữa hay không hay là vực thẳm trước mặt. Sau khi tia chớp tắt rồi, người này có nhận thức rõ ràng có gì phía trước mặt mình, so với người mù so với người không thấy tia chớp, nhưng vì tia chớp quá nhanh nên người này chỉ có khái niệm, có nhận thức như vậy và vẫn tiếp tục đi trong bóng đêm, đây là ví dụ cho vị Tu-đà-hoàn. Vị Tư-đà-hàm giống như người khách bộ hành đó nhìn về phía trước nhưng trời chớp lên lần thứ hai. Khi trời chớp lên lần thứ hai thì nhận thức của vị này về con đường phía trước rõ hơn nữa. Vị A-na-hàm thì được nhìn thấy giống như trời chớp thêm một lần thứ ba. Đối với vị A-la-hán thì trời đã sáng hẳn, trời sáng hẳn rồi không cần chớp nữa. Đó là lý do vị A-na-hàm vẫn còn vô minh, vì Ba-la-mật chưa có tới. Và nhận thức về Bốn đế của vị này vẫn còn một chút gì đó. A-na-hàm chỉ trừ dục ái và sân, vị này vẫn còn thích trong Sắc và Vô sắc ái, còn một chút thích như vậy đó nghĩa là cái biết của vị này còn chút vấn đề. Sở dĩ A-na-hàm còn vô minh vì vị ấy còn thích trong ái và Vô sắc ái, vậy là còn một chút vô minh trong khổ đế và như thế sẽ còn một chút vô minh trong tập đế và như vậy cũng còn một chút vô minh trong diệt đế và tất nhiên là sẽ còn chút vô minh trong đạo đế. Ví dụ như nói hút thuốc là không tốt mà nếu người nào đó còn hút thuốc, nghĩa là trong cái biết của họ về tác hại của thuốc, về khí quản, hô hấp không rành, còn chút nghi nghi và họ không vượt qua được.

III. Năm quyền

Để trở thành một vị thánh nhân Thế Tôn dạy *"Phải cắt đoạn đến năm:* hạ phần kiết sử*; Phải từ bỏ đến năm* thượng phần kiết sử và *Tu tập thêm năm pháp".* Năm pháp cần tu tập là **năm quyền**: *Tín, tấn, niệm, định, tuệ.*

Tín là niềm tin. Cái này mà giảng cho đúng ý của tôi thì phải giảng đến 9 giờ (hai tiếng đồng hồ) nhưng thôi tôi phải giảng sơ sơ, cắt ngang ở đây thì lòng không yên, lỡ như tôi mệnh chung hay quí vị mệnh chung... Đức Phật nói **có 3 điều làm cho người ta chết không nhắm mắt: làm quá nhiều điều ác, làm quá ít điều lành, và còn có cái gì đó dang dở.**

Trong room có người hỏi "Tại sao gọi là *bất động hành*?

", chữ 'bất động' này trong chú giải giải thích, không có gì đặc biệt, 'bất động' ở đây có nghĩa là so với Dục, so với Sắc thì thiền Vô sắc được xem là an toàn hơn, bởi vì Dục giới liên hệ với Sắc đã đành rồi mà Sắc giới cũng còn ít nhiều liên hệ với Dục bởi vì cũng còn có hình danh sắc tướng. Ví dụ mình muốn tu đề mục đất, hay đề mục hơi thở, muốn sanh về Phạm thiên thì mình tu 31 đề mục. Phần lớn đề mục Sắc giới còn dính líu tới vật chất, cái gì dính tới vật chất thì còn chút gì đó mong manh bất trắc. Còn riêng Phạm thiên vô sắc thì tuyệt đối không còn gì gọi là vật chất hay sắc pháp nữa, họ không còn bất cứ tổn thương nào về vật chất, chỉ còn tâm không thôi; vị đó có thể toàn tâm toàn ý sống trong cảnh giới thiền định của mình mà tuyệt đối không gì có thể can thiệp vào được. Ví dụ, đối với Phạm thiên Sắc giới, họ có thể gặp Đức Phật và Đức Phật còn có thể gặp họ, riêng Phạm thiên Vô sắc thì đến cả Đức Phật cũng không nhìn thấy, Ngài chỉ biết các vị đó có tồn tại chứ không nhìn thấy, lý do là họ có cái gì đâu để nhìn. Nên nói đến an toàn tuyệt đối trong Tam giới là chỉ có cõi Vô sắc thôi, đó là lý do vì sao nói là bất động (*aneñja*).

1. Tín quyền: Đức tin. Niềm tin vào *Tam Bảo, thầy bạn, pháp môn*.

Tin Phật: là tin rằng có một người trước đây giống y như mình một ngày kia thấy đời là khổ bỗng khởi đại bi đại trí, phát nguyện trở thành một người giúp đỡ cho kẻ khác. Kể từ ngày đó người ấy huân tập tu hành vô lượng công đức trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng pháp lành đến một ngày người ấy trở thành vị Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết giảng chánh pháp cứu độ chúng sinh.
Tin Pháp: Pháp không phải là những công trình tác phẩm do chư Phật tạo ra. Pháp những công thức trong vũ trụ được Đức Phật đem ra soi sáng cho chúng ta thấy, dù Như Lai có ra đời hay không thì ai tu đúng Bát Chánh Đạo cũng thành thánh nhân, cuộc đời này cũng vô thường vô ngã… Chánh pháp có điều đặc biệt,

mình đọc mỗi ngày câu này quí vị có nhớ không: *Svākkhāto bhagavato dhammo sanditthiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattam veditabbo viññūhīti*.[1]Chữ ehipassiko rất là đặc biệt. *Ehipassiko*có nghĩa là thách thức mọi thử nghiệm, ai nghi ngờ cứ suy tư, tìm hiểu. *Ehi* là tới đây, *passiko* là nhìn thấy. *Akaliko*là vượt ngoài khái niệm thời gian. Phật pháp là con đường duy nhất mà Bậc đạo sư kêu gọi mọi người hãy biết nghi hoặc con đường dưới chân của mình, đừng tin điều gì đó mà chỉ vì nghe người ta nói đây là lời dạy của Thế Tôn. Trong một bài viết tôi có nói, chúng ta đừng giống như những con cá lia thia lớn lên trong một chậu kiếng rồi e ngại tự do, không dám suy tư, không dám nghi ngờ không gian xung quanh mình. Con cá như vậy đã đành, con người mình được sinh ra tự do thoải mái càng không nên để cho ý thức chính trị văn hóa tôn giáo nào đó ràng buộc mình.

Tin tăng là thế nào?

Có người nghĩ qui y tăng là qui y những vị cạo đầu đắp y xuất gia trong chùa trong miểu. Đó là cách hiểu vô cùng nguy hiểm, vì nếu một ngày nào đó mình bất mãn với cá nhân một vị tăng nào đó thì Tăng trong lòng mình không còn đẹp nữa, khi đó Phật đâu còn nữa, Pháp thì trừu tượng. Theo sớ giải giải thích: Tăng là những thánh nhân từ Sơ đạo trở lên đến A-la-hán, gọi là *tăng bất tử, tăng bất hoại*. Thánh nhân ở đây bao gồm nam phụ lão ấu, tăng tục, miễn họ là thánh nhân. Một phàm tăng thì còn có thể phạm giới, hoàn tục, kiếp sau sanh ra không còn là tăng nữa, tăng đó không phải là tăng bất hoại, tăng bất tử. Một vị đắc A-la-hán thì dù có gì đi nữa, vị đó vẫn là A-la-hán; vị Tu-đà-hoàn cũng vậy.

Sabrahmachari: thầy, bạn (HT Minh Châu dịch là đồng phạm hạnh). *Sa*: cùng với, giống chữ *co*-(chung, cùng, cộng với), co+ pan: người chia sẻ miếng bánh mì với mình; *companion, coexit … Mitta* là bạn bè, *metta* là từ mẫn, *metta* là người có tâm từ, *mitta*là tâm trạng của bạn bè đối với nhau. Trong trang *namtong.org,* tôi có mấy bài viết so sánh những điểm tương đồng giữa tiếng Pāḷi với tiếng khác. Ví dụ trong tiếng Pháp, câu hỏi bắt đầu bằng Q (*Que, Quand, Qu'est. Qui*), trong tiếng Anh, bắt đầu bằng chữ W (*who, what, where, why, when*), trong tiếng Pāḷi là chữ K (*Kuhim* = ở đâu. *Ko* = who, *Kim* = what), Đức (*wie, wenn*).

Niềm tin nơi thầy bạn là không bất mãn, không nghi ngờ thầy bạn về giới luật, tri kiến, đạo tình. Xem kinh Tâm Hoang Vu (Cetokhilasutta), Trung Bộ Kinh phần đầu. Khi tu mà bất mãn về Tam Bảo, thầy bạn, pháp môn thì không đi xa được. Hiểu đúng mới tin đúng. Riêng chuyện hình thức thôi thì Tàu làm tranh tượng

khác người Việt, tranh tượng Phật của Tàu có tướng của người giàu có. Thái Lan thì Phật phải có cơ bắp, chữ V, Việt Nam thì nhìn cải lương, tay chân không cân đối. Mỗi tướng tốt của Đức Phật có được từ một đức lành, tu vô số kiếp về một cái hạnh nào đó mới được cái tướng đó. Ba mươi hai đại nhân tướng là từ một núi công đức mới được vậy. Nếu mình thờ Phật thì phải hiểu những công đức mà Ngài đã làm đã hình thành nên những nét đẹp của Ngài, xem bài Tướng Kinh (Lakkhana Sutta), Trường Bộ kinh để biết tướng gì do phước gì. Cố ý tránh không nói chuyện "bà tám" là được công đức rất lớn, bỏ được thói quen "bà tám" thì đời đời sinh ra cái gì cũng hơn người ta.

Tin pháp môn là sau khi nghiên cứu kỹ thì mình chọn pháp môn để tin.

2. Tấn quyền: Nỗ lực trừ cái ác chưa có (1), nỗ lực trừ cái ác đang có (2), nỗ lực tu cái thiện chưa có (3), nỗ lực giữ lại thiện pháp đã có (4). Ví dụ, thấy Phật pháp mình còn có nhiều chỗ dốt chưa biết, phải ráng học, đó gọi là tinh tấn thứ (3). Tôi thấy tính tôi nóng, tôi muốn bỏ cái tính này: (1) và (2). Để đối trị với một tật xấu, cần (1) và (2). Chỉ nghĩ "sao tôi có cái tật gì kỳ vậy ta" là đã có tấn quyền rồi.

3. Niệm. Tấn không đi một mình được, cần phải có trí, có tín, có niệm, nếu không có niệm làm sao biết mình có tật xấu. *Tín, tấn, niệm, định, tuệ* phải đi chung với nhau, thiếu trí, thiếu niềm tin thì không thể tấn được…

4. Định:

Sát na định (*khanikasamadhi*) là khả năng tập trung chớp nhoáng ngắn hạn (đang lái xe, vẽ hình, nấu ăn). Có thể lắp ghép sát na định nhiều lần để ngồi trong nhiều tiếng đồng hồ

Kiên cố định *(Appanasamadhi)* là khả năng định tâm của người chứng đắc thiền.

Cận định *(Upacarasamadhi)* cố tình trau dồi định tâm bằng một đề mục nào đó mới có thể đạt tới cận định, đây là giai đoạn sửa soạn để bước vào sơ thiền. Với cận định này mình có thể ngồi trong nhiều giờ đồng hồ sung sướng hạnh phúc an lạc không đau nhức gì hết. Ngày xưa ở VN có một nhân vật tôi thương quý vô cùng, đó là thầy Ấn Minh, thầy có thể ngồi nhiều ngày không ăn uống không đói khát hay tiêu tiểu gì hết, sau đó do hoán duyên thầy hành trì theo hình thức khác. Đó là nhân chứng sống về định. Mỗi tầng thiền đều có cận định, đối với người đại căn đại duyên thì giai đoạn sửa soạn này không có.

5. Tuệ: Khả năng nhận biết đó là cái gì, (biết đây là thiện hay là ác, là danh hay là sắc…), biết rõ nó vận hành ra sao (tam tướng, nhân quả…)

IV. Vượt qua 5 trói buộc

Vượt qua: *atikkanta,* trói buộc: *sango*. Bên Bắc Tông có một vị luận sư tên *Asanga* (Vô Trước) nghĩa là không dính mắc; còn nickname của tôi là *Osanga*nghĩa là… "Ở sân ga".

Năm trói buộc là: Ái nhiễm (*ragasanga*), Sân hận (*dohasanga*), si mê (*mohasanga*) ngã mạn (*manasanga*), tà kiến (*ditthisanga*).
Có lúc Đức Phật gọi 'tham ái' là *raga*, vì động từ *ragajati* là 'nhuộm màu', *nhiễm* là 'nhuộm'; có lúc Ngài gọi 'tham ái' là *tanha* (Pāḷi), nghĩa là khát nước, tiếng Skt: *thishna = thirsty* (na ná nhau cho dễ nhớ). (na ná nhau cho dễ nhớ). *Tham ái* là thích trong 3 ái. là thích trong 3 ái. **Sân** là sự bất mãn trong và ngoài cảnh dục. là sự bất mãn trong và ngoài cảnh dục. **Si**gồm si hoài nghi, si phóng dật, phóng dật ở đây là thiếu khả năng định tâm, riêng hoài nghi ở đây là vô minh trong 4 đế. gồm si hoài nghi, si phóng dật, phóng dật ở đây là thiếu khả năng định tâm, riêng hoài nghi ở đây là vô minh trong 4 đế. **Mạn** có 3 cách..[2]; ; **Tà kiến**, nói rộng có 62, kể gọn chỉ có 2: *đoạn kiến* là phủ nhận cái gì mình không chứng minh được bằng khả năng bản thân như chuyện tái sinh, nghiệp lý, các cảnh giới, sự chứng đắc; *thường kiến* là tin vào một cái gì thuộc ngã, mà không biết gì về cấu trúc lắp ráp và tùy duyên của vạn hữu (tin vào cõi thiên đường, cực lạc, tin vào cái tôi nào đó, tin vào linh hồn…). Ví dụ Bà La Môn giáo tin tâm thức như con chim, thân xác như cái lồng, thân xác già bịnh chết giống như cái lồng chim bị hư nhưng thần thức, linh hồn sẽ như con chim bay qua chiếc lồng khác, lồng hư nhưng con chim vẫn còn. Theo A-tỳ-đàm thì không có chuyện đó. Mọi thứ là sát na trước diệt nhường chỗ cho sát na sau. Dầu là về danh hay là về sắc, đó là một tiến trình trôi chảy liên tục, cái sau có được từ sức đẩy của cái trước. Nói về nhân quả thì trái xoài này được tạo ra từ (hột) trái xoài trước nhưng không phải là trái xoài trước và không có trái xoài nào tồn tại quá 3 tháng. Hôm nay mình làm thiện làm ác, thì cái thiện ác hôm nay sẽ tạo ra thức tái sinh trong kiếp sau mình làm con này con kia; con đó được tạo ra bởi tâm thiện của đời này nhưng nó không phải là mình bây giờ. Ví dụ mình trở lại làm người con gái y hệt như bây giờ, người con gái đó đẹp xấu, giỏi dở, giàu nghèo, sang hèn, trí ngu thì những điều đó đều do đời này mình tạo nhưng người con gái đó không phải là người con gái của bây giờ mà người con gái đó là kết quả của những gì mà người con gái bây giờ đang làm ra. Không có cái gì đi từ đời này sang kiếp khác, ví dụ nói đi

đầu thai là trật, không hề có chuyện đi đầu thai bởi vì tâm này mất thì sẽ xuất hiện tâm tái sanh để mình có mặt ở chỗ khác, không bao giờ có chuyện có cái gì đi từ điểm A qua điểm B hết. Đó là tinh thần của Phật giáo Nguyên Thủy.
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên
[1] "Pháp của đức Thế Tôn đã khéo được thuyết giảng, hoàn toàn hiển nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng (Niết-bàn), và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ."
[2] Xem Ái, Sân, Si, Mạn… ở phần bài trước

Bài giảng ngày 26-5-2014 TỈNH GIÁC

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Có bao pháp mê ngủ, Khi pháp khác tỉnh giác?

Có bao pháp tỉnh giác, Khi pháp khác mê ngủ?

Có bao nhiêu việc làm Đưa ta đến trần cấu?

Có bao nhiêu việc làm Khiến ta được thanh tịnh?

Suttā: 'giấc ngủ', 'mê ngủ', 'sợi chỉ', 'kinh điển'.

Jāgarā: 'tỉnh giác' (giống *waking up*).

Vị Trời hỏi có bao nhiêu pháp 'sutta', nghĩa là có bao nhiêu pháp làm cho người ta không tỉnh thức, và có bao nhiêu pháp khiến cho người ta tỉnh thức '*jaga'*.

Đọc bản dịch của HT Minh Châu thì hơi rối nhưng bản Pāḷi rất là đơn giản:

Kati jāgaratạṃ suttā kati suttesu jāgarā,

Katīhi rajamādeti katīhi parisujjhatīti.

Có bao nhiêu pháp làm cho người ta mê ngủ, có bao nhiêu pháp làm cho người ta tỉnh thức, có bao nhiêu pháp làm cho người ta trở nên cấu uế, có bao nhiêu pháp làm cho người ta thanh tịnh. Nếu đọc chánh kinh mà không đọc chú giải có lẽ khó lòng hiểu ý nghĩa trong câu trả lời của Đức Thế Tôn: *Có năm pháp mê ngủ, có năm pháp tỉnh giác, có năm pháp dẫn đến cấu uế, có năm pháp dẫn đến thanh tịnh.*

[9] Năm triền cái

Năm triền cái (*nivarana*) là 5 pháp dẫn đến mê ngủ. Triền nghĩa là *quấn* (theo bản dịch của Tàu). Cái có nghĩa là *che*. Ví dụ như nói "tài ba cái thế", "anh hùng cái thế" nghĩa là bao trùm cả thiên hạ. *Var*: "ngăn chặn", "che khuất". Ví dụ, trí tuệ của Đức Phật gọi là: *Anāvarañanana*: vô ngại trí, vô hạn trí. Trí của Đức Phật không bị cái gì cản trở hết. Dưới Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác như Độc Giác tu Ba-la-mật hai a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trái đất, khi thành rồi thì Độc Giác chỉ nhớ được quá khứ là hai A-tăng-kỳ; hai vị Chí thượng Thanh

văn bên trái bên phải vị Chánh Đẳng Giác như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên chỉ tu Ba-la-mật một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nên cũng nhớ lại quá khứ chỉ một nửa. Riêng các vị đại Thanh Văn tu 100 ngàn đại kiếp như A Nan, Ca Diếp cũng nhớ 100 ngàn đại kiếp, nhớ đúng thời gian mình tu Ba-la-mật. Riêng vị Chánh Đẳng Giác, hạnh trí tuệ tu 20 a-tăng-kỳ, hạnh đức tin 40 a-tăng-kỳ, hạnh Bồ tát tinh tấn 80 a-tăng-kỳ, thời gian tu Ba-la-mật chắc chắn có giới hạn nhưng khi thành rồi các vị ấy có sức nhớ quá khứ không giới hạn và khả năng quán xét về tương lai không giới hạn. Có thể hiểu như thế này, khi ở triền núi phía Đông thì không thấy gì phía bên kia triền Tây, ở triền Nam không thấy triền phía Bắc. nhưng đối với một người đã lên tới đỉnh nữa thì không còn giới hạn nữa. Trí tuệ của vị Chánh Đẳng Giác là *Anāvarañanana* - vô ngại trí, không có gì ngăn che.

***Năm Triền Cái.**

Theo Tăng Chi Bộ, phần giảng về 5 pháp, *năm triền cái* gồm:

1. Dục cái (Kamacchanda). **Dục** có nghĩa là lòng ham thích trong 5 cảnh dục (thích nhìn nghe ngửi nếm, suy nghĩ… liên hệ đến 5 dục); trong thiền chỉ hay thiền quán rất là kỵ những điều này. Khi ngồi thiền mà nhớ đến món ăn hay chuyện hưởng thụ nào đó như đi shopping chẳng hạn, cũng là dục cái. có nghĩa là lòng ham thích trong 5 cảnh dục (thích nhìn nghe ngửi nếm, suy nghĩ… liên hệ đến 5 dục); trong thiền chỉ hay thiền quán rất là kỵ những điều này. Khi ngồi thiền mà nhớ đến món ăn hay chuyện hưởng thụ nào đó như đi shopping chẳng hạn, cũng là dục cái. *Tâm dục cái giống như chén nước bị pha màu.* Chén nước bị pha màu thì không thể soi thấy mặt trong đó.

2. Sân độc *(Vyāpāda nīvaraṇa*).). *Sân độc* là sự bất mãn trong chuyện này chuyện kia, có hoặc không liên hệ đến dục. là sự bất mãn trong chuyện này chuyện kia, có hoặc không liên hệ đến dục. *Tâm sân độc cái giống chén nước bị sôi,* cũng không thể soi thấy mặt mình trong đó được. Ngồi thiền hoài mà sao phóng tâm mãi thì bực mình, tủi thân, thấy người ta ngồi mấy tiếng không sao, mình ngồi một chút thì khó chịu, sự khó chịu này không liên hệ đến dục nhưng chính là tâm sân.

3. Hôn thụy *(Thina-middha)* Hôn trầm, thụy miên. Tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối nhẹ thì lười biếng dã dượi, nặng thì buồn ngủ. Hôn trầm, thụy miên. Tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối nhẹ thì lười biếng dã dượi, nặng thì buồn ngủ. **Tâm bị hôn thụy cái giống như nước bị rong rêu.** Đó là trạng thái dã dượi

lười biếng tiêu cực, thụ động, thiếu máu, không đủ lửa; tới giờ phải học phải thiền thì dã dượi. Nghe ra có vẻ nhẹ nhàng, về mặt đạo đức xã hội không ảnh hưởng gì mấy, nhưng trong đường tu tập thì rất lớn chuyện. Trong Thanh Tịnh Đạo có nói lý do vì sao mình buồn ngủ, đó là: một là vì say cơm (*bhattasammada:* sự say vật thực, sự mệt vì vật thực, sự dã dượi vì vật thực. *Mad*: say; động từ *majja*.) Trong câu xin giới bằng tiếng Pāḷi có chữ 'Surame'.*Surameraya*m*ajja, sura* là 'rượu', 'men'; *majja*là bất cứ thứ gì có khả năng gây say, do vậy trong ngũ giới, giới thứ năm bao gồm luôn cả thuốc lắc (ecstasy).

4. Trạo hối *(Uddhacca-kukkucca*). Phóng dật và hối, tâm không được yên, tiếc nuối. (Đây là giải thích theo tạng Kinh, còn theo A-tỳ-đàm, phóng dật thuộc về *si,* hối thuộc về *sân*). *Hối* (*katamakatam*): tiếc nuối ray rứt chuyện mình đã làm *(katam)* hoặc không chịu làm *(akatam).* Phóng dật là trạng thái tâm không tập trung, giống hòn đá ném vào đống tro, tro bay lên tán loạn, theo như trong kinh, tâm một người không định không niệm giống như trái bầu khô trôi nổi trên nước. Phóng dật là trạng thái tâm không tập trung, giống hòn đá ném vào đống tro, tro bay lên tán loạn, theo như trong kinh, tâm một người không định không niệm giống như trái bầu khô trôi nổi trên nước. *Tâm bị trạo hối giống như nước bị gió thổi nổi sóng lăn tăn.*
5. Hoài nghi [1]*(Vicikiccha) Tâm bị hoài nghi giống như bị vấy bùn.*Hoài nghi là hoang mang thắc mắc không xác quyết liên quan đến con đường giải thoát.

Tóm lại 5 triền cái gồm dục, sân độc, hôn thụy, trạo hối, hoài nghi. Hôn thụy cái khiến ta mê mờ theo nghĩa đen, năm triền cái khiến ta mê mờ theo nghĩa bóng; nghĩa là khi dính vào một trong năm cái này thì đầu óc tối tăm không nghĩ ra được cái gì hết. Đó là năm pháp khiến ta mê ngủ. Ví dụ, dính vào trong tham dục thì không suy nghĩ được gì, khi thích cái gì tâm mình ghim sâu dính chặt vào đó, giống một đứa bé đang nhìn chăm chăm món đồ chơi thì ai gọi nó cũng không nghe; người lớn cũng vậy, khi đam mê thích thú cái gì đó thì khó rảnh trí để suy nghĩ đến chuyện khác. Do khuynh hướng tâm lý bản thân cộng với tiền nghiệp nên hôm nay ta mới có mặt trong một hoàn cảnh, điều kiện môi trường sống đặc biệt, và trong môi trường sống đó, do tác động của tập khí phiền não nên chúng ta mới thích, mới đam mê cái gì đó. Hiểu được điều này ta sẽ bỏ đi nhiều đam mê. Một nông dân thích cảnh đồng chiêm lúa rạ, soi nhái, bắt ếch, thích dây trâm bầu, thích mùi nước rạ nước đồng; dân phố thì khi đi xa cứ nhớ tiếng tiếng còi, khói bụi, tiếng rao hàng… Có một người kia ở Vĩnh Long, Việt Nam, ông có giấy tờ đi HO mà không muốn đi. Cuối cùng cũng phải đi. Ở Mỹ được ba năm thì từng ngày trong ba năm đó ông đau đáu nhớ quê như thể 19 năm của Tô Vũ chăn dê

đời Hán. Vậy mà khi về VN thăm nhà có ba hôm thì ông nói bằng mọi giá phải quay về Mỹ vì ồn, vì bụi, vì chạy xe nguy hiểm quá. Diễn viên Sean Connery (đóng vai James Bond, Điệp viên 007), khi qua Hà Nội, ông phát biểu cảm tưởng về VN: *Tôi ở trong phim có thể lái xe bắn súng rượt đuổi kẻ thù với tốc độ nào cũng được, vừa chạy vừa thắt cà vạt cũng được nhưng ở VN không dám lái xe, "quá nhanh, quá nguy hiểm"*. Người trong nước thì rất tự tại, ở môi trường nào quen môi trường đó. Người Phật tử mà biết chỗ này thì bớt tham dục nhiều lắm. Những cái mình cho là hay ho thật ra chẳng là gì cả. Có người tự cho là trí thức chơi lan kiểng, uống trà, thổi sáo ngâm thơ, nhưng thật sự những người có nhu cầu như vậy từ trong máu không có nhiều mà thường là những trọc phú ngày xưa khổ bây giờ muốn làm cho giống người ta một chút, sưu tập một cái gì đó; lâu ngày có bạn bè đồng chí hướng lập thành câu lạc bộ v.v..., thật ra là thứ dỏm. Tại sao mình ăn thấy ngon?

Do nghiệp dục giới, nếu không đói không thèm thì không thể ăn được; phải đói mới thèm ăn, chỉ như vậy thôi. Mình thấy ngon là do hoàn cảnh, chứ trên đời không có gì ngon hay dở. Sân độc – sự bất mãn, cũng vậy; cái thích càng nhiều thì bất mãn càng lớn, niềm đam mê trong năm dục càng nhiều, thì bất mãn càng lớn. Trên cõi Phạm thiên không có năm dục, không có đam mê trong năm dục, nên không có sân. Không có hy vọng làm gì có thất vọng.

Năm triền cái làm cho người ta buồn ngủ theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Vì trong đó có hôn thụy, hôn thụy làm người ta buồn ngủ theo nghĩa đen, bốn triền cái còn lại làm cho người ta mê ngủ theo nghĩa bóng. Năm quyền làm cho người ta tỉnh thức theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Khi thiện pháp cứ cuồn cuộn, hừng hực thì làm sao mà ngủ.
Năm pháp dẫn đến tỉnh thức là năm quyền[2].

Năm pháp làm cho người ta trở nên cấu uế bất tịnh là năm triền cái. Năm pháp khiến người ta được trở nên thanh tịnh là năm quyền (Tín, tấn, niệm, định, tuệ): Có niềm tin trong sạch vào Tam Bảo, vào thầy bạn, vào pháp môn tu tập. Niềm tin có chín chắn thì sự tu tập mới đúng đắn. Niềm tin muốn đúng đắn phải dựa vào trí tuệ. Trí nhiều mà không có niềm tin cũng là một thảm họa. Đức tin nhiều mà không trí tuệ cũng là một bi kịch. Có đức tin, có trí tuệ mà không có *niệm, định* thì cũng không làm được gì. Phải có đủ năm quyền mới hy vọng tu tập thiền Chỉ, thiền Quán có kết quả. Niệm là khả năng ghi nhớ những gì đang xảy ra. Trong chữ Hán có chữ Niệm (念)gồm chữ Kim (今) (nghĩa là "bây giờ"), phía dưới là chữ Tâm (心), nghĩa là cái Tâm biết điều gì *đang xảy ra, tại đây và bây*

giờ, đó là niệm. Định là khả năng tập trung tư tưởng, không phân tán lung tung, giống như Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt bên đường bị lính đâm vào chân mà không hay, hoặc như Quan Công vẫn đánh cờ bình thường khi Hoa Đà mổ bên vai. Tuệ gồm có sự biết rõ cái gì là cái gì, vận hành ra sao. Năm quyền này làm cho người ta trở nên thanh tịnh. Thuở Đức Phật còn tại thế có ông Bà-la-môn tên là Saṅgārava đến hầu Đức Phật. *"Thưa Sa-môn Gotama hồi con còn trẻ, học mau và nhớ lâu, còn bây giờ học lâu và mau quên là vì sao?*

" Đức Phật trả lời là do tâm lúc bị năm triền cái thì trở nên như vậy đó. Khi năm triền vắng mặt thì muốn làm gì cũng được, thậm chí khi năm quyền phát triển đến mức nào đó, thì tự nhiên thiền Chỉ thiền Quán không phải là vấn đề. Do Ba-la-mật yếu nên năm quyền mới bị yếu, chứ không là đắc thiền Chỉ thiền Quán trong nháy mắt mà thôi. Tuệ, do mình hiểu lầm nghĩ nó là cái trình độ tư duy gì ghê gớm, và do tu bằng tâm trạng mong cái này được cái kia, cả hai khiến cho mình dương dương tự đắc khi thầy phán mình đạt cái tuệ thứ mấy, thứ mấy… Thật ra với một người đại căn đại duyên thì giai đoạn (tạm gọi là) tuệ này hầu như không có. Trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Văn Ngân hoặc Thượng tọa Pháp Chất (còn được gọi là Thượng tọa Vô Ngại Giải), hoặc cuốn San định nội dung Vô ngại giải đạo của Sư trưởng trụ trì chùa Bửu Đức, hoặc Phân tích đạo, Sư Chánh Thân) tìm phẩm Maggakathā. Trong bản Pāḷi, phần định nghĩa về Bát chánh đạo rất là sâu; phần giảng về trí tuệ, 73 trí của chư Phật, rất là hay; phần giảng về thần thông, về đạo rất là tuyệt vời. Người VN sợ kinh cắn, thỉnh kinh về thì nhốt kinh vô tủ, khóa lại không bao giờ dám nhìn vì sợ kinh cắn; chứ đúng ra có những bộ kinh rất quan trọng như bộ Vô Ngại Giải Đạo của Nguyễn văn Ngân, quyển San định của Sư trưởng. Quí vị hãy dành thời gian đọc bộ Vô Ngại Giải Đạo, quí vị nào là Phật tử Bắc tông, biết chữ Hán hãy lưu tâm các bộ sau: Câu Xá Luận, Thành Thật Luận, Phát Trí Luận, Tỳ Bà Sa Luận. Những ai muốn tìm hiểu sâu rộng về A-tỳ-đàm của các Bộ phái sau thời Đức Phật thì nên bỏ thời gian tìm đọc. Đây là cầu nối giữa A-tỳ-đàm Nguyên thủy và A-tỳ-đàm Bộ phái. Riêng những ai chỉ muốn chuyên nhất về Nam tông thì sống chết gì cũng phải đọc những bộ này: Sớ giải của Thắng Pháp Tập Yếu, Sớ giải của bộ Pháp Tụ, Sớ giải của bộ Phân Tích, Sớ giải của bộ Luận điểm Kathāvatthu. Kathāvatthu là bộ thứ 5 của A-tỳ-đàm, ngài Tịnh Sự dịch là Bộ Ngữ Tông, sau này trong nước có người dịch là Bộ Luận Sự. Trên 7 tỷ người chỉ có một người là tôi dịch Kathavatthu là " Đức Phật trả lời là do tâm lúc bị năm triền cái thì trở nên như vậy đó. Khi năm triền vắng mặt thì muốn làm gì cũng được, thậm chí khi năm quyền phát triển đến mức nào đó, thì tự nhiên thiền Chỉ thiền

Quán không phải là vấn đề. Do Ba-la-mật yếu nên năm quyền mới bị yếu, chứ không là đắc thiền Chỉ thiền Quán trong nháy mắt mà thôi. Tuệ, do mình hiểu lầm nghĩ nó là cái trình độ tư duy gì ghê gớm, và do tu bằng tâm trạng mong cái này được cái kia, cả hai khiến cho mình dương dương tự đắc khi thầy phán mình đạt cái tuệ thứ mấy, thứ mấy… Thật ra với một người đại căn đại duyên thì giai đoạn (tạm gọi là) tuệ này hầu như không có. Trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Văn Ngân hoặc Thượng tọa Pháp Chất (còn được gọi là Thượng tọa Vô Ngại Giải), hoặc cuốn San định nội dung Vô ngại giải đạo của Sư trưởng trụ trì chùa Bửu Đức, hoặc Phân tích đạo, Sư Chánh Thân) tìm phẩm Maggakathā. Trong bản Pāḷi, phần định nghĩa về Bát chánh đạo rất là sâu; phần giảng về trí tuệ, 73 trí của chư Phật, rất là hay; phần giảng về thần thông, về đạo rất là tuyệt vời. Người VN sợ kinh cắn, thỉnh kinh về thì nhốt kinh vô tủ, khóa lại không bao giờ dám nhìn vì sợ kinh cắn; chứ đúng ra có những bộ kinh rất quan trọng như bộ Vô Ngại Giải Đạo của Nguyễn văn Ngân, quyển San định của Sư trưởng. Quí vị hãy dành thời gian đọc bộ Vô Ngại Giải Đạo, quí vị nào là Phật tử Bắc tông, biết chữ Hán hãy lưu tâm các bộ sau: Câu Xá Luận, Thành Thật Luận, Phát Trí Luận, Tỳ Bà Sa Luận. Những ai muốn tìm hiểu sâu rộng về A-tỳ-đàm của các Bộ phái sau thời Đức Phật thì nên bỏ thời gian tìm đọc. Đây là cầu nối giữa A-tỳ-đàm Nguyên thủy và A-tỳ-đàm Bộ phái. Riêng những ai chỉ muốn chuyên nhất về Nam tông thì sống chết gì cũng phải đọc những bộ này: Sớ giải của Thắng Pháp Tập Yếu, Sớ giải của bộ Pháp Tụ, Sớ giải của bộ Phân Tích, Sớ giải của bộ Luận điểm Kathāvatthu. Kathāvatthu là bộ thứ 5 của A-tỳ-đàm, ngài Tịnh Sự dịch là Bộ Ngữ Tông, sau này trong nước có người dịch là Bộ Luận Sự. Trên 7 tỷ người chỉ có một người là tôi dịch Kathavatthu là *luận điểm;* người Việt, người Tàu, người Nhật, người Đại hàn nghe đều hiểu chữ này. Bộ Vô Ngại Giải Đạo đã hay mà Sớ giải của Vô Ngại Giải Đạo càng rất hay nữa. Nên bỏ ra hai phần tư hoặc ba phần tư thời gian và tài sản để đọc những bộ sách trên mới không uổng kiếp người. Cứ học, đọc và ghi nhớ để thấy mình chỉ là một chiếc lá bé mọn và vô nghĩa, để thấy mình chỉ quẩn quanh trong một thế giới nhỏ hẹp, tăm tối mù mịt, tanh tưởi không lối thoát; học để thấy thế nào là Phật trí, để tin trên đời này có nhất thiết trí, để tin trên cuộc đời này có con đường giải thoát thật sự, để thấy mình có nhiều cách sống tuyệt vời chứ không phải là một lối sống quẩn quanh chật vật như từ xưa giờ đã sống.

[1] Xem lại 5 hạ phần kiết sử trong bài kinh Bao nhiêu phải cắt đoạn

[2] Xem phần Năm quyền trong bài kinh Bao nhiêu phải cắt đoạn giảng ngày 25-5-2014.

Bài giảng ngày 27-5-2014 KHÔNG LIỄU TRI

"... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn: Những ai với các pháp, Không liễu tri thấu suốt, Bị hướng dẫn lầm lạc, Vòng quanh các dị giáo. Họ mê ngủ triền miên, Họ không có tỉnh giác, Nay thật đã đến thời, Họ cần phải thức tỉnh.

Nếu diễn dịch theo cách nói ngày nay: vị Trời đứng trước Đức Phật và nói: *Hôm nay có Thế Tôn ra đời rồi, đây chính là thời điểm tốt nhất để họ hồi đầu thị ngạn, cơ hội được gặp chánh pháp, Thế Tôn rất là hiếm hoi, hôm nay chính là thời điểm.* Nếu hôm nay có người hỏi tôi tìm giùm cho họ một bài kệ thỉnh pháp sư ngắn gọn, thì câu kệ của vị Thiên này đáng được dùng để thỉnh pháp sư.

Việc ra đời của Thế Tôn là một đại sự nhân duyên, nên tất cả những ai còn sanh tử trầm luân, phiền não, thì hãy ghi nhớ rằng đây chính là thời điểm tốt nhất để quay đầu, tu tập, vì thời gian Thế Tôn trụ thế không có bao lâu. Đó là ý nghĩa vắn tắt câu kệ của vị Trời thưa với Thế Tôn.

"(Thế Tôn): Những ai với các **pháp***, Khéo liễu tri sáng suốt, Không bị dẫn lầm lạc, Vòng quanh các dị giáo, Họ chứng Chánh Đẳng Giác. Họ liễu tri viên mãn, Trên đường không thăng bằng, Họ bước thật thăng bằng".*

Thế Tôn đã trả lời bằng cách dựa vào nguyên văn lời thưa của vị Thiên đó*: Phải rồi, trong lúc mọi người đang mê ngủ, đang bị lầm lạc, trên đời này đang có, đã có, sẽ có những vị không có bị cuốn vào dòng xoáy của sinh tử.*

Appaṭividita: chưa được tỏ tường, không liễu tri. *Pháp*: 4 Đế.

dhammā appaṭividitā: Những ai với các pháp chưa được tỏ tường, thông suốt.

paravādesu nīyare: Do người khác hướng dẫn lầm lạc hoặc bản thân mình bị tà kiến dẫn dắt lầm lạc.

Nīyare: được (bị) người khác hướng dẫn.

Paravāda: 'dị giáo' (HT Minh Châu dịch), ám chỉ cho 62 tà kiến. Nếu nói 62 tà kiến phải dành hẳn thời gian 3 tháng, một năm hay cả một đời để giảng cũng không đủ. Bài kinh số 1 Trường Bộ kinh - Kinh Phạm Võng, trình bày 62 tà kiến, trong đó Đức Phật xác nhận rằng nội dung của 62 tà kiến này giống như lưới chụp lên trên một cái ao nhỏ. Không một con cá nào nằm ngoài, thoát ra cái lưới

đó. Lưới thì lớn mà ao thì nhỏ. Khi Ngài trình bày về 62 tà kiến Ngài nói rất rõ rất đủ trong bài kinh đó.

Tất cả chúng ta ngồi trong room này, kể cả những người tự cho mình là Nam Tông, là chánh pháp, chánh kiến v.v..., chúng ta cũng thấy tất cả các pháp trong đời do duyên mà sanh nên chúng ta không mắc vào đoạn kiến, do thấy các pháp do duyên mà diệt nên chúng ta không mắc vào thường kiến. Nói thì nói cho vui vậy thôi chứ tiềm năng về tà kiến trong mỗi chúng ta vẫn trùng trùng điệp điệp, bày ra đấy không thể nào tháo gỡ cho đến bao giờ chúng ta chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn mà thôi. Ví dụ, hôm nay chúng ta tạm thời chưa bắt gặp những giáo thuyết, những tín điều vừa ý mình, chứ còn nếu gặp những giáo thuyết những tín điều vừa ý mình thì mình sẽ lìa bỏ Phật pháp, bởi vì Phật pháp mình hiểu chưa có tới nên mình rất dễ bị cám dỗ, dễ lầm lạc bởi những giáo điều khác. Với duyên lành Ba-la-mật, những gì mình đã học thì nó sẽ không mất, nó là chủng tử, hạt giống cho đời sau kiếp khác, nhưng đó là chuyện xa vời cho một kiếp lai sinh vời vợi nào đó, còn trước mắt chủng tử tà kiến của mình vẫn bày đầy ra đó.

Tri kiến của tất cả chúng sanh phàm phu, nói theo bài kinh đó thì chúng ta cũng khó mà thoát ra khỏi cái lưới đó. Tương Ưng Bộ Kinh dạy rất rõ, chân lý chỉ có một nhưng tương tự chân lý rất là nhiều. Có 3 vị thiền sư giảng giáo lý y chang nhau, nhưng vị A có chút gì đó vừa ý mình hơn vị B, thế là mình có khuynh hướng chạy theo vị A. Chưa kể chuyện đời sau kiếp khác, sau khi nhắm mắt tắt thở, mình sinh vào một gia đình Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, Ấn giáo… và lớn lên trong một môi trường tri kiến hoàn toàn khác với những gì chúng ta học trong kiếp này, nếu mà duyên lành Ba-la-mật khá một chút, chúng ta còn biết nghi ngờ những gì mình đang được hướng dẫn, nhưng nếu lơ tơ mơ, chỉ một chút cơ hội nào đó thôi thì chúng ta sẽ quay lại với tà kiến của mình ngay.

Hôm trước tôi kể chuyện anh chàng cứ chui vô tủ áo mà trốn vì ngỡ mình là hạt thóc sợ bị con gà ăn. Câu chuyện đó đối với tôi rất minh triết, vì cái khùng của anh chàng đó giống hệt phàm tánh của tất cả phàm phu. Tuy hôm nay anh ta nói rõ ràng anh ta không phải là hạt thóc, nhưng cái nhận thức đó vẫn còn mơ hồ và thiếu cơ sở nền tảng, thiếu luận cứ ghê gớm lắm, nên dù tin mình không phải là hạt thóc nhưng vẫn còn sợ con gà vì anh ta vẫn còn mơ hồ về trọng lượng mấy chục ký lô của mình, mơ hồ về hình dáng của mình. Anh ta chìm sâu vào ảo tưởng mình là hạt thóc, sâu đến mức nghĩ mình là con người nhưng vẫn còn sợ con gà không biết.

Ở đây cũng vậy, khi mình nói *các pháp vô thường vô ngã, vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*, nghe rất ngon lành, nhưng mà chỉ cần có một cơ hội nào đó thôi chúng ta lập tức quay lại với tà kiến của mình ngay. Chỉ cần hôm nay ở một cảnh giới nào đó mà ở đó không có đói lạnh, không có mãnh thú, không có gai góc hầm hố; ở đó muốn gì được nấy, tự thân phi hành, bay nhảy đến mọi nơi mọi chốn mà mình muốn; ở đó mình có thể đời đời kiếp kiếp sống bên cạnh những người mình thân thương, và không có gì trái ý bất toại, thì thử hỏi trong vài chục tỷ năm có còn cảm hứng, hứng thú nghiên cứu Phật pháp hay không, vấn đề là ở chỗ đó. Thời điểm đó mà có một nhà sư, một tu nữ, một cư sĩ nào đó đến kêu gọi mình đi làm phước, hành thiền, chịu cảnh bát quan trai buổi chiều đói lạnh, thức ăn nguội lạnh ruồi muỗi, thử hỏi lúc đó mình có chịu nổi không. Hôm nay sở dĩ chúng ta tinh tấn tu hành vì chúng ta sợ chết. Cách đây vài hôm, HT Bửu Phương từ Mỹ có ghé sang trụ xứ chúng tôi ở đây, (nơi biên giới Đức này), HT khỏe mạnh lắm, vậy mà về Mỹ có mấy hôm thôi, thầy trụ trì chùa Phật Pháp có gởi chúng tôi một đoạn clip quay trực tiếp từ bệnh viện, cách đây mấy hôm HT phát hiện mình bị tai biến nhẹ và gọi phone cho Phật tử quen đưa đi bệnh viện. Tôi nghe rất ngậm ngùi, đời sống mong manh như vậy đó, chính mong manh đó là chuyện buồn, nhưng đó là hình ảnh thiên sứ nhắc nhở cho mình.

Bản tiếng Việt ("*Những ai với các pháp… Họ cần phải thức tỉnh")*hơi dài nhưng trong bản Pāḷi rất gọn: Những ai chưa hiểu được các pháp (4 Đế), được hướng dẫn trong dị thuyết dị giáo, "*Suttā te nappabujjhanti"*, đang bị mê ngủ và chưa được giác ngộ thì đã đến thời họ giác ngộ".

Sutta: 'ngủ', *Suttā te: "*những người đang chìm trong giấc ngủ", "đang bị mê ngủ".

nappabujjhanti: không chịu thức giấc.

Có một chữ rất thú vị ở đây là chữ '*pabujjhanti',* chữ này có nghĩa rất độc đáo: 'hiểu biết', 'nhận thức'. Từ đó chúng ta mới có một dịp để ôn lại một chữ trong Pāḷi, đó là chữ "chữ này có nghĩa rất độc đáo: 'hiểu biết', 'nhận thức'. Từ đó chúng ta mới có một dịp để ôn lại một chữ trong Pāḷi, đó là chữ "**Buddha**", danh từ là có nghĩa "Đức Phật" (một người đã tỉnh giấc, một người có sự hiểu biết về Bốn Đế), chữ này là quá khứ phân từ của chữ '*pabujjhanti',* có nghĩa là *"một người đã tỉnh giấc từ một cơn mơ, từ một giấc ngủ", "một người đã hiểu biết".*

Từ đó mới ra chữ Buddha, nghĩa là *'Đức Phật''*, và còn có nghĩa là *''người tỉnh giấc từ một giấc ngủ''*.

Câu trả lời của Đức Phật cũng dựa vào câu hỏi của vị Trời để trình bày: *Giữa khi mọi người đang bị hướng dẫn lầm lạc, mê mờ với Bốn Đế, đang ngủ say và chưa tỉnh giấc, thì thật sự trên đời này tồn tại những con người không bị lầm lạc, không bị mê ngủ và họ là những người đã giác ngộ một cách đầy đủ viên mãn và họ bước đi thanh thản tự tại trên một con đường chông chênh gồ ghề.*

Ở đây Ngài nói về ai?

[10] Bốn hạng Phật.

Sambuddhā! Ngài ám chỉ cho bậc tự ngộ. Nhìn vào căn cơ người hỏi, Ngài cố ý nói đến những bậc tự ngộ. Trong chú giải, chỗ này có nói đến hai bậc tự ngộ là Bậc Toàn Giác và Bậc Độc Giác.

Sayam: tự mình. (Viết tắt là *sam*). *Sambuddhā:* bậc tự ngộ.

Toàn Giác gồm có 3 hạng:

1- Bồ tát chuyên trí tuệ: tấn mạnh, tín yếu. Hạnh trí tuệ tu Ba-la-mật trong 20 A-tăng-kỳ.

Bậc trí tuệ giác phần chóng đắc

Vì căn cơ xuất sắc hơn thường

Trí nhân tâm tánh như gương

Nên khi quang chiếu vô thường nhận ngay.

2- Bồ tát chuyên đức tin: trí mạnh hơn khả năng tinh tấn. Hạnh đức tin tu Ba-la-mật trong 40 A-tăng-kỳ.

Bậc đức tin lâu ngày hơn trí

Vì tánh nhân ít nghĩ rõ ràng

Tánh nhân cá tánh đoan trang

Lại yêu mến chuộng dị đoan linh thần

3- Bồ tát chuyên tinh tấn: đức tin mạnh hơn trí. Hạnh tinh tấn tu Ba-la-mật trong 80 A-tăng-kỳ.

Bậc tinh tấn thì năng phục vụ

Kém khôn ngoan chẳng đủ niềm tin

Thế nên khó đắc giác minh

Lâu hơn trí tuệ đức tin mấy lần.

Chú giải của bài kinh này có nói về **4 hạng Phật**:

1- Bậc Toàn Giác: có thể tự ngộ và có thể độ người

2- Độc Giác: tự ngộ mà không thể độ người

3- Thanh Văn Giác: (Sāvakabuddha) được người độ và cũng có thể độ người nhờ học lý thuyết từ Bậc Toàn Giác.

Chữ 'Sāvaka' ở đây còn được gọi là Chatusaccha Buddha.

4- Sutabuddha: Vị uyên thâm Phật ngôn

Theo PG Nam Tông bất cứ vị nào chứng quả A-la-hán đều được gọi là Phật, nhưng trong đó có 3 hạng:

-Phật Toàn Giác cũng là A-la-hán nhưng tự mình đắc chứng quả A-la-hán và giúp người khác chứng quả A-la-hán.

-Hạng thứ hai là Độc Giác, cũng là vị A-la-hán tự ngộ nhưng không có khả năng hướng dẫn người khác đắc A-la-hán. *Asayanusayanana*: Ngài nhìn căn tánh chúng sanh mà biết người này hợp với đề tài gì. Ví dụ, nhìn một người, vị Độc Giác biết rõ người này đã tu bao nhiêu kiếp, đã từng nghe pháp, từng là tỳ kheo bao nhiêu lần, là cư sĩ bao nhiêu lần, trong mỗi kiếp đã từng học về cái gì, từng thuộc lòng Tam Tạng, từng học Kinh Trung Bộ, Trường Bộ, từng học về A-tỳ-đàm, từng đắc thiền đề mục bất tịnh, đề mục hơi thở, hư không v.v... Vị Độc Giác biết rõ, nhưng khổ một chỗ bây giờ nói gì cho họ đắc đây thì Ngài không biết. Ví dụ như mình biết rõ người đang ngồi trước mặt đã từng đi qua hai chục quốc gia,

từng ăn sushi, biết rõ lý lịch quá khứ dĩ vãng của vị này, nhưng vấn đề là chiều nay lựa món gì cho vừa ý người này, thì vị Phật Độc Giác không biết. Trong khi đó vị Phật Chánh Đẳng Giác thì biết rõ, Ngài biết rất rõ người đó từng đi qua chừng đó quốc gia, từng ăn uống chừng đó món, thích món gì, và Ngài biết cả chiều nay cho ăn cháo trắng với kho quẹt là tốt nhất là vì người này trong suốt thời gian qua rất ngán dầu mỡ, lại đang ăn kiêng và không thiếu ăn nên không cần đồ ngon vật lạ, và người này mới vừa trúng thực hôm qua vv.. nên chiều nay đến đây người này sẽ đói bụng và món ăn thích hợp là cháo trắng không làm khó bao tử, và là dân miền Tây Nam Bộ nên món kho quẹt bỏ tiêu cho thật nhiều sẽ nuốt được. Điều đó thì vị Phật Độc Giác không biết. Phật Toàn Giác là người tự ngộ và có khả năng độ người khác còn Phật Độc Giác thì chỉ có khả năng tự ngộ chứ không có khả năng thấu suốt người khác như Phật Toàn Giác.

-Hạng thứ ba, Thanh văn giác, là vị A-la-hán đệ tử Phật Toàn Giác tuy không có khả năng tự ngộ nhưng nhờ học hỏi Tam Tạng kinh điển và kinh nghiệm thuyết giảng từ vị Phật Chánh Đẳng Giác nên vị này có chút ít khả năng hướng dẫn người khác.

-Hạng thứ tư là Sutabuddha, vị uyên thâm Phật ngôn cũng gọi là một hạng Phật. Một ví dụ là ngài Ledi Sayadaw, ngài là phàm hay thánh mình không có rõ, nhưng tại sao tôi ví dụ vị này?

Tam Tạng kinh điển được biên tập trong nhiều thời kỳ. Kinh điển đời 1 gồm Tam tạng Thánh Điển do Phật và các vị đệ tử đích truyền (trực tiếp được trao truyền từ Đức Phật như ngài Ananda, Ca Diếp). Kinh điển đời 2 gồm các Aṭṭhakathā, tức là chú giải của chánh tạng, kinh điển đời 3 là Tika, Mahatika, Anutika. Tika ra đời để giải thích Aṭṭhakathā. Mahatika, Anutika giải thích chú giải đời trước. Đầu thế kỷ 20, chuyện ra đời và bổ sung các bộ chú giải không còn nữa. Theo chỗ tôi được biết ngài Ledi Sayadaw được xem là vị soạn giả sau cùng của các bộ chú thích Tam Tạng và những công trình của ngài được PG Miến Điện kể vào kho tàng kinh điển, tài liệu nghiên cứu Tam Tạng cấp một, nghĩa là tài liệu có thể tin cậy được. Từ sau đó trở đi những vị uyên bác đa văn cách mấy đi nữa cũng chỉ được xem là tài liệu tham khảo cấp hai. Tài liệu cấp một theo tôi được biết thì ngài Ledi Sayadaw là đời cuối cùng. Ngài Ledi Sayadaw sinh 1846, tịch năm 1924. Mấy năm trước khi tịch ngài bị mù, do điều kiện làm việc thiếu ánh sáng, và do bịnh mắt bẩm sinh. Trước khi viên tịch ngài kịp thời trao truyền một phần kinh nghiệm thiền quán cho một đệ tử tên là Saya

Thetgyi ông này trao truyền kinh nghiệm thiền quán học được từ ngài Ledi cho ông U Ba Khin, ông U Ba Khin trao truyền cho ông Satya Narayan Goenka.

Sở dĩ tôi đề cập bốn hạng Phật vì trong bài kệ này có chữ "Chánh Giác"

Những ai với các pháp,

Khéo liễu tri sáng suốt,

Không bị dẫn lầm lạc,

Vòng quanh các dị giáo,

Họ chứng **Chánh đẳng giác**

Chữ **"chánh đẳng giác"** ở đây mình dễ hiểu lầm chỉ cho Đức Phật, nhưng không phải, ở đây chỉ cho hai vị tự ngộ là Toàn Giác và Phật Độc Giác, nhân đó chú giải mới nói thêm bốn hạng Phật mà tôi đang giải thích: Thứ nhất là Toàn Giác có khả năng tự ngộ và có thể độ người, thứ hai là Độc Giác có khả năng tự ngộ nhưng không thể độ người, hạng thứ ba là Thanh Văn Giác không có khả năng tự ngộ, phải có thầy, nhưng bản thân mình cũng có thể làm thầy cho người khác chứng quả giác ngộ và hạng thứ tư có thể ít khi Phật tử được nghe hay được đọc thấy, đó là hạng gọi là Sutabuddha (Tạng Giác). Trong đây giải thích là Bahussuto có nghĩa là vị uyên thâm Phật ngôn, cũng gọi là một hạng Phật. Khả năng nhận thức của vị này suýt soát chạm biên giới rồi, vì vậy từ đó mới có cái thành ngữ Culla Sotāpatti (Tiểu Tu-đà-hoàn). Cái này thì do đời sau chế thôi chứ tôi thấy hễ còn phàm thì cứ nhận là phàm đi chứ còn mấp mé làm chi cho nó rối. Nhưng có điều cũng hay, những sáng chế này mang tính khích lệ. Người VN mình mấy cái vụ này chỉ có lợi bất cập hại. Nghĩa là người ta nói có cái hạng Sutabuddha chỉ cho những vị uyên thâm Phật ngôn. Mình nghe vậy thì học được ba mớ rồi len lén mua xi măng đúc tòa sen ngồi vì tưởng mình cũng giỏi rồi. Cái giỏi của người ta là như thế nào?

Đó là khả năng vô ngại trong tất cả các vấn đề của kinh điển. Giỏi Abhidhamma thiệt nhưng hỏi qua Luật họ không bị kẹt. Giỏi Luật, Abhidhamma thiệt nhưng hỏi qua Tạng kinh họ không bị kẹt. Cái quan trọng nhất là cái hiểu Phật ngôn của họ thật sự có ảnh hưởng rất lớn đối với phiền não và thiện tâm của họ. Nghĩa là nhận thức Phật pháp của họ đủ để làm cho họ được an lạc thật sự. Ví dụ nói vô ngã thì họ có đời sống thực sự an lạc của một người nhận thức được lý vô ngã. Còn cái kiểu học chữ một nơi mà mình một nẻo thì chưa được gọi là tiểu Tu-đà-

hoàn, Sutabuddha hay là Tạng Giác đâu. Tuy người ta còn phàm nhưng cái uyên thâm của họ đạt đến mức trọn vẹn niềm tin vào cái họ học hiểu, họ nhận thức được. Sở dĩ họ được gọi là tiểu Tu-đà-hoàn chứ không phải Tu-đà-hoàn là bởi vì hai lý do:

- Họ vẫn còn là phàm chưa có thánh trí.

- Đã là phàm thì khi tắt thở họ thành cái gì chỉ có trời mới biết. Gọi là Phật nhưng chỉ vì lòng tôn kính của thiên hạ đối với nhân vật này thôi, chứ nhân vật này tắt thở thì đi đâu có trời mà biết. Một vị Phạm thiên sống ly dục vô sân trong cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, cõi cao nhất trên tầng thiền Vô Sắc, ấy vậy mà sau khi đủ tuổi trời trên đó rồi, trở xuống nhân gian thì vị đó chỉ được có một kiếp độn thôi. Sau khi từ trên Phạm thiên xuống vị đó không có bị đọa. Vị đó có thể sanh vào các cõi Dục Thiên hay các cõi Nhân Loại một lần xem như gọi là "đền nghì trúc mai", vì anh sống sạch sẽ quá lâu nên kiếp đầu tiên quay trở lại cõi tục lụy này anh không thể nào hòa mình được, anh phải trải qua một kiếp trung gian, giống như một trạm trung chuyển. Sau trạm trung chuyển đó rồi con người anh như thế nào chỉ có trời biết, anh cũng không biết nổi đâu, anh có thể trở thành một thợ săn, có thể là con trùn, con dế, ngư phủ, ông vua, hoàng hậu, gái điếm, ăn cướp... không gì lạ hết, bởi vì tập khí sanh tử nhiều đời luôn chầu chực chờ cơ hội mà nó xì ra, nó trào ra, nó ập ra, nó tan chảy ra, cho nên người ta nói tội khổ trầm luân là chỗ đó. Nếu chưa là thánh, thì từ cõi nào đi nữa, khả năng sa đọa vẫn cực lớn và hoàn toàn có thể. Đó là điều đáng sợ.

Cho nên trong bài kệ này vị Trời đó nói: *Bạch Thế Tôn những ai chưa hiểu được bốn đế, nhiều đời nhiều kiếp bị dắt dẫn quẩn quanh trong các tín điều, tà kiến; tự mình bị tà kiến của mình dắt dẫn hoặc người khác nắm tai kéo đi cũng có; bị chìm đắm trong giấc ngủ phiền não chưa tỉnh thức thì nay là thời họ phải thức tỉnh vì Thế Tôn đã ra đời, vì chánh pháp đã được thuyết giảng, vì chúng sanh đang tồn tại*. Đức Phật xác định: *Đúng rồi, ai phàm cứ phàm nhưng hãy biết rằng trên đời thực sự vẫn tồn tại những người hiểu được 4 Đế không còn bị dắt dẫn trong các tà kiến, bản thân của họ đã chứng được Chánh Đẳng Giác.*

Điểm hay ở chỗ là trong bài kệ của vị Trời có nhắc đến chữ "mê ngủ" (Suttā).

"Yesaṃ dhammā susammuṭṭhā, paravādesu nīyare;

Suttā te nappabujjhanti, kālo tesaṃ pabujjhitu''nti.

"Yesaṃ dhammā asammuṭṭhā, paravādesu na nīyare;

Te **sambuddhā**sammadaññā, caranti visame sama''nti.

Khi Đức Phật trả lời, ngay chỗ này, Ngài đã xài chữ 'Khi Đức Phật trả lời, ngay chỗ này, Ngài đã xài chữ '*sambuddhā'*. Cách dùng chữ thật tuyệt vời, theo tiếng VN mình gọi là "chơi chữ".

"Caranti visame saman" là bước đi thăng bằng, thoải mái thanh thản trên một con đường gồ ghề.

Viasame (=uneven): không bằng phẳng. Theo chú giải "*không bằng phẳng"* là do chủng loại chúng sanh phức tạp, mà phiền não cũng nhiều loại phức tạp; nhưng giữa cuộc đời phức tạp chông gai khúc khuỷu đó, đã là bậc thánh, bậc tự ngộ rồi thì bước đi thanh thản. Với một người có đôi chân ngon lành, có khả năng đi đứng ngon lành thì con đường cỡ nào đi cũng được. Còn mình thì sao, mình là người tàn tật, đi thì phải chống nạng, thậm chí đi phải bò, với một người không có khả năng đi đứng như vậy thì con đường càng xấu chừng nào thì càng khó đi khó trườn khó bò, khó lê lết, khó chống gậy chống nạng, khó đi xe lăn.

KINH MÊ LOẠN

Chú thích của bài kinh này y chang như bài kinh trước. Ở đoạn trên là "*Những ai đối các pháp, Quá đắm say mê loạn",* thì ở đoạn dưới *"Những ai đối các pháp, Không đắm say mê loạn"*

"Yesaṃ dhammā **appaṭividitā**, paravādesu nīyare

Suttā te nappabujjhanti, kālo tesaṃ pabujjhitu''nti.

"Yesaṃ dhammā **suppaṭividitā**, paravādesu na nīyare;

Te sambuddhā sammadaññā, caranti visame sama''nti.

Khác nhau ở chữ: *suppaṭividitā*: "không bị mê loạn" và *appaṭividitā*: "mê mờ". Khi không hiểu biết Bốn Đế thì mình cứ lan man lơ mơ y chang như anh chàng bị bịnh thần kinh tự thấy mình là hạt thóc trong câu chuyện anh chàng - con gà - hạt thóc, biết mình không phải hạt thóc vẫn sợ bị gà ăn.

Các pháp ở đời cũng vậy, khi mình thật sự còn không hiểu thì mình còn thích cái này ghét cái kia. Nếu mình biết được như thánh nhân thì cái ghét cái thích của

mình dứt khoát sẽ khác đi nhiều lắm. Ví dụ, nhẹ nhất là vị Tu-đà-hoàn, nếu tính theo chi pháp trên mặt giấy thì rõ ràng trong 10 phiền não vị này chỉ mới trừ có 3 (thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ). Tuy nhiên thân kiến là cái quan trọng bậc nhất. Vị này chấm dứt, chặn đứng dòng sanh tử vô thỉ vô chung được là nhờ ở chỗ dứt trừ được thân kiến này. Thân kiến mất rồi, khả năng sinh tử không còn nữa, mấy kiếp còn lại chỉ là cái trớn mà thôi chứ vị đó không còn chấp tôi chấp ta trong năm uẩn thì còn cách nào hưởng thụ giống chúng ta. Mặc dù vị Tu-đà-hoàn có thể có chồng có vợ có con, cũng đi làm lụng, có gia tài, có sự sản nhưng họ toàn là những tay giống như "Thủy thượng phiêu Cầu Thiên Nhẫn". Trong võ lâm ngũ bá ngoài Đông Tà, Tây Độc, Nam Đế, Bắc Cái, Trung Thần Thông, còn có nhân vật số sáu là Cầu Thiên Nhẫn, tay này có khả năng Thủy thượng phiêu khinh công tuyệt đỉnh đi trên mặt nước không chìm xuống, chân chỉ chạm nước nhẹ thôi. Tu-đà-hoàn được xem là những tay Thủy thượng phiêu thuộc hàng thượng thừa vẫn đi trên cõi đời này, vẫn cư trần nhưng bất nhiễm, hòa quang nhưng không hỗn tục nếu cần thì vẫn hòa với mọi người nhưng không đồng. Nói nhẹ nhẹ cho vui vậy thôi, giờ qua bài khác.

MONG MUỐN KIÊU MẠN

"... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn: Đối vị ưa kiêu mạn, Ở đây không điều phục, Không trí tuệ sáng suốt, Không định tĩnh nhiếp tâm, Độc thân trú rừng núi, Sống với tâm phóng dật, Vị ấy không vượt khỏi, Sự chi phối ma lực.

(Thế Tôn): *Từ bỏ mọi kiêu mạn, Tâm tư khéo nhiếp định, Với tâm khéo tư sát, Giải thoát mọi phiền trược, Độc thân trú rừng núi (giới), Với tâm không phóng dật, Vị ấy vượt thoát khỏi, Sự chi phối ma lực."*

Nếu bà con đọc đoạn kệ này trong tiếng Pāḷi thì sáng trưng như ban ngày, còn nếu đọc bản dịch thì xin thưa, đời đời tôi luôn tôn trọng cảm kích công trình vĩ đại của HT Minh Châu, nhưng phải nhìn nhận trong bản dịch đôi khi làm mất rất nhiều độc đáo của chánh văn. Vì là dịch, nhất là dịch kệ nữa, nên nhiều khi bị gò bó trói buộc rất là nhiều trong chuyện chữ nghĩa vần điệu. Nhiều khi có những chữ rất là đắc dụng nhưng người ta không dám xài vì đút vô không vừa, người ta ráng gượng, ráng gồng một hồi thì trớt quớt luôn. Bản Pāḷi đơn giản lắm:

'Na mānakāmassa damo idhatthi', Ở đây đối với người nào không điều phục cái ngã mạn của mình.

'Na monamatthi asamāhitassa' không có đời sống tĩnh lặng và thiền định

Eko araññe viharaṃ pamatto, Dầu cứ sống một mình trong rừng cũng vẫn cứ dễ duôi phóng dật.

Na maccudheyyassa tareyya pāra''nti. Không thể nào vượt qua được bờ kia của thần chết sinh tử.

Bài kệ này có điểm rất đặc biệt, chữ *damo* (thuần hóa, điều phục) là một trong những chữ hay nhất thế giới này. (Tiếng Anh có chữ '*domesticate'*). Trong Pāḷi là từ chữ 'dama'. Chuyện độc đáo ở đây là câu đầu tiên trong câu trả lời của Đức Phật:

''Mānaṃ pahāyasusamāhitatto,

Sucetaso sabbadhi vippamutto;

Eko araññe viharaṃ appamatto,

Sa maccudheyyassa tareyya pāra''nti.

''Mānaṃ pahāya'' Với ai mà sau khi dứt bỏ được ngã mạn; ở đây phải được hiểu là tu giới - **giới** trong Tam học.

Tại sao ở đây *đoạn trừ ngã mạn* lại ám chỉ cho Giới học?

Do trong câu hỏi của người hỏi có chữ "*ngã mạn*", Ngài có nhiều cách trả lời; khi thấy người này cần phải được trả lời như vậy Ngài dùng chính chữ của họ, nhưng cho định nghĩa mới. Phật khác mình là ở chỗ đó. Ngày trước tôi xem kinh điển tôi thấy có nhiều trường hợp người ta hỏi Ngài mà cách trả lời của Ngài tôi thấy hơi ngồ ngộ. Khi thêm tuổi chút xíu thì tôi thấy ra một chuyện mà lẽ ra mình phải thấy từ lâu rồi nghĩa là thấy Ngài trả lời ngộ ngộ mà cuối cùng người đó vẫn đắc quả. Chúng sanh có nhiều thứ nhiều loại nên để hoằng pháp tế độ chúng sinh, Đức Phật đã thấu suốt hết, có khi Ngài dựa vào câu hỏi của họ và nói câu hoàn toàn mới nhưng có người Ngài dựa vào câu hỏi của họ và dùng ngay những chữ của họ. Tôi nhớ VN mình dường như có truyền thuyết (mà tôi nghĩ là chắc không có thật đâu) Nguyễn Trãi, Thị Lộ gặp nhau bên hồ Tây. Nguyễn Trãi đọc bốn câu thơ khi thấy người con gái bán chiếu:

Ả ở đâu mà bán chiếu gon?

Chẳng hay chiếu đã hết hay còn

Xuân thu phỏng độ chừng bao tuổi

Đã có chồng chưa có mấy con?

Cô gái bán chiếu tên là Nguyễn Thị Lộ đọc ngay một bài thơ đáp lại:

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon

Cớ chi ông hỏi hết hay còn

Xuân thu mới tuổi trăng tròn lẻ

Chồng còn chưa có, có chi con.

Đó là một cách chơi chữ, người ta hỏi làm sao thì trả lời y chang như vậy, chỉ sửa lại chút xíu. Tôi dài dòng như vậy vì quí vị sẽ gặp trường hợp này nhiều lần trong những bài kinh kế tiếp. Chẳng hạn như ở đây có chữ "*Mānaṃ pahāya",* nghĩa là sau khi đoạn trừ ngã mạn, ở đây phải hiểu là giới học. Nếu ai học A-tỳ-đàm thì sẽ thấy bất cứ cái ác pháp nào cũng được thực hiện từ ý niệm ngã mạn hết. Do vậy người nào diệt trừ ngã mạn thì không thể nào tạo ác nghiệp được. Ví dụ, còn nghĩ *đến tôi, của tôi* thì người ta mới sát sanh, nếu với một cái nhìn thấu suốt rằng mọi thứ chỉ là những sát na sanh diệt liên tục theo duyên mà đến và tùy duyên mà đi, mọi thứ chỉ là phù du lắp ráp, ghép nối, mọi thứ chỉ là sự sanh diệt chớp nhoáng phù du như bóng nắng, hoa đốm thì người ta lấy sức đâu người ta sát sanh trộm cắp thưa quí vị. Nghe có vẻ trớt quớt nhưng thật ra rất là sâu.

"Sau khi đoạn trừ được ngã mạn, khéo tu tập thiền định"

Susamāhitatto: khéo tu tập thiền định

*"Susamāhitatto": '*Tâm định tĩnh'; ở đây chỉ cho Định học trong Tam học

"Sucetaso": chỉ cho tâm thiện hợp trí mà cũng có nghĩa là ám chỉ cho Tuệ học. ("*Su*": tốt; "*cetaso":* tâm. *Sucetaso":* thiện tâm). *Thiện*ở đây ám chỉ cho *thiện hợp trí*. *Thiện hợp trí* trong trường hợp này ám chỉ cho Tuệ học.

Sabbadhi vippamutto: giải thoát mọi sanh y (*khandhāyatanādīsu*) – uẩn, xứ, giới, đế.

Đức Phật nương theo câu hỏi đó mà nói rằng: Người cắt đã được ngã mạn, khéo tu tập thiền định, khéo tu tập tuệ học, giải thoát được *uẩn, xứ, giới và đế*, không bị chìm đắm trong *uẩn xứ giới đế* thì "*Eko araññe viharaṃ appamatto"* nếu một người như vậy đó dầu có sống một mình trong rừng cũng không dễ duôi.

Trong khi lời thưa của vị Trời: *người chưa diệt ngã mạn, không sống thiền định, không có tuệ học, dầu sống trong rừng vẫn tiếp tục dễ duôi.* Đức Phật nương theo câu hỏi đó, Ngài nói: *Người cắt được ngã mạn, khéo tu tập thiền định, khéo tu tập tuệ học, qua được bờ bên kia, thoát được thần chết.*

"Sa maccudheyyassa tareyya pāra''nti": nghĩa là vượt thoát được, qua được bờ bên kia, thoát được thần chết

Ở đây có chuyện mình cần phải biết, *Eko araññe viharaṃ appamatto,* dầu sống một mình trong rừng cũng tiếp tục chuyên cần. dầu sống một mình trong rừng cũng tiếp tục chuyên cần. **"Sống một mình"** là như thế nào?

Có 4 trường hợp viễn ly:

1) Thân viễn ly mà tâm không viễn ly: nói theo trong kinh, thân sống một mình trong rừng sâu núi thẳm nhưng tâm còn chìm đắm trong sáu trần, nói một cách thơ mộng là "*thân trong rừng mà lòng ngoài phố*".

2) Tâm viễn ly mà thân không viễn ly: thân dầu ngoài phố nhưng tâm đang ở trên rừng. Dù sống ở một chỗ không vắng vẻ nhưng lòng đã nguội lạnh rồi đối với trần cảnh

3) Thân và tâm không viễn ly.

4) Thân viễn ly và tâm viễn ly

Chiếc áo không làm nên thầy tu, cái chùa đúng là tịnh xứ, tịnh độ, nhưng tịnh độ đó chưa đủ mắc mớ gì đến tâm mình đâu, nếu mình sống trong cõi tịnh độ của đạo tràng tịnh viện mà lòng mình không yên thì như sống trong hang đá của cao nhân hiền sĩ mà con khỉ cứ lăng xăng. Nếu mình có cạo đầu đắp y, có ở trong chùa trong thiền viện nhưng mình cứ lăng xăng thì giống như một con khỉ trong hang đá của đạo sĩ. Có một vị Hòa Thượng người Srilanka nói câu khá thú vị: Chiếc áo không làm nên thầy tu, cái chùa đúng là tịnh xứ, tịnh độ, nhưng tịnh độ đó chưa đủ mắc mớ gì đến tâm mình đâu, nếu mình sống trong cõi tịnh độ của đạo tràng tịnh viện mà lòng mình không yên thì như sống trong hang đá của cao

nhân hiền sĩ mà con khỉ cứ lăng xăng. Nếu mình có cạo đầu đắp y, có ở trong chùa trong thiền viện nhưng mình cứ lăng xăng thì giống như một con khỉ trong hang đá của đạo sĩ. Có một vị Hòa Thượng người Srilanka nói câu khá thú vị: *Một người không tài không đức, mà lại có chức vụ cao, ăn trên ngồi trước thì giống như con khỉ ngồi trong bàn tiệc ở đại sảnh.* Đại sảnh thì cứ hoành tráng nguy nga, bàn tiệc cứ sang trọng mỹ lệ, nhưng con khỉ vẫn là con khỉ. Đại sảnh bàn tiệc có nguy nga sang trọng cũng không thể nào cứu vãn tình trạng con khỉ của con khỉ. Con khỉ vẫn hoàn cốt khỉ. Đó là cái mình phải ghi nhận, mình tu cái gì mình thành Phật cái đó, mình tu tâm thì mình thành Phật bằng tâm còn mình tu hình thức mai mốt mình chỉ thành có cái hình thức thôi. Sanh ra thì ngó cũng hơi đẹp đẹp vậy đó nhưng không phải Phật.

RỪNG NÚI

Theo chú giải, có một vị tên là Bhummadeva (Địa cư thiên), sống trên mặt đất. Nói là sống trên mặt đất nhưng vị này có thể sống trong nhà của mình, trong ngạch cửa, hay trong buồng, dưới sàn, giường của mình thì cũng gọi chung là Bhummadeva. Có một vị Địa Cư Thiên như vậy đó, sống trong rừng, vị này nhìn thấy chư tăng tỷ kheo mỗi ngày phải vào làng xa đi khất thực, dĩ nhiên là trong điều kiện sống giữa rừng như vậy, các ngài chỉ ăn đúng bữa thôi. 'Đúng' nghĩa là không có điểm tâm. Chùa ngoài phố thì sáng có điểm tâm nhẹ nhẹ rồi ôm bát đi, đi xong rồi về ăn buổi trưa; buổi chiều thì Phật tử đến cúng dường nước uống, nước trái cây, sữa, kẹo sô cô la…

Vị Địa cư thiên này mới hỏi:

"Thường sống trong rừng núi,

Bậc Thánh sống Phạm hạnh,

Một ngày ăn một buổi,

Sao sắc họ thù diệu?

"

Đức Phật trả lời:

"Không than việc đã qua,

Không mong việc sắp tới,

Sống ngay với hiện tại,

Do vậy, sắc thù diệu.

Do mong việc sắp tới,

Do than việc đã qua,

Nên kẻ ngu héo mòn,

Như lau xanh rời cành."

Vị nào trong đời sống: *"Atītaṃ nānusocanti"*- không khổ tâm khi nghĩ về quá khứ; *"nappajappanti nāgataṃ"*- cũng không nghĩ ngợi nhiều về tương lai thì mặt mày nhìn sáng sủa.

Khi đọc chú giải, tôi nghĩ chắc chú giải chỗ này giống kinh Nhất Dạ Hiền: *"Quá khứ không truy tầm, tương lai không ước vọng",* không nghĩ về sắc thinh khí vị xúc đã qua, lòng không hy cầu trông đợi về sắc thanh khí vị xúc tương lai. Cũng giống như vậy nhưng ở đây hơi khác một chút, Đức Phật giải thích: *Đệ tử của ta ngày ăn một bữa sáng không điểm tâm, chiều không thức uống, y áo rất hạn chế nhiều khi rách nát vá khâu chưa kịp nhưng họ vẫn đẹp là bởi vì họ không nghĩ ngợi khổ tâm về quá khứ.*

Khi tôi qua Miến Điện, Thái Lan, tôi được tăng sinh trao truyền cho cái kinh nghiệm: nếu muốn cho người ta tu tập đàng hoàng thì đưa thẳng qua Miến Điện đừng đưa qua Thái Lan. Tu học Miến Điện thì có điểm sâu sắc hơn Thái Lan. Nếu có lòng tu hành, không phải muốn sung sướng thì nên học ở Miến Điện hơn ở bên Thái Lan. Muốn để cho người ta ở Miến Điện ngon lành đừng vọng móng thì đừng cho ghé Thái Lan, nếu tăng sinh trẻ người non dạ đã ở năm ba ngày ở Thái Lan rồi thì đố mà về Miến Điện ở nổi. Ở Thái Lan, buổi sáng trời nóng lắm, đêm ngủ không được, sáng đang nằm ngủ trễ chưa dậy mà sư kêu tôi dậy ăn sáng. Tôi mở mắt ra tôi bàng hoàng ngơ ngẩn. Một ông sư đi bát mà thực phẩm đủ cho sáu, tám hoặc mười người ăn. Sư đó còn nói với tôi: *Tôi làm biếng lắm, lấy nhiêu đó thôi*. Có những ông sư đi bát mà chở bằng xe ba bánh. Một núi thức ăn. Trong đó có sầu riêng, măng cụt, xôi xiêm, đồ luộc, đồ xào, đồ hấp…. Trong khi đó qua Miến Điện thì đói nhăn răng mà đồ ăn nguội lạnh tanh rình. Xứ sở thì dơ tàn khốc. Lên những ngôi tháp mà họ nói là linh thiêng gì đó không biết, họ

bắt mình đi chân không, trời đất ơi tàn thuốc với xác trầu tràn lan trên đó. Tôi không giàu có sang trọng gì mà có cái kỵ đi chân không. Đạp nước, tôi gớm lắm, nước bọt, nước uống người ta làm đổ, hay sương gì không biết, đạp lên đó là tôi rùng mình mà giờ tôi kể cho bà con mà tôi rùng mình thêm vài cái. Hoặc đi chân không mà nhám cát cũng chịu không nổi.

Một vị tỷ kheo sống mà cứ so sánh quá khứ với hiện tại làm sao mà sống.

"nappajappanti nāgataṃ," sống mà lấy cái hiện tại so sánh với cái tương lai làm sao mà sống. Ví dụ như nghĩ bây giờ sống Thái Lan sướng như thế này, mai mốt đi về Miến Điện không biết có được hay không. Hoặc nghĩ bây giờ mình khổ quá, mình nghe nói hình như Thái Lan tốt lắm thôi để ráng ra hạ ở Miến Điện rồi chạy về Thái Lan sống, nếu nói theo tinh thần rốt ráo của Đức Phật thì cách nghĩ như vậy là không tốt. Mình không nên nghĩ rằng trước khi mình đi qua bên đây mình ở VN sướng quá trời sướng, trước khi mình đi qua Miến Điện mình ở Thái Lan mình sướng quá trời sướng, đó là nghĩ về quá khứ. Hoặc nghĩ mai mốt hết hạ từ Miến sẽ về Thái, từ Thái sẽ về VN, mình sẽ có cơm bánh dâng tận miệng, rồi người ta tôn thờ như thần tượng. Đó là nghĩ về tương lai. Điều quan trọng nhất là vị tỷ kheo sống an lạc với từng điều kiện có được trong hiện tại. Bởi vì phải nói rằng, giá trị thật của đời sống nó chỉ là phút giây đang diễn ra trước mắt mình, right now, right here, chỉ tại đây và bây giờ, nếu mình không thưởng thức vị ngọt của nó thì coi như là không biết bao giờ mình mới thưởng thức được đời sống. Xưa tôi đọc câu danh ngôn mà không hiểu: sống mà lấy cái hiện tại so sánh với cái tương lai làm sao mà sống. Ví dụ như nghĩ bây giờ sống Thái Lan sướng như thế này, mai mốt đi về Miến Điện không biết có được hay không. Hoặc nghĩ bây giờ mình khổ quá, mình nghe nói hình như Thái Lan tốt lắm thôi để ráng ra hạ ở Miến Điện rồi chạy về Thái Lan sống, nếu nói theo tinh thần rốt ráo của Đức Phật thì cách nghĩ như vậy là không tốt. Mình không nên nghĩ rằng trước khi mình đi qua bên đây mình ở VN sướng quá trời sướng, trước khi mình đi qua Miến Điện mình ở Thái Lan mình sướng quá trời sướng, đó là nghĩ về quá khứ. Hoặc nghĩ mai mốt hết hạ từ Miến sẽ về Thái, từ Thái sẽ về VN, mình sẽ có cơm bánh dâng tận miệng, rồi người ta tôn thờ như thần tượng. Đó là nghĩ về tương lai. Điều quan trọng nhất là vị tỷ kheo sống an lạc với từng điều kiện có được trong hiện tại. Bởi vì phải nói rằng, giá trị thật của đời sống nó chỉ là phút giây đang diễn ra trước mắt mình, right now, right here, chỉ tại đây và bây giờ, nếu mình không thưởng thức vị ngọt của nó thì coi như là không biết bao giờ mình mới thưởng thức được đời sống. Xưa tôi đọc câu danh ngôn mà không hiểu: **"Nếu ngay bây giờ bạn không thể hạnh phúc thì suốt đời này bạn không thể hạnh phúc".**

Câu này rất dễ hiểu lầm. Phải hiểu thế này, nếu ngay hiện tại mà không chịu an lạc, cứ trông đợi hy cầu ở tương lai thì biết kiếp nào mới an lạc đây. Trong khi đó thực ra mà nói, hiện tại dù chát chua cay đắng cỡ nào đi nữa, đắng hay ngọt là do mình. Tôi biết khi nói vậy nhiều người nghĩ tôi đạo đức giả hoặc nghĩ tôi sung sướng quá nên nói vậy. Điều kiện nào cũng là một bối cảnh hạnh phúc và đau khổ. Do mình thôi. Có câu chuyện, một người mẹ nói với con: *Ở Mỹ này người ta tệ quá, má lớn tuổi như vậy, đứng trên xe bus Phúc Lộc Thọ mà người ta không nhường chỗ cho má, một người lớn tuổi mà họ đối xử tệ như vậy*. Đứa con trai nói: *Con lại nghĩ khác, người ta không thấy má già thì làm sao người ta nhường đây*. Nghe như vậy bả nhe răng cười. Hôm sau đi chợ bả về vẫn buồn, đứa con trai hỏi có chuyện gì, bà nói: *Hôm nay có đứa nhường chỗ cho má, chắc là thấy má già*. Câu chuyện đó tôi rất tâm đắc. Người ta không nhường chỗ cho mình thì mình buồn vì nghĩ người ta không tôn trọng mình nhưng nghe giải thích là người ta không thấy mình già thì mình lại vui, hôm sau người ta nhường chỗ cho mình, mình lại buồn vì nghĩ người ta coi mình già. Rồi có một bà nọ ở gần chùa làm công quả, bà có hai đứa con gái một đứa bán áo mưa, một đứa bán nhang. Cứ mỗi lần trời mưa, nhớ đứa bán nhang, bà khóc; mỗi lần trời nắng nhớ đứa bán áo mưa bà khóc. Trụ trì hỏi lý do, khi biết ra ông nói: *Sao trời nắng bà không nghĩ đứa bán nhang, trời mưa thì bà nghĩ đứa bán áo mưa, nghĩ vậy thì bà đâu có khóc*. Vấn đề là bà nghĩ tréo cẳng ngỗng. Vấn đề do mình suy nghĩ thôi. Đó là những câu chuyện tôi không coi là chuyện cười mà đó là bài học sống rất đẹp, rất cần thiết, rất là minh triết, kể hoài không chán. Vì vậy, sống trong hiện tại thì nó làm sao, sống y chang như vậy, đừng thêm bớt gì hết, đó chính là nghệ thuật dưỡng sinh. Trong chú giải có giải thích thêm một điều nữa là khi thân có an thì tâm mới lạc, cái tâm mình an lạc thì cái thân an lạc theo. Cho dù có bơ sữa sung sướng nhung lụa cách mấy mà tâm không có yên thì dứt khoát người đó không an lạc, nhưng nếu người đó chân lấm tay bùn mà cái tâm ok thì tôi bảo đảm người đó được an lạc. Một người dù cho giàu có đến mấy mà đời sống tâm linh nghèo nàn thì tôi rất nghi ngờ về khả năng hạnh phúc của họ, và nếu đó là người thân của tôi thì tôi rất là lo ngại, không yên tâm. Nhưng nếu người đó đời sống vật chất có khó khăn nhưng tôi biết là một người uyên thâm Phật pháp, đây là một hành giả rất là tinh tấn thì khả năng an lạc rất là lớn. Nếu quí vị nói với tôi rằng người đó an lạc người đó hạnh phúc, tôi tin ngay, tôi không nghi ngờ. Vật chất ok mà tinh thần không ok thì khả năng an lạc không ok. Trong đây có giải thích một điều thế này, khi mà cái thân an lạc thì sẽ nó sẽ tạo ra cái sắc tâm dễ coi. Đó là một giải thích rất chuyên nghiệp. Một người không đẹp nhưng có thiền định, sống không bị phiền não thì thấy họ sáng. Tôi có dịp nhìn thấy những người

như vậy, ví dụ sư Thiện Phúc, rất tinh tấn, mỗi lần vị này xả thiền tôi nhìn tôi biết, trông lấp lánh mà lạ lắm, nhìn da hồng mà người dễ thương lắm, nhìn tịnh lắm. Còn những người héo sầu, như tôi biết, một vị sư bạn sắp hoàn tục tôi không kể tên làm gì, chuyện buồn lắm, xin cứ xem cuộc đời như khúc hát, đoạn nào buồn xin bỏ bớt cho vui; tóc thì dài, tâm tư thì trời ơi đất hỡi mới hoàn tục chứ, nhìn ổng thấy nản làm sao đâu, sống hoàn tục mà. Nhưng một người tân thọ sa di, họ mới vào cửa đạo, họ vui vẻ, đức tin còn trọn vẹn, giới hạnh còn sạch sẽ chưa kịp lấm nhơ, họ đẹp lắm. Không phải do đẹp trai mắt mũi ngon lành mà đẹp do trong tâm phát ra. Người ta nói cái nết đánh chết cái đẹp, (dù đôi khi cái đẹp đánh bẹp cái nết, chuyện đó tính sau), dù không đẹp lắm nhưng ăn nói lễ phép, đi đứng nói năng từ tốn điềm đạm thong thả nhìn cũng hay hay. Còn đẹp thiệt nhưng ăn nói vô duyên, chưa nói đã cười, lóc chóc, nhìn cũng nản, cái tâm ảnh hưởng đến sắc tâm là chỗ đó. Nếu một người có nội tâm an lạc tĩnh lặng, dứt khoát họ phải thong thả tự tại ghê gớm lắm. Đây chính là nội dung bài Kinh Rừng Núi. Chúc bà con một ngày vui, hẹn ngày mai.

Bài giảng ngày 28-5-2014 *II. PHẨM VƯỜN HOAN HỶ* VƯỜN HOAN HỶ (Nandanasutta)

Trước hết xin nói sơ qua về tựa kinh "Vườn Hoan Hỷ" (*Nandavana).* Sáng nay chúng ta chịu khó sống trong không khí hơi cổ tích một chút. Theo trong chú giải, trái đất chúng ta chỉ là một phần nhỏ trong cái gọi là "một thế giới", theo định nghĩa của PG truyền thống. Theo kinh điển truyền thống thì có vô lượng vô số thế giới, mỗi thế giới gồm rất nhiều cảnh giới của các loài chúng sinh. Ví dụ cõi Dục Giới là thế giới dành cho những chúng sinh sống chết buồn vui trong năm cảnh dục, mắt thích nhìn, tai thích nghe, mũi thích ngửi, lưỡi thích nếm, thân thích xúc chạm v.v... Cõi Dục giới gồm 4 cảnh giới sa đọa và thiện thú - gồm 1 cõi người và 6 cõi Dục Thiên. 11 cõi này gọi là tầng Dục giới. Tầng Sắc giới gồm 16 cõi dành cho các vị Phạm thiên hữu sắc, những người sống trong thiền định có đủ danh, đủ sắc, đủ tâm và hình dáng. Bốn cõi Vô sắc thì gọi là cõi cho vui chứ chúng sinh ở đó không có hình tướng làm gì có cõi. Tổng cộng lại là có 31 cõi[1], cứ 31 cõi như vậy theo mô tả trong kinh giống như một trái lựu có 31 hạt nằm bên trong. Mỗi thế giới có 31 cõi, giống như một khối cầu, một trái lựu. Cõi Đao Lợi là một trong 31 hạt đó và có vô số vô lượng trái lựu như vậy chứ không phải chỉ có một trái.

Cõi.

Theo trong kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy có 3 *khetta*tạm gọi là 3 *khu vực*:

1/ *Jātikhetta* (sinh vức): Khi một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, trong phạm vi 10 nghìn thế giới chung quanh (31 cõi) phải không có vị Phật nào ra đời ngoài Ngài hết. Ví dụ khi Đức Phật Thích Ca ra đời thì trong khắp phạm vi 10 ngàn thái dương hệ như vậy không có vị Phật nào ra đời chung trong một khu vực (*Jātikhetta*) này hết.

2/ *Ānakhetta*. (uy vức): Gồm 1000 tỉ (trillion), thế giới nằm trong vùng chấn động của lời Phật đây là khu vực thuyết giảng của một Đức Phật, chẳng hạn như khi Ngài thuyết các kinh quan trọng. Phạm vi hoạt động của một vị Phật là 1000 tỉ galaxy vũ trụ thì không có vị thứ hai có mặt trong đó. Sự chấn động, lan tỏa một ngàn tỉ thế giới.

3/ *Visāyakhetta* (tuệ vức), khu vực (zone) phạm vi hiểu biết của một vị Chánh Đẳng Chánh Giác không giới hạn. Ngài Anuruddha, đệ nhất thiên nhãn cũng chỉ nhìn thấy một ngàn vũ trụ mà thôi. Trong kinh có câu thế này*:* **Yam yam**

tathāgato ākankhati tam tam tathāgato pajanati (Đức Như Lai hướng tâm đến đâu thì Ngài lập tức hiểu biết đến đó về cả không gian lẫn thời gian trong ba đời mười phương). Ví dụ Ngài muốn biết trong bán kính là 1 tỉ năm ánh sáng có chuyện gì nổi bật, đang xảy ra, có ảnh hưởng gì đến việc Ngài đang làm đang nói,… và Ngài muốn biết đời trước của một chúng sinh cách đây 8 ngàn tỷ a-tăng-kỳ hoặc tương lai của một chúng sinh cách 15 ngàn a-tăng-kỳ thì cũng không giới hạn. Quí vị có nghĩ tôi đi quá xa so với chánh kinh?

Tôi muốn nhân lớp học này có những khái niệm mà quí vị bắt buộc phải biết. Ví dụ, a-tăng-kỳ (asaṃkhyeya) có nhiều nghĩa, đó là tên gọi của một con số, cũng là tên gọi của một đơn vị thời gian. Trong tiếng Việt có chữ "*năm*", có nghĩa là một đơn vị thời gian gồm 12 tháng hoặc 365 ngày, và nó có nghĩa là tên gọi của một con số có giá trị là 4+1, 3+2, 8-3 v.v... Chữ '*asaṃkhyeya'* cũng vậy, có hai nghĩa, nghĩa đen là *không thể đếm được* (vô số), nhưng nghĩa chuyên môn của nó là tên một con số bằng 10140, (có nghĩa là được viết 1 và 140 con số zero). Trong toán học hiện đại có số logon có 160 con số zero: 10160. Trình độ toán học ngày xưa của Ấn Độ cách đây mấy ngàn năm đã có con số *asaṃkhyeya* rồi. Nghĩa thứ hai của *asaṃkhyeya*, theo như giả dụ trong kinh là có một cái thùng hình vuông, mỗi cạnh của nó là 1 do-tuần (*Yojanna*); có chỗ nói một do-tuần tương đương 16km, có chỗ nói 9km, có chỗ nói là 11km; trong thùng đó đựng đầy hột cải. Cứ 100 năm như vậy lấy ra một hột, lấy chừng nào hết thùng đó thì được gọi là một đơn vị thời gian: *a-tăng-kỳ*. Một a-tăng-kỳ kiếp là một con số, một đại kiếp là tuổi thọ của một trái đất. Khi nói Bồ tát tu 20 a-tăng-kỳ đại kiếp thì phải hiểu rằng đây là kiếp của trái đất. Vì sao không phải là kiếp người, vì kiếp người có dài có ngắn, còn kiếp của trái đất thì tối thiểu có 4 giai đoạn: thành, trụ, hoại, không.

Giai đoạn hình thành của một thái dương hệ theo trong kinh mô tả là trước hết có một đám mưa rất lớn. Đám mưa này không do hơi nước mà do quy luật vận hành của các pháp hữu vi cộng với duyên nghiệp của chúng sinh mà có đám mưa như vậy. Đây là một khối nước nằm từ một điểm A nào đó rơi xuống điểm B trong không gian vô tận. Nước mưa ngưng tụ thành một khối, đặc dần và kết lại thành ra một trái cầu, đây là giai đoạn *thành*.

Giai đoạn trụ là sau khi có đủ mặt trăng, mặt trời, cây cỏ đất đá sông hồ kinh rạch chim muông kéo dài được bao lâu, tạm gọi thời gian đó là X. Sau khi hoàn chỉnh thì sẽ kéo dài một giai đoạn tương đương *giai đoạn thành*

Giai đoạn trụ kết thúc thì đến *giai đoạn hoại.* Có 3 cách: hoại bằng lửa, hoại bằng nước, hoại bằng gió. Hoại bằng lửa thì có 1 mặt trời, 2 mặt trời, 3 mặt trời xuất hiện, khi có 7 mặt trời thì dãy vũ trụ 100 ngàn tỉ đều bị cháy rụi. Bảy lần hoại bằng lửa thì có một lần hoại bằng nước. Bảy lần (1000 tỉ vũ trụ) hoại bằng nước thì có một lần hoại bằng gió. Khi hoại bằng gió thì có cơn cuồng phong cuốn phăng 100 ngàn tỉ vũ trụ. Hoại bằng lửa thì cháy lên cõi Sơ thiền. Hoại bằng nước thì có lượng nước từ không gian ập xuống, cuốn phăng 100 ngàn tỉ thế giới từ cõi Địa ngục lên cõi Nhị thiền. Hoại bằng gió thì cuốn lên cõi Tam thiền. Sau khi 100 ngàn tỉ bị hoại thì một thời gian sau sẽ tái hiện với hình dạng mới. Các pháp đều vô thường là như vậy. Chúng sinh trên đó tái sanh về cõi khác, ai đủ phước thì sanh về cõi Quang Âm Thiên, ai vô phước thì sanh vào những vũ trụ nằm ngoài phạm vi đang tiêu hoại để tiếp tục làm kiến, làm con mối cho đến bao giờ hết nghiệp thì thôi. Trong kinh điển Bắc Tông không nhìn nhận chuyện từ vật vô tri tạo ra con kiến con mối, rồi tu hành từ từ thành con lớn hơn như con chim sẻ con tôm, và từ con khỉ con mèo tu từ từ rồi cuối cùng thành con người. Trong kinh điển Nam Tông thì một con mối nhỏ xíu trước đây rất có thể là Tần Thủy Hoàng, Caesar đại đế, Napoléon v.v... cũng là chuyện bình thường.

Tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung, vòng luẩn quẩn này cứ lặp đi lặp lại vô số lần trong suốt dòng sanh tử, bốn giai đoạn *thành- trụ - hoại - không* đó có thời gian tương đương với nhau. Chỗ trước đây là một hành tinh có thể trở thành một khoảng không. Một trái đất có bốn giai đoạn *thành- trụ - hoại - không*, một vị Bồ tát tu tập Ba-la-mật để thành vị Phật hạnh trí tuệ thì phải trải qua 20 a-tăng-kỳ, 100 nghìn đại kiếp. Muốn trở hành vị toàn giác hạnh đức tin thì lâu gấp đôi: 40 a-tăng-kỳ và 100 nghìn đại kiếp. Người mà đức tin và trí tuệ đều kém nhưng chỉ có hạnh tinh tấn thì phải trải qua 80 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp (như Phật Di Lặc chẳng hạn) để huân tập công đức, không chùn bước trước bất cứ một khó khăn, hoặc không chạy theo bất cứ cám dỗ nào trong suốt thời gian đó để huân tập pháp lành loại bỏ ác pháp, nên khi thành Phật thì trí tuệ và phước báu không có giới hạn. Máu và lệ để đổ ra khi hành Ba-la-mật như biển, xương trắng chất cao như bao nhiêu ngọn núi. Cặp mắt Ngài móc ra bố thí cho người ta như sao trên trời. Kiếp chót thì thời gian rất ngắn, dù sống bao lâu đi nữa thì thời gian kiếp sống không thể bì được thời gian một phần ngàn tỉ, một phần triệu tỉ của giai đoạn Ba-la-mật. Hôm nay chư Phật hiếm hoi vì theo như trong kinh có một thời gian cả a-tăng-kỳ đại kiếp không có một vị Phật nào. Trong kinh nói rõ thế này:

- Đại Kiếp Khánh Tài (*sārakappa)*: trái đất có một vị Phật. *(Tài ở đây là lõi cây, vị Phật duy nhất ấy được ví như phần lõi của một thân cây).*

- Đại Kiếp Tinh Ba (*māndakappa)*: trái đất có hai vị Phật ra đời. Tinh Ba ở đây là tinh chất.

- Đại Kiếp Tài Ba (*sāramaṇḍakappa):* trái đất có 3 vị Phật ra đời. Tài Ba là Khánh Tài và Tinh Ba ghép lại.

- Đại Kiếp Thù Thắng (*vārakappa):* trái đất có 4 vị Phật ra đời

- Đại Hiền Kiếp (*Bhāddakappa:)* trái đất có 5 vị Phật ra đời

- Đại Không Kiếp (*suññakappa)*: trái đất không có Phật nào ra đời.

Chuyện trái đất không có Phật ra đời đôi khi nhiều đến một a-tăng-kỳ đại kiếp, vì khó quá và cơ hội làm người cũng vô cùng hiếm hoi. Theo trong kinh, có một miếng ván có một lỗ rộng đủ con rùa đút đầu vào đó, miếng ván này trôi dập dềnh từ bờ biển này sang bờ biển kia, 100 năm mới có một con rùa mù dưới biển trồi lên một lần, xác suất con rùa đút đầu ngay vào lỗ ván đó thì thấp biết bao nhiêu, bằng một sự may mắn, phép lạ nào đó thì con rùa mới đút được đầu vào lỗ ván, cơ hội làm người còn thấp hơn cơ hội đó nữa. Nếu được làm người, được gặp Chánh pháp, được gặp Phật, không phải câm mù, điếc, khùng điên bẩm sinh, không phải tà kiến, quá khích. Cơ hội gặp chánh pháp như vậy khó vô cùng. Ngay cả những người tự nhận mình là tăng ni, thiện nam, tín nữ thì chuyện siêng năng yêu thích, nghiên cứu, chìm sâu trong Phật pháp cũng không nhiều.

Trên đây là những khái niệm cần biết để học những bài kinh về sau, bây giờ trở lại bài kinh Vườn Hoan hỷ. Cõi Đao Lợi là một hạt trong 31 hạt của trái lựu, có vô số trái lựu trôi bồng bềnh trong không gian vô cùng vô tận này, có một vị Phật ra đời trong một trái lựu nào đó để hoằng pháp thì cực kỳ hiếm hoi, mỗi trái lựu đều có một mặt trăng, một mặt trời. Cõi Đao Lợi, cõi Dạ ma Đâu Suất, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa tự tại đều giống nhau như vậy. Trong bài kinh này đề cập đến một hạt Đao Lợi trong trái lựu đó. Trong kinh nói cõi Đao Lợi là tầng Dục Thiên thứ hai, tầng thấp nhất là Tứ Đại Thiên Vương. Năm mươi năm cõi người thì tuổi thọ tương đương một ngày đêm ở cõi Tứ thiên vương. Năm trăm tuổi ở cõi Tứ Thiên Vương tương đương 9 triệu năm ở cõi nhân loại. Ở cõi Tứ Thiên Vương đó gồm nhiều chúng sinh phức tạp, có noãn thai (sanh từ trứng ra con), thấp sanh (sanh do môi trường ẩm ướt của thiên nhiên), hóa sanh (tự động xuất hiện, tự động biến mất như làn khói). Và cũng có mang bầu, có kinh nguyệt, yêu hận, tình thù như nhân loại. Cõi Đao Lợi cao hơn, một ngày đêm ở đó tương đương 100 năm ở cõi Người. Từ cõi Đao Lợi, thiên nam thiên nữ thương mến nhau, sinh hoạt tình dục

với nhau như cõi người. Cõi Dạ Ma cao hơn thì chỉ ôm nhau. Cõi Đâu Suất thì chỉ nắm tay nhau. Cõi Hóa Lạc Thiên chỉ mỉm cười với nhau. Cõi Tha Hóa Tự Tại chỉ nhìn nhau bằng tâm ái nhiễm là đủ rồi. Riêng cõi Đao Lợi sinh hoạt gần giống nhân loại dưới này, ở đó có một Chánh Pháp Đường, để chư thiên mỗi nửa tháng tụ tập với nhau bàn bạc giải quyết chuyện rắc rối ở Cõi Đao Lợi; cõi Tứ Thiên Vương, hay cõi Người cũng có. Mỗi tháng ở đó có pháp hội, nếu nhằm lúc có vị Chánh Đẳng Giác ra đời thì ở đó cũng có những vị tỳ kheo, đức Phật ở cõi Người lên đó thuyết pháp. Nếu không có Phật hay các vị đệ tử của Thế Tôn đến thuyết pháp thì các vị Thiên tử từ cõi khác xuống thuyết, kể cả Phạm thiên, mỗi nửa tháng cũng lên đó thuyết pháp. Nói hơi cổ tích một chút, tại sao vị Trời này tán thán vườn Hoan Hỷ Nandavana dữ dằn như vậy?

Trên thế giới, hiện nay chúng ta thấy ở Vancouver có khu vườn Victoria, bên Hòa Lan có khu vườn Hoa Tulip, ở Thái Lan có vườn hoa của bà Hoàng thái hậu, Đức có vườn hoa Mainau v.v...; mỗi một chỗ nổi tiếng đều có vườn hoa mà mình vào trong đó là không muốn Niết-bàn, đẹp bạt ngàn dữ dội, nhưng chỉ so với bụi hoa của cái nhà xí của chư thiên thôi vì nó còn bất tịnh do sự lui tới của nhân loại. Vườn hoa Nandavana trên cõi Đao Lợi đẹp cực kỳ, có loại hoa 1000 năm nhân loại mới nở một lần, có những loại dây leo, chỉ cần ngắt ra có một giọt rượu uống vào say suốt một thời gian dài, tiên nam tiên nữ ở đó đẹp cực kỳ. Một hoa hậu hoàn vũ so với một tiên nữ vô danh trên đó giống y chang một con khỉ cái lở loét so với một hoa hậu, ở đó họ sống lâu đến 36 triệu năm ở nhân loại không ốm đau bệnh tật gì hết. Vì sướng quá nên hiếm có vị nào biết tu. Ngay cả chúng ta, nếu mỗi tháng có năm bảy ngàn đô la, có thể đi du lịch nước ngoài sắm đồ sắm đạc như đi chợ thì đã không muốn tu rồi nói chi 36 triệu năm sống sung sướng như vậy đó làm sao tu. Có một vị Trời thấy sung sướng quá nên phát biểu câu mà chúng ta nhìn thấy trong chánh kinh:

Chúng không biết đến lạc,

Nếu không thấy Hoan Hỷ,

Chỗ trú cả Trời, Người,

Cõi ba mươi lừng danh.

Bản Pāḷi:

"Na te sukhaṃ pajānanti,

ye na passanti nandanaṃ;

Trong câu kệ này phải dùng câu thứ hai trước, *Ye na passanti nandanaṃ*: Ai chưa từng thấy qua khu rừng Nandana cõi Đao Lợi, *khu rừng hoan hỉ, hoan hỉ viên*, (đúng ra phải viết *nandanaṃvanan* nhưng trong câu kệ phải viết như vậy đó, khu vườn là *nandanaṃ*thêm chữ *vanan* là khu rừng, lâm viên). *"Na te sukhaṃ pajānanti"* thì người đó không biết gì là hạnh phúc cả. *Āvāsaṃ naradevānaṃ,* chỗ này xứng đáng là chỗ lui tới của nhân thiên, *tidasānaṃ yasassina''nti,* đây là cõi Đao Lợi nổi tiếng. Dĩ nhiên là nổi tiếng trong số những người có thần thông, có học giáo lý thôi, còn những người không học giáo lý làm gì biết cõi Đao Lợi làm gì biết vườn Nandavana. Vị thiên thấy đẹp quá nên nói như vậy.

Đây là Đức Phật kể lại câu chuyện xưa.

"Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, **một vị Thiên khác** *đáp vị Thiên ấy với bài kệ:* **Kẻ ngu**, *sao không biết…*

Vị **Ứng cúng***đã nói:*

"Mọi hành là vô thường,

Tự tánh phải sanh diệt,

Sau khi sanh, chúng diệt,

Nhiếp chúng là an lạc."

Trong chánh kinh chỉ ghi *"một vị thiên khác"* nhưng theo chú giải "một vị thiên khác" đó là một vị nữ thánh (*ariyasāvikā)*, đã chứng quả thánh nhân rồi (*Aññatarā devatāti ekā ariyasāvikā devatā*). Vị nữ Thanh Văn sau khi nghe như vậy thấy vị này dễ duôi quá nên nhắc chừng cho vị này biết là: "Trời đất ơi, vì ông không học đạo). Vị nữ Thanh Văn sau khi nghe như vậy thấy vị này dễ duôi quá nên nhắc chừng cho vị này biết là: "Trời đất ơi, vì ông không học đạo (kẻ ngu) nên ông không biết…"

Chữ '*Ứng cúng'* ám chỉ cho chư Phật và đệ tử chư Phật. Vị A-la-hán cũng là ứng cúng mà vị Chánh Đẳng Chánh Giác cũng là ứng cúng.

Sống lâu cỡ nào lâu mà hết tuổi thọ thì phải chết, sanh vào đâu thì không thể biết. Trong kinh Tương Ưng kể rằng có một vị Trời oai lực lắm trên cung Đao Lợi,

ngày kia dắt một ngàn cô tiên đi chơi, hái hoa. 500 cô lên trên cao hái hoa liệng xuống, 500 cô ở dưới lượm đem về chơi. 500 cô trên cao mất tiêu mà không thấy hoa liệng xuống. Vị Trời dùng thần thông mới thấy 500 cô này biến mất vì hết tuổi thọ ở cõi Trời và đang bị đọa dưới địa ngục. Ông giựt mình vì 500 cô bên cạnh cũng sắp sửa chết. Ông cũng thấy mình sắp chết, sẽ đi địa ngục nên hoảng sợ và nghĩ đến đức Phật, liền đến hầu Phật và được Ngài thuyết pháp; nghe xong thì đắc Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn không còn thân kiến và không bị đọa, thế là ông yên tâm về trời sống, thành một vị Trời trẻ trung, sống 36 triệu năm nữa rồi tính tiếp. Vì sao 1000 tiên nữ đó dễ dàng bị đọa như vậy?

Đơn giản thôi, 36 triệu năm hoàn toàn hưởng dục không hề tu hành một ngày lấy đâu chút công đức nào mà tiếp tục trở lại. Thời Đức Phật, có một lần ngài Mục Kiền Liên nhìn thấy chư thiên ở Đao Lợi dễ duôi lo ăn chơi vui vẻ quá, ngài dùng thần thông lấy ngón chân cái ấn vào tòa lâu đài Vejayanta (Victory) đức trời Đế Thích làm lâu đài này rung chuyển. Chư thiên cứ nghĩ đền đài trên đó kiên cố không gì lay chuyển được giờ đây được mới hiểu ra trên đời này không có gì chắc chắn. Sau khi Đức Phật Niết-bàn (ngài Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất mất trước mới đến Đức Phật viên tịch), có một vị sa di 7 tuổi đắc lục thông, lên cõi Đao Lợi, nghĩ đến ngài Mục Kiền Liên (lúc này đã tịch rồi) nên cũng bắt chước lấy ngón chân ấn vào cho lâu đài rung động để chư thiên kinh cảm và chịu tu hành, nhưng lâu đài chả rung. Vị này về hỏi sư phụ lý do vì sao không thể làm như ngài Mục Kiền Liên, sư phụ nói: *Con có từng thấy miếng phân bò khô trôi trên nước bao giờ chưa.* Thế là vị sa di đã hiểu, lần này trở về ngài nhập vô thiền thủy giới tam muội, niệm đề mục nước khiến cho cả lâu đài bồng bềnh trên nước, rồi ngài nhập địa đại cho ngón chân cứng, rồi nhập thông đại tạo sự lay động, rồi ấn ngón chân vào lâu đài cho nó rung động. Đừng nghĩ vị này ham vui mà là thiện chí của vị ấy. Tại sao cùng một lúc sử dụng nhiều đề mục như vậy?

Ai không tu thiền bao giờ thì nghe dài dòng, nhưng thật ra ba đề mục này chỉ trong nháy mắt. Thần thông, tiếng Pāḷi là *iddhi*, từ ngữ căn là *ijjh* nghĩa là *muốn*. Có vị đắc ngũ thiền mà không có thần thông, có người không đủ ngũ thông mà chỉ có tam thông, tứ thông, nhị thông, nhất thông thôi. Có người xuất gia đắc thiền mà không luyện nhĩ thông được, nhĩ thông là khả năng nghe được những âm thanh xa nhất nhỏ nhất. Vị này tên là Sunakkhatta. Đời trước vị này từng chơi búng sạn, có lần vì ham chơi mà búng viên sạn vào lỗ tai một vị Phật Độc Giác, khiến vị Phật Độc Giác này viên tịch. Thần thông của vị Phật Độc Giác nhiều hơn ngài Mục Kiền Liên nữa, nhưng do nghiệp cũ nên khiến vị này chết một cách không đẹp như vậy. Chuyện người thanh niên búng viên sạn vào lỗ tai vị

Phật Độc Giác, ai có coi phim truyện Kim Dung thì biết. Đông tà Hoàng Dược Sư có khả năng *đàn chỉ thần công*, ngón tay co lại là búng sỏi cực mạnh, cao siêu hơn một chút là Lục Mạch Thần Kiếm của Đoàn Dự trong Thiên Long Bát Bộ hoặc nhứt dương chỉ của Đoàn Nam đế, riêng về Đoàn Dự thì có món Lục Mạch thần kiếm, chỉ dùng ngón tay thôi nhưng sức công phá dữ dội lắm... Đây là chuyện tào lao trong kiếm hiệp, nhưng ở đây tôi muốn nói cái tội búng sạn làm chết vị Phật Độc Giác, tới lúc xuất gia đắc thiền nhưng không luyện nhĩ thông được, ông xin Đức Phật dạy cho luyện nhĩ thông, Ngài từ chối, nên ông bất mãn hoàn tục, chuyện về ông dài thăm thẳm, được nhắc trong Trường Bộ kinh. Trở lại bài kinh, khi một vị Trời ham chơi cảm thấy thích thú hoan hỉ với khu vườn Nadavana nên nói ra những lời thiếu trí tuệ; nên một vị thiên nữ đọc cho vị ham chơi kia bài kệ: Các pháp hữu vi đều là vô thường, đã trót sanh ra thì có lúc bị mất, chỉ chứng ngộ Niết bàn thì mới an lạc. Còn tái sanh quẩn quanh trong cõi sinh diệt này thì dầu hạnh phúc đến mấy thì hạnh phúc ấy cũng vô thường, cũng sẽ nằm xuống xuôi tay đi theo duyên nghiệp của mình: *"Kẻ ngu, sao không biết, Vị Ứng cúng đã nói: "Mọi hành là vô thường, Tự tánh phải sanh diệt, Sau khi sanh, chúng diệt, Nhiếp chúng là an lạc."*

Đây là bài kệ nổi tiếng, hễ có dịp là các vị tu hành đều nhắc đến bài kệ này. Chẳng hạn như lúc Đức Thế Tôn viên tịch, ngài nhập Sơ thiền rồi đến Phi tưởng phi phi tưởng, ra khỏi, rồi nhập trở lại Sơ thiền Sắc Giới… cứ như vậy hai triệu bốn trăm ngàn lần rồi viên tịch. Vì sao những người như Đức Phật hoặc ngài Xá Lợi Phất đều viên tịch tầng Tứ thiền?

Vì theo trong A-tỳ-đàm, nhập tới Tứ thiền thì hơi thở không còn nữa. Một bậc đại thánh như Đức Phật, ngài Xá Lợi Phất… phải ra đi êm ái nhẹ nhàng chứ không như con người bình thường, khi nhập Tứ thiền không còn hơi thở, tâm viên tịch xuất hiện lúc đó, sự ra đi mới đẹp mới êm. Người bình thường thì hít một cái, ngoẹo cổ rồi mới đi. Tôi từng tụng kinh cho người hấp hối, thấy họ ngáp ngáp. Tôi có tụng cho người ta rút ống một lần, người bình thường chết đã thấy ghê, vì đó là một cuộc đảo chánh toàn diện, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc; tim gan tỳ phế thận giương cờ trắng đình công bãi thị tuyệt đối thì cơ thể mới chịu chết. Cơ thể phải đấu tranh giành từng hớp hơi thở như vậy. Lúc cận tử kinh hoàng lắm, thở cà ngáp cà ngáp, ống oxy hỗ trợ một phần thôi, vì phổi yếu quá, lấy hơi thở không nổi, hơi cứ toàn đi ra, nên cái chết không đẹp. Khi Đức Phật nhập tứ thiền, hơi thở không còn nữa, lộ tâm viên tịch xuất hiện, thì viên tịch luôn. Khi Đức Phật viên tịch xong thì đức trời Đế Thích đọc bài kệ này nè: *"Các hành là vô thường, tự tánh sanh diệt, hết sanh diệt rồi, mới thật là an lạc"*. Hôm

nay bà con Phật tử VN đâu có biết là mỗi lần cầu siêu, dầu là giỗ, hay đám ma, thì chư tăng VN bao giờ cũng đọc bài Aniccā Vata Saṅkhārā:

Aniccā vata saṅkhārā

uppāda-vaya-dhammino,

uppajjitvā nirujjhanti

tesam vūpasamo sukho.

Các pháp hữu vi thật là vô thường

Vì chúng mang bản chất sinh ra rồi diệt đi

Hễ cứ xuất hiện rồi phải biến mất

Sanh rồi diệt, hết sanh diệt rồi là sự an lạc thật sự

All things are impermanent.

They arise and pass away.

Having arisen they come to an end.

Their coming to peace is bliss.

Tất cả buổi đám tang, cầu giỗ, cầu siêu thì chư tăng các xứ Nam truyền Thái, Miến, Miên, Tích, Tàu, Việt đều đọc bài kệ này. Chùa Siêu Lý bên trong cổng có câu Tịch Diệt Di lạc, *Tesang vupasamo sukho*. *Tesang* chỉ trong bài kệ này có nghĩa là diệt, trong trường hợp khác có nghĩa là '*bear'*. Sự vắng mặt của hai cái đó (sanh và diệt) thì mới thật sự là happiness. Còn trong thế gian này sự an lạc nào còn sinh diệt, còn mất thì không có chuẩn.

Sáng hôm nay nhân bài kinh này chúng tôi nói một loạt những chuyện bắt buộc quí vị phải biết, tin hay không thì tùy vì đó là cổ tích, nhưng ít ra đây là những thông tin quan trọng cần thiết để mai này có thể nghe và tiếp thu những cái khác. Cũng như nếu nói về phong thủy, tôi - người đang hầu chuyện cùng quí vị đây thì ba cái thứ tử vi phong thủy, Kinh Dịch… nói tôi tin thì chắc chắc không 100%, tôi tin 30 - 40% thôi, tôi coi đó là thứ triết lý thôi. Với bao nhiêu thiên can, địa chi đó mà cộng lại tử vi Tàu chỉ cho lá số của hơn nửa triệu người thôi, chẳng lẽ thế

giới này 7 tỷ người cũng chỉ năm trăm mấy chục ngàn lá số thôi hay sao, lấy gì mà tin trong khi duyên nghiệp chúng sinh mỗi người một khác. Tuy nhiên, hễ nói đến thuốc Bắc thì cũng phải biết thục địa, đỗ trọng, hà thủ ô, kỷ tử v.v... Nói tới phong thủy thì cũng biết những từ ngữ của phong thủy, nói tới tử vi thì cũng biết La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch, nói tới Phật học thì phải có những khái niệm mình phải biết chứ, phải biết a-tăng-kỳ, đại kiếp, A-Tỳ địa ngục, Đao Lợi…, dù không tin nhưng thuật ngữ phải biết chứ, ngôn ngữ là công cụ của tư duy, là phương tiện để trao đổi mà.

VUI THÍCH (Nandatisutta)

"... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Cha đối con vui thích,

Chủ với bò vui thích,

Người sanh y, vui thích,

Không sanh y, không vui.

(Thế Tôn):

Cha đối con sầu muộn,

Chủ với bò sầu muộn,

Người sanh y, sầu muộn,

Không sanh y, không sầu.

2. Nandatisuttaṃ

12. Sāvatthinidānaṃ. Ekamantaṃ ṭhitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi –

''Nandati puttehi puttimā,

Gomā [gomiko (sī. syā. kaṃ. pī.)] gohi tatheva nandati;

Upadhīhi narassa nandanā,

Na hi so nandati yo nirūpadhī''ti.

''Socati puttehi puttimā,

Gomā gohi tatheva socati;

Upadhīhi narassa socanā,

Na hi so socati yo nirūpadhī''ti.

Đây là một bài kinh phải nói rằng nội dung của nó là toàn bộ Phật pháp. Câu hỏi không bận tâm làm chi, câu trả lời của Đức Phật cũng nhẹ nhàng thôi "*Cha đối con sầu muộn, Chủ với bò sầu muộn, Người sanh y, sầu muộn, Không sanh y, không sầu",* nhưng thật ra quí vị ngẫm nghĩ sẽ thấy bài kinh này bao hàm toàn bộ Phật pháp. Suốt 45 năm hoằng pháp Đức Phật chỉ giảng bài này thôi, tinh hoa trí tuệ của 3 đời 10 phương cũng chỉ trong bài kệ này thôi, người nào học hỏi cho đàng hoàng, giờ lâm chung được nghe đọc nghe giảng bài này thì ra đi nhẹ nhàng thanh thản lắm, bài kinh này hộ niệm cầu an cầu siêu cũng tốt, hỗ trợ cho hành giả Tứ Niệm Xứ cũng tốt.

Có một vị Trời hiện xuống lễ Phật. Chuyện chư thiên đến hầu Phật cũng là chuyện bình thường như chuyện Phật tử cư sĩ đến thăm một vị sư; họ thường hay kiếm điều gì đó hỏi Phật vì biết Đức Phật luôn luôn lập tức có ngay một thời pháp liền. Những vị không phải là Đức Phật, nhiều khi họ thuyết pháp mang tính hên xui, họ nói những những điều họ thấy cần, họ thấy thích. Ví dụ hôm nay Phật tử đến thăm chúng tôi, họ muốn nghe pháp mà tôi không biết nói cái gì, tôi đoán mò xem họ muốn nghe cái gì mà họ đang cần. Nhìn cái mặt chắc đang gây lộn với chồng với vợ thì mình nói cái gì mang tính hòa giải dân tộc; nhìn cái mặt bị mất bóp rạch túi thì nói cái gì mang tính phù du của tiền tài; còn nếu thấy cái mặt đang sân thì mình kiếm thời kinh nào mang tính cuộc đời là một quán trọ tất cả là một bầy chim gặp nhau trong một tổ ấm rồi sáng ngày mỗi đứa một hướng bay…Tất cả là hên xui thôi chứ tôi thật sự không biết họ muốn nghe cái gì. Đức Phật thì lại khác, khi đến thưa với Ngài một chuyện nhỏ xíu thôi thì Ngài sẽ có ngay cho mình một bài pháp nhắm thẳng vô trong tâm khảm, cơ duyên tiền kiếp của mình để mình được nghe một bài pháp cực kỳ cần thiết. Đó là lý do tại sao mình thấy suốt cái phẩm này toàn là những vị Trời xuống hầu Phật. Ở đây, vị Trời này thưa với Đức Phật điều mình tâm đắc, đại ý thế này: *Bạch Thế Tôn con thấy được gọi là hạnh phúc là mình phải có cái gì đó, phải sở hữu cái gì đó mới gọi là hạnh phúc, theo con thì hạnh phúc đến từ chữ có, hạnh phúc đến từ chữ*

được, hạnh phúc đến từ cái gì mình nắm trong tay, đó mới là hạnh phúc; trong khi con nghe Ngài và đệ tử của Ngài nói hạnh phúc là buông cái này, bỏ cái kia, diệt cái này, trừ cái nọ, theo con nghĩ là hạnh phúc đến từ cái mình có, mình được, nghĩ vậy không biết đúng hay không.

Đức Phật thấy ông này có tuệ căn nhưng suy nghĩ nông cạn quá, Ngài nói: thực ra hạnh phúc đến từ cái có, rất là mong manh, vì có rồi sẽ không, hạnh phúc đến từ cái được, được rồi sẽ mất, hạnh phúc đến từ cái thắng, thắng rồi sẽ bại. Hạnh phúc có được từ sự đối đãi, từ điều kiện bấp bênh mong manh mang tính tương đối, hạnh phúc đó không có bền.

Sanh y.

Bài kệ của vị Thiên đó vắn tắt thế này: *Mình làm cha làm mẹ có con thì con là niềm vui lớn nhất của mình, mình là chủ nhà chủ đất chủ trại thì tài sản gia súc là niềm vui lớn nhất của mình.* Sanh y (*Upadhī)* là phương tiện, điều kiện, sở hữu. Một cuộc sống hạnh phúc (*Upadhī sampanna)* là có đầy đủ tài sản, sức khỏe, có quan hệ xã hội tốt, lục căn đầy đủ không tàn phế dị tật. Quí vị là người VN quí vị hãy nghĩ ra chữ nào tương đương chữ Upadhī. *Sampanna* có nghĩa là đầy đủ, viên mãn, cụ túc. Đối với một hành giả tu thiền thì chữ *Upadhī sampanna* này có nghĩa khác nữa: "vật thực thích hợp", "trú xứ thích hợp', "thời tiết khí hậu thích hợp", "thuốc men thích hợp" vv.. Nhưng chữ *Upadhī* trong tinh thần nhà Phật thì nghĩa khác. Theo chú giải:

1. Dục sanh y: *kāmupadhī*

2. Uẩn sanh y: *khandhupadhī*

3. Phiền não sanh y*: kilesupadhī*

4. Pháp hành sanh y hay hữu vi sanh y: *abhisaṅkhārupadhī*

Upadhī đây là điều kiện cơ sở để mình luân hồi. Với 4 món trên thì mình luân hồi thoải mái vô tư luôn.

Dục sanh y là niềm đam mê trong năm trần cảnh.

Uẩn sanh y là ngày nào còn 5 uẩn là mình tha hồ tồn tại trên hành tinh trời đất này.

Phiền não sanh y: uẩn là quả của phiền não, phiền não là nhân tạo ra mọi sự có mặt ở đời này. Còn thiện pháp, tuy nói là nó mang chữ thiện nhưng thật ra tất cả thiện hay ác của một chúng sanh phàm phu đều bắt nguồn từ bất thiện hết. Do 4 vô minh trong Tứ Đế mới dẫn đến 3 hành. Nói rằng mình là ông sư, là cư sĩ, là người có đạo…vv nói cho vui vậy thôi, giống y như nhau, tất cả việc thiện ác mình làm đều ít nhiều trực tiếp gián tiếp đều xuất phát từ phiền não hết.

Pháp hành sanh y: Tất cả những danh sắc uẩn xứ giới, tất cả những gì có duyên sanh ra, do duyên mất đi đều là pháp hành sanh y.

Trong câu hỏi của vị Thiên này, *sanh y* của ổng chỉ mang ý nghĩa là "điều kiện", là "phương tiện sống", nhưng đối với Đức Phật thì nghĩa *sanh y* rộng như vậy đó. Bảy tỉ người trên hành tinh này hỏi hạnh phúc là gì thì sẽ chia làm hai phe, một phe trả lời đến từ chữ *có*, một phe trả lời đến từ chữ *không*, nhưng cả có và không này đều nằm ngoài Phật giáo hết. Nhóm thứ nhất, , nhưng cả có và không này đều nằm ngoài Phật giáo hết. Nhóm thứ nhất, *có* là có gì?

Sức khỏe, nhan sắc, tiền bạc, tình cảm, quyền lực, kiến thức, quan hệ xã hội tốt. Nhóm thứ hai: là có gì?

Sức khỏe, nhan sắc, tiền bạc, tình cảm, quyền lực, kiến thức, quan hệ xã hội tốt. Nhóm thứ hai: **Không**là không có gì?

Không nợ nần, không bị vấn đề pháp luật pháp lý, không bịnh hoạn, không kỳ hình dị dạng. Có hai người bạn đi vô nhà thờ cầu Chúa, anh A cầu nguyện: *Xin Chúa cho con được trúng số nhà lầu xe hơi, vợ đẹp, con ngoan giỏi giang…* Anh B thầm thì: *Xin Chúa cho con được thiếu nợ 100 đồng.* Anh A nghe anh B cầu nguyện vậy mới hỏi sao cầu nguyện kỳ lạ vậy. Anh B trả lời: *Tôi thiếu nợ 10 ngàn đô la, giờ xin Chúa được giảm nợ còn 100 đô la là mừng lắm rồi*. Có một nhóm bác sĩ Mỹ sang châu Phi làm tình nguyện, nơi đó không có bệnh viện tối tân, họ dựng lều trại giữa đồng không mông quạnh. Chữa trị miễn phí hết cho sốt rét, tiêu chảy, tim mạch, ung thư vv.. Cũng có máy phát điện, máy đo điện tâm đồ, máy chụp cắt lớp, X quang đủ cả. Có một bệnh nhân tim mạch nặng, đang theo dõi tự nhiên máy điện tâm đồ nhá nhá rồi tắt, người nhà khóc quá trời, nhưng bác sĩ châu Phi nói, không sao, chỉ là máy bị cúp điện. Thân nhân thở phào mừng rỡ. Nếu có người hỏi tôi có khi nào, nghe người thân bị nạn mà vui không, có chứ, chỉ cần họ không bị gì là mình vui rồi. Hạnh phúc đến từ cái có nhưng đôi khi nó đến từ cái không. Chữ . Có một nhóm bác sĩ Mỹ sang châu Phi làm tình nguyện, nơi đó không có bệnh viện tối tân, họ dựng lều trại giữa đồng không

mông quạnh. Chữa trị miễn phí hết cho sốt rét, tiêu chảy, tim mạch, ung thư vv.. Cũng có máy phát điện, máy đo điện tâm đồ, máy chụp cắt lớp, X quang đủ cả. Có một bệnh nhân tim mạch nặng, đang theo dõi tự nhiên máy điện tâm đồ nhá nhá rồi tắt, người nhà khóc quá trời, nhưng bác sĩ châu Phi nói, không sao, chỉ là máy bị cúp điện. Thân nhân thở phào mừng rỡ. Nếu có người hỏi tôi có khi nào, nghe người thân bị nạn mà vui không, có chứ, chỉ cần họ không bị gì là mình vui rồi. Hạnh phúc đến từ cái có nhưng đôi khi nó đến từ cái không. Chữ **Không** này nghĩ theo thế gian thì nghèo nàn, cạn lắm, chữ này nghĩ theo thế gian thì nghèo nàn, cạn lắm, chữ **Không** của Đức Phật mới cao siêu: của Đức Phật mới cao siêu: **Nếu biết có vui thì có khổ, thà rằng đừng khổ cũng đừng vui.** Vì có rồi sẽ mất, chữ Không của thế gian buồn cười lắm, nó chỉ giá trị trong một kiếp, một thời đoạn nào đó mà thôi, còn Không của PG là Không tuyệt đối. Câu trả lời của Đức Phật rất là sâu. Khi vị Thiên nói hạnh phúc đến từ cái sở hữu, Đức Phật nói, có được thì mất được, sanh được thì diệt được, hạnh phúc rốt ráo phải nằm ngoài sanh diệt, còn mất. Hễ còn có mặt ở đời thì những bất trắc vẫn còn treo tòn ten trước mặt mình. Sự đoàn tụ của những người yêu nhau, của những gia đình ly tán trong phim làm người xem phim mãn nguyện lắm nhưng tôi không thấy vui, vì nó trẻ con, lố bịch, vì chuyện đời vốn mong manh phù du. Đức Phật nói, có đó rồi mất đó, tốt nhất là đừng có, đó là ý nghĩa của lời giảng của Đức Phật cho vị Thiên đó. Xin hẹn nhau ngày mai, chúc quí vị một ngày thật là đẹp.
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên
[1] Xem biểu đồ tóm lược 31 cõi trong quyển Triết học A-tỳ-đàm của PG Truyền Thống, (xb 2013) trang 267

Bài giảng ngày 29-5-2014 KHÔNG AI BẰNG CON (Natthiputtasamasutta)

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Thương ai bằng thương con,

Của nào bằng bò nhà,

Sáng nào bằng mặt trời,

Nước nào hơn biển cả.

(Thế Tôn):

Thương ai bằng thương mình,

Của nào bằng lúa gạo,

Sáng nào bằng trí tuệ,

Nước nào hơn mưa rào.

Có nhiều trường hợp người ta tìm đến gặp Đức Phật. Một vị tỳ kheo hoặc cư sĩ, hoặc vị Thiên nhân, họ tìm đến với nhiều lý do, muốn nghe Ngài giảng, hoặc đặt câu hỏi với Ngài. Có trường hợp họ đến nói một điều gì đó đang ưu tư, hoặc tâm đắc và họ biết sau khi nghe xong Đức Phật sẽ cho một lời dạy, một thời giảng dài ngắn nào đó. Chúng ta không có cơ hội gặp một người như Đức Phật, nếu chúng ta gặp một người như Đức Phật chắc chắn chúng ta sẽ thấy được điều đó, bằng chứng là dựa trong kinh ta thấy, bất cứ một đề tài nào, một đối tượng nào mà tìm đến với Đức Phật thì chỉ cần đủ duyên, đủ duyên chứng thánh trí hoặc đủ duyên nghe Ngài thuyết một hai câu pháp, thì lập tức sau khi nghe người ta nói cái gì đó người ta hỏi cái gì đó, Ngài có cái cớ để thuyết giảng vấn đề theo nhiều cách, khi thì Ngài nói trực tiếp, khi thì Ngài nói gián tiếp. Có nhiều khi trả lời thẳng *yes or no*, dứt khoát, có khi hỏi ngược lại người hỏi, hoặc có khi là giải thích, hoặc có khi sẽ im lặng.

Nhìn chánh kinh bài Kinh Nhìn chánh kinh bài Kinh **Không Ai Bằng Con** nếu chỉ xét trên mặt chữ thì thấy không có gì đặc biệt. Thực ra, đọc trong chú giải với một chút nghiền ngẫm sẽ thấy rằng bài kinh này đáng để mình suy tư. Thứ nhất là

vị Trời đó trình lên Đức Phật suy nghĩ của mình, tuy là một vị Trời nhưng mà tập khí còn phàm phu, suy tư thì vẫn còn sót lại từ thời còn là nhân loại, cho nên vị này trình bày những cái mình thấy tâm đắc, vị này thấy trên đời này không có tình thương nào sâu và gần như bất biến như tình thương của cha mẹ dành cho con cái. Chuyện cha mẹ trao hết gia tài cho con, cha mẹ dám vì con mà chết, là chuyện bình thường trong xã hội loài người. Cả đời có thể họ không thương ai hết, bòn rút từng đồng từng cắc, gian thương, đầu nậu, làm đủ cách, nhưng đối tượng sau cùng họ dành dụm tài sản trao tặng chính là con của họ, thông thường là vậy. Vị Trời này thấy như vậy mới nghĩ rằng trên đời này không tình cảm nào bằng mẹ cha dành cho con cái, cũng vẫn theo cách nghĩ của loài người, vị này thấy trong xã hội nông nghiệp, đối với một người làm nghề nông thì gia súc (tiêu biểu là trâu bò) là số một. Có lúc người Tàu phá nền nông nghiệp của nước mình bằng cách mua những móng trâu. Muốn bán móng trâu phải chặt chân trâu, xem như giết mất con trâu. Dĩ nhiên đó chỉ là tin đồn thôi, nhưng đối với những người làm nghề nông nghiệp thì trâu bò là tài sản lớn. Suy nghĩ thứ hai của vị Thiên này cũng rất bình thường, trên đời này không có gì sáng bằng mặt trời, cũng không có nước nào nhiều và mênh mông bằng nước biển. Điều quan trọng nhất ở đây chính là câu trả lời của Đức Phật. Qua câu trả lời chúng ta sẽ hiểu theo nghĩa thông thường bằng kiến thức thường nhật của người sống trong xã hội, còn theo định ngghĩa trong kinh điển thì có những điểm đáng cho mình ghi nhớ.

Không thương ai bằng thương mình.

***Thương ai bằng thương mình**

Ở đây Đức Phật trả lời tình thương lớn nhất không phải của cha mẹ dành cho con cái đâu mà lớn nhất chính là tình thương mỗi người dành cho bản thân mình. Tại sao như vậy?

Trong chú giải có nói rằng, ngay cả khi cha mẹ bị con cái ruồng bỏ bạc đãi thì người cha hay người mẹ già đó vẫn phải tự bươn chải nuôi thân. Chuyện chưa hết đâu, chúng ta thấy như một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác, nói về thì đại bi đại trí thì đâu ai bằng Ngài, nhưng theo trong chú giải nói rằng mỗi mỗi thiện sự mỗi mỗi công đức mà vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác thực hiện thì có 3 ý nghĩa:

1) Buddhatthacariya. Nhắm đến quả vị Chánh Đẳng Giác của mình cho kiếp sau.

2) *Ñātatthacariya.* Nhắm đến tiếp độ quyến thuộc. Ở đây chúng ta phải hiểu rằng không phải Ngài sống nặng tình cảm mà luẩn quẩn tình thân chật hẹp. Quyến

thuộc bà con của một vị Phật là những người hỗ trợ, ủng hộ cho Ngài thực hiện Ba-la-mật chẳng hạn ngài Ananda, ngài Ca Diếp, vua Tịnh Phạn, bà Maya, ngài Rahula… đọc trong kinh Bổn Sinh nhiều lắm. Trong nhiều kiếp và nhiều kiếp, những người thân đó giúp đỡ Bồ tát rất nhiều. Vì vậy Bồ tát Chánh Đẳng Giác bận tâm quyến thuộc là chuyện đương nhiên. Ngay khi đã thành Phật rồi, không còn cái lòng phân biệt bỉ thử thân sơ nữa, nhưng đối với dòng họ Thích Ca, Đức Phật vẫn dành cho ưu tiên đặc biệt. Ví dụ người ngoại đạo theo tôn giáo nào đó muốn trở thành tỳ kheo thì ít nhất phải 4 tháng biệt trú. Biệt trú là phải học hỏi một phần Phật pháp, học cách đi đứng sinh hoạt, đắp y, mang bát, nói năng những cử chỉ lớn nhỏ để quen với nếp sống của một tỳ kheo PG, và 4 tháng biệt trú cho họ một bối cảnh để họ thấm thía xem lựa chọn của họ có đúng hay không. Bất cứ tu sĩ nam nữ nào từ ngoại giáo đều vậy, nhưng dòng họ Thích Ca thì được miễn 4 tháng biệt trú này. Không phải Đức Phật thiên vị, nhưng Ngài biết rõ những người thân thuộc của Ngài là người đặc biệt, ngay cả Đề bà Đạt Đa là người đặc biệt nhất trong đời Đức Phật, đầy oan trái liên tục với Đức Phật, hết sức làm phiền Ngài. Nhưng trước khi đổ đốn, thì ông ta là một vị tỳ kheo rất tốt, là một hoàng tử bỏ hết đi theo Phật, tam y một bát, ngày ăn một bữa, khi đói khi no, khi nóng khi lạnh, chứng thiền ngũ thông, chuẩn mực trên cả chuẩn mực, chỉ có điều là do tiền kiếp nhiều đời có oan trái với Đức Phật.

3. *Lokatthacariya.* Nhắm đến vô lượng chúng sinh hữu duyên mình sẽ tiếp độ sau này.

Đối với một nhân vật có tấm lòng bao dung hải hà như một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác mà chuyện đầu tiên vẫn nghĩ đến mình trước, chuyện quan trọng nữa là tập khí sanh tử, bản năng phản xạ tất nhiên của một phàm phu phải nghĩ đến mình trước. Thân kiến mà, phải nhắm đến mình trước, sau mới đến người khác. Còn phàm phu thì còn thân kiến, còn thân kiến thì việc đầu tiên là nghĩ đến ngã và ngã sở. Khi thương con thì việc đầu tiên là mình nghĩ đó là con của mình. Ngoài đời người ta nói nước mắt chảy xuôi, chỉ có cha mẹ thương con chứ chuyện con thương cha mẹ thì có nhưng không bằng một góc. Nhưng lý do sâu sắc mình phải thấy ở đây là tại sao?

Bản năng của lòng thương con, đầu tiên vẫn là mình cái đã, vì con cái là sản phẩm, là công trình của mình, mình có thể thấy bóng dáng của mình qua con cái chứ không thấy bóng dáng của mình qua cha mẹ mình. Cha mẹ mình là người tạo ra mình làm gì có chuyện mình soi gương ngược bao giờ. Dầu con mình tệ thế nào đi nữa, thì con mình nó vẫn là của mình, thiết thân gần gũi với mình hơn cha

mẹ trong khái niệm thân kiến của phàm phu. Phải nói như vậy! Người ta dễ với nặng lòng với tác phẩm công trình của mình (con) hơn là cội nguồn (cha mẹ) của mình. Nhìn thấy bóng dáng của mình qua cội nguồn thì rất là mờ nhạt, nhưng qua tác phẩm của mình thì rõ nét hơn. Nếu kể từ hôm nay ai đó hỏi tại sao chỉ có nước mắt chảy xuôi, cha mẹ thương con cái, tại sao Phật dạy mình không thương ai bằng thương mình, thì phải trả lời, con cái chính là bản sao của mình, là công trình, là di sản, là tác phẩm của mình nên mình phải nặng lòng hơn rồi, còn cha mẹ chỉ là nguồn cội, mà con người thường xoay lưng chối bỏ nguồn cội của mình, đó là bản chất của phàm phu. Hiểu được cái đó thì sẽ biết vì sao cho đến bây giờ ta vẫn còn lảng vảng trong cõi trầm luân này, bởi vì mình là gốc.

*** Của nào bằng lúa gạo**

Vị Trời nói gia súc là tài sản lớn nhất trong xã hội nông nghiệp. Điểm độc đáo là trong bốn câu trả lời của Đức Phật chỉ có một câu có vẻ liên hệ đến tu hành giải thoát, Ngài chỉ nói 'ánh sáng' là hai chữ 'trí tuệ' thôi, Ngài không nói gì đến *tín, tấn, niệm, định, tuệ, Bát chánh đạo*v.v... Ngài không giải thích và không nói gì thêm, nhưng chúng ta hiểu ngầm, cảm nhận cái sâu sắc nằm sau chữ 'trí tuệ' đó. Ví dụ, ai đó gặp mình ở phi trường người ta chỉ đưa mình hai ba đóa hồng, một cái mỉm cười, một cái gật đầu thì biết đàng sau đóa hồng đó là "cả một trời yêu" chứ không cần một núi quà để thể hiện. Đôi lúc trong đời, chỉ một nụ cười đúng chỗ, một liếc mắt, một cắn môi, một cúi đầu đúng chỗ thôi, thậm chí một sự im lặng đúng chỗ thôi thì ý nghĩa vời vợi ở đằng sau. Ở đây cũng vậy, Ngài chỉ nhắc chuyện tinh thần một chút ấy thôi nhưng quí vị để ý tại sao Ngài bận lòng làm chi từng câu vị Trời ấy nói, tại sao Ngài không nói xẳng xớm rằng *"tất cả đều vô thường, lo mà tu hành đi"* cho xong?

Ngài chìu vị Trời ấy như mẹ chìu con, con nói tới đâu mẹ nói theo tới đó, nói cho con vui, một cách rất thâm hậu. Với câu *"thương ai bằng thương mình"* đã mở ra cho mình một phương trời lồng lộng. Câu tiếp theo *"của nào bằng lúa gạo"*, sâu sắc ở chỗ nào?

Có nhiều thứ gọi là tài sản, gia súc, nhà cửa, ruộng đất, châu báu, tiền bạc, nhưng Đức Phật nhắm đến cái gì thiết thân nhất. Trong chú giải nói, trong khi nguy cấp ngặt nghèo nhất, thì cái dai dẳng bền bỉ nhất là cái mình có thể bỏ vô miệng để sống. Tôi từng được nghe có những người mẹ bỏ ra một vốc vàng cho ông lái tàu lúc đi vượt biên để đổi lấy một xị nước cho con uống. Sẽ có một lúc nào đó vàng, kim cương châu báu không có giá trị gì hết, cái chúng ta cần nhất là cái gì thiết

thân cấp thiết nhất. Vấn đề ở đây không phải là Đức Phật quan tâm đến lúa gạo hay chuyện ăn uống chung chung của phàm phu, đằng sau chữ lúa gạo Ngài muốn nói trong đời sống này hãy sở hữu cái gì thiết thân nhất. Lúa gạo phải thiết thân hơn gia súc. Quí vị còn nhớ sự tích Lang Liêu và bánh chưng bánh dày không. Vua Hùng chọn Lang Liêu chính là tinh thần này, giữa khi những hoàng tử khác chọn kỳ trân dị thảo trên rừng dưới biển thì Lang Liêu âm thầm chọn lúa gạo để làm cái bánh. Đời sống mong manh, con người nhỏ bé, vạn sự thì phù du ảo hóa như bóng nắng bên thềm, cái đáng cho chúng ta bận tâm nhất lưu ý nhất chính là những gì thiết thân nhất. Trong cuộc tu cũng vậy, đừng lăng xăng lít xít, hãy bận tâm cái gì chúng ta có thể đem theo lên giường chết. Tôi nhớ lần tôi thăm Sư trưởng trong bệnh viện Phạm Ngọc Thạch, Sư có nói với tôi: *"Cả đời học Phật, nghiên cứu nào là duyên sinh duyên khởi, A-tỳ-đàm, Tạng Kinh lung tung, lúc cuối cùng mệt quá Sư chỉ còn biết quay trở lại với pháp môn bình dân nhất đó là pháp môn niệm Phật"*. Ở đây không phải là tôi thổi phồng pháp môn niệm Phật, tôi chỉ muốn nói sự thiết thân nhất, cấp thiết nhất, lúc chỉ còn hơi thở ra vào thì họ quay lại cái sở trường của họ. Trong PG cũng có câu chuyện y như chuyện Lang Liêu, hay chuyện trăm trứng Âu Cơ trong truyện cổ VN. Tương truyền vua A Dục có 100 hoàng tử, trong một ngày vui vua truyền cho các hoàng tử đi tìm một tặng phẩm, tặng phẩm nào vua vừa ý nhất thì hoàng tử ấy sẽ được trao vương quyền. Trong kinh nói có một hoàng tử xấu trai nhất, như tổng thống Lincoln của Mỹ vậy đó, lỏng khỏng da dẻ xấu xí. Trong khi người ta đem về châu báu, ngựa trắng, kiệu vàng, hoàng tử xấu xí này đem về cái nồi đất đựng cơm. Vua hỏi: *Con nghĩ sao mà đi tới đây với lễ phẩm không ra làm sao hết vậy*. Hoàng tử đáp: *Thưa cha, cha đâu có thiếu gì đâu, cái quan trọng đây là tinh thần của tặng vật. Trong xã hội này người đáng trọng nhất chính là người lớn tuổi; trong muôn thú con voi là con lớn nhất nên con cưỡi con voi già đến đây. Con dùng cái nồi đất thay vì nồi vàng nồi bạc vì đất chính là tượng trưng cho địa cầu này chính là chỗ sống, tồn tại, của muôn loài. Cơm là món ăn, là nguồn sống cho tất cả mọi hạng người sang hèn mưu trí* (tất nhiên là ở Ấn Độ thôi chứ người Ý thì ăn Spaghetti, Pháp, Thụy Sĩ họ ăn bánh mì). "*Của nào bằng lúa gạo"* chính là lời Đức Phật dạy chúng ta hãy sở hữu cái gì thiết thân nhất, có thể cần đến trong mọi nơi mọi lúc, từ đời sống đến cuộc tu. Ngài nhắn nhủ chúng ta hãy sở hữu cái gì mang tính đắc dụng, cơ động nhất. Có hai chữ này *'cơ động'* và *'địa hình'*. *'Cơ động'* là rất là linh động, cần là có, như "cảnh sát cơ động". Trong tiếng Mỹ có một chữ gọi là '*Terrain'*, các loại đồ thể thao - du lịch có một số đồ dành cho mọi *'địa hình'* (All Terrain Sports), chỗ nào gập ghềnh, khúc khuỷu vẫn có thể sử dụng được, trong hoàn cảnh nào cũng "chân cứng đá mềm" hết.

Ánh sáng trí tuệ

*Sáng nào bằng trí tuệ

Với câu của vị Trời *"Sáng nào bằng mặt trời",* Đức Phật trả lời bằng câu *"Sáng nào bằng trí tuệ"* mang ý nghĩa ánh sáng trí tuệ hơn hẳn tất cả các ánh sáng khác kể cả ánh sáng mặt trời. Đây là nói theo trình độ khoa học của con người thời đó mà thôi. Chỗ tôi đang ở hiện nay, 10 giờ đêm trời vẫn còn hơi sáng sáng. Đêm qua lúc đi ngủ sớm khoảng 10 giờ, tôi liếc ra bên ngoài trời vẫn còn sáng, không đủ để đọc báo, để coi chỉ tay nhưng vẫn còn sáng. Không phải không gian thời gian nào ánh sáng mặt trời cũng làm việc được, nhưng ánh sáng trí tuệ thì khác, dù trong phòng tối thế nào với ánh sáng trí tuệ mình cũng làm việc được, mình có thể suy tư về chuyện quá khứ, suy tư về chuyện tương lai trong khi ánh sáng mặt trời không thể soi rọi được như vậy, không thể mong mỏi ánh sáng hôm nay soi rọi chuyện cũ hôm qua được. Ánh sáng trí tuệ giúp cho mình cắt đứt vô minh, giải thoát sinh tử chứ ánh sáng mặt trời thì không thể.

*Nước nào hơn mưa rào

Vị thiên nói không nguồn nước nào hơn đại dương, Đức Phật nói không có nguồn nước nào hơn mưa, hiểu theo nghĩa bóng của câu thứ tư này giống nghĩa bóng của câu thứ hai. Đại dương là nguồn nước lớn nhất trên hành tinh, Xuân Diệu nói trái đất này là một giọt lệ, vì nước nhiều quá, đáng gọi là một giọt lệ giữa vũ trụ bao la. Trên đời này, nguồn nước lớn nhất chính là đại dương. Trong Nam Hoa kinh, Trang Tử cũng nói: Sở dĩ mà biển được xem rộng nhất, nhiều nhất, lớn nhất vì biển nằm vị trí thấp nhất trong địa cầu này, con người sống càng khiêm tốn thì càng nhận được cái hay từ thiên hạ. Biển là nguồn nước lớn nhất nhưng không phải loài nào ở đâu cũng nhận lợi lạc từ biển, người khát nước không uống nước biển, ở Tây Tạng, Lào, Mông Cổ, Thụy Sĩ làm gì biết biển. Tất cả nguồn nước ở hành tinh này chỉ là sự hoán chuyển đắp đổi luôn luôn mà thôi, tất cả các loại nước (kể cả nước cống) khi bốc hơi thì thành mưa, ý nghĩa thâm sâu của câu này: *Hãy là nước mưa, đừng là nước biển.* Vì nước biển dầu gì cũng còn chỗ xa cách với nhân gian, có những không gian thời gian mà nước biển không lợi lạc cho chúng sinh, còn những trận mưa rào thì ngọt ngào, lợi lạc cho chúng sinh nhiều hơn. Sống ở đời phải sở hữu những gì thiết thân, hãy sống như những trận mưa rào, hơn là sống như đại dương, vì qua đó gần gũi, sẻ chia được nhiều hơn, đó chính là tinh thần ẩn dụ của bài kinh này, học Phật phải học như vậy đó. Bên Tàu có câu *"Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự tức*

đồng ma thuyết", cứ bám khư khư mặt chữ, không biết đọc sách bằng con mắt thứ ba nằm giữa hai con mắt của mình thì phụ lòng chư Phật ghê lắm. Chỉ một lời nói ngắn lìa kinh điển thì đã nói theo ma, mà khư khư theo kinh điển thì nói oan chư Phật.

GIAI CẤP SÁT ĐẾ LỴ (Khattiyasutta)

Giữa các hàng hai chân, Sát-lỵ là tối thắng,

Giữa các loài bốn chân, Bò đực là tối thắng,

Trong các hàng thê thiếp, Quý nữ là tối thắng.

Trong các hàng con trai, Trưởng nam là tối thắng.

(Thế Tôn):

Giữa các loài hai chân, Chánh giác là tối thắng.

Giữa các loài bốn chân, Thuần chủng là tối thắng.

Trong các hàng thê thiếp, Nhu thuận là tối thắng.

Trong các hàng con trai, Trung thành là tối thắng.

Có một chuyện thế này, hình dáng, ngoại dạng của các loài chúng sinh nhiều lắm, không chân, hai chân, bốn chân, hay cả trăm chân như con rít [Chuyện bên lề: Con rít tiếng Latin hay tiếng Anh hay Mỹ đều là centipede (*Centi* là 100, *pedes* là chân), tiếng Pāḷi cái chân cũng là *pada*. Tiếng Latin, *dens* là cái răng, tiếng Pāḷi, *denta*. *Soup*, trong tiếng Pāḷi là Supa], nhưng đặc biệt trong các loài chúng sanh, loài cao cấp nhất phải là loài hai chân. Theo trong kinh, hình dáng chuẩn nhất chính là Phạm thiên, họ cân đối, cao lớn và đẹp, âm thanh của họ là Phạm âm (bhramasara), Phạm âm là tiếng nói của Phạm thiên. Trong các loài chim có loại chim Ca-Lăng-Tần-Già [kalaviṅka (Skt), Karavika (Pāḷi)], giọng nói của Phạm âm hay tiếng con chim này hót đều rất là hay. Chim Karavika có tiếng hót làm mềm lòng người. Khi chim cất tiếng hót, một con thú lớn đang săn mồi nghe là dừng lại, con thú nhỏ bị rượt đuổi cũng không sợ hãi, cũng đứng lại lắng nghe. Chính vì những điều nói trên đây mà câu đầu tiên trong bài kinh này là "Giữa các loài *hai chân*" (*dvipada).* Đó là lý do vì sao Đức Phật được gọi là "lưỡng túc tôn", ai đi chùa Bắc Tông sẽ biết câu này, Phật là Lưỡng túc tôn còn chánh pháp

là Ly Dục Tôn, tăng chúng là Chúng Trung Tôn nghĩa là trong các loài hai chân thì Đức Phật là số 1; trong tất cả các pháp thì Bát chánh đạo là số 1; ý nghĩa tối hậu của Bát chánh đạo là ly dục, ly dục đối với năm trần, thiền sắc, thiền vô sắc, sự hiện hữu của uẩn xứ giới, Tăng chúng được gọi là Chúng Trung Tôn nghĩa là không hội chúng nào trên đời này bằng hội chúng tăng già. Bởi vì tinh thần ở đây chính là buông bỏ hết mọi thứ, đạo mình lạ một cái là anh càng nắm giữ chừng nào kể cả cái tốt đẹp nhất đi nữa, thì anh càng tệ hại. Một cậu học trò kiêu ngạo tự đắc, xem trời bằng vung, mục hạ vô nhân, miễn là học giỏi từ tiểu học sẽ lên trung học, một học sinh kiêu căng tự đại thế nào đi nữa miễn là học giỏi, sẽ lên đại học. Và sinh viên kiêu căng tự đại đến mấy nếu học giỏi thì sẽ lên đại học, sẽ có bằng cử nhân, tiến sĩ… kiêu căng chảnh chọe cỡ nào đi nữa miễn là có năng lực, có trình độ thì sẽ học lên ào ào, tuy nhiên, trong Phật pháp thì không như vậy. Một người có giới luật thanh tịnh, có lòng hào sảng bố thí, một người có khả năng chứng đắc thiền định, có khả năng tu tập thiền Chỉ thiền Quán nói chung, chỉ cần có lòng kiêu ngạo thì không đi xa được, đó là cái độc đáo của Phật pháp. Giáo pháp của Đức Phật phải nhắm đến sự buông bỏ, hội chúng của Đức Phật phải là hội chúng có thể thật sự buông bỏ, bằng không là giáo pháp đó không phải của Đức Phật. Ly dục tôn, Chúng trung tôn là chỗ đó. Từ đó, người có được giáo pháp xuất sắc như vậy, có được hội chúng như vậy, chỉ có Đức Phật thôi, nên Đức Phật được gọi là Lưỡng túc Tôn, nghĩa là Ngài có hệ thống giáo lý xuất sắc và hệ thống đệ tử xuất sắc, từ Phạm Thiên trở xuống không ai sánh bằng Đức Phật hết.

Ở ngoài đời mình khen một vị nào (thủ tướng, tổng thống hay giáo hoàng…) vì vị đó có cái này có cái kia, nhưng trong tinh thần Phật pháp, Đức Phật vĩ đại là vì cái gì Ngài cũng bỏ. Bỏ không phải vì Ngài không có, nhưng mà là Ngài có từ chỗ Ngài bỏ. Người đời có do thu gom, còn Đức Phật có vì Ngài từ bỏ, vợ con tài sản, ngai vua, sự nghiệp hoàng tử… Ngài bỏ hết, bỏ trong nhiều đời nhiều kiếp. Rồi lúc đi xuất gia, đứa con đầu lòng mới chào đời, Ngài bỏ luôn để ra đi. Khi đắc được sơ nhị tam tứ thiền lúc nhỏ, lúc đi học với thầy đắc các loại thiền, đắc đến vô sở hữu xứ, Ngài thấy chưa tới, đến Phi tưởng phi phi tưởng thấy cũng chưa tới, và Ngài bỏ. Đây là thời điểm quan trọng trong cuộc đời Đức Phật mà đa số chúng ta đọc sơ sài chỗ này. Thái độ cầu đạo của Ngài thật đáng lưu ý, cái gì Ngài cũng bỏ và cuối cùng Ngài được tất cả chỉ vì Ngài đã bỏ tất cả, khi thành Phật rồi thì chỉ có tam y quả bát. Nếu có người hỏi quí vị rằng, giữa hai vị A-la-hán, một vị Chánh Đẳng Giác với vị Thanh văn, vị nào buông nhiều hơn thì thấy vị Chánh Đẳng Giác vẫn buông nhiều hơn. Vì sao?

Ngay khi hành Ba-la-mật, Ngài buông hết mọi thứ vật chất, buông cả tánh mạng. Vị Thanh văn chỉ buông tài sản ngoại thân thôi. Khi thành Phật rồi vị Thanh văn bỏ hết tất cả phiền não, vị Chánh Đẳng Giác cũng bỏ hết phiền não, nhưng có một cái vị Thanh văn không thể nào buông được đó là sự bất tri. Sự bất tri đây không phải là phiền não, vị A-la-hán Thanh văn chưa buông hết chỗ mình không biết. Vị Chánh Đẳng Giác buông toàn diện, buông cả cái không biết, vì vậy Ngài được xem là bậc Lưỡng Túc Tôn, tối thắng giữa loài hai chân, loài hai chân tối thắng trong các loài khác.

*Thuần chủng là tối thắng

Cái này hơi chuyên môn chút, tôi chỉ giảng theo kinh thôi không lấn sân sang lĩnh vực của sinh vật học. Theo trong kinh giải thích, loài thuần chủng (*ājānīya)* nghĩa là loài không bị lai tạp với các loài thú khác. Có những loại thú lai tạp sẽ tốt hơn loài thuần chủng, nhưng có những loài lai tạp sẽ mất đi những bản sắc của loài đó. Con Liger là một sự kết hợp giữa con cọp (tiger) và con sư tử (lion), con Leopon là sự kết hợp giữa con báo (leopard) và sư tử (lion), nó rất to. Theo quan điểm sinh học của người Ấn Độ thời đó, thú thuần chủng không lai là tốt nhất, con voi, con ngựa trong kinh của vua cưỡi cũng là con vật thuần chủng. Con ngựa Kiền Trắc mà Bồ tát Tất Đạt cưỡi trong mấy năm lúc còn là hoàng tử và lúc đi xuất gia cũng là con ngựa thuần chủng, nó khôn một cách đặc biệt. Trong chú giải có kể câu chuyện hơi huyền thoại một chút, khi chủ ngồi trên mình, nó còn sợ chuyện chủ bị ướt. Những ẩn dụ đó chỉ là nền để gởi gắm một câu chuyện khác.

*Nhu thuận là tối thắng

'Quý nữ' (*Komārī)*ở đây có nghĩa là gái trẻ, gái tơ (sớm 13, vừa 16), bà Yasodhara lấy chồng lúc 16 tuổi. Đức Phật nói, trong các loài hai chân, tối thắng là Chánh Đẳng Giác, trong các loài cầm thú thì thuần chủng là tối thắng, trong các hàng thê thiếp thì ở đây Ngài không nhấn mạnh về tuổi tác mà nhấn mạnh về chữ "nhu thuận" (*Sussūsā)*. Một bà vợ đẹp, giàu cách mấy, xuất thân danh giá cách mấy nhưng coi chồng không ra gì hết, sống với nhau mà không nể mặt nhau thì lấy gì mà sống. Bên Tàu có câu rất là hay: *Phu phụ tương đãi như tân* (vợ chồng đối đãi nhau như khách), ngày mới quen nhau đối nhau thế nào thì sau này cũng vậy, tương kính như tân. Đàn ông là trụ cột trong nhà cáng đáng cực khổ, phụ nữ phải gồng gánh việc nhỏ hơn trong nhà, có cương có nhu, có âm có dương, đây là cả vấn đề triết học.

Theo chú giải, *"surūpā vā virūpā vā"* một người phụ nữ dầu đẹp hay xấu có lòng nhu thuận thì vui vẻ hạnh phúc hơn. Ngay cả ông chồng có lỗi lầm hay có người khác bên ngoài, mà cô vợ dễ thương biết bổn phận thì cơ hội ông chồng quay về rất lớn, tôi nhân danh đàn ông trên hành tinh này mà nói. Ghen tuông hung hăng hay thiếu thông cảm chỉ đẩy nhau xa hơn mà thôi, trong hàng phụ nữ, *"nhu thuận là tối thắng"*là vậy đó.

***Trung thành là tối thắng**

Vị trời nói trong đám con cái, trưởng nam là số một, thì Đức Phật nói không phải như vậy, vì con có ba hạng: 1. Con thua cha mẹ *(avajata)*, 2. Con bằng cha mẹ *(anujata),* 3. Con hơn cha mẹ *(atijata).* Nói như vậy nghĩa là con thứ hay con cả không quan trọng mà vấn đề là bản thân của từng đứa, đứa nào cũng có khả năng là một trong ba hạng trên. Đức Phật dạy rằng vấn đề không phải là con cả hay con út, mà vấn đề là "*assavo*", HT Minh Châu dịch là '*trung thành'*, còn trong chú giải gọi là "*ovādapaṭikaro*", người con số một trong chánh tạng gọi là "*assavo*" nhưng trong sớ giải giải thích là *ovādapaṭikaro,*người con "biết nghe lời sắp xếp của cha mẹ".

Có cô kia còn trẻ, đi chùa tinh tấn, nhưng thay tình như thay áo, má cô hỏi: *Sao mày giỏi Phật pháp mà lãng mạn đa tình bay bướm vậy.* Cô trả lời, dạ con nghe mấy thầy giảng là không có tiếc cái gì hết mới thành Phật nên có nhiêu con cho hết nhiêu, "tình cho không biếu không". Hiểu kiểu đó là chết rồi. Ở đây phải hiểu ngầm là, với người chồng là người chồng tốt thì người vợ mới là "nhu thuận" (*Sussūsā)* nghen. Bên Tàu có câu *"bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại"*. Bất hiếu hữu tam là: 1. Không phụng dưỡng cha mẹ, 2. Thấy cha mẹ làm sai không can gián, 3. Không con nối dõi. Việc nghe lời cha mẹ *ovādapaṭikaro* thì mình là con người chứ không phải con vật, không nhắm mắt nói sao nghe vậy theo từng lời từng chữ, mà phải kế thừa có phê phán, có chọn lọc.

Bài giảng ngày 30-5-2014

TIẾNG ĐỘNG RỪNG SÂU

Nay là thời giữa trưa,

Loài chim nghỉ yên lặng,

Vang động tiếng rừng sâu,

Ta run, ta khiếp sợ.

(Thế Tôn):

Nay là thời giữa trưa,

Loài chim nghỉ yên lặng,

Vang động tiếng rừng sâu,

Ta vui, Ta thích thú.

Theo chú giải, có một vị thọ thần sống cô độc trong rừng, đầu óc chậm chạp, không an lạc, buổi trưa vắng không thấy ai thì cảm thấy rất cô quạnh. Khi gặp Đức Phật, vị này nói suy nghĩ của mình. Đức Phật dạy rằng đối với Ngài nói riêng và những người tu hành nói chung với bối cảnh như vậy thì tu tập thiện pháp nhiều hơn. Bài kinh này không cần xem chú giải cũng có thể hiểu được, chúng ta chỉ xem chú giải trong những trường hợp đặc biệt. Tôi từng nói, bản chất tự nhiên của đời sống chưa đủ để nói lên gì hết, mà cần cảm nhận của người có mặt trong hoàn cảnh đó nữa, đây là điều rất là quan trọng. Chẳng hạn như nếu nói trên hình thức, trên chữ nghĩa thì sự đông đúc sum vầy hội tụ của những tình thân dù huyết thống hay bè bạn láng giềng đều là chuyện rất là hay, rất là đẹp. Nhưng trong thực tế đối với một số người thì đó là cả một cực hình. Ý nghĩa, cảm nhận về đời sống không phải ai cũng như ai. Với người này, việc đoàn tụ là hay nhưng với người khác thì đó là điều khó chịu. Hôm qua có Phật tử đến thăm tôi, họ nói với tôi là từ lâu rồi họ rất mỏi mệt với chuyện đông đúc sum vầy của nhiều người, nên họ rất là sợ ngày cuối tuần, sợ những dịp lễ lạt nào đó, họ rất lo lắng chuyện họp mặt đông đúc vì họ không biết nói gì trong một đám đông như vậy dù đó là những người thân thuộc, và tôi cũng rất đồng ý như thế.

Có nhiều lúc trong đời sống này, sự cô quạnh là một thế giới rất là đẹp, rất là riêng tư độc lập, nhưng có những người lại sợ sự cô quạnh. Có một ông cụ bên Thụy Điển sống với vợ và bà mẹ vợ, còn con cháu thì ở bên Mỹ, bên Pháp. Sau khi bà mẹ vợ mất, rồi đến vợ ông mất, ông phải vào trong viện dưỡng lão của Thụy Điển. Chiều chiều ông ra ngoài ban công nhìn xuống đường chỗ đậu xe, mắt đăm đắm không biết ông đợi ai. Mấy người trong viện dưỡng lão biết ông rất đơn chiếc nên họ hỏi ông đợi ai, mong chờ điều gì, sao lại thích ngồi chỗ này. Ông đáp: *Tôi biết tôi không có người thân ở đây, nhưng con cháu bên Pháp, Mỹ có qua thăm tôi thì sẽ chúng đi lên từ chỗ đậu xe dưới kia, nên ngày nào tôi cũng ngồi đây nhìn xuống đó*. Suốt mấy năm trời cho đến ngày qua đời, ngày nào ông cũng ngồi như thế. Có những người coi sự một mình, sự cô đơn lại hay. Tôi không phải là thiền sư hay hành giả nhưng từ lâu tôi không có trông chờ một cuộc gọi điện thoại nào, từ lâu lắm rồi tôi không biết giao thừa là gì và đã từ lâu lắm rồi tôi không có hình dung được có ai đó có đủ hấp lực để khiến tôi có thể nói chuyện điện thoại hơn 10 phút mà không ngán, trừ công việc cần thiết. Nếu không phải là công việc mà là hàn huyên chuyện mưa nắng thì tôi không có cảm giác đó nữa. Trong bối cảnh đó phải làm việc với ai lâu thì tôi rất là ngại. Chuyện nhẹ nhàng nhất là cái lớp học này, đó là tâm huyết của tôi, đó là một phần thiện chí của tôi, một phần ý nghĩa sống của tôi, có bữa tôi thức khuya quá, tôi đã để alarm báo thức vậy mà tới sáng nó reo tôi cũng cảm thấy khó chịu dù biết đây là chuyện cần làm. Lâu rồi không bị lệ thuộc một khuôn phép nào, nên không quen. Đời sống này là đắng hay là ngọt, bối cảnh nào đi nữa, đều tùy thuộc vào đời sống tâm lý của mình. Sẽ có một ngày tất cả tiền bạc, tất cả tình thân không có giá trị gì với chúng ta. Lý do là vì chúng ta đã già rồi, tiền bạc biết dùng vào chuyện gì, còn tình thân con cháu thì cũng giống như ông cụ mong ngóng ở trên. Sẽ có một ngày mình sẽ đối diện bốn bức tường chung quanh, ngó đèn khuya trên vách. Làm gì thì làm, chúng ta đã đến cuộc đời này cô đơn và cũng sẽ ra đi cô đơn, sợ nhất là cuối đời không được ra đi thanh thản mà phải đau vài năm nằm liệt giường thì mọi sự còn nặng nề biết bao nhiêu nữa. Phải học sống cô đơn, thưa quí vị. Làm gì thì làm, chồng vợ con cái họ chia sẻ với chúng ta một mức nào đi nữa thì cũng chỉ là người đứng bên thềm, đứng ngoài hiên trước cuộc đời mình thôi. Một người có khả năng sống an lạc với riêng mình là người mạnh nhất. Người dũng cảm nhất không phải là người đánh được con sư tử, mà người hùng mạnh nhất trên đời chính là người có thể sống an lạc với riêng mình. Người Đại Hàn có một câu rất hay: **Không phải người mạnh nhất mới sống được, mà ai sống được mới là người mạnh nhất.** Câu đó có thể là câu minh họa gần nhất cho bài kinh này. Nội dung của bài kinh này là trong hoàn cảnh nào đi nữa thì

khả năng sống của chúng ta mới là quan trọng. Rừng sâu, sự hoang vắng, sự cô quạnh, sự quạnh hiu hay là chỗ phồn hoa đô hội, sự đoàn tụ sum vầy; giàu có hay nghèo hèn; no đủ hay đói lạnh rách nát; trong tất cả các hoàn cảnh đó, cái quan trọng nhất là khả năng sống của chúng ta. Chúng ta phải trang bị cho mình khả năng sống thích nghi với bối cảnh chung quanh, bởi vì chắc chắn có một ngày chúng ta không còn chọn lựa nào khác. Nếu chúng ta không thể thay đổi được đời sống thì nên thay đổi cách nhìn của mình về đời sống. Chúng ta phải tìm cách thỏa hiệp với nó. Nói như vậy không phải là tôi kêu gọi quí vị sống thua cuộc, mà chúng tôi muốn gởi gắm một bài học nhỏ về nhân sinh, ta không thể thay đổi được màu trời thì ta có thể thay đổi màu kiếng râm. Đó là những gợi ý để có thể hiểu được bài kệ này: dầu giữa rừng sâu, có người đau khổ sợ hãi cô quạnh, nhưng cũng trong khu rừng đó có người cảm thấy an lạc. Tại sao vậy?

Bởi vì những điều đó không đến từ khu rừng mà đến từ khả năng tinh thần của mỗi người. Đó là nội dung bài kinh Tiếng Động Rừng Sâu.

NGỦ GỤC

Ngủ gục, nhác, ngáp dài, Không vui, ăn quá độ,

Ở đây, đối chúng sanh, Thánh đạo không hiển lộ.

Ngủ gục, nhác, ngáp dài, Không vui, ăn quá độ,

Với tinh tấn, đoạn chúng, Thánh đạo được thanh tịnh.

Bài kinh này nội dung cũng đơn giản, bà con có thể đọc thẳng chánh kinh không cần chú thích. Ngay trong chú giải cũng không nói gì đặc biệt. Chúng ta biết một phần ba thời gian của đời người là giấc ngủ. Nếu đời sống cho là 75 tuổi thì một phần ba là giấc ngủ, trừ đi những thời gian còn bé dại không có khả năng suy tư, theo đuổi mộng lớn; không có khả năng làm điều mình thích, mình cần, thì thời gian còn lại để mình có thể sống an lạc, sống ý nghĩa không còn lại bao nhiêu hết. Nói như vậy để thấy giấc ngủ là một vấn đề lớn. Nếu mình chỉ ngủ một giấc ngủ bình thường, em bé mới sinh 22 giờ mỗi ngày, rồi 18 giờ mỗi ngày, rồi giảm dần đến lúc nào đó chỉ ngủ 6 đến 8 tiếng mỗi ngày là giấc ngủ bình thường. Chúng ta mất 1/3 cuộc đời để ngủ. Trừ đi thời gian vô tri, từ 1- 18 tuổi chúng ta không có khả năng làm gì hết, trừ đi thời gian chúng ta bịnh hoạn, buồn khổ, một đời sống nội tâm không ổn định như thất tình, mất job, tai tiếng, dây dưa pháp luật…vv trừ hết thời gian đó thì còn lại thời gian của chúng ta là bao nhiêu?

Nếu chúng ta ngủ lố giờ, nếu chúng ta sống thụ động tiêu cực, lười biếng vô nghĩa, không lý tưởng nhiệt huyết, thì chúng ta đã mất thêm một khoảng thời gian vô ích trong đời của mình. Đó là nội dung của bài kinh này. Người Mỹ có câu thế này: Bài kinh này nội dung cũng đơn giản, bà con có thể đọc thẳng chánh kinh không cần chú thích. Ngay trong chú giải cũng không nói gì đặc biệt. Chúng ta biết một phần ba thời gian của đời người là giấc ngủ. Nếu đời sống cho là 75 tuổi thì một phần ba là giấc ngủ, trừ đi những thời gian còn bé dại không có khả năng suy tư, theo đuổi mộng lớn; không có khả năng làm điều mình thích, mình cần, thì thời gian còn lại để mình có thể sống an lạc, sống ý nghĩa không còn lại bao nhiêu hết. Nói như vậy để thấy giấc ngủ là một vấn đề lớn. Nếu mình chỉ ngủ một giấc ngủ bình thường, em bé mới sinh 22 giờ mỗi ngày, rồi 18 giờ mỗi ngày, rồi giảm dần đến lúc nào đó chỉ ngủ 6 đến 8 tiếng mỗi ngày là giấc ngủ bình thường. Chúng ta mất 1/3 cuộc đời để ngủ. Trừ đi thời gian vô tri, từ 1- 18 tuổi chúng ta không có khả năng làm gì hết, trừ đi thời gian chúng ta bịnh hoạn, buồn khổ, một đời sống nội tâm không ổn định như thất tình, mất job, tai tiếng, dây dưa pháp luật…vv trừ hết thời gian đó thì còn lại thời gian của chúng ta là bao nhiêu?

Nếu chúng ta ngủ lố giờ, nếu chúng ta sống thụ động tiêu cực, lười biếng vô nghĩa, không lý tưởng nhiệt huyết, thì chúng ta đã mất thêm một khoảng thời gian vô ích trong đời của mình. Đó là nội dung của bài kinh này. Người Mỹ có câu thế này: *"Nếu bạn bỏ tiền ra mua những món không cần thiết thì bạn đã mất tiền dành cho những vật cần thiết".* Nếu chúng ta mất nhiều thời gian cho những chuyện không cần thiết thì chúng ta đã mất thời gian cho những chuyện cần thiết. Bài kinh này sâu ở chỗ đó.

Giấc ngủ là nhu cầu cần thiết cho đời sống sinh học, mang thân người thì chúng ta phải ngủ thôi, nhưng giấc ngủ ở đây mang ý nghĩa một đời sống tiêu cực, thiếu nhiệt huyết, thiếu lửa.

Vừa rồi quí vị hết nghe, không phải tại tôi cũng không phải tại quí vị, đó là cái tội của luân hồi. Có một vị sa-di nhỏ xíu đang đêm đứng hầu sư phụ, sư phụ loay hoay làm sao mà cán quạt thọc ngay con mắt của đệ tử khiến một con mắt bị hư. Sáng hôm sau người học trò bưng cháo vô cho sư phụ, sư phụ hỏi con bị gì vậy, học trò nói, hồi hôm cán quạt của sư phụ chọt hư mắt con rồi. Sư phụ nói sao con không nói cho sư phụ biết để chữa chạy, toàn bộ quãng đời còn lại con sẽ sống ra sao. Sư phụ xin lỗi học trò. Học trò nói, chuyện đó không phải lỗi của thầy, không phải lỗi của con, mà lỗi của sanh tử luân hồi, vị sa-di nhỏ sau đó đắc A-la-hán.

Bài kinh này kêu gọi chúng ta trong đời sống ngắn ngủi này hãy tranh thủ dành thời gian cho sự tỉnh thức hơn là cho đời sống tiêu cực thụ động, bao gồm cả sự ngủ nghỉ một cách không cần thiết. Hãy tâm niệm rằng chúng ta đang là một người đi mò tìm một vật dưới nước chứ không phải đang nhặt món đồ trên cạn, chúng ta đang nói chuyện với nhau trên đất, chúng ta làm rớt xâu chìa khóa, có thể thong thả nói chuyện rồi lát nữa nhặt lên cũng được còn nếu rớt đồ dưới nước thì không thể tà tà nhẩn nha được. Lặn xuống nhặt thì phải tranh thủ nhặt cho kịp trước khi hết hơi thứ nhất, nếu không được phải chờ đến hơi thứ hai, thứ ba… Người tu hành phải tu bằng tâm trạng giống như vậy, tu bằng tâm trạng của người tìm đồ dưới mặt nước. Phải nhớ hơi mình không dài, mạng sống của mình rất ngắn ngủi. Một chiếc xe đạp hay một chiếc xe tải 18 tấn, cả hai chiếc lớn nhỏ khác nhau nhưng giống như một điểm là khi di chuyển trên đường, phần tiếp xúc với mặt đường chỉ một chút thôi, nếu so với trọng lượng của nó thì phần bánh xe chạm mặt đường không bao nhiêu hết. Trong đời sống của chúng ta cũng vậy đó, dầu chúng ta là một người vô danh nghèo khó hay tiếng tăm lừng lẫy như giáo hoàng, tổng thống Mỹ, dù là ai đi nữa, cái phần chúng ta bám vào cuộc đời này rất là ít như hơi thở, hãy tranh thủ làm mọi chuyện trước khi quá muộn.

KHÓ LÀM

Khó Làm (hay Con rùa)

Khó làm, khó kham nhẫn,

Thiếu trí, hành Sa-môn,

Chỗ kẻ ngu thối đọa,

Chỗ ấy đầy chướng ngại.

Bao ngày hành Sa-môn

Nếu tâm không chế ngự,

Mỗi bước, phải sa đọa,

Nô lệ cho suy tư,

Như rùa rút chân cẳng,

Trong mai rùa của mình.

Vị Tỷ-kheo cũng vậy,

Thâu nhiếp mọi suy tư,

Không tham dính vật gì,

Không làm hại người nào,

Hoàn toàn thật tịch tịnh,

Không chỉ trích một ai.

7. Dukkarasuttaṃ

17. ‘‘**Dukkaraṃ** duttitikkhañca, **abyattena** ca sāmaññaṃ.

Bahūhi tattha sambādhā, yattha bālo visīdatī’’ti.

‘‘Katihaṃ careyya sāmaññaṃ, cittaṃ ce na nivāraye;

Pade pade visīdeyya, saṅkappānaṃ vasānugo’’ti.

‘‘Kummova aṅgāni sake kapāle,

Samodahaṃ bhikkhu manovitakke;

Anissito aññamaheṭhayāno,

Parinibbuto nūpavadeyya kañcī’’ti.

‘Dukkara’: ‘Khó làm’; ‘*dukkiriya’*: ‘Khổ hạnh’. Có hai chữ ‘khổ hạnh’. ‘*attakilamatthanuyoga’*: khổ hạnh do tà kiến, khổ hạnh theo tinh thần ngoại đạo, pháp môn tự làm khổ mình. ‘*Kilamat’* là mệt mỏi khó nhọc, đây là pháp môn hành trì chỉ làm khổ, đọa đày mình thôi, không có ý nghĩa gì đặc biệt. Có một số người Ấn Độ họ nghĩ là pháp môn này giống như đứa bé khờ dại trong mắt thiên thần (kiểu như đứa bé nghĩ rằng mình chơi ngu, nghịch dại thì bà mẹ sẽ thương hơn), và từ đó rút ngắn cuộc tu hơn, mau đạt cứu cánh tu hành hơn. Đó là lý do vì sao trong kinh sử dụng hai chữ ‘*khổ hạnh’* khác biệt nhau. Khổ hạnh 6 năm của Bồ tát là *dukkiriya*, đó là chuyện khó làm, Thế Tôn được gọi là Phật Đà vì Ngài nhịn thứ khó nhịn, làm thứ khó làm và hiểu được chuyện khó hiểu.
Trong kinh nói, nếu mình thiếu trí tuệ (*abyatta= bāla*: thiếu trí tuệ, stupid) thì chuyện tu tập không dễ làm. Chú giải kể một số chuyện khó làm: ăn ít đi, ngủ ít

đi, chuyên tâm thiền định. Người có túc duyên Ba-la-mật thì chuyện tu tập dễ dàng đã đành, một số người khác phải dùng nhiều biện pháp để có thể giữ được chánh niệm, giữ được định tâm, ngăn được phóng dật, ngừa được vọng động. Chẳng hạn như cái khó của sa- môn: ăn ít hơn người ta, ngủ ít hơn người ta, dành thì giờ để chuyên tâm thiền định. Một trong những kỹ thuật vị tỳ kheo thời Đức Phật thường dùng để giữ cái tâm định là phải *"dante abhidantamādhāya jivhāya tāluṃ āhaccapi":* dùng lưỡi ấn nóc vọng để dễ dàng dồn tâm, gom tâm trụ tâm mình lên đó. Đó là một trong những tiểu xảo để thiền trong những buổi đầu. Tâm vô hình vô tướng mình biết dựa vào đâu để thu hút nó, đó chính là dùng lưỡi ấn lên trên nóc vọng, ai chưa quen trụ tâm thì làm thử đi, lựa một chỗ thích hợp thiền định, lựa một tư thế thích hợp cho mình, thẳng lưng lên, rồi thì nhẹ nhàng đưa lưỡi, uốn lưỡi lên trên vòm họng và giữ nơi đó, rồi theo dõi hơi thở. Với động tác uốn lưỡi ấn vào nóc họng vậy đó, sẽ giữ tâm mình. Chuyện này rất nhỏ, trong chú giải nói là một trong những chuyện những người xuất gia phải biết. Đối với người vô duyên vô trí thì chuyện nhỏ như vậy cũng thấy khó làm và sẽ thắc mắc tại sao tôi phải khổ cực như thế này. Khi không có trí thì chuyện nhỏ như việc ăn ít một chút, ngủ ít một chút, gìn giữ oai nghi tế hạnh cũng là khó, dùng lưỡi trụ tâm cũng là khó. *'Dukkaraṃ duttitikkhañca, abyattena ca sāmaññaṃ.* (Người thiếu trí tuệ thì làm đời sống Sa-môn hạnh rất là khó khăn). *Bahūhi tattha sambādhā, yattha bālo visīdatī"ti.* (Dầu ở đâu làm gì thì một vị tu sĩ thiếu trí tuệ cũng gặp đầy trở ngại, trở lực). Khi không có trí tuệ thì nhìn đâu cũng chông gai, nhìn đâu cũng trở ngại. Ở bài kinh Tiếng Động Rừng Sâu - ở đây quí vị sẽ thấy sự liên hệ giữa kinh này và kinh khác - bối cảnh nào, môi trường nào, hoàn cảnh điều kiện sống nào đi nữa cái khả năng tinh thần là quan trọng nhất. Cái cảm thức, cái nhận định của chúng ta đối với đời sống phải như thế nào đó mới có thể kham nhẫn, chịu đựng được nó, đối diện đối phó với nó được; bằng như đời sống tinh thần của mình có vấn đề thì ngồi trên ngai vàng cũng khổ lắm chứ không dễ sống. Làm vua trong tình trạng tâm lý có vấn đề còn khó huống chi là một tu sĩ chỉ tam y quả bát. Một du sĩ hỏi ngài Xá Lợi Phất: *Chuyện gì khó nhất trong giáo pháp của ngài*?

Ngài Xá Lợi Phất trả lời, khó nhất là đời sống xuất gia (dĩ nhiên là đời sống xuất gia đúng nghĩa chứ không phải một người đi tìm chỗ hưởng thụ giá áo túi cơm), phải bỏ hết những thứ mình thích, không được lui tới những chỗ mình muốn, tránh gặp gỡ những người không có lợi cho đời sống phạm hạnh. Một áo khoác jacket, một đôi giày tiện dụng, thích lắm cũng không có quyền dùng, nhỏ nhặt như cái móc chìa khóa mà thấy không ổn (chẳng hạn như hình đầu con thỏ có lỗ tai dài[1]) cũng không được quyền dùng. Đời sống xuất gia rất khó, tuy nhiên, sẽ

dễ dàng đối với một người chuẩn bị đời sống tâm linh tương ứng, ví dụ như bà Mahāpajāpatī Gotamī (Kiều Đàm Di mẫu), là một hoàng hậu, xuất thân từ một công chúa, đẻ bọc điều, cũng là một mệnh phụ đứng thứ hai sau bà Maya, ấy vậy mà sau khi Thế Tôn thành đạo, bà đã đầu trần chân đất cùng 500 thể nữ đi bộ từ Kapilavatthu đến Savatthi để gặp Đức Phật xin được xuất gia. Thời đó chưa có ni chúng, bà không dám trực tiếp vào gặp Phật mà chỉ dám gặp ngài Ānanda nhờ xin giùm cho bà được xuất gia. Đức Thế Tôn ba lần từ chối, vì trong một gia đình nữ nhiều nam ít dễ bị phiền phức. Một cánh đồng mà cào cào, châu chấu, chuột bọ nhiều quá thì cánh đồng đó khó bề phát triển. Đời sống tu sĩ ở tự viện không thích hợp cho người nữ, và sự có mặt của họ sẽ làm cho tuổi thọ chánh pháp bị giảm. Đức Phật đưa ra nhiều lý do để từ chối. Ānanda hỏi Phật: *Bạch Thế Tôn, người phụ nữ có khả năng thành đạo giải thoát không*?

Đức Phật nói về điểm này thì người nữ cũng như người nam. Ānanda thưa tiếp: *Bạch Thế Tôn, Kiều Đàm Di mẫu là người có công nuôi dưỡng Thế Tôn khi bà Maya không còn nữa, xin Thế Tôn nghĩ đến tình đó mà cho bà một cơ hội đi*. Đức Phật dạy Ānanda rằng, thôi được, nếu di mẫu chấp nhận tám điều kiện sau đây thì Như Lai chấp nhận cho nữ giới được xuất gia trong giáo pháp này, đó là tám trọng pháp (*aṭṭha garudhamma*). Một người nữ nghe tám trọng pháp đó cũng ngậm ngùi lắm, nghe như điều luật thanh qui, như làm khó để người nữ sớm bỏ ý muốn xuất gia. Vậy mà khi ngài Ānanda gặp Kiều Đàm Di mẫu và nói Thế Tôn sẽ chấp nhận nữ giới xuất gia với những điều kiện sau, rồi ngài đọc từng điều cho bà nghe và hỏi bà có chấp nhận hay không. Câu trả lời của bà nghe rất xúc động: *Thưa tôn giả Ānanda, giống như một người nữ mà ham đẹp được người ta trao tặng nữ trang, mỹ phẩm, tràng hoa, cảm giác vui như thế nào thì tôi đây, với lòng muốn xuất gia được Thế Tôn đưa ra tám điều kiện ấy, tôi cũng vui như vậy*. Tám điều trọng pháp đó rất khó cho bà nhưng lòng bà thuận ứng với những điều khó ấy nên bà thấy vui. Từ một mệnh phụ cao sang mà đầu trần chân đất đi xin xuất gia mà còn bị từ chối; vậy mà bà vui. Còn mình thì sao, trong cuộc tu này, trục trặc một chút thì mình sốc, muốn bỏ cuộc, muốn thay đổi lìa bỏ lý tưởng ban đầu. Ngài Xá Lợi Phất nói xuất gia là điều khó, khó nữa là vui được với đời sống xuất gia. Đời sống xuất gia có nhiều thử thách, cái vị ngọt đó là sự chào đón, sự kính lễ, sự cúng dường chăm sóc quan tâm của người khác, cũng làm cho đời tu tiêu tùng, nhưng vị đắng là những cam go thử thách chông gai cũng làm cho mình sốc. Tôi có nghe các vị tiền bối kể, sau 1975 có một giai đoạn rất khó khăn cho các tu sĩ. Giai đoạn đó, riêng Nam Tông hoàn tục hơn một nửa tăng số của giáo hội. Chính quyền làm khó với việc tạm trú tạm vắng, người dân cũng thiếu ăn lấy ai hộ độ chư tăng, bệnh hoạn không có thuốc, lạnh không có chăn mền đắp, thậm

chí một đôi dép cũng không có để mang, một đôi dép đứt phải lấy dây kẽm để cột mới mang được. Thời bây giờ về nước thì thấy chư tăng đang trải qua sự cám dỗ của vị ngọt. Đời sống một tu sĩ ở VN sướng hơn ông sư ở hải ngoại, sướng lắm, so với thời chúng tôi ngày xưa. Nhưng mà coi chừng, chuyện đó cũng làm một trở ngại lớn cho đời tu. Vị ngọt làm mình chết, vị đắng làm mình chết, ngài Xá Lợi Phất nói, vị nhạt cũng kinh hoàng không kém. Có những ngày mình không biết đi đâu, về đâu, làm gì và gặp ai. Người đời thì có chồng vợ, con cái, có xe cộ nhà cửa; họ dắt nhau vui chơi chỗ này chỗ kia, leo núi cắm trại, xuống biển câu cá v.v... còn một tu sĩ làm cái gì đây?

Có những ngày không nếm vị đắng, không nếm vị ngọt mà đối diện với vị nhạt, một mình đèn khuya đối bóng trong những đêm mưa khuya, nhìn về tương lai mù mịt, Phật pháp thì loe nghoe mấy chữ chưa đầy lá me nói gì lá mít, pháp học không ra pháp học, pháp hành không ra pháp hành, răng nhức không tiền đi nha sĩ, bụng thì đau lâm râm miệng chua chua vì đau bao tử, bệnh rất thường gặp ở những người tu sĩ v.v... Cái nhạt nhạt vô vị đó rất là đáng sợ. Bài kinh trước ai cũng tưởng là nhẹ nhàng dễ hiểu nhưng đó là nền tảng để hiểu những bài kinh phía sau, và cũng là cái nền cho đời sống tu sĩ, bối cảnh nào đi nữa, cái quan trọng vẫn là mình. Bài kinh này có những chú thích sau đây:

"Mỗi bước, phải sa đọa" trong bản Pāḷi: *"Pade pade visīdeyya, saṅkappānaṃ vasānugo''ti.* Trong từng cảnh trần mình tiếp xúc, với người có nội lực thì mỗi lần tiếp xúc là một lần mình huân tu chính niệm huân tu trí tuệ, huân tu công đức, nhưng với một người không có tu dưỡng, không có nội hàm thì mỗi lần mình thấy nghe điều gì đó là điều kiện để mình bất thiện hơn. Biết tu, khéo tu, muốn tu, thì mỗi một trần cảnh (*pade pade)* sẽ được an lạc, còn vụng tu thì chìm đắm*(visīdeyya). Visīdati:* chìm sâu, lún sâu, thối đọa, sa đọa (sink down). Câu trong bản kinh "*Mỗi bước, phải sa đọa, Nô lệ cho suy tư"* nhưng trong chú giải thì *saṅkappānanti:*tư duy, (*thể cách số nhiều*) được giải thích là tà tư duy (*kāmasaṅkappādī*). Ai biết tiếng Pāḷi nên để ý chữ "*ādī"*có nghĩa là vân vân (etc). Khi nói kāmasaṅkappādī phải hiểu là "tà tư duy.. vv" (tà tư duy + sân tư duy + dục tư duy). Vasānugo; *vasā:* 'quyền lực' (power), *anuga:*'đi theo', 'lệ thuộc'. *Vasānuga* là sự lệ thuộc (vào 3 tà tư duy). Với một người không khéo tu tập thì "*Pade pade visīdeyya",* trong từng bước bị chìm sâu trong đó, "*saṅkappānaṃ vasānugo",* đi theo sự chi phối của tà tư duy. Đó là dành cho những người tu không ra gì.

Bốn câu tiếp theo dành cho những người tu hành đàng hoàng. Những người tu hành đàng hoàng luôn luôn thúc liễm các căn giống như con rùa luôn luôn tự vệ

bằng cách co các chi vào bên trong cái mai của nó. *Kapālaở* đây có hai nghĩa: 1. Cái đầu, 2. Cái mai của con rùa. Vị tu hành thu thúc các căn như con rùa rúc vào mai và trở thành như hòn đá khó bị tấn công. Đừng nghĩ là vị ấy giống rùa là chết nhát, co rút, thụ động chạy trốn, chối bỏ thực tại, mà là có chánh niệm, có trí tuệ để tựa nương, an trụ khi cần thiết, không bị dính mắc. *Anissito*: không bị dính mắc. *"taṇhādiṭṭhinissayehi anissito"* là không bị dính mắc trong tham ái và tà kiến. Một vị tỳ kheo sống đúng như con rùa như vậy là có khả năng tự xử mình, tự thúc liễm trong tâm ý của mình đồng thời sống không dính mắc trong tham ái tà kiến và *aññamaheṭhayāno:* sống không làm hại ai.

Bài kệ này nói đến một chuyện sâu sắc, đó là nhiều người cho rằng sống một mình là tiểu thừa, là tiêu cực, thụ động. Thật ra khi anh sống đàng hoàng nghĩa là đang lợi tha, anh không cần phải xắn tay áo nhảy vào xã hội để độ sanh rồi nói rằng ta không vào địa ngục thì ai vào. Khi anh sống có lý tưởng, có ý nghĩa thì dù anh vào trong rừng, sống trong cái hầm như địa đạo Củ Chi vẫn đang là sống lợi tha. Theo chú giải, khi mình sống được như vậy thì tâm hồn mình sống lợi tha. Một người sống tốt thì xã hội bớt đi mối phiền mối lo, đó là nói theo nghĩa hẹp; còn nói theo nghĩa rộng thì khi mình đang tự trang nghiêm chính mình, tự thanh tịnh hóa chính mình, nghĩa là mình đang chuẩn bị một nhân sự cho thiên hạ. Ví dụ như ngài Hộ Nhẫn, ngài trong sạch, khả kính, chân tu, ai nhìn cũng tưởng ngài khép kín từ chối cuộc đời, đùng một cái khi giáo hội cần là ngay lập tức có ngay một vị tăng thống tuyệt vời trên cả tuyệt vời. "*Ullumpanasabhavasanthitena cittena",* vị đó luôn luôn sống bằng tâm trạng sẵn sàng xăn tay tiếp độ, cứu độ người khác. Đây chính là chữ gốc của chữ Vu Lan Bồn: Ullumpana.

Các học giả Sanskrit cứ tìm cách làm khó mình và làm khó người khác, họ cứ nói '*Ullumpana'* là treo ngược từ đó họ nói Vu Lan là ngày đảo huyền, ngày xá tội vong nhân, là ngày phá ngục để cứu tội nhân dưới địa ngục bị treo ngược; ngẫm lại thì thấy có vấn đề như thế này, cứ cho treo ngược là một trong những hình phạt, nhưng tại sao chỉ chọn một hình thức treo ngược trong vô số hình phạt ở dưới địa ngục?

'*Ullumpana'* hoàn toàn không có nghĩa là "treo ngược" như vô số người trên hành tinh này hiểu lầm, '*Ullumpana'* nghĩa là sự cứu độ. Theo tinh thần Phật giáo nguyên thủy thì không có ngày đó mà ngày nào cũng có người sa đọa địa ngục, ngày nào cũng cần phải làm mọi chuyện để giúp người khác, ngày nào cũng phải tự thanh tịnh trang nghiêm hóa bản thân mình, chứ không có ngày nào đặc biệt để mình làm chuyện độ tha hết. Mình có người thân trong bệnh viện, trong tù, nếu

mình có điều kiện thăm hỏi thì bất cứ khi nào có cơ hội là mình thăm, chứ không tự đặt ra qui định ngày đặc biệt nào đó mới đi thăm. Ngày nào mình hồi hướng công đức được cho chúng sinh, thân bằng, quyến thuộc thì cũng phải làm. Tôi phản đối hoàn toàn việc chọn ngày làm giỗ, nếu người ta đang bị sa đọa cần mình hồi hướng mà mình không thèm hồi hướng cho họ, mà lại đợi cho đến ngày giỗ của họ, hoặc ngày rằm tháng Bảy thì mới hồi hướng thì thật vô lý. Chuyện đốt giấy vàng bạc, nếu đơn giản như vậy thì cần gì tu hành nữa, cứ đốt một đống tiền thì dưới kia tha hồ mà xài, có người thì không tin nhưng sợ người ta nói mình kẹo nên vẫn làm, chuyện đó càng bậy nữa, không tin mà vẫn làm thì đã là bậy rồi. Quí vị nào là tỳ kheo ở đây thì chắc sẽ nhớ câu tác bạch lúc thọ giới tỳ kheo:*"Ullumpatu maṃ bhante saṅgho anukampaṃ upādāya"*, xin tăng hãy ra tay tế độ con cho con được thọ cụ túc giới. '*Ullumpana'*: sự cứu độ, *ullumpati* (động từ), *Ulumpatu* sangho (mệnh lệnh cách, chia theo số ít--Pāḷi và Sanskrit giống nhau).

"Parinibbuto nūpavadeyya kañcī''ti". Với nội tâm tịch tịnh, không làm hại ai, sống không chỉ trích ai, không khen mình chê người. '*Parinibbuto':* 'tịch tịnh'.

Một trong những đức tính của vị tỳ kheo và người tu hành nói chung là không *khen mình chê người*. Ngày trước nghe bốn chữ này tôi không lưu ý bận tâm, khi có tuổi hơn một chút lại thấy hay. Nếu ở tuổi này, ai hỏi tôi bốn chữ . Ngày trước nghe bốn chữ này tôi không lưu ý bận tâm, khi có tuổi hơn một chút lại thấy hay. Nếu ở tuổi này, ai hỏi tôi bốn chữ *"khen mình chê người"* có nghĩa là gì tôi sẽ trả lời đó là toàn bộ pháp môn tu hành của PG. Làm theo bốn chữ đó là đi ngược với PG, không làm theo 4 chữ đó là đang thực hiện toàn bộ nội dung của Phật pháp. Không khen mình là không coi trọng mình, mình chỉ làm chuyện cần làm mà thôi, bao nhiêu công đức mình tu tập được chỉ là việc uống thuốc của một người bị bệnh mà thôi. Thiền định, thiền Chỉ, thiền Quán bớt ác pháp cho mình; giới luật, bố thí, phục vụ, nghe pháp, hồi hướng v.v... đều chỉ mang ý nghĩa duy nhất uống thuốc trị bệnh không có gì phải khoe khoang. Không khen mình vì mình chả là cái gì cả, mà mình không là gì cả thì có nên chê người khác không?

Tóm lại, nội dung bài kinh Khó Làm: đối với một người thiếu trí thì đời sống Sa-môn là chuyện rất khó khăn trong từng bối cảnh môi trường, từng thứ thấy nghe ngửi nếm đụng, lúc thì ham thích, lúc thì ghét sợ, bất mãn, chối bỏ trốn chạy. Thấy khó vì không thể hành Sa-môn pháp và khó là vì hoàn cảnh tấn công. Một vị tỳ kheo chân chánh luôn sống thúc liễm các căn như con rùa ẩn trú trong mai,

không để tâm mình bị dính mắc vào tham ái và tà kiến, sống như vậy là tự lợi và lợi tha.

TÀM UÝ

Người được tàm chế ngự,

Tìm được ai ở đời?

Ai biết ngăn chỉ trích,

Như ngựa hiền bóng roi.

Người được tàm chế ngự,

Sống thường thường chánh niệm,

Vị ấy đạt kết quả,

Khổ đau được đoạn tận,

Bước những bước thăng bằng,

Trên đường không thăng bằng.

8. Hirīsuttaṃ

‘‘Hirīnisedho puriso, koci lokasmiṃ vijjati.

Yo nindaṃ apabodhati [apabodheti (syā. kaṃ. ka.)], asso bhadro kasāmivā’’ti.

‘‘Hirīnisedhā tanuyā, ye caranti sadā satā;

Antaṃ dukkhassa pappuyya, caranti visame sama’’nti.

“Người được tàm chế ngự”, nghe tựa kinh có hai chữ Tàm Uý thật ra trong bản Pāḷi không có chữ “uý” (*hirīottappa*). “Uý” nghĩa là ‘sợ’, ở đây không có chữ ‘sợ’, chỉ có ‘tàm’ là mắc cỡ, tôi dịch là “tự thẹn”. Có chữ rất hay đó là ‘*liêm sỉ’*(biết thẹn) nhưng ở đây tôi không sử dụng chữ ‘liêm sỉ’ vì từ này quá đời, lại nghĩa hẹp không nên sử dụng. ‘Liêm sỉ’ (theo nghĩa đời) nghĩa là không ăn gian nói dối, vi phạm pháp luật, không làm gì mà xã hội phê phán, không làm gì để lương tâm hổ thẹn. Ý nghĩa “không làm gì để lương tâm hổ thẹn” theo nghĩa đời

thì còn hẹp so với theo tinh thần Phật pháp. Có những việc ngoài đời bình thường nhưng trong đạo thì lại hổ thẹn, ví dụ, khi ăn mà thấy thích như người đời, đắm đuối theo hương vị bữa ăn là vị tỳ kheo phải thấy tự thẹn. Một vị tỳ kheo phải tự thẹn với những điều mà thế giới cảm thấy bình thường, ví dụ thích thú khi ăn ngon, khi đi xe đẹp, khi đeo đồng hồ đẹp.

Bài kệ này gồm hai phần, gồm câu hỏi và câu trả lời, nhưng trong chú giải không nêu rõ ai là người hỏi, ai là người trả lời. Phần một là câu hỏi: *Liệu có tìm thấy ở đời có ai biết tự thẹn, biết sống để cho người đời không có cớ để người ta phê phán, dè bỉu?*

Ở đây đạo Phật không coi nặng sĩ diện, đặc biệt là sĩ diện hão. Đạo Phật không coi nặng tự ái mà coi nặng tự trọng. Tự trọng nghĩa là trước khi làm việc gì phải coi bản thân mình có tự khinh bỉ mình khi mình làm việc đó hay không.

[15] Ba động cơ sống đời của thiên hạ.

Trong Tăng Chi Kinh nói trên đời có 3 hạng người: *Attādhipateyya*(lấy mình làm trọng), *Lokādhipateyya* (lấy đời làm trọng), *Dhammādhipateyya* (lấy pháp làm trọng). Đây là 3 động cơ để sống đời của thiên hạ. (lấy pháp làm trọng). Đây là 3 động cơ để sống đời của thiên hạ. **Hạng thứ nhất, lấy mình làm trọng** thì cái gì có lợi, thích, tiện, dễ dàng cho mình, thì mình làm. Có một anh chàng đi uống rượu say về đứng loay hoay dưới cột đèn đường, bạn bè hỏi anh ta tìm gì ở đó, anh ta trả lời mất chìa khóa nhà. Họ hỏi mất ở đâu, anh ta trả lời mất gần quán rượu. Họ hỏi mất ở đó sao tìm ở đây, anh ta trả lời, vì chỗ đó không có đèn, chỗ này có đèn sáng nên anh ta tìm ở đây. Nhiều khi mình giải quyết vấn đề không phải vì nhu cầu mà dựa vào điều kiện rất buồn cười. Có khi mình khổ quá, thay vì phải đi tìm giải pháp thích hợp nhất, mình lại đi tìm giải pháp trong khả năng của mình mà biết là không giải quyết được vấn đề gì hết, ví dụ buồn quá đi uống rượu. Rượu không giải quyết được vấn đề gì hết, chỉ làm cho mình ngủ, khi tỉnh táo thì khả năng đối phó bất trắc không có nhiều rồi mà còn uống rượu thì đưa mình vào tình trạng mất hẳn khả năng tự vệ, vậy mà khối kẻ trên hành tinh này, hễ đụng chuyện là uống rượu. thì cái gì có lợi, thích, tiện, dễ dàng cho mình, thì mình làm. Có một anh chàng đi uống rượu say về đứng loay hoay dưới cột đèn đường, bạn bè hỏi anh ta tìm gì ở đó, anh ta trả lời mất chìa khóa nhà. Họ hỏi mất ở đâu, anh ta trả lời mất gần quán rượu. Họ hỏi mất ở đó sao tìm ở đây, anh ta trả lời, vì chỗ đó không có đèn, chỗ này có đèn sáng nên anh ta tìm ở đây. Nhiều khi mình giải quyết vấn đề không phải vì nhu cầu mà dựa vào điều kiện rất buồn

cười. Có khi mình khổ quá, thay vì phải đi tìm giải pháp thích hợp nhất, mình lại đi tìm giải pháp trong khả năng của mình mà biết là không giải quyết được vấn đề gì hết, ví dụ buồn quá đi uống rượu. Rượu không giải quyết được vấn đề gì hết, chỉ làm cho mình ngủ, khi tỉnh táo thì khả năng đối phó bất trắc không có nhiều rồi mà còn uống rượu thì đưa mình vào tình trạng mất hẳn khả năng tự vệ, vậy mà khối kẻ trên hành tinh này, hễ đụng chuyện là uống rượu. **Hạng thứ hai, lấy đời làm trọng** là chuyện đúng sai nên làm hay không nên làm không cần biết, mà làm vì sĩ diện hão. Tôi không có cảm tình với những món đồ trang trí nội thất nặng nề, vì chỉ nghĩ làm sao có thể xê dịch để lau nhà quét bụi, cứng như vậy làm sao mà ngồi trên đó, lỡ va người vào đó cũng có thể bị tổn thương, và tôi biết có những người cũng cùng ý nghĩ như tôi, nhưng theo mốt thời thượng sính sử dụng gỗ quí phải sắm cho bằng người ta, kiểu sống như vậy là lấy đời làm trọng. Người VN có câu mô tả cho hạng này: *"không làm nó nói mình lười. Làm lia làm lịa nó nói mình làm lấy le".* **Hạng thứ ba, lấy chánh pháp làm trọng,** đây mới là khuôn vàng thước ngọc. Chuyện thích hay không thích, đời đánh giá làm sao không quan trọng, mà quan trọng là có đúng tinh thần chánh pháp hay không. Ở đây là tôi muốn tôn vinh tinh thần chánh pháp chớ không phải kêu gọi quí vị sống đạo cực đoan. Khi thấy việc đúng, việc hay muốn làm cũng phải xem bối cảnh một chút. Tôi thấy việc Phật tử quỳ lạy một ông sư rất là hay, nhưng xin thưa với bà con, chuyện quỳ lạy, xun xoe khúm núm đi đón chư tăng ở chốn đông người tôi lại thấy khó chịu, vì kẻ ngoại đạo có cả tỷ, họ nhìn như vậy họ nói mình là cuồng tín, con người mà lạy con người ngó khó coi, cao nhất là con cái lạy quan tài cha mẹ. Khi tôi gặp ngài Hộ Giác ở phi trường, nhìn thấy tôi toan lạy thì ngài chụp vai tôi và nói "Chỗ đông người". Việc cúng dâng tận tay là để xác định người thọ nhận, tránh nhầm lẫn, nên khi người ta đã dọn trước mặt vị sư thì họ biết đó là phần của họ rồi, không cần phải "phục vụ tận răng" như thể ông sư đó bị bại xụi, bất lực; mà điều quan trọng là cái nhìn của người bên ngoài thấy rất là kỳ, không hiểu sao các vị trưởng lão không lên tiếng về việc đó. Do đó, lấy chánh pháp làm trọng là phải sống đạo uyển chuyển, không sống đạo quá khích.

"Như ngựa hiền bóng roi". Câu này hay vô cùng, trong chánh kinh là "*Asso bhadro kasāmivā",* câu tiếng Việt thì hơi tối nghĩa. Theo trong kinh, trên đời có 4 hạng ngựa: Hạng thứ nhất thấy bóng roi, hoặc vỗ nhẹ vào mông là nó đã chạy rồi; hạng ngựa thứ hai là quất một roi là nó mới đi; hạng ngựa thứ ba là quất dữ dội nó mới chịu đi; hạng ngựa thứ tư thì đem nó đi làm gỏi luôn nó cũng không đi. Trên đời có những người như vậy, chỉ cần nghe qua một câu pháp họ đã đi tu, có người thấy cảnh sanh ly tử biệt đâu đó họ mới đi tu, có người thì họ trải nghiệm

chính bản thân, gia đình người thân mới chịu đi tu, hạng thứ tư thì dù có chết họ cũng không về với Phật. Câu kinh trên ý nói người có lòng tự thẹn thì một chút ẩn ý từ người khác đã nhạy cảm rồi. Có hạng không màng đến dư luận, miễn sao được việc họ; loại này có hai dạng: không tự thẹn, không màng dư luận và một dạng thì kiên trì cắn răng mà làm. Đừng chê ác nhỏ mà làm và đừng chê điều thiện nhỏ mà không làm. Quí vị nào thấy thạch nhũ sẽ biết, để có một giọt đó phải mất hàng triệu năm, một giọt nước để lại một ít cặn vôi, trong suốt nhiều triệu năm đã để lại thạch nhũ cao lớn như vậy, mỗi ngày vài điếu thuốc, lâu ngày bị ung thư, mỗi ngày một ít rượu lâu ngày bị ung thư gan…

"ye caranti sadā satā", người thường xuyên sống chánh niệm dầu một lỗi nhỏ cũng làm cho họ thấy thẹn. Sống thật quá nhiều khi cũng thiệt thòi, ví dụ liếc trộm người nào đó, bị bắt gặp cũng quê chứ, hoặc để cho người ta thấy mình đang nóng nảy bực mình, cũng là chuyện dở. Tại sao những người tập võ thuật, khí công yoga thể dục thẩm mỹ thì khỏe hơn người thường?

Chính là vì họ thường xuyên để ý bản thân nhiều hơn người bình thường. Chúng ta thì có khi hai ba ngày mới phát hiện ra cổ tay mình đau, còn họ ngày nào cũng để ý đến từng cơ xương khớp và phát hiện ngay trên cơ thể họ từng thay đổi nhỏ. Tôi không phải người "động tay động chân" bỗng một bữa phát hiện mình có vết bầm mà không biết lý do gì đâu, không thể nhớ nổi vì sao mình bị bầm mà chỉ nhớ câu thơ của Du Tử Lê "Yêu em tháng chạp vết bầm tháng hai".
"Hirīnisedhā tanuyā, ye caranti sadā satā", với người thường xuyên sống chánh niệm thì luôn biết tự thẹn với những lỗi lầm nhỏ nhặt nhất. Trong một đoản văn tựa đề Hoạt Tử Mộ tôi từng đề cập đến hai cách ngủ trong truyện kiếm hiệp Thần Điêu Đại Hiệp, Tiểu Long Nữ ngủ trên một sợi dây, Dương Quá ngủ trên một tảng băng bằng đá - hàn băng thạch. Tôi tâm đắc hai kiểu ngủ này vì một cao thủ thật sự phải luôn ngủ trong tình trạng tỉnh thức, một cao thủ mà quên mình thiếu cảnh giác thì đồng nghĩa với tự sát. Tàu có câu "**Cư an tư nguy**"[2], dù sống trong hoàn cảnh bình an cũng luôn đề phòng bất trắc.
"*Antaṃ dukkhassa pappuyya, caranti visame sama", v*ới người có khả năng chánh niệm thường trực để dễ dàng biết tự thẹn là người có khả năng chấm dứt đau khổ, vì mỗi niệm khởi lên đều được phát hiện, đó chính là tinh thần Tứ Niệm Xứ. Chúng ta tham giận, chúng ta thương thích ghét sợ là bởi vì chúng ta sống trong ảo giác. Ảo giác chỉ có mặt khi chánh niệm và trí tuệ đi vắng. Sống chánh niệm là đệ nhất hành giả. Nếu có ai hỏi tôi, lớn tuổi rồi, xin một pháp môn để tu học, tôi chỉ có thể khuyên là sống có chánh niệm: biết rõ cái gì đang xảy ra (làm gì biết đó, biết mình đang đi, biết mình đang nhai, biết mình đang nuốt…) và nên

nhớ dù gì đi nữa thì tất cả những tốt xấu buồn vui đến rồi sẽ đi. Có câu chuyện "Khắc chu cầu kiếm", một người ngồi trên thuyền, bất cẩn đánh rơi thanh kiếm xuống nước liền, người đầy tớ liền khắc dấu vào mạn thuyền đánh dấu chỗ rớt kiếm để lúc trở về sẽ căn cứ vào dấu vết đó mà mò lại thanh kiếm. Đây là câu chuyện rất là minh triết, tất cả những tưởng tiếc quá khứ, tất cả những hoài vọng tương lai trong khi dòng chảy của danh sắc cứ từng giây đi tới miên viễn, miệt mài, không ngừng nghỉ thì cũng ngớ ngẩn y hệt anh đầy tớ này. Khổng Tử nói "Thệ như tư phù bất xả trú dạ[3]" vào một ngày đứng bên bờ sông nhìn nước chảy, ngày đêm trôi qua vùn vụt như nước không ngừng lại. Trong Duy thức có câu "hằng chuyển như bộc lưu" diễn tả danh sắc của mình luôn bị đẩy về phía trước không kềm lại được vì vậy hãy sống ngay trong hiện tại. Có hai ông cháu đi làm nghề hát xiệc, chỉ diễn mỗi một việc người này ôm cây cột tre co người kia leo lên đến ngọn rồi tụt xuống. Một ngày kia, đứa cháu giật mình thấy ông nội yếu lắm rồi, khả năng đeo bám của ông nội chậm hơn ngày xưa nên lo lắng sợ mới hỏi ông có thể leo được không, ông nội trả lời, cháu đừng lo, cháu hãy lo việc của cháu đi, cháu cứ lo dòm ông nội mà sẩy tay là…chết cha ông nội. Chuyện đời cái gì cũng bỏ qua hết nhưng có chuyện không nên bỏ qua đó là những gì đang xảy ra mình phải biết bằng chánh niệm. Tại sao có khủng bố, xâm lược xâm lăng, đàn áp… vì người ta không có tỉnh thức. Miến Điện có thể nói là một trong những đất nước đẹp nhất trên hành tinh này, từ 1962 đến 2012 Miến Điện chìm trong bóng tối của quân phiệt độc tài, sống trong đời sống nghèo, nhưng họ an lạc với đời sống nghèo khó của mình, người Tây Tạng cũng vậy. Người Miến Điện là dân tộc duy nhất cho đến nay an lạc với cái họ có một cách ý nghĩa nhất, chánh pháp nhất. Ước mơ lớn nhất của tôi là tìm được một miếng đất hợp pháp ở Maymyo, (một phố núi gần Mandalay, lạnh như Đà Lạt), gần bờ sông hoặc chân núi, xây tường cao, bên trong trồng toàn cỏ Nhật, có những cốc nhỏ bằng tranh vách đất, để cho những hành giả VN không quen với cách ăn uống ở Miến Điện, có thể học giáo lý, học thiền ở Miến Điện có gì trục trặc thì đến đây để có thể ăn uống, thuốc men theo cách mình muốn, chớ bệnh viện Miến Điện còn kinh hoàng hơn ở VN. Ở châu Âu này tôi quen với những Phật tử có thể cho tôi một năm mấy trăm ký lô thuốc Tây. Ước mơ thứ hai là nếu có tiền tôi sẽ in sách vở mà bà con Miến Điện không có điều kiện in. Họ học kinh trên bản photo, mực photo rất độc mà cứ lật tay rồi le lưỡi liếm. Những học viện thiền viện bên Miến Điện thiếu thốn tùm lum trong khi Phật tử chúng ta không hỗ trợ mà cứ thích xây chùa mới, không hề quan tâm là cất cho ai ở và chùa đó phát triển những gì.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên

[1] Thỏ Bunny. Logo thỏ Bunny này được sử dụng cho tạp chí Playboy biểu tượng ý nghĩa tình dục.
[2] Si Vis Pacem Para Bellum (Tiếng Latin)
[3] Thời gian trôi qua như nước chảy suốt cả đêm không ngừng

Bài giảng ngày 1-6-2014 AM TRANH

Hôm qua chúng ta đã có trang blog của Vietheravada, trong đó có điểm đặc biệt là mỗi bài học đã qua chúng ta có phần chánh kinh và phần chú giải Pāḷi. Xin thưa với đại chúng một điều đó là một phần ba tâm nguyện của tôi đã được thực hiện với cái room và với trang blog Vietheravada. Tôi mong rằng nếu không ai làm thì mình là người khởi xướng cũng được. Phải xây dựng cho Phật tử một thói quen đó là nghiên cứu kinh điển phải tới nơi tới chốn, chứ nếu nghe kinh tạng theo kiểu suy diễn thì nguy nhiều chỗ. Điều thứ nhất, Chánh pháp khó gặp thân người khó được mà mình không được nghe phần giải thích của bậc hiền thánh thì thật là điều hoang phí. Điều thứ hai là hiểu lầm kinh điển thì chỉ mang họa chứ không có được phúc. Điều thứ ba là kinh điển được diễn dịch một cách tùy tiện thì sau này bất cứ ai cũng có quyền suy diễn kinh điển, khi đó thì PG chỉ có mất thôi. Thân người khó được Chánh pháp khó gặp mà chỉ được nghe ý riêng của giảng sư thì quá hoang phí, giống như thay vì vô rừng được ngắm cảnh ăn trái ngon thì lại vô rừng chỉ ăn toàn nấm độc. Nếu các vị nghi ngờ điều tôi vừa nói thì vào Trung Bộ Kinh xem bài Kinh Ví dụ Con Rắn. Người bắt rắn không khéo sẽ bị rắn cắn, người học hỏi Phật ngôn mà học không đúng cách, học hiểu lầm, ngộ nhận thì sẽ mang họa thôi. Tôi lấy ví dụ này quí vị nghe là bắt buộc phải tin, mình học kinh điển mà học không đúng mức, có thể dễ duôi hơn. Các đây hai hôm, một Phật tử người VN rất giỏi ngoại ngữ đến nói với tôi: *Sư nói ghê quá đi, Sư nói thân người khó được, cơ hội sa đọa rất dễ. Sao con nghe vài vị sư Tích Lan nói rằng, mình thọ tam qui ngũ giới rồi, trong đời sống mình sống tròn trách nhiệm bổn phận với gia đình thì chắc chắc sanh thiên thôi, vì đâu có được bao nhiêu người qui y Tam Bảo, đâu có bao nhiêu người giữ được năm giới, sống tròn trách nhiệm với gia đình theo tinh thần Phật tử, đâu có bao nhiêu người biết hộ trì Tam Bảo… như vậy là dứt khoát phải sanh thiên rồi*. Cổ nghe vậy xong thì thấy nhẹ nhàng quá. Tùy quí vị muốn nghĩ sao thì nghĩ, cứ xem cách diễn dịch, một người thì làm cho người ta sợ, một người thì làm cho người ta thấy thanh thản. Hoặc tôi xin phép ví dụ một chuyện nữa chắc làm phiền nhiều người trong room, đó là khi tôi nghe HT Nhất Hạnh giảng về thiền, tôi thấy tôi không sợ luân hồi, Hòa thượng nói mình cũng quán chiếu, hít vô thở ra mỉm cười, nhưng sự vô thường theo HT thì giảng đẹp lắm, đó là sự đắp đổi từ tình trạng này sang tình trạng khác. Cái cao siêu ở đây thì HT nói rất là đúng, nhưng chỗ HT dẫn mình vào thì làm cho mình có cái nhìn khác về dòng sinh tử. HT nói mình đi từ cái thân này qua cái thân khác giống như sự luân lưu hoán chuyển của dòng nước hoặc một chiếc lá, từ cái này biến mất thành cái khác và tiếp tục phục vụ nữa.

Nước lúc nào ở dưới cống dưới mương, bây giờ bốc hơi về trời làm mây bay rồi rơi xuống nuôi cây cỏ vạn vật trên hành tinh này, rồi một lúc nào đó hư hao rã mục hóa thân vào đất từ đó có cái khác sinh sôi nẩy nở lên. Sống bằng tâm niệm như vậy, khi ta uống một ly nước ta cũng đang cảm nhận trở về cái lòng đất mẹ. Khi ta cầm một đóa hoa hãy trân quí nó, và khi bước đi trên đất ta có cảm giác đang dẫm trên hình hài em bé hồng hào, do đó lòng ta lúc nào cũng cẩn trọng nhẹ nhàng hết, phải trân quí yêu thương bảo vệ môi trường v.v... Tôi nghe một hồi tôi có cảm giác chuyện luân hồi không phải là chuyện mình phải lìa bỏ nữa.

Hôm nay chúng ta có blog Vietheravada rồi, có phần chánh kinh của HT Minh Châu và chú giải Pāḷi. VN không phải là không có người đọc được Pāḷi, ví dụ thầy Đỉnh (TT Ngộ Đạo ngày xưa), chưa kể các vị tăng sinh đặc biệt là Tích Lan, khả năng đọc Pāḷi không khó khăn. Những ngọa hổ trong làng cư sĩ VN, họ bỏ công ra dùi mài để đọc hiểu thì chuyện đó không có khó. Hôm nay chúng ta có nhiều bản dịch trên internet: bản tiếng Thái, Anh, Đức, chưa kể tiếng Tàu nữa. Tôi từng thấy bản dịch Thắng Pháp Tập Yếu Luận bằng tiếng Tàu, và bản chú giải Abhidhamma cũng bằng tiếng Tàu. Có những vị sư người Hoa, chẳng hạn như sư Dhammajoti - vị sư TQ nghiên cứu Abhidhamma, một tay uyên bác về A Tỳ Đàm, Pāḷi, Sanskrit, đặc biệt có bằng tiến sĩ với luận án nghiên cứu về A-tỳ-đàm PG Các Bộ Phái, viết rất nhiều sách, nên mình cũng có niềm tin lớn rằng với người nghiên cứu VN dùng internet và có khả năng ngoại ngữ nữa thì cả đời này không bao giờ đọc hết tài liệu mà mình cần. Ngày hôm qua tôi nói, nếu có hỗ trợ thì nên hỗ trợ các cơ sở, tổ chức trực tiếp ảnh hưởng đến chuyện hoằng pháp nhiều hơn là xây chùa. Chùa chỉ là chỗ cho tăng ni ở, đừng chỉ chú trọng tới chùa mà quên chuyện hoằng pháp, nếu tập trung song song cả hai thì tốt.

[16] Ly thân ác pháp, đính hôn thiện pháp.

Sáng nay mình làm việc với bài kinh Am Tranh. Thời Đức Phật chuyện chư thiên đến hầu Ngài rất là thường. Có một người khuất mặt tìm đến Đức Phật để hỏi đạo, trước hết, vị này đọc một bài kệ mà ý nghĩa phải nói là nếu có học đạo thì mình đoán mò ra được, còn người không học đạo thì thấy bài kệ kỳ lạ vì vị này và Thế Tôn biết rõ nhau. Giữa những người có thần thông họ nói chuyện như vậy đó, giống như những người đánh cờ tướng bằng miệng, không có bàn cờ:

"Ngài không có am tranh,

Ngài không có tổ ấm,

Ngài không có **dây giăng**,

Ngài thoát khỏi hệ phược."

Chữ *'dây giăng'*, trong bản Pāḷi là '*santānakā'.* Chữ này rất nhiều nghĩa, tôi không hiểu vì sao HT Minh Châu dịch là *'dây giăng'*. '*Santānakā'* là 'sự nối dõi', 'tiếp nối' từ đời này sang đời khác. '*Santānakā'*còn có nghĩa 'rễ phụ'. Nếu ai đó hỏi tôi chọn giùm trong tiếng Pāḷi 10 từ quan trọng nhất về những vấn đề lớn của Phật pháp để người Phật tử học thuộc lòng thì một trong những từ đó phải có từ '*Santāna'.* Chữ này vô cùng quan trọng, vì đối với một người không phải là Phật tử thì họ chỉ có hai cách nghĩ về bản thân mình:

1. Chết rồi là hết, kiếp trước không có, kiếp sau không có, do điều kiện đặc biệt ngẫu nhiên nào đó tôi có mặt trong đời này, xong rồi thì thôi, người chết hết việc – đó là đoạn kiến.

2. Không rõ tôi từ đâu tới nhưng biết tôi đi vất va vất vưởng từ đời này sang kiếp khác, cái thân này mất đi thì cái vong hồn của tôi tiếp tục đi nữa, mãi hoài trong nhân gian – đó là thường kiến.

Người Ấn Độ thì nghĩ rằng khi chết rồi thì có lúc làm trùn làm dế, làm trâu làm bò, có tu hành thì trở lên làm người, cứ như vậy, khi nào có tu tập đầy đủ công đức thì lúc nào đó trở về hợp nhất với Phạm Thiên chí tôn trên cõi Phạm Thiên, vì mỗi chúng ta là từng mảnh vụn lấy ra từ Đại ngã của Phạm thiên; những mảnh vụn này trên đường lưu lạc thu gom công đức thì ngày trở về với nguồn cội nhập một với Phạm Thiên nhanh hơn, con đường ngắn hơn, còn nếu không tu hành công đức gì hết thì mảnh vụn sẽ rời xa nguồn gốc trôi dạt hết từ đời này sang đời khác – đó là quan điểm của Ba-la-môn giáo ngày xưa. Ngày nay thì *đạo ông bà, đạo ông tư bà tám, yoga, khí công*…; cuối cùng đi đến một nhận thức rất là mơ hồ mà mình không bao giờ bỏ thời gian ra để kiểm chứng đúng hay sai đó là sống sao chết vậy; chết đời này sanh ra đời khác. Những nhận thức thường kiến giống nhau là có một cái gì đó đi từ đời này sang kiếp khác, đi hoài đi mãi. Theo tinh thần PGNT thì điều này tuyệt đối không có, mà là nhân tạo ra quả, trong quả đó nếu có tu tập thì chấm dứt sanh tử, nếu không thì nhân sanh tử tạo ra quả sanh tử. Ví dụ, do nhân sinh tử tôi có tham có si có tâm thiện tâm thiền, khi tôi có tác động vào những tâm đó thì trong vô số kiếp luân hồi có lúc thiện lúc ác. Lúc thiện trổ tôi sanh làm người, đó là quả lành của một tâm thiện. Nhưng trước khi mang thân người thì tôi đã trải qua vô số điều thiện điều ác, đủ duyên thì mới trổ quả. Chẳng hạn như tôi là người đàn ông VN tên Lê Văn Tèo, do một cái phước

A1 nào đó tôi được mang thân người làm đàn ông, nhờ phước A2 tôi sanh trong gia đình giàu có, thông minh học giỏi, nhưng vì cái nghiệp A3 mà tôi bịnh hoạn hoài nên lấy xong bằng tiến sĩ ba mươi mấy tuổi thì chết yểu. Trong thời gian tôi sống, do phước nào đó tôi rất thành công trong danh lợi, quyền hành chức vụ, nhưng do nghiệp nào đó trong quá khứ tôi hay bị hiểu lầm. Một kiếp sống là một cơ hội lớn cho nhiều ác nghiệp và thiện nghiệp của đời trước trổ quả, có những nghiệp nhẹ (nghiệp bình dân), còn như nghiệp nặng thì mất mạng, chuyển sang kiếp sống khác. Hãy nhớ Lê Văn Tèo bây giờ không phải là con người của một kiếp trước nào đó mà chỉ là kết quả của một kiếp trước nào đó thôi. Cái nhân không phải là quả mà quả cũng không phải là nhân. Nhân là cái tạo ra quả, và quả là cái được tạo ra, là sản phẩm của nhân chứ không phải là nhân. Không bao giờ có một cái gì đó đi từ đời này sang kiếp khác, mà tất cả được diễn ra theo lực đẩy: nhân tạo ra quả, quả tạo ra nhân khác, quả đi ra từ nhân nhưng không phải là nhân, sự kết nối đó gọi là '…; cuối cùng đi đến một nhận thức rất là mơ hồ mà mình không bao giờ bỏ thời gian ra để kiểm chứng đúng hay sai đó là sống sao chết vậy; chết đời này sanh ra đời khác. Những nhận thức thường kiến giống nhau là có một cái gì đó đi từ đời này sang kiếp khác, đi hoài đi mãi. Theo tinh thần PGNT thì điều này tuyệt đối không có, mà là nhân tạo ra quả, trong quả đó nếu có tu tập thì chấm dứt sanh tử, nếu không thì nhân sanh tử tạo ra quả sanh tử. Ví dụ, do nhân sinh tử tôi có tham có si có tâm thiện tâm thiền, khi tôi có tác động vào những tâm đó thì trong vô số kiếp luân hồi có lúc thiện lúc ác. Lúc thiện trổ tôi sanh làm người, đó là quả lành của một tâm thiện. Nhưng trước khi mang thân người thì tôi đã trải qua vô số điều thiện điều ác, đủ duyên thì mới trổ quả. Chẳng hạn như tôi là người đàn ông VN tên Lê Văn Tèo, do một cái phước A1 nào đó tôi được mang thân người làm đàn ông, nhờ phước A2 tôi sanh trong gia đình giàu có, thông minh học giỏi, nhưng vì cái nghiệp A3 mà tôi bịnh hoạn hoài nên lấy xong bằng tiến sĩ ba mươi mấy tuổi thì chết yểu. Trong thời gian tôi sống, do phước nào đó tôi rất thành công trong danh lợi, quyền hành chức vụ, nhưng do nghiệp nào đó trong quá khứ tôi hay bị hiểu lầm. Một kiếp sống là một cơ hội lớn cho nhiều ác nghiệp và thiện nghiệp của đời trước trổ quả, có những nghiệp nhẹ (nghiệp bình dân), còn như nghiệp nặng thì mất mạng, chuyển sang kiếp sống khác. Hãy nhớ Lê Văn Tèo bây giờ không phải là con người của một kiếp trước nào đó mà chỉ là kết quả của một kiếp trước nào đó thôi. Cái nhân không phải là quả mà quả cũng không phải là nhân. Nhân là cái tạo ra quả, và quả là cái được tạo ra, là sản phẩm của nhân chứ không phải là nhân. Không bao giờ có một cái gì đó đi từ đời này sang kiếp khác, mà tất cả được diễn ra theo lực đẩy:

nhân tạo ra quả, quả tạo ra nhân khác, quả đi ra từ nhân nhưng không phải là nhân, sự kết nối đó gọi là 'Santāna'**.**

Chữ '*kuṭikā'* ở đây HT Minh Châu dịch là 'am tranh' nhưng '*kuṭikā'* không có nghĩa là 'am tranh'. Trong tiếng Mỹ gọi là *hut*, nghĩa là *lều, chòi*. 'Am tranh' thì nghe sang quá nhưng nghĩa hơi hẹp. Dụng ý của vị này là muốn nói cái bào thai, bụng mẹ, '*kuṭikā'*là cái lều nhỏ hay cái nhà tạm không lớn.

'Kulāvakā' còn có nghĩa là 'tổ ấm'. Từ gốc của nó là 'tổ chim' (nest), dịch là tổ ấm nghe rất hay nhưng đâu phải tổ nào cũng ấm đâu, nhất là khi tổ đó có cô vợ tào lao.

Khi vị Thiên nói Đức Phật không có gì hết, không có am tranh, tổ ấm, không người nối dõi, không hệ phược, Đức Phật xác nhận đúng, thì vị Thiên đó mới hỏi ngược lại: "*Con nói am là gì?*

Nói tổ ấm là gì?

Nói dây giăng là gì?

Nói hệ phược là gì?

". Đức Phật trả lời*: "Ông nói am là mẹ, Nói tổ ấm là vợ, Nói dây giăng là con, Nói hệ phược là ái".* Theo chú giải, sở dĩ 'túp lều' (am tranh) là 'mẹ' vì mỗi con người trước khi đi vào đời, trạm đầu tiên chính là bào thai của người mẹ, bào thai đó ẩn dụ là cái túp lều. Tổ chim là vợ bởi vì đó là cái có được sau khi con chim lớn lên, tự đi kiếm ăn được và ra sức làm cái tổ. Người đàn ông khi có gia đình sau giờ phút bôn ba kiếm ăn bên ngoài thì trở về với người vợ chờ ở nhà như con chim sau một ngày đi kiếm ăn tối trở về cũng có chỗ trú vào tổ qua đêm. Vì vậy mới dẫn tới cái ẩn dụ người vợ là tổ chim. Người con là 'sự nối dõi' vì con cái là hình ảnh trung thực của mình, là phản ảnh của mình, là hình bóng trên vách hay trong gương của mình, là phiên bản của mình. Vì vậy, đối với rất nhiều người, họ có thể bỏ chồng bỏ vợ nhưng không thể bỏ con bởi vì đứa con là sự kết nối trực tiếp giữa họ và chúng. Trên tất cả, chính cái tham ái ràng buộc cả ba thứ này lại với nhau. Một vị La-Hán trước khi chứng đạo có thể có mẹ, có vợ, có con, sau khi chứng La-Hán rồi nhìn lại họ bằng một tâm trạng rất là khách sáo, xem đó là ba chúng sinh như bao chúng sinh khác, mặc dù đạo đức xã hội phải có trách nhiệm, một A-la-hán cũng giúp mẹ, giúp vợ, giúp con trong chừng mực nào đó.

Có một vị tỳ kheo chứng A-la-hán khi được bạn bè hỏi: *Ngài đi tu có nhớ con không?*

Vị này nói: *Nhớ chứ, con của mình sao mình không nhớ*. Nhưng một thời gian sau khi chứng A-la-hán rồi thì ngài trả lời khác hơn một chút. Đức Phật xác nhận, đối với một vị La-Hán, trước khi đi xuất gia cũng có những tình cảm này kia nhưng khi đi xuất gia rồi thì cũng có thể có những quan hệ nhưng cái nhìn của vị ấy về mọi sự đã khác đi. Vì sao?

Vì cái quan trọng là cái thứ tư, đó chính là khi ái không còn thì ba cái kia cũng không còn tác dụng cũ, không còn cuốn hút cũ. Tổ ấm là tình cảm vợ chồng, cái chòi chỉ cho bà mẹ, sự nối dõi chỉ cho đứa con, nhưng cả ba không còn là vấn đề đối với một người không còn tham ái nữa. Dĩ nhiên những người ở trong room này là cư sĩ thì vẫn còn có một mái ấm gia đình, tuy nhiên bài kinh này cho chúng ta nhận thức quan trọng đó là: **đối với ác pháp, nếu chưa ly dị được thì phải ly thân.** Nếu có những điều tốt trong đạo mình chưa làm được như đi xuất gia hoặc tham dự các khóa thiền thì cũng chuẩn bị tâm lý điều kiện để mai này có thể làm được những điều đó, **đối với thiện pháp chưa kết hôn thì đính hôn trước**. Nếu mình vẫn còn có 'cái chòi', 'cái am' thì phải chịu thôi, phải lo cho cái am cái chòi đó, phải có trách nhiệm, tuy nhiên hãy chuẩn bị đời sống tâm lý, thường thường tâm niệm "tôi sẽ làm chuyện đó", để việc mình mong muốn sẽ gần hơn. Nếu duyên không đủ, lỡ may chết đi thì cũng ra đi trong tâm trạng một người đã xuất gia, đã tu thiền tâm lý, cái này còn quí hơn là xuất gia hình thức, tu thiền hình thức.

SAMIDDHI

Ngài Samiddhi rất đẹp. Gần chỗ ở của ngài có một suối nước nóng, sáng sáng ngài đến đó tắm xong rồi đi bát. Một hôm có cô tiên nữ (địa cư thiên) nói với ngài:

"Không hưởng, Ông khất thực,

Nay khất thực, không hưởng,

Hãy hưởng rồi khất thực,

Chớ uổng phí thời gian."

Theo chú giải, 'hưởng' ở đây nghĩa là hưởng thọ năm dục, sống đời cư sĩ. Cô tiên hỏi, tại sao ngài buông bỏ đời sống dục lạc, (không hưởng = không chịu sống đời cư sĩ; khất thực = sống đời xuất gia), chính vì ông đi xuất gia nên ông không có cơ hội hưởng thụ đời sống dục lạc của cư sĩ, thôi thì bây giờ ông quay về đời sống hưởng thụ đi rồi đi tu sau, chứ không là uổng phí thời gian lắm, đó là nội dung bốn câu đầu. Ngài Samiddhi trả lời:

"Thời Ông, ta không biết.

Thời ta, ẩn không hiện.

Không hưởng, ta khất thực,

Không uổng thời gian ta."

Chữ "*thời*" trong chánh tạng Pāḷi là "*Kāla*", nhưng trong chú giải là "*Māraṇa kāla*" là thời điểm từ trần. Tôi nghi người dịch ở đây không phải là HT Minh Châu, vì nếu là ngài Minh Châu thì ngài sẽ đọc chú giải. Ở đây không thể gọi là "*Ông*" được mà phải là "nàng" hay "cô".

"Kālaṃvohaṃ na jānāmi, channo kālo na dissati;

Tasmā abhutvā bhikkhāmi, mā maṃ kālo **upaccagā**''ti.

Khi nào cô chết thì ta không biết, lúc nào ta qua đời ta cũng không biết, đó là lý do tại sao mà ta không sống đời cư sĩ mà ta sống đời xuất gia, chỉ như vậy thì ta mới không hoang phí, cuộc đời của ta.

'Upaccagā': để trôi đi, hoang phí

Câu Pāḷi này được dịch sát, và cộng với sự gò bó theo thể văn kệ nên câu kinh đã mù mịt rồi càng mù mịt thêm.

"Này Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các ái dục của người đời. Chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối".

Vị tiên nữ chưa chịu dừng lại, còn cố nói thêm: Ngài còn trẻ quá mà, ngài cứ quay lui với đời sống thế tục đi, hãy hưởng thụ đi tại sao cứ lìa bỏ cái hiện tại và chạy theo cái phù phiếm (*kālikā*), ngài khỏe trẻ đẹp, nhựa sống căng tràn (hiện tại trước mắt), bận tâm chi đến chuyện chết chóc, xa vời.

'Kālikā': 'phù phiếm', HT Minh Châu dịch là *"thời gian chi phối"*.

Ngài trả lời: *Ta đâu có chạy theo phù phiếm, chính ta là người sống trong hiện tại mới đúng đó chứ. Thì ra cái "hiện tại" của nàng là nàng nói cái trẻ cái khỏe cái đẹp. Còn hiện tại của ta là danh sắc, những buồn vui thiện ác đang diễn ra trong từng phút, sống nhìn ngắm những cái đó mới là sống trong hiện tại. Còn nàng hiểu sống hiện tại là tận hưởng các điều kiện rất đỗi thế tục là hiểu theo cách hiểu tầm thường ở thế gian.* Rõ ràng giữa một người có đạo và người không có đạo nhận thức về đời sống khác nhau xa lắc. Người thì nói đời sống ngắn quá không hưởng thì uổng - đó là ma nói. Nói theo lời Phật thì đời sống ngắn quá thì thời gian đâu mà hưởng. Ta không có nhiều thời gian để ngồi hưởng thụ đời sống để rồi một ngày nào đó lăn đùng ra mà chết, lạnh ngắt, vô duyên. Tuổi của tôi bây giờ là gần 50 rồi, không biết là già hay trẻ, nhưng có một chuyện mà tôi cứ ngại hoài, cái ngại này nhiều người nghe sẽ nói rằng, khi nào tới hẵng hay, Sư tu mà có gì đâu Sư sợ. Nghe cách nói của họ thì rất là cao siêu. Tôi sợ nhất là ở gần những người như vậy, họ tưởng suy nghĩ của họ cao siêu minh triết lắm. Nhưng sao mình không lo được, một đêm nào đó phát hiện ra một bên tay không nhấc lên được, đó là nhẹ, còn nặng là mình phát hiện ra toàn thân mình chỉ còn cái đầu suy nghĩ được mà thôi. Miệng nói không được, thân dưới thì không nghe mình nữa, tay chân thì như thể không mắc mớ gì mình nữa hết. Hãy thử tưởng tượng coi ngày đó mình sống ra làm sao và làm ơn nhớ giùm chuyện này, chuyện này quí vị không thể ngồi làm thơ được đâu. Đó là, vợ mình chồng mình con mình, lúc mình còn ok thì họ cư xử khác, một ngày nào mình tiêu tiểu tại chỗ, không còn làm ra tiền nữa, không còn nói năng được nữa, các mối quan hệ xã hội đã vô hiệu, thì lúc đó đừng trách người ta trở mặt. Sống thì không thể nào không chuẩn bị tâm lý cho ngày xấu nhất. Từng đi tụng kinh cho những người nằm liệt giường, tôi biết, con cháu nó để cho hôi rình, có quí sư quí thầy tới thì nó dọn chút đỉnh. Với cái mùi phảng phất còn lại thì tôi cảm nhận người này đã từ lâu rồi họ sống hôi thúi dữ lắm, nằm lâu quá lở loét mà con cháu thì không trở mình, chỉ lo trở mặt. Càng thúi càng hôi thì càng bực mình tủi thân, bực dọc rồi thì con cháu càng có cớ để xa lánh. Nhà cao cửa rộng không thiếu thứ gì nhưng chết khát không biết kêu ai, nửa đêm đau bụng đi ra quần mà không gọi được con cháu vì chúng lo ngủ, lo coi phim, lo chơi… Ngài Samiddhi nhớ đến những điều đó nên nói với tiên nữ: *khi nào ta chết thì ta cũng không biết, đó là lý do mà ta không sống đời cư sĩ mà phải đi xuất gia*. Nàng tiên nữ mới nói thêm: *sao ngài lại bỏ hiện tại mà chạy theo những cái phù phiếm.* Ngài Samiddhi trả lời: *sống như tôi mới là sống không phù phiếm, các dục là vui ít khổ nhiều*. Tiên nữ hỏi thêm: *Ngài nói ngài*

sống trong hiện tại, lìa bỏ phù phiếm, các dục là vui ít khổ nhiều, ngài có thể nói vì sao ngài lại nói như vậy hay không. Ngài Samiddhi trả lời: *Tôi mới xuất gia, được nghe làm sao tôi lặp lại y vậy, muốn hiểu sâu hơn xa hơn thì đến gặp Thế Tôn và hỏi đi.* Theo chú giải, tiên nữ nói chung quanh Thế Tôn lúc nào cũng đông chư thiên và các bậc đại uy lực không dễ gì gặp được, mang thân nữ này tới đó không tiện. Ngài Samiddhi nói nếu như vậy thì đi chung với ngài. Khi đến nơi, đảnh lễ Thế Tôn xong, ngài Samiddhi thưa lại với Đức Thế Tôn cuộc nói chuyện giữa hai người và nói: *cô đi đâu mất rồi*. Tiên nữ khi đó mới lên tiếng: *Xin ngài cứ hỏi Thế Tôn đi, tôi đã đến đây rồi tôi theo ngài mà ngài không thấy*. Lúc nói chuyện thì tiên nữ hiện hình cho ngài thấy, còn lúc đi theo thì lại ẩn thân. Quí vị không quan tâm đến những vấn đề siêu hình hay những vấn đề mang tính cách khó tin thì cứ bỏ chuyện này qua một bên, tôi cũng vốn là người thiên hạ vô địch nghi ngờ không có tin linh tinh, có nhiều chuyện trong chú giải là hệ quả tất yếu của một sự giao thoa văn hóa, nghĩa là khi Thế Tôn Niết bàn rồi thì các vị biên soạn một bối cảnh văn hóa nào đó, trong điều kiện xã hội nào đó dứt khoát phải đính kèm theo đó sự vay mượn. Ví dụ như hôm nay nghe những vị hòa thượng có chút tân học như HT Thiên Ân, HT Nhất Hạnh, HT Minh Châu nói chuyện, hoặc đọc sách của các vị đó thì sẽ thấy phảng phất bóng dáng, hơi hướng của thời đại rất đậm nét, còn nếu như nghe HT Trí Quảng, HT Thanh Từ thì không thấy nhiều lắm bóng dáng thời đại trong đó. Ở đây cũng vậy, những vị biên soạn chú giải toàn những người uyên bác, sở hữu học vấn thế tục rất là sâu rộng. Chẳng hạn trong phần đầu của bộ Thanh Tịnh Đạo có nói về thân thế của ngài Buddhaghosa, hoặc là trong Mi Tiên phần đầu nói về ngài Na Tiên (Nāgasena) hoặc trong chú giải bộ Luận Điểm (Kathāvatthu) nói về ngài Moggaliputta Tissa. Moggaliputta Tissa là vị chủ trì kỳ kiết tập thứ 3 và là chủ biên để san định bộ Kathāvatthu - bộ thứ năm của A-tỳ-đàm. Cả ba vị này có một sở học cực kỳ đáng nể. Chưa kể bên Bắc Tông có các ngài như Vasubandhu (Thế Thân), Asaṅga (Vô Trước), Aśvaghoṣa (Mã Minh), hoặc ngài Nāgārjuna (Long Thọ), rất là uyên bác, nên khi họ biên soạn dễ dàng bắt gặp trong tác phẩm của họ những kiến thức vay mượn từ bên ngoài rất nhiều, gọi là giao thoa văn hóa. Đó là lý do vì sao có nhiều điểm trong chú giải giống như sự vay mượn từ bên ngoài, ví dụ trong Thanh Tịnh Đạo, phần giải về chữ ‘. Lúc nói chuyện thì tiên nữ hiện hình cho ngài thấy, còn lúc đi theo thì lại ẩn thân. Quí vị không quan tâm đến những vấn đề siêu hình hay những vấn đề mang tính cách khó tin thì cứ bỏ chuyện này qua một bên, tôi cũng vốn là người thiên hạ vô địch nghi ngờ không có tin linh tinh, có nhiều chuyện trong chú giải là hệ quả tất yếu của một sự giao thoa văn hóa, nghĩa là khi Thế Tôn Niết bàn rồi thì các vị biên soạn một bối cảnh văn hóa nào đó, trong điều

kiện xã hội nào đó dứt khoát phải đính kèm theo đó sự vay mượn. Ví dụ như hôm nay nghe những vị hòa thượng có chút tân học như HT Thiên Ân, HT Nhất Hạnh, HT Minh Châu nói chuyện, hoặc đọc sách của các vị đó thì sẽ thấy phảng phất bóng dáng, hơi hướng của thời đại rất đậm nét, còn nếu như nghe HT Trí Quảng, HT Thanh Từ thì không thấy nhiều lắm bóng dáng thời đại trong đó. Ở đây cũng vậy, những vị biên soạn chú giải toàn những người uyên bác, sở hữu học vấn thế tục rất là sâu rộng. Chẳng hạn trong phần đầu của bộ Thanh Tịnh Đạo có nói về thân thế của ngài Buddhaghosa, hoặc là trong Mi Tiên phần đầu nói về ngài Na Tiên (Nāgasena) hoặc trong chú giải bộ Luận Điểm (Kathāvatthu) nói về ngài Moggaliputta Tissa. Moggaliputta Tissa là vị chủ trì kỳ kiết tập thứ 3 và là chủ biên để san định bộ Kathāvatthu - bộ thứ năm của A-tỳ-đàm. Cả ba vị này có một sở học cực kỳ đáng nể. Chưa kể bên Bắc Tông có các ngài như Vasubandhu (Thế Thân), Asaṅga (Vô Trước), Aśvaghoṣa (Mã Minh), hoặc ngài Nāgārjuna (Long Thọ), rất là uyên bác, nên khi họ biên soạn dễ dàng bắt gặp trong tác phẩm của họ những kiến thức vay mượn từ bên ngoài rất nhiều, gọi là giao thoa văn hóa. Đó là lý do vì sao có nhiều điểm trong chú giải giống như sự vay mượn từ bên ngoài, ví dụ trong Thanh Tịnh Đạo, phần giải về chữ '**bhagava'** vay mượn nguyên vẹn từ bộ Yoga Sutra của Patañjali, tôi tin hai người này (không biết ai trước ai sau) tham khảo cùng một nguồn chung, có những câu chuyện y chang như Ngàn Lẻ Một Đêm, Âu Cơ trăm trứng. Bởi vậy, tôi ngờ ngợ rằng trong một thời điểm nhất định nào đó có một sự vay mượn giữa các nguồn thông tin. Học đạo phải biết gạn đục khơi trong, kế thừa có phê phán. Cái nào tương ứng với Kinh tương đồng với Luật thì ghi nhận. Có hai cách để chấm dứt hoài nghi là đi tìm câu trả lời hoặc để sang một bên không nghĩ đến nữa. Có nhiều thắc mắc tôi đi tìm câu trả lời nhưng có những thắc mắc không cấp thiết, vì đời ngắn quá, cái gì cũng đi tìm thì không đáng. Trước mặt Thế Tôn, sau khi ngài Samiddhi thưa lại toàn bộ cuộc đối thoại giữa ngài và tiên nữ xong, Đức Phật tổng kết những gì cô tiên nói và những gì ngài Samiddhi nói, Đức Phật biết cô tiên đang thắc mắc những gì, nên Ngài mới đọc bài kệ để giải tỏa thắc mắc đó. Đây là bài kệ theo bản dịch của HT Minh Châu:

Chúng sanh được hiểu biết,

Những điều được nói lên,

Và chấp trước thái độ,

Trên những điều được nói.

Nếu họ không liễu tri

Những điều được nói lên,

Họ đi đến trói buộc.

Do thần chết chi phối,

Nếu họ liễu tri được

Những điều được nói lên,

Họ không có tưởng tri,

Những điều được nói ra.

Đối với vị như vậy,

Lỗi lầm nhất định không.

Nếu các Ông có biết,

Hãy nói lên Dạ-xoa.

Quí vị đọc bản tiếng Việt vậy mà hiểu được là thiên tài rồi. Ở đây chúng ta dựa vào chú giải xem nói gì.

“Akkheyyasaññino sattā, akkheyyasmiṃ patiṭṭhitā;

Akkheyyaṃ apariññāya, yogamāyanti maccuno.

‘*Akkheyyasaññino’* là ‘ngôn ngữ’, ‘biểu tượng’. Thế giới chúng ta đang sống là thế giới của ngôn ngữ, của biểu tượng. Chỉ nhìn cái logo là biết ngay Mercedes, Channel hay Gucci vv… Toàn bộ thế giới này đều sống chìm sâu trong biểu tượng và từ ngữ. Thế giới của tục đế (sammuti), chế định (paññatti - còn gọi là thi thiết, giả lập), biến kế sở chấp (skt: parikalpita). Cùng cọng cải, bỏ xíu muối xíu đường, gọi là ‘dưa’. Trái ớt là ‘chili’, ngâm xong gọi là ‘pickle’ (dưa ớt). Cũng người con gái đó mà chưa chồng là ‘thiếu nữ’, lấy chồng thành ‘thiếu phụ’, có thai gọi là ‘thai phụ’, chồng lăn đùng ra chết gọi là ‘góa phụ’, chồng đi lính ở nhà một mình là ‘cô phụ’, cạo đầu đi tu thành ‘ni cô’, tu lâu thành ‘ni sư’ v.v… Vì vậy gọi đây là thế giới của thi thiết, giả lập.

Câu trả lời của Đức Phật không thể hay hơn. Ngài nói rằng thế giới này buồn hay vui là do mình, mình thích cái này ghét cái kia vì mình chìm sâu trong tục đế, trong chế định, trong những cái giả lập, chìm sâu trong thế giới ước lệ. Buồn vui gì cũng đi ra từ sự chấp trước của mình trong nhận thức, nếu một người hiểu được bản chất chân đế của các pháp thì họ không còn cái gì để thích hay để ghét nữa. Trong trường hợp này Đức Phật đã trả lời cho cô tiên nữ: *Sống trong hiện tại của cô là hưởng thụ những gì trước mắt, còn sống hiện tại của ta là ghi nhận những gì đang diễn ra trước mắt*. Có hai cách sống trong hiện tại: 1. Hưởng thụ nó. (đi xuống) 2. Quan sát nó. (đi lên). Biểu hiện chỉ là biển hiệu, biển hiệu cũng chỉ là biểu hiện. Thiên đường nào cũng chỉ là cõi thương điền -*"thương hải biến vi tang điền"* (biển xanh hóa thành nương dâu).

Sông kia rày đã nên đồng.

Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai.

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai.

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò

(Sông Lấp – Trần Tế Xương)

Hễ còn sống trong thế giới phàm phu thì còn thương thích ghét sợ, tham ưu, và còn bị trói buộc, bị gò bó trong sự thương thích ghét sợ. Nếu liễu tri được *những gì được nói ra* ở đây (*Akkheyya* - biểu tượng, ngôn ngữ) thì không có tưởng tri, thế giới này sống bằng tưởng. Cái biết của trí là nó như thế nào mình thấy nó như vậy (*see as they are*). Khổ thay mình sống toàn bằng cái kinh nghiệm, ký ức, từ chỗ cha mẹ, thầy cô, sách báo, truyền thông… dạy mình; những gì mình nghe suốt cuộc đời, nó trở thành vốn liếng. Ví dụ như tôi lớn lên trong văn hóa Hồi giáo, tôi nhìn mọi thứ dưới góc độ của kinh Qr'an, tôi lớn lên trong môi trường Cơ-đốc-giáo, tôi nhìn mọi thứ qua lăng kính Tân Ước và Cựu Ước v.v… cho nên, theo chú giải, người ta sống chìm đắm trong thế giới của tưởng (biết bằng kinh nghiệm, hồi ức, tích lũy cũ), biểu tượng, ảo tượng; từ đó có những từ giải thiêng, giải ảo, cái gì biết thì nói biết. Có câu thơ tôi rất thích:

Ta về khai giải bùa thiêng yểm

Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi

Hãy kể lại mười năm chuyện cũ

Một lần kể lại để rồi thôi

(*Ta về* - Tô Thùy Yên)

[17] Chúng sinh có tám cách nhìn về ngũ uẩn

Đời sống nhiều lúc cần phải tháo gỡ những mặt nạ của thần tượng. Mình cứ trùm lên nó một bức màn sương khói mờ ảo rồi tự mình làm khó mình thôi. Nếu như nó thế nào mình nhìn thấy thế ấy thì mọi sự đơn giản hơn nhiều. Đức Phật dạy chính vì còn sống trong thế giới của thế giới tưởng tri, cái biết vay mượn từ người khác, nên chúng sinh có tám cách nhìn (lăng kính) về ngũ uẩn. (nói thơ mộng một chút là nhìn về thế giới quanh ta): Đời sống nhiều lúc cần phải tháo gỡ những mặt nạ của thần tượng. Mình cứ trùm lên nó một bức màn sương khói mờ ảo rồi tự mình làm khó mình thôi. Nếu như nó thế nào mình nhìn thấy thế ấy thì mọi sự đơn giản hơn nhiều. Đức Phật dạy chính vì còn sống trong thế giới của thế giới tưởng tri, cái biết vay mượn từ người khác, nên chúng sinh có tám cách nhìn (lăng kính) về ngũ uẩn. (nói thơ mộng một chút là nhìn về thế giới quanh ta): *(1) Tham ái:* Người tham ái nhiều thì nhìn đời qua lăng kính của tham ái, Người tham ái nhiều thì nhìn đời qua lăng kính của tham ái, *(2) Sân hận:* người sân hận nhiều nhìn đời qua lăng kính của sân hận. Thí dụ đứng trước một bụi hoa hồng, người tham ái sẽ nói rằng: *Gai nhiều vậy mà cũng có bông hả trời.* Người sân nhiều thì sẽ nói: *Bông đẹp như vậy mà gai tùm lum. . (3) - (4) - (5). Si. Phóng dật, hoài nghi, chối bỏ 4 Đế.* Người si nhiều thì nhìn cuộc đời qua lăng kính của si: phóng dật, hoài nghi, chối bỏ 4 Đế, nhìn đâu cũng hoang mang hết. Người si nhiều thì nhìn cuộc đời qua lăng kính của si: phóng dật, hoài nghi, chối bỏ 4 Đế, nhìn đâu cũng hoang mang hết. **(6) - (7) Tà kiến.** (Thường kiến, đoạn kiến) Người nhìn đời qua lăng kính tà kiến có khuynh hướng đoạn kiến thì thích học thuyết nào củng cố, ủng hộ quan điểm đoạn kiến của họ, ví dụ họ thích triết học Mác – Lê vì hợp với suy nghĩ của họ, thích thuyết tiến hóa của Darwin…; người thường kiến khoái những quan điểm tà ma, vong hồn v.v... Chúng ta thường tìm hiểu cái mình thích hơn là cái mình cần, tùy thuộc và căn cơ sở tánh của mỗi người mà chúng ta có nhiều cách nhìn về cuộc đời. (Thường kiến, đoạn kiến) Người nhìn đời qua lăng kính tà kiến có khuynh hướng đoạn kiến thì thích học thuyết nào củng cố, ủng hộ quan điểm đoạn kiến của họ, ví dụ họ thích triết học Mác – Lê vì hợp với suy nghĩ của họ, thích thuyết tiến hóa của Darwin…; người thường kiến khoái những quan điểm tà ma, vong hồn v.v... Chúng ta thường tìm hiểu cái mình thích hơn là cái mình cần, tùy thuộc và căn cơ sở tánh của mỗi người mà chúng ta có nhiều cách nhìn về cuộc đời. *(8) ngã mạn.*

Theo chú giải bài kinh:Theo chú giải bài kinh: "Ratto hi rāgavasena patiṭṭhito hoti, duṭṭho dosavasena, mūḷho mohavasena, parāmaṭṭho diṭṭhivasena, **thāmagato** *anusayavasena, vinibaddho mānavasena, aniṭṭhaṅgato vicikicchāvasena, vikkhepagato uddhaccavasena patiṭṭhito hot"* người nặng về tham ái thì sống an trú (qua lăng kính) theo cách của tham ái, nặng về sân thì nhìn cuộc đời theo lăng kính của sân, nặng về si thì nhìn cuộc đời qua lăng kính của si, nặng về tà kiến thì nhìn cuộc đời từ lăng kính của tà kiến…

""""thāmagato **anusaya**vasena" *thāma: '*cứng nhắc'*, anusaya: '*khuynh hướng' (mix tendencies –trộn lẫn các khuynh hướng). Có người nặng về tham, về sân, hoặc về si, nhưng có người tổng hợp luôn cả thiện lẫn bất thiện, tánh rất nóng nhưng lại rộng rãi hoặc có trí tuệ nhưng tánh bỏn xẻn, "mix" là như vậy đó, có lúc ác đi chung với ác, có khi ác đi chung với thiện trong một con người, lúc vầy lúc khác, nên chữ *thāma* ở đây có thể dịch là 'sự lì lợm'. Đức Phật trả lời: sở dĩ Samiddhi nói Samiddhi sống trong hiện tại là bởi vì Samiddhi nói riêng và những người như Samiddhi nói chung không còn tiếp tục theo đuổi chìm sâu chìm đắm trong thế giới của ảo tưởng, ảo tượng, của ngôn ngữ nữa, mọi thứ được nhìn bằng trí tuệ như thật. Muốn có cái nhìn đúng đắn thì phải né cho bằng được cách nhìn theo kiểu *tám lăng kính* này, thay thế cách nhìn sai lạc bằng *ba cách nhìn đúng đắn* tức cách nhìn bằng trí tuệ. Ở đây gồm ba thứ trí:

[18] Ba thứ trí.

1. Ñātapariññā: quán trí. Biết rõ đây là năm uẩn, đây là bốn khía cạnh thực tính của năm uẩn. (Nói năm uẩn nhưng phải hiểu ngầm là tất cả các pháp chân đế hữu vi, ví dụ như tâm, tâm sở và sắc pháp…)

+ *lakkhaṇa:* bản tướng – characteristic (ví dụ bản tướng của tín, niệm, tàm, quý, thọ, tưởng, tư… mỗi cái nó là cái gì)

+ *rasa:* chức năng – function

+ *paccupaṭṭhāna:* đặc điểm nổi bật của nó là gì

+ *padaṭṭhānā:* nhân tố cần thiết của nó là gì

Trong chú giải nói 5 uẩn chứ thực tế có 70 pháp thực tính (sabhāva)

2. Tīraṇapariññā: Trí thấy được 42 khía cạnh tam tướng của năm uẩn.

3. Pahānapariññā: Sau khi hai trí (1) và (2) chín muồi rồi cộng với Ba-la-mật tròn đủ thì tự nhiên sẽ dẫn đến trí thứ ba này- Thánh trí.

Trong đạo Phật nguyên thủy, kẻ nào thấy kiêu ngạo trong giới luật thanh tịnh, kẻ đó bị đứng ở đó; kẻ nào bị chựng lại trong hạnh bố thí, cho rằng mình là vô địch về bố thí, kẻ đó khá không nổi. Hãy nhớ rằng tất cả các thiện pháp mình làm chỉ mang ý nghĩa thuốc chữa bệnh. Ta có học cái gì đi nữa, giữ giới gì đi nữa mà những cái đó không ảnh hưởng gì đến phiền não của ta hết thì cái đó phải xét lại. Cái biết nào có khả năng can thiệp tác động mạnh hoặc yếu, trực tiếp hay gián tiếp, tương đối hay tuyệt đối lên tâm tư phiền não của mình thì cái biết đó mới xài được, cái biết nào chỉ biết cho vui được chăng hay chớ thì phải xét lại. Dù có bố thí trì giới, học thuộc lòng Tam Tạng đi nữa mà công đức tu hành, phước báu, thiện sự đó không ảnh hưởng gì tâm tánh của mình thì lấy gì kiêu ngạo đây. Người học đạo phải nhớ tại sao có 3 trí này và trí thứ ba mới quan trọng.

Katamā pahānapariññā?

Thế nào là trí đoạn diệt?

"*Evaṃ tīrayitvā"* sau khi vượt qua giai đoạn đó thì *"aggamaggena pañcasu khandhesu chandarāgaṃ pajahati"* mới đến giai đoạn chấm dứt được tham dục trong năm uẩn bằng thánh đạo cao nhất. Tu hành là một hành trình mà mọi thứ cần phải được vượt qua. Nietzsche nói: mới đến giai đoạn chấm dứt được tham dục trong năm uẩn bằng thánh đạo cao nhất. Tu hành là một hành trình mà mọi thứ cần phải được vượt qua. Nietzsche nói: **Con người là cái gì đó cần phải vượt qua**. Tôi rất tâm đắc với câu nói đó, ta hôm nay phải hơn được ta ngày hôm qua, ta năm nay phải hơn được ta năm ngoái và ta năm sau phải khá hơn ta năm này đó mới là một hành trình đẹp còn nếu đứng yên tại chỗ thì hãy nhớ trong đời không có sự đứng yên, chỉ có sự thụt lùi. Hành trình tâm linh mà không đi tới nghĩa là đang thụt lùi, chứ không phải như hành trình cuộc đời.

Tiên nữ hỏi một đằng Đức Phật trả lời một nẻo nhưng cô tiên này lắng nghe và hiểu hết: chúng sanh trong đời đa phần sống chìm sâu trong ngôn ngữ và biểu tượng vì lo nhìn ngắm thế giới này qua tám lăng kính; toàn bộ những hệ thống tư tưởng triết học, kinh tế, chính trị, tôn giáo đều được đánh giá từ lăng kính chủ quan rất nhiều. (Như hôm nay công nghệ Bắc Hàn nhắm đến chuyện bóng đá, Nam Hàn thì lo electronic và công nghệ giải trí. Chỉ nhìn hướng đi công nghệ của mỗi nước thì mình đoán được tương lai của đất nước đó. Singapore phát triển theo lăng kính của họ, không giống Brunei, Brunei phát triển giống hướng của

Đài Loan, Đài Loan phát triển giống hướng của Thái Lan...) Vì vậy Đức Phật dặn hãy coi chừng kẻo nhìn ngắm thế giới này lọt vào lăng kính chủ quan, hãy nhớ nhìn ngắm thông qua ba trí tuệ. Trong cái nhìn của một hành giả tu Tứ Niệm Xứ, cái quan trọng không phải là được cái tuệ gì, mà là bỏ được cái gì, đó mới là cái hành giả cần bận tâm. Cứ bỏ đi rồi tự nhiên sẽ đắc, chứ cứ nghĩ đến cái đắc thì không bỏ được gì hết.

Cô tiên nữ xin Đức Phật giảng tiếp:

Bằng, thắng hay thua Ta,

Nghĩ vậy đấu tranh khởi;

Cả ba không dao động,

Bằng, thắng không khởi lên.

Nếu như Ông có biết,

Hãy nói lên, Dạ-xoa.

Hôm trước tôi có kể câu chuyện, một vị cư sĩ đến thăm một vị thiền sư và đề nghị vị thiền sư giảng cho mình tinh thần thiền học vắn tắt, vị thiền sư cầm một cây que kéo một đường trên đất và hỏi, đường vạch này dài hay ngắn. Cư sĩ nói chỉ một đường làm sao có ngắn có dài, phải so với cái gì để có thể nói dài hay ngắn. Sau khi trả lời vị thiền sư xong thì cư sĩ này liễu ngộ: thấy chỉ biết là thấy thôi không có so sánh thì sẽ không có tham và ưu vì thế giới này là thế giới của tưởng tri, chúng ta thích ghét cái gì đó vì có tưởng tri - cái biết dựa trên kinh nghiệm. Hành giả Tứ Niệm Xứ thì nhìn cái gì biết cái đó, cái biết của thức, của tưởng, của trí. Cái biết của tưởng là cái biết y cứ trên kinh nghiệm kiến thức cũ đã qua, cái biết của thức là cái biết đơn thuần dựa trên các giác quan, cái biết của trí là biết bằng một trong 3 trí ở trên. Thông thường một người không biết đạo thì chỉ biết bằng hai trí, dùng mắt tai mũi lưỡi chụp hình cái này cái kia, đánh giá nhận thức, nhận diện đối tượng đó thông qua cái tưởng, cái kinh nghiệm cũ; mình luân hồi vì mình có so sánh. Khi Đức Phật nói hãy bỏ cái nhìn qua 8 lăng kính chủ quan mà hãy nhìn qua 3 lăng kính khách quan thì tiên nữ không hiểu gì hết, nên Đức Phật nói đừng so sánh nữa, nó như thế nào thấy nó như thế ấy, còn so sánh đối chiếu thì còn vấn đề. Trong bản dịch của HT Minh Châu cứ dùng chữ "*Ông*" là vì không đối chiếu chú giải.

Dạ Xoa không có nghĩa là quỉ. Trong Tika (chú giải của chú giải) giải thích đây chỉ là cách gọi chung cho hàng phi nhơn có phước. Thỉnh thoảng Đức Phật không có gọi tên mà gọi là "*Aggi*" - *Aggivessana* những người thờ lửa, (nghĩa bóng là) người sống có nhiệt huyết, đây là cách xưng hô phổ biến trong xã hội Ấn Độ đương thời để tỏ lòng tôn kính người trước mặt (kính ngữ). Có trường hợp Ngài gọi các vị tỳ kheo là *Brahmana,* ví dụ ngài Angulimala đi bát về bị ném đá chảy máu, Đức Phật nói "Này *Bà La Môn* hãy kham nhẫn, so với những gì ngươi đã làm thì còn quá nhẹ". Hoặc một lần Ngài nói chuyện với ngài Mục Kiền Liên (lúc mới tu) đang buồn ngủ: "Này *Bà La Môn* hãy lấy hai tay tự mình xoa bóp, lấy nước lạnh rửa mặt, hãy nháy mắt nhìn lên sao trời…"

Sau khi nghe Đức Phật thuyết xong, cô tiên nữ đắc Tu-đà-hoàn.

"Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā,

Kāyena vā **kiñcana** sabbaloke;

Kāme pahāyasatimā **sampajāno**,

Dukkhaṃ na sevetha anatthasaṃhita'

Khắp thế giới chớ làm,

Điều ác thân, miệng, ý,

Từ bỏ mọi ái dục,

Chánh niệm, tâm tỉnh giác,

Không khổ hạnh ép xác,

Vô bổ, không lợi ích.

Không làm các điều ác qua khẩu (chánh ngữ), không làm ác qua thân (chánh nghiệp), không ôm ấp bất cứ gì trong cuộc đời này. *Kiñcana*: chấp trước. *Sampajāno:* (tỉnh giác) chỉ cho chánh kiến và chánh tư duy. Người học Tứ Niệm Xứ phải biết trong kinh Tứ Niệm Xứ chữ "tỉnh giác" là trí tuệ. Nếu chia Bát Thánh Đạo ra Tam học thì chánh kiến chánh tư duy thuộc về *tuệ học*; Chánh niệm - cần - định thuộc về *định học*; Chánh ngữ - nghiệp - mạng thuộc về *giới học*. *Kāme pahāyāti,* "lìa dục" ở đây ám chỉ đời sống lợi dưỡng và "không sống khổ" ở đây là không khổ hạnh.

Câu kệ này của cô tiên nữ là tóm tắt bài kinh Chuyển Pháp Luân: Đề nghị tu tập Bát chánh đạo, lìa xa hai con đường khổ hạnh lợi dưỡng. Nội dung (bài kệ) cô tiên nữ nói với Thế Tôn: Con hiểu lời dạy của Thế Tôn như thế này: *Không làm các điều ác qua thân khẩu ý, không chấp trước bất cứ cái gì ở đời, lìa dục* (từ bỏ các dục) *sống chánh niệm* (là gồm cần – định – niệm) *tỉnh giác* (là gồm chánh kiến - chánh tư duy.)

Hãy từ bỏ **tính toán**, Không chạy theo **hư tưởng,**

Từ bỏ mọi tham ái, Đối danh sắc ở đời,

Vị ấy đoạn **triền phược**, Không **lo âu**, không **ái**.

Chư Thiên và loài Người, Đời này hay đời sau,

Ở cảnh giới chư Thiên, Hay tại mọi trú xứ,

Tìm cầu nhưng không gặp, Vết tích của vị ấy.

"**Pahāsi saṅkhaṃ** na vimānamajjhagā, acchecchi taṇhaṃ idha nāmarūpe;

Taṃ **chinnaganthaṃ** anighaṃ nirāsaṃ, pariyesamānā nājjhagamuṃ;

Devā manussā idha vā huraṃ vā, saggesu vā sabbanivesanesu;

Sace vijānāsi vadehi yakkhā''ti.

"Tính toán" ở đây là sự so sánh. *Pahāsi saṅkhaṃ*: Sự so sánh, sự đánh giá theo cách nghĩ tục đế. "*Không chạy theo hư tưởng*" nghĩa là đừng chạy theo cái biết thuần túy kinh nghiệm, chủ quan, từ đó không tiếp tục ôm ấp đam mê danh sắc nữa.

"Triền phược" (*gantha)* ở đây gồm 4 phược: dục, tà kiến, ngã chấp… Lìa bỏ những cái đó gọi là *chinnagantha.*

"*Không lo âu, không ái*" là không tham và không ưu.

Khi sống với nhận thức đúng đắn qua chân đế, từ bỏ cách nhìn phiến diện nông nổi theo cách tục đế chế định thì không bị ràng buộc nữa, không tiếp tục sống trong sự thương thích ghét sợ nữa và với một người như vậy thì một khi viên tịch

không ai có thể tìm thấy dấu vết dầu ở bất cứ đâu trong thế giới này. Đức Phật nói trên đời này có ba hạng người (theo Tăng Chi Bộ Kinh):

[19] Ba hạng người.

1/ Dễ ước lượng: Người làm ác, nhìn là biết đời sau sanh ra nặng là bị đọa, nhẹ là đời sống cực khổ.

2/ Khó ước lượng: Người làm thiện, sống thiện, rất khó hình dung tương lai của người đó, nếu phước trổ thì cuộc sống họ hạnh phúc, có thể làm Chuyển Luân Vương thay đổi càn khôn vũ trụ. Người có phước báo mới có thể điều hành thế giới, được thế giới nể phục, thế giới này thuộc về những người trí, người có phước.

Người làm phước nhưng tánh tình không tốt, không thể biết được kiếp sau họ như thế nào, họ có thể nhờ phước trở thành vua, hoàng hậu… nhưng lại ác như Hitler, Polpot chẳng hạn. Họ làm phước nhiều nhưng không đi kịp với đức nên không thể ước lượng được sau này họ sẽ thành người thế nào trong vũ trụ này

3/ Không thể ước lượng: thánh nhân. Người như bài kệ đang học: từ bỏ cách nhìn thế gian, sống lìa bỏ hư tưởng, nhờ đó không tham đắm trong cuộc đời này nữa. Người này ngay khi còn sống đã khó dò tìm tung tích của họ nói gì sau khi viên tịch. Ma Vương từng nói với Đức Phật (sau khi Đức Phật thành Phật được 7 năm): *Bạch Thế Tôn, con từng theo dõi Thế Tôn từ khi Thế Tôn rời khỏi hoàng cung, tu khổ hạnh, rồi Thế Tôn thành Phật, suốt 7 năm trời con có cảm giác con giống như con quạ nhìn hòn đá mà tưởng là cục mỡ. Con theo dõi Thế Tôn mà không biết Thế Tôn là người như thế nào, lẽ ra lúc đáng bực mình thì cũng không thấy Thế Tôn bực mình, lúc tưởng Thế Tôn sẽ rất là vui, rất là thích thú nhưng Thế Tôn vẫn trơ trơ không vui không thích thú vì chuyện đó, và Thế Tôn an lạc với cái kiểu sống của Thế Tôn mà con không thể hiểu nỗi*. Ngài Xá Lợi Phất mà chỉ hiểu được Đức Phật một phần nhỏ xíu thôi thì làm sao Ma vương hiểu được Thế Tôn. Ngay lúc Thế Tôn còn sống đã không thể ước lượng nói gì mai này Thế Tôn viên tịch thì chốn đi về của Như Lai càng mịt mù, diệc vô sở lai mà tòng vô sở khứ, không có dấu vết đến và đi. Đó chính là cái khó ước lượng của một bậc thánh.

Bài giảng ngày 3-6-2014 XÚC CHẠM (Phusatisutta)

Sáng hôm nay chúng ta học bài kinh Xúc Chạm. Bài kinh này có nhiều điểm độc đáo. Có bài kệ người nào đó hỏi và Thế Tôn trả lời nhưng có bài kệ thì không nêu danh tánh người hỏi. Có ai đó đọc bài kệ trình lên Đức Phật và Đức Phật y cứ vào phát biểu của họ và đưa ra câu trả lời. Ở đây, bài kinh không ghi danh tánh người hỏi:

Không xúc, không có chạm,

Có xúc, thời có chạm,

Nên hại người không hại,

Tức có xúc, có chạm,

Ai hại người không hại,

Người tịnh, không ô nhiễm,

Kẻ ngu hái quả ác,

Như ngược gió tung bụi.

Nguyên văn của chánh kinh rất cô đọng, súc tích; súc tích đến mức… tối nghĩa luôn. Đọc trong chú giải sẽ thấy Đức Phật nói gì. "*Không xúc, không có chạm, Có xúc, thời có chạm"* nghĩa là sao, nghĩa là dầu muốn dầu không, trái banh va vào một vật cứng, có thể là một mặt phẳng hay gốc cây gốc cột nào đó, thì tự động nó sẽ dội trở lại. Dầu muốn dầu không hễ hội đủ yếu tố tự khắc trái banh đó bị dội trở lại, giống như trái banh bị đá "trượt cột dọc" chạm khung thành thì nó bị văng ra. "*Không xúc, không có chạm"* ở đây nghĩa là miễn là không có *tâm sở tư*. Tâm sở tư tiếng Pāḷi là: '*cetasika'*. Bây giờ tôi không thích dùng từ *'sở hữu'* nữa, chữ *'sở hữu'*trong tiếng Việt kỳ lắm, không mắc mớ gì *cetasika*ở đây hết. *Sở hữu tâm tư* thì kỳ lắm, dùng chữ "tâm sở" là vừa. Có nhiều vị tôn túc đề nghị chữ '*citta'* là 'tâm', còn chữ '*cetasika'*nên dịch là '*tánh'*, tôi thấy cũng hay, nó là thuộc tính của tâm, nên gọi là *tánh*. Nhưng nghĩa của chữ *tánh* trong tiếng Việt Nam cũng đâu giống *cetasika*nhưng ít ra cũng gần hơn chữ *sở hữu tâm, tâm sở*. Trong một *tâm* như vậy giống ly nước lạnh, tâm chỉ là biết thôi, chứ không có tốt xấu thiện ác phàm thánh gì hết. Nhưng việc quyết định tâm đó tâm gì là do tâm sở, ví dụ như trong A-tỳ-đàm nguyên thủy hoặc A-tỳ-đàm bộ phái đôi lúc người

ta chỉ nói *'cái biết'*, cái biết của cảnh hay cái biết của mắt hay là cái biết của ý thức cũng được. Trong ý thức, cái tâm đó được gọi là tâm thánh đạo, tâm sơ đạo, tâm sơ thiền, hay tâm đại thiện gì đó thì tùy thuộc nhiệm vụ của tâm đó là làm việc gì, biết cảnh gì, tâm sở nào đi chung với nó. Tâm sở tư là một thành tố trong tâm lý của chúng sinh. Tâm sở tư do bốn vô minh (tức vô minh trong Bốn Đế) nên mới có 3 hành, (tâm sở tư – *cetanā,* trong lúc ta làm việc thiện hay ác nói chung). Tâm sở tư hiểu theo ngôn ngữ bây giờ là sự đầu tư của ý thức, sự cố ý của ý thức, của lý tưởng hay ý nghĩa mục đích nhắm tới trong một việc làm, một câu nói, hay suy nghĩ. Nghĩ mà có sự cố ý thì có nghiệp, mà có nghiệp thì có quả: *"Không xúc không có chạm, có xúc là có chạm"*.

Nghiệp và quả

- *Nếu có lòng tạo nghiệp, lập tức sẽ cho quả.*

- *Quả đó nặng hay nhẹ tùy thuộc vào đối tượng (cá nhân hay tập thể, đức độ hay không đức độ) mà mình gây nghiệp.*

- *Đối với thánh nhân, quả nhiều hơn*

Đối tượng tạo nghiệp có nhiều lắm: cá nhân, tập thể, đức độ hay không đức độ, về phía mình có sự cố ý hay không, sự cố ý ở mức nào, kiểu nào; về phía đối tượng mình ra tay là cá nhân hay tập thể, có đức độ hay không có đức độ. Ví dụ, ăn cắp của công, tội nặng hơn ăn cắp của cá nhân, vì tài sản đó thuộc về đại chúng, trong đó bao gồm của người có đức độ hay không có đức độ, người có tu hành hay không có tu hành. Nếu tấn công một cá nhân, xâm hại đến quyền lợi của một cá nhân có đức độ sẽ cho quả báo nặng hơn cá nhân thiếu đạo đức.

Có hai cách hưởng nghiệp:

(1) Chịu quả và tạo nghiệp mới.

(2) Chỉ chịu quả và không gây nghiệp mới.

Nội dung bài kinh:

- Miễn là có sự chủ ý, dụng ý (cetanā) thì các hành động lớn nhỏ sẽ tạo ra quả báo. Sự chủ ý này chính là 3 hành. *Cetanā*của bậc thánh A-la-hán khi hành động không giống *cetanā* của bậc thánh Hữu Học. *Cetanā*của bậc thánh A-la-hán chỉ là *cetanā*trong Tâm sở Tư hay *cetanā* trong tâm Duy Tác thôi. Còn *cetanā* trong

tâm vị thánh Hữu Học thì không có bất thiện như phàm phu mà nếu có thì cũng rất yếu. Ví dụ như tâm sân của vị Hữu Học chỉ là *anāpāyagamaniyadosa.* Đây là *Sân bất dẫn đọa*, không đủ để dẫn đi sa đọa, không đủ để bạo hành chúng sanh khác. Sự nóng nảy của vị này không đủ để phạm ngũ giới thì nói gì tỳ kheo giới, xuất gia giới. Tâm sân của vị này giống như Sơ quả và Nhị quả. Tâm sân của phàm phu có hai loại:

Anāpāyagamaniyadosa: Sân bất dẫn đọa

Āpāyagamaniyadosa: Sân có thể dẫn đến sự sa đọa, có thể giết người, bạo hành, sân đó phàm phu mới có chứ thánh nhân không có.

Phàm phu có đủ hai loại sân tâm trên đây, còn thánh nhân Hữu học chỉ có một loại là Sân bất dẫn đọa. Tâm tham cũng y như vậy. Tâm tham của phàm phu có ly tà hoặc hợp tà; thánh nhân chỉ có tâm tham ly tà. Si của phàm phu thì có thể có *hoài nghi, phóng dật;* riêng Hữu Học thì chỉ có Phóng dật thôi. Chính vì tâm chênh lệch khác nhau như vậy nên chủ ý (*cetanā)* trong hành động của vị La-Hán khác hẳn với thánh Hữu học. Vị A-la-hán làm để làm vậy thôi. Các ngài chỉ làm chuyện thiện nhưng trong chuyện thiện đó không có sự đầu tư như là cách làm công đức kiểu của vị Hữu Học hay của người phàm phu.

Còn trong trường hợp tâm bất thiện của thánh Hữu học so với phàm phu có những điểm khác, chỉ có tâm bất xứng đọa chứ không có tâm xứng đọa, khó chịu nhẹ nhẹ chứ không làm gì có hại cho chúng sinh hết. Tâm tham của vị thánh Hữu học thì chỉ ly tà chớ không hợp tà, trong tâm si của các ngài thì có phóng dật chớ không hoài nghi. Còn sân của phàm phu có cả hai loại nặng nhẹ, có cả hai ly tà hợp tà… Điều quan trọng nhất là miễn có *cetanā* đầu tiên lập tức sẽ có quả, quả nặng hay nhẹ tùy thuộc vào đối tượng mình gây nghiệp, cá nhân hay tập thể, đức độ hay không có đức độ, phàm hay thánh. Có hai cách chịu nghiệp, cách thứ nhất là chịu nghiệp cũ chịu quả cũ; chẳng hạn ngày xưa tôi có tu hành, làm phước, bố thí, giữ giới nên giờ tôi sanh ra được cái này cái kia, (giàu sang, danh tiếng, phong lưu…) là tôi đang hưởng quả cũ nghiệp xưa, đồng thời tôi đang gây nghiệp mới: tâm tham. Do quả cũ tôi chửi bới hành hạ người khác nên giờ tôi bị đánh đập đâm chém … và ngay khi bị như vậy tôi cũng có những phản ứng rất bất thiện, rất sân si, tức là tôi nhận quả cũ và tạo nghiệp mới. Nghiệp cũ nghiệp tốt giờ tôi hưởng quả tốt bằng tâm tham, còn nếu quả cũ quả xấu tôi hưởng bằng tâm sân như vậy trong cả hai trường hợp tôi đều gây nghiệp mới bất thiện hết. Còn đối với vị thánh hoặc phàm phu có pháp hành thì hơi khác chút, khi hưởng

quả cũ họ không có tha thiết tạo ra nhân mới. Ví dụ, mình hưởng được quả lành nào đó giờ mình giàu có được sung sướng được khỏe mạnh đẹp đẽ thì mình chỉ tiếp tục tu hành, bố thí trì giới, sống an trú chánh niệm, không để quả lành này làm cho mình trở thành người xấu. Còn người phàm phu không biết Phật pháp thì hưởng quả tốt thì họ sẽ gieo nhân tham, nhân sinh tử, khi họ hưởng quả xấu (bị chửi bới đánh đập) thì họ gieo nhân mới: sân. Chúng ta luôn luôn thừa kế vô số quả xấu và tốt trong quá khứ, cứ mỗi lần mình hưởng quả cũ (dầu tốt hay xấu) là mình lại tạo nghiệp mới. Cho nên lý do tại sao mình tấn công một vị thánh mình bị quả nặng, hoặc cúng dường cho các ngài mà làm tốt thì quả nhiều hơn, vì các ngài là người chỉ nhận quả chớ không tha thiết tạo nhân mới. Luân hồi là hưởng quả cũ tạo nhân mới. Vật cản càng cứng chừng nào thì sức dội của quả bóng càng mạnh chừng đó, *"có xúc là có chạm"* là như vậy.

Những vấn đề giáo lý của bài kinh này: Hễ có sự cố ý, sự đầu tư của ý thức là lập tức có quả: thiện và ác. Quả nặng hay nhẹ tùy thuộc đối tượng đó là cá nhân hay tập thể, có đức độ hay không đức độ, phàm phu hay hiền thánh.

Có hai cách hưởng quả:

-Hưởng quả cũ mà không gây nhân mới (cách của các bậc thánh), cái gì ngọt ngào thì biết cái đó chớ không thích thú cầu mong hướng vọng cái mới nữa, bị chúng chửi hay đập thì cũng chỉ biết cảnh trước mắt chớ không căm hờn giận dữ toan tính phản ứng trả thù.

- Hưởng quả cũ và gieo gây nhân mới: phàm phu mình quả cũ mà ngọt thì hưởng bằng tâm tham. Hưởng bằng tâm tham là lọt vô 3 Hành. Bị người ta chửi thì phản ứng bằng tâm sân, cũng nằm trong ba Hành.

Có nhiều người hỏi tại sao có nhiều bài kinh Phật nói rất khó hiểu. Lý do là bởi vì Ngài nhìn vào tâm của người hỏi, trình độ, khuynh hướng căn cơ sở tánh của người đó, ông A bà B đó đã tu hành như thế nào trong quá khứ, tâm đắc với điều gì. Có một lần Ngài đi bát ngang qua nhà một gia đình nghèo xơ xác. Họ cúng dường nhưng Ngài lấy tay che bát lại. Họ rất ngạc nhiên, "Tại sao đã là người đi xin ăn mà cho không lấy?

". '*Bhikkhu'* là 'người xin ăn', nhưng không phải là beggar (ăn xin thì cho gì cũng lấy, tiền bạc, cho lon bia cũng lấy). '*Bhikkha':* là 'cơm', 'bữa ăn' (rice, meal). *Bhikkhu* chỉ nhận đồ ăn không cần luộc chiên xào nấu hấp nướng xào kho… không để dành thức ăn qua đêm. Khi hai vợ chồng hỏi, Đức Phật trả lời:

"Bhikkhu ở đây không có nghĩa là 'xin ăn' (lúc khác thì Ngài định nghĩa bhikkhu là người ăn xin nhưng lần này Ngài trả lời khác) *mà 'Bhikkhu' là người hiểu được danh sắc là gì, vận hành ra sao.* Vừa nghe xong hai vợ chồng lập tức đắc A-na-hàm.

Người hiểu được danh sắc là gì thì người đó không có vật sở hữu trong Tam giới, có nghĩa là không chỉ ăn xin trên đường phố mà là ăn xin cả Tam giới. Họ - người hiểu được danh sắc - thật sự là khách lạ của trần gian, họ không thèm làm chủ một nơi chốn nào. Có đêm nọ, một vị thương gia ghé vào ngôi chùa quê xin tá túc. Vị trụ trì chỉ xuống nhà kho chuột gián tùm lum. Người thương gia buồn ngủ quá nên chui vào nằm, chuột rúc rích, muỗi vo ve, bụi bay, hôi hám, ông ta chịu không thấu nên vô phòng thầy trụ trì xin đổi phòng khác, thầy trụ trì trả lời: *Giường chiếu của ông sao ông không nằm mà đòi hỏi của tôi*. Thương gia nói: *Con là khách, con ghé qua làm gì có giường chiếu ở đây*. Vị trụ trù nói: *Khi ông là khách thì ông không giường chiếu là đúng, còn tôi trước và sau khi nhận chùa này tôi chỉ là khách lạ trần gian, nếu ông là khách mà ông không có được giường chiếu ở đây thì tôi cũng là khách làm gì tôi có sở hữu gì.* Thật là thâm thúy thay, khi tôi là khách thì tôi không đầu tư sở hữu ở trần gian phù phiếm này.

Trở lại chuyện hai vợ chồng ở trên, họ đã tu hành như thế nào mà Đức Phật giải thích như vậy?

Họ từng đi nghe pháp và rất tâm đắc bài giảng về danh sắc. Khi Phật ra đời nhìn mặt họ là Ngài "khai quang điểm nhãn" liền. Hôm nay bà con vào nghe kinh giảng pháp mà chú ý điểm gì đó, thì mai này nếu có tự ngộ thì cũng từ chính điểm đó, hoặc nếu được chư Phật hiền thánh khai thị cho thì cũng khai thị từ điểm đó. Trong Tăng Chi, Đức Phật có nói hình ảnh: *Nếu như một người lọt xuống hố phân mà ló được cái gì thì mới có chỗ người ta kéo lên được.* Vì vậy, dù có trầm luân sinh tử thế nào cũng phải có một chút duyên để hiền thánh có ra đời gặp mình còn có chỗ để mà "nắm kéo". Phải có thói quen trầm tư.

Thói quen trầm tư (*Gambhīrapakatita)* nghe lá rụng mình cũng suy nghĩ, nghe giòng nước chảy cũng suy nghĩ, nhưng không phải sống suốt một ngày ở trên mây. Phải suy nghĩ có chiều sâu tâm tư một chút, không theo lối mòn.

Khi giảng tôi viết chữ Pāḷi để quí vị khi xem kinh sách có từ gốc dễ dàng tra cứu, vì nếu chỉ đọc trên bản dịch thì nhiều khi mỗi người dịch một kiểu. Hầu hết những sách Miên, Thái, Lào, Miến, Tích Lan và cả tiếng Anh, họ đều chua thêm tiếng Pāḷi bên cạnh những thuật ngữ chuyên môn. Nếu biết tiếng Pāḷi thì chúng ta

dễ dàng đọc hiểu hơn. Dưới 40 tuổi thì phải có niềm tin: ta sẽ học được tiếng Pali. Ai trên 50 tuổi thì thôi khỏi học. Ông sư từ 51 trở đi còn có ý làm chùa thì đó là sự mạo hiểm, một người 61 tuổi trở đi còn nghĩ đến tiền bạc thì đó là một sự mạo hiểm. Trong Trường Bộ Kinh, Đức Phật nói, ngay việc lễ lạy tôn thờ xá lợi thì để cho cư sĩ, vị tỳ kheo chỉ có Tam tạng Phật ngôn: nói về tinh thần thì có 37 Phẩm trợ đạo *(Bodhipakkhiya),* còn nói về vật chất thì chỉ có bộ Tam Tạng bằng giấy. Khi mình sống nghèo thì khổ thiệt, nhưng lúc mình gần ra đi mình mới thấy giá mà mấy chục năm qua ta nghèo đi một chút và Phật pháp ta giàu có một chút thì bây giờ ok biết chừng nào. Khi nhìn những người lớn tuổi, cao tăng lúc gần ra đi sẽ thấy, nếu cho họ lựa chọn lần nữa, họ sẽ lựa chọn là một ông sư chuyên nghiệp về pháp hành, chuyên nghiệp về pháp học chứ không phải là một phú tăng. Cư sĩ cũng vậy, trong phút cận tử hấp hối, cho họ chọn lựa, họ cũng sẽ lựa chọn làm một người cư sĩ thất bại trên đường đời thành công trên đường đạo hơn là ngược lại. Chỉ có những người cận tử chỉ hiểu chuyện đó thôi, chứ những người còn ngon lành họ đâu có ngán. Đức Đạt Lai Lạt Ma có nói một nghịch lý của xã hội hôm nay: Khi còn trẻ bán tuổi trẻ, sức khỏe, sự minh mẫn của mình để kiếm tiền, rồi sau lấy tiền đó đi mua lại sức khỏe mua lại nhan sắc. ("Man sacrifices his health in order to make money. Then he sacrifices money to recuperate his health". Dalai Lama).

Bác sĩ Drauzio Varella, người đoạt giải Nobel Y Học 2010 đã phát biểu trong bài diễn văn tại lễ trao giải Nobel: "Thế giới ngày nay bỏ thì giờ và tiền bạc vào việc đầu tư những công trình tìm kiếm thuốc cường dương cho quý ông và chất bơm ngực cho quý bà nhiều hơn (gấp 5 lần) là tìm thuốc trị bịnh mất trí nhớ (Alzheimer). Chỉ trong vài năm tới sẽ có một ngày đàn ông đàn bà có được sự như ý nhưng vì bị Alzheimer nên không hiểu mình đã bỏ tiền vào chuyện đó để làm gì." ("In today's world five times more time and money is being invested in drugs for male virility and silicone implants for women, than in the cure of Alzheimer's disease. In a few years to come we'll have grandmas with large breasts and grandpas with hard penis, but they won't remember what they're for."). Nghĩa là đầu tư vào chuyện không đáng. Đừng hoang phí trí nhớ, sức khỏe để đổi lấy đồng tiền rồi một ngày kia dùng đồng tiền đi mua lại sức khỏe, tuổi trẻ và trí nhớ, đó là bi kịch nhân gian.

TRIỀN PHƯỢC (Jaṭāsutta)

"**Nội triền** và **ngoại triền**,

Chúng sanh bị **triền phược**,

Con hỏi Gotama,

Ai thoát khỏi triền này?

”

Nội triền và ngoại triền

‘Jaṭā’: ‘triền phược’. *Triền phược* nghĩa là trói buộc. Gồm *nội triền* và *ngoại triền*. Có một vị Trời hỏi Đức Phật có ai trên đời này thoát được trói buộc đó hay không.

Nội triền (anto jaṭā) ám chỉ 6 nội xứ. *Ngoại triền* (bahi jaṭā) ám chỉ cho 6 ngoại xứ. Sáu nội xứ tức là lục căn, 6 ngoại xứ tức là lục trần. Lục trần là những gì ta nghe, thấy, ngửi, nếm, đụng, suy tư. Thích thì mình thích bên ngoài (ngoại xứ) chứ sao trong kinh lại nói là mình thích nội xứ?

Sự có mặt của mỗi người, tấm thân của từng người chỉ là sự góp mặt của 6 nội xứ. Khi nhớ ra như vậy mới hiểu được vấn đề. Kẻ thích thú đam mê đối với bản thân mình (hình hài, tấm thân mình) gọi là người đam mê trong 6 nội xứ. Sáu nội xứ = tấm thân. Tấm thân = 6 nội xứ. Vì vậy, khi nói người đó bị trói buộc bởi 6 nội triền tức là coi nặng tấm thân này chẳng hạn như sợ chết, ham làm đẹp, thích sướng sợ khổ, e ngại những đau đớn khó chịu, thích những gì êm ái dễ chịu. Có bậc cao nhân nào trong room này không như vậy không?

Ai không sợ đau đớn, không sợ chết?

Ai không thích làm đẹp?

Ngay cả những người giản dị cũng không muốn khi ra đường người ta nhìn thấy mình quá quê mùa lạc hậu như con rối con cù lần, chính cái ngại cái sợ đó là một thứ trói buộc bởi nội triền.

Ngoại triền là sự đam mê trong những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm đụng. Sự trói buộc của 6 ngoại triền là thích cái này thích cái kia, mà ghét cũng là trói buộc, lẽ ra mình phải làm gì đó nhưng vì mình ghét, mình không làm, mình né, đó cũng là mình bị trói buộc. Trong đời sống này chúng ta bị liên tục trói buộc cho đến lúc tắt hơi, đi vào kiếp khác mình bị trói buộc kiểu khác. Hôm nay mình

là một người đàn bà có tiền, mình đam mê nữ trang mỹ phẩm, ngày mai mình chết đi sanh làm cô bé ở châu Phi, 18 năm sau trên đời này xuất hiện cô gái không biết nữ trang mỹ phẩm là gì mà chỉ thích những xâu chuỗi vỏ sò vỏ ốc khoét lỗ đeo quanh người và cà răng căng tai lấy đá banh môi. Hôm nay mình là một người đàn bà chỉ biết nấu đồ chay, 18 năm sau bên châu Phi có một người con gái gặp con nhái bóc bỏ miệng nhai rau ráu. Hôm nay mình là một vị bác sĩ đeo cà vạt, mắt kiếng, đồng hồ, giày Ý, cặp da sang trọng, chết đi rồi 18 năm sau tại làng quê hẻo lánh ở Campuchia có một cậu thanh niên chỉ ăn mắm bò hóc tanh tưởi. Hôm nay chúng ta bị trói buộc theo cái kiểu của hôm nay, do duyên nghiệp quá khứ nào đó chúng ta sanh làm một người đàn ông đứng tuổi giàu có ở Âu Mỹ có những đam mê thương ghét theo kiểu hôm nay, mấy chục năm sau chúng ta chết đi và sanh về cảnh giới khác, có những đam mê khác, trói buộc khác, dòng luân hồi diễn ra triền miên như vậy, bất tận bất tuyệt, không có cái gì vĩnh viễn tuyệt đối. Chính duyên nghiệp nó đưa ta về một góc trời nào đó, và chính duyên nghiệp đó, hoàn cảnh đó, cộng với căn cơ sở tánh khuynh hướng tâm lý của mình khiến cho mình thích cái này, sợ cái kia ghét cái nọ. Ngay trong hoàn cảnh đó, nếu không có Phật pháp, mình tưởng đó là những giá trị tuyệt đối nhưng thật ra không phải. Hôm nay mình thích ăn bún, ngày mai mình thích ăn trùn, hôm nay mình thích ăn cà ri, ngày mai mình xuống cống ở dưới bùn sình tanh tưởi. Đức Phật trả lời:

"Người trú **giới** có **trí**

Tu tập tâm và tuệ"

*"*Người trú **giới** có **trí**", "giới" ở hàng xuất gia ám chỉ cho 4 Thanh tịnh giới. Người có "trí" *(sapañño naro)* ám chỉ cho người Tam Nhân. Chúng sanh trong đời này có nhiều hạng:

-Hành động bằng tâm bất thiện cho quả tái sanh bằng tâm Quan sát Thọ xả quả bất thiện đưa đến các cõi sa đọa. Tâm đưa đến cõi sa đọa thì sẽ sanh làm trùn, dế, yêu ma quỷ quái… sa đọa địa ngục.

-Hành động bằng tâm Thiện dục giới thì sẽ cho quả tái sinh bằng tâm Đại quả hoặc tâm Quan sát thọ xả quả thiện.

Hành động bằng Tâm thiện Sắc giới hay Vô sắc giới sẽ cho quả tái sanh gồm hai tầng: Tâm thiện Sắc giới thì đưa về cõi Sắc giới, tâm thiện Vô Sắc thì đưa về cõi

Vô Sắc. Các tâm tái sinh Sắc giới và Vô Sắc giới cũng đều là tâm tái sinh hợp trí. Riêng Tâm thiện dục giới thì có hai loại: hợp trí và ly trí.

Tâm thiện Dục giới có hai cách cho quả: Nếu làm thiện bằng tâm có trí thì mai này mình sẽ sanh ra bằng tâm Tam Nhân. "*Sapaññño naro"* chỉ cho người đầu thai bằng tâm quả hợp trí. Chính vì mình làm phước bằng tâm hợp trí nên đời sau mình sanh ra sẽ đi tái tục bằng tâm hợp trí. Tâm tái tục hợp trí đó được gọi là tâm Tam Nhân, những người này học hành dễ, và có thể đắc quả thành thánh nhân. Nếu tái sanh bằng tâm ly trí thì không có khả năng hiểu biết những vấn đề trừu tượng. Tâm Tam Nhân ở đây là tâm có đủ vô tham vô sân vô si.

Câu "*Người trú giới có trí"* đúng ra phải dịch là *"Người có trí trú giới"* mới đúng. Câu này phải diễn dịch thế này: Người Tam Nhân mà lại chịu giữ giới, tu tập tâm (ở đây là tu thiền Chỉ - Samatha, tức là an trụ vào một trong các đề mục để tập trung tư tưởng). Từ đó nếu đủ duyên thì chứng đắc các tầng thiền từ sơ thiền trở lên đến phi tưởng phi phi tưởng. Sự định tâm của những người này là nền tảng rất tốt cho người tu Tứ Niệm Xứ.

Tu tâm ở đây là tu thiền Chỉ (Samatha). Tu niệm xứ thì gọi là thiền Quán (Vipassana). Mục đích của việc tu Quán là hướng đến Sơ quả, đến Tứ quả La Hán. Đối với một vị tu Tứ Niệm Xứ, cái quan trọng là đừng có nghĩ đến chuyện "tôi tu để tôi đắc". Người thật lòng cầu giải thoát chỉ mong mình lìa bỏ được cái gì, không mong chứng đắc cái gì. Thay vì mong chứng quả Tu-đà-hoàn thì người ta chỉ mong bỏ được phiền não (thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ). Khi tu mà có lòng mong đắc này đắc kia thì dễ bị sụp hố. Những gì trước đây mình chưa biết giờ tự nhiên sáng lên, đó gọi là *Upakkilesa – Tùy phiền não*; nghĩa là khi mình có phước duyên lại tu đúng phương pháp tự nhiên sẽ gặp 10 thứ Tùy phiền não: Thấy niềm tin vững mạnh, tự nhiên thông minh đặc biệt, tinh tấn không mỏi mệt, thấy có ánh sáng, thấy mình an lạc lạ thường, sẵn sàng chết cho Phật pháp. Đức tin này chỉ có Tu-đà-hoàn chứ còn phàm phu thì không.Bỗng dưng hiểu một cách thông suốt được những chuyện xưa nay mù mờ dễ dàng giống như chẻ tre, không thấy đau nhức, hoặc thấy như ánh sáng chung quanh mình, hoặc lâng lâng, một cảm giác chưa từng thấy trong đời. Cái cảm giác mua được một căn nhà mới, cảm giác hồi hộp của mối tình đầu, hay cảm giác tìm được công việc như ý, tất thảy những cảm giác đó không thể so sánh được cảm giác an lạc lúc bây giờ. Tuy nhiên một hành giả chỉ nghĩ đến chuyện lìa bỏ phiền não lìa bỏ tái sinh thì an toàn trong thời điểm này, vì luôn biết rõ đó là giả, không phải cứu cánh thật sự. Riêng người tu tập với ý **được** cái gì đó thì rất nguy hiểm vào thời điểm này, vì lúc đó

chưa đắc mà tưởng mình đắc, sẽ không còn tu nữa vì nghĩ mình đã đạt, và không chừng sẽ có ý nghĩ coi thường người khác vì nghĩ mình cao siêu hơn người khác. Có một sư cô Bắc Tông đi tu ở Miến Điện cứ nói mình đã đắc Tu-đà-hoàn, người khác nói với sư cô rằng: *Nếu đắc Tu-đà-hoàn thì không nói ra, hoặc nếu không thể không nói thì mới trình cho sư phụ của mình, "tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta" chứ không phải cứ hào hứng chuyện thông báo về kết quả tu hành.* Cô này không tin, và chính vì không tin nên cứ tiếp tục sống trong ảo tưởng niềm tin huyễn hoặc ấy, để rồi một ngày cổ phát điên. Vì khi thường xuyên biết rõ cái gì xảy đến cho mình, mình đang trong tình trạng nào thì khả năng phản vệ rất tốt, còn khi mình "yên chí lớn" rằng ta là thánh nhân thì tâm tư bỏ ngỏ, kiến thức Phật pháp lại thiếu; người có kiến thức đa văn khi gặp việc khác thường thì họ lấy kiến thức ra để rà soát, đối chiếu, kiểm chứng, còn người nông cạn thì thấy ngộ ngộ cứ đi theo, giống như là "ma bắt", chẳng hạn như ban đêm ngủ không được có cảm giác ai kêu vô rừng, rồi đi một lát buồn ngủ, chui vô bụi ngủ luôn. Sư cô này cũng vậy, cuối cùng bị điên, kêu khóc giãy giụa. Thiền viện ở Mandalay phải liên lạc về Việt Nam để gia đình đưa về trong tình trạng "ra đi chí lớn riêng lòng" ngày về thì "má nhìn không ra". Quan trọng nhất của đời tu không phải là đắc cái này đắc cái kia mà là bỏ được cái gì, không phải đắc được bao nhiêu mà là bỏ được bao nhiêu.

"Người có trí trú giới" nghĩa là người tái sinh có tâm (*"người có trí")*, có tâm mới tu thiền Chỉ thiền Quán được. "Giới" ở đây ám chỉ cho tứ Thanh tịnh giới.

Tứ Thanh tịnh giới

1- Các giới điều: 227 hoặc 311 hoặc 10 hoặc 8 hoặc 5 (227 giới tỳ kheo tăng, 311 giới tỳ kheo ni).

2- Chánh mạng theo từng giới phẩm: Hàng xuất gia chỉ sống bằng vật cúng dường không phải bằng các nghề nghiệp thế tục hay mánh khóe lừa đảo. Chánh mạng của cư sĩ là không buôn bán hay hành nghề theo cách hại người như buôn người (má mì, vũ trường, bar), buôn thú, buôn vũ khí chất gây nghiện, bài bạc, lừa đảo.

3- Thu thúc 6 căn: không tham hoặc sân khi 6 căn biết cảnh. Không trừ được thì cũng hạn chế. Khi 6 căn biết cảnh cố giữ không để làm mình thích (*Sumano*) hay bất mãn (*dummano*). Nhìn chỉ biết là nhìn; nghe, ngửi… cũng vậy. Hai chữ này (*Sumano và dummano*) lấy ra từ Kinh Căn Tu Tập của Trung Bộ Kinh.

4- Quán tưởng vật chất: khi ăn, mặc, ở, trị bệnh luôn suy tư lý do mình dùng những thứ đó.

- Khi ăn phải suy tư món ăn này không phải là đồ dơ, nhưng khi chạm vào môi của mình lúc nào thì lập tức đó là món đồ đáng gớm, nếu ai thấy mình chạm vào muỗng chén thì (trừ người thân) làm sao họ dám rớ. Ăn không phải hưởng thụ khoái lạc, mà chỉ như đổ xăng cho máy, ta thích món này vì nghiệp ta phải đầu thai vào thân nhân loại, đời trước từng thích ăn uống nên đời này sinh ra mới có chuyện ăn uống. Thân nhân loại này phải ăn uống mới sống được, mà nếu không thích thì làm sao ta chịu ăn, mà không chịu ăn thì làm sao ta sống, đó là lý do vì sao mình luôn thấy ngon miệng, toàn là do nghiệp và phiền não.

- Khi mặc phải nghĩ trang phục chỉ để tránh nóng tránh lạnh côn trùng, tránh lõa lồ đáng thẹn, chứ không phải để se sua chưng diện, khoe của.

- Ở trú xứ nào cũng luôn suy tư thân này bất tịnh, nhà này cũng bất tịnh, là chỗ ra vô của thùng rác (thân này là cái thùng rác), của người bệnh, ở nhà này là để tránh nóng tránh lạnh tránh côn trùng, thời tiết khắc nghiệt, không phải là tài sản ghê gớm để mình khoe của, kiêu căng với đời.

-Khi uống thuốc phải nhớ rằng thuốc này để chữa bệnh, phải suy nghĩ thân này là ổ bệnh, là cái máy đang hư, ta đang sửa cái máy đang trục trặc.

“**Nhiệt tâm** và **thận trọng**

Tỷ-kheo ấy thoát triền.”

‘Nhiệt tâm’ *(Ātāpī)* hay ‘nhiệt cần’ đây là sự tinh tấn, trong chú giải định nghĩa là *vīriya*. Chữ ‘*nipako’* mà HT Minh Châu dịch là ‘thận trọng’ thực ra chữ này trong sớ giải giải thích là ‘*paññā’* tức ‘trí tuệ’. Trong tự điển Pāḷi - English của hội Pāḷi Text Society có định nghĩa chữ ‘*nipaka’*này là ‘sự cẩn thận’, ‘thận trọng’, [Nipaka: wise (uyên bác), intelligent, clever (thông minh), prudent (cẩn trọng)]. Còn vô số những chữ khác mà ngài lại không chú ý, ngài chỉ chọn lấy một chữ ‘prudent’, trong khi chú giải giải thích là *paññā.* Chữ ‘thận trọng’ ở đây phải sửa lại là ‘thông tuệ’, câu kệ trên sửa lại là *“Nhiệt cần và thông tuệ”.*

Sự thông tuệ.

Sự thông tuệ - *nipaka* (nipako) ở đây bao gồm 3 loại trí:

*(1) Jātipaññā: trí tuệ bẩm sinh,*trí trong tâm tái tục Tam Nhân.

(2) Pārihāriyapaññā: trí liệu sự, là khả năng sắp xếp công việc biết lúc nào thích hợp cho việc gì, biết lúc nào tọa thiền, kinh hành, nghe pháp, phục vụ… lúc nào nên nghỉ ngơi một chút, không phải lúc nào cũng cắm đầu tận sức.

(3) *Vipassanapaññā: trí tuệ trong việc ghi nhận danh sắc lúc tu Quán.*

Nipako ở đây ám chỉ cho Pārihāriyapaññā vừa nói trên.

Câu kệ "*Nhiệt tâm và thận trọng, Tỷ-kheo ấy thoát triền"* viết lại thế này*:"Tinh tấn và thông tuệ, Tỷ-kheo ấy thoát triền".* Triền đây là nội triền và ngoại triền, đã nói ở trên.

"Với ai, đã từ bỏ

Tham, sân và vô minh,

Bậc Lậu tận, Ứng cúng,

Vị ấy thoát triền phược."

Đoạn kệ này nghĩa là khi một vị đã thoát triền thì vị ấy được xem là người đã lìa bỏ phiền não, không còn thích ghét trong 6 nội triền và 6 ngoại triền nữa, coi như đã không còn tham sân si, vị đó được gọi là vị Lậu Tận (hết phiền não), vị Ứng cúng, là vị đáng cúng dường.

Bài kệ này có bốn đoạn, đoạn đầu tiên vị Trời hỏi Đức Phật thiên hạ ai ai cũng bị trói buộc 12 triền hết, vậy trên đời này ai là người ra khỏi được 12 triền đó. Đức Phật trả lời người có trí, an trú giới, tu tập tâm và tuệ, tinh tấn và thông minh có khả năng liệu sự thì người đó thoát được sự trói buộc, những người như vậy đó được gọi là bậc Ứng cúng. Đoạn kệ thứ tư:

"Chỗ nào danh và sắc,

Được đoạn tận, vô dư,

Đoạn chướng ngại, sắc tưởng,

Chỗ ấy triền phược đoạn."

Đọc bản Pāḷi sáng hơn bản tiếng Việt nhiều: Chỗ nào danh sắc được chấm dứt hoàn toàn (vô dư, *asesa*) với cả ngại tưởng và sắc tưởng thì ở đó không còn triền phược nữa.

Ngại tưởng (*paṭighasaññā)* ám chỉ cho phiền não cõi Dục và những gì liên quan. Người chứng thiền Sắc Giới được gọi là đã lìa bỏ tạm thời các chướng ngại tưởng. *Lìa bỏ tạm thời* nghĩa là sống hết tuổi thọ trên đó, quay xuống dưới mọi thứ trở lại như cũ. Tại sao những vấn đề cõi Dục được gọi là "chướng ngại tưởng"?

Là bởi vì "lấn cấn, lợn cợn" là những gì thuộc về Dục giới. Ở cõi Dục, cảnh rất là phức tạp, khi thì cảnh này, khi thì cảnh kia, lúc thích lúc ghét nên gọi là chướng ngại tưởng. *Paṭigha* (rough, smoothless) ở đây tạm hiểu là gồ ghề, gập ghềnh, khúc khuỷu, không được sự trơn nhuận. Cõi Phạm Thiên tầng Sắc Giới trở lên không phức tạp, không lúc này lúc khác, cảnh Sơ thiền muôn đời là như vậy, không thêm không bớt, không vơi không đầy. Trong khi ở cõi Dục giới thì cảnh dục giới, người dục giới, phiền não dục giới luôn luôn phức tạp. *Paṭigha* ở đây cũng có thể hiểu là sự phức tạp, phồn tạp. Muốn đắc thiền Sắc Giới phải lìa bỏ năm triền cái tức sự phồn tạp của cảnh dục giới.

Sắc tưởng (*rūpasaññā*)

Muốn đắc thiền Vô Sắc Giới trước hết phải lìa bỏ các ý niệm vật chất (sắc tưởng). Thánh nhân là người đã lìa bỏ mọi mong muốn đối với các tầng Dục giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Hành giả Tứ Niệm Xứ phải là người nhàm chán tất cả danh sắc trong mọi cảnh giới và hình thức cấp độ. Người chán Sắc Giới lên Vô Sắc Giới, riêng thánh nhân là người chán luôn Vô Sắc Giới. Ngay đến vị thánh không đắc thiền cũng có thái độ giống hệt vậy, dù không đắc thiền nhưng nghe ai nói một cách thích thú về cõi Trời thì vị thánh đó vẫn biết rõ đây là một ý tưởng rất bậy bạ, giống như bây giờ mình không có du thuyền mà thấy ai bỏ tiền ra mua du thuyền thì mình thấy ngộ ngộ. Hoặc mình không uống rượu hút thuốc nhưng thấy ai hút thuốc uống rượu thì mình biết đó là chuyện tầm bậy, mình thấy người ta đi săn, mình không biết bắn súng nhưng thấy việc đi săn là không nên. Một vị thánh khi đã nhàm chán danh sắc rồi, vị đó dầu không đắc thiền chỉ cần nghe nói đến một cảnh giới tái sanh vị đó đã hãi vì vị đó đã rõ cảnh giới nào rồi cũng vô thường, danh sắc nào rồi cũng vô thường, sống hết trên đó quay xuống lại mọi thứ đều là bất trắc hết, làm trùn làm dế, ăn mày ăn cướp … cái gì cũng có thể xảy ra. Cái gọi là hạnh phúc hay đau khổ chỉ là ảo giác mà thôi. Còn vô minh thì còn

dẫn đến ba Hành, mình thấy danh sắc này ngọt ngào, danh sắc kia cay đắng, mình chạy trốn cái cay đắng tìm đến cái ngọt ngào, nhưng đối với bậc trí tuệ rốt ráo thì họ thấy rằng đắng hay ngọt đều giống nhau ở chỗ là chớp nhoáng, xuất hiện trong một khoảnh khắc rất đỗi phù du rồi sau đó được thừa tiếp bởi một cái khác trên một dòng chảy miên viễn bất tuyệt không dừng lại.

Sự chấm dứt, sự cắt bỏ 12 nội ngoại triền là một cách nói đồng nghĩa với cách nói thứ hai là lìa bỏ *danh sắc, ngại tưởng và sắc tưởng*.

Hôm nay nếu bà con rảnh mở lại chánh kinh đọc từ trên xuống dưới, photo to ra và để note kế bên: nội triền là gì, ngoại triền là gì, ngại tưởng là gì, sắc tưởng là gì, quí vị sẽ thấy bài kinh này là cả nội dung toàn bộ Tam Tạng chớ không phải là một bài pháp đâu. Xin hẹn gặp lại ngày mai.

Bài giảng ngày 4-6-2014 CHẾ NGỰ TÂM

Tất cả các tâm gồm tâm thiện hay tâm ác, tâm phàm hay tâm thánh, hiệp thế siêu thế, tất cả đều cần phải được lìa bỏ. Vị này từng nghe được một câu như vậy nên hôm nay vị này đứng trước mặt Thế Tôn đọc bài kệ:

Chỗ nào ý chế ngự,

Chỗ ấy đau khổ tận.

Ý chế ngự hoàn toàn,

Thoát đau khổ hoàn toàn.

Theo chú giải câu này có hai nghĩa. Cách đây mấy hôm chúng ta có học một bài kệ trong đó Đức Phật dạy rằng ở đâu không có thọ tưởng hành thức thì ở đó thoát khỏi triền phược, ở đâu không có thọ tưởng hành thức thì ở đó được an lạc. Thọ tưởng hành thức chỉ cho tất cả tâm và tâm sở. Ở đâu mà vắng mặt hẳn sự có mặt của 5 uẩn thì ở đó được gọi là sự giải thoát. Câu này có thể hiểu như thế này: mình sanh tử luân hồi vì mình còn có chỗ để tham đắm, chấp thủ, khi nào mệnh chung qua đời mình không còn tiếp tục còn tâm tái sinh nữa để tiếp tục duy trì sự có mặt của danh uẩn nữa thì lúc đó gọi là một vị A-la-hán, một vị đã giải thoát. Vị trời đọc bài kệ hỏi Đức Thế Tôn với một ý hiểu lầm cho rằng tu là tìm mọi cách dù chưa thành thánh nhưng miễn đừng có tâm là ok, kể cả trường hợp chỉ cần mình là người vô tưởng thì mình đã giải thoát. Khi mà vị đọc bài kệ đó ý rốt ráo thì tốt. Ví dụ, nếu vị này hiểu sự chấm dứt hoàn toàn 5 uẩn là chấm dứt đau khổ thì tốt, thế nhưng vị này hiểu theo cách rất trẻ con. Vì sao hiểu như vậy nghĩa là hiểu theo cách rất trẻ con?

Có một bài kinh trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy rằng: Này các tỳ kheo, thu thúc nhãn căn không phải làm mù đôi mắt, thu thúc nhĩ căn là làm mù hai lỗ tai của mình, không phải thu thúc ý căn là chìm vào trong giấc ngủ. Nói chung, các sự thu thúc không phải chặn ngọn mà là chặn gốc của nó. Một vị sanh vào cõi Vô Tưởng thì trong suốt 500 đại kiếp vị đó không có tâm, không tâm làm gì có phiền não, nhưng trước khi sanh vào cõi Vô Tưởng thì đương sự vẫn chưa kịp chấm dứt phiền não, nên sau khi sanh vào cõi vô tưởng sống hết 500 kiếp trên đó vị này trở xuống thì mọi thứ bắt đầu trở lại y như cũ, tức là vẫn tiếp tục sa đọa trầm luân, tiếp tục chìm đắm trong tham sân si phiền não. Cho nên câu nói rằng "sự vắng mặt của danh uẩn là sự vắng mặt của đau khổ" được hiểu là khi nào mình không

còn phiền não nữa thì lúc mệnh chung không tiếp tục tái sanh nữa, mà nếu không tiếp tục tái sanh nữa thì lúc đó tứ danh uẩn thật sự vắng mặt, phải hiểu như vậy mới ok. Còn đằng này chưa nói đến chuyện tu hành gì hết, chỉ nói phiền não vắng mặt thôi thì được. Câu này tôi xin nói rõ, ông A nói đúng khi ông A hiểu tại sao ổng nói như vậy, nhưng nếu ông B nói y chang như vậy thì ý lại khác. Một đứa bé thấy bố nó bị té xe Honda, nó nói: *Bố đừng chạy xe Honda nữa*, câu đó rất là trẻ con. Có anh chồng ngồi đọc báo bên cạnh cô vợ đang nấu bếp. Chồng nói: *Em nghe nè, báo đăng uống rượu nhiều dễ bị chết vì gan*. Cô vợ nói: *đúng rồi anh đừng uống rượu nữa*. Chồng đọc tiếp, *hút thuốc nhiều sẽ bị chết vì phổi và các bệnh liên quan*. Vợ nói, *đúng rồi anh đừng hút thuốc nữa*. Chồng đọc tiếp và nói, *người ta cũng nói gần gũi nhau nhiều quá cũng dễ bị chết vì kiệt sức*, vợ nói: *anh đừng đọc báo nữa*. Cái vấn đề giải quyết của bà vợ nghe rất là kỳ, hai vấn đề trước giải quyết theo cách khác. Ở đây cũng vậy, vị Trời này chỉ nghe loáng thoáng là không còn bốn danh uẩn nữa thì không còn khổ, vị này chỉ nghĩ đơn giản giống như kiểu bà vợ biểu đừng đọc báo nữa. Câu kệ này đúng chớ không sai, nhưng phải được hiểu theo ý hãy tu tập để chấm dứt phiền não, sau khi chấm dứt phiền não thì không còn tái sanh, không còn tái sanh thì không còn tâm thức nữa lấy gì tái sanh, còn vị Trời này thì nghĩ tu làm sao để mất cái tâm chớ không nói gì đến phiền não. Giống như đứa bé ở trên, khi bố nó chạy xe để kiếm tiền trang trải cho mọi thứ cơm ăn áo mặc, điện nước, sách vở cho nó, cho cả gia đình, nếu nó đề nghị bố đừng chạy xe thì tuyệt đối không phải là giải pháp tốt cho việc an toàn. Đức Phật thấy rằng vị Trời này không hiểu mà chỉ nghe người ta nói rồi nhắc lại, nên phải giải thích cho vị này rõ: *Không phải tu chỉ là ngăn chặn ý phát khởi, bởi chính Như Lai, những vị La hán không còn phiền não vẫn còn có tâm, cái tâm không lỗi, nhưng phải dạy nó.* Không phải vì đạp phân mà chặt bỏ cái chân, chưa tới lúc mạng chung thì mình vẫn còn sống, vẫn còn có tâm thức, thì giữ làm sao đừng để vướng kẹt trong tham sân si, phiền não; đó được gọi là tu tập, chế ngự tâm, chế ngự ý. Nếu không chú ý đến việc đối phó, xử lý phiền não mà chỉ nghĩ làm sao để mất cái tâm thì đó là một suy nghĩ nông nổi, trong chú giải chỉ nói như vậy thôi. Tiếp theo là bài kinh Vị A-la-hán. Đây cũng là một bài kinh thú vị.

VỊ A LA HÁN

[26] Ba hạng phi nhơn.

Phi nhơn là gồm tất cả chúng sinh khuất mặt không thấy được bằng mắt thường. Có ba hạng phi nhơn:

1. Bhummaṭṭhadevatā (địa cư thiên) Sống trên mặt đất, trong nhà cửa:

2. Rukkhaṭṭhadevatā (thọ thần sống ở cây cỏ). Thọ thần, sống trên cây cối, hoa cỏ, củ rễ: Có vị làm chủ nguyên cả khu rừng, hoặc nguyên trong một nhánh cây, hoặc trong cái hoa nào đó, khi hoa hư thì họ di chuyển sang hoa khác. Thân thể họ như một làn khói. Họ có thể sống trong viên đá cuội bằng nắm tay nhưng có đầy đủ nhà cửa bên trong đó. Trong Liêu Trai Chí Dị, có chuyện một anh thư sinh vào ngày lễ hội trong chùa nhìn thấy một bức phù điêu có một cô tiên đang bưng trái đào. Nhìn mê mải anh ta chợt thấy cô ta nhúc nhích, nhìn riết sau anh ta giống như bị hớp hồn. Câu chuyện đó ý nói, có khi chỉ là một bức phù điêu cũng là nơi ở rộng rãi của phi nhơn

3. Ākāsaṭṭhadevatā (không cư thiên) Sống trên hư không.

Theo tôi biết, trong kinh không nhắc chuyện phi nhân trú trong thân người, mà chỉ nhắc 3 loại trên. Chuyện cá nhân nào đó "bị phi nhân dựa", hoặc "có phi nhân trú trong thân", thì vị phi nhân đó là một trong 3 loại phi nhân trên, nhưng họ có thần thông và dùng thần thông để tác động cho cá nhân nào đó bị bịnh hoạn đau đớn, nói ra điều gì đó v.v... chớ họ không cần phải sống trong thân người giống như một tài xế có thể ngồi vào xe và lái đi đâu đó nhưng xong thì có thể vô khách sạn, về nhà ngủ, không nhất thiết phải luôn ngủ trong xe. Ma Vương có lần chui vào bụng của ngài Mục Kiền Liên để phá ngài xong thì về trú xứ chứ không ở luôn trong đó. Có hai trường hợp loài phi nhơn nào đó giúp đỡ hoặc phá mình: một là mình nhận quả cũ, hai là họ gieo nhân mới. Trước đây có thể có oan trái với nhau, và cũng có thể quả cũ của mình là hôm nay phải bị ai đó phá, họ là do họ có sẵn phiền não muốn phá ai đó, hoặc thiện tâm muốn giúp ai đó, ngay thời điểm đó quả cũ của mình trổ. Ví dụ sáng nay phước bố thí của tôi trổ nên tôi nhận được cái gì đó, nên dù chưa từng quen biết, quí vị gặp tôi đi bát, quí vị muốn cho tôi cái gì đó. Hoặc nếu quả tôi phải bị ai đó chửi, quí vị gặp mặt tôi là thấy ghét. Hãy nhớ trong mỗi người có một thùng diêm và một thùng thuốc nổ, thùng diêm chính là phiền não, thùng thuốc nổ chính là quả xấu đời trước. Nếu đi cạnh người nào thùng diêm làm việc, mình nhìn mặt họ mình thấy ghét, nếu quả xấu mình đang trổ thì thùng thuốc nổ đang chờ đợi. Hãy sống theo lời Phật để thùng diêm không có cơ hội làm việc, và thùng thuốc nổ cũng hạn chế cơ hội phát nổ. Mình không nên hy vọng khi tu diệt được quả cũ 100%, mà chỉ tâm niệm không gieo nhân xấu nữa, còn nếu quả xấu cũ có trổ thì cứ đón nhận một cách ok.

Vị Tỷ-kheo La-hán,

Đã làm điều phải làm,

Các lậu được đoạn tận,

Thân này, thân tối hậu.

Vị ấy có thể nói:

"Chính tôi vừa nói lên"

Vị ấy có thể nói:

"Họ nói là của tôi".

Một vị thọ thần trong rừng nghe các tỳ kheo tu hành tinh tấn nói chuyện với nhau, xưng hô 'của tôi', bình bát của tôi, y của tôi, sáng mai tôi sẽ đi đâu, tôi gặp ai, làm gì... Vị thọ thần thắc mắc, xưa giờ cứ nghĩ các vị tỳ kheo này chấm dứt phiền não không còn chấp thủ, nay cứ nghe cái này của tôi cái kia của tôi nên đến bày tỏ thắc mắc với Đức Phật như câu kệ ở trên. Đức Phật giải thích như chúng ta thấy trong câu kệ:

Vị Tỷ-kheo La-hán,

Đã làm điều phải làm,

Các lậu được đoạn tận,

Thân này, thân tối hậu.

Vị ấy có thể nói:

"Chính tôi vừa nói lên",

Vị ấy có thể nói:

"Họ nói là của tôi".

Vị ấy khéo biết rõ,

Danh xưng ở thế gian,

Vì chỉ là danh xưng,

Vị ấy cũng danh xưng.

Ngài dạy rằng đã sống trong đời này phải sử dụng ngôn ngữ để giao tế, và phải nói làm sao để cho người khác hiểu, mình không thể ra quán gọi ly nước mà nói *"cho tôi một ly H20"*. Ngôn ngữ giao tiếp là thứ mặc định, ước lệ, người ta bày ra, thỏa thuận để diễn đạt ý tưởng. Khi còn sống ở đời thì cần phải vay mượn, sử dụng ngôn ngữ, kể cả vị A-la-hán. Vì vậy còn phải nói cái này của tôi, cái này của anh, nhưng có điều khi nói vậy người ta vẫn hiểu chữ "tôi, của tôi" có nghĩa là gì. Qua sông phải lụy đò, lên bờ thì thôi. Vị đắc quả rồi thì họ vẫn tiếp tục sống trọn vẹn trong giới định tuệ, nhưng họ vẫn chánh niệm tỉnh giác thu thúc lục căn. Họ chấp hành thọ trì với một ý nghĩa phương tiện khi còn phàm phu, nhưng không chấp giới luật, đạo hạnh của mình là ngon nhất, hay nhất thế giới. Chỉ có người có vấn đề mới tự hào tự đắc về sự uyên bác Phật pháp của mình, giới luật bảnh bao trong sạch của mình, về thiền định ngon lành của mình. Tất cả những kiến thức, giới luật, thiền định chỉ là những viên thuốc chữa bệnh, không ai tự hào là mình đang uống những viên thuốc đắt tiền. Đang bị bệnh thì may mắn gặp chánh pháp mà uống thuốc, còn những người đang dễ duôi thì có hai lý do: hoặc là họ chưa biết Phật pháp, thiếu duyên; hoặc do họ biết nhưng bây giờ họ tạm thời chưa muốn uống. Chuyện người ta tu hay không tu không mắc mớ gì mình hết, chuyện mình tu là mình đang uống thuốc, mình phải mừng vì mình đang bịnh mà có điều kiện uống thuốc chứ không nên có thái độ tự cao tự mãn.

Trong bài kinh này có chữ *'hư tưởng'* có nghĩa là sống trong đời này mà chìm sâu trong chế định. Tôi ngạc nhiên một điều, A-tỳ-đàm là một bộ phận giáo lý quan trọng, nhưng người Phật tử VN chỉ biết Pháp Hoa, Duy Ma, Hoa Nghiêm, Lục tự Di Đà mà không nghiên cứu A-tỳ-đàm. Vô chùa, một tủ kinh mênh mông mà cứ niệm lục tự Di Đà là sao. Bốn mươi mấy năm hoằng pháp của Phật sao mình không học mà chẳng lẽ có ăn chay niệm Phật thôi hay sao, sao lại có thể vừa lòng yên tâm với cái kiểu tu học như vậy. Chuyện ăn chay là tốt nhiều mặt, nhất là sức khỏe, nếu mình biết cách ăn chay, ăn chay có thể nuôi dưỡng từ tâm của mình. Nhưng ăn chay sẽ là bậy nếu mình nhìn nó là toàn bộ pháp môn tu hành của mình. 85% người Ấn ăn chay, nhưng có rất nhiều loại tôn giáo trong đó. Tập thể dục thì rất tốt, nhưng làm nên đời sống cái hành tinh này đâu phải chỉ tập thể dục không. Phật pháp mênh mông đâu phải chỉ biết Lục Tự Di Đà hay ăn chay. Ăn chay rất tốt niệm Phật rất tốt nhưng nếu coi đó là tất cả thì rất là sai lầm. Thực là đáng tiếc và thiệt là đáng tức. Còn một điều tiếc nữa là những người học A-tỳ-đàm cứ lo học chân đế mà bỏ qua cái tục đế. Chân đế là bản chất thật sự của các pháp. Trong tiếng Hy lạp có chữ '*atoma*'là cái gì đó không thể chia chẻ được

nữa, từ đó có chữ *'atomic'*, là thành phần cực vi. Theo A-tỳ-đàm cũng vậy, chân đế là bản chất rốt ráo tận cùng không thể chia nhỏ được nữa của các pháp. Ví dụ, một hạt gạo, hạt cát đập nát ra chia thành mười, một trăm, một triệu, một tỷ phần, thì còn lại gì?

Một hạt bụi nhỏ nhất có thể bay theo gió, trong đó tối thiểu còn có 8 Sắc Bất Ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, và vật thực), phải có đủ tám thành tố bắt buộc tối thiểu đó để làm nên một đơn vị vật chất nhỏ nhất. Theo A-tỳ-đàm, ngay trong một khoảnh khắc buồn vui có vô số sát-na tâm sinh diệt. Ngay trong giây phút mình nói là tôi đang nhìn ngắm đóa hoa, đừng nghĩ mình nhìn là biết đóa hoa. Sai! Nhãn thức của mình chỉ chụp hình thôi, còn biết đây là hoa gì cần phải trải qua một diễn tiến, một lộ trình tâm thức rất là phức tạp. Từ chụp hình cái hoa, rồi biết đó là hoa hồng, rồi nhớ hôm qua mình đón ai đó ở phi trường, trao cho người ta bó hoa, người đó nhận hoa và nói gì v.v... Thời gian tíc tắc đó chỉ một phút thôi đã cho ra một loạt ý niệm. Loạt ý niệm đó diễn ra trong một thời gian cực ngắn, vượt khỏi thời gian vật lý. Tục đế là lớp vỏ nhận thức của mình thông qua những giá trị mặc định ước lệ áp đặt. Ví dụ như đối với một số dân tộc, như Tích Lan, họ gật đầu nghĩa là lắc đầu, lắc đầu nghĩa là gật đầu, đó là những ước lệ và áp đặt thôi. Có những dân tộc khi bè bạn thân quen gặp nhau thì ôm nhau, có những dân tộc chạm má, chạm mũi vào nhau, hoặc thay vì bắt tay thì cầm tay vỗ lên mu bàn tay nhau. Ở VN, nam nữ có những biểu lộ thân tình quá đáng ở chỗ đông người thì không được nhưng Âu Mỹ rất bình thường. Ở VN, hai cậu con trai bá cổ quàng vai nhau thì bình thường nhưng ở Mỹ thì không nên, vì bên Mỹ như vậy là *gay*, là *bóng*, có vấn đề về giới tính hay tâm lý. Đó là những ước lệ văn hóa mang tính mặc định, gọi là chế định. Vuông tròn dài ngắn sáng tối xa gần trắng đen cũng là những khái niệm mặc định. Có câu chuyện dã sử, bên Tàu có một anh chàng tên Nhã Tuấn, rất đẹp trai, đi lạc vào một xứ La Sát, mặt mũi xáo trộn vị trí, người ở đó nói anh ta là quái vật, vì anh ta không giống ai ở đó. Anh ta thấm thía ra một điều, hồi đó giờ người ta nói mình đẹp là do mình sống trong xã hội nào mà cái đẹp người ta chấp nhận. Trong lịch sử mỹ thuật TQ, vào thời Đường người ta chuộng cái đẹp là phốp pháp, đẫy đà, mập mạp, sung mãn… nên Dương Quí Phi theo sử sách tả là một người phốp pháp, đẫy đà, cái đẹp theo chuẩn thẩm mỹ thời đó. Qua đời Tống, quan điểm mỹ thuật thay đổi, họ chuộng phụ nữ vóc dáng mảnh mai thon gọn liễu yếu đào tơ phất phơ trong gió, và thời trang hôm nay cũng vậy, còn đầu thế kỷ 20 người ta chọn phụ nữ mập mạp, châu Âu thời Trung cổ cũng vậy, những mẫu hình điêu khắc hội họa, phụ nữ rất đẫy đà chẳng hạn như Mona Lisa trong La Joconde, còn hôm nay thì người ta chuộng phụ nữ

gầy gò mỏng mảnh như Claudia Schiffer. Một thời ở châu Âu, thi sĩ được xem là người uyên bác, vì anh ta biết sử dụng hai thứ ngôn ngữ, ngôn ngữ đời thường và diễn tả cuộc đời bằng ngôn ngữ của trái tim. Từ trước thế kỷ 18, rất nhiều nhà thơ của châu Âu biết 3,4 ngoại ngữ, và ít nhất là phải biết tiếng La Tinh và Hy Lạp. Thi sĩ thời nay, như ở VN, em nào thất nghiệp, có gia đình không hạnh phúc, chỉ cần biết chút chữ nghĩa thì em đó là thi sĩ. Trước 1975 định nghĩa về thơ cũng khác bây giờ. Quan điểm xã hội chỉ là giá trị ước lệ, và trong A-tỳ-đàm gọi đó là chế định. Một vị thánh hiểu rõ những giá trị ước lệ đó và biết nó không đáng cho mình chìm sâu gắn chặt trong đó. Đó chính là nội dung bài kinh La Hán.

"Ai đoạn tận **kiêu mạn**,

Không còn những buộc ràng…",

Chữ '*kiêu mạn'* ở đây rất là quan trọng. *'Kiêu mạn'* theo cách hiểu của mình là 'ta đây' lúc nào cũng nghĩ mình bằng hoặc hơn người ta. Nhưng trong A-tỳ-đàm nói rõ, sự so sánh bằng tâm thái phàm phu đã là kiêu mạn. **Dầu tự đại tự cao hay tự ti đều là mạn.**

"Tôi biết tôi không bằng anh", câu nói đó cũng từ sự kiêu mạn, là một sự so sánh. Người nói "tôi biết tôi thua anh", khi có thể suy nghĩ được như vậy nghĩa là một ngày nào đó mình sẽ hơn người ta. Khi hôm nay mình chấp nhận mình thua người ta; sẽ có ngày mình sẽ thấy hơn. Một người lìa bỏ ngã mạn thì thấy sự so sánh đó không cần thiết, nó là nó, không cần phải so sánh. Khi thấy thua sẽ có thể dẫn đến ganh tỵ, hay phiền lòng, theo A-tỳ-đàm thì đó là tâm sân. Buồn tủi ganh tị cũng đều là tâm sân. Nếu mình nghĩ, mình bằng hoặc không thua gì người ta, suy nghĩ đó làm cho mình kiêu ngạo. Có nhiều câu chuyện ở người ta mình thấy kỳ nhưng ở mình thì mình không thấy kỳ; rồi chính mình so sánh mà mình không thấy kỳ, nhưng nếu thấy thằng A so sánh với thằng B thì thấy kỳ lắm. Có nhiều chuyện mình làm mình thấy ok nhưng nhìn người khác làm thì thấy kỳ cục. Pháp tu quan trọng nhất của đạo Phật là pháp môn khách sáo. Khách sáo phải hiểu theo tinh thần Phật pháp chớ không hiểu theo nghĩa thế gian. Khách sáo ở thế gian là xạo, là diễn, là màu mè, là cầu kỳ hình thức. Riêng chữ khách sáo trong đạo Phật là luôn luôn giữ lại một khoảng cách tối thiểu. Theo trong Kinh điển, theo trong Luật, một tỳ kheo đã xuất gia rồi thì khi trở về nhà cha mẹ ruột của mình, ngoài tấm lòng hiếu thảo hiếu để thì để ý xem mình có giúp được gì cho cha mẹ mà giới luật cho phép, ngoài ra mình vẫn tiếp tục làm khách. Không có mè nheo, xin xỏ, gợi ý, đối với cha mẹ ruột của mình, muốn cái này muốn cái kia…; nói cái gì

cho cha mẹ thương mình hơn thì không nên. Đó là với cha mẹ ruột, người xuất gia không nên có sự gần gũi quá mức thân thiết. Khách sáo là luôn giữ khoảng cách tối thiểu với mọi người mọi vật. Có thương lắm cũng giữ khoảng cách, ghét lắm cũng không đem vào lòng để biến thành kẻ thù. Mỗi người có nghiệp riêng, họ không thích mình vì mình thiếu duyên với nhau, chứ không nên đem họ vào lòng như đem lửa vào nhà. Có những thứ trong đời sống này mà biết cách giữ khoảng cách thì đẹp lắm. Con chim hót hay hãy để nó sống trong thiên nhiên, không nên bắt nó, bẫy nó, mua nó về nhốt trong lồng. Một sớm nào đó thức dậy nghe chim hót ngoài vườn đủ rồi. Thấy hoa đẹp để nó nở ngoài vườn được rồi, đem vào trong nhà cũng ok, tôi cũng là người chưng hoa, có khi người ta cho, hoặc ngày đặc biệt tôi nghĩ mình phải có bàn hoa trên bàn Phật, chớ thiệt ra hoa để tự nhiên ngoài cây hay hơn mình gần gũi quá mức, cắt nó đem vào nhà vào phòng, nó không đẹp bằng để nó tự nhiên. Thương ai đừng nghĩ chuyện cõng, vác, mang, khiêng người ta về nhà; tiến hành một cuộc hôn nhân, một cuộc giao dịch thì không đẹp. Thương nhau, hãy cứ là tình nhân. Cưới nhau về phải gồng gánh thấy mình là gánh nặng của nhau, bao nhiêu thơ mộng, cái lãng mạn không còn nữa. Tây họ nói: *"Hôn nhân giết chết tình yêu"* rất là đúng. Xin đừng hiểu câu đó theo nghĩa phàm tục. Hãy hiểu rằng, khi ta xóa khoảng cách gần thiết, ta xáp lại gần nhau, ta làm hỏng đi nhiều thứ lắm. Mến nhau nhưng anh ở nhà anh, tôi ở nhà tôi, cơm ai nấy ăn thì mình thương nhau hoài, còn thương nhau quá tìm cách đem người ta về ở với mình thì giống như đem con chim nhốt lồng, đem cánh hoa bỏ vào bình trước mắt; nó gần mình đó thì nó sẽ héo hon nó chết. Có cái khi mình nắm được trong tay thì nó không phải là cái mình muốn nữa. Cuộc đời giống như ngắm tuyết, tuyết trong rừng, tuyết trong núi, đẹp lắm, nhưng hốt nắm tuyết về nhà thì tuyết tan. Nó trở nên vô duyên, lạnh lẽo, nhạt nhẽo, xấu xí lắm. Hãy để tuyết là tuyết. Hãy để tuyết nằm trong thiên nhiên mà mình là một khách bộ hành đi qua một cánh rừng đầy tuyết hoặc ngồi trong nhà nhìn ra tuyết trắng bên ngoài. Hãy để tuyết là tuyết ở vị trí của tuyết, mình cứ là mình. Mình can thiệp vào, móc cục tuyết mang về nhà, tuyết không còn là tuyết nữa. Thấy người ta là ca sĩ, người mẫu, đi giữa pháo hoa, tiếng vỗ tay, đèn chùm lấp lánh; cưới người ta về bên cạnh mình không còn hoa, không còn pháo, không còn đèn màu nữa mình có hối hận không?

Chưa kể khi họ có son phấn thì 10 điểm, tháo ra hết, chưa được 5 điểm. Cái điểm ngã mạn ở đây là sống đừng so sánh, sống tự nhiên, sống hồn nhiên như cây cỏ. Chúa cũng dạy, hãy giữ tâm thái trẻ con mới vào được nước Chúa. Nghĩa là sao?

Là sống như trẻ con vậy, thấy sao biết vậy, đừng can thiệp, đừng can dự. Bởi vì ngã mạn là sự so sánh. Đó là bổ sung điểm xuyết cho bài kinh La Hán.

KINH ÁNH SÁNG

Có một vị Trời đọc một bài kệ hỏi Đức Phật: *Thế gian này luôn chìm trong bóng tối, con xin hỏi Thế Tôn, không có ánh sáng làm sao người ta sống được. Vật gì đem lại ánh sáng cho cuộc đời tăm tối này?*

Đức Phật nhìn vào cơ tánh người hỏi và trả lời vừa sức người hỏi. Nếu ở thời điểm khác, với một đối tượng khác thì Thế Tôn cũng có câu trả lời rất khác. Ngài có vô số cách trả lời cho một câu hỏi, nhưng riêng với người trong bài kinh này, Ngài cho trả lời như vậy là ok. Vì Ngài là bậc nhất thiết trí, nhìn thấy cơ tánh, nên phải trả lời như vậy mới vừa sức người đó. Đức Phật trả lời: *Ban ngày thì có mặt trời, ban đêm thì có mặt trăng, còn lửa thì khi nào mình nhen nó lên thì sẽ có lửa. Riêng ánh sáng của chư Phật thì không giới hạn không gian, thời gian.*

[27] Ánh sáng của chư Phật

Ánh sáng của chư Phật ở đây là gì?

Trong chú giải nói có hai loại ánh sáng: Ánh sáng vật chất và ánh sáng tinh thần.

1. Ánh sáng vật chất:

Khi một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót sắp thành Phật, lúc Ngài từ Cõi Đâu Suất xuống trần vào trong bụng mẹ thì 10 ngàn thế giới tự nhiên có luồng ánh sáng. Khi Ngài đi vào bụng của bà Maya thì luồng ánh sáng từ xa, ánh sáng mặt trăng mặt trời chiếu khắp 10 ngàn vũ trụ. Khi Ngài thành đạo cũng vậy. Khi Ngài chuyển pháp luân, thuyết bài pháp đầu tiên bắt đầu hành trình hóa đạo độ sinh, thời pháp đầu tiên đó rất là quan trọng, bài pháp đó chứa toàn bộ nội dung những gì Ngài sẽ thuyết giảng sau đó trong đời của Ngài. Chẳng hạn trong kinh Pāḷi có bài kinh Chuyển Pháp Luân, chuyện đầu tiên Ngài nói: Này các tỳ kheo, có hai con đường cần phải tránh là Lợi dưỡng và Khổ hạnh. Con đường cần tu tập là con đường Trung đạo, đó là con đường Bát Chánh Đạo. Rồi Ngài giải thích 4 đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Toàn bộ những gì Đức Phật thuyết giảng sau đó trong cuộc đời hoằng pháp của Ngài chỉ gói gọn những điều này. Bên Bắc Tông dựa vào Hán tạng, không định nghĩa Tứ Đế như Nam Tông định nghĩa. Nếu ai đọc kỹ Tứ Đế định nghĩa theo Nam Tông thì bao trùm toàn bộ tất cả không sót thứ gì nằm ngoài kể cả Niết Bàn, Diệu Tâm, Chân Không, Diệu Hữu,

Bát Nhã v.v... Bên Bắc Tông phân ra Thanh văn chỉ tu Tứ Đế, Độc Giác hay Duyên giác tu 12 Duyên Khởi. Nam Tông thì không nói như vậy, một người muốn trở thành thánh nhân thì dứt khoát không thể mù tịt Tứ Đế dù đó là Độc Giác hay Thanh Văn Giác hay Toàn Giác. Một người đã hiểu Tứ Đế thì không thể nào mù tịt về Duyên Khởi. Cho nên vấn đề lớn nhất ở đây là hãy cẩn thận khi trình bày về điều tôi vừa nói, nếu nói Thanh Văn tu Tứ Đế, Độc Giác tu 12 duyên khởi v.v... hãy cẩn thận khi nói những điều này với tụi da trắng, Âu Mỹ, không phải sư phụ nói sao họ nghe vậy. Khi mình nói như vậy là tự mình vạch áo cho họ biết có bao nhiêu cái thẹo. Đó cũng là lý do mà hôm nay HT Nhất Hạnh đã phải xem Tứ Niệm Xứ thành đường hướng chủ đạo để hướng dẫn Làng Mai, vì ở đó có tụi Tây. Phải rõ ràng. Phải có cương lĩnh thế nào họ mới chấp nhận được. Ngay cả nhóm khất sĩ hoằng pháp ở đâu thì được nhưng ở Âu Mỹ rất khó, vì họ sẽ hỏi nhiều câu khó trả lời. Nếu họ hỏi PG Khất sĩ có theo đúng Tam Tạng không, nếu đúng thì tại sao không ráp được với PG Nam Tông ở các xứ Thái Miên Lào Tích Miến. Nếu tu tập theo Hán tạng thì tại sao không ráp được với Nhật, Đại Hàn, Trung Quốc. Nửa chim nửa chuột giống như dơi vậy đó. Hãy đọc kỹ để xem Tứ đế trong kinh điển Pāḷi nói gì chứ đừng chỉ cắm đầu đi theo sư phụ của mình.

Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập. Họa do miệng mình nói ra, bệnh do miệng mình ăn uống mà bịnh. Xưa ở VN đang đi mà lăn đùng ra thì cứ tưởng trúng gió rồi cạo gió. Thật ra bệnh không phải là do trúng gió, mà có thể bị tai biến mạch máu não. Vì vậy ăn uống phải cẩn thận, kẻo dư đường, cao máu, thừa cholesterol. Nhiều người học hành không nhiều nhưng ăn uống rất cẩn thận. Tại sao trong chuyện ăn uống mình cẩn thận mà trong chuyện tâm linh mình ẩu như vậy. Mình sống có 100 năm thôi mà sao mình lại ngây thơ trẻ con thiển cận nông nổi đến mức có thể dễ dàng níu áo một ông thầy để chấp nhận một lối hướng dẫn tu học rất đơn giản mà không hề tự tra tự vấn là sao. Sao mình ăn mình sợ bịnh mà học đạo mình không sợ bịnh. Ít ra cũng phải hỏi một câu: *Thưa thầy, bộ Đức Phật dạy có nhiêu đó hay sao?*

Hoặc *Con muốn đọc thêm, con đọc ở đâu*. Sợ nhất là ông thầy giảng theo tư kiến, ổng nghĩ sao ổng dạy như vậy thì rất kẹt cho mình. Mình đi khám bệnh mua thuốc mình còn để ý xem thuốc uống vào có hiệu quả không, về nhà còn phải nghe ngóng, học hỏi, trao đổi với bạn bè người thân, báo chí sách vở chớ đâu phải giao cái mạng mình cho ông thầy thuốc rồi gặp ông lang băm thì sao. Mấy chục triệu người dân VN theo đạo Phật là cũng theo cách đó: bà ngoại tôi đi chùa thì má tôi đi chùa, má tôi đi chùa thì tôi cũng đi chùa, chùa nào gần nhất, ông

thầy nào bà ngoại tôi, má tôi mến nhất, đặt pháp danh cho bà ngoại, cho má tôi thì ông thầy đó là bổn sư của tôi… Hãy cẩn thận, hãy biết nghi ngờ con đường dưới chân của mình, đừng vì một điều kiện môi trường nào đó mà dễ dàng chấp nhận một thứ giáo lý nghèo nàn, người đầu tiên bị hại thì người đó chính là mình. Cõi Phật thì vô số sao mình cứ cắm đầu về một cõi là sao, thí dụ mình có thể đi Úc, Nhật, Mỹ, Anh, Pháp, Canada … mà sao cả dòng họ cứ chạy về Mỹ là tại sao, phải có lý do tại sao đi về Mỹ. Tất cả Bồ tát muốn thành Phật đều phải có đại bi đại trí, tại sao chỉ có một Bồ tát Quán Âm là tầm thanh cứu khổ?

Còn những Bồ tát khác không có đại bi, không có tầm thinh cứu khổ sao?

Mỗi người đi theo cái nghiệp của mình, quan trọng là phải làm lành lánh dữ, khi đó mới được an toàn, chứ niệm bao nhiêu Phật, cầu bao nhiêu Bồ tát cũng vậy thôi. Phải làm sao bớt được cái tôi, bớt được cái tham, sân, si; sống chậm lại, sống chánh niệm, sống tỉnh thức để cảm thông, chia sẻ, tha thứ thì tốt hơn.

Trở lại bài kinh, có hai ánh sáng: ánh sáng vật chất là khi sự kiện quan trọng trong đời của Ngài diễn ra thì có luồng ánh sáng soi rọi khắp mười ngàn thế giới.

2. Ánh sáng tinh thần.

Có những vấn đề mà nếu chư Phật Chánh Đẳng Giác không ra đời thì mình không có cơ hội biết tới. Ví dụ làm sao mình có thể nghĩ được rằng sự có mặt của mình chỉ là sự ghép nối, chỉ là sự lắp ráp của vô số thành tố. Làm sao có thể tưởng tượng được rằng cái khổ nó đi ra từ cái ham muốn của mình. Chính cái niềm đam mê đó làm cho mình bị khổ, nếu chư Phật không ra đời thì mình rất khó tưởng tượng được. Chúng sanh thấp kém làm điều bất thiện bị sa đọa, chúng sanh cao cấp hơn chút, làm các điều lành được sanh vào các cõi lành cõi vui, các cõi vui đó có cõi Dục Thiên, cõi Phạm Thiên; nhưng Đức Phật dạy rằng dù ở đâu đi nữa hễ trong căn nhà đang cháy thì giống nhau hết. Nếu mình đắc thiền, sanh về Phạm Thiên sống nhiều kiếp trên đó thì cơ hội điều kiện để hiểu được mọi thứ là vô thường thì rất là khó. Chúng ta luôn luôn có khuynh hướng là thỏa mãn vừa ý quá sớm với những gì đang có nhưng khi Phật ra đời lại khác, Ngài dạy cho mình hễ còn có sở hữu là còn khổ, còn tái sinh là còn khổ. Vì vậy Phật ra đời đem lại cho chúng ta hai thứ ánh sáng, ánh sáng vật chất và ánh sáng tinh thần. Những điều Ngài dạy mở ra cho chúng ta những nhận thức mà trước giờ chúng ta khó có thể nghĩ ra, thậm chí có những vấn đề chúng ta tuyệt đối không thể nghĩ ra nếu chúng ta không phải là một vị Phật, đó được gọi là ánh sáng của một vị Phật: mở

ra những vùng tối, soi rọi những vùng sáng, gợi ý những điều mà chúng ta cần có một nhận thức.

Bài giảng ngày 5-6-2014 NƯỚC CHẢY Sarasuttaṃ

"Kuto **sarā** *nivattanti, kattha* **vaṭṭa***ṃ na vattati;*

Kattha nāmañca rūpañca, asesaṃ uparujjhatī"ti.

"Yattha āpo ca pathavī, tejo vāyo na gādhati;

Ato sarā nivattanti, ettha vaṭṭaṃ na vattati;

Ettha nāmañca rūpañca, asesaṃ uparujjhatī"ti.

'Sarā': 'tia sáng', 'nước chảy', 'dòng nước'. Bài kinh này đề cập đến "nước" nên phải hiểu *'sarā'* là 'dòng chảy'. Trong bài kinh này không nêu rõ người hỏi là ai, không tên cũng không nhân thân. Bản dịch tiếng Việt như thế này:

"Chỗ nào nước chảy ngược?

Chỗ nào nước xoáy dừng?

Chỗ nào danh và sắc,

Được đoạn diệt, không dư?

Chỗ nào nước và đất,

Lửa, gió không vững trú,

Do vậy nước chảy ngược,

Chỗ ấy nước xoáy dừng,

Chỗ ấy danh và sắc,

Được đoạn diệt, không dư."

Có một chuyện gần như là bắt đầu một bài giảng chúng tôi cố ý nhắc lại cho quí vị đừng quên, và cho những người lần đầu nghe không bị khó chịu, đó là tại sao có nhiều chỗ Đức Phật có cách nói về đạo giải thoát nghe rất mênh mông, và có chỗ thì cách nói nghe như thiếu thiếu. Chẳng hạn như trong bài này Ngài chỉ nói

là *"chỗ nào không đất nước lửa gió"* chứ Ngài không nhắc đến những yếu tố khác. Ở đây những người học A-tỳ-đàm dễ bị đụng nghề nghiệp; ví dụ, trong đây chỗ nào không có bốn đại thì chỗ đó được xem là chỗ giải thoát, người đó sẽ thắc mắc nếu vậy trên cõi Vô Sắc là cõi giải thoát hay sao?

Không phải như vậy. Lý do là vì Đức Thế Tôn nhìn vào căn cơ của người đối diện, và ở đây ta không biết người đó đã thưa trình gì với Đức Phật mà trong kinh chỉ thấy câu trả lời của Đức Phật thôi. Căn cứ vào chú giải và những bài kinh trước chúng ta bắt buộc phải hiểu rằng là có những người mà Đức Thế Tôn phải nói như vậy. Ví dụ trong đời sống bình thường của một gia đình nghèo khó, người cha nói với con: *"Ráng học cho giỏi để mai mốt không nghèo như ba".* Có trường hợp khác người cha khác nói: *"Đời ba tủi nhục đủ rồi, con ráng học để mai mốt ngẩng mặt lên mà đi giữa đời, sống ở thiên hạ đừng để tủi nhục như ba".*Đối với một đứa bé nhà giàu thì ông bố có thể sẽ nói khác*: "Ráng học giỏi mai mốt ba giao cơ nghiệp lại cho con..."*. Cũng là lời người cha đối với con nhưng mỗi trường hợp cách nói khác nhau dù tình cha con nào cũng như nhau và mục đích của câu nói là khích lệ đứa con ráng học hành tử tế.

Trên bản Pāḷi có chữ *sarā* là dòng nước, chữ *vaṭṭa* là 'vòng tròn luân hồi'. Bà con vào tipitaka.org tìm bản Saṃyuttanikāya. Tại sao tôi phải đề cập đến điều này, hiện nay theo chỗ biết của tôi ngoại trừ các xứ Nam Phương như Miến Điện, Thái Lan, hoặc thêm Tích Lan nữa, nguồn nghiên cứu kinh tạng Nam Truyền hệ Pāḷi chỉ có nguồn tiếng Đức và tiếng Anh. Dĩ nhiên mình người VN mình đọc tiếng VN chứ, nhưng đọc tiếng Việt ta thấy rất mơ hồ, nếu đối chiếu so sánh với bản khác thì tốt hơn. Trang tipitaka.org đã có bản chú giải rất ngon lành bằng tiếng Pāḷi. Bên cạnh đó có bản tiếng Anh và tiếng Đức nữa là quá sướng, tội lệ gì mình cứ phải băn khoăn bản tiếng Việt trong khi đó nó hơi mù mờ và khó. Nếu mình thấy khó quá mơ hồ quá thì nên so sánh đối chiếu với bản dịch khác cho sáng ra.

"Chỗ nào nước chảy ngược?

Chỗ nào nước xoáy dừng?

Chỗ nào danh và sắc, Được đoạn diệt, không dư?
Giống ngày hôm qua, vị Trời nói trừ bỏ được cái tâm là giải thoát. Ổng không nói chuyện tu hành, mà chỉ nói chuyện duy nhất thôi, làm sao mà không có tâm. Chính vì vậy, Đức Phật điều chỉnh lại: mình tu không phải bỏ cái tâm, mà bỏ phiền não, thì thân và tâm, danh uẩn và sắc uẩn sẽ biến mất. Có những căn cơ

khác Ngài nói rốt ráo, Ngài không hề nói chuyện tu hành giới định tuệ hay Bát Chánh Đạo, Ngài chỉ nói một chuyện: Chấm dứt cái đó là ok. Bao nhiêu đó đã đủ, rồi họ đi xuất gia, cần gì thì họ hỏi thêm. Có người, trong lần đầu tiên gặp Đức Phật họ đâu có biết gì về Phật pháp đâu, họ chỉ nghe rằng trên đời này thật sự có một cứu cánh chấm dứt sự đau khổ, đó là sự vắng mặt của danh sắc. Khi đó họ có một khái niệm rồi. Ví dụ ông Bāhiya Daruciriya đến gặp Đức Phật, Đức Phật chỉ dạy ông một bài kệ rất ngắn: *Nghe chỉ là nghe, thấy chỉ là thấy, ngửi nếm đụng chỉ là ngửi nếm đụng, suy tư chỉ là suy tư. Ở đây không có ta, không có người, không có bỉ, không có thử, không có so sánh kiêu mạn, hơn bằng thua kém ở đây.* Với một người như Bāhiya Daruciriya nghe như vậy là đủ rồi. Ở đây cũng vậy, chúng ta sanh tử luân hồi là vì có danh sắc. Danh sắc là do tập khí sinh tử mà ra. Bây giờ đã đến lúc ôn lại câu thần chú: *Do vô minh trong Tứ Đế không biết mọi hiện hữu là khổ, không biết 6 ái là nguồn sanh khổ, không biết có một cứu cánh nằm ngoài khổ và tập và không biết Bát chánh đạo là con đường dẫn đến diệt đế. Bốn thứ không biết này là vô minh trong Tứ Đế. Chính vì bốn vô minh này mới dẫn đến ba hành.* Nguyễn Duy Cần viết cuốn Đạo Phật Tinh Hoa nghe hoành tráng, nhưng đặc biệt VN mình không bao giờ có một định nghĩa đàng hoàng về 12 duyên khởi. Chữ "hành" cứ lan man, quí vị cứ vào google.com tìm chữ "*12 duyên khởi*", "*thập nhị nhân duyên*" hoặc "*y tha khởi*", sẽ thấy những định nghĩa không dùng được trong tất cả 99%. Mãi đến sau này trong nước có le lói vài cuốn sách có định nghĩa dùng được. Chín mươi chín phần trăm này không phải tham khảo từ nguồn kinh điển Pāḷi mà từ nguồn nào đó nên rất mơ hồ. Một chuyện đáng buồn nữa là hôm nay nếu chúng ta gặp Phật tử Miến Điện, Tích Lan mà hỏi họ "Sơ thiền là gì?
" thì sẽ nghe câu trả lời giống nhau: "*Sơ thiền là sự lìa bỏ 5 triền cái, là một thứ tâm có đủ 5 chi thiền. Nếu trạng thái tâm này tiếp tục được duy trì cho đến lúc mệnh chung thì người đó sẽ sanh về cõi Sơ thiền có được tuổi thọ một phần ba đại kiếp*". Đây là một định nghĩa bắt buộc và luôn luôn phải nói như vậy khi nói về Sơ thiền. Còn VN mình khi nói về thiền thì mạnh ai nấy nói, cầm một ly trà uống chậm chậm cũng là thiền, múa thái cực quyền dưỡng sinh cũng là thiền, có một góc sân nhỏ nhỏ trồng cỏ với những cây bonsai và tượng Quan Âm cũng là thiền, cuối tuần họp mặt nhau nấu bữa cơm chay ăn rồi tụng kinh Thủy Sám, Di Đà, Phổ Môn gì đó rồi cũng gọi là thiền. Thiền của mình mơ hồ lắm. Cũng vậy, khi nói "vô minh duyên hành", thấy chữ "hành" là cứ phán "hành" là hành động. Trong kinh điển Pāḷi rất là rõ ràng chỗ này, vô minh là gì,[1] vô minh là sự không biết trong Bốn Đế: 1/ Không biết mọi hiện hữu là khổ (vô minh trong khổ đế), 2/ Không biết tham ái là gốc của khổ (vô minh trong tập đế). 3/ Không biết một cứu

cánh chấm dứt cả khổ và tập (vô minh trong diệt đế) 4/ Không biết Bát chánh đạo là con đường dẫn đến diệt đế (vô minh trong đạo đế). Chính vì vô minh này nên mới dẫn đến 3 hành: 1/ Phi phúc hành: nghĩa là giải quyết bằng cách bằng cách làm điều ác, sống chìm sâu trong 12 bất thiện (8 tham, 2 sân, 2 si). 2/ Phúc hành: giải quyết cái khổ bằng cách làm lành lánh dữ, tu nhân tích đức, để chết sanh trở lại được làm trời, làm người, mang thân ngon lành hơn, hoặc sanh về cõi Dục Thiên hoặc các cõi Phạm thiên hữu sắc. 3/ Bất động hành: những người đã nhàm chán các tầng thiền Sắc Giới, chuyển sang tu tập các tầng thiền Vô Sắc để lìa bỏ thế giới vật chất. Bởi vì chúng sanh ở thế gian này chia ra nhiều cấp, có người chìm đắm đam mê trong năm dục, có người khá hơn, nhàm chán năm dục, sống trong thiền định nhưng còn lệ thuộc trong thân tướng, đề mục tu thiền vẫn là sắc pháp, cảnh giới vẫn là sắc pháp. Có người cao cấp hơn nhàm chán hình danh sắc tướng này họ hướng đến tầng thiền cao hơn là tầng thiền Vô Sắc Giới, chỉ có tâm thức chớ không có vật chất sắc pháp. Dù ở cõi nào đi nữa, sống hết tuổi thọ cũng trở lại cõi thấp nhất – cõi Dục Giới, nếu may mắn gặp minh sư thiện hữu thì tiếp tục tu hành thì ok, nếu xui mà không gặp, tự mình rất khó ngoi lên lắm. Bởi vì dòng luân hồi nói ra buồn lắm, Đức Phật dùng hình ảnh con rùa mù không phải dọa mình sợ mà thật sự như vậy. Cơ hội để mình làm lành khó lắm, ít lắm, ra đường nhắm mắt quơ tay là đụng toàn người xấu 1000%. *Người xấu* theo định nghĩa trong kinh điển Pāḷi không giống như định nghĩa ngoài đời, người xấu ở ngoài đời là người có tật ăn cắp, ăn trộm, giết người, hại người, gian trá lật lọng, không trắc ẩn, không thương người vv… nhưng trong kinh điển Pāḷi không định nghĩa nghèo như vậy, mà định nghĩa: **Kẻ nào sống nhiều với tâm bất thiện thì đó là người xấu.** Chỉ mới trong tâm thôi nghen, chứ không phải là hành động, đến mức bất thiện mà thể hiện ra ngoài thân nghiệp khẩu nghiệp thì quá sức nặng rồi, đằng này là chỉ là trong tâm thôi. Kẻ nào sống nhiều thời gian trong ngày trong đời cho phiền não, trong phiền não, bởi phiền não, kẻ đó được gọi là kẻ xấu, kể cả chúng ta đang ngồi trong room đây, kẻ đang nói và người đang lắng nghe, nếu cần phải nói chúng ta đang là người xấu. Chúng ta không có lý do nào ngại ngùng khi xác nhận chuyện này hết, trong một ngày 24 giờ đồng hồ, 99% thời gian chúng ta sống bằng tâm trời ơi đất hỡi, không tham thì sân, mà si thì có mặt trên từng cây số. Tham ở đâu thì si ở đó mà sân ở đâu thì si cũng nằm ở đó. Đối với người như mình thì tà kiến thường trực luôn, liên tục và liên tục. Mình nói *vô ngã, vô thường, khổ không* là nói cho vui vậy thôi chứ còn luôn luôn mình sống trong tâm niệm "tôi" và "của tôi", lâu lâu chánh niệm, trí tuệ chen vô một chút. Cái biết của mình không đủ để trấn áp phiền não, trừ khi mình là một hành giả chuyên tu, liên tục ghi nhận đây là danh đây là sắc, nó đến rồi đi. Luôn luôn

như vậy, thay vì ghi nhận tâm sân thì mình ghi nhận *tâm sân đang vô thường, tâm tham đang vô thường, tôi đang hít vô thở ra bằng thọ hỷ và thọ hỷ này đang vô thường*, chỉ một hành giả chuyên tu như vậy suốt ngày đêm thì may ra chớ còn 99% chúng ta sống trong tâm niệm *đây là tôi, đây là của tôi*. Làm ơn bỏ giùm tôi cái suy nghĩ "tôi là Phật tử", cứ tưởng mình là Phật tử. Cái mình nhớ không phải là Phật tử mà là sự vô thường của danh sắc, nhớ nhân quả báo ứng. Luôn nhớ đây là nhân xấu, đây là nhân thiện, đây là quả thiện, đây là quả xấu, suy tưởng về nhân quả hoặc suy tưởng về Tam tướng. Nếu không sống trong tâm niệm này, chúng ta sẽ luôn sống trong phiền não, tà kiến, ngã mạn. Người xấu là như vậy. Nếu đã phân tích rốt ráo như vậy rồi thì trong dòng luân hồi, cơ hội nào để mình làm thiện đây?

Hiếm lắm! Nếu mình được gặp Phật, gặp hiền thánh, họ dạy cho mình hành thiền, đắc thiền Phi tưởng phi phi tưởng, về trời sống 84 ngàn đại kiếp rồi hết hạn lọt xuống đây nữa rồi sao, huơ tay gặp lại toàn trời ơi đất hỡi không làm sao mình có cơ hội nhớ lại chuyện xưa để mà tu hành dù trong kinh có nói người từ cõi trên xuống lòng họ hiền thiện lắm, nhưng nếu không chuyên tu thì hiền thiện đó không có cơ hội phát triển. Trong một khu vườn hoang có dăm ba hột đậu, sầu riêng, trong khi mênh mông toàn cỏ hoang mọc đầy cỏ gai ngập lối thì làm sao những hột này phát triển. Bằng mọi giá phải huân tu công đức, tác ý đến chuyện lìa bỏ danh sắc chớ đừng nghĩ đến chuyện "hội nhập ta bà phổ độ chúng sinh", yếu người đừng đi nắng. Chỉ có những người đại hùng đại lực họ liệu cơm gắp mắm, họ biết người như họ không thể đi một mình, họ phải đi chung, họ không thể đi ké thuyền bè của người khác mà hoàn toàn có sức đóng hẳn một chiếc tàu lớn chở nhiều người, người đó gọi là Bồ tát Chánh Đẳng Giác, họ gồng mình chịu đựng lăn trôi đời này qua kiếp khác, huân tập Ba-la-mật để thành Phật độ sinh. Vì sao trong kinh điển Pāḷi không mặn mà với chuyện kêu gọi thành Phật?

Không có trường đại học nào dạy người ta làm tỷ phú hay dạy người ta cách kiếm giải Nobel mặc dù có nhiều trường (Yale, Standford, Oxford, Harvard…) mà nhiều sinh viên xuất thân từ đó lãnh giải thưởng này, giải thưởng kia trên thế giới, nhưng hoàn toàn không có nghĩa là các trường đó chuyên đào tạo những người như vậy. Quả vị Chánh Đẳng Giác khó kinh hoàng chớ không dễ, nên không thể bịa ra lý tưởng Bồ tát, Phật đạo… Chỉ cái chuyện lìa bỏ năm uẩn, lìa bỏ danh sắc đã khó rồi cực kỳ rồi. Quí vị thử một lần bị sốt, bị chóng mặt, tiêu chảy… lúc đó không còn bụng dạ nào nghĩ đến chuyện tế độ quần sanh. Đừng nói chi đến Bồ tát đạo, Bồ tát giới, chỉ chuyện căn bản bớt tham bớt sân bớt si, không có kiêu ngạo ích kỷ mà vừa bị chạm vào đã nổi điên rồi. Có câu chuyện một vị kia gõ cửa thiền sư xin ngủ nhờ: *Thưa ngài con là một người phú thương,*

lỡ đường, ngủ ngoài sợ trộm cướp nên xin ngủ trong am của ngài. Thiền sư nói, *trong này chật lắm, không chứa nổi phú thương, đại gia đâu*. Ông kia phải sửa lại, *con chỉ là khách lỡ đường*. Lúc đó thiền sư mới chứa. Đường luân hồi là hành trình vạn lý, hành lý trên vai mình càng gọn càng nhẹ chừng nào thì càng dễ đi. Tôi nhớ có lần tôi vào trong tiệm bán đồ thể thao, họ có tấm banderole viết mấy chữ rất dễ thương **"go fast, go light, go small".** Ai biết tiếng Anh thì bắt lỗi câu này sai văn phạm, nhưng người Mỹ họ không quan tâm điều đó. Ba lô, lều, đôi giày, nón, dao búa… đều rất là nhẹ. Búa kềm rớt dưới nước bảo đảm không chìm vì phần chịu ma sát ở đầu búa đầu kềm dát bằng kim loại còn phần còn lại cán búa hoặc tay cầm đều bằng nhựa. Đối với một người muốn đi du lịch, cắm trại, thì hành trang càng gọn nhẹ càng tốt. Tu hành cũng vậy, bỏ bớt những gánh nặng không thật sự cần thiết, vì vậy phải phân biệt cái gì mình cần và cái mình thích. Nếu mình lăn lóc ngoài chợ đời mà chỉ tập trung lo cho cái mình cần thôi thì đỡ cực khổ nhiều. Khổ một nỗi chúng ta dành quá nhiều thời gian công sức cho cái mình thích, đó mới làm khổ mình. Để nuôi sống mạng của mình, mình hoàn toàn có thể sử dụng thực phẩm nước uống rẻ tiền, đằng này mình cứ chạy theo cái mình thích nên mình khổ. Vì vậy trong bài kinh này dạy rằng: chỗ nào lìa bỏ danh sắc thì chỗ ấy sẽ được giải thoát. Trong kinh khi mô tả một vị A-la-hán thì định nghĩa thế này: "*vusitavā*: người phạm hạnh đã thành, *katakaranīyo*: chuyện nên làm đã làm, *ohitabhāro*: gánh nặng đã đặt xuống"

Người có chút tương chao chỗ này mới thấm: Người có chút tương chao chỗ này mới thấm: *"gánh nặng đã đặt xuống"*. Mỗi ngày bước vào phòng tắm là đã phiền rồi, không tắm thì ai chịu nổi, cần phải có nhà tắm, có nước, có xà bông, khăn lau…Nói đến chuyện ăn, thức ăn dư bỏ vào thùng rác gớm cỡ nào mà sao mình bỏ vào miệng mình không gớm. Thùng rác mới mua chưa qua sử dụng, 4 món ăn thừa mới ăn trên bàn, nếu đổ vào thùng rác, biểu mình thò tay vào thì mình không dám rồi vậy tại sao bỏ vào miệng mình không gớm. Đối với hành giả, ăn là gánh nặng, tắm rửa cũng là gánh nặng, giặt đồ cũng là gánh nặng, mất công mất thì giờ. Bụi trong nhà mình 70% là da khô, tế bào chết của mình, biết được như vậy khi mình đặt chân vào nhà người khác, nằm trong giường người khác gớm cỡ nào. Trong quan hệ xã hội, phải thù tạc qua lại với láng giềng, bè bạn, người thân, đồng nghiệp, sếp … tất cả mình phải đương đầu giải quyết bao nhiêu chuyện thì còn tâm trí đâu mà lo cho Phật pháp. Mang thân người với chừng đó gánh nặng, thiếu công đức, chết đọa xuống; còn đắc thiền về trời rồi sau đó cũng trở xuống, cơ hội thành trùn thành dế rất dễ dàng. Con trùn chỉ là trùn giống như bánh hỏi nằm một nùi dưới cống, mấy đứa bé vớt về bán cho người ta nuôi cá. Nếu mình

sanh làm một con trong đó thì kinh hoàng cỡ nào. Ngày xưa tôi ở Đồng Nai, một gò mối không biết bao nhiêu con, những đêm trời mưa để đèn dầu nó bay mù trời, nếu một lần chui vào thân con trùn con mối như vậy cơ hội trở ra khó biết là bao, làm thân con người còn tiếp xúc với minh sư thiện hữu để huân tu công đức còn có cơ hội để trồi lên. Còn chun vô cảnh giới tăm tối đó thì làm sao lên, phải nhờ đến cái tiền nghiệp quá khứ tên gọi là "hậu báo nghiệp".

[28] Bốn loại nghiệp.

Có bốn loại nghiệp: *hiện nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp, vô hiệu nghiệp*

Trong dòng sanh tử luân hồi đăng đẳng này, chúng ta luôn luôn tạo nghiệp mới lúc thiện lúc ác, loại nghiệp nào cho quả ngay đời sống hiện tại gọi là **"hiện nghiệp"**, loại nghiệp nào cho quả ngay đời kế tiếp theo kiếp này gọi là **"sanh báo nghiệp", "hậu báo nghiệp"** là loại nghiệp cho quả từ kiếp thứ ba trở đi kéo dài cho đến bao giờ không còn hiệu lực nữa hoặc là khi mình viên tịch Niết-bàn thì thôi. Nghiệp thứ tư là **"vô hiệu nghiệp"** là nghiệp mà do một lý do nào đó không cho quả, hoặc đến lúc trổ quả thì gặp một thứ nghiệp khác trổ quả cùng lúc mạnh hơn lấn lướt, hoặc chưa kịp trổ quả thì đương sự đã nhập Niết-bàn, hoặc là lúc trổ quả đương sự đang ở trong hoàn cảnh không thể trổ quả được. Ví dụ nghiệp sát sanh của tôi phải bị người ta đánh, giết, yểu thọ, nhưng thời điểm trổ quả tôi đang ở trên cõi Phạm Thiên, hoặc điều kiện hoàn cảnh không hợp cho việc trổ quả đó, thì nghiệp sát sinh đó là vô hiệu nghiệp. Vô hiệu nghiệp có nhiều trường hợp, chẳng hạn như khi tôi đắc Sơ Thiền, tôi đang gieo nhân cõi Sơ Thiền, sau đó tôi lại đắc thêm Nhị Thiền thì tôi chết sanh về cõi Nhị Thiền, lúc bấy giờ nghiệp Sơ Thiền kia coi như là vô hiệu nghiệp. Những côn trùng giun dế đi lên bằng hậu báo nghiệp, nhưng sau một thời gian dài sống tăm tối mà lên mang thân người thì rất khờ, khả năng trí tuệ là zero, nếu may mắn gặp minh sư thiện hữu kèm cặp dạy dỗ mình thì may ra mới "phục hồi nhân phẩm" trở lại. Tội của danh sắc là như vậy đó. Muốn danh sắc vắng mặt thì trước hết ta phải nhàm chán danh sắc. Nhàm chán bằng cách nào?

Toàn bộ bài học này là để cho chúng ta nhàm chán, chứ đừng có dệt mộng rằng ta sẽ xây dựng cõi tịnh độ nhân gian hay thiên đường hiện tiền, thế giới đại đồng coi như là anh em, hy vọng một ngày ngủ không cần đóng cửa, của rơi ngoài đường không ai lượm, người người nhìn nhau bằng ánh mắt người thân vv…Giàu như nước Mỹ cũng có một tỷ vấn đề, tuổi trẻ được ăn học đàng hoàng,

có nghề nghiệp đảm bảo, nhưng khi có vợ có chồng tỉ lệ li dị rất cao vì cả hai đều có khả năng sống độc lập. Có hai vợ chồng người Đức ở với nhau mười mấy năm mà không cưới, người chịu tiền điện kẻ chịu tiền nước. Cuộc sống sung sướng quá họ sợ sanh con, nên xã hội thặng dư người già. Không gì thê thảm cho bằng giữa mùa đông tuyết giá có những người già rất giàu một mình cô đơn đẩy xe hàng đi chợ, leo lên xe bus, theo sau là con chó, một ngày nào đó chết một mình thì nhân viên xã hội đến mang đi. Suốt một thời tuổi trẻ đi làm, một phần lương dành đóng bảo hiểm cho tuổi già, một thế giới thiên đường như vậy đó. Tuổi trẻ làm ra tiền để có một tuổi già trong viện dưỡng lão sang trọng tiện nghi, nhìn là muốn già liền. Các cụ trong đó toàn những cao thủ võ lâm tai không thèm nghe mắt không thèm thấy!!!

Tóm lại, *"Chỗ nào nước chảy ngược?*

Chỗ nào nước xoáy dừng?

Chỗ nào danh và sắc, Được đoạn diệt, không dư?

là vậy đó. Lâu nay mình sống xuôi theo dòng đời, giờ đây mình sống ngược lại, danh sắc không còn tiếp tục có mặt nữa. Hồi đó đến giờ mình luân hồi vì mình thích cái này thích cái kia, giờ mình không thèm thích nữa, mình sống ngược dòng đời, và cứu cánh Niết bàn cũng là cái gì đi ngược lại những thứ mà chúng ta đang sống nghĩa là một sự phủ định toàn diện mọi hiện hữu. Đó là nội dung bài kinh Nước Chảy

GIÀU LỚN

Bài kinh này giống bài kinh trước một chỗ là danh tánh và nhân thân của người hỏi không được nêu rõ mà chúng ta chỉ có một câu kệ là câu hỏi và câu trả lời của Đức Thế Tôn:

"Sát-đế-lỵ giàu lớn,

Tài sản, quốc độ lớn,

Luôn luôn ganh tị nhau,

Hưởng dục không biết ngán,

Giữa người sống dao động,

Trôi theo dòng tái sanh.

Ai bỏ **tật** và ái,

Không dao động giữa đời.

(Thế Tôn):

Vị xuất gia bỏ nhà,

Bỏ con, gia súc, thân,

Bỏ tham và bỏ sân,

Và từ bỏ vô minh,

Bậc Lậu tận, La-hán,

Không dao động giữa đời."

Thật ra không phải là câu hỏi, mà là câu phát biểu, câu tâm đắc của người nào đó thưa với Đức Phật đại ý là: *Trên đời này đám nhà giàu chỉ hưởng dục và đấu đá nhau, vì thói quen ganh tị.* Câu này nói giống y tâm trạng phàm phu của chúng ta. Mình sung sướng hưởng thụ thì được nhưng ai hưởng thụ giống mình thì mình ghét. Người trình lên Đức Phật nói rằng, *những người trên đời này mà ngon lành bảnh bao cũng toàn hưởng thụ ganh ghét lẫn nhau thôi, theo con nghĩ ai bỏ được thói quen hưởng thụ và ganh tị thì giải thoát* ("*Không dao động giữa đời.")* Trong suy nghĩ của người này là không tiếp tục hưởng thụ và thói xấu ganh ghét là giải thoát, bởi vì người này chỉ chú ý hai điều đó. Đức Phật điều chỉnh suy nghĩ của người ấy lại: *Phải thế này mới rốt ráo, Phải lìa bỏ hết mọi sở hữu vật chất, bỏ luôn những gánh nặng về tinh thần* (tham, sân, vô minh) *thì mới giải thoát*. (Giống như balo của người du lịch, chỉ mang theo những gì thật sự cần thiết, trên đường đi tiếp tục bỏ nữa, ăn xong bỏ vỏ bỏ hột). *Phải lìa bỏ nhà cửa, vợ con tài sản* ("*Vị xuất gia bỏ nhà, Bỏ con, gia súc, thân"*). Trong bối cảnh Ấn Độ thời đó và các xứ nông nghiệp, gia tài không có gì khác ngoài gia súc gia cầm. Con bò rất quan trọng vì cung cấp sức lao động cày bừa, sữa uống. Sữa là nguồn dinh dưỡng rất quan trọng, dân tộc nào biết uống sữa tươi thì họ rất to con, như Mông Cổ, Tây Tạng. Dân VN mình hiếm khi cả nhà uống sữa tươi, chứ những dân tộc dù nghèo như Tây Tạng họ vẫn to con vì uống sữa. Người Ấn coi gia súc rất quan trọng vì đó là một phần đời buồn vui của họ (trâu cày, bò cho sữa, cừu cho áo

quần). Vị này đã phác họa lên diện mạo của đời sống, những người giàu sống chìm đắm trong sự ganh ghét, và người nào bỏ được ganh ghét thì giải thoát và Đức Phật nói rằng phải bỏ hết mới rốt ráo.

BỐN BÁNH XE

"**Bốn bánh xe,** *chín cửa,*

Đầy uế, hệ lụy tham,

Chìm đắm trong bùn nhơ,

Ôi, thưa bậc Đại Hùng,

Sanh thú người như vậy,

Tương lai sẽ thế nào?

"

(Thế Tôn):

"Cắt hỷ và buộc ràng,

Dục tham và tà ác,

Ái căn được đoạn tận,

Sanh thú sẽ như vậy."

"Bốn bánh xe"*(cakka)*chỉ cho 4 oai nghi (*iriyapatha*). Bà con nhớ những chữ này phải nhớ chữ Pāḷi, chứ biết tiếng Việt không thì không đủ, ai già gần chết chuẩn bị thiền định để đi thì không nói, ai còn chút niềm tin đi xa xa thì nên nhớ chữ Pāḷi để đi tu thiền ở xứ quốc giáo; người ta không dịch, họ xài luôn chữ Pāḷi. Bên Thái việc xài tiếng Pāḷi bình thường, nhiều như tiếng Việt chen từ Hán Việt. Trong một buổi nói chuyện khoảng 15 phút từ Hán Việt chiếm phần rất lớn. Trong tiếng Anh, Pháp Đức, Bồ, Tây Ban Nha, lượng từ La tinh, Hy Lạp rất lớn. Ở Thụy Sĩ có một ngôn ngữ ít người sử dụng, nơi vùng núi, tiếng Roman, được xem là ngôn ngữ cổ những vẫn còn người sử dụng. Người nào biết được tiếng này thì sẽ nghe hiểu được nhiều thứ tiếng khác (ví dụ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý), cũng vậy, học tiếng Pāḷi sẽ biết được thêm cái khác thì rất nên.

Chín cửa (cửu khiếu) *(dvāra) gồm*: 2 mắt, 2 tai, 2 lỗ mũi, miệng và chỗ bài tiết đại - tiểu tiện.

"kathaṃ **yātrā** *bhavissatī":* cuộc đi đường dài. *Kathaṃ* (how),

Chữ '**yātrā'** là cả vấn đề ở đây, trong tiếng Sanskrit cổ (trước thời có internet điện thoại) có nghĩa là "*một cuộc đi đường dài"*, nhưng hôm nay tại Ấn Độ người ta dùng tiếng Hindi pha lẫn Sanskrit, họ vẫn dùng chữ '**yātrā'** này với nghĩa*: '***du lịch'** (travel, tourism). Trong tiếng Pāḷi, **yātrā**cũng có nghĩa là *"một cuộc đi dài, một hành trình vạn lý"* nhưng còn thêm một nghĩa nữa là 'nhưng còn thêm một nghĩa nữa là '*niggamana'* ('chung cuộc', 'điểm đến', hay là 'chỗ kết thúc').

Ở đây vị này hỏi Đức Phật: Bạch Thế Tôn với một hình hài trong ngoài đều bất tịnh như vậy thì Ở đây vị này hỏi Đức Phật: Bạch Thế Tôn với một hình hài trong ngoài đều bất tịnh như vậy thì *chung cuộc* của nó phải như thế nào?

Không lẽ ngoài dơ trong dơ và cứ thế mà đi suốt đời này rồi kiếp sau cũng thế hay sao, phải có chỗ kết thúc chứ, vậy kết thúc như thế nào: "*kathaṃ yātrā bhavissatī''ti".* Đức Phật trả lời: "*Chetvā naddhiṃ varattañca, icchā lobhañca pāpakaṃ; Samūlaṃ taṇhamabbuyha, evaṃ yātrā bhavissatī''ti":* chỉ có bỏ tham ái mới hết khổ được.

Muốn hết khổ phải lìa bỏ danh sắc, muốn lìa bỏ danh sắc phải nhàm chán chúng và hành trì Tam học, đọc kỹ mấy dòng trên sẽ thấy ngay lý Tứ Đế. Trách nhiệm của người tu Phật là *hiểu khổ đế, diệt tập đế, chứng diệt đế và hành đạo đế;* đúng như bài kinh Chuyển Pháp Luân dạy: hiểu rốt ráo khổ đế, lìa bỏ được tập đế, chứng ngộ được diệt đế và hành trì đạo đế.

Tập đế tạo ra khổ đế, nhưng đạo đế dẫn đến diệt đế. Niết Bàn không do nhân nào tạo hết, cái gì do nhân tạo thì sẽ do nhân diệt mà Niết bàn thì không phải do nhân tạo. Muốn tiếp tục có khổ đế thì đầu tư tập đế. Đầu tư kiểu nào?

Anh muốn khổ kiểu nào thì đầu tư kiểu ấy, muốn khổ kiểu Dục Giới thì đầu tư dục ái, muốn khổ kiểu Sắc Giới thì đầu tư sắc ái, muốn khổ kiểu Vô Sắc Giới thì đầu tư vô sắc ái, còn nếu không muốn khổ thì đừng đầu tư nữa.

[29] Khổ

Khổ trong kinh Phật nguyên thủy gồm 3 ý nghĩa:

1. **Khổ khổ** (*dukkha dukkha*): sự có mặt của những gì khiến ta khổ thân, khổ tâm. Người đời thường nói "nói đời là biển khổ" tức là loại khổ này.

2. **Hoại khổ** (*viparināmadukkha*): sự vắng mặt của những gì khiến ta hạnh phúc. Trưa nắng chang chang trời nắng quá là *khổ khổ*, cái quạt đang chạy bị cúp điện thì sự biến mất của mát mẻ cũng là cái khổ. Tại sao trong kinh nhắc đến khổ này, vì có những người sung sướng đến mức nghe nói cái khổ họ rất mơ hồ. Có người không hề biết là trên đời này có chuyện "muốn mà không được". Trong kinh có ngài Anuruddha, ngài là người không hề biết chữ "không có", bất cứ cái gì ngài cần là có, nếu không có thì có chư thiên giúp ngay. Có người suốt đời sung sướng từ lúc sinh ra đến khi lớn lên trong hoàn cảnh đầy đủ điều kiện, dung mạo đẹp đẽ, nên cái "khổ khổ" họ rất mơ hồ, nhưng chắc chắn là sẽ có "hoại khổ", ví dụ, đói thì ăn thấy ngon, nhưng no rồi thì nặng nề, đó chính là hoại khổ; ngồi lâu cho dù ngồi ở trên du thuyền hay máy bay cũng mỏi, đó là hoại khổ.

3. **Hành khổ** (abhisankhāradukha): tất cả sự hiện hữu ở đời đều lệ thuộc các điều kiện nhân duyên mà có.

Sự lệ thuộc này là một cái khổ. 99% những người tôi gặp mặt kể cả Phật tử quan tâm cái khổ thứ ba này không nhiều. Quí vị đang ngồi trước máy nghe tôi nói chuyện được là nhờ vô số nhân duyên: răng không nhức, đầu không nhức, không đau bao tử, chồng con, ba má ông bà trong nhà không làm phiền quí vị, trong nhà không có mùi lạ, everything ok thì mới có thể ngồi nghe. Các vị có quyền nghèo khó, có quyền giàu có việc đó tôi không chịu trách nhiệm nhưng các vị phải lệ thuộc nhiều điều kiện giống nhau mới có mặt trên trái đất này và bây giờ ngồi yên trước máy giờ này lắng nghe tôi nói chuyện. Sự lệ thuộc đó gọi là hành khổ

Bài kệ có thể diễn dịch lại như thế này, vị này hỏi Đức Phật:

"kathaṃ yātrā bhavissatī": Con phải đi về đâu với một cuộc hiện hữu buồn như thế?

Catucakkaṃ navadvāraṃ, 4 bánh xe và chín cái cửa

puṇṇaṃ lobhena saṃyutaṃ; Bên trong đầy ắp những tham

Paṅkajātaṃ mahāvīra, Sống nhơ bẩn như đẻ ra trong bùn

kathaṃ yātrā bhavissatī''ti. Con biết đi đâu về đâu với một hiện hữu buồn như thế (thưa Đấng đại hùng)

Đức Phật trả lời: *Hãy bỏ hết đi con, nhổ lên cội rễ tham ái thì hiện hữu buồn đó không còn nữa, hãy lấy xăng ra khỏi xe, tháo bánh xe ra khỏi xe, đừng đi nữa.*

Trong Tăng Chi Bộ kinh có bài kinh Đức Phật nói như thế này: *Chúng sinh phàm phu giống như một con thuyền mới còn chạy tốt và được duy tu bảo dưỡng thường xuyên, trong khi đó vị thánh hữu học giống như một con tàu bị kéo lên bờ, vị thánh A-la-hán giống như con tàu đã mục nát chỉ chờ thành bụi*. Mỹ có câu danh ngôn thế này:*"Thuyền đậu ở bến thì an toàn, nhưng sự an toàn đó không phải là lý do để người ta đóng thuyền."*(A ship in harbor is safe, but that is not what ships are built for - J. A. Shedd). Trong dòng sinh tử luân hồi còn tham sân si, chúng ta còn đầu tư xây dựng sự hiện hữu của mình, nhưng một ngày nào đó mệt mỏi quá thì luân hồi chỉ là sự lặp lại tẻ nhạt vô vị và buồn chán. Triết gia Pháp, Jean Paul Sartre, ông này có suy nghĩ rất giống Phật Giáo và nói rằng cuộc sống này đáng buồn nôn, chỉ là sự lặp lại tẻ nhạt. (Tác phẩm La Nausée/The Nausea). Do nghiệp dục giới mình sanh làm người cõi dục, bị nóng bị lạnh nên mình mới có nhà cửa ăn mặc, vì bị đói khát nên mới ăn uống. Và phải đói khát nên ăn uống mới ngon miệng, cứ như thế lặp lại hết đời này sang đời khác, đến một kiếp sống nào đó, do nhân duyên điều kiện đặc biệt nào đó, do môi trường bối cảnh nào đó chúng ta tu thiền Sắc Giới, chúng ta về các Phạm cung ở trên đó, không còn thích thú trong năm trần nữa, chỉ biết hành thiền và sống trong hỷ lạc, hết tuổi trời quay trở lại xuống nhân gian tiếp tục "con đường xưa em đi" như "những ngày xưa thân ái" vậy, vẫn tiếp tục lặp đi lặp lại. *Saṅsāra*, là sự trùng phục, tái hiện, tái diễn, lặp đi lặp lại. Vì tập khí trầm luân khiến cho mình chấp nhận, vì nghiệp dục giới nên phải mang thân nhân loại ở cõi Dục, (Cõi Dục Thiên thì hiếm lắm), làm con trùn con dế, thích thú với điều kiện môi trường của con trùn con dế, càng thích thú thì càng ghim sâu gắn chặt vào môi trường đó. Thấy nó ngọt ngào là vì do khuynh hướng tâm lý và điều kiện sống buộc phải thích điều đó. Một anh ăn mày vẫn có bữa cơm tối rất ngon, anh ta trải tờ báo làm cái bàn, chỗ ngồi dù có ruồi muỗi hay mưa bay lất phất nhưng anh ta vẫn thấy ngon vì anh ta đã xác định rõ mình là ăn mày, không đòi hỏi gì nhiều, lại đang đói, thức ăn đang ấm nóng, cứ thế anh ta ăn rất ngon và với niềm vui đó anh ta tiếp tục làm ăn mày. Đồng Đức Bốn có câu thơ:

Đang trưa ăn mày vào chùa

Sư ra cho một lá bùa rồi đi

Lá bùa chẳng biết làm gì

Ăn mày nhét túi lại đi ăn mày!

Câu thơ này đối với tôi rất là sâu sắc. Ý nghĩa sâu sắc ở chỗ mình khổ quá, mình đi tìm đến Phật, Phật dạy cho mình đủ điều nhưng khổ thay lời Phật dạy không vừa với tạng phủ, không vừa với căn cơ trời ơi của mình. Thế là sau khi nghe pháp Phật xong mình vẫn tiếp tục vùi sâu cắm chặt vào cõi trầm luân khổ ải của mình. Khổ quá con tìm về với Phật mà lời kinh Phật không cứu được con thôi con tiếp tục đi ăn mày vậy. Nếu mình có một cái nhìn nặng về Phật chất thì nhìn đâu cũng thấy Phật pháp hết, cái gì cũng có thể học được nhiều điều hay.

Bài giảng ngày 7-6-2014 *IV. PHẨM QUẦN TIÊN* CON SƠN DƯƠNG

"X. Con Sơn Dương (S.i,16)

Chân như chân sơn dương,

Vừa thon lại vừa mạnh,

Ăn uống có chừng mực,

Không tham lam, say đắm,

Như sư tử, voi rừng,

Độc hành, không dục vọng.

Sau khi đến, con hỏi,

Làm sao thoát khổ đau?

"

Quí vị đang đọc bản dịch tiếng Việt của HT Thích Minh Châu, tôi xin mạo muội đề nghị quí vị tạm thời sử dụng bản dịch này bài kệ sẽ sáng hơn:

"Nay con xin hỏi Thế Tôn, bậc đầy đủ các phước tướng, làm sao thoát khỏi khổ đau"

Nếu chỉ đọc bản tiếng Việt mà không ngó bản Pāḷi thì thật tình không có đường hiểu. Chánh văn Pāḷi:

10. **Eṇijaṅghasuttaṃ**

"Eṇijaṅghaṃ kisaṃ vīraṃ, appāhāraṃ alolupaṃ;

Sīhaṃ vekacaraṃ nāgaṃ, kāmesu anapekkhinaṃ;

Upasaṅkamma pucchāma, kathaṃ dukkhā pamuccatī"ti.

"Pañca kāmaguṇā loke, manochaṭṭhā paveditā;

Ettha chandaṃ virājetvā, evaṃ dukkhā pamuccatī"ti.

Nguyên bài kệ Pāḷi nếu các vị để ý sẽ thấy các danh từ trong toàn bộ cả bốn câu: câu 1, câu 2, câu 3, câu 4 đều được chia ở cách thứ hai của danh từ. (*Dutiyavibhatti*, thuật ngữ văn phạm tiếng VN gọi là 'đối cách'. Nghĩa là một danh từ Pāḷi được thông thường được chia thành 8 cách. Cách 1: Chủ cách, khi danh từ ở vị trí chủ từ của câu; nếu là số ít thì cách số 1 số ít, nếu là số nhiều trở lên thì chia thành chủ cách số nhiều. Cách 2: Danh từ là đối tượng trực tiếp của động từ. Cách 3: Danh từ được dùng ở ý nghĩa phương tiện hành động, thí dụ như trong câu: *"Tôi ăn cơm bằng muỗng"*."Muỗng" là danh từ cách 3. Cách 4: Danh từ là đối tượng gián tiếp. Cách 5: Danh từ mang ý nghĩa xuất xứ; ví dụ *"Tôi đang nhặt sợi tóc lên từ cái muỗng, tôi lấy sợi tóc ra khỏi cái muỗng";* "muỗng" ở đây là danh từ chia theo cách 5 v.v... đại khái như vậy).

Trong câu kệ này, những danh từ trong câu 1, 2, 3, 4 đều được chia theo cách 2, số ít. Những danh từ trong câu này là đối tượng trực tiếp của động từ, nên dịch lại rất gọn:

"Nay con xin **hỏi** Thế Tôn, bậc đầy đủ các phước tướng, làm sao thoát khỏi khổ đau". Theo văn phạm Pāḷi, **"Thế Tôn"** là đối tượng trực tiếp của động từ **"hỏi"; "bậc đầy đủ các phước tướng"** là gồm những danh từ được chia ở cách thứ 2, là đối tượng trực tiếp. Đó là lý do vì sao mình nhìn bản tiếng Việt thì mịt mù mà ngó vào bản Pāḷi thì ok. Chẳng hạn như người VN mình đọc Tâm kinh Bát Nhã: **Quán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa,** nếu chỉ đọc bản Việt và Hán thôi thì khó hiểu được chữ "hành thâm bát nhã". Câu Pāḷi là: "*Gambhirayam prajnaparamitam", Gambhirayam* nghĩa là *sâu sắc*, (tính từ). Trong câu *"Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa"* này, chữ *"thâm"* không phải là trạng từ nữa mà là tính từ của chữ Ba La Mật Đa, nghĩa là thực hành *"Bát - Nhã- Ba- La- Mật- Đa - Sâu- Sắc"* chớ không phải thực hành sâu sắc, miên mật Bát Nhã Ba La Mật Đa. Chữ "thâm" ở đây là của "Ba-La-Mật-Đa". Đôi khi tôi đưa ra những ví dụ có vẻ không liên quan gì với bài giảng, nhưng ý tôi muốn nói là nhiều khi cần phải tiếp cận nguyên tác (original text) của kinh điển thì phần giải nghĩa chú thích mới rộng, mới chính xác hơn chứ còn thông qua bản dịch thì rất khó. Nếu hôm nay chúng ta đọc Kiều qua bản tiếng Đức tiếng Nhật gì đó thì khó lòng thấy cái hay của truyện Kiều mà phải đọc nguyên tác tiếng Việt của cụ Nguyễn Du.

Ở đây, phải dịch gọn thế này: "Nay con xin hỏi Thế Tôn, bậc đầy đủ các phước tướng, làm sao thoát khỏi khổ đau". "Phước tướng" ở đây là gì?

"Chân như chân sơn dương,

Vừa thon lại vừa mạnh"

Đây là một trong ba mươi hai tướng của Thế Tôn. Vì sao chọn trích tướng này?

Vì tùy người thích. Lần Thế Tôn từ cội bồ đề ra đi chuyển pháp luân ở Isipatana, ở Varanasi và đi hoằng pháp nhiều nơi, hai năm sau khi thành đạo Ngài trở về Kapilavastu cùng với hai mươi ngàn vị tỳ kheo hướng về cung điện của vua Tịnh Phạn. Lúc đó Bà Yasodhara đứng ở trên lầu, cầm tay của hoàng tử Rahula chỉ xuống đường và nói: *Con có thấy vị Sa-môn đi giữa hai vạn tỳ kheo, người ấy chính là cha của con.* Bà đọc một bài kệ rất dài và tả từng tướng một của Thế Tôn (Vị Sa-môn có màu da như vậy đó, răng trắng như vậy đó, dáng đi sư tử, sợi tóc xoắn về hướng phải như vậy đó v.v... đó là cha của con). Bà hoan hỉ với từng tướng tốt của Thế Tôn. Tùy người thích tướng nào thì họ tán thán tướng đó. Người hỏi ở đây không được nêu rõ danh tính hay nhân thân, chỉ biết là vị này thích tướng chân của Đức Phật. Trong kinh nói tướng này là do thuở xưa khi còn Bồ tát, Ngài sinh kiếp nào cũng vậy, trừ khi sa đọa thì thôi còn khi ở nhân loại mang thân người, làm cái gì cho mình hay cho người khác Ngài luôn nghĩ đến chuyện làm sao cho nhanh, cho gọn, cho nhiều kết quả. Trong đời sống hiện nay có nhiều người cứ theo lối mòn mà đi, xưa bày nay bắt chước, không có sáng tạo, kế thừa không phê phán, chưa kể có người do cuồng tín mù quáng không dám nghĩ một hướng đi riêng, nhiều khi đi một con đường rất tồi tệ mà không dám nhận xét nghi ngờ con đường dưới chân mình. Mẹ sinh mình ra rất tự do, không ràng buộc mình, vậy mà khi vào đời thì biết bao nhiêu ngục tù giam hãm mình. Những xiềng xích đó nhiều kiểu, khi bằng vàng, khi bằng sắt, bằng đồng, khi bằng bạch kim, nhưng cho dù nó có bằng sét rỉ hay bằng vàng mười đi nữa thì xiềng xích vẫn là xiềng xích. Chúng ta nhiều khi bị giam hãm suốt một đời trong xiềng xích của tôn giáo, chính trị, văn hóa, xã hội, thành một quan niệm đạo đức rất có vấn đề mà không dám thoát ra, và trong hành động cũng vậy, suốt đời cứ đi theo một lối mòn nào đó mà không có ý hướng sáng tạo, không nghĩ ra một con đường thoát, một giải pháp hay hơn, đẹp hơn, tốt hơn, hiệu quả hơn, đó cũng là điều đáng tiếc trong cõi phù sinh này. Đức Thế Tôn là một người khi còn là phàm phu, trong mọi tình huống Ngài luôn luôn nghĩ ra mọi giải pháp hay nhất tốt nhất cho công việc Ngài đang theo đuổi. Chính hạnh lành này khiến cho khi thành Phật rồi, Ngài có một thân tướng rất đẹp, gồm có 32 đại nhân tướng. Riêng trong

đó có một tướng được nhắc trong bài kinh này: "Chân như sơn dương", nhờ Ngài biết từ bỏ lối mòn, và có vị nhắc đến tướng này vì vị ấy tâm đắc với cái hạnh của Ngài, hạnh biết từ bỏ lối mòn, biết nghi ngờ con đường dưới chân của mình và luôn nghĩ đến giải pháp hay nhất, đẹp nhất, tốt nhất, có nhiều hiệu quả nhất chứ không phải bỗng dưng mà họ thích cái tướng đó. Chính vì vậy nhân vật ấy đến hỏi Thế Tôn: Nay con đến hỏi Thế Tôn một người có hảo tướng đặc biệt như vậy, hảo tướng có từ tiền nghiệp đáng lưu ý như vậy, một người *"ăn uống có chừng mực, không tham lam say đắm"*.

"Như sư tử, voi rừng,

Độc hành, không dục vọng."

Ở đây cần phải hiểu sư tử hay voi không phải lúc nào cũng độc hành đi một mình, voi rừng cũng vậy. Sở dĩ người hỏi như vậy là họ muốn nói những khi Thế Tôn sống độc hành một mình thì y hệt như sư tử, như voi rừng, đây là những loài mãnh thú có phong thú uy dũng, tự tại không có e sợ cái gì trong rừng. Không có gì làm cho Thế Tôn phải e dè sợ sệt như phàm phu chúng ta. Một trong những yếu tố khiến cho một người trở nên đại hùng đại lực là người này không sợ mất gì hết. Kẻ không sợ mất gì hết có hai hạng: 1/ Không có gì để mất. 2/ Tự tin rằng những cái mình có không thể mất được. Có ông bố dạy cho đứa con, hãy cẩn thận, trên đời này *thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân*, không còn gì để mất. Trên đời này mình ngại nhất là thánh nhân hoặc là hạng liều mạng, người không còn gì để mất. Hôm nay tại sao trong đời sống ta hay e dè sợ hãi, bởi vì ta sợ mất và sợ bị cái gì đó. Chỉ một trong hai thứ đó đã làm cho mình trở thành một thằng hèn rồi huống chi là cả hai. Đối với Đức Phật, Ngài không sợ bị mất cái Ngài đã được và không sợ bị gánh thêm cái gì bất như ý. *"Độc hành không dục vọng"*là như vậy đó.

Trong chú giải, chữ '*ekacara*' là 'độc hành'. Nếu mình để ý từng chữ sẽ học được nhiều điều trong bài kệ này:

1/ Hảo tướng của Ngài là do không theo lối mòn, luôn có những ý tưởng sáng tạo, tự cứu mình ra khỏi những khuôn sáo của nhân gian.

2/ Ăn uống có chừng mực. Trong chú giải giải thích:

'*Appāhā'*: 'ăn ít'. Ngài không ăn khi không cần thiết, lượng sinh tố trong một bữa ăn là đủ cho một ngày, thêm nữa chỉ có dư. Sau 10 giờ đêm thì thức ăn càng bổ

chừng nào thì càng hại cho mình chừng nấy. *Dây thắt lưng càng dài chừng nào thì cuộc đời càng ngắn*. Không phải ở đây nói Thế Tôn sợ chết, "*vikālabhojanapaṭikkhepavasena*" có nghĩa là Ngài không ăn phi thời, chỉ ăn một lần đã đủ cho cơ thể của Ngài. Ngày ăn một lần thì có nhiều thì giờ cho việc khác, không mất thì giờ cho việc ăn và chuẩn bị thức ăn, và cơ thể không phải làm việc nhiều hơn. Đặc biệt trong chú giải có giải thích, ngay cả đối với thức ăn gì đi nữa thì Ngài cũng ăn vừa đủ và luôn dừng lại trước khi vừa đủ no; chẳng những thế, với tứ sự vật dụng người ta cúng dường, Ngài cũng không say đắm trong đó, vật chất Ngài sở hữu cũng chỉ là bình bát và tam y thôi không có thêm gì khác. Càng sở hữu nhiều khả năng mất mát càng lớn.
Có câu chuyện cô giáo hỏi học trò, làm thế nào để được tha lỗi, học trò đáp: *Dạ trước hết phải phạm lỗi*. Giống như câu chuyện đùa, nhưng gợi ý trong Phật pháp là mình chỉ sợ bị mất khi mình có cái để mất. Những người như chúng tôi không có thu nhập vậy mà mỗi lần đi xa sắp xếp hành lý thì rất là phiền, vì sợ quên, quên dây điện sạc phone, quên chai dầu gió, quên con dao… Mỗi lần như vậy ước gì có lục thông, muốn đi đến đâu thì có mặt không cần phải xách theo hành lý cồng kềnh. Lúc đó mới nghĩ thấy bậc thánh sướng thiệt, di chuyển nhanh và cả đời không lo gìn giữ gì hết. Làm sao để có đã là khổ, khổ kế tiếp là sợ mất nó, mang nó theo mình từ nơi này đến nơi khác lại là một điều khổ nữa. Bài kệ này tán thán Đức Phật những đức tính mà mình nên có: Thế Tôn là người thoát khỏi khuôn sáo, lồng chậu, lối mòn khuôn phép của nhân gian; Thế Tôn là người tự tại giữa đời, không muốn gì hết chỉ nhận những gì cần thiết ở mức cần và đủ; Thế Tôn luôn luôn độc hành. Trên cổ tay mà đeo hai chiếc vòng thì sẽ tạo tiếng khua, cuộc đời mà có hai người trở lên thì sẽ va chạm. Ở đâu có 6 căn mà gặp 6 trần thì va vào nhau. Một hành giả theo dõi tâm mình lúc thiện lúc ác, lúc buồn lúc vui, theo dõi hơi thở vào ra, theo dõi tứ oai nghi luôn xê dịch thay đổi, bao nhiêu đó đã mệt rồi, vì vậy hành giả không muốn đầu tư thêm hoạt động khác nữa. Độc hành ở đây mang ý nghĩa rất sâu sắc, đi ít người càng vắng chừng nào thì càng hay chừng đó. Phi Châu có câu . Giống như câu chuyện đùa, nhưng gợi ý trong Phật pháp là mình chỉ sợ bị mất khi mình có cái để mất. Những người như chúng tôi không có thu nhập vậy mà mỗi lần đi xa sắp xếp hành lý thì rất là phiền, vì sợ quên, quên dây điện sạc phone, quên chai dầu gió, quên con dao… Mỗi lần như vậy ước gì có lục thông, muốn đi đến đâu thì có mặt không cần phải xách theo hành lý cồng kềnh. Lúc đó mới nghĩ thấy bậc thánh sướng thiệt, di chuyển nhanh và cả đời không lo gìn giữ gì hết. Làm sao để có đã là khổ, khổ kế tiếp là sợ mất nó, mang nó theo mình từ nơi này đến nơi khác lại là một điều khổ nữa. Bài kệ này tán thán Đức Phật những đức tính mà mình nên có: Thế Tôn là người thoát

khỏi khuôn sáo, lồng chậu, lối mòn khuôn phép của nhân gian; Thế Tôn là người tự tại giữa đời, không muốn gì hết chỉ nhận những gì cần thiết ở mức cần và đủ; Thế Tôn luôn luôn độc hành. Trên cổ tay mà đeo hai chiếc vòng thì sẽ tạo tiếng khua, cuộc đời mà có hai người trở lên thì sẽ va chạm. Ở đâu có 6 căn mà gặp 6 trần thì va vào nhau. Một hành giả theo dõi tâm mình lúc thiện lúc ác, lúc buồn lúc vui, theo dõi hơi thở vào ra, theo dõi tứ oai nghi luôn xê dịch thay đổi, bao nhiêu đó đã mệt rồi, vì vậy hành giả không muốn đầu tư thêm hoạt động khác nữa. Độc hành ở đây mang ý nghĩa rất sâu sắc, đi ít người càng vắng chừng nào thì càng hay chừng đó. Phi Châu có câu "muốn đi nhanh thì nên đi một mình, muốn đi xa thì nên đi có bạn"[1]. Câu này hai vế khác nhau, một dịp khác tôi sẽ giải thích vế sau. Đời sống này, chúng ta có vô số lý do để sống một mình, tại sao phải sống với thêm một ai đó nữa?

Nếu người đó là thầy, là bạn mình, có thể giúp cho mình đi xa hơn, bàn tay họ có thể đẩy lưng mình cho mình đi về phía trước thì tốt, còn nếu đi chung với nhau chỉ làm phiền, nặng lòng thêm nhau thì sự có mặt của nhau chỉ làm khổ nhau thôi. Tìm tri kỷ tri âm trong cuộc đời này chỉ là ảo mộng phù du, mình không hiểu nổi mình thì làm gì có tri kỷ tri âm. Mẹ mình thương mình biết bao nhiêu, có thể hy sinh, có thể chết cho mình, chính mẹ mình sinh mình ra mà có thể hiểu được mình bao nhiêu, vì chính mẹ không hiểu được mẹ thì làm sao hiểu được mình. Rồi bao nhiêu vòng tay của tình nhân, vòng tay kẻ lạ mà chúng ta gặp gỡ trên đường đời này, ai trong số đó thật sự ai là tri âm. Làm gì có! Tốt nhất vẫn là ta về với ta, "tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta", dành nhiều thời gian để hiểu mình hơn. Krishnamurti có nói: *"Khi anh thấy sự thật thì anh được tự do"*. Sự thật đó không ai mang lại cho mình hết, chỉ tự mình mang lại, làm sao mình có được tự do đó, việc đầu tiên là phải hiểu càng nhiều càng tốt về bản thân mình. Bao nhiêu khổ lụy trần gian đi ra từ chỗ ngộ nhận, ngộ nhận chính là mình không nhận ra bản chất thực của mình, mình là ai, từ đâu tới, sẽ đi về đâu, mình phải cần phải làm gì, nhiêu đó đã đuối rồi hơi sức đâu mà tìm kiếm tri âm tri kỷ, tìm kiếm bạn đường đồng hành. Chữ *"độc hành"* ở đây hay lắm, theo nghĩa đen là bớt đi sự va chạm không cần thiết, bớt đi những ân tình gánh nặng khó nhọc cho tim cho dạ của mình, và tránh được càng nhiều càng tốt sự va chạm không cần thiết giữa sáu căn và sáu trần.

"Sau khi đến, con hỏi,

Làm sao thoát khổ đau?

"

Vị này đã đến hỏi Thế Tôn, *bây giờ con khổ quá, làm sao cho con thoát khỏi được khổ đau*. Thế Tôn trả lời:

Có năm dục ở đời,

Ý căn là thứ sáu,

Ở đây, từ ước muốn,

Như vậy thoát khổ đau.

Hai câu kệ này đọc theo bản tiếng Việt, nói theo ngôn ngữ thời nay là "biết chết liền". Xin thưa với đại chúng, không rõ vì sao ở đây trong bản dịch lại đi xài chữ *"ý căn là thứ sáu"* trong khi bản Pāḷi thế này: *"Pañca kāmaguṇā loke, manochaṭṭhā pavedità"*. '*Mano'* ở đây đúng là '*ý'* nhưng theo luật thơ, chỗ này lẽ ra phải xài chữ khác. Chữ đó chen vào thì không còn đúng luật của một câu kệ nữa, đang nói về "năm dục", đến dục thứ 6 là phải xài chữ khác là chữ '*dhamma*' nhưng như vậy thì không đúng luật thơ trong này, nên phải thế chữ '*dhamma*' bằng một chữ khác là '*mano*'. Chữ '*mano'* này muốn cho đủ phải là '*mano-aramana'* nghĩa là cảnh của ý, nhưng ở đây ghi tắt là chữ '*mano'*. Ở đây không thể dịch là "năm dục" cộng với cái thứ 6 là "ý", vì như vậy thì hơi kẹt, vì "ý" thuộc về căn, còn "năm dục" thuộc về cảnh. Vì vậy ở đây có 5 cảnh dục thì cảnh thứ 6 là cảnh pháp dục. Câu thứ ba trong bản tiếng Việt mới là chua nè:

"*Ở đây,* **từ** *ước muốn,*

Như vậy thoát khổ đau".

Chữ '**Từ**' ở đây là động từ, tiếng Pāḷi là '*virājeti'* nghĩa là 'lìa bỏ' chứ không phải là xuất xứ. Ở đây trong khuôn khổ câu dịch 5 chữ, người dịch đi chọn một giải pháp thiếu thuyết phục nhất, giữ lại có một chữ "từ" gây ra hơi tối nghĩa, bản dịch này theo tôi chưa phải là xuất sắc. Dịch lại theo văn xuôi là như thế này: "*Ở đời có tất cả là 6 dục, 6 cảnh cho 6 căn, nếu lìa bỏ được ước muốn từ đó, không còn tiếp tục đam mê thích thú trong 6 dục nữa thì đó chính là con đường thoát khỏi khổ đau"*. Chúng ta đang quay trở lại một bài học rất là quen thuộc: Ở đời có 4 thứ vô minh [2]tạo nên dòng chảy luân hồi miên viễn bất tận không dừng được: vô minh trong khổ đế, vô minh trong tập đế, vô minh trong diệt đế và vô minh trong đạo đế. Tôi xin thưa lại một lần nữa điều này mà tôi cho rằng rất là quan trọng, đó là, một người ngoại đạo khi nghe mình nói *"Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát"*, họ có thể cho mình là tín đồ cuồng tín,

nhưng nếu mai này có người hỏi rằng: *"Đạo nào cũng đưa đến giải thoát, đường nào cũng đưa đến La Mã tại sao phải tôn vinh con đường Bát Chánh Đạo? "* Khi đó mình phải trả lời: "Làm ơn coi lại nội dung Bát Chánh Đạo giùm tôi để xem nội dung đó là cái gì. Bạn không thích con số 8 thì còn có con số 7 (thất giác chi), con số 5 (năm quyền), con số 3 (giới, định, tuệ), con số 2 (chỉ, quán), và con số 1 (không dễ duôi), bạn có thể chọn con số nào đi nữa, con đường giải thoát được trình bày ra sao đi nữa thì nội dung của nó vẫn là tinh thần lý tưởng của Bát Chánh Đạo. Vì sao, vì tinh thần của Bát Chánh Đạo là lìa bỏ sự ngộ nhận, sự hiểu lầm về bản thân mình và nhất thiết pháp giới chung quanh. Đó là lý tưởng, tinh thần ý, nghĩa rốt ráo của Bát Chánh Đạo. Không phải bỗng dưng mà trong bài kinh Chuyển Pháp Luân Đức Phật nhắc rõ Bát Chánh Đạo, đây là tám cách phân giải rộng rãi nhất của con đường tu hành, bởi vì con đường tu hành nói gọn chỉ có một chữ thôi: **appamāda** (không dễ duôi, không dễ ngươi). Không dễ ngươi khi gặp cảnh vừa ý, không dễ ngươi khi gặp cảnh bất toại. Trong bài kinh này Đức Phật dạy, đối với sáu trần, nếu lìa bỏ được lòng tham muốn thì đó chính là con đường dẫn đến sự thoát khỏi đau khổ.

Bài hôm nay, tôi nói mênh mông hà xứ chỉ với một mục đích, tôi mong mai này khi đọc kinh sách thì bà con chú ý từng chữ từng chữ. Kinh điển giống như chén cơm với muối mè, ăn vội vã, ăn không cần nhai, không kịp nhai thì không thấm thía từng hạt mè trong đó đâu. Có chú giải giải thích cho mình nghe rất nhiều chữ mà mình không thể tự nghĩ ra, hoặc mình đã bỏ qua nhiều ý hay ý đẹp trong đó. Ví dụ nói đến hảo tướng của Đức Phật, không phải chỉ là nói đến tướng đẹp của đạo sư mình đâu, mà mỗi hảo tướng của Ngài là hạnh lành là công đức nào đó mà Ngài đã huân tu tích lũy trong nhiều kiếp. Xem lại bài Tướng Kinh trong Trường Bộ Kinh để thấy đạo Phật không chủ trương bói tướng, tướng số, nhưng khi đề cập đến tướng số thì cách nói của đạo Phật gắn liền với những giá trị nhân văn rất lớn, rất đáng lưu tâm đến.

VỚI NGƯỜI THIỆN

Trong thời Đức Phật có nhóm thương gia 700 người đi trên biển, bị chìm tàu, ai cũng sợ hãi, nhưng một người thiện nam bình tĩnh ngồi nhớ lại giới hạnh mình đã thọ trì và công đức bố thí mình đã thực hiện trước khi mình xuống tàu đi biển, vì vậy mà vị này vẫn bình tĩnh. Có câu danh ngôn thế này: *"Cầu nguyện không phải để thoát nạn mà là nhằm có sự bình tĩnh trong lúc lâm nạn".* Không hy vọng thoát rồi thì mình chọn cái chết trong bình tĩnh hay cái chết trong sợ hãi?

Nếu phải chọn, thì hãy chọn cái chết trong bình tĩnh. Nếu 100% không đường thoát thì mình sẽ ra đi trong thanh thản, và nếu còn 0,1% con đường thoát thì con đường đó chỉ dành cho người bình tĩnh thôi. Trên máy bay, họ hướng dẫn cách sử dụng phao cứu hộ, cửa thoát hiểm, tôi cười thầm không biết có bao nhiêu tai nạn máy bay mà người ta sử dụng kiến thức thoát hiểm đó, tuy nhiên, có những trường hợp người ta thoát chết trong đường tơ kẽ tóc nhờ bình tĩnh, kẻ nào càng bình tĩnh thì cơ hội sống sót càng lớn. Ông thiện nam này ngồi bình tĩnh và niệm tưởng giới hạnh. Bảy trăm người kia hỏi làm sao ổng có thể bình tĩnh như vậy, ổng nói: *Tôi hết đường rồi, tôi cầu nguyện không phải để thoát nạn mà để bình tĩnh*. Những người kia nghe vậy mới nói: *Chúng tôi muốn thọ năm giới mà ông đã thọ*. Nhưng để có sự tôn nghiêm của một lần thọ giới ở một nơi không có nhang đèn hoa quả thì làm sao bây giờ. Ông nói, giờ chia 700 người ra thành 7 nhóm, ông sẽ truyền năm giới cho từng nhóm. Lúc đó con tàu sắp chìm rồi. Năm giới cũng ngắn lắm: *Đệ tử phát nguyện trọn đời không sát sinh, đệ tử phát nguyện trọn đời không trộm cắp, đệ tử phát nguyện trọn đời không tà dâm, không uống rượu, không nói dối.* Cứ thế từ nhóm 1, đến khi nhóm thứ 7 vừa đọc xong *"Đệ tử phát nguyện trọn đời không uống chất say, chất kích thích"*thì con tàu chìm, cả 700 người này được sanh thiên. Ở đây phải nói thêm, 700 người này đều là có công đức đời trước chứ không phải nhờ công đức thọ giới ngay tại chỗ đâu. Sự nhất tâm của họ trong giây phút thập tử nhất sinh đó rất mạnh, cái mạnh đó trở thành nguồn tâm lực, phước lực đủ để sanh về cõi cao. Họ là những người có nội hàm, có căn cơ bản lĩnh, chớ không phải tay mơ như mình ở đây, mình bây giờ mà gặp Phật thì uổng thôi. Bây giờ nhiều người theo Phật nhưng toàn xà bần hổ lốn chớ không phải như những ngài Xá Lợi Phất, A Nan, Ca Diếp; Đức Phật bây giờ mà có ra đời cũng chỉ là dáng đứng cô đơn trong cõi mù sương hiu quạnh thôi.

700 vị này đi đâu cũng chung hội chung thuyền với nhau, một ngày kia kéo xuống hỏi đạo, nhớ lại duyên xưa vì đâu được sanh về đây, mỗi người đứng trước mặt Thế Tôn mà đọc bài kệ nói nỗi niềm tâm đắc của mình. Các bài kệ này có điểm giống nhau y hệt 3 câu đầu, chỉ khác câu thứ tư thôi:

Hãy thân với người lành,

Hãy gần gũi người thiện,

Biết **diệu pháp** người hiền

Theo chú giải, mấy ông này có biết gì đâu mà 'diệu pháp'. 'Diệu pháp' mà họ nói trước mặt Thế Tôn ở đây ám chỉ cho năm giới thôi. Mấy ổng nhắc lại duyên xưa, may là ở gần gặp được ông thiện nam mà nay mới được sanh thiên nếu không là tiêu tùng cả đám, ý của bài kệ này là như vậy. Bài kệ này cũng không có gì khó hiểu, có một điều là Đức Thế Tôn thấy rõ ý của họ rất nghèo, rất cạn, không có sâu (được vui hơn, vui ở ngay thân nhân loại, vui được sanh về trời…). Có một ông còn nói nhờ giữ năm giới mà sinh ra được sung sướng. Cuối cùng Đức Phật đúc kết lại: *Đúng rồi, gặp gỡ, học hỏi người lành là tốt, nhưng không phải nhắm cái mục đích mà các ông nghĩ đến đâu, cái rốt ráo nhất ở đây là khi thân với người lành phải lắng nghe người lành nói con đường giải thoát, và thực hành như người bạn lành đã dạy mình. Việc lắng nghe và thực hành đó không nhằm để sanh thiên hưởng lạc, mà sự thân cận này không phải sống như cái muỗng nằm trong nồi canh, không biết tận dụng khai thác cơ hội để học hỏi. Lắng nghe diệu pháp là để học hỏi con đường giải thoát chứ không phải là năm giới. Cứu cánh cao nhất của việc thân cận người lành, hiền trí đó là chấm dứt sanh tử luân hồi chứ không phải để an lạc trong cõi nhân thiên.* Trong kinh nói số nước mắt đổ ra trong dòng luân hồi vì sanh ly tử biệt vì đau đớn bản thân nhiều hơn nước bốn biển; sữa mẹ mình uống trong dòng luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển. Nước trong bốn biển còn có giới hạn. Tính theo diện tích và chiều sâu của biển thì có thể biết được thể tích nước trong bốn biển nhưng dòng luân hồi thì tiền tiền vô thỉ, hậu hậu vô chung, nhìn tương lai mịt mịt mù mù như thế thì bốn biển kể gì. Với diện tích 9 triệu ki lô mét vuông, số cát trong sa mạc Sahara nhiều biết bao nhiêu, con số tuy lớn nhưng ít ra cũng còn có giới hạn trong khi dòng luân hồi thì thăm thẳm không có giới hạn. Trong dòng luân hồi biết bao nhiêu lần mình làm ác làm thiện. Rồi thì sao, sung sướng cho lắm thì cũng mắm với dưa, sung sướng vừa vừa thì cũng dưa với mắm, đã bao nhiêu kiếp mình đã ăn lạt, nếu không nhắm đến cứu cánh giải thoát thì cuộc luân hồi vẫn sẽ liên tục tái diễn, trùng phục đời này sang kiếp khác. Vì vậy điều quan trọng nhất ở đây chính là kết thúc nó. Việc gặp gũi người lành không phải đơn giản là gặp mặt nhau trà dư tửu hậu mà là sự lắng nghe nhau và sự hành trì, thực hiện điều mình học hỏi được từ người hiền trí. Kiến thức Phật pháp của mình phải ở mức độ tác động trực tiếp và tích cực lên trên đời sống nội tâm của mình mới là học đúng, còn học cho lắm mà cái học cái biết cái hiểu của mình không tác động tích cực được lên đời sống tâm linh của mình thì cái học đó không có được bao nhiêu ý nghĩa. Dù chỉ học một ít thôi mà cuộc đời mình vui hơn, bình thản hơn, tự tại vô ngại, có lòng yêu thương chúng sinh hơn. Còn nếu như thiếu duyên hoặc không gặp minh sư thiện hữu thì dễ bị điều này: 1/ Tự học thì học không nhiều, không chịu học. 2/ Có học

cũng học dốt. 3/ Nếu học nhiều, cái học đó cũng không đủ để cho mình trở nên dễ thương hơn. Có người học cho nhiều chỉ để trở thành người uyên bác. Có người học nhiều để thêm hạnh nhẫn, hạnh vị tha. Có người nhẫn rất hay nhưng lòng thương người hơi thiếu. Có người thì vị tha, tốt bụng bao dung nhưng mặt tinh tấn thiền định hướng về tâm linh thì thờ ơ trễ nải. Một cuộc tu vuông tròn thì phải có này có nọ, có ta có người. Có điều kiện gặp minh sư, thiện hữu, thì phải kịp thời tranh thủ khai thác triệt để bỏ túi hành trang cần thiết cho cuộc tu và cái học được từ bậc hiền trí phải có khả năng xoay chuyển tác động lên trên đời sống tinh thần của mình. Học hỏi như vậy đó mới là nên, chúng ta không phải là những con chuột bạch cho những vị tăng ni tu sĩ làm thí nghiệm. Họ nghĩ cái gì, thích cái gì, nhớ cái gì bèn xách ra nhét vô trong đầu mình bắt mình học. Trong kinh nói số nước mắt đổ ra trong dòng luân hồi vì sanh ly tử biệt vì đau đớn bản thân nhiều hơn nước bốn biển; sữa mẹ mình uống trong dòng luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển. Nước trong bốn biển còn có giới hạn. Tính theo diện tích và chiều sâu của biển thì có thể biết được thể tích nước trong bốn biển nhưng dòng luân hồi thì tiền tiền vô thỉ, hậu hậu vô chung, nhìn tương lai mịt mịt mù mù như thế thì bốn biển kể gì. Với diện tích 9 triệu ki lô mét vuông, số cát trong sa mạc Sahara nhiều biết bao nhiêu, con số tuy lớn nhưng ít ra cũng còn có giới hạn trong khi dòng luân hồi thì thăm thẳm không có giới hạn. Trong dòng luân hồi biết bao nhiêu lần mình làm ác làm thiện. Rồi thì sao, sung sướng cho lắm thì cũng mắm với dưa, sung sướng vừa vừa thì cũng dưa với mắm, đã bao nhiêu kiếp mình đã ăn lạt, nếu không nhắm đến cứu cánh giải thoát thì cuộc luân hồi vẫn sẽ liên tục tái diễn, trùng phục đời này sang kiếp khác. Vì vậy điều quan trọng nhất ở đây chính là kết thúc nó. Việc gặp gũi người lành không phải đơn giản là gặp mặt nhau trà dư tửu hậu mà là sự lắng nghe nhau và sự hành trì, thực hiện điều mình học hỏi được từ người hiền trí. Kiến thức Phật pháp của mình phải ở mức độ tác động trực tiếp và tích cực lên trên đời sống nội tâm của mình mới là học đúng, còn học cho lắm mà cái học cái biết cái hiểu của mình không tác động tích cực được lên đời sống tâm linh của mình thì cái học đó không có được bao nhiêu ý nghĩa. Dù chỉ học một ít thôi mà cuộc đời mình vui hơn, bình thản hơn, tự tại vô ngại, có lòng yêu thương chúng sinh hơn. Còn nếu như thiếu duyên hoặc không gặp minh sư thiện hữu thì dễ bị điều này: 1/ Tự học thì học không nhiều, không chịu học. 2/ Có học cũng học dốt. 3/ Nếu học nhiều, cái học đó cũng không đủ để cho mình trở nên dễ thương hơn. Có người học cho nhiều chỉ để trở thành người uyên bác. Có người học nhiều để thêm hạnh nhẫn, hạnh vị tha. Có người nhẫn rất hay nhưng lòng thương người hơi thiếu. Có người thì vị tha, tốt bụng bao dung nhưng mặt tinh tấn thiền định hướng về tâm linh thì thờ ơ trễ nải.

Một cuộc tu vuông tròn thì phải có này có nọ, có ta có người. Có điều kiện gặp minh sư, thiện hữu, thì phải kịp thời tranh thủ khai thác triệt để bỏ túi hành trang cần thiết cho cuộc tu và cái học được từ bậc hiền trí phải có khả năng xoay chuyển tác động lên trên đời sống tinh thần của mình. Học hỏi như vậy đó mới là nên, chúng ta không phải là những con chuột bạch cho những vị tăng ni tu sĩ làm thí nghiệm. Họ nghĩ cái gì, thích cái gì, nhớ cái gì bèn xách ra nhét vô trong đầu mình bắt mình học. **Mình ăn còn kiêng cữ, kén chọn, tại sao đời sống tinh thần lại thiếu sự cẩn thận vậy?**

Đây là câu mà quí vị phải tự hỏi mình. Phụ nữ thì lấy son vẽ lên tấm gương trong nhà tắm để mỗi sáng rửa mặt nhớ đọc câu đó: Tại sao ta ăn kỹ mà học đạo ẩu vậy, ai nói sao nghe vậy ai nói bậy cũng nghe?

Tại sao với tấm thân sinh lý thì e dè cẩn thận mà đời sống tinh thần bất cẩn dữ vậy?

Rất là nhẹ dạ, cả tin chấp nhận những gì người ta ban cho mình là sao?

Kiếp trước mình là con chuột bạch trong phòng thí nghiệm hay bây giờ mình đang chuẩn bị hành trang để mai mốt làm con chuột bạch. Kinh Kalama nói, chớ vội tin những gì được truyền thuyết ghi lại, chớ vội tin những gì đã được bảo chứng từ nguồn nào đó trong tôn giáo hay xã hội (sư phụ nói như vậy, sách vở nói như vậy, tổ tiên đời xưa nói như vậy…). Trên đời này mọi thứ luôn luôn ở trong trạng thái thay đổi, có những nguyên lý, những công thức đúng ở không gian thời gian này nhưng ở không gian thời gian khác cần phải xét lại. Tất cả giải pháp trên đời này từ chính trị, văn hóa, tôn giáo đều mang ý nghĩa tạm thời. Có những người đến học đạo với Đức Phật, Ngài nói về Thất Giác Chi, một lúc khác Ngài nói Bát Chánh Đạo, có người thì Ngài nói thu thúc lục căn, có người thì Ngài nói chỉ quán, có người thì Ngài nói Tam học, có người Ngài chỉ nói một câu: *Nó làm sao thì thấy nó như vậy*, có người Ngài nói một câu mà nghe còn nản nữa: *Thấy vậy mà không phải vậy*. Cứ niệm câu đó như con nít đi, đi ăn đi uống, đi vệ sinh, đi hành thiền cứ nhớ câu: **"Thấy vậy mà không phải vậy"**, bao nhiêu đó đủ thành thánh rồi. Mình tuyệt đối không bao giờ làm con chuột bạch cho bất cứ ai và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành trình trước mắt của mình. Hẹn gặp nhau vào một mùa xuân mới của ngày mai.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên

[1] "If you want to go fast, go alone. If you want to go far, go together." – Warrent Buffett

[2] Xem lại vô minh trong bài Bộc Lưu

Bài giảng ngày 8-6-2014 XAN THAM

Kính bạch Sư trưởng, kính bạch chư tăng ni Phật tử, hôm nay chúng ta bắt đầu bài tiếp theo là bài Kinh Xan Tham. Vẫn theo cách cũ chúng ta làm việc từ buổi đầu của lớp học đến giờ, đó là chúng ta cùng liếc mắt vào phần chánh kinh và sau đó chúng tôi căn cứ vào trong chú giải của bộ Tương Ưng tức là bộ Sāratthapakāsinī để chú thích những chữ khó. Những chữ khó này giống như những mắt tre trong một thân tre dài, chỉ cần qua được cái mắt thôi là những phần còn lại đi rất dễ. Chúng ta biết rằng Phật ngôn là lời dạy của một bậc Đại Giác, và đúc kết một phần tinh hoa giác ngộ của vị Đại Giác cho nên có rất nhiều điểm trong một câu nói của Ngài cần phải được chúng ta lưu tâm một cách đặc biệt chứ không đơn giản như cách nói của phàm phu. Ví dụ, Đức Thế Tôn là một bậc chứng đắc các pháp siêu thế, hiệp thế và Ngài có một trí tuệ đặc biệt mà các vị Thanh Văn không có hoặc chỉ có một ít thôi đó là khả năng nhìn thấu được căn cơ sở tánh khuynh hướng tâm lý người khác.

Bài kinh hôm nay chúng ta học là bài Kinh Xan Tham (*Maccharisuttaṃ*). ‘*Macchari’:* xan tham, bỏn xẻn, keo kiệt. Với người học A-tỳ-đàm chữ này còn có nghĩa là ‘lận’ (tâm bỏn xẻn) trong *“sân – tật – lận – hối”.* Bản thân tôi ngày xưa còn bé để nhớ được chữ ‘lận’ có nghĩa là bỏn xẻn phải nhớ theo cách rằng bỏn xẻn là cái gì cũng đem ‘lận’ trong người hết, không muốn cho ra, nếu không khó mà tưởng tượng vì sao ‘lận’ có nghĩa là bỏn xẻn.

Bài kinh này có điểm đặc biệt thế này, một đêm kia có nhóm chư thiên xuống hầu Phật. Mỗi vị nói một câu kệ, vị đầu tiên thưa với Đức Phật: *Vì xan tham nên người ta không bố thí. Vậy những ai có trí thì nên bố thí.* Hội chúng chư thiên này là một nhóm gồm 700 thương buôn bị chìm tàu trước khi mạng chung đã kịp thời cùng nhau chia thành 7 nhóm để thọ trì ngũ giới với một thiện nam duy nhất trên tàu trước khi chìm hẳn xuống biển và 700 người đều chết hết, sau đó họ cùng sanh thiên. Nhóm này được gọi tên là nhóm quần tiên *Satullapa*. ‘*Ullapa’* có nghĩa là “đọc theo”. *Satu*: 100. (xem lại bài kinh Với Người Thiện để biết thêm về họ). Satullapa nghĩa là nhóm đọc theo, mỗi một nhóm 100 người đọc giới. Giữ giới là gặp hoàn cảnh cám dỗ hoặc thử thách mà vượt qua được thì gọi là giữ giới. Những người này không có cơ hội giữ giới, họ chỉ có cơ hội thọ giới, đọc lên, nói lên lời thọ giới vì mỗi người chỉ có một hoặc hai phút đọc lời xác nhận tôi là người có năm giới. Giới hạnh của họ không có cơ hội để xác chứng như người bình thường. Tôi thường nói không phạm giới chưa hẳn có giới, ví dụ đứa bé nằm nôi, một người đang ngủ, đâu có cơ hội phạm giới, và đâu hẳn là có giữ giới.

Chỉ khi nào chúng ta có lòng cố ý ngăn trừ thân nghiệp khẩu nghiệp thì mới gọi là giới. Ở đây 700 người thương buôn này chỉ có vài phút đọc lời thọ giới, nhưng họ đọc trong giờ phút thập tử nhất sinh, và có túc duyên nhiều đời với hai vị Phật quá khứ là Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (Koṇāgamana) và Phật Ca Diếp (Kassapa), họ cũng từng là Phật tử nhưng là Phật tử lớt phớt không thâm hiểu Phật pháp, và niềm tin chỉ ở mức đại khái, nhưng chủng tử đó cũng đã là một hạt giống khi có cơ hội thì phát triển mãnh liệt. Trong giây phút cận tử cũng kịp nhớ ra một chuyện phải tận dụng mấy phút ngắn ngủi này để trở thành người Phật tử đúng nghĩa, tự nhớ rõ mình là người có giới không cần ai nhắc, và chính vì vậy mà họ sanh thiên. Nguyên phẩm này nói về nhóm quần tiên Satullapa liên tục xuống cầu pháp với Thế Tôn. Nhóm này từng người thay nhau, hoặc hỏi, hoặc trình lên Thế Tôn những vấn đề tâm đắc.

Chúng ta vừa học một ít kinh, chưa có nhiều, trong đó chúng ta thấy có một nhân vật rất đặc biệt, đó là Cūla-Kokanadā là con gái của một vị Thiên vương ở cõi Tứ thiên Vương, vị thần tên là Pajjunna chuyên trách làm mưa làm gió ở cõi nhân gian. Cô này rất thường xuyên xuống hầu Phật, và trong phẩm này chúng ta thấy có 700 vị thiên Satullapa xuống hầu Phật nhiều lần để nghe pháp và trình pháp. Trong chú giải có nói, có rất nhiều vị Trời, khi nghe tiếng mười ngàn thế giới rung động, nhìn thấy hào quang chiếu rực khắp 10 ngàn thế giới, họ hỏi nhau, vị nào biết nói cho vị không biết: *Hôm nay là đức Bồ Tát giáng sinh từ cõi Đâu Suất xuống lòng mẹ (Bà Maya) để trở thành vị Phật độ sinh*. Có vị nghe tiếng rung động lần thứ hai mới biết hôm nay Đức Thế Tôn chuyển pháp luân. Theo chú giải Trường Bộ, có rất nhiều vị khi nghe báo tin hoàng tử Tất Đạt giáng sinh thì họ có tâm nguyện sẽ đến hầu Phật nghe pháp khi Ngài giác ngộ ở trong rừng. Tuy nhiên, tuổi thọ trong thế giới phi nhơn rất dài, chênh lệch với chúng ta rất lớn, ví dụ một ngày chúng ta đi shopping thôi, bước vào chợ là 2 giờ chiều, ra khỏi thì 6 giờ tối, thời gian rất ngắn, nhưng trên cõi trời mà nói 'lát nữa' thì trải qua rất nhiều năm, còn mình 'lát nữa' thì cao lắm là một buổi. Vì thế, có những vị có tánh trễ nải chậm lụt lúc lập nguyện sẽ xuống hầu Phật nghe pháp là Bồ Tát đản sinh, thì đến lúc họ sực nhớ ra thì Ngài đã về Kushinagar để Niết Bàn. Chỉ một chút trễ nải là đôi khi chúng ta không còn cơ hội, không còn dịp làm điều tốt lành mình mong mỏi, nên lưu tâm điều đó. Người Phật tử, khi muốn làm gì tốt đẹp phải xem xét nhân duyên cho phép lúc nào thì lập tức thực hiện ngay lúc đó, dù mình làm bằng tâm hữu trợ cũng tốt hơn chờ đến lúc vô trợ mới làm thì hơi khó (nghĩa là mọi thứ trong điều kiện tốt đẹp 100% thì không còn dịp nữa đâu). Nhóm quần tiên Satullapa này dường như họ hiểu cơ hội gặp vị Chánh Đẳng

Giác không nhiều, chính Đức Phật cũng nhìn nhận trên đời này có ba hạng người khó tìm (Vị Chánh Đẳng Giác, người thuyết giảng pháp của vị Chánh Đẳng Giác, và người có tánh tri ân). (*Xem bài Kinh Cho Gì, Tập 1, để biết về ba hạng này*). Vị Chánh Đẳng Giác là người khó tìm, chúng sanh có đủ công đức phước báo để thành Phật thì rất là hiếm, bởi vì vị đó phải hội đủ vô số công đức. Hạng thứ hai, người trao truyền chánh pháp đúng với Phật ngôn cũng là người khó tìm. Chư Phật đã khó tìm, người nghe được chánh pháp cũng không có nhiều. Trong số những người nghe mà có thể trao truyền cho người khác không sai ý Phật càng hiếm hoi. Chính vì vậy những vị quần tiên này tranh thủ cơ hội xuống nghe pháp. Mỗi một bài kinh các vị đó trình lên Đức Phật là câu hỏi hay vấn đề họ tâm đắc.

Bài trước thì các vị này nói về thân cận người lành, nhờ thân cận người lành mà trong đời có lợi lạc. Và Đức Phật đúc kết là ai nói cũng đúng hết nhưng rốt ráo là thân cận bạn lành để chấm dứt sanh tử. Bài kệ này cũng vậy, mỗi người đọc một bài kệ, nhưng chủ yếu tán thán hạnh bố thí, mỗi vị tán thán một cách.

Phần số 4, câu kệ thứ hai có câu rất là hay

"4) Rồi một vị Thiên khác nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Điều kẻ xan tham sợ

Nên không dám bố thí

Sợ ấy đến với họ

Chính vì không bố thí

Điều kẻ xan tham sợ

Chính là đói và khát

Kẻ ngu phải cảm thọ

Đời này và đời sau

Vậy hãy chế xan tham

Bố thí, nhiếp cấu uế

Chúng sanh vững an trú

Công đức trong đời sau"

Câu thứ nhất chỉ nói chung chung, vì xan tham bỏn xẻn nên không dám bố thí, do đó những ai có trí thì đừng bỏn xẻn hãy biết cho ra. Câu kệ thứ hai rất thú vị: người không có trí vì sợ bị mất mát sẽ dẫn đến thiếu thốn cho nên họ không dám cho ra, mà không hề ngờ rằng, chính vì không dám cho ra, không dám bố thí mới dẫn đến sự mất mát, thiếu thốn. Đây là điểm đặc biệt của câu kệ này. Theo cách hiểu của thế gian, vì sợ mất mát, thiếu thốn nên người ta không dám cho ra và vì vậy nên mới mất mát thiếu thốn.

Tôi nhớ một câu chuyện của Mỹ, nếu ai không học A-tỳ-đàm thì cũng chỉ nghĩ là một câu chuyện ngắn mang nội dung tâm lý xã hội, nhưng đối với Phật tử thì câu chuyện đó rất đáng quan tâm: Một người đi tìm vàng, tìm được số vàng rất lớn, nhưng lạc trong sa mạc, mới đầu còn chút thức ăn, nước uống. Sau nhiều ngày dưới sức nóng của sa mạc, thực phẩm đem theo không còn nữa, sức khỏe cạn kiệt, cuối cùng anh ta đối diện với cái chết. Anh ta chỉ nhớ mang máng là nhìn thấy một con nhái, anh ta chụp nó bỏ vào miệng nhai cho đỡ đói khát nhưng anh ta yếu đến mức con nhái nằm trước mặt cũng chụp hụt. Sau khi tỉnh dậy, anh ta thấy mình nằm trong bệnh viện, vì do có ai đó đi ngang thấy anh ta và đem vào bệnh viện. Điều muốn nhấn mạnh là sau khi vào bệnh viện, bao nhiêu thức ăn bánh kẹo khẩu phần ăn sáng trưa chiều tối anh ta luôn tìm cách giấu dưới nệm. Do ám ảnh của sự đói khát sắp chết trong mấy ngày qua, nên anh ta luôn tìm cách giấu thức ăn vì sợ một ngày nào đó y tá không phát nữa thì anh ta sẽ bị đói như những ngày trước. Khi chúng ta sống trong cõi sanh tử này, do một chút nghiệp xấu trong quá khứ nào đó, nó đẩy chúng ta vào hoàn cảnh éo le nào đó, và hoàn cảnh đó trở thành điều kiện môi trường để nhào nặn ra một thứ nhân cách đặc thù nào đó, giống như anh chàng tìm vàng kia. Cũng vậy, khi mình gây nghiệp sát sinh đời này, đời sau sinh ra rất dễ bị hà hiếp hành hạ đánh đập và thể trạng rất là yếu đuối, hoặc sống trong hoàn cảnh thường xuyên bị đọa đày đánh đập. Đó là quả xấu của sát sanh, chính quả xấu này hình thành nên một phần nhân cách của chúng ta. Chúng ta trở thành một người nhút nhát, hoảng sợ trước nhiều thứ. Bản thân tôi, tôi cũng hay sợ, tôi rất lấy làm e ngại, và mong trong này không ai có nỗi sợ đó. Ở tuổi này, cảm giác sợ ma hình như nếu có thì trong hoàn cảnh đặc biệt nào đó thôi chứ tôi có quá nhiều chuyện để bận tâm, âu lo. Cứ nghĩ quan hệ chung quanh với chư tăng, Phật tử, có những chuyện sẽ dễ gây hiểu lầm, hoặc có ai gọi phone, email, than phiền nhờ cậy gì đó. Riêng chuyện với người sống đã quá phiền rồi, nên chuyện ma quỷ không còn là ám ảnh mãnh liệt. Khi mình có nghiệp sát sanh thường dễ bị nạn tai, và hình thành tâm lý nào đó. Ở bên Thụy Sĩ,

khi đi vào con đường rất đẹp, tự nhiên tôi chợt nhớ đến những bài báo viết về những kẻ nghiện ngập họ có thể ra tay để kiếm ít tiền thỏa mãn cơn nghiện, hoặc kẻ tâm thần trốn viện ra ngoài, bình thường họ rất dễ thương nhưng khi lên cơn điên thì có thể trở nên rất nguy hiểm. Đầu thế kỷ 20 một nữ hoàng Áo đi dạo bờ hồ buổi sáng, bị gã tâm thần đâm chết. Tôi có quen một Phật tử thân như người nhà, gia đình này có một người con đi xuất gia theo PG Bắc Tông Tây Tạng. Vị này mỗi ngày lấy xe đi vào công viên ngồi thiền, một ngày kia gặp một gã tâm thần, gã bỗng thấy khó chịu và tấn công vị thầy này một cách tàn bạo khiến vị này bị trọng thương, hôn mê suốt ba tuần và qua đời. Mỗi lần đi trong khu rừng ở Thụy Sĩ, tôi cảm thấy an lạc, cảm nhận được mình rõ hơn bao giờ hết, và ngay giây phút nhận ra mình an lạc, thì lại thấy một nỗi sợ ám ảnh là không biết có ai tấn công hay bạo hành với mình hay không, và nỗi sợ đó đến bây giờ vẫn chưa bỏ được.

Trở lại bài kinh Xan Tham, do chúng ta sợ mình bị mất mát, mình bị đói nghèo, thiếu thốn, ám ảnh này do nghiệp bỏn xẻn đời trước khiến đời này chúng ta trải qua những hoàn cảnh rất khó khăn thiếu thốn chật vật, chính vì thiếu thốn chật vật này, tuy là quả xấu từ đời trước nhưng lại trở thành môi trường tâm lý hiện tại. Nếu không khéo, nếu không gặp minh sư thiện hữu, không có trí tuệ tối thiểu để suy tư, thì chúng ta rất dễ vì quả xấu này mà tiếp tục bỏn xẻn. Từ đó đời sau kiếp khác chúng ta tiếp tục bị nghèo khó và tiếp tục sợ thiếu thốn mất mát, cứ như vậy mà tiếp diễn. Vì vậy chúng ta phải tu thiện pháp, làm lành lánh dữ, điều này rất quan trọng. Khi làm thiện chúng ta được an lạc, nếu có đời sau kiếp khác thì trong dòng luân hồi chúng ta cũng sẽ gặt hái những quả lành từ việc thiện đó, và quả lành đó tạo nên phần lớn cho nhân cách của mình, và từ nhân cách một người thiện, cơ hội làm thiện dễ hơn, còn nếu làm điều bất thiện thì trước mắt chúng ta không được an lạc và đời sau kiếp khác sanh ra chúng ta sẽ bị quả xấu và từ quả xấu đó những nhân cách tầm thường sẽ được hình thành. Ví dụ tật nói xấu người khác, đời sau kiếp khác dễ bị oan, dễ bị nói xấu, sống trong tâm trạng của một nạn nhân như vậy đó, chúng ta không thoải mái. Đôi bàn chân của mình bẩm sinh không dị tật, do mang giày dép không đúng cách, một thời gian sau bàn chân sẽ bị dị tật. Tôi từng đọc bài báo, người ta nói một trong những điều đáng thương nhất của phụ nữ hiện đại là mang giày cao gót và nó hại cho sức khỏe của người phụ nữ ghê gớm. Quí vị có thể tìm trên Google "Tác hại của giày cao gót". Do nghiệp tham ái muốn làm đẹp nên họ phải sử dụng đôi giày quái gở đó, và chính vì vậy bàn chân họ không bình thường. Nếu chúng ta hay nói xấu người khác thì đời sau kiếp khác chúng ta sẽ bị vu oan, và nhiều lần như vậy thì chúng

ta sẽ sống trong tâm trạng hoang mang sợ hãi, không khéo thì sẽ trở thành một người giả dối để trốn tránh người khác tấn công mình, và đổ vấy, đùn đẩy lên người khác để thoát thân.

Khi chúng ta tạo nghiệp bất thiện, lúc chúng ta chịu quả khổ quả xấu của nghiệp này, chúng ta vô tình tạo điều kiện cho người khác gây nghiệp xấu. Ví dụ tôi thích chửi bới, nói lời độc địa nặng nề, quả đó làm cho đời sau sinh ra tôi dễ bị người ta chửi bới nạt nộ, đến nỗi chỉ cần nhìn thấy mặt tôi là người ta đã nạt nộ rồi.

Bài kệ này ngắn, đọc phớt qua thì thấy chỉ nói về bố thí và bỏn xẻn, nhưng qua đó chúng ta học được điều cực kỳ quan trọng cho đời tu của mình: Mỗi mỗi công đức, thiện pháp mình tu tập sẽ tạo ra hoàn cảnh sống của mình trong tương lai và hoàn cảnh sống đó sẽ tiếp tục hình thành nên một thứ nhân cách, một thứ tâm lý nào đó. Tâm lý, nhân cách đó sẽ là nền tảng cho một nghiệp khác tương ứng. Khi chúng ta làm điều bất thiện nào đó, chẳng hạn nghiệp bỏn xẻn, hoặc nói xấu người khác, tâm bất thiện đó sẽ tạo ra một quả xấu trong tương lai. Quả xấu đó sẽ mặc nhiên và đương nhiên khi trổ quả sẽ tạo ra một thứ tâm lý, nhân cách tương ứng với nghiệp đó. Ví dụ như mình luôn sống với tâm bỏn xẻn, thì đời sau mình luôn luôn e sợ sự hao tốn, từ sự sợ hao tốn này chúng ta sẽ bỏn xẻn, càng bỏn xẻn thì càng thiếu thốn, càng thiếu thốn thì càng sợ hao tốn. Càng sợ hao tốn thì càng ít làm phước, càng ít làm phước thì càng thiếu thốn, cứ liên tục vậy, cái này nuôi cái kia.

Một buổi chiều bên bờ hồ có một cậu thanh niên đi câu cá, thèm điếu thuốc lá, mò trong túi thấy không có diêm. Thấy có một người bên cạnh, bèn nói: *Xui quá, cháu quên mang hộp quẹt mà thèm thuốc quá, bác có lửa cho cháu xin*. Ông cụ nhìn chàng thanh niên hai giây và trả lời: *Tôi không hút thuốc và không lý do gì tôi mang hộp quẹt, và nếu có thì tôi cũng không thèm cho cậu*. Cậu thanh niên này nghe rất khó chịu vì đâu có gây sự gì với ông cụ mà sao ông lại nói vậy, bèn hỏi: *Xin lỗi, có gì mà bác nói vậy*. Ông cụ nói: *Ngó cậu cũng là người lễ phép có học, nếu tôi có quẹt cho cậu mượn thì cậu sẽ cảm mến tôi, cậu sẽ bắt chuyện với tôi, nếu vậy thì tôi sẽ mến cậu, mà sẽ có ngày tôi mời cậu về nhà, rồi đứa con gái tôi mến cậu, con gái tôi đẹp, biết điều, và không lý do gì cậu sẽ không mến nó, rồi hai đứa sẽ yêu nhau, rồi sẽ tới lúc lấy nhau, tôi là cha, tôi sẽ gả con cho cậu. Làm sao tôi có thể gả đứa con gái cho một thằng thanh niên nghiện thuốc lá mà không có diêm quẹt*. Tôi thấm thía câu chuyện này, thì ra trên đời này, bao nhiêu rắc rối có thể khởi ra từ duyên cớ nhỏ xíu. Trong thơ ca VN có câu thế này: *"Giá như*

hôm ấy đừng mưa, giá như hôm ấy đừng đưa em về". Chiều hôm đó đừng mưa và hai đứa không trú mưa dưới mái hiên, nếu như xe nàng đừng bị hư thì mình đâu đưa người ta về, rồi từ đó mến nhau, lấy nhau, rồi phát hiện ra mình không thuộc về nhau vậy mà sống chung với nhau, đày đọa nhau một đời, chỉ vì một điều: hôm ấy trời mưa!

Để xác định mình có phải là người rộng rãi, người yêu mến Phật pháp, yêu thích điều thiện hay không thì có một cách rất là hay để riêng mình kiểm chứng, đó là phải tự xét mình xem: Ví dụ mình vừa lên chùa thức đêm nấu ăn cho đại chúng, vừa tốn tiền xăng, muốn biết mình có phải là người hào sảng, tha thiết với Tam Bảo hay không thì tự hỏi, nay mai mình có làm như vậy nữa hay không, nếu làm lại từ đầu thì mình có làm nữa hay không, mình sẽ quyết định như thế nào. Đó là cách rất là hay. Qua cách đó mình mới biết là mình có là người tha thiết điều thiện hay không. Tại sao phải kiểm tra như vậy, là bởi vì phải kiểm tra như vậy mình mới biết thiện tâm của mình. Nhiều khi thiện tâm của mình không nhiều như mình tưởng, nếu mình ngộ nhận về bản thân thì mình không tiến bộ được. Vì vậy ở đây Đức Phật xác nhận câu nói của một vị trời: *Tuy có cho nhiều cách mấy đi nữa nhưng quan trọng nhất là người trong điều kiện khó khăn mà vẫn có thể chia sẻ được cho người khác*. Một người thực sự hào sảng rộng rãi thì trong hoàn cảnh nào họ cũng thích cho ra. Nếu cho họ quyền lựa chọn, nếu có phép lạ nào đó họ có thể thay đổi mọi thứ làm lại từ đầu để quyết định nên làm hay không làm chuyện đó họ vẫn giữ quyết định đó, thì trường hợp đó mới gọi họ là người hào sảng. Trong hoàn cảnh khốn khó một người cư sĩ phải lo cho vợ con, trong điều kiện rất chật vật mà kẻ đó vẫn có thể dành ra một phần để cho người khác thì kẻ đó mới thật sự là kẻ hào sảng.

Trong kinh nói, thu nhập của người Phật tử nên chia thành bốn phần: *1/ Trả nợ cũ:* đền ơn đáp nghĩa nợ sinh thành, giáo dưỡng của cha mẹ của ông bà, của người ơn. *2/ Cho vay nợ mới:*để dành nuôi dưỡng vợ con, giúp đỡ bạn bè cơ nhỡ khó khăn. *3/ Liệng bỏ ở hố sâu:* tiêu dùng chi phí cho mình. *4/ Chôn để dành:* bố thí dành cho đời sau kiếp khác.

Một bài kinh khác, Đức Phật nói trong ngôi nhà đang cháy, người ta thoát thân thì phải lận lưng cái gì gọn nhẹ và có giá trị. Cũng vậy trong tấm thân phù du giữa cuộc đời sương khói này người biết đạo cũng đem theo ra khỏi cuộc đời này những gì mình có thể chia sẻ cho người khác để kiếp khác còn có cái để xài. Một cô con dâu đang đứng hầu cha chồng ăn cơm thì có một vị tỳ kheo đi bát ngang qua. Người cha chồng là ngoại đạo nên làm lơ không ngó gì vị tỳ kheo đang ôm

bát đứng trước ngõ. Cô con dâu là Phật tử, vừa thấy bẽ mặt, vừa thương xót vị tỳ kheo, lại vừa sợ cha chồng, cuối cùng cắn răng nói một câu với vị tỳ kheo: *Xin ngài đi hóa duyên chỗ khác đừng đứng đây nữa, vì cha chồng của con đang dùng món ăn cũ của ngày trước*. Cha chồng bực mình và bắt lỗi con dâu. Cô nói vị tỳ kheo đó hiểu cô muốn nói cái gì, cha giàu có mà cha không làm phước thì xem như cha ăn đồ cũ chớ không có nấu được món mới, không đi chợ thêm.

Bài kinh này không chỉ nói riêng vấn đề bố thí không mà còn gợi ý vấn đề khác nữa, đó là: **Nghiệp thiện ác đời này sẽ cho quả đời sau, chính quả thiện ác đó sẽ tạo ra nhân cách, môi trường tâm lý tương ứng với nghiệp mình nhận lấy.** Trên điều kiện môi trường tâm lý đó, có thể chúng ta càng lúc càng lên cao hơn hoặc càng xuống thấp hơn, chẳng hạn như một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác kể từ lúc sơ phát bồ đề tâm nguyện trở thành vị Phật trong tương lai tế độ chúng sanh, Ngài làm cái gì đi nữa cũng với ý tưởng: *Quả vị Phật cho mình, tiếp độ quyến thuộc, lợi ích cho chúng sinh*. Một người sơ cơ nghe nói Bồ tát phải bố thí thân mạng, hoặc bố thí hết mọi sở hữu thì rất khó tin, làm gì có ai đem mạng sống cho người khác. Vấn đề này rất quan trọng, hôm nay tôi sẽ giảng lý tưởng đại thừa trong kinh điển Pāḷi cho quí vị. Từ lúc sơ phát tâm trở thành vị Chánh Đẳng Giác thì kể từ lúc đó vị Bồ tát liên tục huân tập các hạnh lành và các hạnh lành này sẽ phát triển theo một nguyên tắc trong toán học gọi là lũy tiến. Lũy tiến có nghĩa là mọi thứ sẽ phát triển theo cấp số nhân, giống như cái ao bèo, một mét vuông bèo sẽ nở ra một mét vuông bèo sau một đêm, đêm thứ hai sẽ nở thành 4 mét vuông, đêm thứ ba thành tám mét vuông v.v.... Khi Bồ tát càng lúc càng huân tu pháp lành thì hạnh lành của Ngài đời trước sẽ cho quả đời sau và trở thành môi trường tâm lý cho Ngài. Với hạnh bố thí thì càng lúc Ngài càng giàu có, càng giàu có càng bố thí… Hạnh trí tuệ cũng vậy, càng trí tuệ càng hiếu học… Hạnh kham nhẫn cũng vậy, càng kham nhẫn thì càng có được nhiều sự tôn trọng và sự an lạc trong đời sống và càng thấy chuyện nhẫn nhục dễ dàng; giống như con nhịn mẹ dễ hơn nhịn người dưng. Vì thấy dễ như vậy sẽ là điều kiện nhẫn tốt hơn. Càng về sau thì môi trường hành xả, kham nhẫn càng lớn hơn và trước khi thành Phật thì ở đâu Bồ tát cũng xem chuyện từ bi hỷ xả, bố thí, trì giới rất là nhỏ nhờ công đức lũy tiến.

Bài kinh này là lời kêu gọi của các vị Trời. Vị thì kêu gọi bố thí, vị thì bảo đừng có bỏn xẻn, vị thứ ba nói rằng: cái hay nhất trên đời là trong hoàn cảnh khó khăn mình vẫn xòe tay chia sẻ cho người khác. Đức Phật cũng xác nhận bằng câu kệ mà nội dung là "Một miếng khi đói bằng một gói khi no".

"Kẻ nghèo, chơn bố thí.

Từ ngàn người bố thí,

Từ trăm ngàn vật cho,

Trị giá không ngang bằng,

Kẻ bố thí như vậy."

Lời kết của Đức Phật trong **Kinh Xan Tham**: Bố thí là việc đáng quý, nhưng đáng quý hơn nữa là sự hy sinh để bố thí, tức là cho cái khó cho, nhờ vậy sẽ được cái khó được. Mỗi nghiệp thiện ác sẽ tạo cho quả báu đời sau, quả báo đó chính là môi trường và tâm lý cho những nghiệp thiện ác tương ứng. Nhân cách đó, tâm lý đó sẽ làm nền tảng cho những nghiệp khác tương ứng.

LÀNH THAY

Bài kinh **Lành Thay** này cũng là do nhóm quần tiên Satullapa xuống hầu Đức Phật và đem chuyện bố thí ra tán thán. Khi chúng ta đọc kinh thật kỹ và thật sâu thì kinh nào cũng quan trọng hết. Nếu chỉ đọc phớt rằng: "bài kinh này kêu gọi bố thí và Đức Phật cũng tán thán sự bố thí" như vậy thì nghèo quá. Gia tài của bố để lại là một rừng hoa trái, một rừng kim cương, mà liếc qua như anh nông dân không biết gì về trân châu bảo thạch thì uổng quá, vì bài kinh rất sâu sắc. Các vị Trời trong nhóm quần tiên này vẫn tiếp tục nói đủ điều về bố thí. Nội dung cũng y hệt như bài kinh trước, các vị Trời này thay nhau đọc hầu Đức Phật những điều tâm đắc của mình về pháp bố thí và lời kết của Đức Phật trong Kinh Lành Thay là bố thí với niềm tin (Ví dụ mình ngồi trên xe mà người ta cứ gõ lên kiếng xe hoài làm mình phải cho tiền, đó là không phải bố thí với niềm tin, và cũng không phải là bố thí để cầu lung tung, mà trước khi bố thí mình phải có niềm tin và cũng không có nghĩ nhiều về nhân quả. Có lúc bố thí nghĩ đến quả báo, có lúc mình hoan hỉ mà không nghĩ gì đến quả báo) tuy nhiên pháp thí là tối thượng.

Bố thí với lòng tin,

Được tán thán nhiều mặt,

Có pháp hơn bố thí,

Pháp ấy là Pháp cú.

Từ xưa, từ xa xưa,

Người lành, người chơn thiện,

Với trí tuệ sáng suốt,

Đạt đến cảnh Niết-bàn.

Bản kinh tiếng Việt có câu *"Pháp ấy là Pháp cú"*; trong bản Pāḷi chữ "pháp cú" này là *dhammapada*. Câu này tôi dịch lại: Bố thí bằng niềm tin là rất tốt, nhưng trong các bố thí có cách pháp thí là tối thắng. *Dhammapada* là lời nói theo chân lý, đạo lý. Quí vị nào đọc được tiếng Anh vào trong trang www.lirs.ru thì thấy bản dịch của họ không hề nhắc gì Kinh Pháp Cú hết. Câu *"Có pháp hơn bố thí, Pháp ấy là Pháp cú"* nghe rất là kỳ cục, lại viết chữ hoa nên sẽ cứ tưởng pháp cú đây là Kinh Pháp Cú, mà "câu có pháp hơn bố thí" có thể nghĩ là pháp đó hay hơn pháp bố thí. Không phải như vậy, ở đây muốn nói, trong các hạnh bố thí, bố thí pháp là số một, dù chỉ là một câu thôi khi câu đó liên hệ đến Niết Bàn. Câu *"nibbānasaṅkhātaṃ dhammapadameva seyyo"* trong chú giải có nghĩa là dù bố thí nào đi nữa, chỉ cần một câu pháp có nội dung hướng dẫn người ta đến cứu cánh Niết Bàn thì bố thí đó được gọi là tối thắng.

Câu trên phải được dịch như thế này: "Bố thí với lòng tin thì đúng là đáng tán thán nhưng không có bố thí vật chất nào sánh bằng được pháp thí dầu chỉ một câu, vì từ ngàn xưa các bậc trí tuệ dầu nói gì nghĩ gì vẫn luôn đặt cứu cánh Niết bàn lên vị trí cao nhất". Đó là bản dịch mới nhất của bài kệ này, lời kết của Thế Tôn trong Kinh Lành Thay, khi cả nhóm quần tiên ai cũng tán thán hạnh bố thí. Trong bài kinh trước Ngài kết luận bố thí trong lúc khó khăn thì đáng quí hơn lúc bình thường, còn ở bài kệ Lành Thay này thì Ngài đúc kết bằng câu nói khác: Dù bố thí gì đi nữa mà một câu nói pháp có gắn liền với cứu cánh Niết bàn thì pháp bố thí đó là được xem là tối thắng.

Xin hẹn lại quí vị ngày mai, nếu chư tăng còn trong room, con xin đảnh lễ từ biệt chư tăng. Xin cúi đầu tri ân sự có mặt của các ngài đã thêm lửa cho một lớp học lạnh giá. Lạnh giá là vì con không thấy mặt một người Phật tử nào hết nhưng khi con biết là có chư tăng con có cảm giác là đang nói chuyện trong chùa, có sư huynh, sư đệ đã quen, vừa quen và chưa quen. Trong bối cảnh có đại chúng như vậy, con hy vọng đức chúng như hải, các ngài cho công đức bằng một sự tùy hỷ thì lớp học sẽ trường thọ hơn. Con mong rằng nếu một ngày con giảng trung bình ba bài thì mười ngày được ba chục, một quí được một trăm. Một năm ba quí non một ngàn bài mà Tương Ưng Bộ Kinh này có tới bảy ngàn bài…

Bài giảng ngày 23-6-2014 CHÚNG KHÔNG PHẢI (Nasantisutta)

Tựa kinh này trong tiếng Phạn là chữ *Nasanti*, chúng tôi đã đối chiếu bản tiếng Đức lẫn tiếng Anh thì chữ *Nasanti* ở đây không nên dịch là "Chúng Không Phải", mà phải dịch là **Không Hề Có**, hoặc **Không Từng Tồn Tại**. Căn cứ vào bản chánh văn Pāḷi sẽ thấy chữ *Na santi*là hai chữ bắt đầu cho một bài kệ:

''Na santi kāmā manujesu niccā,

Santīdha kamanīyāni yesu baddho;

Nghĩa là trong đời này không tồn tại một thứ dục nào, thứ khoái lạc nào vĩnh hằng hết ('*Manujesu':* giữa 'loài người' 'chúng sinh'); *Santīdha kamanīyāni,* mà chỉ có khả ái thôi, có những cái để cho mình thích thương mến chuộng. PG không phủ nhận hạnh phúc nhân gian, không phủ nhận hoa hồng hay nụ cười, nhưng PG nói rõ rằng có hoa hồng và có gai góc, có giọt lệ và có nụ cười. Sở dĩ Đức Phật kêu gọi mình lên đường thực hiện hành trình giải thoát là bởi vì mọi thứ ở đời dầu ngọt ngào cay đắng đến mấy đi nữa cũng có lúc tiêu mất, băng hoại, không tiếp tục tồn tại nữa, chớ PG không hề phủ nhận sự có mặt của hạnh phúc, sự ngọt ngào của đời sống. Có hết, nhưng không có gì bền vững, vĩnh hằng. *Na santi* nghĩa là không hề có, không từng có. (There are no)

HIỀM TRÁCH THIÊN.

(Ujjhānasaññisutta)

Một thời Thế Tôn ở chùa Kỳ Viên sau khi đêm gần mãn có nhiều vị tiên xuất hiện, các vị Một thời Thế Tôn ở chùa Kỳ Viên sau khi đêm gần mãn có nhiều vị tiên xuất hiện, các vị *đứng giữa hư không nhìn xuống* và đọc một bài kệ:

Những ai nói mình khác

Với điều họ thực có,

Thời mọi vật thọ dụng,

Xem như do trộm cắp,

Chẳng khác kẻ gian manh,

Dùng lừa đảo trộm cắp.

Hãy nói điều có làm,

Không nói điều không làm,

Không làm nói có làm,

Kẻ trí biết rõ họ.

Ở những bài kinh trước, hầu hết các vị Trời xuất hiện như vậy khi đến hầu Phật thì họ đảnh lễ, nghe pháp, nhưng những vị này không như vậy, họ đứng trên hư không và đọc bài kệ. Chú giải cho biết tại sao như vậy, họ không đảnh lễ Ngài và còn đi nói một câu kệ rõ ràng có ý giống như hơi phạm thượng với Đức Phật. Ngày nay có rất nhiều người bình thường không đi chùa nhưng họ chờ đợi trong tăng ni chùa chiền có gì kỳ cục họ ra sức dè bỉu bôi bác công kích đủ điều, tại sao ông sư thế này thế kia v.v... y như họ là Phật tử thân thiết với chùa miểu tăng ni. Trường hợp này cũng vậy, trong sớ giải nói rằng có một số vị Trời cảm thấy rất là khó chịu và không hiểu được tại sao Thế Tôn lúc nào cũng một mực kêu gọi tán thán khích lệ các đệ tử phải sống đơn giản đạm bạc, sống như là vô sản, nhưng Ngài thì thường nhận thức ăn, y áo rất là sang trọng, quí hiếm từ các thí chủ. Đức Thế Tôn từ lúc thành đạo đến khi Niết bàn là 45 năm, trong khi ở chùa Kỳ Viên của ông Cấp Cô Độc 19 năm, một quãng thời gian gần một nửa cuộc đời của một vị Phật là ở tại chùa Kỳ Viên, mà trong Kinh Bổn Sinh giải thích rõ cổng chùa Kỳ Viên to đến mức có nhiều người đến tưởng bên trong cổng có người ở thật ra đó chỉ là cổng trang trí lối vô chùa. Căn phòng của Đức Phật do ông Cấp Cô Độc cúng dường gọi là *gandha-kuti* (‘*gandha’*: ‘mùi thơm’, ‘*kuti’*: ‘am thất’), HT Minh Châu dịch là ‘*hương thất’*. Bởi vì từng viên gạch, từng miếng vữa đều được ướp tẩm các loại hương liệu rất thơm trước khi đưa vào xây dựng nên căn phòng có mùi thơm tự nhiên không cần phải đốt trầm hoặc xông hương hoặc nhờ đến các mùi thơm của hoa. Những vị Trời đó khó chịu cũng có lý vì thấy Đức Phật có đời sống vật chất rất phong phú nên họ nghĩ vì sao một người nói một đường làm một nẻo, kêu gọi người ta sống thế này mà mình sống như thế kia. Đức Phật trả lời:

“Những ai chỉ biết nói,

Hay chỉ biết nghe thôi,

Những hạng người như vậy,

Không thể nào tiến bộ."

Ngài muốn nói rằng dư luận hay tiếng đời tối thiểu là do hai nguồn: 1/ người nói, 2/người nghe. Nếu thiếu một trong hai thì không thể gọi là tiếng đời hay dư luận, phải có người chịu nói phải có người chịu nghe. Ngài nói rằng nếu sống ở đời mà chỉ biết làm người phát biểu hoặc chỉ biết nghe một chiều thì làm sao có thể đi xa lên cao được, trên hành trình phát triển tâm linh được. Với cách nghĩ suy tư nghèo túng như vậy, chỉ biết nghe mà không điều tra không tìm hiểu thì làm sao có thể dễ dàng đi đứng trên con đường giải thoát được. Bậc thánh thì không như vậy. Sau khi nghe Đức Phật nói như vậy các vị Trời lờ mờ hiểu ra rằng mình hố, các vị ấy nhớ lại rằng *chúng ta đến đây mà chưa đảnh lễ Thế Tôn*nên các vị từ trên hư không bước xuống đảnh lễ dưới chân Đức Phật. *"4) Rồi các quần tiên ấy đứng xuống đất, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn: - Đây là tội lỗi của chúng con, bạch Thế Tôn. Chúng con đi đến tội lỗi, vì ngu xuẩn, vì mê mờ, vì bất thiện. Chúng con nghĩ chúng con có thể công kích Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho chúng con, lỗi lầm là lỗi lầm để gìn giữ trong tương lai."*

"5) Rồi Thế Tôn mỉm cười." Khi người ta xin lỗi, Ngài không nói gì hết mà chỉ mỉm cười, và các vị tiên đó bực mình. Một vị bay lên hư không và nói: *Người ta đã xin lỗi mình mà mình lại không chịu có chấp nhận được hay không*. Trong chú giải có nói vì sao cơ sự như vậy. Các vị tiên này khó chịu vì không hiểu tại sao Thế Tôn một mực kêu gọi người ta sống đơn giản mà bản thân Ngài sống rất sung túc và sang trọng, họ đọc bài kệ rằng Ngài đã nói một đường làm một nẻo, dối thế gạt đời. Đức Phật trả lời, nếu sống ở đời, nói không chịu điều tra, nghe không chịu tìm hiểu là kẻ hỗ trợ tiếng đời; kẻ hỗ trợ cho dư luận thì không tiến bộ được. Nếu mình là người cẩn trọng thì người ta có nói gì cho mình nghe cũng không để ý và khi mình nói thì cẩn thận. Khi quần tiên nghe như vậy thì họ sám hối, nhưng lại thấy Thế Tôn mỉm cười, họ bực mình.

Theo chú giải, Thế Tôn mỉm cười vì họ chưa hiểu hết những lời Ngài nói, mà sám hối chỉ là một phản ứng rất là tự nhiên: "*Kasmā*?

" Vì sao Thế Tôn mỉm cười?

"*Tā kira devatā na sabhāvena khamāpenti",* tương truyền rằng, các vị Trời đó không phải sám hối bằng sự hiểu biết thực sự "*lokiyamahājanañca sadevake loke aggapuggalaṃ tathāgatañca ekasadisaṃ karonti*." Họ không sám hối bằng tất cả sự hiểu biết cần có mà họ đánh đồng Thế Tôn với thiên hạ trong đời.

Đức Phật đã suy nghĩ, đối với một vị Phật, Ngài nên giúp cho những vị Trời này hiểu về Ngài nhiều hơn thay vì cái hiểu chỉ dừng lại ở đó bằng một lời xin lỗi suông nhẹ nhàng, vì vậy Ngài để cho họ nói thêm rồi Ngài giải thích thêm lần hai. Vì sao Ngài lại mất công như vậy?

Vì chúng sanh mỗi người một ý, có nhiều người Ngài phải dài dòng văn tự như vậy mới giải quyết được. Có người Ngài im lặng không trả lời hoặc nói sang chuyện khác. Vì Ngài là bậc nhất thiết trí, toàn giác nên Ngài áp dụng cách này hay cách khác tùy đối tượng để giúp họ hiểu ra vấn đề. Vì vậy Ngài mỉm cười để làm cớ nói lên những điều mà chúng ta đọc trong chánh kinh. Lần này Ngài trả lời thế này:

Như Lai, bậc Giác Ngộ,

Thương xót mọi hữu tình,

Nơi Ngài không tội lỗi,

Trong chương Tương Ưng Bồ Đề, có câu chuyện Đức Phật mới vừa thành đạo xong, Ngài nằm nghỉ trưa, Ma Vương hiện xuống dè bỉu: *Tôi tưởng ngài tinh tấn thiền định mà giờ đây thì nằm nghỉ ngơi như người khác chẳng có gì hay*. Đức Phật trả lời: *Với người như Như Lai, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, Như Lai không từng gián đoạn từ mẫn đối với chúng sinh, người hội đủ những điều như vậy, thì nằm ngủ cũng không lỗi lầm gì, sao soi mói như vậy*. Ví dụ như chúng ta thấy Thánh Gandhi hay mẹ Theresa có ngồi xe sang trọng hay mà có nằm chợp mắt giấc trưa cũng đâu có gì lớn chuyện vì cả đời họ đã cống hiến cho quốc gia, cho nhân loại. Ở đây Đức Phật dạy rằng: "*Như Lai, bậc Giác Ngộ, Thương xót mọi hữu tình",* người như vậy không lầm lỗi, Ngài thường xuyên sống trong chánh niệm. Trong chú giải nói, ở một vị Chánh Đẳng Giác khả năng từ tâm bao la và thường trực đến mức mà vị đệ tử Thanh văn không bì được. Quí vị tìm xem trong Vô Ngại Giải Đạo (bản dịch của Nguyễn Văn Ngân, nếu đọc bản tiếng Anh thì tốt hơn), chương giải về 73 loại trí, trong đó có nói trí Đại bi của Đức Phật: Mahā Karunā Ñāna; trí này chỉ có ở vị Chánh Đẳng Giác chớ Thanh văn không có, vì Thanh văn cái nhìn còn giới hạn, còn Ngài thì cái nhìn vô hạn và nhanh chóng an trú trong lòng bi mẫn như ý Ngài muốn. Ngài nhìn thấy cuộc đời ở mọi khía cạnh nên lòng từ bi của Ngài đối với chúng sanh sâu và rộng đến mức mà hàng Thanh văn không thể nào nghĩ bàn tưởng tượng được. Trí Đại bi của Đức Phật được gọi là một trong sáu Như Lai biệt trí, nghĩa là trí riêng tư chỉ có ở vị Chánh Đẳng Giác mà thôi. Ngài nói, đối với một người

như Ngài, có phải thọ dụng cũng chỉ vì lòng từ bi đối với chúng sinh. Ngài có nhận gì đó của ai cũng chỉ vì lòng đại bi, còn mình thì nhận vì nhu cầu. Đức Phật thì luôn thọ nhận những gì của chúng sinh từ lòng đại bi, dù là một cây tăm xỉa răng, một ly nước lọc, một bó cỏ khô để trải ngồi cũng đem lại cho người ta quả báo cực lớn cho kiếp mai hậu. Với Phật lực và từ trường của một vị Phật, khi thọ nhận của ai gì đó, thái độ từ tâm của Ngài sẽ có ảnh hưởng tích cực và vô cùng lớn cho đối tượng có lòng cúng dường. Còn như phàm phu mình, thấy người ta nhận nhiều khi mình vui, nhưng cũng có cách nhận của họ làm cho mình khó chịu và không muốn cho nữa. Vị Chánh Đẳng Giác chịu nhận của ai cái gì đó thì cách nhận rất là đẹp. Một người thọ nhận như vậy thì Ngài có xài cái gì sang cũng không có lỗi. Đó là nội dung của bài kinh Hiềm Trách Thiên. Tựa kinh '*Ujjhānasaññi'*, nghĩa là 'hiềm trách'. Nhóm quần tiên này được gọi là 'nhóm gây sự' vì hay ưa bắt lỗi người ta. *Ujjhānasaññi* không phải là tên gọi cho một chủng loại đặc biệt, theo chú giải Pāḷi: "*devaloko nāma pāṭiyekko natthi"*, vì mấy vị này có tật hay đi bắt lỗi người khác nên được gọi là '*Ujjhānasaññi'* chứ trên cõi trời Đao Lợi không có phân thứ hạng đặc biệt.

LÒNG TIN

Xin thưa thiệt là chúng tôi tuyệt đối không dám múa rìu qua mắt thợ, chê khen người này người kia, và càng không có ý dám phạm thượng đối với HT Minh Châu, nhưng tôi ngờ rằng có những chỗ không phải HT dịch mà là do người cộng tác. Có những chi tiết trong bản Pāḷi mà tiếng Việt không thấy, trong tiếng Việt có những câu chữ mà trong bản Pāḷi không có. Ở đây chúng tôi dịch lại câu kệ đầu tiên trong bài kinh Lòng Tin: *Niềm tin chính là người bạn đồng hành cho chúng sinh trong cuộc đời này, vì không có niềm tin thì không làm ăn gì được hết*. Mình phải tin rằng mình đứng đây một lát có xe đò đến đón thì mình mới đi đón xe chứ. Nếu cứ một mực khăng khăng nơi đây không có xe bốn bánh chạy ngang thì còn điều kiện tâm lý nào để đi đón xe. Muốn nấu một ấm nước thì ít ra có niềm tin làm được mới đi nấu ấm nước. Nếu mình không có niềm tin thì làm gì bây giờ. Câu đầu tiên ở đây là:

"Saddhā dutiyā purisassa hoti". Niềm tin là bạn đồng hành của con người. *'Dutiyā'* có hai nghĩa: 1. 'thứ hai' (second), 2. 'bạn bè'. Ví dụ: *Dutiyampi Buddham saranam gacchami:* Con xin qui y Phật lần thứ hai. Ở bất cứ quãng đường nào, nơi chốn nào, ngoại trừ mình ra còn có kẻ thứ hai được gọi là "bạn" (bạn là người thứ hai tính luôn mình). Trong kinh có chữ "*tanhā dutiyaka"* nghĩa

là người sống nặng về tham ái, luôn đồng hành, thường trực, song hành với tham ái.

No ce assaddhiyaṃ avatiṭṭhati; Nếu mình không có phải là loại người thiếu niềm tin; *Yaso ca kittī ca tatvassa hoti,* thì nhờ vậy sẽ có được mọi thứ ở đời. (‘*Yaso’:* ‘đồ chúng’. ‘*Kittī’: ‘lời khen’).* Nếu sống ở đời này có niềm tin, cuộc sống có định hướng thì muốn cái gì cũng được hết.

Trong bản tiếng Việt chỉ có một bài kệ giống như có một vị nói thôi, nhưng trong Pāḷi thì bài kệ chia làm ba phần. Phần thứ nhất từ “*Tín là người thứ hai… Được sanh lên Thiên giới”* là đoạn một vị Trời thứ nhất đọc. Vị Trời thứ hai đọc từ *“Hãy từ bỏ phẫn nộ… không bị trói buộc”.*

‘‘Kodhaṃ jahe vippajaheyya mānaṃ,

Saṃyojanaṃ sabbamatikkameyya;

Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,

Akiñcanaṃ nānupatanti **saṅgā**’’ti.

Vị Trời thứ hai nói: Hãy từ bỏ sân hận ngã mạn, hãy vượt qua các kiết sử, không chấp trước (*Akiñcanaṃ)* trong danh sắc, không bị trói buộc. ‘*Saṅgā’* ám chỉ cho ‘tham’, ‘sự dính mắc’. Có năm thứ *saṅgā:* tham, sân, si, mạn, kiến.

Đức Phật trả lời bằng hai câu kệ Pháp Cú số 26, 27:

‘‘Pamādamanuyuñjanti, bālā dummedhino janā;

(*Kẻ ngu, thiếu trí luôn sống trong dễ duôi buông lung phóng dật*). Vị nào đi chùa Nam Tông thường hay nghe chữ ‘*dễ duôi’*, chữ này ít dùng nhưng ở ngoài đời thường dùng từ ‘*dễ ngươi’.* Không biết từ bao giờ chữ ‘*dễ ngươi’* trở thành ‘*dễ duôi’*. Ở trong room có một người hiểu nhầm chữ vedanā là thọ nhận, đây là sự nhầm lẫn rất lớn. *Vedanā* (feeling, sensation) không phải là *thọ* trong chữ thọ nhận. Chữ này từ ngữ căn là *Ved.* ‘Vedanā’ có một thời được các ngài trước thời ngài Huyền Trang dịch là *Giác*, về sau dịch là *Thọ*. Còn chữ thọ’ trong ‘thọ nhận’ thì không có mắc mớ gì với chữ ‘vedanā’ này. Có một số trường hợp “sính chữ” rồi tự biên tự diễn hơi xa.

Appamādañca medhāvī, dhanaṃ seṭṭhaṃva rakkhati. Người hiền trí sống cẩn thận có chừng mực không dễ ngươi, giống như người giàu có giữ gìn tài sản.

''Mā pamādamanuyuñjetha, mā kāmarati santhavaṃ; Cho nên đừng tiếp tục dễ ngươi nữa. Đừng tiếp cận với niềm vui trong dục lạc nữa

Appamatto hi **jhāyanto**, pappoti paramaṃ sukha''ntntti. Người không dễ ngươi là người sống trong thiền định, nhờ vậy mà đạt được hạnh phúc tối thượng

[30] Thiền

Chữ Jhāyanto ở đây chỉ cho hai thứ thiền:

1. *Lakkhano panijhāna:* Thiền lấy Tam tướng làm trọng điểm, tức thiền Quán: quan sát thân tâm, danh sắc, năm uẩn, 12 xứ, 18 giới từ góc cạnh Tam tướng, cái gì trên đời này cũng do nhân duyên mà có và cũng do nhân duyên mà diệt, cái gì có sanh có diệt thì cái đó vô thường, cái gì vô thường thì khổ, vô ngã, không nằm trong quyền lực của ai hết… Thiền định nhắm đến tinh thần của Tam tướng, đó là thiền Quán.

2. *Aramanu panijhāna:* thiền lấy cảnh giả định làm trọng điểm, gọi là thiền Chỉ, tập trung tư tưởng vào trong đề mục nào đó (đất, nước, lửa, hơi thở..) tập trung vào cảnh giả định (cảnh không có thật).

Nếu nói rốt ráo thì thiền Quán nhìn vào bản chất rốt ráo của các pháp. Trong tạng Kinh, Luật thì nói: tôi giận, tôi đói, tôi no… nhưng bên tạng A-tỳ-đàm thì chỉ nói đây là đất, đây là nước, đây là lửa, đây là gió, đây là tâm thiện, đây là tâm tham, đây là tâm sân, đây là tâm thiền… chớ không có người nào ở đây. Trong chú giải có câu này tôi rất thích:

Dukkhameva hi, na koci dukkhito;

Kārako na, kiriyāva vijjati.

Atthi nibbuti, na nibbuto pumā;

Maggamatthi, gamako na vijjatī''ti.

(Chỉ có sự khổ mà không có người chịu khổ; chỉ có hành động chứ không có người hành động; chỉ có sự Niết bàn, không có ai là kẻ Niết bàn; chỉ có con đường thánh đạo mà không có ai đi trên đó"). Câu này có nội dung rất độc đáo,

có hiểu được kinh này mới hiểu được bài Tâm Kinh của Bắc Tông: vô vô minh, vô vô minh diệt – tức là không có khổ tập diệt đạo, không có vô minh, không có lão tử gì hết… Độc đáo ở chỗ, ngày nào mình chưa biết Phật pháp, mình cứ tưởng là có một 'thằng tôi' tồn tại trên cuộc đời này bị cái này được cái kia, thiếu cái này, có cái nọ, cái này ngon, cái này bảnh, cái này hèn…, nhưng từ khi biết đạo thì thấy danh lợi, tình cảm phù phiếm ngoài đời chỉ là giọt sương trên cỏ, ảo giác mù khơi, chứ không phải là cái gì đó thực tại hằng hữu; từ đó họ bỏ hết chỉ tập trung lo cho đạo, lo nghe pháp, lo giữ giới, lo thiền định. Khổ thay, ngày xưa mình chấp danh chấp lợi, chấp tiền, chấp tình, bây giờ mình coi đó là mù sương ảo hóa, giờ đây mình cạo đầu trọc lóc cho bóng lên để rồi mình chấp vào cái khác cao cấp hơn một chút, chấp vào đức hạnh, vào pháp tu: "tôi là người trong sạch", "tôi là người có trí tuệ", "có mấy ai được như tôi"... Chỗ này các vị cần đến một bước đi dứt khoát hơn, nghĩa là, nếu tất cả đau khổ, tất cả mọi sự là ảo thì con đường giải thoát cũng không phải là gì để chúng ta tự hào tự cao tự đắc vì nó. Bởi vì chúng ta giả định phiền não là một chứng bịnh, bao nhiêu pháp môn tu hành chỉ là thuốc chữa bịnh, chỉ có người điên mới đi khoe mỗi ngày mình uống thuốc ngon thuốc đắt tiền. Chúng ta hoàn toàn không có bất cứ một lý do nào để tự hào tự đắc tự mãn rằng tôi là giới luật trong sạch, tôi tinh thông Phật pháp, tôi kham nhẫn, tôi hành xả từ bi trí tuệ v.v... bởi vì mình đang uống thuốc mà. Ngay cả một vị thánh cũng không có một cái gì để các vị đó tự hào, vì một lẽ đơn giản mình bị khổ mình may mắn mình gặp minh sư thiện hữu, thuốc hay, thầy giỏi, thì mình không còn bịnh nữa mình trở thành vị thánh, chỉ vậy thôi, chứ không có cái gì để mình tự hào tự đắc hết. Giống như mình lọt dưới sình, mình loi choi một lát mình leo lên được trên bờ mình rửa sạch cái chưn, thì cái đó có gì đâu mà để khoe. Cho nên ở đây mới nói: Chỉ có khổ mà không có người chịu khổ. Chỉ có tập đế mà không có người tạo ra khổ. Chỉ có Niết bàn chứ không có người chứng đắc - câu này quan trọng lắm, bởi vì có rất nhiều Phật tử cứ mong là tôi sẽ được cái này, tôi sẽ được cái kia, tôi sẽ về trời, tôi sẽ được làm người, tôi sẽ chứng Niết bàn…. Trong Kinh Căn Bản Pháp Môn, kinh đầu tiên của Trung Bộ Kinh Đức Phật đã nói: *Kẻ vô văn phàm phu không hiểu được pháp của bậc thánh, không hiểu được pháp của chân nhân, kẻ ấy đã nghĩ về Niết bàn bằng ý niệm bản ngã, thấy có ta trong Niết bàn, trong Niết bàn có ta, lấy ta đối chiếu với Niết bàn và lấy Niết bàn đối chiếu với bản thân ta, ta nói rằng kẻ ấy không hiểu được Niết bàn*. Trong khi mình cứ thấy danh sắc, tấm thân này, tinh thần này là phù hư ảo hóa thì mình giải quyết được nó thì cũng là thứ ảo hóa phù hư chớ có gì đâu mà hay. Mình coi nó là cỏ là rác thì cây chổi quét rác cũng chỉ là đồ hốt rác thôi.

TỤ HỘI

(Samayasuttaṃ)

Bài kinh này được Đức Thế Tôn giảng tại Kapilavatthu. Theo chú giải, vào một mùa khô năm đó, dòng sông Rohini nằm giữa hai xứ nội và ngoại của thái tử Tất Đạt đã khô cạn, chỉ còn một ít nước giữa dòng. Ở một xã hội nông nghiệp như Ấn độ thời đó (và bây giờ cũng vậy) nước là một nhu cầu thiết yếu và vô cùng sinh tử đối với người làm nông, nên bên nội và bên ngoại của thái tử Tất Đạt giành nhau phần nước ít oi đó cho dân chúng canh tác. Bên Tây có câu: *khi hai con chó đang chơi thân nhau lạy trời cục xương đừng rơi xuống.*Trước đây hai bên hòa hiếu thương mến nhau, nhưng giờ vì quyền lợi, cả hai bên xích mích mâu thuẫn và động binh. Lúc đó Đức Phật xuất hiện và hòa giải cả hai bên. Khi hòa giải rồi họ áy náy ray rứt vì chỉ chuyện cãi cọ mà khiến Thế Tôn vất cả can thiệp, họ bày tỏ lòng hối hận bằng cách mỗi bên cử 250 thanh niên đi xuất gia gieo duyên để tỏ lòng sám hối với Thế Tôn. Năm trăm vị này đều đã có vợ con hoặc đã trưởng thành đến tuổi cập kê cả, họ định xuất gia gieo duyên, nhưng khi vào xuất gia trong thời gian rất ngắn được Đức Phật hướng dẫn họ chứng quả A-la-hán hết. Như vậy là bên cạnh Đức Phật không kể số Thánh tăng có sẵn, chỉ riêng nhóm vị tân thọ tỳ kheo dòng Thích Ca đã là 500 vị La-Hán vây quanh Đức Phật. Đêm đó chư thiên trong nhiều ngàn thế giới nhìn thấy vị Phật ngồi giữa 500 vị La hán họ ngưỡng mộ nên kéo nhau đến đảnh lễ, chiêm ngưỡng. Theo trong kinh, bắt đầu chỉ những vị Trời xung quanh Kapilavatthu thôi, họ đồn với nhau và đọc câu kệ thế này: *Gặp gỡ được một Đức Phật là một điều lợi lạc, lắng nghe được chánh pháp là một điều lợi lạc, gặp gỡ chúng Thánh tăng là một điều lợi lạc.* Chỉ mấy câu nói đó nhưng vang lên đến cõi Tứ Thiên Vương, Đâu Suất, Dạ Ma v.v... Cuối cùng mười ngàn thế giới đều lặp đi lặp lại, vang vọng tiếng vang đó. Chư Phật ba đời, vị nào cũng có tối thiểu một lần đại hội chư thiên trong vô số vũ trụ. Trong đời mỗi vị Phật tối thiểu có một lần đại hội thiên chúng thì đời Đức Phật Thích Ca cũng chỉ có một lần, đó chính là lần này, từ các cõi Phạm thiên như Ngũ Tịnh Cư trở xuống Dạ Ma, Đao Lợi, Tứ Thiên vương… đều tụ họp để nghe kinh thính pháp. Lúc đó Ma Vương (Ác Ma Thiên Tử) nóng ruột, rất là bực mình vì người ta đến nghe pháp quá đông, nên đã huy động một lực lượng tùy tùng rất đông để tạo ra âm thanh hình ảnh phá đám đại hội. Đức Phật biết rõ nên đã chú nguyện rằng: *mong sao tất cả thiên chúng có mặt đại hội này đừng ai nghe thấy gì về sự có mặt của Ma Vương và tùy tùng.* Chủ tớ Ma Vương có hiện hình biến dạng kiểu nào cũng không ai nghe thấy. Đức Phật nhìn thấy chư thiên về đông quá, Ngài suy nghĩ cân nhắc đêm nay nên thuyết pháp độc giảng hay vấn

đáp sẽ tốt hơn. Ngài chọn cách vấn đáp và suy nghĩ ai là người sẽ vấn đáp đêm nay. Xét trong hàng đệ tử Thanh văn, trí tuệ thì có nhưng ngồi vị trí tương đương với Ngài để vấn đáp thì chưa đủ, Ngài nhìn quanh và nhìn rất xa vô số vô lượng vũ trụ không thấy một vị Phật thứ hai. Cảnh giới của chư Phật có ba *khetta*[1] (tạm gọi là khu vực): *Jātikhetta* (sinh vức), *Ānakhetta* (uy vức), *Visāyakhetta* (tuệ vức). Khi thấy chư thiên về đông quá, Ngài nhìn quanh, Ngài nhìn đến một quãng nào đó đã quá xa rồi, trong kinh không nói rõ bao nhiêu, chỉ nói là quá xa. (Xem sớ giải kinh Mahāsamaya của Trường Bộ, những điều chúng tôi nói là kết hợp sớ giải của Kinh Tương Ưng và sớ giải của Kinh Trường Bộ về đại hội này). Lúc đó Đức Thế Tôn dùng Phật trí nhìn quanh không thấy vị nào giống như Ngài, thế là Ngài dùng thần thông hiện ra một vị khác giống như Ngài, gọi là vị *Hóa Phật*. (Nimmitabuddha - Vị Hóa Phật này là do Ngài dùng thần thông để tạo ra giống như Ngài, xin đừng hiểu lầm vị Hóa Phật này giống Phật Đa Bảo trong Kinh Pháp Hoa). Vị Hóa Phật này từ trên hư không bước xuống và chỗ ngồi của Ngài tự nhiên rộng ra để hai vị có thể ngồi và bắt đầu thuyết pháp vấn đáp. Khi đó Đức Phật suy nghĩ thế này: Đêm nay thiên chúng về đông quá, nhưng chúng sanh trong đời dù có đông bao nhiêu đi nữa vẫn gói gọn trong sáu nhóm: nặng về tham, nặng về sân, nặng về si, nặng về tầm, nặng về tính, nặng về giác; nặng về tham nghĩa là tham nhiều, nổi trội, người thì sân nhiều nổi trội, tầm là lăng xăng, buông cái này bắt cái kia v.v... Đức Thế Tôn quyết định không thuyết pháp một mình mà thuyết theo kiểu vấn đáp, và đề tài thích hợp cho sáu cơ tánh (khuynh hướng tâm lý khác nhau) đó là 6 bài kinh này: 1.Kinh Chánh Xuất Gia (*Sammaparibbajaniyasutta*) dành cho người có tánh tham. 2.Kinh Tranh Luận (*Kalahavivādasutta*) dành cho người có tánh sân. 3.Kinh Vấn Đề Nhỏ (*Culabyuhasutta*) dành cho người có tánh tầm. 4.Kinh Vấn Đề Lớn (*Mahabyuhasutta*) dành cho người độn tánh. 5.Kinh Con Đường Mau Chóng (*Tuvatakasutta*): dành cho người có tánh tín. 6. Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại, hay còn gọi là Kinh Tư Lương (*Purābhedasutta*) dành cho người nặng về tánh giác. Xem 6 bài này trong Kinh Tập (Sutta Nipatā), chương kế chót.

Sáng nay có hai điều tôi thích đó là tôi dịch lại được tựa đề bài kinh Sáng nay có hai điều tôi thích đó là tôi dịch lại được tựa đề bài kinh *Nasantisutta* "*Chúng Không Phải"* thành "*Không Hề Có"* hoặc "*Chưa Từng Có"*, và dịch lại chữ Thiền. Thiền trong PGNT rất rõ ràng: *1/Tập trung tư tưởng là thiền Chỉ, có công dụng áp chế phiền não tạm thời như đá đè cỏ. 2/Thiền Quán: nhìn sâu xa vào bản chất thực sự của vạn hữu, đây là vô thường, đây là khổ, đây là tập v.v...;* chưa là thánh nhân chỉ cần biết bao nhiêu đó thôi, trong khi mình đang nhận diện

đó là đang trên con đường thực hành Đạo đế tuy chưa đi tới đâu hết. Đạo đế rốt ráo thì chứng được Diệt đế. Ngày mai sẽ học 6 bài kinh[2] trên.
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng
[1] Xem 3 Khetta trong bài kinh Vườn Hoan Hỷ giảng ngày 28-5-2014
[2] Xem bài giảng 6 bài kinh này trong Lục Đại Chân Kinh, TK Giác Nguyên. Xb 2017

Bài giảng ngày 9-7-2014 8. MIẾNG ĐÁ VỤN. (8. Sakalikasutta)

Hôm qua là chúng ta đã đi hết bài kinh số 6. Chúng ta đã học bài Kinh Đại Hội, từ bài kinh Đại Hội đó mới dẫn ra duyên sự để học 6 bài Kinh Tiểu Bộ. Hôm nay quay về Tương Ưng Bộ. Có một tâm trạng rất lạ, đó là chúng tôi có một chút tiếc nuối khi rời khỏi phần Kinh Tập. Tiếc nuối là bởi vì nội dung Kinh Tập có nhiều vấn đề để nói với nhau hơn. Hôm trước chúng tôi có nói, kinh nào cũng là kinh, nếu cứ theo thứ lớp mà giảng thì nhiều khi chúng ta chấp nhận nhiều bài nội dung không như ý. Riêng phần Kinh Tập thì một loạt toàn những bài kinh chúng tôi cho rằng tâm đắc. Và có một điều thú vị nữa là Kinh Tập là một trong số những bộ phận kinh tạng được xem là nguyên thủy bậc nhất; gần gũi với Đức Phật nhất. Những phần khác trong kinh tạng như Luật Tạng, A-tỳ-đàm tạng, hoặc những bộ tôi đã giới thiệu thì có một số độc giả nghi ngờ sử tính của những bộ kinh đó, riêng Kinh Tập được xem là nguyên thủy hoặc chí ít là cận nguyên thủy nhất. Buổi đầu chúng ta đã chọn lựa Tương Ưng Bộ thôi thì bữa nay chúng ta trở lại với kinh Tương Ưng Bộ. Kinh bữa nay mình học là Kinh Mảnh Đá Vụn.

Duyên sự bài kinh này, ông Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) là em bà Yasodhara (Da Du Đà La). Theo cách nói thế gian, trước khi xuất gia ông là em vợ của thái tử Tất Đạt. Sau khi thái tử Tất Đạt đi xuất gia trở thành vị Phật thì lúc đó dòng tộc Thích Ca đi xuất gia rất đông. Theo huyết thống, bà Yasodhara là chị gái ông Devadatta, cũng là em họ trong quan hệ cô cậu với thái tử Tất Đạt. Bà con lấy nhau theo tập tục của dòng họ Thích Ca, không lấy người ngoài, sợ loãng đi cái dòng máu ưu việt. Khi Devadatta đi xuất gia, một là do có lòng ham danh lợi, hai là do oan trái tiền kiếp với Bồ tát nhiều đời, nên khi Ngài thành Phật rồi là có cơ hội nào thì ông cứ nhìn Ngài bằng lòng oán hận vô cớ. Ngài là một vị Phật đâu có làm gì nói gì để ông phải phiền, nhưng ông cứ có cái lòng là muốn mỗi lần thiên hạ đến với Phật pháp thì phải xem ông như là Đức Phật. Ông muốn ngồi vào vị trí của Đức Phật. Thật ra, chính Đức Phật xác nhận: *Ta chưa bao giờ có ý nghĩ mình lãnh đạo tăng chúng và tăng chúng đang nằm dưới quyền lãnh đạo của ta.* Ngày xưa tất cả những cái gọi là ngôi chùa không được xem là tài sản của cá nhân nào hết và đời sống của tất cả các vị xuất gia thời xưa hoàn toàn 100% dựa vào hạnh khất thực. Dầu là Đức Phật hay ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ānanda hay Ca Diếp đều ôm bát khất thực, đều bữa đói bữa no, ai cho gì ăn đó. Tôi cũng xin nói thiệt lòng, như tôi bây giờ, xuất thân của tôi tầm thường, tôi không phải là trụ trì phương trượng giảng sư gì chớ tôi ăn đồ ăn khất thực rất khó. Không biết đồ có vệ sinh hay không, vật liệu nấu ăn có lành mạnh không. Dư

đường dư mỡ đang là vấn đề thế giới hôm nay, nên thức ăn dễ là nguồn bệnh cho tỳ kheo khất thực, chưa kể những công nghệ độc hại. Đời sống ngày xưa của tu sĩ rất là giản dị, và vị trí của Đức Phật hoàn toàn nhẹ nhàng, không có gì để một người có lòng tu ham thích hết. Hôm nay chúng ta thấy vị trí của HT Nhất Hạnh, HT Thanh Từ - nói hơi khó nghe chút- nhưng những vị trí đó rất dễ bị xem vị trí bơ sữa, có kẻ hầu người hạ, nói chuyện cũng có ly nước riêng, có khăn lạnh v.v... Đức Phật thì tuyệt đối không như vậy mà Devadatta mong ngồi vào vị trí của Đức Phật. Ông đề nghị Đức Phật chính thức giao lại vị trí cho ông. Đức Phật xác định Ngài có vị trí gì đâu mà giao, mà nếu giao thì không giao cho ổng. Chính vì câu nói đó mà ông Devadatta tìm cách giết Đức Phật. Devadatta dùng nhiều cách ví dụ như thuê cung thủ, dùng con voi Nālāgiri to nhất thành Vương Xá cho uống rượu say để làm hại Đức Phật khi đang đi khất thực, và lần cuối cùng thì lăn tảng đá từ trên cao xuống núi lúc Ngài đang đi kinh hành để đá đè Ngài chết. Nhưng chuyện không xảy ra, có điều mảnh đá vụn từ tảng đá lớn đó văng ra trúng ngón chân của Ngài làm chảy máu. Ngài nhìn lên thấy Devadatta và nói: *ngươi có biết là ngươi vừa tạo một trọng nghiệp làm cho Như Lai chảy máu hay không*. Theo trong kinh tả, vết thương đó đối với người bình thường thì cũng không nặng nhưng đau lắm. Ngài cũng bị đau như vậy và những vị Trời, với tâm họ hiểu được tâm Đức Phật, thấy Ngài đang chịu đựng cơn đau đó và xuống hầu thăm Ngài, họ hiểu lòng kham nhẫn của Ngài và đọc lên những bài kệ tán thán, đó chính là nội dung bài Kinh Miếng Đá Vụn mà chúng ta đang học.

Nội dung kinh không có gì đặc biệt nhưng có vấn đề quan trọng cần nhắc sơ, đó là tất cả những gì chúng ta học được từ Phật pháp, tất cả những kinh nghiệm nào chúng ta có được từ chuyện đi chùa hay tiếp xúc tăng ni, tất cả những kinh nghiệm đó cần phải được xét lại ở điểm là những kinh nghiệm đó có đủ là nguồn tác động tích cực lên đời sống tu học và đời sống nội tâm thường nhật của chúng ta hay không. Biết Phật pháp cho nhiều, đi chùa cho nhiều, tích lũy kinh nghiệm cho nhiều nhưng khi gặp chuyện nho nhỏ như cơn đau thể xác, những nỗi buồn khổ của nội tâm, những cơn nóng giận, sự sợ hãi, sự bất mãn đối với người hay vật hay hoàn cảnh nào đó thì liệu lúc đó những kiến thức kinh nghiệm kia có giúp được gì cho mình hay không. Nếu không giúp được gì thì cần phải xét lại hai điều: kiểu học và tiêu hóa những điều đã học của mình. Chúng tôi có lúc bị bệnh nhiều như sốt, tiêu chảy nhiều lần trong ngày, hoặc đau răng; có lúc giựt mình nghĩ lại, bệnh này đâu có phải chết người mà khả năng kham nhẫn của mình quá yếu, lỡ mai này trên giường chết đối phó với cơn đau khốc liệt hơn, lúc đó có làm chủ nội tâm mình được hay không. Bài kinh này độc đáo chỗ đó, là lời kêu gọi

nhắn nhủ chúng ta rằng, tất thảy những kinh nghiệm Phật pháp, những kiến thức kinh điển của mình cần phải được xét lại xem có giúp được gì cho mình hay không. Điều tệ nhất là mình mất mấy chục năm theo đuổi danh lợi ngoài đời, rồi mất mấy chục năm trong đạo, khi vô sự cứ ngỡ mình ngon lành, khi hữu sự gặp chuyện phải đối phó thì mới tá hỏa ra rằng mấy chục năm nay mấy cái hiểu biết của mình, sự tu học của mình hóa ra công cốc. Có một cư sĩ tu thiền trong rừng năm mươi mấy năm mà không được lợi ích gì hết, nên khởi lòng nghi ngờ không biết là mình tu có đúng hay không, từ nghi ngờ dẫn đến bất mãn, hóa ra từ đó đến giờ mình đi sai đường. VN có câu ca dao: *"Tưởng giếng sâu ta nối sợi dây dài, ngờ đâu giếng cạn ta tiếc hoài sợi dây", "Cầm vàng mà lội qua sông, vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng"*. Ông cư sĩ đã chết đi với niềm bất mãn tiếc nuối trong đầm nước giữa rừng. Đây không phải là câu chuyện nhằm dọa dẫm, chỉ là để suy gẫm, bao nhiêu công phu tu học của mình phải nhắm tới một mục đích lý tưởng nào đó rõ ràng; phải xác định nỗ lực đó có thành quả ra sao, chớ không phải học đạo cho biết, biết được thì tốt, tu thiền theo trào lưu. Cái quan trọng nhất là dù Phật có ra đời hay không, mình có biết Phật pháp hay không thì sanh già đau chết là sự thật, mình có triết lý cao siêu cách mấy đi nữa, thân thể mình càng già càng xấu càng yếu càng nhiều bịnh hoạn hơn và nội tâm của mình nếu không tu tập thì khi sống càng lâu, nội tâm càng nhiều vấn đề, lì lợm ngoan cố, chai sạn, khó tiếp nhận hơn. Một trong những sai lầm lớn nhất của người tu dù là cư sĩ hay xuất gia là một lời tự hẹn với mình sẽ tu thiền khi lớn tuổi. Sai lầm là vì mình không biết mình sống được tới già hay không. Tuổi trẻ là thời điểm tốt nhất để tu tập thiền định, nếu có nhu cầu nghiên cứu Phật pháp thì tốt, nhưng làm gì làm thì phải bỏ tư tưởng về già mới tu thiền. Một nội tâm không được tôi luyện từ trẻ thì già khó dạy lắm. Từ chỗ đó, việc ra đi thanh thản e khó. Đừng có lòng thơ ngây cho rằng cạo đầu đắp y là tu, hoặc có pháp danh, có bố thí cúng dường, lui tới chùa miễu tự viện gặp gỡ tăng ni là tu. Khi con bò không chạy thì đánh con bò chứ không phải đánh thùng xe, kiểu tu của mình là đánh thùng xe chứ không phải đánh con bò. Đánh con bò là giải quyết cái tâm chứ không phải là hình thức. Ngay lúc sống hãy nghĩ đến lúc chết, lúc trẻ phải nghĩ đến lúc già, lúc khỏe phải nghĩ đến lúc yếu, lúc đang còn điều kiện tu học phải nghĩ đến lúc không còn điều kiện. Trong Tăng Chi, Đức Phật dạy: *Này các tỳ kheo, đây là thời điểm thích hợp nhất để các ngươi tinh tấn nỗ lực thiền định, nỗ lực tu tập, đó là thời điểm các ngươi còn trẻ còn khỏe chưa có bệnh hoạn, tăng chúng chưa chia rẽ nhau, thời điểm nhân gian chưa có chiến tranh loạn lạc, thời điểm mà các ngươi còn khất thực dễ dàng…* Quí vị hãy tưởng tượng nếu giờ đây quí vị bị một chứng bệnh nào đó, cao huyết áp, tiểu đường, sạn thận v.v... Chỉ đau răng, chóng mặt là khó khăn

rồi. Cách đây mấy hôm tôi có đi bộ với mấy người Phật tử, họ đâu có lớn tuổi hơn tôi mà đi bộ không nổi, tay cầm có mấy ký mà đi không nổi. Tôi nghĩ, yếu như thế này thì sau này làm sao đối phó với bệnh hoạn trầm kha khốc liệt. Tuổi già đang gõ cửa, tu làm sao để thấy quan tài nằm trước mặt mình chớ không phải nằm ngoài rừng cây. Nằm ngoài rừng cây nghĩa là khi mình nằm xuống, con cháu sẽ đốn cây này làm quan tài cho mình thì còn xa lắm, còn thấy quan tài nằm trong thân cây chưa xẻ gỗ thì chưa khá. Phải thấy quan tài đã được xẻ gỗ, đóng rồi, sơn phết, sắp đặt rồi, chờ khiêng bỏ vô thôi, thì mới khá.

Bài kinh Miếng Đá Vụn này cho mình nhiều gợi ý đặc biệt. Trước khi xảy ra sự cố, Đức Thế Tôn là người như thế nào, từ khi vết thương hành hạ thân xác, Ngài như thế nào. Trong chú giải kể một vị thánh A-la-hán lúc lâm trọng bệnh, Đức Phật có đến thăm, Ngài hỏi: *Có chịu nổi không, có dấu hiệu khá hơn không?*

Vị ấy trả lời: *"Bạch Thế Tôn, đối với con, chuyện nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, con không sợ hãi tiếc nuối nữa. Có điều con nghĩ, nếu ngày trước con có tu tập thiền Chỉ thì khả năng chịu đựng của con tốt hơn, cơn đau ít hoành hành hơn".* Thiền quán giúp cho mình sự trực nhận, hiểu thấu bản chất của các pháp, lìa bỏ phiền não. Xét về mặt tu hành giải thoát thì thiền Quán là lựa chọn số một, tối ưu, duy nhất và tốt nhất. Tuy nhiên, thiền Chỉ cũng có tác dụng đặc biệt, trị bệnh là phải dùng thuốc chữa đặc trị nhưng không phủ nhận giá trị của thuốc tê, thuốc mê, là phương tiện hỗ trợ trong quá trình trị liệu. Những ngày tôi làm răng, tôi nghĩ nếu không có thuốc tê chắc chết. Một lần tôi đi làm răng về, thuốc tê chưa tan, đói bụng quá, mở tủ lạnh thấy miếng dưa hấu, tôi ăn ngon lành mà sao nghe cái miệng có cảm giác rất kỳ, có cái gì đó hơi đau, tanh tanh nồng nồng, nhổ ra toàn máu thì mới biết đã nhai phần thịt mặt trong gò má mình, vì có thuốc tê nên nó không đau. Giới luật là hành trang để mình trang bị; thiền định cũng là một thứ trang bị; thiền quán cũng là thứ trang bị; kiến thức Phật pháp là một thứ trang bị và sự tĩnh tâm, kham nhẫn, tinh tấn, hành xả, từ tâm cũng là những thứ trang bị; thiếu đi một trong những thứ này chắc chắc đời sống ta có vấn đề, một ngày nào đó đối diện hoàn cảnh khốc liệt dứt khoát chúng ta sẽ tiếc nuối. Một vị thánh thì không tiếc nuối chớ phàm phu thì chắc sẽ tiếc nuối. Tôi xin nói rõ, thí chủ dâng y, thí chủ xây dựng chùa chiền, đúc chuông tượng, ấn tống kinh sách v.v... rất tốt, nhưng chưa đủ. Hãy coi chừng, công đức đó chỉ là phần nhỏ cho đời tu chứ chưa đụng chạm gì đến đời sống nội tâm của mình. Đó là nội dung của bài kinh Miếng Đá Vụn, và chú giải cũng không có gì đặc biệt.

9. CON GÁI CỦA PAJJUNNA

[31] Ba lý do tạo mưa bão

Pajjunna là một vị thiên tử chuyên trách vấn đề mưa bão ở cõi người. Mưa bão giông gió theo trong kinh là hiện tượng thiên nhiên nhưng cũng có nhiều lý do. Có ba lý do tạo mưa bão:

(1) (1) *Thiên nhiên*. Vận hành tự nhiên của pháp hữu vi, có trái đất thì phải có sông ngòi kinh rạch cây cỏ đất đá, khí quyển, hóa chất, những xáo trộn thay đổi của các thành phần này khiến cho có mưa, có giông.

(2) (2) *Ý muốn của ai đó*. Những vị có thần thông (nhân loại hoặc chư thiên), có thể vì lý do riêng tư mà họ làm ra mưa, hoặc hạn hán. Trong kinh có kể, có vùng đất mà người dân ở đó sống không có đạo đức, xúc phạm người tu hành làm chư thiên nổi giận và họ khiến ra thiên tai lũ lụt.

Trong lịch sử thế giới, có thành phố Pompeii, chỉ một đêm thôi mà núi lửa xóa sổ 100%, có thể là chuyện bình thường do hoạt động của núi lửa, có thể do ý muốn của một vị Trời nào đó muốn trừng phạt chúng sinh ở đó, nhưng phải nhằm lúc nghiệp trổ mới chịu tai họa, nếu không nhằm lúc nghiệp trổ thì cũng được bình an vô sự, chớ không phải ai có thần thông muốn làm gì thì làm. Ví dụ quí vị có lòng thương tôi, muốn cho tôi cái gì đó, không nhằm lúc thiện nghiệp quá khứ trổ, thì khiến cho trục trặc. Tàu có ông Trình Giảo Kim đi đánh trận về giúp một ông nhà nghèo đến bảy lần nhưng lần nào cũng trục trặc. Nhằm lúc phước không tới thì cha mẹ ruột giúp cũng không được, hoặc kẻ thù hại mình không nhằm lúc ác nghiệp trổ thì cũng không hại được

(3) (3) *Nghiệp lực chúng sinh chiêu cảm*.

Pajjuna là vị chuyên trách việc mưa gió có phân bố đều đặn trên các vùng đất cho chúng sinh trên cõi Người được nhờ cậy hay không. Có những trường hợp do nghiệp lực nặng quá thì vị này cũng không có khả năng can thiệp được.

Cô tiên nữ Kokanadā là con gái của vị thiên tử Pajjunna. Cô là một tín nữ. Nếu đọc Kinh Tạng thường sẽ thường thấy tên của cô này, tên của cổ cũng đáng cho chúng ta suy gẫm. Cõi trời thấp nhất là Tứ Thiên Vương, sống chín triệu năm nhân loại, cõi Đao Lợi sống 36 triệu năm nhân loại. Chúng ta sống chưa được trăm năm mà chỉ cần có chút tiền bạc, sức khỏe, chút điều kiện sinh hoạt là không muốn tu hành rồi, vậy mà một vị tiên nữ, với chuyện ăn mặc, di chuyển hoàn toàn như ý, tuổi thọ đếm mỏi tay mà nghĩ còn đến chuyện xuống hầu Phật. Nếu

một tháng chúng ta kiếm được mười ngàn đô la thì chuyện đi chùa nghe pháp hơi khó rồi, một ngày thu nhập biết bao nhiêu, làm sao dám bỏ tiệm bỏ sở mà đi, mất biết bao nhiêu tiền. Mỗi tháng kiếm mười ngàn thì việc xài số tiền đó cũng nhiều, đi du lịch, shopping, resort, mát xa, thẩm mỹ v.v..., khỏi tu hành; trong khi đó vị tiên nữ không già, không bịnh, không đau nhức mà lại dành thời giờ xuống học đạo.

Nội dung bài kệ nói rằng chư Phật ra đời là chuyện khó, gặp được Phật như vậy, biết chánh pháp như vậy mà không có lòng tu, lại có lòng chống đối (1.khích bác phủ nhận, 2.niềm tin yếu, nghi ngờ, không chuyên tâm). Ở đây có nhắc đến địa ngục Roruva.

Theo chú giải, địa ngục *Roruva* có hai:

- Địa ngục khói mù: *Dhumaror*

- Địa ngục lưới: *Jālaroruva*. Chúng sinh ở đây luôn sống trong lưới lửa địa ngục. Đây chính là địa ngục A tỳ (*Avīcimahāniraya*). *Roruva*nghĩa là than khóc. Ở đây tiếng kêu than khóc dậy trời. Mỗi lần nghĩ có một chảo lớn khoảng mười, mười lăm ngàn lít dầu đang sôi trên bếp là ớn rồi. Sẵn đây tôi nói luôn, không phải ai làm chuyện bất thiện cũng chắc chắn sanh vào địa ngục. Đức Phật nói đó là một thứ tà kiến, mà cho rằng mọi người làm lành chắc chắn sanh vào cõi trời cũng là một thứ tà kiến, bởi vì trong quá khứ chúng ta có vô số tiền nghiệp nên bây giờ có thể mình sống ác ôn mà chết đi bằng một sự hỗ trợ của thiện nghiệp quá khứ mình vẫn đi lên; hoặc kiếp này mình sống thiện suốt đời nhưng lúc chết nhằm lúc ác nghiệp quá khứ trổ mình cũng có thể đi xuống. Tuy nhiên phần thiện phần ác nào đã tạo cũng không mất, chỉ chờ có cơ hội là trổ quả. Bài kinh này nhắc đến địa ngục chỉ là một sự cảnh tỉnh, nếu mình dễ duôi thì đi xuống địa ngục không khó. Mình sống trong tâm trạng nào thì sẽ đi về cảnh giới tương ứng tâm trạng đó. Một ngày 24 giờ, liệu mình sống được bao nhiêu giờ phút cho những thiện pháp: *từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, hành xả*, và bao nhiêu giờ phút sống cho *tham, sân, si, tật đố, bỏn xẻn*?

Đức Phật có dạy trong Tăng Chi, *vị tỳ kheo đi đứng nằm ngồi ở chỗ nào, an trú bằng từ tâm thì chỗ đó là chỗ của Phạm Thiên, chỗ nào tỳ kheo sống bằng tham sân si thì chỗ đó là đọa xứ, và chỗ nào vị tỳ kheo sống bằng trí tuệ, hiểu biết Tam tướng trong danh sắc thì chỗ đó là thánh xứ, trụ xứ của thánh nhân.*Cũng căn phòng đó, giường ngủ đó mà mình vào ra bằng tâm bất thiện thì chỉ là chuồng thú, cũng căn phòng đó mà mình sống bằng thiện pháp thì đó là trụ xứ của thánh

nhân, chư thiên. Trước khi đi vào địa ngục mà mình sống trong phiền não nào thì cũng như đang trong địa ngục tương ứng, đó là quả báo hiện tiền, còn chết đi về đâu lại là chuyện khác. Một vị thiền sư nổi tiếng có nói: *Đừng tiếp tục sống trong sự nóng giận nữa, vì trước khi ta nhận được quả báo của cơn nóng giận đó thì việc đầu tiên ta bị chính cơn giận đó hành hạ. Sống bằng tâm trạng căm hận ghét thù ai thì chính lòng căm giận đó đã thiêu cháy mình.* Nếu hôm nay có người hỏi tôi có tin địa ngục, cõi trời hay không, tôi sẽ trả lời là tôi không muốn nói tin hay không tin, chuyện đó nếu có nó không có gì lạ, cũng không có gì khó tin. Vì nhìn trong hiện tượng thiên nhiên mình thấy chỗ có nước, chỗ có đất, chỗ có lửa, chỗ có gai, chỗ có hoa. Chính bước chân của mình đẩy mình đến chỗ nào có nước, có lửa, có hoa, có gai. Tất cả là do mình thôi. Điều quan trọng là từ bước chân nào mà mình đi xuống nước, từ bước chân nào mình đi lên núi vào rừng… Nếu quả thật còn có chỗ tái sanh thì mình sẽ đi vào chỗ tương ứng với tâm trạng mình đã sống qua, đó là hiển nhiên. Bỏ trái đắng vào miệng thì miệng mình sẽ đắng. Cũng dòng điện đó chạy vô tủ lạnh thì tạo hơi lạnh, mà chạy vào máy sưởi thì tạo hơi nóng. Thiện pháp hay ác pháp cũng vậy, mình sống trong tâm trạng bất thiện thì mình đi về chỗ bất thiện mình ở. Nếu có một chỗ gọi là cõi trời, thì chỗ đó phải dành cho những người làm thiện vì nó tương ứng với người lòng lành, còn có địa ngục thì nó dành cho những người sống ác tâm.

'Avīci': 'Vô gián', 'không có khe hở'. *'Avīci'* có hai nghĩa: 1.lửa cháy không ngừng; 2.chúng sinh dày đặc.

Những địa ngục khác, có lúc lửa tắt, có lúc cháy, (xem Kinh Hiền Ngu - Trung Bộ Kinh), nhưng địa ngục A Tỳ thì cháy liên tục không gián đoạn. Chúng sanh dày đặc vì người này người kia đứng khít rịt vào nhau không có khe hở, ở đó đông vô cùng tận. Tại sao đông như vậy?

Đơn giản thôi, chúng sanh sống bằng tâm bất thiện nhiều hơn tâm thiện. Trong đám chúng sinh sống bằng tâm bất thiện thì ngày của họ sống bằng tâm bất thiện hơn là tâm thiện. Tôi không tin chuyện cầu an cầu siêu, vì khi tôi nhìn người hấp hối hoặc xác cứng lạnh, tôi cứ nghĩ, người này thuở sinh thời có tu tập hay không, nếu có tu tập thì bây giờ không cần tụng niệm gì họ cũng đi lên, như dầu đổ dưới nước vậy. Còn nếu không tu tập thì cũng như tảng đá liệng nước, hiển nhiên là chìm. Tụng thì cứ tụng chứ mang "tính cách hành chánh" là nhiều. Quí bậc tôn túc nào thì quí vị cứ đến hỏi: *Trong kinh điển có nói chỗ nào các vị Thánh tăng đi đến hộ niệm cho người đã chết rồi, đứng tụng kinh cho cái xác cứng ngắc hay không?*

Theo tôi biết chỉ có một trường hợp, là người đó gần ra đi và trong tình trạng có thể tiếp nhận được lời thuyết giảng của Đức Phật và chư tăng; trong trường hợp đó mới có chuyện thăm bịnh, chớ không có chuyện người ta đã mê man tàn tịch mà xúm lại tụng cầu cho họ đi lên. Người ta nằm thiêm thiếp trời sập không hay mà xúm nhau đọc hết kinh này đến kinh khác, đọc tiếng Pāḷi nữa mới chết. Trong kinh mà tôi biết, không có chuyện chư tăng đến hộ niệm cho người mê man không biết gì hết, không còn khả năng nghe pháp nữa, hoặc xác lạnh ngắt rồi mà vẫn đến tụng niệm tùm lum không màng đương sự có hiểu hay không, mà chỉ có trường hợp Đức Phật hoặc ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài Ānanda, ngài Ca Diếp đến thăm người bịnh nào đó trong tình trạng người ta còn tiếp nhận được. Khi đó Ngài hỏi ngắn gọn chứ không phải ê a tụng niệm: *"Có kham nhẫn được không, có tiếc nuối sợ hãi gì hay không* v.v...", rồi tiếp đó là Ngài giảng: *Hãy nhớ, thà là thân bịnh chớ không bao giờ để tâm bịnh*. Tâm bịnh là phiền não bị tác động bởi trần cảnh hoặc những cảm xúc khốc liệt của thân. Hoặc Ngài hỏi: *Ngươi có thấy sắc uẩn là ta hay không hay trong ta có sắc uẩn…,* với điều kiện là đương sự còn sáng suốt, nghe được hiểu được, trả lời được. Những gợi ý của Đức Phật và chư thánh lúc đó giúp ích được cho người ta, đó mới đúng là hộ niệm. Còn kiểu hộ niệm bây giờ là chẳng cần tu hành gì hết, đến khi nằm ngáp ngáp thì tăng ni tới tụng, gọi là hộ niệm. Tôi nghĩ có nhiều người cũng đồng ý với tôi, nếu tu hành đơn giản như vậy thì người ta cần gì phải đến thiền viện cơm đùm cơm nắm cho muỗi cắn. Bản thân mình phải giải quyết cái tâm mình ra làm sao, cần sự gia trì của đám đông để cùng nhau tu tập, chớ chờ đợi hộ niệm bằng mấy bài kinh ê a thì tệ quá. Quí vị còn mở máy ngồi nghe như thế này thì chưa đâu, đến lúc không rờ được cái máy mà nằm ngáp ngáp thì thấy kiểu tu mình là kiểu tu ngoài da, ung thư mà xức dầu cù là.

Tôi biết sáng nay tôi đụng chạm rất nhiều, sẽ làm cho nhiều người sốc, nhưng không thể không nói, sau này các vị sẽ có lúc nhớ là tôi đã đề nghị nên có những điều gì đó thiết thực hơn.

10. CON GÁI CỦA PAJJUNNA

Bài kinh tiếp theo cũng có nội dung không cần giải thích cũng hiểu. Nội dung quan trọng chỉ có mấy câu cuối:

Ở đời, chớ làm ác

Cả ba: thân, khẩu, ý,

Từ bỏ mọi thứ dục,

Chánh niệm, tâm tỉnh giác,

Không khổ hạnh ép xác,

Vô bổ, không lợi ích.

Trong đoạn kệ này đủ Tam học: *thân, khẩu, ý* không làm ác. *"Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā",* Tam nghiệp không làm ác.

Cách đây hai mươi mấy năm về trước, một lần tôi xuống Bến Tre, chỗ cù lao Phú Phụng, tôi có tiếp xúc với một ông cụ, lúc đó cụ cũng hơn tám mươi. Tôi giảng xong cụ nói thế này: *Tôi cũng vui, năm nay tôi tám mấy rồi, cả đời tôi cũng hành thiện, đâu làm gì ác hại ai, hành thiện đúng như lời Sư nói.* Khi nghe, tôi giựt mình, phần lớn thiên hạ đều nghĩ vậy, không đâm heo suốt chó, đốt nhà cướp của,.. không làm chuyện tai tiếng, pháp luật ngăn cấm thì đó là thiện. Nhưng theo trong Phật pháp mà nói rốt ráo thì không làm ác bằng Tam nghiệp không đơn giản như vậy. Tôi thích ăn ngon, tôi thích mặc đẹp, đó là bất thiện; ăn rồi cứ săm soi trước gương, cũng là bất thiện; tôi thích làm vườn, chơi lan, nuôi chim, đó là bất thiện. Vì đó toàn là tâm tham. Nếu nói theo ngoài đời thì nghe hay quá, cả đời làm công chức, nuôi vợ nuôi con, cuối tuần đi picnic, dã ngoại, về già thì cũng đi chùa đánh cờ tướng, đi viện dưỡng lão thăm người già, nuôi vài con chim sáng thức dậy nghe chim hót, chơi lan chơi bonsai v.v... sống vậy thì hoàn hảo quá rồi, thật ra đó là bất thiện. Theo Vi diệu pháp, đó toàn là tâm tham. Nuôi vợ nuôi con là chuyện tốt nhưng thời gian sống bên vợ con toàn là tâm bất thiện, thương, yêu, ái, giận, tham, sân, si…

"Kāyena vā kiñcana sabbaloke": không có lòng dính mắc cái gì đó trong đời này. Cái này hơi khó, làm sao mà không dính mắc. Bà con đừng quên chỗ quan trọng cực kỳ này:

1. *Adhikāra:* túc duyên, tiền nghiệp.

2. *Āsayànusaya*: khuynh hướng tâm lý bẩm sinh, bản tính.

3. *Vihāradhamma*: môi trường hay điều kiện sống hiện tại.

Túc duyên là đời trước mình có làm nghiệp gì đó. là đời trước mình có làm nghiệp gì đó. *Khuynh hướng tâm lý* bẩm sinh mình là người tánh nóng, tánh tham

hay tánh tầm gì đó. bẩm sinh mình là người tánh nóng, tánh tham hay tánh tầm gì đó. *Môi trường hiện tại* là mình đang sống chỗ nào, với ai, điều kiện sinh hoạt ra sao. Ba thứ trên có vai trò quan trọng với chuyện chúng ta dính mắc hay không dính mắc. Có những chuyện mình thấy hay ho thật ra phải xét lại hết. Ở mỗi môi trường khác nhau, cộng với tiền nghiệp quá khứ, khiến cho người ta thấy cái gì đó là vị ngọt, cái gì đó là vị đắng. Đắng và ngọt này không phải là hằng số bất biến mà chỉ là tương đối, chỉ có giá trị nhất định ở một nơi chốn nào đó thôi. Pāḷi có chữ '*sammutisacca'*: 'tục đế', 'định đặt'; '*paramatthasacca'*: 'chân đế', bản chất rốt ráo, chặt không đứt, bứt không rời, không thể chia chẻ ra nhỏ được nữa. Tục đế là những sự thật mang tính ước lệ mặc định, có giá trị ở chỗ này mà không có giá trị ở chỗ khác. Có những quốc gia gật đầu là từ chối, lắc đầu là đồng ý; hoặc có những nước mà người dân phải nong cái môi ra giống như bông nắp ấm. Phụ nữ bộ tộc Kayan ở Miến Điện từ lúc 5 tuổi đã đeo những vòng cổ bằng đồng, chồng lên nhau theo thời gian đến khi tạ thế mới thôi, cổ họ dài ra như cổ rắn với những chiếc vòng đó và họ nghĩ là vậy mới đẹp. Đó là tục đế, khái niệm đó, quan điểm đó chỉ có giá trị ở một nơi chốn nào đó thôi.

"Không chấp thủ ở đời" là vị đó thấy rõ tâm chấp thủ (tâm tham, là bất thiện) không nên có mà cảnh chấp thủ cũng là giả lập, không đáng dính mắc. *Kāyena vā kiñcana sabbaloke* là như vậy đó.

"Kāme pahāya satimā sampajāno".

"Kāme pahāya": Lìa dục ở đây là không lợi dưỡng

"Satimā": chánh niệm. *"sampajāno":* tỉnh giác.

"Lìa các dục" tức là lìa năm trần. Theo trong A-tỳ-đàm, Phạm Thiên cõi Ngũ Uẩn không có năm căn như mình, mà chỉ có 3 căn thôi: nhãn căn, nhĩ căn và ý căn; họ không có ngửi nếm đụng như mình, vì không cần thiết. Người có đủ 5 căn để nhận biết năm trần, cứ tưởng là phong phú nhưng thật ra chỉ thêm phương tiện để làm việc mà thôi. Nếu không còn thích trong cảnh dục nữa thì chỉ cần con mắt để nhìn thấy và lỗ tai để nghe pháp hoặc để nghe nhìn những gì thật sự cần thiết thôi. Còn riêng mũi, lưỡi, xúc giác, nói rốt ráo thì không cần nữa. Do nghiệp dục ái đời trước nên đời này mình sinh ra trong cõi Dục giới phải đủ 5 căn để sống bằng 5 căn đó: thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, chứ thật ra cái biết đó không thật sự cần thiết. Nếu sinh ra ở cõi Dục mà dục ái còn nguyên chưa mất thì sự khiếm khuyết các căn là điều đáng tiếc, là bất hạnh, nhưng nếu là Phạm Thiên ở cõi Ngũ Uẩn thì không có vị giác khứu giác xúc giác thì không phải là thiếu vì

người ta không cần nó. Phạm Thiên nhìn thế giới này từ ba cửa sổ, những gì thấy, nghe, và suy nghĩ. Còn mình nhìn bằng 5 cửa, tưởng là đầy đủ, nhưng vì mình nghèo nên đi đâu mình cụ bị đầy đủ thứ lỉnh kỉnh, nhà giàu thì chỉ cần xách tiền mặt hoặc thẻ là đủ. Phạm Thiên cũng giống như vậy đó. Lìa dục phải hiểu sâu rộng như vậy đó, mình còn sống trong dục thì mình cần năm giác quan.

"Dukkhaṃ na sevetha anatthasaṃhitan": sống không khổ hạnh ép xác.

Câu cuối bài kệ là kêu gọi sống không khổ hạnh. Tu là phải đơn giản nhưng không có nghĩa đày đọa bản thân bằng những sự thiếu thốn. Ông Einstein, cha đẻ Thuyết Tương đối, có câu: Câu cuối bài kệ là kêu gọi sống không khổ hạnh. Tu là phải đơn giản nhưng không có nghĩa đày đọa bản thân bằng những sự thiếu thốn. Ông Einstein, cha đẻ Thuyết Tương đối, có câu: *Đời sống có lúc chúng ta phải phức tạp, có lúc chúng ta phải đơn giản, nhưng nếu có đơn giản thì đừng dưới mức cần thiết và nếu có phức tạp thì đừng quá mức cần thiết.* Mọi thứ trong đời sống, dù tinh thần hay vật chất, phải ở mức độ cần và đủ, cần là cái gì không thể thiếu được, đủ là không dư và cũng không thiếu. Dư là cái gì đó cần phải bỏ ra bớt, thiếu là cái gì đó cần phải thêm vô, lớn nhất nghĩa là ngoài nó ra không còn cái gì nữa, nhỏ nhất là bên trong nó không còn cái gì nữa. Năm quyền của hành giả là tín tấn niệm định tuệ mà có trồi sụt thì cũng không đắc chứng được gì hết, phải quân bình, cân bằng với nhau thì mới đắc chứng được, không có cái nào quá mạnh hoặc quá yếu. Lợi dưỡng, khổ hạnh cũng vậy. Khổ hạnh là tự làm khổ mình bằng cái thiếu, lợi dưỡng là tự làm hư mình bằng cái dư. Trung đạo là không dư không thiếu, không nặng về bên phải cũng không nghiêng về bên trái. Trong đời sống thường nhật của mình, người nội trợ cũng phải biết luật này, quá dư hay quá thiếu cũng không làm nên món ăn ngon, nói chi là đời sống tinh thần của mình.

Nội dung bài kệ này là đời sống có lúc cần có sự đơn giản và cũng có lúc phải chấp nhận sự phức tạp. Nếu có đơn giản thì đừng dưới mức cần thiết, nếu có phức tạp thì đừng quá mức cần thiết. Mọi thứ nên ở mức cần và đủ.

Bài giảng ngày 10-7-2014 *V. PHẨM THIÊU CHÁY* THIÊU CHÁY

Sáng nay chúng ta học bài kinh Thiêu Cháy. *Ādittasutta*: 'bị thiêu cháy', 'bị đốt nóng'. Chúng ta biết ngay khi Đức Thế Tôn vừa thành đạo xong thì Ngài có giảng một loạt mấy bài kinh được xem là nền tảng hay cương lĩnh cho toàn bộ giáo lý. Đã nói Nhất thiết trí thì không có cương lĩnh, không có soạn bài sẵn đâu, chúng tôi chỉ ý muốn nói, toàn bộ nội dung của mấy chục năm sau gói ghém trọn vẹn trong năm bài pháp đầu tiên sau khi thành đạo, chẳng hạn như bài kinh Chuyển Pháp Luân, Kinh Vô Ngã Tướng, Kinh Ādittapariyāyasutta, trong bài kinh này Ngài xác nhận rằng, lục căn là lửa, nếu mình không khéo tu tập thì nó sẽ đốt cháy mình. Toàn bộ thế giới này bị thiêu cháy, bị đau khổ vì người ta không tu tập trong 6 căn, đó là toàn bộ Phật pháp rồi còn gì nữa, vấn đề cần giải quyết là khổ và con đường diệt khổ, vấn đề này nằm gọn trong 6 căn.

'Ādittasutta' ở đây thấy có liên quan vậy chứ mang nghĩa rộng, khác với bài kinh tôi vừa trích dẫn. Theo bài kinh này, Đức Phật dạy rằng thế giới này mọi thứ đang bị đốt cháy. Về vật chất thì mọi thứ đang sẵn sàng bị vô thường, biến hoại, thay đổi, về đời sống tinh thần thì chúng sanh luôn luôn bị đốt cháy trong phiền não. Câu *"Tam giới như hỏa trạch"* có hai nghĩa cả vật chất lẫn tinh thần: luôn trong tình trạng đi tới. Trong bài viết Những Ngọn Nến Đời, tôi có xác nhận một điều, toàn bộ thế giới này với cả nền văn minh văn hóa mấy nghìn năm của nhân loại, mọi thứ luôn trong tình trạng bị thiêu hủy giống như ngọn nến vậy. Ngọn nến được làm ra để được đốt chứ không phải để chưng. Ngọn nến chỉ phát huy ý nghĩa của nó khi bị đốt cháy và nó chỉ khẳng định được sự tồn tại của nó thông qua sự tiêu hủy. Khoa học hôm nay cũng nhìn nhận rằng sự tồn tại của thế giới này chỉ là một quá trình tiêu thụ năng lượng và tự hủy mà thôi. Mọi thứ dầu muốn dầu không đều trong tình trạng bị đẩy về phía trước.

Đức Phật dạy rằng dầu muốn dầu không chúng ta cũng sẽ già đi, sẽ lìa bỏ tất cả những gì mình thương thích, mình không bỏ nó thì nó cũng bỏ mình, giống như ngôi nhà đang cháy. Người gia chủ thông minh chỉ có một cách hành động là tự thoát ra khỏi lửa cháy không có thời gian cộng trừ nhân chia nữa đâu. Chúng ta không biết chắc mình sống được bao lâu. Sáng đi đánh golf, tennis, dã ngoại, chiều có trở thành người bệnh liệt giường thì cũng không có gì lạ. Sáng nay mình là nhân vật tiếng tăm chiều mình thành người tiếng tai; sáng đi hai chân, chiều đi xe lăn… thì đó cũng là bản chất của đời sống.

"Trong ngôi nhà thiêu cháy,

Vật dụng đem ra ngoài,

Vật ấy có lợi ích,

Không phải vật bị thiêu.”

Nếu chúng ta đem ra được món nào thì món đó còn xài được, món nào kẹt trong nhà thì bỏ. Có hai cách hành động trong ngôi nhà đang cháy, một là để nguyên đó cho nó thành tro, hai là đem ra ngoài. Chúng ta sống trong đời sống cái gì cũng mong manh, hoặc nó lìa bỏ mình, hoặc mình lìa bỏ nó, thì cách thông minh nhất là đem đi cho ra. Cái giá trị của một con người không nằm ở chỗ anh ta nhận được từ cuộc đời mà giá trị của mỗi cá nhân được đánh giá thông qua những gì anh ta trao ra. Trúng số được 100 triệu đô la mà tôi không biết dùng nó cho người khác thì 100 triệu đó chỉ là phương tiện ăn chơi trác táng cho riêng tôi; nếu tôi nướng 100 triệu đó ở các sòng bài thì nó cũng trở thành tro tàn. Trong khi đó tôi là người cư sĩ, tôi cắt cỏ, rửa chén, một tháng có mấy ngàn, nhưng tôi chia sẻ cho người nghèo VN, cho bạn bè khốn khó, cho chùa chiền… thì mấy ngàn đó nói theo trong kinh là sử dụng một cách thông minh. Một người cư sĩ chuẩn mực có cách sử dụng tài sản được phân chia hợp lý như sau:

- ¼ trả nợ cũ: nuôi dưỡng cha mẹ và người ân của mình khi họ đang cần.

- ¼ cho vay nợ mới: chăm sóc vợ con, giúp đỡ bạn bè

- ¼ đem liệng bỏ: phần xài cho mình, không có gì đáng nói (cơm ăn áo mặc nhà ở… liệng bỏ nhưng rất cần thiết)

- ¼ đem chôn để dành: làm phước.

Đời sống này hôm nay đối với chúng ta có lẽ khó, ngay cả việc trả nợ cũ, nuôi dưỡng cha mẹ ông bà người ơn làm gì chúng ta dám xài ¼?

Cho vay nợ mới thì hơi nhiều, lo cho con học trường nổi tiếng, lo cho vợ đi làm đẹp v.v...

Có 4 hạng người:

- Rộng với mình mà hẹp với người (mình xài rất thoải mái nhưng một cắc cho ra cũng khó)

- Rộng với người mà hẹp với mình (có nhiều người tiện tặn, nhưng xài cho người khác rất rộng tay)

- Rộng với mình và rộng với người (xài toàn hàng hiệu hàng xịn, giúp đỡ người khác cũng hào phóng)

- Hẹp với mình và hẹp với người (Bản thân không dám xài cho mình, mà cũng không dám chia sẻ cho người khác)

Trong một thế giới mà từng con người luôn luôn đứng trước bờ vực của cái chết, thì chúng ta cần có một cách sống thông minh. Tôi nhớ trong Kinh Pháp Cú của Tâm Cao có câu rất là hay:

Người nay như lá vàng khô,

phất phơ đứng tựa cửa mồ diệt vong,

tử thần chờ đợi bên trong,

Tư lương sao chẳng dọn lòng lo tu

(Thi Hóa Kinh Pháp Cú, Tâm Cao)

Theo tôi, Thầy Tâm Cao (đã hoàn tục và nghe đâu đã mất rồi) chuyển Pháp Cú ra thơ VN thành công nhất. Có nhiều tay thi bá trong làng thơ VN biến kinh thành thơ. Bên Bắc Tông có một vị, Nam Tông có một vị, nhưng theo tôi theo thì thi hóa Kinh Pháp Cú không so được với thầy Tâm Cao, tiếc rằng vị này không có nhiều thời gian cho việc này. Quí vị tìm quyển kinh thơ Thi Hóa Kinh Pháp Cú của thầy Tâm Cao. Bài kệ Đức Phật đọc lúc Ngài mới thành đạo, đọc một mình giữa rừng, bài đó rất khó dịch, văn xuôi đã khó, vậy mà thầy dịch ra tiếng Việt rất hay, rất lãng mạn:

"Lang thang bao kiếp luân hồi,

Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà này!

Ôi! Đời sống thật buồn thay!

Bèo mây bến cũ vần xoay lối về.

Hỡi này anh thợ nhà kia,

Rui mè kèo cột gãy lìa nát tan.

Bao tham ái thảy tiêu tàn,

Tâm Ta thắng đạt, Niết Bàn thảnh thơi.”

(Pháp cú- kệ 153-154, Tâm Cao dịch)

Đối với tôi bản dịch đó giống như bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu. Thầy Tâm Cao đã dịch rồi, người khác mỗi lần muốn làm lại công trình đó cũng phải e ngại.

Ví như ngọn núi kiên trì

Gió cuồng tứ hướng dễ gì chuyển xoay

Tiếng đời chê dở khen hay

Không làm chao động đôi mày trí nhân

"Cho dù bay vút lưng trời

Cho dù đáy biển trốn thời được đâu

Cho dù núi thẳm hang sâu

Không nơi nào thoát quả sầu đã gieo."

Trẻ không sớm biết tu hành

Chẳng lo tài sản để dành mai sau!

Cò già ủ rủ bên ao

Cá tôm chẳng có xanh xao chết mòn!

Một phần tuổi thơ của tôi là những bài Thi hóa Pháp Cú của thầy Tâm Cao và cũng có những bài của thầy Minh Đức Triều Tâm Ảnh, ví dụ bài thầy viết cho lễ Dâng y ở Huyền Không, Huế:

Mười phương tăng tục về đây

Duyên y vàng chuyển kiếp mây bọt bèo

Bông hoa đàm nở tâm nghèo

Trông mây ái nọ trôi theo bóng chiều

Dĩ nhiên chúng ta chuyên tu thiền định chánh niệm tốt rồi, nếu phải dễ duôi để tâm nó lăng xăng một chút thì thà để bụng thuộc lòng những bản dịch, những câu thơ đó. Thầy Minh Đức có câu thơ Chữ Hiếu:

"Từ độ lớn khôn đi vào đời dâu bể

Con chưa một lần đền đáp thâm ân

Con lặn hụp trong vô vàn máu lệ

Khi quay nhìn thì sương trắng đã phù vân

Tóc mẹ bạc như tuyết pha đầu núi

Dáng mẹ gầy như vẻ hạc trăm năm

Đã bao đêm chong đèn khuya lệ tủi

Ôi kiếp người sao cứ mãi ăn năn...

Giọt lệ khô như gió nam Trường Sơn

Bao nhiêu tuổi tác bấy nhiêu buồn

Nửa đêm nhớ mẹ trùm chăn kín

Khóc một mình, ôi chỉ một mình con...!"

Thầy có một câu nữa lạc đề trong bài giảng này nhưng tôi cũng nói luôn. Tôi muốn treo câu này trong phòng tôi:

"Xin đại nguyện giữa vô cùng sa mạc,

lấy muôn thân đảnh lễ Phật ven đường"

Cuộc đời này như giữa sa mạc nhưng vẫn xin một lòng thờ Phật trong đại nguyện tầm đạo, dầu ở phương trời nào, trong hình hài nào, trong hoàn cảnh nào cũng nhìn thấy Phật. Và dĩ nhiên tôi không thể quên những bài kệ của sư phụ tôi, Thượng Tọa Thích Hoằng Pháp, bài về Ba La Mật:

Bậc trí tuệ giác phần chóng đắc

Vì căn cơ xuất sắc hơn thường

Trí nhân tâm tánh như gương

Nên khi quang chiếu vô thường nhận ngay.

Bậc đức tin lâu ngày hơn trí

Vì tánh nhân ít nghĩ rõ ràng

Tánh nhân cá tánh đoan trang

Lại ưa mến chuộng dị đoan linh thần

Bậc tinh tấn thì năng phục vụ

Kém khôn ngoan chẳng đủ niềm tin

Thế nên khó đắc giác minh

Lâu hơn trí tuệ đức tin mấy lần.

Lớn lên trong đạo trong chùa, đây là những dòng suối nguồn nuôi lớn tâm hồn mình.

Trở lại bài kinh, khi giờ cuối cùng đến thì bỏ thân, bỏ sở hữu. '*Sarīra'*: 'xác thân'. '*Pariggaha'*: 'tài sản', 'vật sở hữu'. Khi mình chết rồi thì hai thứ này bỏ hết.

Một khi thần chết hiện về,

nào ai có thể chở che cho mình,

vợ con dẫu có chí tình,

ngậm ngùi chỉ biết lặng thinh đứng buồn

Đứng ở góc độ thơ ca bài thơ này bình thường, nhưng góc độ thi hóa bản kinh thì vô cùng khó. Cái khó ở đây là sao giữ được cái gốc của kinh và dễ nhớ cho bản tiếng Việt.

Con ta tài sản đây là,

Phàm phu nghĩ thế nhưng mà có chi

Chính thân còn chẳng có gì

Huống là sự nghiệp còn chi của mình

Câu này tôi mê đến nỗi thuộc lòng cả Pāḷi:

Puttā matthi dhanammatthi

iti bālo vihaññati; Người ngu nghĩ tôi có tài sản, có con cái

Attā hi attano natthi, Bản thân mình còn không có

kuto puttā kuto dhanaṃ. thì con đâu, tài sản đâu

Tất cả những bài kệ trên đều là Kinh Pháp Cú do thầy Tâm Cao thi hóa. Một trong những việc làm ý nghĩa là kiếm được quyển này đem in lại. Cho đến thời điểm này iphone 6 sắp ra rồi vậy mà có vô số bà con VN cho đến bây chưa biết tablet, iphone là gì, họ vẫn cứ tiếp tục thích cầm sách trên tay thích nghe mùi giấy mới; bản in trên giấy vẫn cần thiết. Còn nếu không muốn in giấy thì đưa lên internet nhưng vô số bà con mình không thích đọc trên internet, đi lên chùa, đi ra chợ, ngồi trên xe đò họ thích đọc trên giấy hơn. Có vị nói tìm không ra bản thi hóa này, tôi xin nói rõ, dễ ợt hà, vào trong chùa, chắc chắn 70% trong số những vị tôn túc xuất gia trước năm 80 đều có. Các vị trẻ bây giờ đọc toàn sách mới thôi.

Khi giờ cuối cùng đến,

Bỏ thân, bỏ **sở hữu**.

Kẻ trí, hiểu biết vậy,

Thọ dụng và bố thí,

‘*Sở hữu*’ là tài sản. ‘*Bhunjati’*: (nghĩa đen là) ‘ăn’, (nghĩa bóng là) ‘hưởng thụ’, ‘tiêu xài’. *Dadàti*: ‘cho’. Câu kệ trên nghĩa là biết xài cho mình và cũng xài cho người khác. : ‘cho’. Câu kệ trên nghĩa là biết xài cho mình và cũng xài cho người khác. **Rộng rãi không có nghĩa là hoang phí, tiết kiệm không đồng nghĩa với**

hà tiện, chuyện đáng xài phải xài. , chuyện đáng xài phải xài. **Nếu phải rộng rãi thì đừng quá mức cần thiết, nếu phải tiết kiệm thì đừng dưới mức cần thiết.**

"Thí **xong**, thọ dụng **xong**", "*Xong*" là do HT Minh Châu dịch sát.

''Atha antena jahati, sarīraṃ sapariggahaṃ;

Etadaññāya medhāvī, **bhuñjetha** ca **dadetha** ca;

Datvā ca **bhutvā** ca yathānubhāvaṃ;

Anindito saggamupeti ṭhāna''nti.

'Bhunjetha' là sử dụng cho mình mình. "*Bhunjetha bhutvà, dadati datvà'';* người trí sau khi biết đời sống luôn vô thường, họ biết sử dụng tài sản một cách đúng mức, biết dùng cho mình và cho người khác. Hôm qua có một Phật tử email cho tôi và nói từ lúc tham gia lớp này họ muốn học tiếng Pāḷi, từ đó tôi nghĩ mỗi buổi giảng giáo lý này, tôi dành một chút thời gian để nhắm đến những đối tượng đó. Mỗi bữa quí vị làm quen với một số từ Pāḷi mà tôi cho là cần thiết, thì như Nguyễn Hiến Lê nói, thời gian để học một ngoại ngữ lâu hay mau tùy người, để có một số từ tương đối đủ xoay sở trong lĩnh vực mình thấy cần, mỗi ngày chỉ cần 3 đến 5 chữ, một tuần 5 ngày, thì 100 ngày, 1 năm rồi 3 năm như vậy vốn từ sẽ rất là nhiều.

Theo lực hành động ấy,

Không bị ai chỉ trích,

Vị ấy được sanh Thiên.

Trong Trung Bộ Kinh 3 (bản in trước 1975) có bài kinh Ghatikārasutta. Ghatikāra là một nhân vật cư sĩ rất là đặc biệt, nghèo xác xơ, không có tài sản mà không có ý đi tìm tài sản, chứng Tam quả - chứng A-na-hàm thời Phật Ca Diếp. Vị này làm nghề đất sét mà không muốn đào đất vì sợ chết côn trùng nên đi tìm những miếng đất khô lăn lóc chỗ chuột, cua đào lên để làm lu chậu đem bán. Vị này còn nuôi cha mẹ mù. Có lần Đức Phật Ca Diếp đến lúc Ghatikāra đi ra đồng, trong nhà chỉ có cha mẹ của vị này. Đức Phật Ca Diếp đã làm một việc mà Ngài chưa từng làm, và cũng không bao giờ làm với người khác. Ngài xuống bếp tự tay múc cháo đổ vào bát. Một vị Chánh Đẳng Giác, Thiên nhân chi đạo sư và xuống bếp của một gia đình nghèo xơ xác múc cháo đổ vào bát! Cha mẹ của

Ghatikāra nghe tiếng động bèn hỏi *"Ai đó"*. Đức Phật Ca Diếp trả lời: *"Như Lai đến lấy cháo"*. Câu trả lời làm hai ông bà bàng hoàng xúc động, không ngờ con người vĩ đại đó lại đi đến nhà mình tự xuống nhà bếp múc cháo. Đức Phật đã đem lại cho hai ông bà một niềm vui quá lớn. Hai ông bà vui quá nhịn ăn một tuần, ăn không vô. Ghatikāra về nghe kể lại, bỏ ăn nửa tháng. Một ngày kia, ông bà đang ngồi thì nghe trên mái nhà có tiếng động, liền hỏi *"Ai đó"*. Mấy vị sư trả lời: *Chúng tôi là sư ở chùa, chòi lá của Thế Tôn bị dột nên sai chúng tôi đến lấy lá về lợp sửa mái lá cho Thế Tôn*. Quí vị nghe có thể nghĩ rằng sao vị Chánh Đẳng Chánh Giác lại hành động như vậy, chỗ mình dột lại đi dỡ nhà người ta. Xin nói rõ, Đức Phật nào cũng vậy, Thích Ca, Ca Diếp, Nhiên Đăng đâu có thiếu thứ gì nhưng hành động như vậy vì biết việc này sẽ dẫn đến điều gì. Khi nghe chư tăng nói vậy thì ông bà hoan hỉ quá, lại bỏ ăn nữa. Chuyện về sau đến tai vua, vua cho chở mấy trăm xe tài sản đến để hỗ trợ vật chất cho cha mẹ của Ghatikāra. Quí vị đừng bắt chước, xưa thì có ông vua vậy, chứ hôm nay quí vị dỡ mái nhà đem cúng chùa thì không có làng xã nào giúp đâu nghen. Tôi muốn nói Ghatikāra là một cư sĩ nghèo nhưng cách sống đẹp quá, sống có ta, có người. Chuyện khó tin nhưng có thật. . Quí vị nghe có thể nghĩ rằng sao vị Chánh Đẳng Chánh Giác lại hành động như vậy, chỗ mình dột lại đi dỡ nhà người ta. Xin nói rõ, Đức Phật nào cũng vậy, Thích Ca, Ca Diếp, Nhiên Đăng đâu có thiếu thứ gì nhưng hành động như vậy vì biết việc này sẽ dẫn đến điều gì. Khi nghe chư tăng nói vậy thì ông bà hoan hỉ quá, lại bỏ ăn nữa. Chuyện về sau đến tai vua, vua cho chở mấy trăm xe tài sản đến để hỗ trợ vật chất cho cha mẹ của Ghatikāra. Quí vị đừng bắt chước, xưa thì có ông vua vậy, chứ hôm nay quí vị dỡ mái nhà đem cúng chùa thì không có làng xã nào giúp đâu nghen. Tôi muốn nói Ghatikāra là một cư sĩ nghèo nhưng cách sống đẹp quá, sống có ta, có người. Chuyện khó tin nhưng có thật. **Giá trị con người là ở chỗ anh ta cho ra cái gì chứ không phải anh ta nhận cái gì. Niềm vui từ những gì mình nhận được luôn luôn nhỏ xíu so với những gì mình cho ra.** Nếu có ai đó đem cho tôi một chiếc xe trị giá 20 ngàn đô la tôi mừng tôi cảm kích lắm, nhưng niềm vui đó nhỏ xíu, vui nhiều lắm là một năm. Nhưng nếu hôm nay tôi bỏ ra một phần mười số tiền đó để hỗ trợ xây cái giếng nước hay con đường làng nào đó ở Miến Điện, Tích Lan, Việt Nam; hai nươi năm sau tôi già cả lụm cụm mà nhìn thấy cái giếng, thấy con đường đó tôi vẫn còn vui. Nếu tôi có con có cháu tôi sẽ nói với nó rằng ngày xưa ông nội bỏ tiền ra để giúp người ta khỏi đi gánh nước xa. Hai mươi năm nữa thì cái giếng đó trong lòng tôi vẫn mới tinh với chỉ hai ngàn đô la. Trong khi hai mươi ngàn nhận từ người khác thì một năm thôi đã hết vui rồi. Niềm vui của người cho ra luôn lớn

hơn niềm vui của người được nhận, nhưng khổ nỗi mình không tin, mình khoái nhận hơn khoái cho.

CHO GÌ

(Kiṃdadasutta)

"Cho gì là cho lực?

Cho gì là cho sắc?

Cho gì là cho lạc?

Cho gì là cho mắt?

Cho gì cho tất cả?

Xin đáp điều con hỏi?

"

Có người (khuyết danh) đến hỏi Đức Phật: Ai trong đời này cũng cần có sức mạnh, có nhan sắc, thoải mái hạnh phúc; nhưng muốn có những cái đó phải làm sao, bố thí cái gì để mai mốt mình có những thứ ấy, cho cái gì để được nhiều?

Có điều này bà con nhớ giùm vì nó vô cùng quan trọng. Có những cái mình thấy thường, mình cho nó là bình thường; khi thấy nó bình thường, mình diễn nó ra thành tầm thường; khi nghĩ nó tầm thường mình cho là không cần phải nhớ hay quan tâm. Tôi xin nói rõ, cái gì mình nghe thường thấy thường, nó là bình thường, nhưng bình thường chưa chắc là tầm thường. Bình thường là normal, tầm thường là cheap. Cái gọi là bình thường chưa chắc nó tầm thường đâu. Ví dụ chữ **Hiếu**, mình nghe hoài, từ 15 tuổi trở lên đã nghe. Chữ Hiếu sâu vô cùng, không phải quần là áo lượt, sinh nhật hoành tráng, trầm hương chúc thọ… mới là hiếu. Kéo giùm cái mền cho mẹ, thay giùm bình trà nóng cho cha, đó là hiếu. Một

ngày thấy cha ngó mông ra đường, hai giờ sáng thấy mẹ còn trăn trở bên giường, phải hỏi, đó là hiếu. Chuyện vậy mà ít người để ý.

Có những câu hỏi được Đức Phật trả lời theo nhiều cách, đối với A, Ngài trả lời khác, đối với B Ngài trả lời khác không phải mâu thuẫn bởi Ngài nhìn vào căn tánh của người đó. Có bài kinh khác Đức Phật trả lời không giống bài kinh này. Có nhiều người lẽ ra Ngài nói sâu hơn rộng hơn nhưng không, tới đó Ngài dừng, vì sức của người hỏi đến đó là đủ. Đức Phật luôn luôn chính xác, luôn cần và đủ, không dư không thiếu. Dư có thể bớt, thiếu có thể thêm nhưng Đức Phật Chánh Đẳng Giác thì không có chuyện đó, một khi đã nói thì không có gì để bớt không có gì để thêm, chính xác như một giọt nước. Trong trường hợp này Ngài giải thích: *Cho thức ăn chính là cho sức khỏe*, (dĩ nhiên trong trường hợp này thôi, chứ trong trường hợp khác có khi Ngài nói cho thuốc men là cho sức khỏe, hoặc siêng phục vụ giúp đỡ người khác thì đời sau kiếp khác sinh ra mạnh khỏe không bệnh tật; không giết chóc hành hạ ai hoặc dùng sức để làm chuyện gì đó mang ý nghĩa hỗ trợ cho chánh pháp, ví dụ ngày mai có lễ dâng y hôm nay mình dùng sức khiêng cây, che rạp cho buổi lễ ngày mai v.v... thì đời sau sanh ra khỏe mạnh), c*ho y phục là cho nhan sắc.* Cho y phục - đây chỉ là một trong nhiều thứ cho, ví dụ mình dâng hoa cúng Phật, dọn đường quét sân, sống trong từ tâm thì đời sau kiếp khác sinh ra mình cũng là người đẹp, có nhan sắc. Trong kinh nói Đức Phật có cặp mắt rất đẹp đến nỗi kẻ thù nhìn Ngài cũng chùng lòng; giọng nói của Ngài dù người ghét nghe cũng chùng lòng là vì trong nhiều đời Thế Tôn tu hạnh từ tâm, không nhìn người khác bằng sân tâm, không liếc ngang ngó dọc, háy nguýt người khác. Muốn có giọng nói thanh tao thì không nói lời ác độc, không nói lời sân tâm, luôn luôn dùng ngôn ngữ của mình để đem lại sự hòa giải đoàn kết với người khác.

Cho nên chuyện Đức Phật trả lời "cho y phục là cho nhan sắc" ở đây chỉ trong trường hợp này thôi. VN có câu "người đẹp vì lụa". Các y phục trong phim Hàn được xem là rất chuẩn để VN bắt chước, dầu là vai nhà nghèo vẫn ăn mặc vừa vặn. Trong phim Hongkong, TQ hễ nghèo là ăn mặc gì cũng được, còn Đại Hàn khi đã lên phim rồi thì ăn mặc rất chuẩn, một cô bồi bàn, áo quần dù rách dù dơ cũng vừa vặn rất chuẩn. Áo quần ok thì con người ngó cũng được, vì vậy mới nói người đẹp nhờ lụa. Cũng từ câu này mà người ta sống nặng hình thức. Nếu không có ăn thì không sống được nên "cho thức ăn là cho sức khỏe". Cho xe cộ, phương tiện đi lại thì cho sự an lạc. Để được an lạc thì có vô số cách, nhưng trong trường hợp bài kinh này thôi, Đức Phật nói để cho người ấy có thể thực hiện được.

‘‘Na **hatthiyānaṃ** samaṇassa kappati,

Na **assayānaṃ**, na rathena yātuṃ;

‘‘Na hatthiyānaṃ samaṇassa kappati”, cho người đời xe cộ thì được, nhưng đối với Sa-môn, “*hatthiyānaṃ*” (cho voi) *assayānaṃ* (cho ngựa) *na rathena yātuṃ* thì không có được, mà chỉ cho giày dép; không được cho xe cho voi cho ngựa. Đối với mấy ông sư thời nay mà chỉ cho giày dép không cho xe thì mấy ổng buồn lắm. Đối với ngày xưa, chứ ngày nay chứ quí vị cho tôi chiếc Lexus hay Mercedes hay Rolls Royce thì tôi không từ chối, lấy liền. Giúp người ta phương tiện đi lại là cho sự an vui. Muốn có sự an lạc thì có nhiều cách khác nhau, nhưng trong trường hợp này Thế Tôn chỉ nói *phương tiện đi lại*.

‘Yāna’: ‘xe’, ‘phương tiện đi lại’. Tiếng Hán có chữ ‘thừa’. Bà-la-môn giáo kêu PGNT là Tiểu thừa. VN hoặc Tàu cũng xài (Hīnayāna - tiểu thừa, Mahāyāna - đại thừa). Theo như trong Luật thì tỳ kheo vô bệnh không mang giày dép, nhưng ngày nay rất khó. Các sư ở các xứ châu Á (Thái Miên, Tích Miến, Việt Lào) tay phải để trần trụi bên ngoài, nhưng ở Âu Mỹ thì kỳ, trong cái nhìn của người khác là hơi khiếm nhã, nên không mặc như vậy. Người đầu tiên tiếp nhận nền văn hóa Âu Mỹ tới nơi tới chốn và phát minh ra cái áo tay dài là Walpola Rahula. Vị này có bằng tiến sĩ đại học Sorbonne, Pháp, tác giả cuốn What The Buddha Taught, rất là nổi tiếng, ngang với cuốn Đức Phật Và Phật Pháp của ngài Narada. Walpola Rahula có nhiều công trình lớn, đặc biệt là trong bộ Encyclopedia Britannica người ta có mời ngài viết một chữ “Đạo Phật”. Quí vị nghe vậy sẽ có ý coi thường rằng có gì đâu mà ghê gớm. Tại sao người ta phải đi tìm người chuyên trách một chữ “Đạo Phật”. VN có giáo sư Bửu Kế làm bộ Tầm Nguyên Tự Điển, ông ta định nghĩa “Tam muội” là ba thứ làm ta mê muội, tức tham sân si. Ngài Walpola Rahula đã dịch lần đầu tiên quyển Abhidharmasamuccaya (A-tỳ-đàm tập luận) từ tiếng Sanskrit qua tiếng Pháp. Bộ này giờ đã dịch ra tiếng Anh, là một trong những tài liệu tham cứu về A-tỳ-đàm của Hữu Bộ rất xuất sắc, tương đương bộ A-tỳ-đàm Câu Xá hay là Tỳ Bà Sa, Phát Trí Luận. Tôi mong rằng, thông qua lớp học này tôi gởi đến bà con một số thông tin, kiến thức bách khoa mà bà con bắt buộc phải biết nếu muốn nghiên cứu Phật pháp tới nơi. Ngoài những bộ tôi giới thiệu có 3 bộ quan trọng là bộ Câu Xá, Tỳ Bà Sa, Phát Trí Luận, ai dưới 40 tuổi thì nếu dịch được thì dịch, còn không thì hãy đọc.

‘‘So ca sabbadado hoti, yo dadāti **upassayaṃ**;

'Upassayaṃ': 'chỗ ở', 'chỗ náu thân'. *Cho chỗ ở là cho tất cả*. Tại sao người ta đổ dồn về những thành phố lớn để ở, Trung Quốc rất rộng tại sao Bắc Kinh Thượng Hải mật độ dân số ở mức kỷ lục?

Vì đi học thì được học trường lớn, đi làm thì lương cao, có nhiều điều kiện để theo đuổi giấc mộng đời (ca sĩ, diễn viên). Sài Gòn cũng vậy. Miền Tây, miền Bắc cũng đổ lên Sài Gòn. Nhiều khi chỉ cần một chỗ ở như ý, người ta có điều kiện để làm được nhiều việc. Bao nhiêu năm lưu lạc xứ người, cho đến hiện tại tôi vẫn chưa có một chỗ để gọi là an cư, lạc nghiệp. Hơn ai hết ngay lúc này tôi thấm thía câu nói, cho chỗ ở là cho tất cả.

Amataṃ dado ca so hoti, yo **dhammamanusāsatī''ti**.

Câu cuối cùng mới quan trọng, những câu đầu như mấy câu dạo thôi giống như là "gió đưa bụi chuối sau hè" câu thứ hai mới ghê "anh mê vợ bé bỏ bề con thơ". Những câu dạo đầu: bố thí thực phẩm là bố thí sức mạnh, bố thí y phục là bố thí nhan sắc, bố thí phương tiện đi lại là bố thí niềm hạnh phúc, bố thí chỗ ở là bố thí tất cả, cái cuối cùng là *dhammamanusāsatī* có nghĩa là bố thí pháp. Giảng pháp cho người khác là ban bố sự trường sanh bất tử cho họ, không nghe được chánh pháp thì người ta mù mờ. '*Anusāsatī':* 'giảng dạy', 'hướng dẫn'. 'Dhammamanusāsati': 'giảng dạy chánh pháp'. '*Amataṃ dado'* là ban bố chia sẻ cứu cánh bất tử. Mình có thể cho rằng chuyện nghe pháp mà không quan tâm thì cũng đâu có sao, đâu có chết ai, những người không biết đạo họ vẫn sống vui vẻ; nhưng đối với riêng tôi, tôi không hình dung được tôi sẽ ra sao nếu tôi không biết Phật pháp. Càng hiểu Phật pháp thì mới thấy ân đức của Đức Phật đối với chúng sanh lớn vô cùng. Tôi nói một điều rất long trọng ở đây, càng học Phật pháp mình sẽ hiểu được nhiều hơn, biết được con đường mình sẽ đi, không gì kinh hoàng cho bằng một ngày nào đó mình nhìn lên trời cao thăm thẳm, mình không biết bên ngoài quả đất này nó còn cái gì nữa và đi về đâu, mình là ai, ở đâu tới và bây giờ mình phải làm gì. Có nhiều người nói với tôi rằng người ta sống có ai bận tâm đến những chuyện đó đâu, nhưng có người rất khổ tâm vì họ không biết họ là ai, sẽ đi về đâu, tại sao kẻ ăn không hết người lần không ra, tại sao trên đời có quá nhiều những bất công, tại sao và tại sao ?

?

?

"Cho pháp" tức là cho họ câu trả lời. Pháp ở đâu ra?

Từ lời dạy của Đức Phật!

[32] Ba hạng người khó tìm

Đức Phật dạy rằng trên đời này có ba hạng người khó tìm:

1. Vị Chánh Đẳng Giác

2. Người thuyết giảng pháp của vị Chánh Đẳng Giác

3. Người tri ân, báo ân.

Hạng thứ ba, tại sao người tri ân là khó tìm?

Có chút tuổi đời, có chút va chạm mới biết là khó thiệt. Mười năm qua, ví dụ tháng nào tôi cũng gởi thằng Tèo 500 đồng, đến năm thứ mười một tôi nói tôi không còn khả năng đó nữa. Theo tôi được biết, 95% trường hợp, khi nghe nói như vậy người ta sẽ giận. Cứ tốt với người ta, chứ có lòng mong đợi hồi báo thì chỉ có thất vọng thôi, vì bản chất đời sống là tàn bạo khốc liệt dễ ghét như vậy đó. Người ta có một tỷ lý do để quên ơn, lý do để nhớ ơn thì ít lắm. Nhiều người lạ lùng một chỗ là họ sợ sự thật. Khi nghe vậy họ chối phăng à, "không có đâu, làm gì có ai tệ như vậy", không biết vì họ tốt hay vì họ quá thơ ngây. Tôi không phải là người gian hùng hay lăn lóc chợ đời gì nhưng tới tuổi này tôi đã thấy được chuyện đó, tìm được người biết tri ân khó vô cùng. Bây giờ ba má quí vị nằm liệt giường, tôi nuôi mười lăm mười tám năm, cơm nước hầu hạ, dọn dẹp đồ dơ uế bất tịnh, quí vị sẽ nói cảm ơn "trời ơi sư giúp má con, giúp ba con…" chứ thử lỡ tôi lăn đùng ra tôi bịnh, quí vị vô lo cho tôi được một tháng quí vị gớm muốn chết luôn. Không phải tôi lo cho ba má quí vị mà tôi lo cho quí vị đó nghen. Mổ xẻ nằm trong bệnh viện, một mình một thân, nằm dưới sàn sát cái bô ống nhổ, tôi nằm tôi nuôi quí vị chín tháng trong đó, tanh tưởi, hôi thối biết bao nhiêu, lỡ tôi nói câu gì lỡ làm quí vị chạm tự ái thì chín tháng đó có còn hay không, quí vị tự hỏi lòng mình, không cần phải trả lời cho tôi. Có câu chuyện nhỏ nhỏ lạc đề, Thượng tọa Thích Hoàng Pháp đối với tôi còn hơn cả cha nữa, Thượng tọa có 5 người cháu, nhưng lạ một điều người ngủ chung một giường nhiều nhất với Thượng tọa là tôi. Từ năm 1977, đi đâu Thượng tọa cũng cho tôi đi theo, tôi đi ra nước ngoài 15 năm trời tôi chưa gọi Thượng tọa một lần. Thời gian trước gọi khó, mình dựa vào chuyện khó mình không gọi, về sau này tôi nghĩ mình không có gì trong tay hết, gọi về đâu có chuyện gì để khoe, còn kể chuyện buồn thì buồn một mình không đủ hay sao còn kể người khác. Cứ nghĩ vậy mà rồi thì từ sư cậu

cho đến người quen tôi không gọi ai hết. Bao nhiêu ân tình ngày xưa từ từ phai hết. Mình không phải là người đâm cha chém chú vong ân bội nghĩa mà mình còn như vậy, thử hỏi thiên hạ còn lại bao nhiêu. Kỳ vừa rồi về thăm sư trưởng bị bệnh, khi ra đi sư trưởng nói tranh thủ về thăm, biết đâu không còn dịp nữa. Tôi đi rồi lại còn muốn trở vô lần nữa, vì không biết còn dịp trở lại nữa hay không, nhưng vô lại rồi thì sao?

Tống quân thiên lý chung nhất hữu biệt tiễn người ngàn dặm rồi cũng đến lúc chia tay, thôi thì đi, đi mà lòng không yên. May mà tôi biết Phật pháp tôi còn bạc lòng như vậy, huống chi không biết Phật pháp thì còn bạc thế nào nữa.

Hạng thứ nhì là người nói pháp. Nói pháp không có nghĩa là sống trong cuộc đời cứ rao giảng cho người ta mà quan trọng là có giảng đúng ý kinh hay không, có giảng vì lòng từ hay không, có giảng vì mục đích danh lợi, hay vì lợi ích của người nghe hay không, đó mới gọi là người nói pháp. Có thấm thía, có tiêu hóa, có chia sẻ bằng tấm lòng của người nói pháp hay không chứ không phải là thâu băng cassette rồi phát. Hạng người thuyết pháp này khó tìm vì chỉ có trong thời Phật Chánh Đẳng Giác ra đời mà thôi.
Hạng thứ nhất là Phật. Phật là người cái gì Ngài cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có. Đêm cuối cùng khi sắp tịch diệt, chư thiên về hầu Phật dày đặc trong 12 do tuần vuông, Đức Phật nói với ngài Ananda: *"Này Ānanda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ānanda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinārā, Upavattana, rừng Sālā thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những thiên thần có uy lực tụ họp"*.Nghĩa là khi họ biết Ngài sắp đi rồi họ chỉ nhớ một chuyện làm họ rung động, đó là con người duy nhất hiểu rành mình hơn là mình, người duy nhất cho mình biết mình sẽ đi đâu về đâu, đó là vị Chánh Đẳng Giác…vậy mà đêm nay là đêm cuối cùng gặp vị ấy. Có ai mà thương người khác như là Ngài, nhiều lắm là họ thương mình, kế đến là thương người thân thích bà con, có ai mà thương chúng sinh như là một vị Bồ tát. Bị người ta giết để đoạt mạng, vẫn không giận người ta, chỉ có Bồ tát mới làm được điều đó. Trong kinh nói có những kiếp trái đất chỉ có một vị Phật thôi, tiếng Pāḷi là Sārakappa. Kiếp hai vị Phật là Maṇḍakappa. Kiếp 3 vị Phật là Varakkappa. Kiếp 4 vị Phật là Sāramandak. Kiếp 5 vị Phật là Bhaddakappa (hiền kiếp). Kiếp không có Phật ra đời là Sunna kappa[1]. Sāra là cốt lõi. Maṇḍa là tinh túy (essence) (Khác với manda: slow; dull; lazy; foolish). Vara là excellence. Trong sáu trường hợp này thì trường hợp không có Phật ra đời thì nhiều lắm. Sau trái đất này, một a-tăng-kỳ đại kiếp

không có Phật nào ra đời, chỉ có Phật Độc Giác, các ngài ấy tự ngộ mà cũng không độ ai hết. Sau a-tăng-kỳ đó có trái đất đầu tiên, có hai vị Phật là Ma vương và vua Pasenadi. Có ba cơ hội để mình đi nhanh: (1) 5000 năm xá lợi gom lại thuyết pháp lần cuối. (2) Gặp Phật Di Lạc. (3) Chứng ngộ trong thời giáo pháp này.

ĐỒ ĂN

Trời, Người, cả hai loài,

Đều ưa thích ăn uống,

Vị Dạ-xoa tên gì,

Lại không thích ăn uống?

(Thế Tôn):

Ai cho với lòng tin,

Với tâm tư thanh tịnh,

Được phần món ăn ấy,

Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngừa xan tham,

Bố thí, nhiếp cấu uế,

Hữu tình vững an trú,

Công đức trong đời sau.

Ai ở đời này cũng thích thu gom để hưởng thụ. Vậy có người nào không như thế chăng?

Đức Phật trả lời: (tôi sẽ giải thích bài kinh này bằng cách dùng một bài kinh khác) *Này các Tỳ kheo, nếu mà các ngươi biết được, hiểu được quả báo bố thí như là ta hiểu thì cho đến một miếng ăn cuối cùng thì các ngươi cũng không đành lòng mà nuốt*. Ngày xưa tôi có biết một Phật tử buôn gánh bán bưng, người đó nói: *Có bữa bán cố ý chừa lại một chút để đem về cho chồng cho con ăn, mà*

người ta cũng ráng chận lại mua cho bằng được. Khi có người mua, cô ấy vì chút tiền lời, thà nhịn thèm mà bán đi chứ không để dành nữa. Khi Đức Phật nói nếu các ngươi hiểu quả báo bố thí như ta hiểu thì không đành lòng ăn miếng cuối cùng là như vậy đó.

Trong kinh nói ngài Angulimāla mạnh lắm, sức khoẻ tương đương 7 con voi, mặt mũi bặm trợn, sau mấy hôm ngài ôm bát đi ngoài đường, người ta chửi mắng, rượt đánh đến nỗi về bể bình bát, mình mẩy rách bươm, máu me tùm lum. Đức Phật nói: *Này Bà-la-môn, hãy kham nhẫn, sau những gì ngươi đã làm trong kiếp này, chuyện như vậy vẫn còn nhẹ lắm…* Tuy bị đánh bị chửi vậy mà việc ngài bị nhịn đói không nhiều lắm, vẫn có người cúng dường sơn hào hải vị. Chư tăng lấy làm lạ hỏi Thế Tôn vì sao tôn giả Angulimāla bị đánh chửi vậy mà vẫn nhận được nhiều phẩm vật cúng dường. Đức Phật dạy rằng, thời quá khứ của Đức Phật Ca Diếp, ngài Angulimāla lúc đó cũng là một vị tỳ kheo, mỗi ngày đi bát về, còn thức ăn dư, vị này đem ra chỗ khô ráo đổ xuống, với ý định để cho chim chóc giun dế nào ăn được thì ăn, chỉ vậy thôi mà đến lúc mạng chung, trở xuống làm người, đời đời kiếp kiếp sanh ra không đói. Bên Thụy Sĩ này có gia đình nhà gần rừng, trong nhà có gì họ cũng đem ra gốc cây, đặt trong đồ đựng, đêm hôm có con gì đó to lắm, nó dẫm lên cành khô nghe rắc rắc, nó đến đó ăn, mà nó khôn đến nỗi không cách chi nhìn thấy được nó. Đồ ăn dư bên ngoài họ cũng túm đem về cho nó. Đó là cách gởi ngân hàng, chuyện mình cúng dường cho tăng ni Phật tử thì không biết được bao nhiêu dịp, nhưng cũng nên có những thường nghiệp như thế này để đời sau kiếp khác không bị đói. Một điều quan trọng nữa là một lần bố thí rầm rộ (có khi là cầu danh) cũng không hơn những lần bố thí lai rai, vô tư thật sự.

Sau khi nghe câu hỏi: trong đời này ai cũng muốn thu gom để hưởng thụ, vậy mà có người không như vậy hay không, Đức Phật đã trả lời: *Có chứ, có những người hiểu được pháp, hiểu được quả báo bố thí. Họ không muốn thu gom mà muốn cho ra, vì cho ra họ thấy an lạc, sung sướng, hạnh phúc hơn là nhận vào*. Đó là lý do tại sao chúng ta phải biết Phật pháp. Chúng ta cứ tưởng nhận vào là hạnh phúc, thật ra cho ra mới sung sướng.

Bây giờ thí dụ tôi lên thiền viện Phước Sơn, tôi gặp một thiền sinh hay hành giả, hay một tu nữ nghèo, tôi giúp cho họ chút ít, mua cho họ cái lu nước, bao gạo. Năm năm sau, 10 năm sau về nếu họ đã chết rồi, mình đi ngang qua lối mòn thấy mình đã từng mua cho họ lu nước, giạ gạo để ăn vài tháng trước khi mất, thì tôi bảo đảm cái niềm vui đó theo mình suốt đời. Còn như bây giờ người ta cho mình

năm mười ngàn đô la thấy đã thiệt, nhưng rồi cũng phai phôi, vì bản chất con người là vong ân, bản chất con người xác định cái tôi nhiều hơn là xác định nguồn cội. Đó là lý do tại sao cha mẹ thương mình đến nát lòng mà mình vẫn thương con mình hơn, bởi vì mình thấy bóng dáng của mình trên con mình, mình thích kẻ kế thừa, thích tác phẩm, công trình của mình hơn, còn nguồn cội của mình là cha mẹ thì phai mờ, bởi vì nhiều khi mình nhìn cha mẹ mình thấy áp lực tâm lý, phải chăm sóc, phiền quá, nặng nề quá, mất công quá… Nói ra thì đau đớn nhưng là sự thật, cha mẹ thương mình chết vì mình được, nhưng mình chỉ có thể chết cho con, hiếm khi ai đó chết cho cha mẹ. Một mẹ nuôi được 10 con nhưng 10 con chưa chắc nuôi được một mẹ đó là sự thật.

MỘT CĂN RỄ

Bài này không nói là ai hỏi, trong kinh cũng không có nói duyên sự, chỉ nói là có một lần Đức Phật đọc bài kệ cho ai đó nghe. Có những bài kệ kiểu như thế này, Đức Phật chỉ kể ra một số vấn đề này thôi, vì sao vậy?

Khi Đức Phật giảng về tạng A-tỳ-đàm trên cõi Trời, Ngài giảng "tất cả pháp thiện, tất cả pháp bất thiện, tất cả pháp vô ký", tại sao Ngài giảng như vậy mà người ta đắc?

1/ Ngài chạm vào ký ức của người ta về Phật pháp mà người ta đã học đã nghe đã hành trì trong đời xưa kiếp trước, Ngài chỉ cần khơi gợi là họ nhớ hết, chạm vào suối nguồn của họ là tự động bật ra và đắc.

2/ Khi Ngài giảng "tất cả pháp thiện, tất cả pháp bất thiện, tất cả pháp vô ký" thì chư thiên họ mới tá hỏa. Họ thấy họ đẹp, họ thấy họ sống lâu, có nhiều người hầu, đền đài cung điện của họ lớn rộng hoành tráng nguy nga tráng lệ, họ thấy họ là ông trời con… nhưng đến khi nghe Đức Phật giảng những cái này là họ nản, thì ra, cái mình thần tượng ngưỡng mộ mình thích thú chìm đắm lâu nay, trong mắt vị Phật này chỉ có 3 cái đó thôi: "tất cả pháp thiện, tất cả pháp bất thiện, tất cả pháp vô ký". Cái đồng hồ mình nhìn rất đẹp, bằng vàng, dây da, đeo rất đẹp, nhưng tháo nắp sau ra thì thấy loe ngoe hai ba món nhỏ xíu gắn với cục pin, nhìn thấy nản. Họ tưởng họ sở hữu cái gì đó rất ghê gớm, nhưng khi Đức Phật phơi bày ra cho họ thấy, là chỉ có 3 món: "tất cả lạc thọ, tất cả khổ thọ, tất cả xả thọ". Toàn bộ thế giới này chỉ có 3 thứ: Con đường dẫn đến luân hồi, con đường dẫn đến giải thoát, và những cái nằm ngoài hai cái vừa kể. Trong đời sống mình, nào

là tiến sĩ, thạc sĩ, tổng thống, đại gia, kiều nữ, diễn viên … nhưng tới lúc bước vào phòng mổ hoặc trong lab của sinh viên y khoa, hoặc trong phòng xác của viện đại học y học thì mới tá hỏa, thì ra người đẹp chân dài vô đây là vậy đó. Bài kinh này cũng vậy:

Một **rễ**, hai **phương diện**,

Ba **uế**, năm **môi trường**,

Biển lớn, mười hai họa,

Vực xoáy bậc Thánh siêu

'Mūla': 'rễ' (gốc, cội). Theo chú giải, 'Gốc' ở đây chỉ cho tham ái (*tanhā*). "Hai phương diện" ở đây ám chỉ thường kiến và đoạn kiến.

[33] Thường kiến và đoạn kiến

Thường kiến: 1/Tin có một cái tôi vĩnh cữu, linh hồn đi từ đời này qua kiếp khác, thật ra không phải vậy, chỉ có nhân tạo ra quả, quả tạo ra nhân mới… gọi là vô thường, vô ngã. 2/Tin có đấng tối cao. 3/Tin có cảnh giới trường cửu.

Đoạn kiến: *1/Vô hành kiến*: chủ trương thiện ác không có, muốn làm gì thì làm, hổng có chuyện làm lành cho quả vui, làm ác cho quả khổ *2/ Vô nhân kiến*: mọi thứ trên đời ngẫu nhiên mà có không do nhân duyên gì hết. *3/ Vô hữu kiến*: phủ nhận toàn bộ những gì mình không chứng minh được trong khả năng của mình. Ví dụ thiên đường địa ngục, kiếp trước kiếp sau nhân quả báo ứng không có, thiên nhân người khuất mặt không có.

'Timalā': Ba uế (có nghĩa là tham sân si).

'Pañcapattharā': 'Năm phương diện' là 5 dục trần.

'Patthara': sự phơi trải, ám chỉ 5 dục trần (*Kāmaguna*). *Kāma* là dục, khoái lạc. *Guna*có nhiều nghĩa: ân đức, lớp lang, sự kích thích, sự nuôi lớn, sự chồng chất. Trong bản dịch của HT Minh Châu cứ dịch là "*5 dục công đức*". Không phải tôi chê HT Minh Châu, nhưng ngài căn cứ vào bản Hán Tạng và bản Hán Tạng có khuynh hướng dịch rất là sát. Chữ '*Guna'* ở đây rất nhiều nghĩa, '*Kāmaguna'* nghĩa là *"làm phát triển lòng dục*", chớ không phải là "dục công đức", nghe rất là kỳ.

Trong chánh kinh có chữ '*Catuggunam'*: 'bốn lớp'. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn sau buổi giảng cảm thấy đau lưng đã "xếp tư" tăng già lê thành bốn lớp để nằm, và Ngài dạy tôn giả Xá Lợi Phất: *Này Xá Lợi Phất chúng tỳ kheo chưa buồn ngủ, thôi thì hãy thuyết giảng cho chúng tỳ kheo, Như Lai đã mỏi lưng cần nằm nghỉ một lát.* Đoạn kinh này được nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần ở trong chánh kinh. Vì vậy quí vị làm ơn nhớ "dục trần" (*Kāmaguna)* là "*năm món làm chồng chất tham dục*".

Biển lớn, mười hai họa,

Vực xoáy bậc Thánh siêu.

"Samuddaṃ dvādasāvaṭṭaṃ".

pātālaṃ atarī isī"ti.

Gọi là 'biển lớn' là vì sao?

Vì 6 căn thì không thể nào làm đầy được, giống như biển, nước bao nhiêu sông đổ về thì cũng thể nào làm đầy được biển lớn.

Apūraṇīyaṭṭhena Samuddo: không cách nào làm đầy. Bao anh hùng không thể nào làm đầy ánh mắt giai nhân. *Dẫu cho mưa bạc mưa vàng, cũng không đầy nổi tiếng tham con người* (Pháp Cú). 'Àvatta': 'Vực xoáy'. "Mười hai họa", chỉ cho 12 xứ (6 căn và 6 cảnh).

Dịch lại theo bản Pāḷi: Kẻ cầu đạo phải là người phải vượt qua/giải quyết được một cội khổ tham ái, 2 tà kiến, sức hút của 12 xứ, là những đại dương và vực thẳm. Chữ '*isi',* HT Minh Châu thường dịch là 'ẩn sĩ', 'tiên nhân'; 'tàpasa' là 'đạo sĩ'. Hai chữ này rất thường thấy trong kinh Pāḷi, và chữ '*paribbàjaka':* 'du sĩ'. Chữ 'paribbàjaka' dịch là 'du sĩ' thì ổn nhưng chữ 'isi' dịch là ẩn sĩ là dịch ý. Chữ 'isi' từ chữ 'esati' nghĩa là 'kiếm tìm'. 'isi' là người tầm đạo, người đi tìm một lý tưởng sống cao cả. Còn chữ 'tāpasa' từ chữ 'tàpa' nghĩa là 'sự nhiệt cần', 'sự đốt mình' để theo đuổi lý tưởng giải thoát. Từ gốc 'tapeti' nghĩa là 'thiêu đốt'. Tại sao gọi là 'đốt mình'?

Đạo sĩ là những người xuất gia không có trong giáo pháp của Đức Phật, không nhằm thời Phật, hoặc nhằm thời nhưng xuất gia riêng mình họ trong rừng, gọi là 'tāpasa', gọi là 'đốt mình' vì họ đi ngược lại mọi sở thích trước đây của người cư sĩ. 'Tāpasa' đúng nghĩa là vị giữ 6 giới: giữ 5 giới thường cộng với giới không ăn

sau giờ ngọ. Chữ 'đạo sĩ' là từ vay mượn của Tàu, đạo sĩ là tu sĩ theo Đạo giáo, gốc của Đạo giáo là cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử và Nam Hoa Kinh của Trang Tử. Hai cuốn này chỉ thuần túy là sách tính cách tư tưởng triết học. Theo tôi, hai cuốn này là đỉnh cao trí tuệ của Trung Quốc. HT Viên Minh đặc biệt thích cuốn Đạo Đức Kinh và ngài có viết cuốn So sánh Đạo Đức Kinh với PGNT. Quí vị tìm đọc cho biết. Đạo sĩ Trương Đạo Lăng đời nhà Hán, căn cứ vào Nam Hoa Kinh và Đạo Đức Kinh biến nền tư tưởng này thành ra một cương lĩnh tôn giáo cho người ta theo, gọi là Đạo giáo. Từ đó mới có chuyện Cát Hồng chủ trương luyện đan nấu thuốc tu phép trường sanh bất tử, về sau có Trường Xuân Khưu Xử Cơ, đây là nhân vật có thật theo Đạo giáo, được Thành Cát Tư Hãn trọng vọng. Tóm lại, đạo sĩ là người theo Đạo giáo, tu hành theo Nam Hoa Kinh của Trang Tử và Đạo Đức Kinh của Lão Tử, không mắc mớ gì bên Ấn Độ hết. Không biết ngày xưa các ngài vì lý do nào mà khi dịch tạm thời dùng chữ 'đạo sĩ' để chỉ cho chữ 'tāpasa'. Khi mình xem những cuốn kinh Nam Tông VN thường thấy chữ 'đạo sĩ' nhưng xin nhớ rằng chữ này là chữ sai nghen.
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên ; #TươngƯng
[1] Xem thêm trong bài kinh Vườn Hoan Hỷ

Bài giảng ngày 11-7-2014 BẬC HOÀN TOÀN Anomasutta

Sáng nay chúng ta học bài kinh Bậc Hoàn Toàn. Có một chuyện phải nói rõ ở đây, lớp này là lớp Kinh Tạng, nói khác đi lớp này là lớp giáo lý chứ không phải lớp dạy tiếng Pāḷi. Tuy nhiên, thông qua lớp này chúng ta có nhiều cơ hội để thấy rằng nếu không tìm hiểu kinh điển thông qua chánh văn Pāḷi thì rõ ràng là đường chết nhiều hơn đường sống. Chẳng hạn như bài kệ sáng nay chúng ta học, đó là bài Bậc Hoàn Toàn.

Bài này nếu chỉ nhìn bản tiếng Việt thôi thì tôi xin thưa thiệt tôi không biết đường đâu mà tôi hiểu chứ đừng nói là giải thích cho người khác. Trong khi đó nếu chúng ta nhìn vào bản Pāḷi thì bài này sáng trưng.

"Anomanāmaṃ nipuṇatthadassiṃ,

Paññādadaṃ kāmālaye asattaṃ;

Taṃ **passatha** sabbaviduṃ sumedhaṃ,

Ariye pathe kamamānaṃ mahesin"ti.

Ví dụ, quí vị để ý, từ câu 1 đến câu thứ tư, chúng ta thấy toàn là cách thứ hai (thường được làm túc từ trực tiếp của động từ trong câu.) chẳng hạn như Buddho, Buddhaṃ, Buddhaya… Trong bài này toàn cách thứ hai hết, ai mù tịt thì xem thấy cách thứ hai là toàn chữ '**ṃ'**. Điều đó có nghĩa rằng là toàn bộ những chỗ cách thứ hai mà chúng tôi nói, trên văn phạm nó là *đối cách*, hay là *đối từ trực tiếp,* cách 2 trong danh từ Pāḷi, thay vì cách 4 *đối từ gián tiếp*. Nếu câu này dịch lại, mà tôi nghĩ bắt buộc dịch lại thôi, trước hết là lấy chữ '. Nếu câu này dịch lại, mà tôi nghĩ bắt buộc dịch lại thôi, trước hết là lấy chữ '*passatha'*để trước, đó là câu số 1. '*Passatha'* có nghĩa là '*to see'*. Trong trường hợp này có nghĩa là '*Look at'*. "Hãy nhìn vào, hãy quan sát; quan sát toàn bộ những bậc (…) này"; đẩy hết toàn bộ (các bậc…) về object (direct object).

'Sabba': 'tất cả'. '*Guna'*: 'quality'. *'Samannāgatattā*': 'đầy đủ', 'gom trọn'. *"sabbaguṇasamannāgatattā avekallanāmaṃ, paripūranāmanti attho"*: "bậc đầy đủ tất cả các đức lành".

'Paripūranā': 'viên mãn'.

'Nipuṇa' (subtle): 'tinh vi' 'sâu sắc'.

'Nipuṇatthadassiṃ': bậc nhìn thấy tất cả các vấn đề ý nghĩa sâu sắc chi ly.

'Paññādadaṃ': bậc ban bố trí tuệ cho chúng sinh.

'Kāmālaye asattaṃ': bậc cư trần bất nhiễm.

'Asattaṃ': không dính mắc.

'Kāmālaye': Cảnh dục, cõi dục.

'Ālaya': nương gá.

'*Hima'*: 'tuyết' (snow). Himalaya: chỗ ở của tuyết. Núi Himalaya còn có tên là Hemavanta: chỗ có tuyết.

'Alayavijnana': a-lại-da-thức, tàng thức. Xuất phát của Duy thức học từ A-tỳ-đàm Nguyên thủy, tất cả những thiện ác của mình chất chứa trong lòng mình nên đi đời nào kiếp nào cũng mang nó theo. Bên A-tỳ-đàm Nguyên Thủy thì gọi là 'thói quen', 'thường cận y duyên' (Pakatūpanissaya), 'quán tính'.

'*Kamamāna'*: 'từng trải', 'kinh lịch' ('*lịch'* là từng trải qua, '*thiệp'* là lội qua).

'Taṃ': 'ấy', 'đó'.

'Sabba': 'tất cả'. '*Vidu'*: 'hiểu biết'. '*Sabbavidum'*: 'Bậc toàn giác', 'toàn trí'.

'Sumedham': (wise man), 'bậc hiền trí': omniscience.

''Ariye pathe kamamānaṃ mahesin''.

'mahesi': (maha +isi): bậc tầm cầu hay theo đuổi mục đích cao cả nào đó. *Maha*: great. Isi: seeker.

'Ariya': 'thánh nhân'

'*Ariye pathe':* 'thánh đạo'. *Pathe:* Con đường *(giống chữ 'path' trong tiếng Anh). Cũng giống như trong tiếng Latin có chữ 'dent' (răng), tiếng Pāḷi là 'danta'; hoặc trong tiếng Đức có chữ soupe (súp), tiếng Anh là 'soup', tiếng Pāḷi là 'sūpa'; hoặc tiếng Anh có chữ 'range of mountain' thì tiếng Việt có chữ ''rặng núi'*

Dịch thoát như sau: *"Hãy dùng mắt, dùng trí tuệ của mình mà nhìn ngắm bậc đầy đủ các đức lành, bậc nhìn thấy tất cả các vấn đề sâu sắc nhất, bậc ban bố trí tuệ cho chúng sanh, bậc cư trần bất nhiễm, bậc hiền trí, bậc toàn giác, bậc kinh lịch*". Tôi ngờ rằng quan điểm này trong kinh điển Nguyên Thủy đã trở thành nền tảng cho quan điểm bên Bắc Tông để dẫn đến câu nói rằng: *Không phải ta mới thành Phật trong kiếp này mà ta đã thành Phật từ vô số kiếp*.

Kamamānanti bhagavā mahābodhimaṇḍeyeva ariyamaggena gato, na idāni gacchati, atītaṃ pana upādāya idaṃ vuttaṃ. Có nghĩa là "tu muôn kiếp ngộ nhất thời". Con xin đảnh lễ *bậc đã có vốn liếng lâu đời, bậc kinh lịch trong thánh đạo*. Không phải hôm nay Thế Tôn sống trong pháp mà nhiều đời nhiều kiếp Thế Tôn đã sống trong pháp. Không phải chỉ bây giờ mà con đường Thế Tôn đi đã lâu lắm rồi. Nghĩa là, cách đây 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, Ngài đã xác định con đường của mình là tự ngộ và độ tha.

[34] Chánh Đẳng Giác

Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có 3 hạng:

1/ Độc Giác: Tự giác ngộ không cần thầy, nhưng không thể làm thầy cho ai.

2/ Toàn Giác: Tự giác ngộ không có thầy nhưng có thể làm thầy cho người khác.

3/Thanh Văn Giác: Muốn giác ngộ phải có thầy và bản thân có thể làm thầy cho người khác chứng đắc giống như mình, chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất. Bài kinh Samacittasutta do ngài Xá Lợi Phất thuyết chấn động 10 ngàn thế giới, vô số thiên chúng chứng đạo. Ngài Nāgasena giúp người đắc sơ quả khi mình vẫn còn là phàm, sau đó mới chứng thánh.

Bồ tát Toàn Giác có 3 trường hợp:

1. Lấy trí tuệ làm chủ đạo

2. Lấy niềm tin làm chủ đạo.

3. Lấy tinh tấn làm chủ đạo.

- Bồ tát hạnh trí tuệ trong kiếp đầu tiên được Phật khác thọ ký, đủ sức chứng được Lục Thông, Tam Minh, Tứ Tuệ Phân Tích (4 trí vô ngại).

[35] Lục Thông

Lục thông là gì?

*1. Biến hóa thông:*bay nhảy, độn thổ, đi trên nước, qua lửa, xuyên tường.

*2. Thiên nhãn thông:*thấy được những gì ở xa nhất mắt thường không nhìn thấy. Thiên nhãn minh có hai loại, mắt nhìn thấy theo nghĩa vật lý, và nhìn thấy theo nghĩa tâm lý.

*3. Thiên nhĩ thông:*nghe được những âm thanh rất xa, rất nhỏ, âm thanh có tần số hạ âm (loại âm thanh con chó, con cá heo nghe được mà con người không nghe được). Trong những kỳ sóng thần, 99% xác chết toàn là xác người. trong khi đó xác thú rất ít, vì những con thú nghe được những âm thanh báo hiệu động đất sóng thần trong lòng đất từ rất sớm nên đã chạy hết từ sớm. Năm 1961 bên bờ biển ở Brazil, nước rút thật xa đến nỗi cá không chạy kịp, mọi người đang lượm cá thì sóng ập vào trở lại, năm 2002 cũng vậy. Thiên nhĩ thông cũng giống như vậy, nghe được những âm thanh con người không nghe được. Khả năng vượt khỏi khả năng con người bình thường, tiếng Pāḷi gọi là *atikkantamānusaka*: siêu nhân (superman).

4. Tha tâm thông: là đọc hiểu được tâm người khác, dòm mặt người ta biết họ nghĩ gì.

*5. Túc mạng thông:*là nhớ được đời xưa kiếp trước, nhớ **quả**quá khứ (thọ, hành, tánh, tướng). quá khứ (thọ, hành, tánh, tướng). **Sanh tử thông:** là nhớ được cái **nhân** quá khứ (vì sao, nhờ đâu mà kiếp đó ta lại làm vua, diễn viên, hoa hậu, ăn mày…).

6. Lậu tận thông: là chấm dứt toàn bộ các lậu hoặc.

[36] Tam minh

Tam minh là phân nửa của lục thông: *túc mạng minh* (nhớ được quả luân hồi ta đã từng làm gì sống ra sao), *sanh tử minh*(nhân nào mà ta trải qua kiếp sống đó), *lậu tận minh* (chấm dứt hoàn toàn phiền não).

[37] Tứ tuệ phân tích

Tứ tuệ phân tích là:

1. Pháp vô ngại giải(*Dhammapaṭisambhidā*) (nhân vô ngại giải): nghe cái gì, thấy cái gì cũng quy về Phật Pháp được hết. Ví dụ Đức Phật hoặc ngài Xá Lợi Phất nhìn cái gì (bàn tủ, ghế, tơ nhện, chiếc lá, vách tường, xe cộ, nai thú, chim muông…) cũng có thể thuyết giảng được Tứ Đế, Duyên khởi, Duyên hệ, 12 xứ, 18 giới…vv

2. Nghĩa vô ngại giải(*Atthapaṭisambhidā*) ai nói gì cũng hiểu; nhìn nhân thấy ra quả, nhìn quả thấy ra nhân.

3. Từ vô ngại giải (*Niruttipaṭisambhidā*): khả năng ngôn ngữ không giới hạn (hiểu mọi thứ tiếng trên đời); dầu không biết tất cả các ngoại ngữ, nhưng dùng tiếng mẹ đẻ một cách ngon lành để diễn đạt Phật Pháp không giới hạn.

Có nhiều người kiến thức chuyên môn rất giỏi nhưng trình bày không được, hoặc gây phản cảm, gây hiểu lầm.

4. Biện vô ngại giải(*Paṭibhānapaṭisambhidā*): Chạm vô là bật ra, ào ạt tuôn chảy, rào rạt lưu loát, thao thao bất tuyệt

- Bồ tát *đức tin* trong kiếp đầu tiên được Đức Phật thọ ký, đủ sức chứng được Lục Thông.

- Bồ tát *tinh tấn* trong kiếp đầu tiên được Đức Phật thọ ký đủ sức chứng Tam Minh.

- Người chứng sơ quả: không còn khả năng luân hồi quá 7 kiếp.

Bên Bắc tông vui hơn bên đây, theo kinh Pháp Hoa thì sau này ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ānanda, Ca Diếp, La Hầu La, kể cả Đề Bà Đạt Đa sau này thành Phật ráo trọi. Đắc A-la-hán, không còn phiền não, không còn chấp ngã chấp nhân nhưng còn chấp pháp. Chấp pháp thì không nặng so với chấp ngã chấp nhân cho nên đắc A-la-hán rồi tha hồ tu Ba-la-mật. Trong khi đó bên Nam Tông thì không, chỉ một lần đò thôi, nếu mình chọn là Thanh Văn thì mình không trở thành Độc Giác hay Toàn Giác nữa, vì một người đã chứng sơ quả Tu-đà-hoàn rồi thì vị đó không còn khả năng luân hồi và không tha thiết muốn luân hồi để làm gì nữa. Họ rất tôn kính Đức Phật và có thể hy sinh vì Đức Phật. Nếu họ là cư sĩ thì thà chết chứ không phạm giới cư sĩ, nếu là người xuất gia thì thà chết chứ không phạm giới xuất gia. Họ không còn khả năng luân hồi nữa. Sức hút của phàm tâm cộng với đại hùng đại lực của một vị Bồ tát, cộng với phiền não mới làm lực đẩy cho luân hồi, nhờ phiền não mới kéo dài luân hồi được, nhờ đại hùng đại lực mới

hành được Ba-la-mật. Người bình thường như chúng ta thì lực đẩy của phiền não sẽ đẩy chúng ta đi biền biệt sơn khê luôn. Nếu bây giờ mình nhìn thấy một vị có sáu màu hào quang, ba mươi hai đại nhân tướng thì với sự tác động của hình ảnh đó có thể làm cho mình sơ phát bồ đề tâm. Trong kinh nói có vô số chúng sinh nhìn thấy Thế Tôn thì họ đã lập tức phát thệ Phật đạo nhưng khi ra khỏi giây phút đó, không thấy Phật nữa thì họ lạnh xương sống không dám đi nữa. Một lần đau răng một lần tiêu chảy là mình ngán luân hồi, nếu mất số tiền 10 ngàn đô la, vợ đẻ con đau, sanh ly tử biệt… sẽ càng làm cho mình không có gan đi luân hồi.

Bài kinh này nói hãy *dùng trí của mình, dùng mắt của mình để nhìn ngắm một bậc có đủ đức lành, có cái nhìn hiểu biết mọi vấn đề sâu sắc, bậc ban bố trí tuệ cho người khác, bậc cư trần bất nhiễm, bậc toàn giác, bậc hiền trí, bậc kinh lịch trong thánh đạo* ("*Ariye pathe kamamānaṃ")* từ nhiều kiếp trước Ngài đã từng đi trên con đường đó từ lâu lắm rồi. Khi giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân Đức Phật đã từng nói: "*Ananussutesu dhammesu"* ta trực ngộ, chợt thấy ra những pháp ta chưa từng được nghe. Quí vị có thấy lạ không, Ngài đã từng xuất gia với chư Phật quá khứ, Ngài từng thuộc lòng Tam Tạng, vậy Ngài đâu có lạ gì pháp Tứ Đế, Duyên khởi. Vậy mà bây giờ trong bài kinh Chuyển Pháp Luân Ngài nói *những nhận thức của ta bây giờ về khổ về tập, diệt, đạo là những nhận thức ta chưa từng được biết đến*. Vì sao vậy?

Trước đây trong tiền thân Ngài thuộc lòng Tam Tạng, thì Tam Tạng đó chỉ là những tấm ảnh không hồn. Lời người chứng đạo họ kể lại mình học thuộc lòng chứ không thật sự thẩm thía, tiêu hóa, thấu suốt được như là bây giờ dưới cội bồ đề nên Ngài mới nói "*Ananussutesu dhammesu"*. Quý vị đừng nói Tứ Đế, Duyên khởi làm chi cho mệt, một người chưa từng uống cà phê thì có viết một ngàn trang nói hương vị cà phê thì người đó cũng chẳng có cách chi đọc cuốn sách mà hiểu được hương vị cà phê, chỉ cà phê thôi đó. Vị bổn sư của mình trong vô lượng kiếp cũng là những vị tỳ kheo thuộc lòng Tam Tạng ào ào rào rạt, nhưng Tứ Đế, Duyên khởi, Duyên hệ… những vấn đề sâu kín trong đó chỉ kiếp cuối cùng thành Phật, Ngài mới tiêu hóa thấu suốt tới nơi tới chốn. Thẩm thía được thế nào là sự sanh diệt của danh sắc, thế nào là tính nhân quả, tính duyên khởi của danh sắc không phải dễ. Nói quí vị đừng buồn, coi chừng mình không đọc sách thì không hiểu gì hết, mà đọc những cái đó rồi thì chỉ cản trở trong lúc tu thiền thôi, chưa gì mà cứ tưởng tuệ này tuệ kia. Thấy được tính nhân quả, tính vô thường, tính tam tướng của danh sắc không dễ đâu, phải thấy bằng trí tu, chứ bằng trí văn là coi chừng. Không học giáo lý thì không biết đường tu, nhưng cái thấy trong lúc chứng ngộ không giống như cái thấy của bài vở. Không giống

nhưng không mâu thuẫn chống trái, hay là hay ở chỗ đó. Không học thì không chứng được, nhưng khi chứng thì cái thấy trong lúc chứng không giống như cái thấy trong lúc mình học. Trí tu có đặc điểm thế này, đó là sự trực nhận, là sự hốt nhiên đại ngộ, cái thấy này lạ lắm, không phải muốn là được. Chẳng hạn như bây giờ tôi hiểu cái gì có sanh thì có diệt, khổ thọ là cái gì làm cho tôi đau đớn khó chịu, lạc thọ là cái gì làm cho tôi thấy khoan khoái dễ chịu, cái này là vô thường nè, cái này có thì cái kia có, cái này không cái kia không, đó là tính duyên khởi của danh sắc; đó là trí văn. Nhưng cái hiểu biết trực nhận của hành giả trong những vấn đề đó bằng trí tu lại khác. Trí văn lúc nào muốn ôn lại thì lập tức nhớ ngay, nhưng trí tu thì không. Cái nhận thức của trí tu lạ lùng một chỗ là không giống bất cứ sách vở nào hết, và nó chỉ đến trong một khoảnh khắc rất đỗi bất ngờ nào đó mà thôi, nó lạ lùng là không hề giống như cái thấy trong sách vở. Đừng bao giờ mắc cái tâm tự mãn đọc sách cho cố, nghe giảng cho cố rồi cứ nuôi cái đó trong đầu rồi cứ tưởng trí văn tức là trí tu.

Kamamānaṃ là bậc kinh lịch trong thánh đạo nghĩa là con đường này Ngài đã đi từ lâu lắm rồi, nhưng bước chân của ngày xưa là bước chân của phàm phu còn bây giờ là bước chân của một bậc thánh. Kể từ gốc bồ đề ra đi thì Ngài là bậc thánh, trước đó Ngài là người phàm, nhưng vẫn con đường đó, đi bằng những bước chân khác cùng về một hướng.

Nội dung bài kệ Bậc Hoàn Toàn vừa rồi là lời tán thán của ai đó dành cho Đức Phật. Ngài là bậc có đủ mọi đức lành, có cái nhìn hiểu biết mọi vấn đề sâu sắc, bậc ban bố trí tuệ cho người khác, bậc cư trần bất nhiễm, bậc toàn giác, bậc hiền trí, bậc đã và đang đi trên con đường thánh đạo. Chỉ riêng câu thứ tư (*Ariye pathe kamamānaṃ mahesin)* đáng để chúng ta nói với nhau hai tiếng đồng hồ. "Đi trên con đường thánh đạo" là sao?

Nếu một người tin Phật, tu Phật thì trong từng ngày, từng giờ phải để ý xem con đường mình đang đi, kiểu sống mình đang sống, thế giới mình đang có mặt nó ra làm sao. Đừng tưởng rằng mình đang ở dưới mái che có vách có cột có sàn có trần là đang ở trong nhà. Nếu ta đang sống bằng tâm bất thiện thì đó là chuồng cũi lồng chậu của bàng sanh. Nếu ta đang sống bằng bốn pháp cộng trú thì đó là Phạm cung và cảnh giới của Phạm thiên. Nếu ta đang sống trong trí tuệ trong tam tướng danh sắc, thì đó chính là trụ xứ của thánh nhân. Thánh đạo nghĩa là ta đang có mặt trên con đường của thánh nhân hay trên con đường của phàm nhân tục lụy. Đức Thế Tôn hội đủ các đức lành còn ta có được góc mẻ nào của Ngài hay không.

Paññādadaṃ nghĩa là lời Thế Tôn nói ra cho người khác nghe, kiểu sống của Thế Tôn cho người khác nhìn đều là *ban bố cho người ta trí tuệ*. Có biết bao nhiêu người chưa nghe Ngài nói, chỉ nhìn Ngài thôi là đã có trí tuệ rồi.

'Kāmālaye asattaṃ' nghĩa là Thế Tôn không bị dính mắc trong năm trần. Ngài Maha Kassapa Đại Ca Diếp là vị đệ nhất đầu đà, suốt đời chỉ mặc y phấn tảo lượm ngoài nghĩa địa, suốt đời sống hạnh khất thực ăn xin bằng bình bát, suốt đời sống trong hang động gốc cây, suốt đời chỉ ăn nhất tọa thực, lỡ điểm tâm rồi thì không ăn trưa, ấy vậy mà mỗi lần về quì đảnh lễ dưới chân Thế Tôn thì một lòng tôn kính tuyệt đối, vì ngài biết con người mình đang quì lạy đây mỗi ngày sống trong tiện nghi và sử dụng vật chất ưu việt nhất nhưng một chút xíu tham đắm cũng không có, cảnh trần đối với vị này giống như gió qua mành lưới, nước trên lá sen, hạt cải trên đầu kim. Ngài biết rõ con người này không dính mắc trong cảnh trần trong cảnh dục đã đành rồi, mà cảnh Phi tưởng phi phi tưởng Ngài cũng không màng tới, vị này có thể xuất nhập thiền Vô Sắc nhanh hơn tia chớp nhưng vị này không hề dính mắc. Với một bậc đạo sư như vậy thì 13 hạnh đầu đà của ngài Ca Diếp có nghĩa gì đâu, thế nên ngài quì lạy dưới một nhân cách vĩ đại như vậy. Không phải như những vị thầy khác, Khổng Tử nói, hiếu học ta không bằng Nhan Hồi, lễ nghi ta không bằng Mạnh Tử v.v... nghĩa là chính Khổng Tử cũng nhìn nhận có chỗ này chỗ kia mình thua học trò, nhưng Thế Tôn thì không. Đệ tử có giỏi bao nhiêu thì Ngài còn giỏi hơn rất nhiều lần. Có lần ngài Ānanda từng tán thán Thế Tôn: *Thật may mắn thay cho con, đại hạnh thay cho con khi con có một bậc đạo sư như Thế Tôn*. Ngài Udayi đang đứng hầu kế bên liền nói: *Tôn giả Ānanda dư lời khen "phò mã tốt áo".* Đức Phật nói: *Này Udayi đừng nói như vậy, nếu đời này kiếp này mà Ānanda không chứng quả A-la-hán viên tịch vô sanh thì với niềm tin trong tích tắc khi mà Ānanda nói lời tán thán đó, Ānanda đủ phước báu 36 lần làm Đế Thích, 36 lần làm Chuyển luân Vương và vô số lần làm Phương chủ quốc độ.* Có một chuyện quí vị phải ghi nhớ nếu có niềm tin. Niềm tin của mình đối với Đức Thế Tôn sẽ dẫn đến công đức rất lớn, tuy nhiên niềm tin đó phải tùy thuộc vào sự hiểu biết của mình về Ngài. Muốn hiểu được ân đức của Phật trước hết phải học giáo lý để nhận thức của mình về Đức Phật càng sâu càng rộng. Trong A-tỳ-đàm nói tâm tham có 8, tâm đại thiện có 8. Tâm tham có hợp tà ly tà, thọ hỷ thọ xả, vô trợ hữu trợ; tâm đại thiện có hợp trí ly trí, thọ hỷ thọ xả, vô trợ hữu trợ; mình nghe như vậy mình tưởng có 8 thứ chứ thật ra không phải. Có hai cách nói, cách nói đơn giản: Chỉ có một tâm tham thôi, một tâm thiện thôi. Cách nói rắc rối: có vô số tâm tham chớ không phải có tám. Vì sao?

Vì tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ của quí vị không giống như tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ của tôi, vì thọ hỷ của quí vị làm sao giống thọ hỷ của tôi. Vì cái căn cơ, khuynh hướng tập khí luân hồi nhiều đời nhiều kiếp của tôi, vốn liếng sanh tử của tôi không giống các vị nên tâm tham thọ hỷ của tôi không giống các vị; hợp tà cũng vậy, thường kiến của các vị cũng không giống của tôi; vô trợ (không cần tác động) của tôi cũng không giống của các vị. Không cảnh đời nào giống cảnh đời nào hết, vì vậy quí vị nên nhớ trong kinh nói 8 tâm tham thì phân loại cho thấy rõ vậy thôi thật ra tâm tham người này không giống của người kia. Tâm thiện cũng vậy, vì sao, thọ hỷ của tôi không giống thọ hỷ của quí vị; hợp trí cũng vậy, hiểu biết của tôi về Phật pháp không giống các vị cho nên khi tôi niệm Phật làm sao giống các vị được. Ví dụ như quanh nhà tôi có hoa hồng, mỗi lần tôi cắt hoa hồng vô tôi cúng cho Ngài tôi chỉ niệm một điều thôi: "Ngài xứng đáng nhận những hoa này, đời Ngài là hoa, con xin cúng hoa cho Ngài". Khi tôi thắp hương đối trầm cho Ngài tôi cũng chỉ niệm: "Xin cho con được giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến hương như của ngài", hoặc những khi lạy Phật tôi chỉ niệm có một câu thôi: "Ngài là người đã làm chuyện khó làm, đã nhịn chuyện khó nhịn, đã cho cái khó cho, nên Ngài đã thành tựu cái khó thành tựu", chỉ vậy thôi. Chứ còn tôi sợ nghe niệm Phật mà cứ đọc ê a như con két mà không biết những gì mình đọc như Điều Ngự Trượng Phu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Minh Hạnh Túc là cái gì, có một điều vô cùng khó hiểu và vô cùng đau lòng là Phật tử VN cứ niệm Phật như con két mà con mắt thì láo liên không hề hiểu được câu niệm đó là cái gì. Đối với tôi mà nói, niệm Phật mà không có cái lòng dính vào đó giống như niệm nam mô Lê Văn Hai, nam mô Nguyễn Văn Tèo vậy đó, không có ý nghĩa gì hết, niệm một nơi mà làm một nẻo. Niệm Phật phải hiểu được ý nghĩa; nên tôi nhắc ở đây chuyện rất quan trọng, phước báu của mình khi mình lạy Phật, lễ Phật, cúng Phật công đức sẽ nhiều ít tùy thuộc vào khả năng hiểu biết về Ngài. Có hiểu biết mới dẫn đến chuyện hợp trí hay ly trí. Trong hợp trí của mình, A với B lại khác nhau nữa, ví dụ như ngài Hộ Pháp ở núi Dinh, hễ nói đến chữ "Phật, Vô Ngại giải, Lục thông Tam minh…" thì ngài "phê" lắm, hơn người bình thường rất là nhiều. Như trong bài kệ, chỉ có chữ *Kamamānaṃ* (kinh lịch thánh đạo) thôi mà nó mênh mông hà xứ như vậy, trong khi mình không biết cái gì hết, mình chỉ biết quì, biết lạy thôi, quá yếu! Giống như một người mẹ có hai đứa con, một đứa sống với mẹ bốn chục năm, khi nhắc đến mẹ thì bao nhiêu kỷ niệm trùng trùng trở về, còn một đứa thất lạc từ bé, bốn mươi năm sau gặp lại mẹ, thì "rõ ràng trước mắt còn ngờ chiêm bao", tự nhiên một người đàn bà lạ hoắc trở thành mẹ thì vẫn xa cách không giống như đứa con kia.

Niệm Phật có hai cách, một là niệm như đứa con ở gần mẹ 40 năm hoặc như đứa con nhận mẹ sau 40 năm xa cách, quí vị muốn niệm kiểu nào tùy ý.

THIÊN NỮ

Bài kinh này có nội dung hơi lạ lạ. Có một vị tỳ kheo tu hành rất tinh tấn, cần chuyên, thanh tịnh, đùng một cái, vào một ngày buồn không còn thở nữa. Trong cái chết đột ngột đó, vị này được sanh thiên. Trong chú giải nói thế này: *ayaṃ kira devaputto* tương truyền rằng vị thiên tử này *satthusāsane pabbajitvā vattapaṭipattiṃ pūrayamāno pañcavassakāle pavāretvā* sau khi xuất gia trong giáo pháp của Đức Phật được 5 năm tu hành tinh tấn, làm tròn trách nhiệm của người tu hành, *dvemātikaṃ paguṇaṃ katvā kammākammaṃ uggahetvā cittarucitaṃ kammaṭṭhānaṃ uggaṇhitvā* học trọn vẹn cả thiền chỉ lẫn thiền quán *sallahukavuttiko araññaṃ pavisitvā* là người rất là dễ thương, bậc tiêu dao thoát tục sống trong rừng thì mạng chung. Sau khi chết rồi thì sanh về trời.

Theo một sớ giải khác nói chuyện sanh về địa ngục hay sanh về trời: sanh về cõi Trời thì sau khi chết rồi sẽ thấy giống như mình thức dậy và có cảm giác thơm ngát, mát lạnh, xung quanh là những âm thanh du dương, những âm thanh chưa bao giờ được nghe trong đời sống thường nhật, mở mắt ra thấy quanh mình toàn tiên nữ, lâu đài trôi bềnh bồng trong mây trắng, bốn phương không giới hạn. Sanh về địa ngục thì có cảm giác thức dậy trong lò bánh mì, bốn bề lửa cháy nóng rần rần, có tiếng van xin gào thét, mùi hôi thối, lúc đó thì biết rằng mình đã "hạ cánh"! Có người đâm chọt, cắt thịt cắt da, xung quanh toàn những người bị giống như mình.

Vị tỳ kheo này cũng vậy, nghe mát lạnh thơm mát, mở mắt ra thấy một rừng mỹ nữ, vị này mất hồn. Cô tiên nữ nói: *Ngài không có gì phải ngại, giờ ngài đã thành thiên tử, ngài là chủ của chúng tôi.* Vị này lòng không yên lập tức dùng trí tuệ quan sát, biết mình đã từ trần, sanh về đây, nhưng chỗ này không hạp với mình. Như một đứa bé nhớ mẹ, vị này nhớ ngay đến Đức Phật bổn sư liền. Chúng ta hãy nhớ một chuyện như thế này, khi mình dễ duôi, mê đời, mê tiền, mê gái, háo sắc thì mình thấy đời đẹp, nhưng một người sợ sanh tử thì hình ảnh Đức Phật là hình ảnh tuyệt vời nhất, là sự an toàn, an lạc. Một người có niềm tin nơi đạo thì ngoại trừ những phút dễ duôi riêng mình ra thì không có hình ảnh nào an toàn bằng hình ảnh Đức Phật. Đó là lý do tại sao khi gặp người quen thì tôi hay đề nghị đừng có đeo tượng Phật trên người, vì tượng Phật đeo trên người thì mình khó nhìn thấy nhất, trên thân mình thì bất tịnh, bất xứng; mang vào toilet thì

không hay. Chỉ nói với người quen thôi, chứ người lạ thì mang gì cứ mang. Tôi khuyên nên tìm một bức tượng, bức hình cho vừa ý, mỗi lần thấy lòng không yên mình nhìn lên Ngài, mình cảm thấy một chỗ dựa, chỗ dựa đặc biệt lắm quí vị. Có người cho bà Asandhimitta - hoàng hậu của vua A Dục, một con chim hót rất hay, con chim tên là Karavika (Ca-lăng-tần-già). Nghe con chim hót bà nghĩ, nghe kinh nói âm thanh Thế Tôn giống âm thanh con chim này, khi nó hót trong lúc thiện đã hay như vậy, thì huống chi âm thanh của Thế Tôn, của một bậc không phiền não đã lậu tận. Chỉ nghĩ như vậy bà đã đắc Tu-đà-hoàn. Khi nhìn bức tượng, bức tranh của phàm phu làm ra, họ là người còn tham còn sân còn si mà làm ra khuôn mặt như thế này thì tôn nhan thật sự của Thế Tôn làm sao mình không kính ngưỡng được, một con người nhiều đời nhiều kiếp dám chết vì người khác, ai Ngài cũng thương. Tôi tuyệt đối tin rằng, nếu tôi được gặp Thế Tôn thì điều gì tốt đẹp nhất có thể làm cho tôi thì Ngài sẽ làm; nếu tôi có đủ duyên giác ngộ thì dù tôi ở xa ngàn trùng Ngài cũng đến với tôi;, nếu tôi có hạnh Bồ tát, nếu nói câu gì đó để cho hạnh Bồ tát của tôi được củng cố thì dầu có ngàn dặm Ngài cũng đến với tôi.

Vị tỳ kheo này về trời thấy bầy tiên nữ thì sợ hãi đám này sẽ đưa mình về cõi đọa ngàn trùng viễn xứ của máu lửa tang thương, nên lập tức quay về với Thế Tôn. Quí vị thấy câu kệ này mới tang thương nè:

Thiên nữ đoàn tụ hội,

Ngạ quỷ chúng tới lui,

Rừng ấy danh rừng si,

Làm sao có lối thoát?

Rừng si ở đây tiếng Pāḷi là Mohana. Trên cõi trời có rừng Nandana (Xem lại bài kinh Vườn Hoan Hỷ), gọi là rừng Khoái Lạc, vị này chơi chữ thay vì gọi là rừng Nandana thì gọi là rừng Mohana, rừng si. Si ở đây không phải là loại cây si cây kiểng.

Người Tích Lan tả người nữ: "*ajjhattayakkhā bahiddhadevatā"* nghĩa là bụng dạ xoa, ngoài thiên nữ, giống kiểu khẩu Phật tâm xà. Chữ '*quỷ'* này có hai nghĩa: 1. Gian ác nhỏ mọn, ích kỷ; 2. Là người đưa mình xuống địa ngục. Trong tiếng Sanskrit còn gọi người nữ là '*narakadipikā'* nghĩa là "*ngọn đuốc dẫn về địa ngục*". Bữa nay tôi đứng về phía vị tỳ kheo nên chắc quí vị phụ nữ rất là buồn. Có

chuyện này mình cũng nói nhỏ nhau thôi, người nam ghét nhau nhưng vì hoàn cảnh có thể gần nhau được, chứ nữ thì không. Lòng người nữ hẹp lắm nhưng nói ra họ giận.

Vị này nói, "*Accharāgaṇasaṅghuṭṭhaṃ, pisācagaṇasevitaṃ".* thấy tiên nữ vậy thôi chớ đó là đám quỷ. "*Vanantaṃ mohanaṃ nāma"*, bây giờ đang sống trong khu rừng tăm tối mịt mù như vậy, "*kathaṃ yātrā bhavissatī"* biết đi đâu về đâu. *Kathaṃ*: thế nào (how). *Yātrā* nghĩa gốc là 'hành trình' (journey). HT Minh Châu dịch là "làm sao có lối thoát". Tâm trạng của vị này: *Bạch Thế Tôn chung quanh con giờ toàn quỷ cái không hà, sống chung với đám quỷ hắc ám vậy giờ con biết đi đâu về đâu.*Hiện nay Ấn Độ dùng chữ 'Yātrā' để chỉ cho ngành du lịch (*tourism)*. Đức Phật nói: *Đừng nói là ngươi không chỗ về, rõ ràng có một chiếc xe yên tĩnh đi về nơi không sợ hãi với các phụ tùng là những thiện pháp, bất kể ai trên đời này cũng đều phải dùng chiếc xe đó đến Niết Bàn*. "*Đường ấy tên chơn trực … Hướng tiến đến Niết-bàn"*.
Con đường mà HT Minh Châu dịch "con đường chơn trực" "*Ujuko nāma so maggo*" có nghĩa là con đường không quanh co. '*Vanka'* là 'quanh co'. Cái lưng bị cong cũng là 'vanka', con đường quanh co cũng là 'vanka', sự trùng hợp ngẫu nhiên[1]. Con đường không quanh co ở đây ám chỉ Bát Thánh Đạo, là con đường đi thẳng, không tái sanh. Con đường thiện ác theo nghĩa thế gian thì có quanh quẹo. Những thiện pháp được tu tập trong lý tưởng vô lậu thì đi thẳng về phía trước. Đức Phật dạy, này các tỳ kheo sở hành quanh co dẫn đến sanh thú quanh co. Con rắn, con chồn, cáo, chim, chuột rất sợ loài người hoặc loài lớn hơn thì sẽ tìm cách trốn lủi luồn lánh. Cũng vậy, người mà có sở hành bất thiện thì gọi là người có sở hành quanh co. *Vankacārī*: sở hành quanh co. Cái gì bất thiện thì đâu dám khoe, phải giấu, chính vì sở hành bất thiện mình phải giấu nên đời sau mình sanh thành loài gì đó hay né tránh trốn lủi lòn lách như chuột, rắn. Người đi đường ngay lối thẳng chỉ có thiện pháp thôi. *Abhayā disā*: phương trời an toàn vô úy, ám chỉ Niết Bàn. *Ujuko maggo:* con đường trực chỉ không quanh co ám chỉ cho Bát Thánh Đạo. *Akūjano ratho:* chiếc xe êm ái không tiếng ồn, cũng ám chỉ Bát Thánh Đạo. Như vậy ở đây Bát Thánh Đạo vừa là con đường cũng là chiếc xe.

Aṭṭhaṅgiko maggo ujuko nāma. Bát Thánh Đạo là con đường trực chỉ không quanh co.

Ratho akūjanoti aṭṭhaṅgiko maggova adhippeto. Chiếc xe không tiếng ồn cũng ám chỉ cho bát thánh đạo. *Adhippeto*: ám chỉ. Vì sao không tiếng ồn?

Chiếc xe bình thường càng đông khách thì càng om sòm, còn chiếc xe Bát Thánh Đạo càng nhiều người tu thì càng yên lặng, nên được gọi là xe vô thanh.

Trong kinh nói, có một đêm trăng rất đẹp, vua Ajātasattu (A- Xà-Thế) thấy vậy mới nói đêm nay mình ngồi chung quanh mấy cô cung phi thì uổng quá đêm nay phải có một vị thầy nào đó hướng dẫn tâm linh cho mình thì vui biết bao nhiêu. Mỗi một vị quan giới thiệu một thầy khác nhau, riêng có một người đề nghị vua Ajātasattu đến hầu Đức Phật. Vua đi đến vườn xoài để hầu Phật, khi gần tới nơi vua hỏi vị quan đó: *ngươi có dụng ý tà tâm gì mà đem ta tới chỗ này vắng hoe*. Nơi đó có 1250 vị tỳ kheo mà tất cả đều đang ngồi thiền im phăng phắc làm vua sợ luôn.

"Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?

"

- Này khanh Jìvaka, người phản ta chăng?

Này khanh Jīvaka, người lường gạt ta chăng?

Này khanh Jīvaka, ngươi nạp ta cho kẻ thù chăng?

Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này gần một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

"

Con người tu đúng Bát Chánh Đạo rồi thì đông bao nhiêu cũng không ồn. *Ekappahārena caturāsītiyāpi pāṇasahassesu:* Chiếc xe này dù có tám muôn bốn ngàn người chất lên ngồi đi nữa thì đi cũng không có tiếng động.

'Dhammacakkehi': 'bánh xe pháp'. 'Bánh xe pháp' ở đây ám chỉ cho sự tinh tấn thân tâm. *Kāyikacetasikavīriyasaṅkhātehi dhammacakkehi saṃyutto.*

'Kàyaviriya **cetasika**viriya': 'tinh tấn thân tâm'

'Cetasika': 1. Tâm sở (mental factor, ingredient, thành phần của tâm). 2. Mental (thuộc về tâm). Pháp luân là bánh xe phải được đẩy về phía trước bằng lực đẩy của sự tinh tấn thân tâm.

''Hirī tassa **apālambo**, satyassa parivāraṇaṃ;

Chữ *'Apālambo'* ở đây tôi không muốn dịch vì không rành thiết bị phụ kiện của xe ngựa, lại là xe ngựa thời xưa nữa. Cấu trúc cơ bản của nó giống nhau nhưng chi tiết đi theo của nó tôi không chắc. Đây là một cơ phận nào đó của xe mà thôi. Ở đây Ngài nói bánh xe chỉ cho sự tinh tấn; tàm, niệm, chánh tri kiến là những bộ phận của chiếc xe. Chiếc xe ngựa ngó đơn giản nhưng cách đây mấy ngàn năm các bộ phận của nó không giống như bây giờ. Chiếc xe ngựa của vua Tần Thủy Hoàng lạ lắm. Xe ngựa của châu Âu hình chữ nhật, nhưng thùng xe của Tần Thủy Hoàng hình vuông. Vào google gõ chữ 'Binh mã dụng', hoặc 'terracotta carts' để xem thêm cho biết. *Hirī* là tàm, trong chú giải nói, chánh kinh chỉ nói *tàm*nhưng hàm ý có cả *úy* ở đây. Có những cặp không rời nhau: hôn thụy (thīnamiddha); tàm úy (hirīottappa), giả dối lừa đảo (māyā-sātheyya).

"Dhammāhaṃ sārathiṃ brūmi, sammādiṭṭhipurejavaṃ".

'Sārathi': 'người đánh xe'.

'Dammasārathi': người đánh xe giỏi, thiện nghệ'.

'Purisa': 'người'.

Người đánh xe, thông thường là đánh xe ngựa xe bò.

'*Gonna'*: bò, '*assa':* ngựa.

*Gonna dammasārathi:*người đánh xe bò giỏi,

Assa dammasārathi: người đánh xe ngựa giỏi.

'Purisadammasārathi': Điều Ngự Trượng Phu, người thiện nghệ, lành nghề trong việc độ con người.

"Chơn diệu pháp" (Dhamma) ở đây ám chỉ cho 'Thánh đạo', *"Chánh tri kiến"* thì HT Minh Châu dịch là *"Mau chóng đi tiền phong",* chữ này tôi chống tuyệt đối; '*purejava'*phải dịch là 'người tiền trạm', 'tiên phong' (running in front).

Phong có nghĩa là ngọn núi hay đỉnh núi; *cô phong* là ngọn núi lẻ loi. *Phong* có nghĩa là *gió*. *Phong* có nghĩa là *mũi nhọn*, (tiên phong).

Chánh kiến ở đây ám chỉ cho trí tuệ quán (Vipassana): trí tuệ thấy được tánh *Tam tướng* (cái gì sanh ra thì sẽ mất đi, đã có rồi sẽ biến diệt, băng hoại và phân hủy) và *duyên khởi* (cái này có từ đâu, và sẽ dẫn đến cái gì, cái này có cái kia có, cái này không cái kia không) của danh sắc. Chính trí này được xem là 'kẻ tiền trạm' (*purejava)* dẫn đầu.

Bài kinh này rất gần gũi với hành giả, bởi vì làm gì thì làm, nói cho rốt ráo, dù có mê pháp học cách mấy đi nữa, mê chuyện làm phước gì đi nữa thì phải nhớ rằng không có cái chi qua được trí tuệ Vipassana hết, vì trí tuệ này chỉ có trong thời kỳ của Phật Chánh Đẳng Chánh Giác thôi. Nếu đủ duyên thì chứng quả đời này, nếu vô duyên kém phước thì cũng gieo duyên đời sau kiếp khác, có thể là lúc xá lợi gom lại năm ngàn năm cũng có, có thể là chết kiếp này rồi tái sinh trở lại tu tập kiếp kế, kế, kế nữa. Nhiều thì không dám nhưng tôi có niềm tin là Sơ quả không phải đời này thì cũng kiếp sau, cứ làm phước và nguyện đời đời, nguyện dồn dập thì tôi nghĩ không khó. Những biệt hạnh đệ nhất thì khó vì đòi hỏi thời gian tu Ba-la-mật nhất định còn chuyện Sơ quả, nhất là có loại sơ quả tột mạng, đắc xong rồi chết luôn (samasīsī) mình chỉ cần "đủ tiền để mua được cái vé" lên đó, mua cái visa bước vào đó, chết ở phi trường xứ người – của thánh nhân – cũng được. Làm gì đi nữa thì cũng nhớ sống chậm lại một chút để nhìn cái gì đang diễn ra. Điều quan trọng nữa là thời gian luôn luôn đi vun vút và bất cứ giây phút nào cũng là giây phút cuối cùng, nó qua rồi thì không còn trở lại được nữa. Một ngày dù vui dù buồn, dù thiện, dù ác, dù quạnh hiu hay náo nhiệt thì một ngày rồi cũng trôi đi. Từ lúc bắt đầu giảng đến giờ đã hai tiếng rồi, hai tiếng đồng hồ nghe pháp hay nhậu nhẹt, đánh bài chè chén cũng trôi đi. Bên Âu Mỹ thời gian qua nhanh hơn trong nước, vì cái gì cũng đẩy cho cuối tuần vì cuối tuần là ở nhà (đi chợ, họp mặt, ăn uống, cưới hỏi vv…) nên chỉ cần có chương trình kế hoạch cuối tuần thì bảy ngày qua mau vô cùng, vì chỉ nhớ tới cuối tuần. Trong khi ở VN thì khái niệm 'weekend' gần như không có, cảnh thanh niên ngồi lê thê ngoài đường uống cà phê không bao giờ có ở Mỹ. Một lần nào đó bà con thử đặt chân xuống ở nhà ga metro New York, London sẽ thấy kinh hoàng, một đứa bé trên tay mà rớt xuống là tiêu vì chân người đan kín mít lại di chuyển rất nhanh. Tôi có một pháp môn *Watching Meditation*, nhìn đồng hồ để thấy giây phút nào cũng là giây phút cuối cùng thưa quí vị. Và sẽ có một ngày những gì chúng ta đang sở hữu ở đây chỉ là cái gì đó rất là nhàm chán, rất là mỉa mai. Một cái đồng hồ ngày xưa mình mua đeo cho sướng tay thì bây giờ đeo không nổi khi cái tay bị bệnh liệt rung

Parkinson, và có ngày mình nhìn mà không biết nó là cái gì, và thậm chí không biết đeo vào cổ chân hay cổ tay. Cho nên hãy nhớ rằng trong bài kinh này, Đức Phật kết thúc rằng: chính trí tuệ thiền quán là kẻ tiên phong, luôn luôn đặt ưu tiên trước bố thí, trì giới, phục vụ v.v... Đã đủ cho hôm nay. Xin hẹn gặp lại quí vị.
(Còn một phần bổ sung của bài kinh này được giảng tiếp ở bài kinh Trồng Rừng)
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng
[1] Phát âm chữ 'quanh co' và 'vanka' nghe na ná nhau

Bài giảng ngày 12-7-2014 TRỒNG RỪNG ((Vanaropasutta)

Trong lớp học này chúng ta có một cơ hội rất là lớn để thấy rằng chỗ dựa trong Phật pháp là chỗ dựa yên tâm. Những gì quí vị nghe ở đây là sờ sờ trước mắt. Rõ ràng trước mắt còn ngờ chiêm bao. Bài kinh này chúng ta không thấy người hỏi là ai, vẫn là khuyết danh chỉ có câu trả lời của Đức Thế Tôn. Trước khi bắt đầu xin nhắc lại một chuyện cộng với lời xin lỗi. Hôm qua khi học bài kinh Thiên Nữ, nói về một vị tỳ kheo sau khi từ trần rồi sanh thiên, chưa có làm quen được với đời sống của một người hưởng lạc nên trở về gặp Phật và được Ngài thuyết giảng cho nghe. Sau buổi giảng đó vị tỳ kheo này chứng Tu-đà-hoàn. Câu chuyện đó là một gợi ý đẹp cho chúng ta đó là sống trong đời sống cần có một tấm lòng, chỉ một lần lòng hướng về Phật, chỉ một lần cầu đạo giải thoát thì có trôi dạt về đâu đi nữa chúng ta cũng có cách trở về thôi. Có được hạt giống bồ đề, có được chủng tử giác ngộ thì không sớm thì muộn chúng ta cũng có cách. Trong chú giải của bộ Apadāna tập một, nói rằng nếu một người không có tâm nguyện gì đặc biệt thí dụ không nguyện thành Phật Chánh Đẳng Giác, Độc Giác hay Thanh văn giác, nếu người như vậy mà có lòng cầu đạo giải thoát thì những công đức họ làm được xem là Ba-la-mật. Từ chỗ đó, có một bài kinh HT Tịnh Sự (một trong hai vị bổn sư của tôi) lúc sinh thời dịch ra tiếng Việt từ chú giải của Apadāna mà nhiều người tưởng là của ngài.

Phước lành con đã tạo ra,

Các đời quá khứ hay là đời nay.

Nghiệp chưa cho quả phước nào,

Nguyện thành Pháp độ để vào thiện căn.

Sau này dù tạo mấy lần,

Từ đây cho đến siêu thăng Niết bàn.

Hễ làm chuyện tốt sẵn sàng,

Mỗi điều hạnh phúc thành đoàn nhân duyên.

Giúp cho phiền não sớm yên,

Trợ mau giải thoát kế liền kiếp sau.

Nếu trễ chẳng gặp Phật nào,

Nhằm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành.

Bài kinh này có hai điểm quan trọng đó là, con nguyện từ nay cho đến ngày con được vô sanh bất diệt, bao nhiêu công đức đã làm chuyển hết vào tài khoản giác ngộ. Xin tất cả những công đức đó hãy biến thành nguồn lực để mai này con đủ điều kiện tâm lý diệt trừ phiền não trong bất cứ hoàn cảnh nào (chuyển khoản trí tuệ). Điều thứ hai là "Nếu trễ chẳng gặp Phật nào, Nhằm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành" nghĩa là một thời gian quá dài quá lâu mà không vị Chánh Đẳng Giác nào ra đời, với một người có lòng cầu đạo giải thoát tha thiết cộng với sự tu thiện không ngừng thì tự nhiên chuyển thành Độc Giác. Bây giờ hiếm người thành Độc Giác, vì muốn trở thành Độc Giác phải tu hai a-tăng-kỳ một trăm ngàn đại kiếp. Chưa hết đâu, đối với vị Chánh Đẳng Giác có thể vì Ba-la-mật của mình hy sinh tánh mạng, bố thí, trì giới, trau dồi trí tuệ, vì lý tưởng xuất gia của mình mà bỏ mạng, còn với vị Độc Giác thì có thể hy sinh tứ chi, chỉ có hơi ngại cái chết thôi. Trên nguyên tắc là như vậy nhưng trong kinh nói rất rõ, các bậc đại nhân như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên trong quá trình hình thành Ba-la-mật không có coi nặng mạng sống cho lắm. Tất cả các bậc đại nhân đều giống nhau ở điểm: thà hy sinh tài sản nhỏ để giữ tài sản lớn, thà hy sinh tài sản lớn mà giữ được tứ chi, và nếu cần thà hy sinh tứ chi để giữ được mạng sống, nếu cần thì bỏ mạng sống để giữ lấy pháp. Ngày trước tôi thuộc lòng câu Pāḷi này, bài kệ bắt đầu bằng chữ 'caja' (từ bỏ, hy sinh) mà giờ lâu quá tôi quên rồi. Những câu Pāḷi tôi thích tôi đều thuộc lòng hết, ví dụ câu này: Cái gọi là chúng sanh chỉ là sự lắp ghép năm uẩn, giống như cái gọi là chiếc xe chỉ là sự lắp ráp của các thiết bị bộ phận. Hoặc câu: Chỉ có khổ mà không có người chịu khổ. Hoặc là câu Phật nhận lời Phạm thiên thuyết pháp. Câu này bên PG Tích Lan cho rằng là gần giống như câu thần chú hộ thân, khi nào trong cuộc sống gặp sự rắc rối cần sự suôn sẻ, cứ chuyên tâm tụng câu này trong thời gian ngắn thì cái gì cũng xong. Nếu không giải quyết được thì tối thiểu cũng được sự yên tâm. Cầu nguyện lúc nguy khốn không phải để thoát nạn mà để có sự bình tĩnh.

Apāruta tesam amatassa dvārā;

Ye sotavanto pamuñcantu saddham;

Vihimsasaññī pagunam na bhāsim;

Dhammam panītam manujesu brahme

Open are the doors of the Deathless.

Let those that have ears repose trust.

Being aware of the weariness, O Brahma,

I did not teach amongst men this glourious and excellent Dhamma [1]

Cánh cửa bất tử nay đã được mở ra, những ai có tai để nghe xin mở rộng niềm tin của mình. Từ lâu lắm rồi(pagunam: thời gian rất dài) : thời gian rất dài) chỉ nghĩ đến chuyện mệt mỏi (Vihimsasaññī),), nên ta đã không có nói pháp vi diệu cho chúng sinh, này Phạm Thiên (Brahme). Dịch ngược lại từ hàng cuối cùng lên nghĩa vẫn giống nhau:). Dịch ngược lại từ hàng cuối cùng lên nghĩa vẫn giống nhau: Này Phạm Thiên, từ lâu lắm rồi, chỉ nghĩ đến mệt mỏi, pháp này là pháp ngược dòng, nói cho người nghe không phải là chuyện dễ dàng, đơn giản, nên ta đã không có lòng nói pháp. Câu Pāḷi này đặc biệt là dịch ngược từ hàng cuối cùng và chữ cuối cùng, câu số 1 xuống câu số 4 và câu số 4 lên câu số 1 đều nghĩa giống nhau; đọc ngược cũng được đọc xuôi cũng được, chính là lý do giúp cho mọi sự được suôn sẻ giống như bài kệ này, trên xuống hay dưới lên, kiểu nào cũng ok. Đó là bổ sung cho bài Kinh Thiên Nữ. Giờ sang bài Kinh Trồng Rừng (Vanaropasutta)

Ropati: trồng cây. Đây là một chữ mà bà con phải nhớ, vì từ lâu lắm, nhiều nghìn năm trước khái niệm trồng cây trồng rừng gây tạo bóng mát, tạo oxygen cho hành tinh, dưỡng khí cho nhân loại đã có trong PG. Trồng thêm một cái cây là góp thêm chút màu xanh, góp thêm bóng mát, góp thêm dưỡng khí, góp thêm chỗ trú mưa trú nắng cho cuộc đời vốn đầy nắng nóng. Những kẻ lưu lạc cần chỗ dừng chân, vậy nên trồng một cái cây là công đức nhiều lắm. Vì vậy nên vị này mới hỏi Đức Thế Tôn, ngoài những việc như sống trong giới luật, bố thí trì giới còn có việc gì phải làm nữa hay không. Đức Phật trả lời còn có những việc rất là hay nữa mà vị này không để ý.

‘Diva’: ‘ban ngày’. ‘Ratto’: ban đêm.

‘Divankara’, ‘dinakara’: mặt trời (cái làm nên ban ngày).

‘Kara’: ‘làm’.

‘Ārāmaropā’: trồng cây để làm vườn, làm rừng.

‘Ropati’: trồng cây.

‘Arañña’, ‘aranya’ (lan nhã): ‘rừng’.

‘Ārāma’: (Tàu âm là) ‘già lam’.

Người VN thường gọi “chốn già lam”. Ngày xưa khi Đức Thế Tôn còn tại thế, chùa khác bây giờ. Trụ trì khác bây giờ, ông sư nào cũng sợ trụ một chỗ lâu, vì hồi xưa làm trụ trì chỉ có trách nhiệm chớ không có quyền lợi. Chỗ ở ngày xưa, già lam chỉ là khu vườn thôi, lan nhã là khu rừng thôi. Nơi đó có nhà kho đựng vật dụng thiết yếu, vị trụ trì coi ngó sao cho đừng bị hư mốc, kiến mọt. Trong số khách tăng về, vị trụ trì xem ai có sẵn lòng thế mình thì giao cho người đó rồi vị trụ trì đi mất. Ngày nay thì già lam, lan nhã rất chi là hoành tráng.

‘Sunnāgāra’: ‘nhà trống’.

‘Arannagato’: ‘sự vào rừng’.

‘Gàma’: ‘làng xóm’, ‘tụ lạc’ (tiếng Hán).

Vị ấy hỏi Đức Phật: “Kesaṃ divā ca ratto ca, sadā puññaṃ pavaḍḍhati”một người sống suốt ngày đêm tìm đủ cách để tăng trưởng phước báu. Dhammaṭṭhā sīlasampannā, Trú trong pháp và đủ giới hạnh, “ke janā saggagāmino’’ti.” trong số đó ai được sanh thiên. Câu đó nếu đối tượng khác hỏi Đức Phật sẽ trả lời khác, nhưng với đối tượng trước mặt này thì Đức Phật trả lời: Chỉ chừng đó thôi thì cũng chưa đủ, người ở đây cần trồng cây làm rừng, xây cầu, đào giếng cho người ta có nước uống.Câu trả lời của Đức Phật mục đích khích lệ họ trong việc họ đang làm và khuyến khích họ những việc họ chưa làm.

[38] Các loại định

‘Dhammaṭṭhā’: ‘trú pháp’. Theo trong chú giải, ‘trú pháp’ ở đây là ‘phalādisamāpatti’ nghĩa là an trú vào các loại định như thiền Quả, thiền Phạm trú, thiền Diệt.

Thế nào là Thiền Quả?

Chẳng hạn như một vị Tu-đà-hoàn khi thấy mệt mỏi quá cần được an dưỡng đúng nghĩa thì vị đó kiếm chỗ nào sạch sẽ khô ráo an toàn, ổn định trong suốt thời gian một tiếng, hai tiếng, một ngày, hai ngày, năm ngày, bảy ngày … ngồi

xuống quán danh sắc, quán oai nghi, hoặc quán hơi thở. Theo dõi hơi thở ra hơi thở vô, quán sự vô thường, khổ, vô ngã trong Tam tướng. Trước khi nhập thiền Quả vị ấy thao tác y hệt như hành giả phàm phu trong Tứ Niệm Xứ, quay lại đề mục niệm xứ của mình, một trong bốn đề mục thân, thọ, tâm, pháp. Lúc quan sát đó, là một chuỗi vô số những tâm lộ, toàn là tâm đại thiện, lấy cảnh danh sắc làm đề mục, sau đó đến một lúc nào đó tâm đại thiện nảy ra 4 sát na là chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, bỏ bực rồi đến thiền Quả. Khi đó tâm sơ quả xuất hiện vô số lần. Tâm sơ quả Tu-đà-hoàn xuất hiện hoài hết hai tiếng, hết ba tiếng, hết năm tiếng… đến cuối cùng xuất hiện tâm hữu phần rồi từ đó trở lại đời sống bình thường, đó gọi là nhập thiền Quả. Trong suốt thời gian đó tâm tư vị này vô cùng sung sướng, hạnh phúc an lạc vì trú trong đó thì không còn nhớ gì đến thế sự lao đao.

Có ba loại định giúp người nhập định được kim cang bất hoại suốt thời gian nhập định, bất khả xâm phạm. (Chú giải kinh Nandayakkha trong Udāna, Kinh Phật Tự Thuyết - Phẩm Meghiya - Trưởng lão Sona (VI) Ud 39). Udāna là kinh tự thuyết, nghĩa là không cần ai hỏi hết, tự nhiên ở chỗ vắng một mình, nhìn thấy gì đó, nghe nghĩ gì đó rồi Đức Phật đọc bài kệ hoan hỉ, gọi là Udāna. Bài kinh này kể lại một đêm rằm trăng sáng ngài Xá Lợi Phất mới cạo tóc, đến núi ngồi thiền và nhập thiền Quả. Có hai con dạ xoa (một thiện một ác) đi ngang. Con ác nói: Ông này mà tu hành cái gì. Con thiện nói: Đây là ngài Xá Lợi Phất, đừng nói vậy, phạm thượng lắm. Dạ xoa ác móc chùy đánh ngài Xá Lợi Phất, cú đánh đó có thể làm tan nát ngọn núi, nhưng ngài Xá Lợi Phất vẫn điềm nhiên tọa thị, bất động an toàn không hề hấn gì khác. Con dạ xoa đó tên là Nandayakkha. Lạ một chỗ, thời Đức Phật có những tay trời ơi đất hỡi nhưng lại có tên thật đẹp, vị ni đệ nhất thần thông tên là Uppalavannā (sen hồng, hoa súng), có người thương theo đuổi mà nàng không chịu, người kia rình để được gần nàng một lần rồi chết cũng được đợi nàng đi bát về rồi tấn công. Người này tên Nanda và con dạ xoa kia cũng tên Nanda. Nanda nghĩa là niềm vui, hoan hỉ (enjoy, pleasure). Cả hai kẻ này đều bị đánh rút hết, tức là lọt vào sinkhole (hố tử thần). Sau khi dạ xoa đập ngài Xá Lợi Phất một cái rồi chỉ la lên một tiếng Dạ xoa ác móc chùy đánh ngài Xá Lợi Phất, cú đánh đó có thể làm tan nát ngọn núi, nhưng ngài Xá Lợi Phất vẫn điềm nhiên tọa thị, bất động an toàn không hề hấn gì khác. Con dạ xoa đó tên là Nandayakkha. Lạ một chỗ, thời Đức Phật có những tay trời ơi đất hỡi nhưng lại có tên thật đẹp, vị ni đệ nhất thần thông tên là Uppalavannā (sen hồng, hoa súng), có người thương theo đuổi mà nàng không chịu, người kia rình để được gần nàng một lần rồi chết cũng được đợi nàng đi bát về rồi tấn công. Người này tên Nanda

và con dạ xoa kia cũng tên Nanda. Nanda nghĩa là niềm vui, hoan hỉ (enjoy, pleasure). Cả hai kẻ này đều bị đánh rút hết, tức là lọt vào sinkhole (hố tử thần). Sau khi dạ xoa đập ngài Xá Lợi Phất một cái rồi chỉ la lên một tiếng Dạ xoa ác móc chùy đánh ngài Xá Lợi Phất, cú đánh đó có thể làm tan nát ngọn núi, nhưng ngài Xá Lợi Phất vẫn điềm nhiên tọa thị, bất động an toàn không hề hấn gì khác. Con dạ xoa đó tên là Nandayakkha. Lạ một chỗ, thời Đức Phật có những tay trời ơi đất hỡi nhưng lại có tên thật đẹp, vị ni đệ nhất thần thông tên là Uppalavannā (sen hồng, hoa súng), có người thương theo đuổi mà nàng không chịu, người kia rình để được gần nàng một lần rồi chết cũng được đợi nàng đi bát về rồi tấn công. Người này tên Nanda và con dạ xoa kia cũng tên Nanda. Nanda nghĩa là niềm vui, hoan hỉ (enjoy, pleasure). Cả hai kẻ này đều bị đánh rút hết, tức là lọt vào sinkhole (hố tử thần). Sau khi dạ xoa đập ngài Xá Lợi Phất một cái rồi chỉ la lên một tiếng Dayhàmi! Dayhàmi! (Tôi bị đốt! Tôi bị đốt!) và chết rồi đọa địa ngục.

Trong chú giải của bài Kinh Phật Tự Thuyết - Phẩm Meghiya nói có ba loại định mạnh nhất bảo hộ cho người nhập định được an toàn, kim cang bất hoại, bất khả xâm phạm: (1) Phạm trú định, (2) Thiền Diệt, (3) Thiền Quả. Đêm đó, ngài Xá Lợi Phất nhập vào thiền Quả là vì sức mạnh của thiền quả, lúc ngài an trú thánh tâm (tâm siêu thế), tâm này xuất hiện một lượng lớn như vậy thì sẽ tạo ra một lực không thể nghĩ bàn, bất khả tư nghì.

Vị Tu đà hoàn có điểm đặc biệt là nếu xuất gia rồi không thể nào phạm giới xuất gia. Nếu là cư sĩ thà chết không phạm giới cư sĩ. Nếu không phải là người xuất gia thì vị Tu-đà-hoàn có thể lấy chồng lấy vợ sanh con như người bình thường. Tất cả các vị A-na-hàm đều phải là bát quan trai hết, không ăn chiều, không còn dục ái nữa nên chuyện ăn uống giống như chuyện đổ xăng cho xe chạy. Họ là những người ly dục, nên nhiều thứ sinh hoạt phải bỏ đi, chỉ ở mức cần và đủ. Khi hiểu sâu về chữ Tam quả thì mới thấy đời sống của mình tầm thường cỡ nào, thì ra những thứ mình gọi là nhu cầu chỉ toàn là những thứ mình thích chứ không phải những thứ mình cần. Sáng nay nếu có người hỏi tôi tu hành là gì, tôi chỉ nói một câu thôi: Vị Tu đà hoàn có điểm đặc biệt là nếu xuất gia rồi không thể nào phạm giới xuất gia. Nếu là cư sĩ thà chết không phạm giới cư sĩ. Nếu không phải là người xuất gia thì vị Tu-đà-hoàn có thể lấy chồng lấy vợ sanh con như người bình thường. Tất cả các vị A-na-hàm đều phải là bát quan trai hết, không ăn chiều, không còn dục ái nữa nên chuyện ăn uống giống như chuyện đổ xăng cho xe chạy. Họ là những người ly dục, nên nhiều thứ sinh hoạt phải bỏ đi, chỉ ở mức cần và đủ. Khi hiểu sâu về chữ Tam quả thì mới thấy đời sống của mình tầm thường cỡ nào, thì ra những thứ mình gọi là nhu cầu chỉ toàn là những thứ mình

thích chứ không phải những thứ mình cần. Sáng nay nếu có người hỏi tôi tu hành là gì, tôi chỉ nói một câu thôi: Tu là phân biệt cái gì mình thích cái gì mình cần. Tam tạng có bao nhiêu đó thôi. Có những cái mình cần mà mình không thích, có những cái mình thích mà không cần thì phải bỏ. Ở Venice, Ý có những tượng điêu khắc đẹp đến nỗi nhìn thấy không thể nào bước đi được, trong đó có những tác phẩm của Auguste Rodin, một nhà điêu khắc của Pháp. Có người hỏi ông: Ông là một nhà điêu khắc thiên tài của thiên tài, xin cho biết bí quyết khắc tượng đẹp. Ông đáp: Tôi nhặt về một hòn đá, một khối đồng, một khối gỗ, tôi bỏ đi những thứ thừa thì cái còn lại thì chính là tác phẩm điêu khắc. Tu hành là vậy đó, là bỏ đi cái thừa! Trong tam nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, cái gì thấy không cần thì bỏ. Phân biệt cái gì mình thích và cái gì mình cần để làm chi?

Để đi đoạn đường thứ hai: bỏ đi cái không cần, cái thừa, thì cái còn lại chính là Sơ quả. Từ Sơ quả bỏ đi những gì không cần thiết, trở thành Nhị quả, từ Nhị quả tiếp tục gọt dũa, bỏ đi những cái thừa, bỏ năm hạ phần kiết sử thành Tam quả, từ Tam quả tiếp tục mài dũa, còn lại Tứ quả, không còn chuyện gì làm nữa, chuyện nên làm đã làm, phạm hạnh đã thành, gánh nặng đã đặt xuống. Vusitavā katakaraṇīyo ohitabhàro,phạm hạnh đã thành, chuyện nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống; sau đời sống này không còn đời sống khác là vậy đó

Trở lại bài chánh kinh, Đức Phật thấy căn tâm của người hỏi nên Ngài dạy rằng: giữ giới là đúng, thiền định là đúng, nhưng sống không phải chỉ riêng cho mình mà còn phải sống cho người khác nữa.

Công đức có hai: (1) Hướng đến tập thể, (2) Hướng đến cá nhân. Đối tượng: (1) Khả Kính, (2) Tầm thường. Lợi ích: Ngắn hạn - dài hạn. Lợi ích: Tinh Thần - Vật Chất; Vô Lậu - Hữu Lậu. Công đức nào mình làm ra cũng bị kẹt trong hai, muốn chạy trốn cũng không có cái thứ ba. Dù bố thí cúng dường cho cá nhân nhưng lòng mình luôn sẵn sàng cho đại chúng thì cũng được gọi là bố thí cho tập thể. Ví dụ, mình xách nải chuối vô chùa cho ai muốn ăn thì ăn, hôm đó chùa chỉ có một bà già giữ chùa, nhưng lòng mình nghĩ cúng dường cho mọi người ăn xong có thứ tráng miệng, thì công đức đó là cho tập thể chớ không phải cá nhân. Khả kính tức là người có giới hay không giới, xuất gia hay tại gia. Trong trường hợp không có tăng ni, chúng ta có thể tạo đại công đức bằng cách nhắm đến tập thể: rủ bạn đạo cư sĩ một tháng 8 ngày bát quan mình lo cơm nước cho họ, thọ giới bát quan xong thì ngồi thiền luận đạo đọc kinh đọc sách. Ngắn hạn hay dài hạn nghĩa là mình muốn bữa cơm đó cho họ có sức khỏe để tu tập dài lâu, có thể chiều nay hoặc tối nay họ đắc thì bữa cơm đó không còn giới hạn, còn nếu mình nghĩ bữa

ăn cho vui thì tác ý trong ngắn hạn. Trồng cây gây rừng là lợi ích dài hạn. Bố thí một bữa ăn thì hết ngày là xong, nhưng cho người ta cái áo thì người ta mặc lâu hơn. Trồng rừng, làm đường, đào giếng, công đức này hướng đến tập thể; khả kính vì hạng nào cũng sử dụng được; dài hạn là không biết đến kiếp nào mới hết tác dụng; có cả tinh thần và vật chất vì trong khu vườn đó, trong khu rừng đó trên con đường đó với giếng nước đó, người ta có thể từ đó mà phát triển giá trị tâm linh; có cả hữu lậu và vô lậu vì nếu có tăng ni Phật tử, có những người cầu đạo giải thoát sử dụng đến. Một công đức nhỏ nhỏ thôi nhưng phải nghĩ đến 4 khía cạnh này. Bên Bắc Tông có một câu cũng hay:

Siêng năng quét sạch đất chùa

Để cho trí huệ bốn mùa phát sanh

Tuy ngày không có khách lành

Thánh nhơn thường đến kinh hành nơi đây

(Cần tảo già lam địa

Thời thời phước huệ sanh

Tuy vô tân khách chí

Diệc hữu thánh nhơn hành)

Thánh nhơn là bao gồm Long thần hộ pháp, những vị phi nhơn, họ cũng thích sạch sẽ. Trong thời Đức Phật có một con dạ xoa tên là Sūciloma. Sūci là cây kim, loma: sợi lông. Lông của nó giống như những cây kim nên nó khổ lắm. Vì kiếp xưa thời Phật Ca Diếp, con dạ xoa này là một vị tỳ kheo bất cẩn thiếu vệ sinh, đi vô chỗ giường ghế sạch sẽ của chư tăng leo bừa lên nằm. Lúc nằm có nghĩ là mình dơ quá mà mình leo lên chỗ chư tăng nằm, nhưng con dạ xoa cứ nghĩ: "kệ nó". Chính vì sự lười biếng đó đã trở thành nghiệp rất lớn mà đời sau sinh ra có điều gì làm cho bất an, khó chịu. Cho nên, nếu mình làm công đức gì tạo cho người ta sự thoải mái an lạc, tiện nghi dễ chịu cho người khác thì đời sau kiếp khác sinh ra sẽ được nhiều sự lợi lạc. Nếu quý vị không tin chuyện đó thì cũng thấy rằng nếu mình đem sự thoải mái cho người khác trước hết mình cũng được an lạc.

Bài kinh này có ý nghĩa quan trọng là tu làm sao phải có người có ta, làm cái gì cũng phải có đối tượng, có người khác thì công đức mới lớn, nhưng nói vậy không phải là mỗi lần làm phước thì mình tính toán kỹ lưỡng. Có một khoảng cách rất mờ nhạt giữa tâm đại thiện hợp trí và tâm đại thiện hữu trợ. Trước khi làm có suy tư, tính toán, nếu khéo thì nó là hợp trí, mà không khéo thì hữu trợ (sasankharārika), hữu trợ thì ít, nhỏ hơn vô trợ. Trong kinh, ông Cấp Cô Độc đồng ý mua khu vườn Kỳ Viên với giá rất đắt, người chủ không chịu bán, ông năn nỉ quá, cuối cùng thì người chủ nói vàng rải tới đâu thì ông lấy đất tới đó. Không ngờ ông Cấp Cô Độc chở vàng tới trải, trải được một phần rồi đứng chống nạnh thở ra, mắt ngó mông lưng trời. Ông chủ hỏi: Hết vàng rồi hả, hay tiếc vì mua hớ?

Ông Cấp Cô Độc trả lời là đang nghĩ xem kho vàng nào gần để chở đến. Đó gọi là hợp trí.

KỲ VIÊN

Jetavanasutta

Bài kinh này có điểm đặc biệt là đêm kia cả chùa Kỳ Viên sáng lòa hào quang, có một vị thiên tử từ cõi Đâu Suất xuất hiện đảnh lễ Đức Phật và đọc bài kệ này. Ông đó là Cấp Cô Độc, ông sống thọ, chết già. Bài kệ này là của ông Cấp Cô Độc. Trước khi chết ông cho người nhà đến xin ngài Xá Lợi Phất cho ông được gặp một lần. Ngài Xá Lợi Phất giảng cho ông thời pháp có nội dung Tứ Niệm Xứ, nghe xong thì ông khóc. Ngài Xá Lợi Phất nói một người như ông có gì sợ hãi tiếc nuối để mà khóc. Đức Thế Tôn từng nói ông là một cư sĩ mà đàn tín lớn nhất của Thế Tôn. Chư Phật nào cũng phải có một đệ tử đàn tín như ông. Luôn nhìn thấy bước đi của Thế Tôn và tăng chúng để mà hỗ trợ hộ trì kịp lúc. Ông Cấp Cô Độc trả lời: Con làm cư sĩ mấy chục năm mà vì lu bu Phật sự, chưa bao giờ con nghe giảng bài pháp có nội dung như thế này. Đắc Tu-đà-hoàn rồi, diệt trừ thân kiến hoài nghi giới cấm thủ rồi, chuyện gì nên làm thì vị này đã làm 99,9% rồi. (Vị Tu-đà-hoàn làm được nhiều gấp tỷ lần vị Tam quả làm được trước khi đắc A-la-hán, vì giai đoạn kết thúc phàm phu trở thành Tu-đà-hoàn rất khó khăn, còn từ vị Tu-đà-hoàn trở thành A-la-hán thì đơn giản vì nước đã chảy vào máng xối rồi. Đức Thế Tôn nói: Này các tỳ kheo, nỗi khổ niềm đau mà Tu-đà-hoàn bỏ lại sau lưng nhiều như dãy núi Himalaya, những nỗi khổ niềm đau còn sót lại trước khi viên tịch Niết bàn thì ít như bảy hòn sỏi.)

Ông Cấp Cô Độc khóc vì vui. Sau khi chết ông sanh về cõi Đâu Suất, và sau đó trở xuống. Theo trong kinh, ông đặc biệt rất thương quí ngài Xá Lợi Phất, người ông thấy khả kính, thân thuộc, mát mẻ nhất; do duyên tiền kiếp họ thường cộng nghiệp với nhau nhiều đời. Đọc trong kinh Bổn Sinh sẽ thấy ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nhiều đời đi chung với nhau. Nếu ngài Xá Lợi Phất không gặp ngài Mục Kiền Liên thì gặp ngài Ānanda. Nhiều cặp như vậy, có cặp không ngờ đó là ngài Rāhula và ngài Ratthapāla. Ratthapāla xin cha mẹ đi tu mà không được nên nhịn ăn cuối cùng cha mẹ sợ con chết nên cho đi tu. Khi tu xong xuôi rồi ngài trở về làng cũ, cô tớ gái là người nô lệ không dám nhìn lên, bưng nồi cháo thiu đi đổ. Bên Ấn có giai cấp dalit từ chữ dalidda (kẻ khốn cùng). Ngài nói nếu đem cháo đi đổ thì đổ vào bát của tôi đi. Câu chuyện làm cho tôi suy nghĩ hoài, A-la-hán phải là quả vị có thật, phải thành tựu tâm linh tuyệt vời lắm mới khiến cho vị công tử mới có thể ăn được món đồ quá tệ như vậy. Giống như chuyện ngài Ca Diếp đi bát trong xóm người cùi, họ làm rụng ngón tay trong bát, ngài ôm bát về lượm ngón tay bỏ ra và tiếp tục thọ thực phần còn lại. Cô tớ gái đổ cháo vào bát ngài Ratthapāla xong sực nhớ ra ngài trông rất quen, cô nhận ra và về báo gia chủ. (Xem tiếp câu chuyện này trong Trung bộ Kinh số 82, Kinh Ratthapālasutta). Cách đây 100 ngàn đại kiếp, ngài Rāhula và Ratthapāla là hai người bạn thân, mỗi người thờ một đạo sĩ và cả hai đều đắc thần thông hết. Chữ Tāpasa (là người sống đốt mình cho đạo, những vị tinh tấn), không dịch là đạo sĩ, đạo sĩ là chữ của Tàu. Thầy của ngài Rāhula mỗi lần ăn cơm xong thì xuống long cung nghỉ trưa và nói với Rāhula là cung vàng điện ngọc bên dưới đẹp lắm, thế là Rāhula nghe riết rồi mê rồi tâm ngài ghim vào đó rồi khi chết sanh vào cảnh giới rồng. Thầy của Ratthapāla thì cứ nghỉ trưa trên khu vườn Nandavana, cũng tán thán vẻ đẹp của khu vườn, tâm ngài Ratthapāla cũng ghim chặt vào cảnh đó nên chết cũng sanh về cõi Đạo Lợi. Lúc đó nhằm thời kỳ giáo pháp của Đức Phật Padumuttara, vị này ra đời thuyết pháp độ sinh. Ngài Ratthapāla trên cõi Đao Lợi cũng đi nghe pháp, hôm đó nghe Đức Phật Padumuttara tán dương một vị đệ tử có niềm tin mãnh liệt nhất trong hàng xuất gia, ngài Ratthapāla thấy vậy thích quá nguyện kiếp sau cũng là tỳ kheo đệ nhất niềm tin. Đức Phật thọ ký cho Ratthapāla và nói 100 ngàn đại kiếp nữa có vị Phật Gautama ra đời, ngươi sẽ là một tỳ kheo tên là Ratthapāla. Ratthapāla sau khi được thọ ký xong lại nhớ người bạn Rāhula của mình lúc đó đang là con rồng, nên xuống gặp và khuyên Rāhula đến gặp gỡ cúng dường Thế Tôn. Rāhula lên nghe pháp và thỉnh Đức Phật về long cung. Đức Phật nhìn con rồng biết căn tánh của Rāhula nên mới dẫn theo một vị tỳ kheo là con ruột của ngài lúc trước khi đi xuất gia, cũng có 32 tướng tốt như Ngài, xuống long cung thuyết pháp. Sau khi dùng cơm xong Ngài thường

nói một ít giáo pháp cho thí chủ rồi mới đi, lần này Ngài để cho vị tỳ kheo đó nói pháp. Long vương nhìn vị tỳ kheo đó mê quá, bèn nguyện đời sau kiếp khác cũng trở thành một vị tỳ kheo y hệt vậy, con của một vị Bồ tát kiếp chót như vậy. Đức Phật Padumuttara quán xét nhân duyên thấy được, cũng thọ ký cho ngài Rāhula và nói 100 ngàn đại kiếp nữa sẽ có một vị Bồ Tát tên là Tất Đạt, thân chót sẽ trở thành một vị Phật Sakyamuni, và ngươi sẽ trở thành con của vị đó, và sẽ trở thành vị đệ nhất hạnh hiếu học (sikkhakāma). Mỗi sáng ngài hốt một nắm cát tung lên và nói hôm nay ta sẽ học bi nhiêu đây.

Bài kệ này là bài kệ khi thiên tử Cấp Cô Độc đến hầu Phật và ôn lại kỷ niệm đẹp nhất ngày xưa khi ông còn mang thân nhân loại: Khu vườn này là chỗ ngày xưa con cúng dường cho Thế Tôn và thánh chúng, khu vườn này ngày xưa là chỗ con gặp gỡ và nghe pháp với ngài Xá Lợi Phất

“Đây là rừng Kỳ Viên.

Chỗ trú xứ Thánh chúng,

Chỗ ở đấng Pháp Vương,

Khiến tâm con hoan hỷ….”

Kể xong rồi ông đi về trời. Trong kinh nói ông là một Kể xong rồi ông đi về trời. Trong kinh nói ông là một người mê luân hồi (vaṭṭaratā), (cũng giống như bà Visākhā, Đế Thích). Nghĩa là thay vì chứng Tu-đà-hoàn rồi đi càng sớm càng tốt còn vị này mê luân hồi, còn thích nắm níu, tiếc nuối. Vì vậy ba mươi mấy ngàn đại kiếp nữa thì ba vị này mới chứng quả A-la-hán vì họ phải đi cho bằng hết những chỗ có thể đi. Đế Thích khi gặp Đức Phật lúc mới thành đạo là một Đế thích già, ngài nghe pháp chứng Tu-đà-hoàn và chết tại chỗ trước mặt Đức Phật, rồi được trở lại làm Đế Thích trẻ, sống hết tuổi thọ ở Đao Lợi, trở xuống cõi người làm Chuyển Luân vương, sống hết tuổi thọ Chuyển Luân vương rồi trở về trời làm Đế Thích. Từ cõi này ngài tu tập chứng ngũ thiền, sanh vào cõi tịnh cư thấp nhất là cõi Vô Phiền, hết Vô Phiền rồi đến Vô Nhiệt, rồi đến Thiện Hiện, rồi đến Thiện Kiến, rồi đến Sắc Cứu Cánh, sống hết tuổi thọ Sắc Cứu Cánh rồi thì đắc A-la-hán mới Niết Bàn, tổng cộng là ba mươi mấy ngàn đại kiếp. Đó cũng chính là con đường ngoạn mục của bà Visākhā và ông Cấp Cô Độc. Có những vị đắc đạo chí mạng (samasīsī), sama: ngang (ngang bằng, đều đặn – ví dụ như một bó cây so le, mình dùng lưỡi cưa cắt ngang cho đều), sisa: cái đầu. samasīsī: nhất

tề, chí mạng. Nghĩa là khi phiền não kết thúc xong thì viên tịch luôn. Có vị đau bịnh, Đức Phật đến giảng cho nghe, vừa hết phiền não là chết luôn.

“Nghiệp minh và tâm pháp”.

‘Nghiệp minh’:“Kammanti maggacetanā”, nghĩa là Tâm sở tư trong thánh đạo. ‘Minh’ là sự hiểu biết Bốn Đế.

Ở đây có nhắc một câu Pháp cú 98: “yattha arahanto viharanti, taṃ bhūmirāmaṇeyyaka” nghĩa là Bậc A-la-hán sống ở nơi nào thì nơi đó là miền đất đáng vui sống.

(Làng mạc đây núi rừng kia.

Và thung lũng nọ lối về non cao.

Bậc La hán trú nơi nào.

Dân cư chốn ấy xiết bao an lành

– Tâm Cao dịch).

Nguyên bài kinh nói ba việc:

- Đây là chỗ ở của Thế Tôn và thánh chúng.

- Tán thán đời sống của hiền thánh, đời sống đó có giới có định có tuệ.

- Tam học trong Bát Chánh Đạo: Giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Định (Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Tuệ (chánh kiến, chánh tư duy)

Đó là nội dung bài kinh mà ông Cấp Cô Độc đã nói.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng

[1] Cửa bất tử rộng mở, Cho những ai chịu nghe. Hãy từ bỏ tín tâm, Không chính xác của mình. Tự nghĩ đến phiền toái, Ta đã không muốn giảng, Tối thượng Vi Diệu Pháp, Giữa chúng sanh loài Người. (Kinh Thánh Cầu - Trung Bộ)

Bài giảng ngày 13-7-2014 XAN THAM (Maccharisutta)

'Macchari' là 'bỏn xẻn' còn gọi là 'bủn xỉn', giống như chữ 'dễ duôi' còn gọi là 'dễ ngươi'. Ở ngoài đời nghe 'bủn xỉn' người ta dễ hiểu hơn là 'bỏn xẻn', và chữ 'dễ ngươi' thường nghe hơn chữ 'dễ duôi'.

Ở đây có một vị Trời đến hỏi Đức Phật. Tôi không thích xài chữ "một vị chư thiên", mà thường xài chữ một vị Trời hay "vị Thiên nhân". Người trong nước thường dùng "một vị chư thiên" Đã nói 'chư' có nghĩa là nhiều, chư Phật: các đức Phật. Chư tăng, tối thiểu là hai vị tăng trở lên. Có nhiều khi mình mà thấy cả thiên hạ đều sai nhưng rồi lâu ngày lại dễ dàng chấp nhận rồi cho qua. Một người đúng dầu chỉ một người chấp nhận hay không ai biết tới thì nó vẫn là đúng, một người sai dầu cả hành tinh này chấp nhận thì vẫn cứ là sai. Có những học thuyết được trình bày bài bản, được bảo vệ bằng cả một lực lượng cảnh sát mà trật thì vẫn cứ trật chớ không phải mấy trăm tờ báo, nguyên hệ thống truyền thông báo chí, quân đội an ninh bảo vệ là đúng. Học thuyết "Vì dân tộc chí tôn" của Hittler, cho rằng Đức là thượng đẳng, Do Thái là vất đi, cần phải tàn sát, một thời nó được 90 sư đoàn bảo vệ học thuyết đó sai vẫn cứ sai.

Trong bài kệ này chúng ta thấy vấn đề được trình bày rất là sáng. Có mấy điều chúng ta để ý:

[39] Bố thí

Bố thí có 3 trường hợp:

(1) *Sāmidāna*: chủ nhân thí. Chủ nhân thí là bố thí món tốt hơn thứ mình vẫn dùng. Xem đối tượng như là người trên mình.

(2) *Sahāyadāna*: bằng hữu thí. Bằng hữu thí là cho thứ tương đương, mình dùng cỡ nào thì cho cỡ đó.

(3) *Dāsadāna*: nô lệ thí. Nô lệ thí là cho món kém hơn thứ mình vẫn dùng

[40] Bỏn xẻn

Bỏn xẻn có hai trường hợp:

1/ *Mudumacchariya*: lòng hẹp hòi, sự tiếc của. *Mudu*: mềm; *macchariya*: bỏn xẻn. *Macchari, macchera, macchariya* đều đồng nghĩa là bỏn xẻn. Trường hợp

bỏn xẻn (1) là tiếc của mình nhưng cũng có lòng mong đối tượng tìm được vật bố thí ở chỗ khác. Loại bỏn xẻn này là chỉ bố thí theo cách nô lệ thí hoặc không thích tốn kém, bố thí loại rẻ tiền, nhỏ bé, dễ kiếm. Hoặc không muốn cho nhưng người ta đi xin chỗ khác thì cũng không sao, miễn là mình không tốn.

2/ *Thaddhamacchariya*: là lòng bủn xỉn, lòng ích kỷ nặng nề, không muốn cho và cũng không vui khi thấy ai cho người khác. Loại này là hoàn toàn không hoan hỉ với hạnh bố thí, họ nghĩ của ai nấy xài, mắc gì phải đem cho.

Có chuyện rất lạ mình cũng nên biết qua, người Tàu, Việt, Thái thích chuyện móc túi mình đem đi cho người khác, kể cả số tiền lớn, nhưng người Âu Mỹ thì không, do cái văn hóa của họ. Người da trắng nói chung họ rất hào phóng rộng rãi, sẵn sàng đem cả gia tài hiến cho một tổ chức từ thiện, hoặc tạo ra cơ hội công ăn việc làm giúp cho người nghèo ở các nước chậm phát triển, tuy nhiên rất khó tìm thấy người da trắng bỏ số tiền mặt lớn mà cho ra như người châu Á mình. Ngược lại người châu Á bỏ ra số tiền mặt để cúng chùa, cho ăn mày, hay cá nhân nào đó thì rất thường thấy nhưng bố thí có quy mô như người Âu Mỹ thì không. Việc bỏ tiền ra đầu tư trường ốc, trạm xá, cầu đường v.v... rất ít, trong khi đó những tỷ phú Mỹ nghĩ cách nào ngăn chặn những bệnh đặc thù ở châu Phi. Người châu Á thì không làm hoặc chỉ làm ké. Ví dụ một cái chùa trên đất Mỹ hoặc châu Âu rất khó nhận được sự hỗ trợ trực tiếp của người Âu Mỹ, do họ chưa đủ hoan hỉ, và do văn hóa của họ không có mặn mà trong chuyện 'lãng nhách' như vậy, bỏ tiền cho cái chùa như vậy còn khó, huống chi cho cá nhân. Lòng người có hai trường hợp rộng và hẹp, rộng cũng có nhiều cách và hẹp cũng có nhiều cách. Tóm lại, một số người họ không thích bỏ ra nhưng họ mong mình tìm thấy vật cúng dường bố thí ở chỗ khác, trường hợp nặng thì tuyệt đối chủ trương của ai nấy xài, đừng mong chuyện chia xẻ.

Bỏn xẻn gồm có:

*1/ Bỏn xẻn tài vật:*không muốn chia sẻ vật chất mình có cho người khác

*2/ Bỏn xẻn tình cảm:*không muốn học trò, đệ tử, bè bạn của mình đến với người khác

*3/ Bỏn xẻn danh tiếng*là không muốn ai ké tiếng tăm của mình

*4/ Bỏn xẻn tinh thần*là không muốn chia sẻ người khác những thành tựu về tinh thần của mình (ví dụ như Phật pháp).

Trong bài kinh này chỉ đề cập đến bỏn xẻn tài vật tức là không chia sẻ vật chất mình có cho người khác. Bài kinh này cũng nhẹ nhàng dễ hiểu nhưng có một ẩn ý ở phía sau. Thường có những người đi vào đạo coi nặng đời sống tâm linh, ví dụ coi nặng chuyện giữ giới thiền định, chỉ nghiên cứu Phật pháp, phát triển nhân cách đạo đức, học hạnh trí tuệ của Phật, của thánh hiền, nhưng họ không chú ý đến chuyện bố thí. Có nhiều người hiểu lầm cứ nghĩ bố thí là để được phước, kiếp sau sanh ra không bị túng thiếu. Có người nghĩ bố thí là việc nên làm, làm được thì tốt vì bố thí là một hạnh tu. Xin thưa không phải như vậy. Bố thí không phải đơn giản là để đời sau mình sinh ra không bị túng thiếu đói nghèo mà còn có ý nghĩa khác ghê gớm hơn đó là nếu mình thật sự hiểu được lời Phật thì mình không có lý do gì ôm chặt, nắm giữ khư khư những vật sở hữu, vấn đề nằm ở chỗ đó. Các vị không hoan hỉ với thằng Tèo nhưng có thể giúp cho thằng Tý, không giúp cho ông A thì cũng giúp cho ông B chứ không hẳn là mình bất mãn với cá nhân hay đoàn thể nào đó rồi từ đó không tha thiết không mặn mà chuyện bố thí, điều đó không nên vì người thiệt thòi sau cùng vẫn là mình. Ví dụ có những người bỏ tiền ra hỗ trợ các tổ chức từ thiện lớn hoặc nhỏ đến khi phát hiện ra số tiền đó không được sử dụng như họ mong mỏi mà lại có biển thủ, tư túi, mờ ám riêng, từ đó nghe nói từ thiện họ không làm nữa. Điều đó không nên, mía sâu có đốt nhà dột có nơi. Cá nhân cũng vậy, có người họ nói với tôi, giúp người nghèo làm chi, ăn rồi làm biếng ngửa tay chờ đợi lòng hảo tâm của người khác, giúp họ là xúi họ lười. Đúng là có những người thấy đi xin dễ ăn quá, nên rồi ăn cứ ngửa tay đi xin, nhưng cũng có những người homeless ở ngã ba ngã tư đường chờ xe ngừng đèn đỏ họ ngả nón xin, rất dễ thương, không có chèo kéo, chỉ để những miếng giấy bìa: *"No home", "no food", "no job",* mình thích thì đưa, còn họ không có níu áo. Biên giới Đức - Thụy Sĩ, Waldshut, có chiếc cầu đẹp lắm, họ để một cái nón, có con chó nằm kế bên rất dễ thương, họ thổi sáo, đánh đàn, nhìn sơ qua thấy họ không có xin, nhưng trước mặt họ có cái nón. Có trường hợp họ giả tượng, dùng sơn bôi mặt như một bức tượng bằng kim loại, hóa trang như bức tượng, và đứng yên hàng giờ không nhúc nhích. Đó cũng là một cách ăn xin, người cho cũng cho đẹp mà người xin cũng xin đẹp. Trong kinh Đức Phật dạy tỳ kheo đi khất thực cũng không làm phiền ai hết, mỗi chỗ đứng một chút thôi rồi đi tiếp, không nhận tiền, không nhận thức ăn sống cần phải nấu, chỉ nhận vừa đủ trong ngày, nếu có nuôi người khác thì nhận nhiều hơn chút nhưng không dư. Do có trường hợp đặc thù người ta cúng dường nhiều quá như ở Thái Lan thì ông sư đi bát xách thêm cái bị để trút bớt vào.

Bố thí không phải đơn giản là một công đức, nếu anh hiểu được Phật pháp một cách đúng mức thì cho ra đó là dấu hiệu của người hiểu đạo, giống như cái cây phát triển tốt thì tự nhiên cành lá xum xuê hoa trái đầy đủ chứ không phải có hoa thì tốt không có cũng được. Có nhiều trường hợp bố thí:

1/ Bố thí vì niềm tin

2/ Bố thí vì tình riêng

3/ Bố thí vì những tác động ngoại lực (ví dụ trong bối cảnh nào đó không cho cũng kỳ)

Khi vị thần hỏi những người bủn xỉn đời sau sinh ra thế nào, Đức Phật nói đời sau sinh ra sẽ khó khăn. Người không bố thí thì lòng hẹp, lòng hẹp thì cũng như căn nhà cửa hẹp, không đón được gió. Người nào lòng rộng thì cơ hội của đời sống sẽ đến với mình dễ dàng. Khi mình sống với tâm hồn hào sảng hào phóng thì vẫn vui hơn một sự toan tính keo kiệt, vì ý nghĩa đời sống không phải chỉ nhận mà là cho. Niềm vui trong đời sống có hai là vui khi nhận và vui khi cho. Người bỏn xẻn chỉ nhận được niềm vui khi nhận, đó là nói kiếp này, đời sau thì không được niềm vui nào hết. Người rộng rãi thì trước mắt có được niềm vui khi cho, đời sau có cả hai. Do quả bố thí, đời sau sinh ra người ta nhìn mình người ta cũng muốn cho, như vậy vô tình mình giúp cho người khác cơ hội bố thí, còn nếu mình là người bỏn xẻn thì ngay bây giờ nhiều lắm mình chỉ hưởng được phước cũ của đời xưa kiếp trước mà thôi, không có niềm vui của người cho và đời sau sinh ra tiếp tục bỏn xẻn nữa là mất hẳn niềm vui còn lại là niềm vui khi nhận. Có một số người nhìn mặt họ mình không muốn cho cái gì hết. Mỗi lần tôi đi xa về, tôi hay mang sô cô la, bên Thụy Sĩ có những ngày giảm giá 50 – 70%, biết mình sắp về tôi mua một ít để mang về tặng, không biết cho ai, ai rước mình cũng cho họ, hoặc có ai giúp mình thì mình muốn cho họ. Nhưng có những người, dù không đáng bao nhiêu tiền mình cũng không muốn cho; mình cũng thương cũng quý mà không có hứng cho, mình nghĩ họ không ăn, họ kiêng đường, họ sợ ngọt v.v...

Paranimmitavasavatti: "Tự tại thiên", chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại.

Vasavattī: tự tại, không ràng buộc gì hết.

Nimmita: hóa hiện.

Para: người khác.

Trong 6 cõi trời dục giới thì cõi cao nhất là cõi Tha Hóa Tự Tại, cõi này sống được chín tỉ rưỡi năm nhân loại. (Năm trên cõi Đao Lợi không giống năm trên cõi Dạ Ma, Đâu Suất, không giống năm ở cõi Nhân loại). Có những vì sao, một năm của chúng gấp 10 gấp 100 lần một năm của trái đất. Cõi thứ năm là cõi Hóa Lạc Thiên (*Nimmānarati*), thích cái gì thì hiện ra cái đó để xài như ý. Cõi thứ 6 cao nhất là '*Paranimmitavasavatti',*trên đó mỗi vị chủ có người hầu biết chủ thích cái gì là hóa hiện ra đem đến cho chủ. Ở đây Đức Phật dùng chữ '*Vasavattī'*ám chỉ cho hạng này, khi mình có nhiều phước bố thí thì đời sau kiếp khác sinh ra giống như con cưng của thiên hạ, ai gặp cũng muốn cho. Nói tới bỏn xẻn hay bố thí chỉ nhớ giùm một chuyện thôi: không chỉ là chuyện cầu công đức, cầu giàu sang mà vấn đề ở đây là lòng có mở ra được hay không, chúng ta không có lý do gì tin rằng mình có thể ăn đời ở kiếp với những thứ sở hữu đang có trong tay, tại sao lại không đem chia sẻ cho người khác cho cuộc đời cùng vui. Có một số người không muốn cho ai chỉ muốn chia cho người thân thôi cũng là tốt. Lòng càng rộng thì cơ hội đón nhận nắng gió muôn phương cũng càng lớn. Nắng gió muôn phương chính là tấm lòng của thiên hạ.

THỢ ĐỒ GỐM

(Ghatikārasutta)

'Ghati': 'cái bình'. '*Kāra':* 'làm'. '*Ghaṭīkāra'*: 'thợ gốm'. Thợ gốm là lấy đất sét tạo ra bình, lu, chậu rồi đem nung trong lửa. Nếu chỉ nắn thành tô, chậu mà không nung lửa thì sẽ bị hút nước, hoặc bị bể. Thợ gốm bây giờ có máy móc hỗ trợ còn ngày xưa thì làm bằng tay. Thời Đức Phật Ca Diếp có một người cư sĩ khuyết danh, không giao thiệp nhiều với ai. Người ta căn cứ vào nghề của ông ấy mà gọi tên nên gọi ổng là Ghaṭīkāra. Ghaṭīkāra đắc quả A-na-hàm và có cha mẹ mù lòa nên không thể đi tu được, phải sống đời cư sĩ. Vì là A-na-hàm, ông không thể đào đất làm hại côn trùng nên đã lấy những miếng đất khô người ta cày lật lên rồi đem về làm lu chậu hũ để bán, đất chỉ lượm nên không được nhiều, đời sống khá khó khăn, nhưng ông là bậc đại trí. Bậc đại trí như vậy, đắc quả A-na-hàm đâu phải nhỏ, nhưng kiếp xưa thiếu phước bố thí nên đời này sinh ra cũng bị nghèo, cũng giống như có nhiều nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ có tài nhưng thiếu phước nên đời này họ nghèo.

Dòng sinh tử luân hồi dài thăm thẳm như một dòng chảy, giống như đường ray xe lửa có nhiều nhà ga mà mỗi kiếp sống là một nhà ga, trong dòng chảy đó, có lúc mình rộng rãi, có lúc mình bỏn xẻn. Theo như A-tỳ-đàm nói là khi tâm bỏn

xẻn xuất hiện lúc nào thì ngay lúc đó nó đã âm thầm để lại quả cho đời sau là quả nghèo khó, khi nào tâm rộng rãi xuất hiện thì nó âm thầm để lại quả sung túc cho đời sau. Nếu như kiếp này mình nghèo thì mình đang nhận quả báo cho một lần bỏn xẻn nào đó trong quá khứ, vì vậy không nên nghĩ ông Ghaṭīkāra này thiếu phước Ba-la-mật mà là do quả xấu nào đó trong một kiếp nào đó. Ông Ghaṭīkāra này nghèo nhưng có nhiều bạn bè rất thân, trong đó có Jotipāla là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Jotipāla lúc này là một công tử nhà giàu, rất quí Ghaṭīkāra nhưng không tin Phật pháp. Đây là một chuyện đặc biệt, người tu mấy chục a-tăng-kỳ chỉ còn một gang tay nữa mà lại ác cảm với người tu hành. Khi nhắc đến Đức Phật và chư tăng thì Jotipāla chỉ dùng một chữ rất nặng đó là đám đầu trọc (*mundaka*); do bối cảnh sinh ra và sống trong gia đình Ba-la-môn tà kiến, không có đức tin; một phần là do mỗi tâm thiện hay bất thiện của chúng ta sẽ để lại một dư hậu cho đời sau kiếp khác. Ví dụ như tôi ghét người Trung Quốc, thì đời sau kiếp khác sinh ra, chỉ cần tôi gặp ai đó có một nét riêng giống với người Tàu hôm nay mà tôi ghét thì tôi cũng ác cảm với họ. Quí vị tìm đọc bài kinh Ghatikārasutta trong Trung Bộ Kinh. Trong kinh nói có những người từng nghe pháp, họ chỉ nhớ một câu họ không hiểu nhưng thích câu đó, đời sau kiếp khác khi sinh ra gặp Đức Phật ra đời, Ngài nhìn cái duyên của họ, điểm cho một câu mà họ thấm thía thế rồi họ đắc. Ác cảm của kiếp sống này sẽ để lại ấn tượng cho đời sau kiếp khác. Bồ tát là còn phàm nên trong một đời sống nào đó từng bất mãn những người tu hành, khi gặp điều kiện thích hợp là sự bất mãn đó bùng phát. Ông Ghaṭīkāra thấy Jotipāla là người thông minh trác việt nhưng không thích Phật pháp nên nghĩ mình không có khả năng, còn Đức Phật chắc chắn độ được nên tìm đủ cách níu kéo Jotipāla đi gặp Đức Phật, vậy mà không được, cuối cùng Ghaṭīkāra nắm tóc Jotipāla kéo. Bồ tát thấy ngạc nhiên vì sao Ghaṭīkāra nắm tóc mình kéo, chắc người muốn gặp là đặc biệt lắm. Khi Jotipāla gặp Đức Phật Ca Diếp thì mê và bỏ hết tài sản đi xuất gia, thuộc lòng toàn bộ Tam Tạng. Riêng Ghaṭīkāra sau khi sống mãn cõi người thì sanh về Phạm Thiên, đến khi Bồ Tát Tất Đạt kiếp chót bỏ thành đi tu thì Ghaṭīkāra xuống cúng dường y bát cho Ngài, sau đó Ngài cũng liệng y bát mất tiêu vào lúc tu khổ hạnh. Khi thành Phật, Ngài không còn bình bát nữa nên Tứ Thiên Vương cúng cho Ngài 4 cái bát, Ngài không muốn ai buồn nên chồng 4 cái bát và bảo "hãy thành một", để không phụ lòng ai trong 4 vị Thiên vương và bình bát này Đức Thế Tôn sử dụng suốt cuộc đời của Ngài.

Khi Bồ tát đi xuất gia thì Ghaṭikāra hiện xuống cúng dường y bát và khi Ngài thành Phật rồi thì Ghaṭikāra cũng xuống đảnh lễ nghe pháp và có buổi nói chuyện

như chúng ta đang thấy trong bài kinh này. Ở đây có một số vị tu nhiều kiếp và từng quen biết Ghaṭikāra trong đời Đức Phật Ca Diếp, sau này họ sanh thiên, họ đi xuống gặp Đức Phật nghe pháp. Bài kinh Ghaṭīkāra này là cuộc nói chuyện giữa Đức Phật và một vị Phạm thiên. Bài kinh này đã mở ra cho chúng ta vấn đề quan trọng, đó là một giọt thủy ngân khi nó vỡ ra thành những hạt li ti, những hạt đó không thể kết hợp với những thứ gì khác mà chỉ có thể tìm đến với nhau mà thôi, vì nó có cùng thuộc tính. Sống ở đời này dù mình có để ý hay không thì nhân cách của mình, quan niệm sống của mình tự nhiên sẽ xếp mình vào một thứ loại nào đó để đời sau kiếp khác sinh ra nó đẩy mình đi về hội tụ với những người hợp với mình. Đó là lý do vì sao Đức Phật dạy mình phải tu tập trau dồi thiện pháp, nếu đủ duyên thì thành Thánh đời này kiếp này, còn không thì khi trau dồi hạnh lành đó trước mắt được an lạc hiện tiền, những người chung quanh sẽ an lạc theo, và có vốn liếng hành trang sang đời sau kiếp khác tiếp tục tu nữa. Khi mình càng tu hạnh lành chừng nào thì đời sau sẽ dễ dàng thuận ứng, câu hội tao phùng với bậc hiền trí; còn nếu trí tuệ, thiện pháp từ tâm ít quá thì đời sau kiếp khác sinh ra ngoài chuyện mình đau khổ vì nghiệp bất thiện và khó mà tương hợp các bậc hiền trí, mà lúc đó chỉ xáp vào đám bất thiện mà chơi và gánh đủ thứ họa. Cơ hội sanh thiên chỉ có được khi thân cận bạn lành. Thà làm kẻ thù của người trí còn hơn bạn của người ngu. Ở thế đối lập với người lành cũng không gây hại cho mình, còn chơi thân với người bất thiện thì chỉ bị vạ lây. Khi mình là người lành thì dễ có bạn lành, thì dễ có cơ hội sống thiện. Những website, báo chí, tranh ảnh có thể gây hại cho mình cũng được xem là bạn xấu (vì đó là do con người tạo ra). Cách đây hai ngày tôi có nói chuyện với một cô Phật tử VN, giờ cô ở Leipzig. Cổ kể ngày xưa cổ đi lấy chồng ở bên đây mười mấy năm mà chồng không có tin Chúa Phật gì hết, lý do là vì ổng đọc cuốn Mật mã Da Vinci của Dan Brown, trong đó phỉ báng đạo Thiên Chúa, đọc xong ông nói Vatican còn là nơi bậy bạ nói chi đám thầy chùa Phật Giáo. Chỉ một cuốn sách mà tác động lớn như vậy lên một con người học thức, nên chúng ta phải cẩn trọng với sách báo. Có người đến với Phật pháp từ phim Xuân Hạ Thu Đông. Có những món ăn làm mình khỏe hơn, có món ăn làm mình bệ rạc, mình phải biết cẩn trọng chọn lựa. Đoạn kinh cuối:

Thuở xưa Ông đồng hương,

Cũng là bạn của Ta,

Như vậy là hội ngộ,

Giữa những bạn thời xưa,

Cả hai khéo tu tập,

Mang thân này tối hậu.

Về phía Ngài, ngay kiếp này Ngài nhập Niết bàn, không còn tái sanh. Riêng Ghaṭikāra sớm muộn gì cũng chứng quả A-la-hán cũng không còn tái sanh. Đây là một trong những quan hệ bạn bè đẹp nhất trong vũ trụ. Không có tình bạn nào cho bằng tình bạn giữa những người cầu đạo giải thoát. Đọc bài kinh này, ít nhiều chúng ta nên tâm niệm một điều mong sao bên cạnh có những người bạn lành để đời sau kiếp khác sinh ra gặp lại nhau, nếu không thì ít ra cũng gặp những người bạn mới, miễn là bạn lành thì thôi, bởi vì chúng ta phải nhớ rằng chúng ta là những chiếc lá trôi dạt giữa dòng chảy mênh mông của dòng sinh tử. Chúng ta cô đơn nhưng chúng ta không thể sống lẻ loi, phải có những tần số để liên lạc, và vấn đề đó giống như hôm nay có computer quí vị có thể đọc mail của tôi, sử dụng skype của tôi nếu quí vị có passcode. Password, mật mã đó chính là dhamma code, là thiện pháp hôm nay chúng ta phải trau dồi từng ngày

VI. PHẨM GIÀ

GIÀ

Tôi rất muốn giảng bài này, vì giảng một bài được hai bài, bài Già và bài Không Già, giảng một được hai. Tôi nhớ câu chuyện vui, có một anh chàng làm biếng lắm, áo mặc không giặt, chén ăn không rửa, má hắn nói: *Mày phải lấy vợ để nó lo cho mày. Có vợ có con lúc già có người lo chớ tao đâu có sống đời để lo cho mày.* Hắn trả lời: *Lấy vợ cũng được, có con cũng được, nhưng kiếm con nhỏ nào có con sẵn cho tiện*. Hôm nay tôi giảng một bài được hai bài, "buy one get one free", mua một tặng một.

"Vật gì tốt đến già?

Vật gì tốt kiên trú?

Vật gì vật báu người?

Vật gì cướp khó đoạt?

-- Giới là tốt đến già, Tín là tốt kiên trú, Tuệ, vật báu loài Người, Công đức, cướp khó đoạt."

Đức Phật dạy, giới luật là nhan sắc của tỳ kheo. Nghĩa là mình càng lớn thì da thịt càng nhăn nheo sồ sề chảy xệ khó nhìn, sẫm màu, đồi mồi v.v... Nhan sắc sẽ lìa bỏ chúng ta, ngày nào là ánh mắt thu ba, bồ câu, giờ thì kèm hèm không thấy đường, mái tóc mượt mà, cằm chẻ môi mọng, khi về già là hết muốn nhìn, nhưng người sống có giới hạnh thì khác. Lúc trẻ thì ông linh mục ngon hơn ông tu sĩ PG. Hầu hết tất cả các linh mục chỉ 6 năm trong trường dòng họ trở thành người trí thức rồi, chưa kể có thêm học vị bằng cấp ngoài đời nữa, nên thời điểm trẻ ông linh mục nào cũng được đào tạo căn cơ, tuyệt vời hơn. Nhưng có một điều, nếu một tu sĩ PG có bằng cấp hay không bằng cấp mà tu hành đàng hoàng, không phải loại giá áo túi cơm, chuyên tâm học đạo sống đạo thì 50 năm sau, đời sống của linh mục không bằng vị tu sĩ PG thứ thiệt, vì càng lớn tuổi thì đời sống vị linh mục giống như người đời. Đời sống tâm linh của linh mục khi đó khó bằng vị tu sĩ PG. Nhìn họ thấy nản lắm. Một vị tu sĩ PG có giới định tuệ thì càng lớn tuổi càng thấy một sự tinh anh, tinh tường sắc sảo ở một vị hòa thượng. Ở đây tôi không có ý bài xích, tôi chỉ mượn hình ảnh đó để giải thích câu "giới là sẽ đẹp tới già". Một vị linh mục có thể sát sanh, câu cá, uống rượu … có những trò du hí thế tục nhưng vị tu sĩ PG thì không như vậy. Những vị phụ tá cho giáo hoàng vẫn có quyền uống rượu, cầm tay vuốt tóc phụ nữ vô tư vô tội, những điều đó ảnh hưởng đến đời sống tâm linh dù họ không có gì quá lố. Do vậy, một vị tỳ kheo thật sự chân tu thì rất là khả kính, giới không có tuổi, càng già càng có giá.

Những linh mục về già sẽ về hưu, sống trong những ngôi nhà của giáo hội. Hiện nay giáo dân VN tại Hoa Kỳ có lập ra quỹ hỗ trợ linh mục lớn tuổi ở VN đang trải qua những ngày tháng khốn khổ cuối đời. Tôi có xem những thước phim quay những linh mục già, tôi nhìn thấy nản lắm. Khi về già các Cha trở lại hình ảnh của một ông già trí thức. Về hưu ở những nước giàu thì sung túc. Một tổng giám mục ở Đức bị tòa thánh cách chức vì sử dụng tiền công quỹ nhà thờ rất xa hoa, sống quá sung sướng, nhưng lương hưu của một vị linh mục Âu Mỹ chỉ tương đương công chức. Có hai loại linh mục: *linh mục triều* là những vị có thể có bằng cấp đại học, đi dạy học và làm riêng bên ngoài, giàu có sung sướng và *linh mục dòng,* chẳng hạn như dòng Jesuite suốt một đời chấp nhận sống khó nghèo thanh khiết và tuân phục. Thánh kinh, tòa thánh, Cha bề trên nói gì, họ theo như vậy. PG mình có hạng tu sĩ chỉ biết Tam Tạng thầy tổ, nhưng có vị thì rẽ hướng đi con đường riêng để làm tổ sư.

Trong cuộc đời có hai hạng người, hạng thứ nhất sống lâu thành đồ cổ, và hạng thứ hai sống lâu thành đồ cũ. Đồ cổ thì theo năm tháng giá càng tăng, đồ cũ cộng thêm năm tháng thì liệng cho lẹ. Phải tâm niệm sống như thế nào trở thành đồ cổ chứ không phải đồ cũ, gừng càng già càng cay. Đời sống có đức tin, có trí tuệ, có giới hạnh, có đa văn như những vị Sayadaw ở Miến Điện, họ đi xe lăn nhưng họ là tự điển sống, là tủ kinh biết đi. Sợ nhất là sống cho lâu, bơ sữa mập thây, hỏi Phật pháp thì ấm a ấm ớ. Người có đời sống tâm linh ngon lành (có giới) thì sống lâu thành đồ cổ.

''Kiṃsu yāva jarā sādhu'', Cái gì tới già vẫn còn tốt. *''Kiṃsu sādhu patiṭṭhitaṃ*". Chữ này liếc vào các từ không khó nhưng nghĩa lại khó. Câu này dịch là "sống như thế nào gọi là sống tốt". '*Patiṭṭhita': '*sự có mặt', 'sự tồn tại', 'sự sống'. *Patiṭṭhita* là 'an trụ'*, '*existing'. Sống tốt là phải có niềm tin, tin vào điều thiện. Bà con lưu ý một chuyện: Phật pháp không phải là tác phẩm của chư Phật mà Phật pháp của chư Phật ba đời mười phương chỉ là nguyên tắc thiên nhiên của vũ trụ, trời đất và chư Phật chỉ là những người phát hiện. Vì vậy khi nói yêu điều thiện đừng nghĩ rằng mình phải trở thành Phật tử, phải quy y, phải có pháp danh, phải có bổn sư hay đạo tràng tới lui…vv. Yêu điều thiện là thích điều lành, ngán điều dữ; nói gì nghĩ gì không hại mình không hại người, nếu có đời sau kiếp khác thì những điều mình nói nghĩ chỉ để lại dư hậu tốt mà thôi. Nói chuyên môn chút, điều thiện là cái gì được tác động bởi tâm thiện. Cũng một hành động mà có khi được tác động bởi ác tâm, khi thì thiện tâm, ví dụ như mỉm cười chào, có khi chào bằng từ tâm, thương mến, có khi cười đểu, cười xạo, cười giễu. Ngay cả một thời giảng của tu sĩ cũng vậy, có buổi giảng bằng thiện tâm thiện chí, có buổi giảng có ý đồ dụng ý bên trong. Đời sống tốt đẹp là đời sống có niềm tin, tin vào điều thiện. Thời Đức Phật có những cư sĩ mà Đức Phật khen là đệ nhất tín tâm đó là ông Hatthaka Āḷavaka hoặc ông Citta- Gahapati đây là hai vị đệ nhất cư sĩ của Đức Phật. Có nhiều vị cư sĩ có đức tin rất là tốt, chẳng hạn như có một bà đệ nhất cư sĩ tên Nakulamātā, bà này tụng kinh không giống như mình, đọc tới đâu bà hiểu tới đó. Đêm đó bà đọc bài kinh Parāyanasutta (Kinh Đến Bờ Kia), nhìn lên thấy một vùng ánh sáng, và trong vầng sáng có một gương mặt rất đẹp, bà hỏi: *Vị nào đây?*

*Vị nào có gương mặt đẹp (*bhadramukha*) như vậy?*

Người đó trả lời: *Tôi là Thiên vương Tỳ Sa Môn (*Vessavaṇa*), tôi có công chuyện đi ngang nghe sư tỷ (*bhagini*) đang tụng kinh nên dừng lại nghe và muốn tặng sư tỷ một món quà, sáng nay ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên sẽ dẫn 500 vị tỳ*

kheo đi ngang làng này chứ không dừng chân, nếu sư tỷ cho người ra đầu làng đón và mời cúng dường chắc là sư tỷ vui lắm. Đó là món quà tôi muốn tặng sư tỷ. Nói xong vị Thiên vương đó đi. Bà chuẩn bị thức ăn cho 500 vị và cho người ra ngoài đầu làng chờ. Sáng hôm đó một hình ảnh quá đẹp, 500 vị tỳ kheo được hướng dẫn bởi hai vị chí thượng Thanh Văn, đệ nhất cao đồ đi ngang ngôi làng đó và không dừng lại, khi có người ra mời thì các vị mới đi vào. Khi ngồi xuống, ngài Xá Lợi Phất hỏi: *Vì sao bà biết chúng tôi đi ngang?*

Bà kể lại tự sự. Ngài Xá Lợi Phất khen: *Thật hi hữu thay, thật vi diệu thay một người cư sĩ mà có thể tiếp xúc với vị Thiên vương đại thần lực như vậy*. Bà nói: *Thưa tôn giả chưa đâu, còn đặc biệt hơn nữa, chính Thế Tôn còn xác nhận con là vị A-na-hàm đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, sau đời sống này con không trở lui Dục giới nữa*. Ngài Xá Lợi Phất nói: *Thật hi hữu thay, thật vi diệu thay một người cư sĩ mà chứng Tam quả như vậy*. Bà tiếp: *Chưa đâu, còn nữa, con có thể chứng nhập Tứ thiền một cách tự tại, dễ dàng không khó khăn.* Ngài Xá Lợi Phất khen nữa, bà nói: *Chưa đâu, còn nữa, con không hề có sự phân biệt cúng dường đây là vị tỳ kheo phá giới hay vị tỳ kheo thánh nhân trong sạch.*Bà kể một loạt những điều đặc biệt, Đức Thế Tôn đã xác nhận bà là một cư sĩ đa văn, bà có thể thuyết giảng chánh pháp cho người khác lưu loát không khó khăn hay gián đoạn. Không phải bà kiêu ngạo mà đây là thế giới của các bậc thánh, chúng ta không thể dùng phàm tâm để đo lường, mà họ là "người trong nhà" với nhau. Phàm tâm là chứng bệnh, thánh trí là thuốc chữa lành căn bệnh đó, có gì đâu mà khoe. Có ai lại đi khoe mình đang bị bệnh, đang uống thuốc. Từng có một vị Phạm Thiên nghĩ chỗ của mình chắc không ai tới, khi ông nghĩ như vậy, Đức Thế Tôn lập tức có mặt ngay trước mắt ổng, ngồi phía trên đầu. Ngay lúc đó ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ Thế Tôn đang ở đâu, với sự chiêu cảm của Thế Tôn lập tức ngài Mục Kiền Liên nghĩ đến Thế Tôn. Khi Đức Phật thực hiện việc như vậy có sự tương thông với ngài Mục Kiền Liên. Ngài Mục Kiền Liên liền xuất hiện trên cõi Phạm Thiên, Đức Phật ngồi ở trên và bốn góc là bốn vị thánh (thêm ba vị nữa là Ngài Ca Diếp, ngài Anuruddha, và ngài Mahākappina cũng suy nghĩ Thế Tôn đang ở đâu và xuất hiện). Ngài Mục Kiền Liên, ngài Ca Diếp, ngài Anuruddha, và ngài Mahākappina là bốn vị độc đáo. Ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông, ngài Ca Diếp đệ là nhất đầu đà, ngài Anuruddha là đệ nhất thiên nhãn, ngài Mahākappina đệ nhất về huấn tăng, ngài là số một trong các vị tỳ kheo về khả năng thuyết pháp cho chư tăng. Mỗi lần ngài Mahākappina thuyết pháp, một hai ngàn tỳ kheo chứng đắc A-la-hán là chuyện bình thường. Ngài Mahākappina xuất thân là một ông vua, người gầy ốm. Một lần đó tại Kỳ Viên, Đức Phật đang ngồi

cùng với chư tăng đông đảo, thấy ngài Mahākappina đi đến, Đức Phật hỏi: *Này các tỳ kheo, các ngươi có thấy vị tỳ kheo gầy ốm, gương mặt có làn da xanh xao đang đi đến không?*

Đó là tỳ kheo Mahākappina, một bậc hiền trí, đại tuệ. Một người mà được Đức Phật tán thán thì không phải là chuyện dễ. Ngài Mahākappina đến với đạo đơn giản lắm, khi còn là một ông vua, nghe thương buôn kể chuyện này chuyện kia. Khi nghe kể là chỗ đó có Đức Phật ra đời, nghe đến chữ Phật là ngài Mahākappina bỏ hết, dắt theo 1000 tùy tùng xuất gia. Đức Phật biết vậy nên chờ bên bờ sông. Khi ngài Mahākappina đi đến và nghe Đức Phật thuyết pháp, lập tức ngài trở thành một vị A-la-hán lục thông tam minh, tứ vô ngại giải.

Tóm lại, nội dung bài kinh này là:

- Đời sống giới hạnh không làm cho mình già; sống lâu sẽ trở thành đồ cổ, không phải đồ cũ

- Sống với niềm tin vào cái thiện là đời sống đẹp nhất.

Vật báu (*ratana*) trên đời này là trí tuệ. Nói rốt ráo thì thiện pháp nào cũng là quý, nhưng ở đây khi trả lời cho người này thì phải trả lời "trí tuệ" thì mới vừa ý người này. Trí tuệ chính là nguồn của các thiện pháp khác, vì chính trí tuệ là phương tiện để mình nâng cao, mở rộng, đào sâu đức tin của mình. Chính trí tuệ mới cho phép kham nhẫn, từ tâm, hành xả của mình phát triển thêm. Niềm tin là nền của thiện pháp tuy nhiên thiện pháp đẻ ra những thiện pháp khác chính là trí tuệ, chính trí tuệ cho mình cơ hội để phát triển những thiện pháp khác. Đó chính là lý do vì sao Đức Phật dạy trí tuệ là báu vật ở đời

Công đức là cái người ta không cướp giật được. Phước của mình, số mình hưởng người ta không lấy được. Người ta nói người tìm của nhưng tôi tin của tìm người. Bất chiến tự nhiên thành, không tranh giành gì nó cũng tự đến. Trong đạo lẫn ngoài đời, có trường hợp những vị trí, chiếc ghế bao nhiêu người tranh giành không được cuối cùng lọt vào tay người cực kỳ hồn nhiên vô tư, còn người nào giang hồ khôn lanh cho lắm thì cuối cùng vẫn trớt quớt. Trong một phim Tàu, có một anh sinh viên kia chất phác thật thà, có cô bạn gái thật đẹp, bao nhiêu sinh viên trong trường rắp ranh mà không không thành công, cô kia thì hồn nhiên ai nhờ gì cũng giúp đỡ và có lần sắp thành nạn nhân của kẻ quấy rối, anh bạn thì không ghen. Mọi người hỏi vì sao, anh trả lời: là cái người ta không cướp giật được. Phước của mình, số mình hưởng người ta không lấy được. Người ta nói

người tìm của nhưng tôi tin của tìm người. Bất chiến tự nhiên thành, không tranh giành gì nó cũng tự đến. Trong đạo lẫn ngoài đời, có trường hợp những vị trí, chiếc ghế bao nhiêu người tranh giành không được cuối cùng lọt vào tay người cực kỳ hồn nhiên vô tư, còn người nào giang hồ khôn lanh cho lắm thì cuối cùng vẫn trớt quớt. Trong một phim Tàu, có một anh sinh viên kia chất phác thật thà, có cô bạn gái thật đẹp, bao nhiêu sinh viên trong trường rắp ranh mà không không thành công, cô kia thì hồn nhiên ai nhờ gì cũng giúp đỡ và có lần sắp thành nạn nhân của kẻ quấy rối, anh bạn thì không ghen. Mọi người hỏi vì sao, anh trả lời: *Nếu là của mình thì không mất, nếu dễ mất thì nó không phải của mình, nếu không phải của mình tại sao lại sợ mất*. Nếu nàng là người dễ mất như vậy thì có gì đáng tiếc, mà mất thì mình phải mừng để mình có cơ hội kiếm mối khác tốt hơn, thê thảm nhất là tiếp tục ngủ chung với người đồng sàng dị mộng.

Một lần đó tại chùa Kỳ Viên, Đức Phật hỏi chư tăng: *Này các tỳ kheo nếu hôm nay rừng cây ở chùa Kỳ Viên này bị đốn, các ngươi có buồn không?*

Bài kinh này mở ra cho mình một vấn đề rất lớn, đó là tâm tình của chư tăng ngày xưa thời đó đối với chùa miểu khác bây giờ nhiều lắm. Các vị tỳ kheo trả lời: *Bạch Thế Tôn, chúng con không buồn, vì chúng con không nghĩ đó là của mình.* Đức Phật kết thúc: *Cũng vậy này các tỳ kheo, sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn không phải của các ngươi, mà không phải các ngươi thì vì đâu các ngươi phải khổ tâm khi chúng không được như ý muốn của mình. Này các tỳ kheo, cái gì không phải của mình thì hãy lìa bỏ, hãy nhàm chán, hãy ly tham nhờ vậy các ngươi sẽ được an lạc.* Câu này mấy chục năm về trước tôi đã đọc nhưng chưa thấm, bây giờ càng già càng thấm. Cái gì làm khổ mình thì nó không phải là của mình, mình không điều khiển nó được, nó là vô ngã. Hãy sống bằng tâm trạng khách sáo đi, hãy giữ khoảng cách tối thiểu với những người, những vật mình thương thích cho khỏi khổ. Chưa gì hết, mới gặp người ta, thấy người ta dễ mến, mình nghĩ ngay họ là bạn của mình, và nghĩ là người mình sẽ liên lạc, sẽ quan hệ thì cái khổ đã manh nha khởi sự rồi đó. Cứ tiếp tục xem họ là người khách bên đời thì mọi thứ ok hơn. Từ đây dẫn đến cái ý khác: cái gì của mình thì không có mất, nếu dễ mất thì không phải của mình, càng có lòng sợ mất thì càng khổ mà thôi. Hẹn quí vị ngày mai.

Bài giảng ngày 14-7-2014 KHÔNG GIÀ

Có trường hợp câu hỏi nào đó được nhắc lại hai lần, tức là được hỏi bởi hai người, có trường hợp câu trả lời của Đức Thế Tôn khác nhau tùy căn tánh của họ nhưng có lúc Ngài dùng trở lại câu trả lời cũ vì thấy thích hợp. Quí vị sẽ khó tin vì sao Đức Thế Tôn có thể nhắc lại một cách chính xác câu trả lời trước đây cho đối tượng trước mặt. Người không có niềm tin trong Phật pháp có thể lấy làm lạ vì sao câu trả lời sau nhiều năm được nhắc lại chính xác nguyên văn. Có lần vua Pasenadi vấn đạo với tỳ kheo ni Khema, và thưa với bà như thế này: *Thật là kỳ lạ, vi diệu hi hữu thay khi giữa người đệ tử và đạo sư có thể tương đồng với nhau về cả tinh thần lẫn chữ nghĩa nói năng như vậy*. Nghĩa là vấn đề này vua đem hỏi Đức Thế Tôn và đã được trả lời và hôm nay vua hỏi bà Khema mong là nhận câu trả lời khác nhưng hóa ra y hệt từng chữ một. Theo chỗ nhận thức của tôi, có hai lý do:

Hôm nay trên thế giới này không có một vị đạo sư nào được đệ tử tôn thờ tin tưởng tuyệt đối như là các bậc thánh đối với Đức Phật. Kể cả Osho hay Krishnamurti, đây là những nhà tư tưởng mà bản thân tôi rất quí, đệ tử của hai vị này đông lắm, nhưng ghi nhớ từng hơi thở của sư phụ thì không có. Trong khi các bậc thánh đối với Đức Phật thì khác, các vị đó tin tưởng Đức Phật hơn là tin tưởng sức khỏe của mình nữa, tin tưởng hơn chính bản thân họ nữa. Thánh trí là sự thể nhập sự thể nghiệm vấn đề gì đó mà ở đây giữa bậc đạo sư và đệ tử có một sự tương đồng nhất định, không có một mối quan hệ nào trong bất cứ một đoàn thể tổ chức cộng đồng nào có được sự đồng nhất tuyệt đối như vậy giữa đạo sư và đệ tử. Thánh trí là sự chứng ngộ đặc biệt với người có tối thiểu quả vị Tu-đà-hoàn trở lên, có thể không phải là một người thông minh, học hành có thể chậm một chút, trí nhớ không phải trác việt. Đời sống tinh thần của một bậc thánh là không nhớ sai, vì họ không hiểu sai. Cách hiểu của các vị đó chính xác như biết rõ mình có bao nhiêu ngón tay, ngón chân. Một vị Thánh liễu ngộ Tứ Diệu Đế, Duyên khởi thì thông tỏ đường đi lối về của các pháp một cách căn bản, không có sự nhầm lẫn, và lời Phật được xem là bản cửu chương, là công thức, là nguyên tắc, và muốn nói gì thì dựa vào đó triển khai, lời của Thế Tôn được xem là chuẩn mực. Những ai đọc thẳng vào bản chánh tạng Pāḷi sẽ thấy có điểm ngạc nhiên thế này: ý nghĩa của từ ngữ Pāḷi có nhiều lớp:

Lớp nghĩa thứ nhất là ngữ nghĩa thông thường của người dân Ma Kiệt Đà (*Magadha*). Để biết Phật pháp hay hay đúng phải biết về một bối cảnh xã hội, bối cảnh tôn giáo, hoàn cảnh ra đời của bài giảng, điều được đề cập, với ý nghĩa gì

v.v.... Lớp nghĩa thứ nhất là ý nghĩa ngôn ngữ trước khi Phật ra đời. Thí dụ, trước khi Phật ra đời, chữ '*nibbuti'* chỉ có nghĩa là 'tắt đèn', 'tắt lửa'. Nhưng từ khi Phật ra đời thì chữ '*nibbuti'* còn có nghĩa 'viên tịch', 'Niết bàn', "sự vắng lặng tuyệt đối của danh sắc, phiền não", đó là l**ớp nghĩa thứ hai**. Lớp nghĩa thứ nhất (sơ sài nhất) là hiểu theo cách hiểu của quần chúng, một đứa bé nhà quê cũng hiểu theo cách đó (*tắt đèn, tắt lửa*). Khi Ngài viên tịch thì chữ này có thêm ý nghĩa "Niết bàn".

Lớp nghĩa thứ ba đi ra từ cấu trúc văn phạm.

Ví dụ: '*sam'*: 'yên tĩnh', 'vắng lặng'. Từ đó có chữ: '*sāmaṇa'*: '*tịnh giả', 'Sa-môn',* rồi từ đó có chữ '*sāmaṇera'*: '*sa di'.*

Nhưng có trường hợp nữa:

'para': 'khác', 'bên kia', 'phía sau'. [paradise: *thiên đường* (tiếng Anh)].
'paradisa': '*phương trời khác'* (Pāḷi) (phương trời nằm ngoài trần gian khổ lụy, thống hối này).

Từ chữ '*para'* lại có chữ '*samparāyika'*: '*sau', 'phía sau', 'đời sau*, *kiếp sau'.*

Chữ '*hita'* nghĩa là 'lợi ích', 'lợi lạc'

Tuy nhiên, *samparāyika + hita = samparāyika,* vẫn giữ y nguyên chữ '*samparāyika'* nhưng có nghĩa là "lợi ích đời sau".

Samparāyikanti = samparāyahitaṃ

Ví dụ: Thiện, là việc làm không hại mình không hại người, đem lại lợi ích đời này và *lợi ích đời sau*. Cụm từ *"lợi ích đời sau"* này là ' này là 'samparāyika'**.** Đó là nghĩa thứ ba trong tiếng Pāḷi. Khi nói '*samparāyika'* thì phải hiểu ngầm đã có chữ '+*hita*' ở phía sau.

Trong ngôn ngữ Pāḷi, phải căn cứ vào văn bản để hiểu thêm như vậy, ví dụ chữ '*Buddha'* (Phật), còn có nghĩa là "chỉ cho 4 tầng thánh từ sơ quả trở lên". Bởi vì, chữ *Buddha* lúc này được hiểu như thế này:

"cattāri ariyasaccāni bujjhatīti buddho": người hiểu được 4 Đế là Phật.

*"klesaniddābujjhatiti buddho":*người tỉnh dậy từ giấc ngủ phiền não được gọi là Phật.

(Trong Pāḷi, có những chữ có hai cách viết: *klesa = kilesa*: phiền não; *sineha = sneha:* tham ái, sự mầu mỡ trong đất; *vyaggha = byaggha:* con cọp)

Khi chữ *buddho* được hiểu như trên thì không còn chỉ riêng cho Đức Thế Tôn nữa. Người hiểu được 4 Đế là được gọi là Bậc Giác Giả, Phật; Tu-đà-hoàn cũng là người hiểu được 4 Đế. Tu-đà-hoàn cũng là người tỉnh dậy từ giấc ngủ phiền não, chưa có được là A-la-hán, tuy nhiên, nếu không có tỉnh thì làm sao bỏ được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Đừng xem thường vị Tu-đà-hoàn, chuyện vị này làm cực kỳ quan trọng, vì vị này đã chấm dứt thân kiến, vì không còn thân kiến nên không còn khả năng sanh tử luân hồi nữa, năm bảy kiếp nữa cũng chỉ là cái trớn. Vị Tu-đà-hoàn nhìn về Phật quả thì trọn niềm kính tin, tuy nhiên đã ngao ngán chuyện luân hồi lắm rồi.

"Tất cả những gì mình thích thú trong cuộc đời này đều do: *1) Tiền nghiệp (túc duyên), 2) Khuynh hướng tâm lý nhiều đời, 3) Hoàn cảnh sống hiện tại.*

Tôi nói điều này các vị đừng có buồn chớ tiếp xúc với Phật tử tôi thấy một chuyện vô cùng đáng thương và cũng phải nói là đáng tiếc: họ đang rảnh rang thế này, có vợ có chồng, sanh con rồi thì cả đời đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương. Một rừng kiến thức Phật học đó mà họ thì cuối cùng ra đi một cách ngậm ngùi. Nuôi con cho lớn, chỉ cần khi nó có bạn trai bạn gái thì mình trở thành cái máy rút tiền của nó. Trong số người VN mà tôi biết không có mấy kẻ biết nhiều về đời sống ở châu Phi. Vùng Trung Phi, Bắc Phi khổ đến mức mà làm con chó con bò ở nước Việt Nam, hay Trung Quốc còn sướng hơn con người ở Châu Phi. Chỉ cần gõ mấy chữ "Châu Phi đói" vào Google thì sẽ thấy những hình ảnh kinh hoàng. Khi sanh vào bối cảnh như vậy, ăn còn không có nói gì học hành. Những đứa trẻ ở đó từ nhỏ đã bò lê dưới đất và bóc gián bóc côn trùng bỏ vào miệng; đói từ trong giấc ngủ. Do túc duyên và tiền nghiệp mà bị đẩy vào xứ nghèo như vậy. Hoàn cảnh sống hiện tại thì thích cái gì?

Vì đói nên trong đầu chỉ có một chữ 'ăn' mà thôi. Còn về khuynh hướng tâm lý, tuyệt đại đa số chúng sinh có khuynh hướng bất thiện nhiều hơn thiện do sức hút của luân hồi, vì bất thiện gần với căn cơ của mình hơn và khuynh hướng đó sẽ là tham sống sợ chết, trốn khổ tìm vui, lánh nặng tìm nhẹ, thích dễ sợ khó; từ bao đời ăn sâu vào tâm khảm của mình. Với hoàn cảnh khốc liệt như ở Châu Phi, đói le lưỡi vậy, chỉ nghĩ đến một chuyện 'ăn', ai rủ đi tu Tứ Niệm Xứ quí vị có thời gian không?

Có thể quí vị nghĩ rằng mình không như vậy, mình nghèo cho sạch rách cho thơm, giấy rách phải giữ lấy lề… nhưng tới lúc bụng đói đầu gối phải bò. Biết bao nhiêu sĩ quan tướng tá hét ra lửa của Việt Nam Cộng Hòa, niềm mơ ước một thời của các thiếu nữ, đùng một cái sau 30 Tháng Tư, chỉ vì một cục đường tán, một mẩu thuốc … mà trở thành những kẻ hèn hạ. Nhân cách sĩ diện gì cũng không còn nữa. Tôi nói nhiều như vậy là cố ý muốn nhấn mạnh hoàn cảnh sống cực kỳ quan trọng và ảnh hưởng đến tâm tư tình cảm của chúng ta. Khi gặp hoàn cảnh xấu đẩy đưa mình vào ngõ cụt rồi thì anh hùng thất vận lên rừng đốt than. Tất cả những gì chúng ta thương thích đều có giá trị tương đối, ở vào hoàn cảnh đó thì thích những cái đó. Với một người VN mà một bữa ăn dưới nến có hoa hồng và nhạc nhẹ thì nghe lạ lùng lắm, vì bối cảnh xã hội của mình không hợp với điều đó. Ở tầng lớp bình dân VN thì chuyện bánh sinh nhật quá xa xỉ. Có những chuyện ở VN thấy xa lạ nhưng nước ngoài rất bình thường, và ngược lại, do hoàn cảnh sống mà thôi.

BẠN

"Ai bạn kẻ đi đường?

Ai bạn người ở nhà?

Ai bạn khi cần thiết?

Ai bạn cho đời sau?

Bạn đường, bạn đi đường

Nội dung bài kệ trên: Ở ngoài đường ai là bạn, ở nhà ai là bạn, nếu có đời sau kiếp khác thì ai là bạn của mình?

VN mình có câu: *"Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ".* Khi đi ra xã hội thì chú ý lắng nghe người lớn tuổi, có kinh nghiệm, từng trải. Còn khi về nhà thì hỏi con nít. Con nít được hỏi gì thì sẽ nói hết không biết giấu diếm. *"Lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu".* Lạc đường cũng như lạc ngõ, con chó đi đâu thì cũng tiểu ở nơi đó như một kiểu đánh dấu đường về. Con trâu thì sống theo bản năng đi về một đường. *"Trời mưa tránh trắng, trời nắng tránh đen",* sau những đêm mưa phải tránh những chỗ trắng trên đường, đó là vũng nước, trời nắng thì tránh những chỗ đen là vũng sình, hoặc dị vật.

"Sattho pavasato mittaṃ": bạn ở nhà là mẹ.

'Sattho': 'thầy dạy học', tour guide trong một tour / journey: cuộc hành trình. Ngày xưa có những chuyến trên biển dài ngày, hoặc trên rừng, cũng có những người hướng dẫn (*sattho*). Bây giờ chuyện đi đứng dễ dàng, chỉ cần xách ba lô lên và đi. Ngày xưa thì chỉ quãng đường vài trăm cây số mà mẹ chết không về nổi, non sông cách trở. Cách vài trăm năm thì có cướp rừng, thảo khấu sơn tặc… Trong kinh có những câu có hình thức giống như câu ca dao của VN, những câu rao đầu tiên thì nghe như vô thưởng vô phạt, nhưng lại là cầu nối cho những câu phía sau, như câu *"gió đưa bụi chuối sau hè"* (*anh mê vợ bé bỏ bề con thơ*), *"thia lia quen chậu"* (*vợ chồng quen hơi*), *"Ngó lên Sở Thượng thêm buồn" (muốn giăm cội rễ, sợ đường xa xôi),* hoặc *"Đường dài ngựa chạy biệt tăm" (Người thương có nghĩa trăm năm cũng về).* Trong kinh này cũng vậy, những câu đầu chỉ là câu rao, trên đường đi người dẫn đường là bạn, nhưng về nhà thì mẹ là bạn. Mẹ là người lắng nghe buồn vui trăn trở thao thức cho mình, mẹ là tất cả. Tuy nhiên, đa số vậy thôi, chớ có nhiều người thì gần gũi với cha, hoặc anh em hoặc dì… Sư cậu của tôi hợp với ông thân sinh của tôi. Buồn vui gì thì sư cậu cũng thích tìm đến ông thân sinh của tôi.

Tại sao mẹ lại là bạn?

Tathārūpe roge jāte (những khi mình bị bệnh hoạn) *puttabhariyādayo jigucchanti* (vợ con những người thân thích khác có thể gớm), *mātā pana asucimpi candanaṃ viya maññati* (khi mình bịnh nặng dơ bẩn tiêu tiểu tại chỗ mẹ vẫn coi đó là bình thường mà thậm chí vẫn coi là thơm là quý) *Tasmā sā sake ghare mittaṃ* (đó là lý do vì sao nói mẹ là bạn)

Sahāyo atthajātassāti uppannakiccassa yo taṃ kiccaṃ vahati nittharati, so kiccesu saha ayanabhāvena sahāyo mittaṃ, surāpānādisahāyā pana na mittā. Samparāyikanti samparāyahitaṃ. (Ai mà là người chịu khó với mình trong lúc hữu sự thì người đó là bạn, đó là người không bỏ rơi mình)

'atthajātassāti' = 'uppannakiccassā': 'hữu sự'.

Attha (= problem): 'vấn đề';

'kicca': 'chuyện cần thiết', 'nhiệm vụ'.

"surāpānādisahāyā pana na mittā: Bạn ăn bạn nhậu thì không kể là bạn trong lúc hữu sự được.

Trong câu xin giới thứ năm:

"**Surāmeraya**majjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi". 'Surā': 'rượu nấu'; '*meraya'*: 'rượu ủ'. Bỏ men vào rồi đậy lại gọi là ủ.

surāpānādisahāyā pana na mittā = *'surāpānādi':* 'bạn ăn', 'bạn nhậu'.

surā (rượu)+*pānā* (uống)+*adi* (vân vân)*:* loại bạn bè ăn nhậu, rủ đi chơi, đàn đúm, đá gà, đá cá.

'sahāya': cũng là bạn nhưng bao gồm cả nghĩa bạn xấu, riêng '*mitta'* thì chắc ăn hơn.

Bữa nay là ngày tôi vừa đau khổ vừa hạnh phúc. Tôi đau khổ vì trưa nay là ngày vẫn tiếp tục đi học. Trong cơn mưa, họ báo trời mưa suốt ngày tôi phải đội mưa đi xuống núi. Nhưng không có gì hạnh phúc cho bằng nằm nghe mưa đêm, hoặc sáng sớm choàng thức giấc nhìn ra rừng thấy mưa đổ như trút, nhìn màn mưa nhòa trong rừng, đẹp lạ lùng, cảm giác đặc biệt lắm, không thể tưởng tượng được, cực kỳ hạnh phúc. Hơi oải là lát nữa mười hai giờ đội mưa đi xuống núi. Không phải là "phố bỗng là dòng sông uốn quanh" đâu nghen. Mưa chỉ nghe mùi lá mục, mùi hơi nước, mùi rừng mùi cây thì dễ thương lắm.

"Bạn ở nhà là mẹ,

Bạn bè khi cần thiết,

Mới là bạn thường xuyên,

Công đức tự mình làm,

Là bạn cho đời sau"

Nội dung đoạn kệ này: khi đi đường thì kẻ dẫn đường là bạn, ở nhà thì mẹ là bạn, khi hữu sự mà chịu khó là bạn và bạn đời sau kiếp khác chính là công đức của mình.

Trong Pháp Cú dạy:

"Khách lâu ngày ly hương,

An toàn từ xa về,

Bà con cùng thân hữu,

Hân hoan đón chào mừng"

"Cũng vậy các phước nghiệp,

Đón chào người làm lành,

Đời này đến đời sau,

Như thân nhân, đón chào"

(Pháp Cú 219 - 220)

Với người tạo được nhiều công đức thì đời sau kiếp khác nếu còn tái sanh, công đức xưa chào đón thì như người thân chào đón khi mình từ xa trở về. Còn người làm nhiều điều bất thiện khi luân hồi thì giống như kẻ thù rình rập đón đầu chờ đợi sẵn ở phía trước. Tùy cách sống của mình mà đời sau kiếp khác mình sanh ra có ok không. Muốn làm gì bất thiện thì cứ nhớ một chuyện: mình đang tạo thêm một kẻ thù nguy hiểm cho kiếp sau. Cũng gọi là tu mà mỗi người dễ duôi một cách, có người dễ duôi tình cảm, có người dễ duôi hưởng thụ đời sống, có người dễ duôi sát sanh. Họ cũng thờ Phật, giữ giới nhưng xử lý ruồi muỗi mối kiến rất nhẹ nhàng thoải mái. Tụi nó đang là con muỗi mối ruồi kiến nhưng đời sau kiếp khác không biết tụi nó là gì. Ví dụ như mình mới nhận hoa hậu, nhận giải Oscar xong, bị chúng nó xử chết ngắc. Cẩn thận khi mỗi lần muốn giết ruồi muỗi kiến thì lỡ mai này trổ nghiệp nhằm lúc mình mới vừa gặp Phật chưa kịp gì hết có người giết mình mất rồi. Thời Đức Phật có một ông thiện nam tu hành tốt lắm, tới nghe pháp ngủ đêm tại chùa, sáng hôm sau ra trước chùa rửa mặt. Có một đám thanh niên đi bắt trộm, đến chỗ ông thiện nam thấy túi đồ nằm sau lưng ổng liền đập chết ngắc. Có thằng ăn trộm thiệt nhưng khi bị rượt chạy tới đó nó liệng túi đồ sau lưng ông thiện nam đang rửa mặt. Đám thanh niên không biết mặt ông thiện nam này, cứ hùa nhau đập ổng chết thê thảm. Chư tăng thưa với Thế Tôn, vì sao ông cư sĩ tốt như vậy mà chết thảm như vậy, nghiệp gì mà nặng nề quá. Đức Phật biết ngày xưa ông thiện nam này từng là quan giữ ải. Vào một buổi chiều "mùa thu lá bay" có hai vợ chồng đi xe ngựa ngang cửa ải. Vì cô vợ quá đẹp nên ông quan này tìm cách chiếm đoạt. Đêm đó ông cho thuộc hạ bỏ viên ngọc quý vào thùng xe ngựa, sáng hôm sau tri hô là mất đồ và nghi ngờ ông chồng là người ăn cắp. Xét thùng xe, có viên ngọc quí. Người chồng bị tra khảo đến chết. Vì quê nhà cách trở xa xôi, không có đường về, người vợ đành phải lấy

ông quan. Do nghiệp xấu vu oan giá họa cho người khác, sau kiếp đó ông quan bị đọa địa ngục, rồi sau trở lên làm người cứ thấy mặt ổng là người ta đổ oan. "*Công đức tự mình làm, Là bạn cho đời sau"* là vậy đó, nếu mình có nhiều công đức thì đời sau sanh ra đi đâu cũng được phước báu chào đón, còn làm quá nhiều ác nghiệp thì đi đâu sanh ra cũng quá nhiều kẻ thù chào đón.

CƠ SỞ

Vatthusutta

'Vatthu': 'nền nhà'. '*Kapilavatthu'*: (Ca Tỳ La Vệ) 'nền nhà của ông Kapila'. Kapila là một ông đạo sĩ (thầy tu rừng), ngẫu nhiên thấy một vùng đất lạ, mấy con thú lớn đến đó quên mất chuyện săn mồi, thú nhỏ khi đến đó cũng quên mất bị truy đuổi không còn sợ hãi. Về sau ông gặp nhóm người đi ngang đó, là tổ tiên của dòng Thích Ca về sau, họ đang đi tìm chỗ lập ấp. Thấy họ là những người đáng giúp đỡ, Kapila đề nghị họ chọn vùng đất đó và sau này thành kinh thành Kapilavatthu. Không biết hôm nay miếng đất đó ở Ấn Độ có còn hội đủ điều kiện phong thủy như xưa không.

'vatthu': 'nền nhà', 'đồ vật', 'câu chuyện', 'thần kinh'. Trong bài kinh này HT Minh Châu dịch là 'cơ sở', nhưng tôi dịch là 'chỗ dựa', chính xác hơn. Trong thế giới loài người, con cái là chỗ dựa. Có những trường hợp câu trả lời tùy thuộc vào đối tượng trước mắt. Ví dụ, người cha người mẹ nói với thằng con cả: *Con phải giữ sức khỏe, không có sức khỏe thì đừng nói đến chuyện gì trên đời.* Đối với thằng hai thì nói: *Con phải nhớ, thế giới này có tiền mua tiên cũng được. Con mà có tiền thì đổi trắng thay đen được, mới lo cho cha cho mẹ được....* Đối với thằng út thì nói khác: *Thế giới này dành cho những người có cái đầu, không phải dành cho người dốt, những người điều hành cả hành tinh này là những người có học*. Cũng người cha người mẹ đó, nhưng nói chuyện với ba đứa con khác hẳn nhau. Cha mẹ đâu ghét bỏ đứa con nào, tại sao họ lại nói khác nhau như vậy?

Phật pháp cũng vậy, miễn là câu trả lời của Đức Phật gợi ý cho người ta điều gì đó có lợi ích là được rồi, còn nhiều khi cách trả lời rất khác nhau, vì căn cơ người nghe là vậy.

Ngày trước ở VN tôi có nghe Sư Trưởng khen một chú tiểu trong chùa là thông minh. Lần đó Sư đang ở ngoài sân, Sư nghe trong phòng có một tiếng động rất khả nghi, hình như món đồ gì đó bị rớt xuống đất mà bể là cái chắc. Sư Trưởng hỏi: cái gì đó Minh. Thằng bé trả lời một câu trả lời rất thông minh, sau này tôi ra

nước ngoài tôi ước gì tất cả đàn bà trên đời này biết câu chuyện này mà học hỏi thì hay biết chừng nào, và người học đạo cũng vậy, lấy câu chuyện làm chỉ nam học đạo thì hay biết bao nhiêu. Câu trả lời thế này: *"Dạ không có bể Sư ơi"*. Mục đích là quan trọng nhất. Ông Ngô Đình Nhu có một câu rất hay: *"Mọi phương tiện nào cũng tốt, miễn là dẫn đến kết quả như ý"*. Bên Tây có câu: *"Kết quả biện minh cho phương tiện"*. "Mèo trắng mèo đen đều như nhau miễn bắt được chuột". Đây là câu nói của Đặng Tiểu Bình, một nhân vật đã biến TQ thành cường quốc như hôm nay nếu không thì TQ như miền Bắc VN trước 75. Trong đời sống cũng vậy câu này hiểu một cách thông minh thiện chí thì ok.

"Con là cơ sở người"; chỗ dựa của phần lớn của con người là con cái, vì già thì con nuôi. Trong hoàn cảnh này Đức Phật nói như vậy chớ hoàn cảnh khác thì không chắc. Nuôi con mà mong con đền đáp thì đó là đầu tư mạo hiểm (risky investment). Gởi nhà băng còn có lời chớ nuôi con rồi mong đền đáp thì khó. Con gái thì sợ chồng, con trai thì sợ vợ. Cho đến bây giờ nói hơi phũ phàng mười lăm năm xa xứ tôi vẫn sống nhờ người dưng. Dù là chuyện của tôi nhưng vẫn là chuyện của quí vị, không có người dưng là tôi chết rồi.

"Vợ là bạn tối thượng". Cái này tôi không có chắc. Đức Phật dạy có 7 hạng vợ, vợ như mẹ, như bạn, như nô lệ…

"Thần mưa là trì mạng, Y cứ vào địa đại". Mưa thuận gió hòa chính là hơi thở, là đời sống của mình, muôn loài phải y cứ vào đất.

Có những bài kinh nội dung rất là mềm, có thể trong hoàn cảnh nào đó, căn cơ người nghe chỉ có thể nghe được tới đó. Ở đây nếu các vị hỏi tôi nội dung như vậy thì đạo giải thoát, lý tưởng tu hành nằm ở đâu?

Có một chuyện tôi biết nói ra sẽ bị chúng chửi tan nát, nhưng vì lương tâm nhà nghề không thể không nói. Tôi không biết những cái lớp huấn luyện pháp sư trong nước họ dạy cái gì mà tôi nghe nhiều vị Nam tông xuất thân từ các trường đó giảng kinh trên internet không dựa vào chú giải, không dựa vào A-tỳ-đàm. Xét theo góc cạnh văn hóa đời thì một bài thơ một đoạn văn không thể hiểu trên bề mặt được. Theo tôi biết là nội dung huấn luyện pháp sư giảng sư trong nước do giáo hội nhà nước tổ chức, không biết giảng cái gì, chỉ tạo ra những người lợi khẩu (lưu loát, bài bản) mà họ quên một điều quan trọng là lưu loát bài bản chỉ mang giá trị 30% bài giảng, 70% còn lại là giảng cái gì. Trong những bài kinh như thế này giảng bằng lương tâm vẫn có chỗ để nói. Nội dung bài kinh này tu hành ở chỗ nào?

"Con cái là chỗ dựa, vợ là bạn tốt, mưa gió đất đai là hơi thở, là đời sống của con người…", như vậy là huề vốn. Những ý tưởng này đâu cần vô đạo mới biết, ở ngoài đời cũng biết rồi, thậm chí những ý tưởng này còn có vẻ chân quê nữa, nhưng xin thưa, có một điểm trong kinh quí vị nên để ý, bất cứ câu chuyện nào mà đến với Đức Phật rồi sẽ lập tức trở thành đề tài thuyết giảng chánh pháp. Chúng ta thấy rất nhiều những câu chuyện Bổn Sanh, có vẻ như không có gì liên hệ đến tu hành giải thoát, thế nhưng, quí vị mở lại Kinh Bổn Sanh của ngài Minh Châu mà coi, sau khi kể lại câu chuyện này Đức Thế Tôn đã thuyết giảng một thời pháp về Bốn sự thật (Bốn Đế) và kết thúc bài giảng thì vị tỳ kheo nào đó, nhân vật nào đó chứng quả Dự Lưu. Công thức từ đầu khóa học tôi đã nói: Do vô minh trong Bốn Đế nên dẫn đến 3 hành: phi phúc hành, phúc hành, bất động hành. Cứ như thế mà tạo ra vòng tròn duyên khởi bất tận, khép kín. Bất cứ câu chuyện nào Đức Phật kể xong Ngài đều nhắc lại ý này. Làm vua, làm ăn cướp, làm thầy tu, kỹ nữ, tướng tá gì nữa cuối cùng cũng chỉ là vòng quẩn quanh của Khổ đế mà Khổ đế đi ra từ Tập đế. Câu chuyện này cũng vậy, nếu một người có thấm thía tương chao Phật pháp, đọc câu kệ này nản thiệt: "*Con cái là chỗ dựa"*, điều này mở ra cho mình nhiều vấn đề, một đầu tư quá lớn quá mạo hiểm. Muốn có con phải yêu đương hò hẹn mua đất cất nhà, hoạch định tương lai, phải lo cho con từ lúc nó chào đời đến lúc nào mình tàn hơi tắt thở thì thôi. Cái gọi là chỗ dựa của mình, mình phải đầu tư rất nhiều, và khi đã đầu tư như vậy rồi mà chắc gì mình nương nhờ được nó. Giống như năm uẩn này vậy, mình đầu tư năm uẩn rất nhiều mà mình được gì từ năm uẩn đó. "*Con*" ở đây mở ra cho mình một nhận thức khác, chỗ dựa của dòng sinh tử nó tầm thường như vậy sao, đầu tư cho nó quá mỏi mệt để rồi cuối cùng nương cậy nó được cái gì. *"Vợ là người bạn ở nhà",* câu này như là một sự mỉa mai cho cõi nhân thế này. *Lấy nhau vui ba tháng buồn ba năm khổ suốt đời*, đây là công thức mà ai cũng nhớ hết, vậy mà trai lớn phải lấy vợ, gái lớn phải lấy chồng. Lấy nhau về vào ra chạm mặt, đồ vật chán còn bỏ được, còn người chán thì sao?

Âu Mỹ ly dị dễ dàng, nhưng VN thì cứ gồng mà sống với nhau, nhất là có con ràng rịt. Ở Thụy Sĩ mà muốn ly dị thì số tiền bỏ ra đủ để người VN trở thành đại gia. Năm bảy chục ngàn là giá thấp nhất, còn không thì người ta cứ ngó vào gia tài của mình rồi tính phần trăm. Nếu mình nghèo quá thì người ta lấy khoảng năm chục thì giải quyết xong một lần ly dị, phần lớn là vậy. Những câu kệ này đều là mỉa mai cay độc cho cái gọi là dòng sinh tử. Chỗ dựa của mình là con, đầu tư lớn như vậy mà niềm hy vọng vào nó chao ôi mong manh khốn cùng. Vợ cũng là đầu

tư mạo hiểm nhưng rồi thì đồng sàng dị mộng. Mưa thuận gió hòa có đủ cho mình sống không?

Xã hội bất an, văn hóa đạo đức suy đồi, thế giới chiến tranh, bị những bóng ma hạt nhân khủng bố đe dọa, trong một hành tinh như vậy thì mưa thuận gió hòa liệu có đủ mình sống bình yên không?

Liệu mảnh đất này có thể còn tồn tại bao lâu nữa với những ám ảnh khôn nguôi từ những tội ác và những hiểm họa thiên tai nhân họa. Như vậy toàn bộ bài kệ này là một bức tranh vẽ nên diện mạo thảm khốc, cái mà nhà thơ Du Tử Lê gọi là "nhan sắc lầm than" của cuộc sống này. Thấm thía tương chao thì thấy bài kinh nào cũng là một đề tài, một công án lớn để mình tu học, vậy mà có những chúng sinh khi gặp Phật rồi, cái sức của họ chỉ vừa đủ để nghe được đạo theo kiểu này thôi, các vị có muốn như vậy hay không thì tùy. Bây giờ thì ba giờ rưỡi, phải ngưng thôi, hẹn nhau ngày mai.

(Dưới đây là phần bổ sung của bài kinh này trong buổi giảng ngày hôm sau). Ngày nào cũng vậy, giảng xong là tôi băn khoăn, sao cái điểm đó không nói nhiều hơn chút, bản dịch đó sao mình không dịch lại, bản dịch đó có vấn đề nào lưu ý. Giảng xong rồi tâm cứ vương vấn một hai giờ đồng hồ không yên.

Bài kệ hôm qua có câu:

"Con là cơ sở người. Vợ là bạn tối thượng"

"Kiṃsu vatthu manussānaṃ, kiṃsūdha **paramo** sakhā;"

Câu kệ đó phải dịch lại, nếu không dịch thì kỳ lắm. Quí vị dò bản tiếng Anh lẫn tiếng Đức không có như vậy. Chữ 'tối thượng' ở đây người VN nghe cũng sốc, 'tối thượng' là cái gì mang tính tâm linh chớ bà xã có gì đâu mà 'tối thượng'. Chữ *paramo* trong tiếng Pāḷi rộng lắm, để cắt một vật gì đó thì dao búa là số một, số một ở đây gọi là '*paramo'*. '*Paramo'* ở đây dịch là bạn thân nhất

Bài kệ phải được dịch lại như sau: *Cái gì là chỗ dựa cho nhân loại?*

Ai là bạn thân thiết nhất?

Đối với các loài sống trên mặt đất thì đời sống dựa vào cái gì?

Câu kệ phải dịch lại như vậy cho yên cái lòng của tôi.

'pathavissitā' là loài sống trên mặt đất.

'Pathavi': 'đất'.

'Sitā': 'y cứ', 'nương tựa', 'dựa dẫm'.

'Sit**ā'**: nụ cười: nụ cười. 'Sit**a'**: mát lạnh.

'B**a**hu': nhiều. 'hu': nhiều. 'B**ā**hu': cánh tay.

Tóm lại, nội dung bài kệ này: *Cái gì là chỗ dựa cho nhân loại?*

Con là chỗ dựa. Ai là bạn thân thiết nhất?

Vợ là bạn thân thiết nhất của người chồng. Đối với các loài sống trên mặt đất thì dựa vào cái gì để sống?

Mưa là chỗ dựa cho các loài sống trên mặt đất. Mưa ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng. Ba phần tư diện tích bề mặt trái đất là các đại dương, với diện tích đó thì lượng hơi nước mới cung cấp đủ nước mưa cho các lục địa. Hơi nước là do sức nóng của ánh nắng mặt trời bốc lên thành mây và rơi xuống. Hơi nước này không chỉ dành cho cây cối mà còn là nguồn dưỡng khí. Các hành tinh khác trong vũ trụ việc đầu tiên để xác nhận có sự sống hay không là có hơi nước hay không.

Bài giảng ngày 17-7-2014 PHI ĐẠO

- Cái gì gọi phi đạo?

Cái gì diệt ngày đêm?

Cái gì uế Phạm hạnh?

Cái gì tắm không nước?

- Tham dục gọi phi đạo,

Tuổi tác diệt ngày đêm,

Nữ nhân uế Phạm hạnh,

Khiến loài Người hệ lụy,

Khổ hạnh và Phạm hạnh,

Là tắm không cần nước.

8. Uppathasuttaṃ

58.‘‘Kiṃsu uppatho akkhāto, kiṃsu rattindivakkhayo;

Kiṃ malaṃ brahmacariyassa, kiṃ sināmanodaka’’nti.

‘‘Rāgo uppatho akkhāto, vayo rattindivakkhayo;

Itthī malaṃ brahmacariyassa, etthāyaṃ sajjate pajā;

Tapo ca brahmacariyañca, taṃ sināmanodaka’’ntntti.

‘Phi đạo’ từ chữ Pāḷi là ‘uppatho’

Uppatha: con đường sai lầm, sự lầm lạc.

Tại sao nói tham ái là con đường sai lầm hay sự lầm lạc?

Bởi vì tất cả chúng sanh trong đời này đều có một hướng giống nhau, dù người thiện hay ác, người trí hay người không trí đều có quan điểm giống nhau giữa bao

nhiêu dị biệt là ai cũng muốn vui sợ khổ. Nhưng tham ái chính là lựa chọn sai lầm nhất.

Ái có nhiều cách kể. Ái trong 6 trần, thích trong cái mình nhìn nghe ngửi nếm đụng suy tư, thích trong 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới. Nhưng tóm lại ái chỉ có hai: muốn hưởng thụ và muốn tồn tại.

Bất cứ lúc nào mình muốn thưởng thức cái này cái kia, là hưởng thụ. Muốn tồn tại là muốn có mặt trong cõi Dục giới để thưởng thức năm trần. Muốn có mặt trong cõi Sắc giới và Vô Sắc giới để thưởng thức tầng thiền định. Muốn hưởng thụ và muốn tồn tại gọi chung là lạc ái. Muốn được hạnh phúc muốn được an lạc mà chỉ biết ái thôi thì chỉ có con đường đi xuống. Muốn có 3 hành phải có Vô minh, đọc kinh Duyên Sinh, nếu không học thì tưởng mọi thứ quan hệ theo chiều dọc, thật ra không những chiều dọc mà còn có chiều ngang nữa. Nói Vô minh duyên cho ba hành, trong quan hệ Vô minh với ba hành làm sao vắng mặt ái được. Ví dụ như bây giờ mình khổ quá, muốn giải quyết cái khổ đó, chỉ riêng cái ý muốn giải quyết cái khổ đó, bằng cách nghĩ đến giải pháp nào đó thì khoảnh khắc đó làm sao có thể vắng mặt ái được. Bất cứ lúc nào mình muốn giải quyết cái khổ nào đó thì ngay trong cái muốn đó đã là ái rồi. Nếu mình chọn con đường ra khỏi Tam giới, thì phải lìa bỏ hai ước muốn: muốn hưởng thụ và muốn tồn tại. Còn muốn hưởng thụ và muốn tồn tại thì còn quẩn quanh trong ba cõi sáu đường. Sáu đường (lục đạo): nhân, thiên và bốn đường khổ; ba cõi là Dục, Sắc và Vô sắc. Trong ngôi nhà đang cháy thì dứt khoát là phải đi ra. Bất cứ ý muốn nào muốn quẩn quanh trong ngôi nhà là sai lầm hết.

Theo trong chú giải: "sugatiñca nibbānañca gacchantassa amaggo", nghĩa là có lòng muốn sanh về cõi lành cõi vui, chứng ngộ Niết bàn chấm dứt sanh tử thì trong cả hai lý tưởng này tham ái được xem là sự nhầm đường, con đường sai lầm. Quí vị để ý tại sao mình sát sanh; nhân gần: tâm mình lúc sát sanh là tâm sân, mình có ý cố sát mới giết được; nhân xa là mình muốn cái gì đó mình mới giết. Tại sao mình đập con muỗi?

Là vì mình muốn được thoải mái dễ chịu không bị quấy rầy. Tất cả mọi ước muốn trong đời này của mình, tại sao gọi là thiện, muốn vui thì phải bố thí, trì giới, tham thiền chứ, đằng này mình cứ hành động theo sự sai khiến của ái, đó là sai lầm.

Amaggoti na maggo anupāyo.[1]Con đường sai lầm (nhầm đường) nghĩa là sai phương pháp. 'Anupāyo': 'sai phương pháp'.

58.‘‘Kiṃsu uppatho akkhāto, kiṃsu rattindivakkhayo” Cái gì trên đời này gọi là lầm đường?

Cái gì diệt ngày đêm.

Chỉ riêng câu “kiṃsu rattindivakkhayo” (cái gì làm cho ngày trôi qua và đêm trôi qua) là toàn bộ nội dung của A-tỳ-đàm.

Trong A-tỳ-đàm có nói đến hai sự thật, sự thật chân đế và tục đế. Trong A-tỳ-đàm có nói đến hai sự thật, sự thật chân đế và tục đế. Chân đế (Paramatthasacca) là bản chất rốt ráo của các pháp không thể chia nhỏ, không thể đi sâu, phân tích hơn được nữa. Ví dụ, chiếc xe hơi bốn bánh, chẻ nó ra một ngàn lần được hay không?

Cứ cho chiếc xe nặng một tấn, chẻ nó ra một ngàn lần, mỗi phần được 1kg. Rồi chẻ nhỏ nữa, đến mức cuối cùng nó là hạt bụi, trong hạt bụi đó có thể chia chẻ được nữa, hạt bụi lớn hạt bụi nhỏ. Trong hạt bụi nhỏ đó, nói theo A-tỳ-đàm, có nhiều thành tố sắc pháp, nhiều thành tố vật chất trong đó, tối thiểu là tám sắc bất ly. Phân tích cuối cùng thì còn 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực),đó mới là cái rốt ráo. Đất, nước, lửa, gió trong đó không còn chia được nữa, đó mới là sự thật sau cùng của chiếc xe. Chân đế, là sự thật cuối cùng không thể đi sâu đi xa hơn nữa được, như chiếc xe được chia cuối cùng thành hạt bụi nhẹ chỉ còn 8 sắc bất ly, đó là chân đế.

Tục đế (sammutisacca) có hai nghĩa: (1) vỏ ngoài của vạn vật, (2) là giá trị hay ý nghĩa giới hạn theo thời gian và không gian. ‘Sammuti’: ‘định đặt’. Ví dụ, đối với tôi cái đó là đẹp nhưng với các vị, cái đó là xấu; trong trường hợp này cái đó được gọi là dài, nhưng trong trường hợp khác, cái đó gọi là ngắn. Một thiền sinh đến hỏi một thiền sư: Ngài có thể nói gọn Phật pháp trong một câu nói cho con được không. Vị thiền sư đó lấy một que vạch một đường trên đất, rồi hỏi thiền sinh: Đường vạch này dài hay ngắn?

Thiền sinh ngộ đạo ngay. Một vạch thì lấy gì so sánh. Thế gian này sống trong khái niệm ảo hóa, ảo tưởng nên toàn bộ Phật pháp nằm trong đường vạch đó, toàn bộ buồn vui thiện ác đều đi ra từ khái niệm so sánh. Vượt khỏi quan niệm đó, chỉ nhìn bản chất các pháp chứ không so sánh, thì đó gọi là thánh, là giác ngộ. Còn nhìn vỏ ngoài để so sánh thì chưa đi đến bản chất rốt ráo của các pháp được. Sammutichỉ nói đến vỏ ngoài của vạn vật, chớ không phải bản chất các pháp, và nó là giá trị theo không gian và thời gian.

Cái gì đẩy ngày đêm đi vào chỗ kết thúc?

Đó là tuổi thọ của con người. Phải có chúng sinh hay vạn vật nói chung thì mới có cái gọi là tuổi tác. Câu này vạch trần sự thật của cuộc đời rằng thì là mọi thứ là đồ giả.

Chữ 'vaya' tiếng Pāḷi hay lắm, vừa có nghĩa là 'tuổi tác' và có nghĩa là "băng hoại biến diệt". Từ đó có chữ 'vayappatta': 'sự trưởng thành', 'khôn lớn'. 'Patta': 'đạt tới', 'đạt đến'.

Trong 16 tuệ có chữ: 'Udayabbayañàna' (sanh diệt trí).. 'Udaya' là 'sanh', 'mọc lên', 'xuất hiện', (của mặt trời chẳng hạn), ở đây nghĩa là sự sanh ra của danh sắc. 'Vaya' là 'sự tiêu diệt', 'băng hoại phân hủy', nhưng theo luật Pāḷi, chữ [Udaya+Vaya] thì chữ 'vaya' lúc này biến thành 'baya'. Cho nên Udaya+Vaya = Udayabbaya

Chữ Đức Phật thường dùng nhất là chữ Vaya, chữ này có nghĩa là 'tuổi tác', 'vô thường'. Nói đến đồ vật, con người là phải nói đến khía cạnh thời gian, thời gian ở đây chính là tuổi của người, của vật, mà tuổi chính là sự vô thường của vật đó. Đồ cổ là món mà đã trải qua bao nhiêu năm tháng, bao nhiêu thời gian. Nói tới một đứa bé thì việc đầu tiên mình sẽ nghĩ là thời gian từ bụng mẹ chui ra chưa bao lâu. Nói đây là người 'trung niên', thì nghĩ thời gian từ bụng mẹ đi ra tròm trèm bốn năm chục năm. Nói đến 'ông cụ bà lão' thì mình nghĩ đến người này sắp đi rồi đó. Tôi có thói quen hơi đặc biệt là bây giờ mỗi lần tôi đọc sách báo nghe nhắc đến nhân vật nào tôi đặc biệt lưu tâm, hoặc ghét hoặc thích, tôi hay để ý họ sống được bao lâu, chẳng hạn Nguyễn Bính, Nguyễn Du, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Khánh Ly... sống bao nhiêu tuổi, sinh năm bao nhiêu.

Đức Phật trả lời câu "cái gì làm cho ngày đêm biến mất"là dựa vào yếu tố con người, tuổi tác, khía cạnh thời gian. Muốn được gọi là già trẻ, lâu mau cũng phải dựa vào cái gì đó. Chỉ riêng câu này đã nói đến khía cạnh tục đế và chân đế, giả định giả tướng của thế giới.

Câu "Tuổi tác diệt ngày đêm" phải dịch lại hoặc hiểu khác đi là phải dựa vào chúng sinh, phải dựa vào danh sắc mới có khái niệm thời gian và chính tuổi tác của vạn vật mới làm cho người ta thấy ngày đêm trôi qua.

"Itthī malaṃ brahmacariyassa":"Nữ nhân uế phạm hạnh"

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật dạy rằng mặt trăng có năng lực của mặt trăng, mặt trời có năng lượng của mặt trời và phụ nữ có một năng lực mà ngay cả một vị đắc tứ thiền ngũ thông vẫn có thể bị nữ sắc chi phối. "Ta không thấy một hình ảnh một âm thanh mùi vị một sự xúc chạm nào trên đời này đối với nam giới tạo ảnh hưởng lớn như là năm trần từ phụ nữ", nghĩa là hình bóng âm thanh của người nữ, đối với người nam có ảnh hưởng rất lớn, và đối với đời sống phạm hạnh thì người nữ là một trở ngại.

'Malaṃ': 'rỉ sét' (teng), 'hoen rỉ' (stain), 'sự bất tịnh'.

Câu này hiểu theo một chiều cũng kẹt cho người nữ. "Itthī malaṃ brahmacariyassa" khi nói "người nữ bất tịnh cho phạm hạnh" thì bản thân người nam trong lòng phải như thế nào thì người nữ mới được xem là bất tịnh.

Theo chú giải:

"Itthī malanti sesaṃ bāhiramalaṃ bhasmakhārādīhi dhovitvā sakkā sodhetuṃ, mātugāmamalena duṭṭho pana na sakkā suddho nāma kātunti itthī ''mala''nti vuttā": Trên đời này những cái dơ bên ngoài (bāhiramalaṃ) do đất cát bụi bặm (bhasmakhārādīhi) có thể rửa cho sạch nhưng bất tịnh cấu uế có từ tình cảm nam nữ thì không cách chi làm sạch bằng nước được mà phải rửa bằng tâm. Vì vậy không thể đổ hết cho người nữ được.

Câu "Nữ nhân uế Phạm hạnh" phải được hiểu rằng trong tâm hồn của một người nam đang có mặt phiền não thì người nữ được xem là một thứ bất tịnh, cấu uế. Ai cũng muốn nhà cửa, quần áo, tay chân, chỗ mình có mặt được sạch, không ai muốn dơ hết. Cái dơ là điều mình không muốn. Ở đây người nữ được xem làm phạm hạnh bất tịnh nghĩa là làm cho phạm hạnh bị trục trặc, có vấn đề. Quí vị cũng đừng ngạc nhiên là vì sao trong câu kệ này có nhắc đến phụ nữ ở đây, đó là do căn tánh người hỏi.

Có hai vị tỳ kheo cãi nhau: Do có 6 căn không tu mình mới bị trói buộc. Vị kia nói: Do 6 trần, nếu không có 6 trần thì dựa vào đâu để có phiền não. Một cư sĩ tên Citta tình cờ nghe được xin góp ý: Con bò trắng cột con bò đen không đúng, con bò đen cột con bò trắng cũng không đúng, cái làm cho con bò trắng và đen dính nhau là sợi dây. Sáu căn sáu trần không lỗi, lỗi là do lòng tham ái. Ở đây cũng vậy, người nam không có lỗi gì hết và người nữ cũng không có lỗi gì hết, người nam không thể là cấu uế cho người nữ và người nữ cũng không phải cấu uế cho người nam nếu giữa hai bên không có sự can thiệp của phiền não.

“Cái gì diệt ngày đêm, Cái gì uế Phạm hạnh?

” phải dịch lại là “Khái niệm ngày đêm từ đâu mà có?

Cái gì làm cho phạm hạnh trở nên ô uế”.

“Cái gì tắm không nước?

”

Thế nào là tắm không nước?

Trên thế giới này có nhiều kiểu tắm: tắm khô, tắm ướt, tắm mát, tắm nóng. Tắm hơi nóng đối với người VN rất xa lạ, nhưng đó là cách trị bệnh rất hay. Bên Mỹ, bên châu Âu bán những cabin, mình vô đó ngồi một chút, hơi phun ra làm cho mình ướt đẫm như xông hơi. Mình bước ra ngoài có cảm giác như nhẹ đi mấy kí lô. Tắm khô là có những vùng cao ở VN, Tây Tạng, ở nơi ít nước, một năm họ chỉ tắm một vài lần, lấy khăn nhúng nước kỳ cọ, rồi xả khăn đó rồi lại lau tiếp. Tất cả những cách tắm này ít nhiều đều cần đến nước. Riêng đời sống phạm hạnh, đời sống tu tập, nếu cần cũng có thể gọi là tắm rửa, nghĩa là làm sạch đi đời sống bất tịnh, ở đây không cần nước, chỉ dùng thiện pháp trong tâm của mình để đối phó với ác pháp, bất thiện, bất tịnh trong tâm. Trong trường hợp này gọi là brahmacariyañca (phạm hạnh, giới định tuệ trong tâm của mình), làm cho mình sạch phiền não, không cần dùng nước. Cả ngày cho dù mình ngâm trong nước, ngồi trong buồng tắm hơi mà tâm mình cứ bất thiện thì mình vẫn cứ dơ. Nếu một ngày dù mình ngồi giữa đống bụi, lá khô, cỏ mục nhưng lòng mình có chánh niệm, từ tin, thiện pháp nói chung thì tâm mình thanh tịnh sạch sẽ.

NGƯỜI BẠN

9. Dutiyasutta

“Kiṃsu dutiyā purisassa”:“chúng sanh lấy gì làm bạn”.

“kiṃsu cenaṃ pasāsati”: “cái gì dạy dỗ chúng sinh”

Trong Pháp Cú có câu này:

Ārogyaparamā lābhā

santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ,

vissāsaparamā ñāti

nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ

“Ārogyaparamā lābhā”: Vô bịnh được xem là món lợi đắc, (‘lābhā’: ‘món lợi lộc’), món quà lớn nhất trên đời, khi mình đã bệnh hoạn rồi cái gì cũng không đáng kể hết. Chúng ta mới mua được nhà, xe, du thuyền, nhẫn kim cương, con cái chúng ta mới thi đậu đại học danh tiếng… tất cả những cái đó sẽ vô nghĩa nếu chúng ta đang bị một chứng bệnh nhẹ nhàng ruột thừa quặn quại, đau nhức răng, bụi vô mắt. Niềm vui gì đi nữa của mình cũng phải bắt đầu dựa trên một cơ thể khỏe mạnh chớ bịnh thì cái gì cũng vất đi hết. Vô bịnh gồm hai: vô bịnh trong tinh thần và vô bịnh trong thể xác. Vô bịnh trong tinh thần: không phiền não thì mới vui được với Niết bàn, thiền định, không âu lo.

“santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ”: tài sản lớn nhất trên đời này là sự tri túc. Người Mỹ có câu: Người giàu nhất không phải là người có mọi thứ mà là người có thể vui với mọi thứ. Cả hành tinh này gồm có vực thẳm, đại dương, sông ngòi, đồng cỏ, bông hoa… cái gì đối với hạng người này cũng làm cho họ được vui, an lạc, thoải mái hết. Đưa lên rừng, xuống đồng bằng, ăn chay, ăn mặn gì họ cũng sống được. Đó là người giàu nhất.

“vissāsaparamā ñāti”: Sự thân tình là bà con quyến thuộc tốt nhất. Vissāsā: sự thân thiện, dễ gần (friendliness). Ai từng lăn lóc phong trần mới thấy, bà con xa không bằng láng giềng gần là chỗ này. Khi mình là người dễ gần thì ở đâu cũng có bạn hết. Có những người bạn họ đối xử với mình như tình thân máu mủ. Bao nhiêu năm nay tôi sống toàn bộ là nhờ người dưng hết, cái máy tôi đang xài cũng là của người dưng. Những người ngồi ở đây nghe tôi nói cũng là người dưng, và tôi chịu mất thời gian cho quí vị, tôi cũng là người dưng. Sự thân tình mới làm cho người ta dễ gần với nhau, chớ mối quan hệ máu mủ chưa đủ đâu.

“nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ’: niềm hạnh phúc lớn nhất là Niết bàn

Tại sao tôi đem bài kệ nói ở đây, vì có liên hệ câu kệ thứ ba (sự thân tình là người bạn lớn nhất) cũng như trong câu kệ này: “Saddhā dutiyā purisassa”: niềm tin được xem là người bạn của chúng sinh; vì không có niềm tin thì không làm được gì hết. Muốn rửa mặt hay rửa tay cũng cần có niềm tin mới làm được, phải biết có nước sạch, có nhà tắm đang không có người…

“Cái gì giáo hóa người?

”, Muốn cho tiền người ta, mình phải có tiền; muốn dạy người ta mình phải có kiến thức, muốn giúp đỡ ai đó thì mình phải có sức khỏe, tiền bạc. Đức Phật là thầy của nhân thiên vì Ngài có cái để dạy cho người ta (trí tuệ). Trí tuệ là thầy của người. Trí có ba loại văn, tư, tu. Trí văn là những gì mình nghe được, đọc được từ người khác; trí tư là những gì có được từ khả năng thẩm thía tiêu hóa của mình; trí tu là những gì có được từ sự tu tập Chỉ và Quán. Văn tư tu đều là ba nguồn để có trí tuệ. Tối thiểu phải có được một trong ba loại trí này thì mình mới có thể giúp cho người khác được, nếu không thì không cách chi hướng dẫn người khác được, vì vậy trí tuệ được gọi là người thầy của chúng sanh.

Bài kệ này chỉ có ba câu hỏi.

“Kissa cābhiratomacco, sabbadukkhā pamuccatī’’ti.”, “Cái gì người ái lạc, giải thoát mọi khổ đau?

‘Ābhirata’: ‘sự thích thú’, ‘vui thích’

‘Macco’: ‘chúng sinh’

Trong bài kệ trước, tham ái được xem là sự lầm đường, ai cũng muốn trốn khổ tìm vui, nhưng mình còn để tham ái sai sử mình thì đó là sự lầm đường. Cái thích nào cũng là tai họa, nhưng riêng có một cái thích làm cho mình giải thoát sinh tử, được an lạc, đó là cái thích trong Niết bàn. “Nibbānābhirato macco, sabbadukkhā pamuccatī’’ti”. Quí vị có biết 10 pháp tùy niệm[2]không, trong đó có niệm Niết bàn (Upasama), đây là những đề mục dành cho người có khuynh hướng ngộ tánh. Phật tử VN có một bất hạnh rất lớn, không biết có phải vì cái nghiệp mình diệt chủng người Chàm, chiếm đất, người Chân Lạp nên mình bị lời nguyền kinh hoàng. Những gì hay ho - từ chính trị đến tôn giáo - trên thế giới này thì không dính vào mình nhưng cái gì là rác thì đổ hết cho mình. Mỹ Pháp đi để lại cho mình những thứ như nhảy đầm, nghiện thuốc lá, uống rượu. Ngay cả chuyện thanh niên mình ngồi uống cà phê (phin) mấy tiếng đồng hồ cũng của Tây để lại; ngồi uống cà phê tán dóc mấy tiếng đồng hồ. Mình là một trong những dân tộc uống bia rượu nhiều nhất thế giới cũng là do tụi Âu Mỹ đem qua cho mình. Bên Mỹ, chuyện hút thuốc ít vô cùng, những chuyện bạo lực do bia rượu thì chỉ có tụi da đen. Về xã hội thì mình thầu cái rác của nhân loại, còn về chính trị thì mình thờ những học thuyết không ra gì. Về tôn giáo thì những giáo lý cực hay thì không biết, mà cứ thờ vãng sanh thần chú… Bên Nam Tông thì cứ niệm Phật niệm Pháp cứ Buddho Buddho, Arahaṃ Arahaṃ cứ như người ta đọc bùa. Nếu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Niết bàn … đúng

như Thanh tịnh đạo thì hay vô cùng. Khi mình niệm Thế Tôn thì phải hiểu chữ Bhagava nghĩa là gì, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự … nghĩa là gì, tại sao pháp được gọi là khéo thuyết, tại sao pháp nghĩa là phải tự mình chứng ngộ, tại sao giáo pháp có khả năng hướng thượng, tại sao pháp phải là là do người trí tự mình hiểu ra vv..

Tại sao thích Niết bàn được xem là giải thoát các khổ?

Niết bàn độc đáo như vầy: Có một bà cư sĩ tên là Suppavasa bệnh nặng dữ lắm. Chồng bà là ông hoàng Koliya, đi vào lễ Phật cúng dường. Đức Phật hỏi theo cách có lòng muốn tế độ: Suppavasa hôm nay sao không đi vào chùa, có an lạc không?

Ông hoàng Koliya nói: Suppavasa hôm nay bệnh nặng lắm, nhờ con thay mặt đảnh lễ Thế Tôn. Đức Phật dạy ông hoàng Koliya về nói với Suppavasa là trong cơn đau cứ niệm thế này: "Đức Thế Tôn là người đã chứng ngộ thánh trí. Thánh trí đó có công năng chấm dứt những nỗi đau thế này. Người như Thế Tôn không còn tiếp tục bị những nỗi đau như vầy trong cõi luân hồi nữa. Giáo pháp của Thế Tôn là con đường chấm dứt nỗi đau như thế này. Tăng chúng Thế Tôn là con đường chấm dứt nỗi đau như thế này. Niết Bàn là sự vắng mặt toàn bộ những nỗi đau như thế này". Phải nói là mình không được hướng dẫn nhiều chớ đúng ra niệm Niết bàn hay vô cùng. Khi mình giận quá, sợ quá, chán đời quá, mình chỉ cần nhớ: sự chấm dứt danh sắc không còn tái sanh nữa thì những thứ này không còn nữa, tội khổ trầm luân không còn nữa, nóng lạnh đói khát các thứ bịnh trầm kha, già yếu, cô đơn, lạnh lẽo, nguy hiểm… không còn nữa khi danh sắc không còn nữa. Tất cả nỗi khổ trầm luân trên đời này đều là sự quẩn quanh trong ba cõi, mà cõi sống lâu nhất là 84 ngàn đại kiếp. Địa ngục sống lâu nhất là địa ngục Không Gian (Lokantarika Niraya), cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng 84 ngàn đại kiếp, những nỗi khổ trầm luân đều gói gọn trong khái niệm thời gian, còn Niết bàn là sự nằm ngoài không gian và thời gian. Chỉ nghĩ bao nhiêu đó thôi thì thấy vui thích. Muốn chấm dứt sanh tử phải có tu tập, nhưng tu tập phải có từ sự nhàm chán sanh tử, phải biết nó như thế nào mới chán. Những người muốn Niết bàn phải là người thật sự sợ sinh tử, mình không phải là Đế Thích, Phạm Thiên mình vẫn sợ sinh tử, Đế Thích, Phạm Thiên sống hết tuổi thọ rồi cũng trở xuống. Đức Phật không phủ nhận hạnh phúc trên đời này, Ngài thừa nhận có thọ khổ, có thọ lạc, có hạnh phúc, có nỗi đau nhưng không có cái nào bền, chỉ có sự chấm dứt hẳn hoi mọi thứ khổ lạc thì mới yên. Niết bàn là sự vắng mặt tuyệt đối của danh, sắc, khổ, lạc và không bị giới hạn trong không gian và thời gian nữa.

Những gì chúng ta thấy là sự hấp dẫn của đời sống, giựt mình nhìn lại thì thấy cơ hội thưởng thức không còn bao lâu, rất là mong manh. Lúc mình còn đi đứng ngon lành sinh hoạt thoải mái thì còn nghĩ vợ chồng con cái chớ khi nằm liệt giường tiêu tiểu tại chỗ thì con cái vợ chồng sẽ không giống như trước nữa. Có những đám tang không có người khóc, có khi do người chết trước đây có nhiều tật xấu, hoặc do họ sống lâu rồi nên có chuẩn bị tâm lý, hoặc do người chết trước đây đày ải người khác quá. "Cửu bệnh tiền sàng vô hiếu tử". Thấy ngán sinh tử như vậy mình mới cầu Niết bàn, trong các niềm vui thì chỉ có Niết bàn mới hết khổ. Thích Niết bàn cũng là thích sự chấm dứt danh sắc chớ không phải tiếp tục trong hình hài nào khác. Còn có danh sắc thì còn vô thường, danh sắc biến diệt không ngừng, và theo luật phủ định, cái trước được thay thế bằng cái sau, cho nên chữ 'dukkha' nghĩa đơn giản là "khổ", chứ còn định nghĩa rốt ráo theo tinh thần của thiền quán, Tứ Niệm Xứ là "pīḷita"(sự thúc ép), xem trong bộ Vô Ngại Giải Đạo, Patisambhidamagga;

'vô ngã': 'asara' (không cốt lõi, giống như măng tre, bẹ chuối, bông artichaut)

'vô thường': 'viparinama' (luôn luôn trong tình trạng bị phân hủy tan rã, dissolving).

Chúng ta luôn luôn trong tình trạng trở thành một cái gì đó. 'Bhuta': becoming.

Khổ = Pilita: sự thúc ép. Dầu muốn dầu không thì danh sắc vẫn cứ bị đẩy về phía trước, tâm pháp phải luôn luôn tồn tại trong từng sát na, không thể kéo dài hơn; dầu muốn dầu không thì sát-na trước phải bị thay thế bằng sát-na sau, dầu muốn dầu không thì sau vui là buồn, sau buồn là khổ, sau khổ là lạc …vv (luôn bị đẩy về phía trước, pressure). Khổ, hiểu cho rốt ráo, không còn dính líu gì với cảm thọ nữa mà là thúc ép, đè nén. Nghĩ tới những điều này mới nhàm chán sợ hãi trong sinh tử, và từ đó cái thích, vui thú trong Niết bàn mới dẫn đến sự thoát khổ.

Những bài kệ sáng nay là những bài kệ rất sâu, nhưng sâu là do mình, nếu không học Phật pháp chỉ đọc lớt phớt trên mặt giấy thì dầu cho Đức Phật có ngồi trước mặt cũng không học được cái gì. Cái lợi của học Phật pháp là nhìn kinh này thấy ra kinh khác. Phật pháp là chuỗi hệ thống, độc đáo là năm Ngài mới thành đạo đến năm Ngài Niết bàn không có sự mâu thuẫn. Đêm Thế Tôn thành đạo Ngài hiểu gì thấy gì chứng ngộ cái gì thì đến lúc Niết bàn mọi thứ cũng như vậy. Đối với phàm phu thì đó là sự dậm chân tại chỗ không có phát triển hoặc rút kinh nghiệm, nhưng đối với vị Chánh Đẳng Giác thì không có chuyện rút kinh nghiệm. Nhất thiết trí, khả năng hiểu hết mọi thứ xuất hiện cùng lúc với tâm Tứ

quả của Ngài, khi tâm Tứ quả vừa xuất hiện lập tức Ngài có khả năng sabbaññutabiết hết mọi thứ, biết một lần thôi, và từ đó về sau không có rút kinh nghiệm, không có thay đổi.

THI NHÂN

Kavisutta

Bài kệ này mình không biết Phật pháp thì thấy nó giống như câu kệ ngoài đời chứ không liên quan gì Phật pháp. Nếu nhìn bản tiếng Việt thì thấy không liên quan gì chuyện tu hành.

"Người Thi Sĩ

- Vật gì nhân kệ tụng?

Vật gì làm tự cú?

Vật gì kệ y cứ?

Vật gì kệ an trú?

- Âm vận nhân kệ tụng,

Văn tự làm tự cú,

Kệ ý cứ đề danh,

Kệ an trú thi nhân."

Trước khi giải thích, phải dịch gọn lại như sau: Từ đâu có chữ nghĩa. Từ đâu có thi ca. Ai sống ở đời sống dựa vào những thứ đó?

Thi ca đi ra từ những vần điệu, chữ nghĩa đi ra từ sự lắp ghép của ngôn từ, chữ cái và âm tiết. Thi nhân, văn sĩ là những người sống trong thế giới của những thứ đó.

Cách đây hăm mấy năm về trước tôi có dịch một cuốn sách Biện Giải Tâm Pháp (nói về lộ tâm), quyển này sau đó được các tác giả, soạn giả trong nước tận dụng khai thác triệt để và đặc biệt không hề nhắc đến tên Em. Và coi như Em bị mất cuốn sách này luôn. Quyển của tôi được đánh máy trước khi ngài Thanh Từ về nước. Cuốn thứ hai là Pháp Hành Thiền Tuệ, của ngài Hộ Pháp. Hai cuốn này

cho mình biết rằng khi mắt tai mũi lưỡi thân của mình - nói chung là ngũ song thức - biết cảnh trần, nó không phải biết một cách nghèo nàn đơn giản như từ xưa đến giờ mình đã học. Nghĩa là mình cứ học nhãn thức bắt cảnh sắc, biết đó là cái ly, cái tô, tham hay là sân… không phải như vậy, nó phải trải qua bao nhiêu lộ tâm, trải qua bao nhiêu cái gọi là diễn biến tâm thức: atitaggahana vithi, attha vithi, samuhana vithi, nama vithi (vitthi: process of the mind, tiến trình tâm thức). Khi mình nhìn thấy vật gì đó thì có lộ tâm nhãn thức chụp hình, cái thấy của nhãn thức chưa cho mình biết đó là cái gì, mấy lộ tâm tiếp theo, samuhana vithi thu gom cảnh (vuông, tròn dài, ngắn, xanh, vàng, tím, góc cạnh, hình thù ra làm sao), những lộ tâm sau cho mình biết cái này là cái gì, tên nó là gì, tác dụng của nó là gì; và khi mình nghe âm thanh cũng vậy. Quí vị tìm đọc cuốn Triết Học A Tỳ Đàm của tôi, trong đó có nói kỹ về lộ tâm này, khi con mắt, lỗ tai của mình nhìn thấy nghe thấy cái gì đó thì phải trải qua những diễn biến tâm thức như vậy, khi đó mới thấy cái biết của mình là sự lắp ráp của nhiều thứ.

Khi nghe từ ‘lao xao’ thì người VN thì viết ‘lao xao’, người Mỹ viết ‘loud sound’; nghe từ ‘ai’, thì người Việt viết ‘ai’, người Mỹ viết ‘I’, khi âm thanh vô tai thì nó phân tích ra. Chữ ‘dung’ trong tiếng Việt rất hay, nhưng trong tiếng Mỹ hay tiếng Đức nghĩa rất dở. Tiếng Việt chữ ‘loan’ rất hay nhưng tiếng Mỹ nghĩa là ‘nợ nần’. Chữ ‘sang’ trong tiếng Việt thì hay nhưng trong tiếng Pháp nghĩa là ‘máu’. Nhãn thức, nhĩ thức chỉ ghi hình ảnh, khi nó chuyển vào trong thì được dịch ra đa dạng kiểu.

Khi người VN nghe chữ ‘ai’ thì cứ nghĩ đến một chữ gồm chữ a và chữ i. Khi viết bằng tay thì chữ a là sự kết hợp của hai đường cong, và chữ i là sự kết hợp của một đường thẳng có dấu chấm bên trên, đó là sự lắp ráp. Bản thân chữ ‘a’ là sự lắp ráp, chữ ‘i’ cũng là sự lắp ráp, hai chữ đó cộng lại thành chữ ‘ai’ cũng là lắp ráp. Nghe cùng một chữ ‘ai’ nhưng tùy chỗ mà hiểu, ví dụ: “ai khổ vì ai” thì hiểu ‘ai’ là người nào đó, ‘bi ai’ thì hiểu là buồn khổ. “Hôm qua, qua nói qua qua, mà qua không qua”, “vợ cả vợ hai cả hai đều là vợ cả”, cùng một chữ “qua”, “cả” nhĩ thức nghe giống nhau mà vô lộ tâm thì phân tích khác nhau.

Bài kệ này sâu ở chỗ là bản thân lục trần là đồ lắp ráp. Bài kệ này nói về thinh trần nhưng đủ để đại diện tiêu biểu cho các trần còn lại. Khi nghe một mùi gì đó mình tha hồ diễn dịch, ví dụ mùi Chanel No.5 chẳng hạn, chỉ một mình cái bà nhiều chuyện mình ghét xài cái mùi này ở đây; trước ngày mình ghét bả thì mùi này ok, nhưng từ khi mình ghét bả thì mỗi lần nghe cái mùi này là mình không còn nghĩ đây là mùi thơm mà nghĩ đây là mùi của cái bà thấy ghét. Vị cũng vậy,

mỗi lần mình ăn món gì mẹ từng nấu thì lại nhớ mẹ. Tôi nhớ có lần tôi đi đám tang ở Louisana, tôi đi đám tang nghe khóc cũng nhiều nhưng lần đó tôi thấy nghẹn. Có cô gái khoảng 15,17 đứng trước quan tài của bà ngoại trước khi đẩy vào lò thiêu, cổ chồm theo và nói một câu mà tôi thấy cả rừng người chết điếng "Ngoại ơi, ngoại đi rồi mai mốt con về ai chiên cơm cho con ăn". Bên Mỹ người ta bỏ cơm nguội, chỉ có người VN thì mới chiên cơm, đây là những món đặc sản quốc hồn quốc túy của VN, copyright by Viet Nam. Thế hệ ở Mỹ chỉ còn sót lại thế hệ lớn tuổi, vài ba thế hệ sau thì người Việt ở Mỹ không biết cơm chiên từ cơm nguội cũ. Cô gái nói như vậy nghĩa là từ nay về sau mỗi lần cô gái này nghe mùi cơm chiên hay ăn cơm chiên sẽ nhớ tới ngoại là vậy đó.

Bài kệ này sâu ở chỗ nào?

Thi ca đi ra từ vần điệu, chữ nghĩa đi ra từ âm tiết và ai là người sống chết với những thứ này, đó chính là thi nhân, văn sĩ. Họ là tiêu biểu cho chúng sinh còn lại. Toàn bộ thế giới này, ở lĩnh vực nào, thiên hạ cũng sống bằng những thứ lắp ráp, giả định, giả lập, giả tạo và ảo tưởng như vậy hết. Cũng những câu chữ này ngày mới quen nhau mình dùng để tán tỉnh nhau, làm thơ tình tặng nhau, nói cho nhau vui, về sau cũng những câu chữ này mình dùng để viết giấy ly hôn, giày vò, hành hạ nhau.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng

[1] Sagāthāvaggaṭīkā

[2] Niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên, Sự Chết, 4 đại, Vật thực, Niết bàn, màu trắng, ánh sáng.

Bài giảng ngày 19-7-2014 VII. PHẨM THẮNG DANH Nāmasutta

Trong chú giải lẫn chánh kinh xác định một chuyện, mọi thứ ở đời này không có gì qua được tên gọi. Ở đây có những chữ cần chú ý:

‘kitti’: ‘danh xưng’, ‘chức danh’ (tittle). (Ví dụ: vua, linh mục, hòa thượng, bác sĩ)

‘Nāma’ = name: ‘tên gọi’. (Ví dụ: Lê Văn Tèo, Nguyễn Văn Tý). nāmena: tên gọi.

‘opapātikena’, ‘opapātika’: ‘hóa sinh’.

Trong trường hợp này chữ ‘opapātika’không còn có nghĩa là ‘hóa sinh’ mà là ‘bẩm sinh’, hoặc ‘tự nhiên’. Theo trong chú giải, tên gọi của một thứ sự vật nào đó trên đời có hai cách gọi:

1. Dựa vào bản chất tự nhiên, bẩm sinh của sự vật. Ví dụ rắn ba khoang, xe ba bánh

2. Gọi tên theo sự áp đặt: gọi theo danh xưng, chức danh (kitti) hoặc tên gọi (nāma). Ví dụ sanh ra đứa bé không biết lớn lên nó giỏi hay dở, mặt mũi ra sao, cứ con gái thì lựa đặt tên mềm như Lan, Hoa, hoặc con trai đặt tên cứng Hùng, Dũng.

Vật gì thắng tất cả?

Vật gì không số hơn?

Và có một pháp nào,

Mọi vật đều tùy thuộc?

Danh vượt thắng tất cả,

Danh không số nào hơn,

Chính danh là một pháp,

Mọi vật đều tùy thuộc

Bài kinh này chỉ nhìn mặt chữ thì không có gì để nói, chiều sâu của bài kinh này nói về bản chất phù phiếm, tương đối, của thế giới chúng ta đang có mặt.

Đoạn chú giải ở đây: Đoạn chú giải ở đây: Đoạn chú giải ở đây: "Opapātikenavā hi kittimena vā nāmena mutto satto vā saṅkhāro vā natthi" được dịch như thế này: Không có sự vật (saṅkhāro = pháp hành, pháp hữu vi) nào trên đời này kể cả chúng sinh mà không có tên gọi (nāmena mutto), dầu là dựa vào bản chất bẩm sinh (opapātikena) hoặc đặt tên do sự áp đặt (kittimena).

Ví dụ chuyện nóng nhất, ngày 17 tháng 7 vừa qua có chiếc máy bay của Malaysia Airlines bị bắn rơi ở Ukraine. Chỉ đọc cái tên thôi là ghét rồi, cách đây mấy tháng cũng hãng hàng không này bị mất tích một chiếc gần 300 người, lần này mất thêm một chiếc nữa. Chỉ vì cái tên gọi Malaysia Airlines mà làm cho mình bực, sao cái hãng này cứ làm chết người.

"Yassapi hi rukkhassa vā pāsāṇassa vā ''idaṃ nāma nāma''nti na jānanti, anāmakotveva tassa nāmaṃ hoti": Dầu cho một hòn đá hay cội cây không có tên gọi đi nữa, tối thiểu nó cũng được gọi tên là 'vô danh'. Tự thân cái vô danh đó cũng là tên gọi. Giống như những bài không tên của Vũ Thành An, dù không có tên nhưng cũng có tên.

'anāmaka': 'vô danh', 'không tên', 'khuyết danh'

Nhìn vào căn tánh của người hỏi, Đức Phật cho người này thấy ra một khía cạnh của thế giới này: Trong đời sống này, chúng ta sống trong lớp phấn son, vẻ bề ngoài. Hôm trước tôi có nói khi con mắt, lỗ tai của mình thấy nghe cái gì đó, lúc mới thấy nghe thì chỉ chụp hình thôi, nhưng sau đó tiềm thức chúng ta định hình nó, định danh nó gọi là gì, dù không biết nó là cái gì thì cũng liên tưởng đến cái gì đó tương tự, và có cách gọi tên cho nó.

"Vật gì thắng tất cả?

Vật gì không số hơn?

Và có một pháp nào, Mọi vật đều tùy thuộc" dịch lại là "Cái gì nằm trên tất cả và chỉ vậy thôi không gì khác?

Và cái gì trên đời này bao trùm lên mọi sự?

" Câu trả lời của Đức Phật: Chỉ là cái tên gọi thôi.

VN có câu: "Một miếng ngoài làng hơn một sàng xó bếp" nghĩa là một miếng ăn giữa bá quan văn võ thì vinh dự lắm, về nhà ăn một mình dù có thịnh soạn mấy cũng không có gì đặc biệt. Bản chất của đời sống chỉ là tên gọi, cũng con người đó nhưng dựa vào nhiều yếu tố xã hội mà người ta gọi là ông này, bà nọ, phẩm vị của họ khác liền.

Với câu trả lời của Đức Phật, người hỏi chỉ nghe chừng đó đã ngộ đạo, còn chúng ta thì liếc qua bài kinh chẳng thấy gì hết, giống như người nhà quê nhìn viên kim cương chưa mài dũa chẳng khác nào một viên đá trong suốt. Mai này viên kim cương có được mài dũa thì người nhà quê cũng chỉ thấy giống như viên thủy tinh lấp lánh. Chỉ có người am hiểu thì mới biết cái viên thủy tinh nhỏ bằng cái trứng cút đó đủ thay đổi cuộc đời của mình và những người thân. Kinh điển cũng vậy, khi chưa được giải thích chúng ta thấy mù mờ, khi nghe giải thích thì một số ý nghĩa bừng sáng hơn, nhưng không đủ ngộ tánh thì cũng không thấy ý nghĩa gì hết, nhưng riêng người nghe ở đây họ ngộ đạo vì thấy ra những gì nằm sau lời giải thích đó: bản chất thế giới chỉ là cái tên gọi, và từ tên gọi đó mới dẫn đến sự tương tranh, giành giựt; và vinh nhục ở đời cũng chỉ là cái tên mà thôi.

Hôm nay tôi không nói nhiều vì một tuần chỉ còn học có mấy ngày nên một bài kinh chỉ nói ít thôi. Với tình hình như thế này có lẽ là mỗi bài kinh tôi không giảng nữa. Tôi chỉ chú thích từ khó rồi quí vị tự đọc thêm, cái khó là những gì nó nằm hết ở chỗ nãy giờ tôi giải thích, là cái quí vị không tự nghĩ ra được.

TÂM

Cittasutta

Theo chú giải, trong trường hợp bài kinh Danh vừa rồi, khi người ta hỏi cái gì bao trùm lên ở đời thì Đức Phật trả lời là cái tên gọi, nhưng ở trường hợp khác, thì Đức Phật trả lời khác. Trong câu kệ này, với đối tượng khác, Đức Phật trả lời: chính cái tâm là tất cả. Xem lại câu Pháp Cú 1,2

"Tâm dẫn đầu các pháp

Tâm làm chủ tâm tạo."

Cũng công việc đó mà làm bằng tâm bất thiện, thì gọi là việc bất thiện, mà làm bằng tâm thiện thì gọi là việc thiện. Ví dụ, nói ra hơi kỳ nhưng người châu Á thích xả rác, cái gì ăn không nổi thì đổ bỏ, có người nói là phí của, có người nói là xả rác. Nhưng có trường hợp biết là không ăn được nữa, mình kiếm chỗ đàng hoàng để cho chim chuột ăn. Như vậy trường hợp đầu thì gọi là xả rác, đem lại sự dơ bẩn cho môi trường xung quanh, còn trường hợp sau chính là công đức. Có người quét nhà nhưng lùa rác vào một góc, vì họ không muốn hốt, chỉ nghĩ là lùa ra khỏi chỗ của mình cho khuất mắt, nhưng cũng động tác đó, người thứ hai lùa vào một chỗ với ý nghĩ lát nữa sẽ hốt thì trong trường hợp đó việc lùa rác của người thứ nhất là bất thiện, người thứ hai là thiện.

Người phàm phu có hai bất lực: (1) Danh sắc luôn vô thường ngoài ý muốn của chúng sinh. (2) Phàm phu bó tay trước phiền não của mình, trước cám dỗ hay thử thách.

"Vật gì dắt dẫn đời?

". Chúng sanh ở đời đều bị tâm dắt dẫn. Phàm phu bị hai thứ, dầu muốn dầu không thì tâm sinh diệt, đó là bất lực thứ nhất, và bất lực thứ hai là khi gặp cảnh ngọt ngào chúng ta không thể kiềm chế đè nén vượt hẳn được tâm tham của mình, và khi gặp cái gì đắng cay hay bất mãn, chúng ta không thể kiềm chế hay vượt thắng được tâm sân của mình. Ví dụ khi mình thích bóp đầm, phấn son, giày dép… đi đâu liếc mắt nhìn thấy chúng là có cảm giác rạo rực liền, nếu không có tiền thì cũng nhìn một cách ao ước mộng mơ, nếu có tiền thì mua liền, chịu không nổi. Dầu muốn dầu không thì niềm vui nào cũng qua đi, nỗi sợ hãi hay tức giận nào cũng qua đi, phàm phu bị bất lực trong cả hai trường hợp phiền não và Tam tướng. Thánh nhân chỉ bất lực trước Tam tướng. Ngay cả một vị Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thể nào kiềm hãm được sự sanh diệt, sự vô thường của danh sắc. Tuổi già đến thì vẫn phải già, Ngài có thể dùng thần thông để hóa hiện ra thân khác, nhưng chỉ để người ta thấy thôi, chứ sống đến một cái tuổi nào đó bắt buộc Ngài phải ra đi. Đâu có ai trên đời này là thánh nhân mà muốn sống đời đời đâu, và có muốn cũng không được, không có thần thông nào chống lại được cái chết hết. Trong câu kệ này mình học thêm một chi tiết nữa, đó là: "Na hi pariññātakkhandhā pahīnakilesā cittassa vasaṃ gacchanti, taṃ attano vase vattenti": Với người đã hiểu biết năm uẩn, diệt trừ phiền não, bản thân họ được sự tự tại, với người không hiểu biết uẩn xứ giới, chưa chấm dứt phiền não thì họ sẽ tiếp tục chìm sâu trong sự chi phối, tác động, ảnh hưởng của phiền não.

Câu kệ này được hiểu: Mọi vật ở đời này bị tâm dắt dẫn. Theo A-tỳ-đàm, vạn vật ở đời do bốn nhân tạo: nghiệp, tâm, thiên nhiên, dưỡng tố. Nghiệp là do tiền nghiệp của mình thiện hay ác, có những thứ do nghiệp tạo ra, có những thứ do tâm tạo ra. Những động tác đi đứng nằm ngồi là do tâm tạo ra; ngoài do thiên nhiên, núi cây, sông rạch tạo ra còn do nguồn tiếp liệu dưỡng tố mình cung cấp; mình sống trong điều kiện nhân tạo và điều kiện thiên nhiên rất tốt nhưng mình không chịu ăn uống thực phẩm hợp lý, đầy đủ, đúng cách thì mình cũng không khỏe được. Nghiệp cũng là tâm, gọi là do quá khứ tạo ra thì cũng là do tâm thiện hay tâm bất thiện đời trước. Tâm là tất cả, "tâm dẫn đầu các pháp".

KHÁT ÁI

Taṇhāsutta

63. Vật gì dẫn dắt đời?

Vật gì tự não hại?

Và có một pháp nào,

Mọi vật đều tùy thuộc?

Chính ái là một đời,

Chính ái tự não hại,

Chính ái là một pháp,

Mọi vật đều tùy thuộc

Một vấn đề, tùy vào căn cơ người nghe, tùy lúc mà Đức Phật giải thích như thế nào. Thế giới này được dắt dẫn bởi tham ái, 3 hành. Một lần vua Pasenadi hỏi ngài Ānanda: Đức Thế Tôn kêu gọi chúng ta tu hành để diệt bỏ lòng tham muốn, phải vậy không?

Ānanda trả lời: đúng. Vua hỏi tiếp: Đối với người tu hành, muốn tu tập phạm hạnh, muốn tu tập giới định tuệ phải là tham muốn hay không?

Ngài Ānanda trả lời: Hễ còn muốn là còn có lòng tham. Vua hỏi: Vậy hiểu làm sao, tu để diệt dục mà ngay cả đường tu cũng là dục. Ngài Ānanda nói: Trước khi đại vương tới khu vườn này thì có cái muốn, nhưng khi tới đây thì cái muốn đã chấm dứt. Khi mình còn là phàm phu, hầu như việc thiện nào của mình cũng có ái tác động ít nhiều gián tiếp hay trực tiếp. Muốn có hai: tham dục hoặc pháp dục. Hồi nào mình còn chưa biết Phật pháp, giáo lý, mình chỉ có cái muốn tham dục: muốn hưởng thụ (nhìn cái gì đó đẹp, nghe cái gì đó hay, ngửi mùi thơm, muốn chăn êm nệm ấm), muốn tồn tại. Khi mình biết được Phật pháp mình muốn cái pháp dục: muốn trở thành người có giới hạnh, giới luật mình trong sạch, muốn kiến thức Phật pháp mình được nhiều, muốn công phu thiền định của mình được tiến triển. Trong bài kinh này Đức Phật nói tham ái là gốc cho mọi thứ là Ngài muốn nói đến cái 'tham dục', nói theo ngôn ngữ ngoài đời là 'muốn'. Muốn có hai loại: muốn đi ra hay muốn đi vào. Trong một bài giảng tôi có nói, toàn bộ thế giới này, từ một vị Phạm thiên, vị thánh đến kẻ phàm phu hay xuống thấp như con ruồi, muỗi, giun dế, tất cả mọi chúng sanh đều chỉ trên hai con đường: con đường đi ra và con đường đi vào.

'Ācaya-gāmino': sống hoặc hành động hoặc tồn tại trong hướng đi quẩn quanh của dòng luân hồi.

'Apacaya-gāmino': Đang có mặt, đang hành động theo đường hướng thoát khỏi sanh tử.

Trong bài kinh này Đức Phật nói là tham ái là gốc dắt dẫn hết mọi loài, ở đây phải hiểu ngầm rằng trong loài nào còn tham ái, phàm phu mà thôi. Câu kệ này rất sâu, mỗi ngày cho dầu mình là hành giả hay không phải hành giả, chỉ là Phật tử học giáo lý suông cho biết thôi cũng phải luôn luôn sống trong nhận thức rõ ràng là mình thích cái gì bởi vì con người của mình chính là những gì mình thích, you are what you think of. Mình nghĩ cái gì nhiều nhất, muốn cái gì nhất, tha thiết với cái gì nhất, đó là con người của mình, đó chính là tên gọi khác của tham ái. Thay vì ngồi nhìn cuốn kinh mênh mông không biết trong đó nói cái gì, trước mắt, việc quan trọng nhất phải làm là mỗi ngày, nếu được thì mỗi giờ, để ý xem lúc này mình đang sống nặng về cái gì, bởi đó chính là mặt mũi của mình, định phận của mình trong kiếp sau. Bất cứ chỗ nào mình đi đứng nằm ngồi mà sống trong nhận thức rõ ràng về bản chất vô thường khổ vô ngã của vạn hữu, thì chỗ

đứng chỗ nằm chỗ ngồi đó là trụ xứ của thánh nhân. Chỗ nào đi đứng nằm ngồi sinh hoạt tồn tại bằng bốn tâm từ, bi, hỷ, xả thì chỗ đó là trụ xứ của Phạm Thiên. Chỗ nào sống bằng tâm tham sân si chỗ đó chính là lồng chậu chuồng cũi của loài bàng sanh. Dù cái giường tám ngàn đô la, trang trí nội thất mười lăm ngàn đô la nhưng sống trong căn phòng đó bằng tâm tham sân si thì căn phòng đó thành chuồng heo chuồng bò chuồng ngựa. Người không học đạo sẽ không tin được chuyện tham sân si của mình cũng y hệt tham sân si của bàng sanh súc vật. Con trâu con bò không có hiểu biết về văn hóa loài người, không biết văn minh nghệ thuật, nó chỉ biết cái gì ăn ngon, chỗ nằm ấm hay lạnh, mình chỉ hơn con bò con trâu một chỗ là biết cái này là đẹp, cái này là nghệ thuật của Nhật, của Mỹ, nhưng cuối cùng thì mình chìm đắm trong cái gọi là văn minh Nhật, Mỹ đó, trong khi con bò con trâu nó chỉ biết êm ái, nóng lạnh, khó chịu, ngứa… nhưng suy cho cùng đó vẫn là tham là sân là si. Mình sống trong tâm trạng nào thì có nghĩa là tạm thời mình đang có mặt trong cảnh giới đó không cần phải chết rồi mới đọa địa ngục, không cần phải chết rồi mới sanh làm loài bàng sanh. Trước mắt sống với tâm trạng của loài nào nhiều nhất thì tạm thời trong thời điểm đó mình đã có mặt trong cảnh giới đó rồi (Tăng Chi Bộ kinh, phần 3 chi). Học cho đã mênh mông hà xứ mà không để ý những pháp môn tu tập mỗi ngày thì cũng bằng thừa. Phải để ý lúc này, năm này, tháng này, tuần này, ngày này, trong giây phút này mình sống ra làm sao; mình năm nay so với năm ngoái ra sao, mình tháng này so với tháng trước ra làm sao, hôm nay so với hôm qua ra làm sao, giờ này với giờ trước ra làm sao, mình đang chìm sâu trong cảnh giới nào, nếu thường xuyên để ý như vậy thì khi lâm chung thì mới có thể hy vọng đi về cảnh giới tương đối kha khá một chút, còn sống không có ý thức, không phản tỉnh, không nhìn lại thì bấp bênh lắm.

Có ông vua lúc rảnh rỗi việc triều chính lên thăm sư phụ - một hòa thượng sống trên núi. Ông hỏi sư phụ ba câu hỏi: 1/ Trên đời này chuyện gì quan trọng nhất. 2/ Thời điểm nào tốt nhất để thực hiện việc đó. 3/ Đối tượng nào xứng đáng để mình thực hiện công việc đó. Sư phụ nói: Từ từ, bệ hạ cứ ở đây vài bữa thì sẽ có câu trả lời. Bữa đó hai thầy trò ra sau núi nghe tiếng rên, nhìn thấy một người mình đầy máu, hai thầy trò đem nạn nhân đó vào chùa chăm sóc. Vua hỏi người đó làm sao mà ra nông nỗi vậy. Anh ta sợ hãi ngần ngại không trả lời, vua hỏi mãi, anh ta mới trả lời: Cha tôi là một danh tướng bị vua xử oan chặt đầu, tôi hận vua, nghe đồn vua lên chùa học đạo nên tìm giết để trả thù cho cha. Vua nghe hết hồn. Hòa thượng thì nói: Tùy bệ hạ, muốn giết người ấy hoặc tha thì tùy. Vua chăm sóc người bị thương đó rồi thả đi. Thời gian sau đã đến lúc hồi cung, vua

hỏi lại ba câu hỏi. Hòa thượng trả lời: Bệ hạ tự trả lời rồi. Việc quan trọng nhất trên đời này là việc thiện ngay trước mắt mình. Thời điểm tốt nhất để thực hiện việc đó chính là thời điểm hiện tại, nếu bây giờ không chịu làm thì để lúc nào nữa. Đối tượng xứng đáng nhất để thực hiện việc đó là đối tượng ngay trước mắt mình. Mình muốn bố thí thì coi trong tầm nhìn của mình ai là người cần nhất, và ngay bây giờ mình có thể giúp được thì mình giúp cho người đó. Vua cũng chưa hiểu ra, xin hòa thượng cho ví dụ. Hòa thượng nói, người bị nạn kia là kẻ thù của bệ hạ, nhưng chính bệ hạ đã cứu anh ta và tha cho anh ta. Ngay trong việc đó bệ hạ đã tìm ra câu trả lời cho ba câu hỏi. Để ý xem từng phút mình sống như thế nào để xác định mình đang sống ra làm sao là vậy đó. Nhựa sống của đời sống này chính là tham ái, là ý muốn. Chính cái ý muốn (dục) nó quyết định mình đang sống ra sao, để thấy được điều này mình phải biết sống trong hiện tại right now and right here. Tiếng Mỹ có chữ rất hay: now (bây giờ) và here (ở đây). Nếu viết dính lại với nhau là cứu cánh giải thoát của mình: now+here = no where, vô trụ xứ giải thoát, không còn vướng kẹt ở đâu nữa hết. Người biết sống trong hiện tại là người không còn sinh tử nữa, không còn vướng kẹt bất cứ chỗ nào nữa. Người sống trong Tứ Niệm Xứ là người sống right now and right here, sống như vậy mới là người đạt tới cảnh giới vô sở trụ. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, lòng không vướng kẹt ở đâu mới thành tựu cứu cánh xuất sắc.

KIẾT SỬ

Saṃyojanasutta

-- Vật gì trói buộc đời?

Vật gì dẫn hành đời?

Do đoạn trừ pháp gì,

Mới được gọi Niết-bàn?

-- Chính hỷ trói buộc đời,

Tầm cầu dẫn hành đời,

Do đoạn trừ khát ái,

Mới được gọi Niết-bàn.

Cũng giống như bài kinh trước. 'Saṃyojana' ở đây chỉ cho 10 thứ phiền não, bài kinh trước chỉ lấy chữ 'ái' là gốc, là tập đế. Tập đế là tất cả ngọn nguồn cớ sự trầm luân của chúng ta.

'Saṃyojana' là 10 thứ triền phược:

- 5 hạ phần kiết sử (orambhagiyasamyojana): Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân

- 5 thượng phần kiết sử (uddhaṃbhāgiyasamyojana): sắc ái và vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, vô minh.

Thân kiến: so sánh 5 uẩn với ngã chấp.

Hoài nghi: do không hiểu biết mọi thứ do nhân duyên mà có và diệt.

Giới cấm thủ: do có thân kiến và hoài nghi nên mới dẫn đến giới cấm thủ.

Dục ái: niềm đam mê trong 5 cảnh dục

Sân: sự bất mãn, đố kỵ, bỏn xẻn, sợ hãi, xót của, hờn giận, căm thù, cái gì làm mình khó chịu thì gọi là sân.

Sắc ái: đam mê trong thiền sắc, không còn thích thú trong năm cảnh Dục nhưng đam mê trong cảm giác mát lạnh nhẹ nhàng của thiền sắc giới, thích hào quang, lâu đài, hoa viên..

Vô sắc ái: là nhàm chán tất cả hình danh sắc tướng. Chúng sanh cấp thấp còn thích trong năm cảnh Dục. Con heo con chuột thì cái gì ngon là thích ăn không kể sạch dơ. Chó nhà giàu thì kén ăn, không nằm chỗ dơ. Con người thì có người giàu người nghèo. Trong 5 dục này tùy phước báu, cấp độ, chủng loại tái sinh mà cái thích thấp hay cao. Có những loài cao hơn, thấy quẩn quanh trong năm dục còn gần với loài sa đọa quá, nên mới tu tập thiền định chứng đắc thiền sanh về cõi Phạm thiên nhưng ở đó vẫn còn sắc tướng. Có chúng sinh thấy còn sắc tướng cũng còn nặng nề lắm, từ đó họ tìm cách chứng đắc loại thiền để không còn sắc tướng nữa, gọi là vô sắc ái

Ngã mạn: (so sánh) hơn, thua, bằng.

Phóng dật: tâm lăng xăng. Phàm phu tâm lăng xăng vì si phóng dật của họ mạnh. Bậc thánh Hữu học từ Tam quả trở xuống, còn lăng xăng không phải do phóng dật mạnh mà do định còn yếu.

Vô minh: không biết rõ trong 4 Đế. Vô minh của phàm phu khác với vô minh của thánh Hữu học. Phàm phu như người mù bẩm sinh không thấy màu xanh vàng tím đỏ núi non sông rạch ra sao, nhưng bậc thánh Tu-đà-hoàn giống như người có con mắt mà đi trong bóng đêm. Vị này có khả năng nhìn thấy nhưng phải có điều kiện đặc biệt. Trong kinh ví dụ thế này: Một người có mắt không mù đang đi trong bóng đêm mịt mù bỗng trời chớp lóe lên một lần người này đã kịp nhìn thấy trước mặt mình có cây cầu, hồ nước, lâu đài. Vị Tu-đà-hoàn biết rõ trước mắt mình có cây cầu, lâu đài, hồ nước. Vị Tư-đà-hàm tầng thánh thứ hai cũng thấy như vậy, thấy trời chớp hai lần, lần thứ nhất thấy phía trước có tòa lâu đài, hồ nước, cây cầu, nhưng cái thấy vẫn còn hạn chế, khi trời chớp lần thứ hai, thấy trời chớp rõ hơn. Bậc A-na-hàm thì như thấy trời chớp lần thứ ba. Sau khi bừng lên như vậy thì tối trở lại nhưng vị này biết chắc chắn phía trước có hồ nước, lâu đài, cây cầu. Lên đến bậc A-la-hán thì trời sáng bạch, chớp hay không chớp không còn quan trọng nữa. Vị ấy nhìn rõ không nghi ngờ gì hết, biết rõ trước mặt là vườn hoa, hồ nước, cây cầu… Sở dĩ A-na-hàm tầng thánh thứ ba còn vô minh là như vậy đó, khi chưa chứng A-la-hán thì cái thấy của vị này trong Bốn Đế còn có chỗ chưa có hết. Trí thánh nhân nghĩa là: 1) Hiểu biết về bốn đế. 2) Biết rõ chuyện mình cần phải làm với bốn đế.

Khổ đế: Tất cả mọi hiện hữu trên đời này là khổ.

Tập đế: Tham ái: là thích thú trong 6 trần; là thích thú trong cảnh Dục, cảnh Sắc, cảnh Vô sắc; là cái thích đi với thường kiến và đoạn kiến.

Diệt đế: Có một cứu cánh nằm ngoài khổ đế và tập đế.

Đạo đế: Bát chánh đạo; cũng là sự phân tích của Tam học (Giới học, định học, tuệ học).

Muốn là thánh nhân việc đầu tiên phải hiểu rõ Bát chánh đạo là gì và chuyện mình phải làm với Bát chánh đạo là gì. Đó là tri Khổ, trừ Tập, chứng Diệt và hành Đạo. Tri khổ là phải hiểu khổ[1] là gì. Vô minh trong Bốn Đế là không biết Tứ Đế. Vị thánh A-na-hàm cũng còn vô minh vì đối với Bốn Đế vị này cũng còn chỗ hơi kẹt. Ví dụ đối với khổ đế, các vị ấy thấy được mọi hiện hữu là khổ nhưng do tập đế còn, vị này thấy sự có mặt trong năm cõi Tịnh cư cũng còn vị ngọt. Sở

dĩ như vậy vị này còn vô minh trong diệt đế, cái thấy Niết bàn của vị này chưa được 100% như vị A-la-hán, chính vì còn thấy một góc tối mờ mờ nên vẫn còn tập đế. Bốn đế dính chùm nhau, hễ còn vô minh trong khổ đế thì còn vô minh trong tập, trong diệt và trong đạo đế. Trong cái thấy của mình về khổ đế có một chút vấn đề thì cùng lúc đó cái hiểu của mình trong tập đế cũng có vấn đề; khi cái hiểu của mình trong khổ, tập có vấn đề thì cái thấy của mình trong diệt đế cũng có vấn đề. Cái hiểu trong khổ, tập, diệt có vấn đề thì trong đạo đế cũng có vấn đề. Vị này có lúc sẽ sống trong Bát chánh đạo nhưng có lúc sẽ lệch một chút, lòng không thiết tha 100%, chỉ 95% thôi. Vô minh là không hiểu Bốn Đế và không biết chuyện phải làm với Bốn Đế. Tri khổ là phải hiểu được khổ. Trừ tập nghĩa là phải dứt được tham ái. Chứng diệt là phải chứng được Niết bàn. Hành đạo là tu tập Bát Chánh Đạo. Tri khổ, trừ tập, chứng diệt và hành đạo là bốn chuyện phải làm đối với Bốn Đế. Muốn hiểu rõ hơn xin xem kinh lại bài kinh Chuyển Pháp Luân.

"No way to Nirvana, because Nirvana is the way", có thể hiểu câu này như thế này: Không đợi phải đặt chân đến chỗ mình muốn đến mới vui mà hãy tranh thủ vui ngay trên con đường đến chỗ đó. Niết bàn hiểu nôm na có hai: Hữu dư y Niết bàn và Vô dư y Niết bàn. Hữu dư y Niết bàn chính là sự chấm dứt phiền não của vị thánh, vị này vẫn còn đi đứng nằm ngồi sinh hoạt như chúng ta nhưng không còn phiền não nữa. Vô dư y Niết bàn là sự viên tịch, tắt thở của một vị thánh A-la-hán, lúc đó phiền não cũng hết mà danh sắc sinh tử cũng hết. Trong trường hợp này Hữu dư y Niết bàn là sự vắng mặt của tập đế và Vô dư y Niết bàn thì vắng mặt luôn cả khổ đế.

Hữu dư y Niết bàn là sự vắng mặt của phiền não nên người diệt trừ phiền não sống rất an lạc. Mình khổ là vì 3 thứ: khổ nhân, khổ quả và khổ do pháp hành. Hữu dư y Niết bàn là sự vắng mặt của phiền não nên người diệt trừ phiền não sống rất an lạc. Mình khổ là vì 3 thứ: khổ nhân, khổ quả và khổ do pháp hành. Khổ do quả là do nghiệp xấu của đời trước mình sinh ra làm con heo con bò, bốn giờ sáng bị lùa ra lò mổ; hoặc do quả đời trước giờ mình sinh ra bị bịnh hoạn tàn tật dị dạng, bạn bè chê bai, bịnh tật rên rỉ hôi hám, đó là khổ do quả. là do nghiệp xấu của đời trước mình sinh ra làm con heo con bò, bốn giờ sáng bị lùa ra lò mổ; hoặc do quả đời trước giờ mình sinh ra bị bịnh hoạn tàn tật dị dạng, bạn bè chê bai, bịnh tật rên rỉ hôi hám, đó là khổ do quả. Khổ do nhân là mỗi lần có tham có sân trong lòng thì lòng không yên, muốn không được là khổ, không muốn mà bị cũng là khổ. là mỗi lần có tham có sân trong lòng thì lòng không yên, muốn không được là khổ, không muốn mà bị cũng là khổ. Khổ do pháp hành là hễ có

mặt trên đời này là phải chấp nhận sanh già đau chết dù phước báu cỡ nào đi nữa. Khổ do pháp hành là khổ do tam tướng. Hiểu chỗ này sẽ thấy người không có phiền não thì bớt khổ nhiều lắm, họ chỉ còn hai khổ thôi là khổ quả và khổ do pháp hành, không còn khổ do nhân nữa. Từ chỗ này, tâm hồn vị thánh rất an lạc, từ chỗ đó, nhiều người thấy rằng trong lúc tu tập cũng an lạc, an lạc đây cũng chính là Niết bàn. Phương Tây có câu: hễ có mặt trên đời này là phải chấp nhận sanh già đau chết dù phước báu cỡ nào đi nữa. Khổ do pháp hành là khổ do tam tướng. Hiểu chỗ này sẽ thấy người không có phiền não thì bớt khổ nhiều lắm, họ chỉ còn hai khổ thôi là khổ quả và khổ do pháp hành, không còn khổ do nhân nữa. Từ chỗ này, tâm hồn vị thánh rất an lạc, từ chỗ đó, nhiều người thấy rằng trong lúc tu tập cũng an lạc, an lạc đây cũng chính là Niết bàn. Phương Tây có câu: Không đợi đến chỗ mình muốn đến mới vui mà ngay trên đường đi là hành trình của niềm vui rồi. Niết bàn không phải chỉ đơn giản là sự vắng mặt của phiền não không đâu, Niết bàn là something chớ không phải nothing, còn something đó là cái gì đó chỉ có thánh nhân mới biết. Hãy nhớ là nó nằm ngoài thân và tâm của mình, nó không thuộc về vật chất cũng không thuộc về tâm linh. Việc quan trọng là nếu thấy sợ sanh tử trầm luân thì chỉ cần tu tập Bát chánh đạo để hết sanh tử trầm luân là được rồi.

Sáng nay chúng tôi giảng cùng một lúc ba bốn bài. Mong rằng cứ một tuần ba ngày, mỗi ngày trung bình ba bài thì có thể một tuần được mười bài, một tháng được ba chục bài. Những ai nghe cho vui, nghe để tìm giấc ngủ, nghe trong lúc nấu ăn, lái xe thì thôi không nói, còn nghe mà có ý ghi chép làm của riêng thì một tháng ba mươi bài quí vị sẽ ôn không xuể. Khoảng ba tháng, sáu tháng từ từ quí vị sẽ thấy ra hai chuyện: thứ nhất là đuối, ôn không nổi, quên sạch; thứ hai, nếu mình biên tập lại những gì mình đã học thì từ từ mình sẽ ngộ ra một chuyện thú vị: hình như mình trở thành con người khác khá hơn tốt hơn. Ở đây tôi không nói khía cạnh đạo đức mà nói về nhận thức, cách nhìn của mình về đạo sẽ khác hơn.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng

[1] Xem 3 Khổ trong bài giảng ngày 5-6-2014

Bài giảng ngày 22-7-2014 TRIỀN PHƯỢC Bandhanasutta

- *Vật gì triền phược đời?*

Vật gì dẫn hành đời?

Do đoạn trừ pháp gì,

Mọi triền phược đoạn diệt?

- Chính hỷ triền phược đời,

Tầm cầu dẫn hành đời,

Do đoạn trừ khát ái,

Mọi triền phược đoạn diệt.

‘‘Kiṃsu **sambandha**no loko, kiṃsu tassa vicāraṇaṃ;

Kissassu vippahānena, sabbaṃ chindati bandhana’’nti.

‘‘**Nandī**sambandhano loko, **vitakka**ssa **vicāraṇaṃ**;

Taṇhāya vippahānena, sabbaṃ chindati bandhana’’nti.

Cái gì trên đời này trói buộc chúng sinh?

‘*Sambandha’*: ‘trói buộc’. Chữ ‘*sambandha’* gợi ý cho mình chữ ‘*bound’* trong tiếng Mỹ. Có điểm giống nhau, một bên là ‘*sambandha’*là nghĩa ‘trói cột’ cũng hao hao chữ ‘bound’ trong tiếng Mỹ cũng có nghĩa là ‘trói cột’. Tôi tìm chữ tương đương như vậy là để quí vị nhớ thêm từ Pāḷi. Chữ ‘*sambandha’, ‘bandhati’* hoặc ‘*sambandhati’*rất thường thấy trong kinh. Chữ ‘*bandhu’*có nghĩa là ‘bà con’, ‘quyến thuộc’, chữ này lại gợi cho mình một chữ nữa trong tiếng Mỹ đó là *relation* và *relative*. *Bandha* là *trói buộc* mà *bound* cũng là *trói buộc*. *Bandhu* nghĩa là ‘bà con’. Bà con là người đối với mình có gì đó ‘*ràng buộc’*, ràng buộc về máu mủ, tình thân, tình cảm. Từ chỗ đó, chữ *bandhati* (trói cột), *sambandha* (triền phược, trói cột) *bandhu* (quyến thuộc) giống như trong tiếng Mỹ *relation* là ‘liên hệ’ và ‘*relative’* là ‘bà con’.

Nandī: hỷ. Quí vị xem kinh Chuyển Pháp Luân, phần giảng về Tập đế sẽ thấy Đức Phật định nghĩa chữ 'ái' bằng nhiều từ đồng nghĩa khác nhau, đặc biệt trong đó có chữ '*nandī'.* Chữ *nandī* ở đây chỉ cho tham ái. Trong đời sống của con người mọi sự từ chuyện nhỏ xíu như dọn dẹp nhà cửa, ăn mặc, cũng đều vận hành nhờ một chất nhựa sống: *ý muốn*. Không muốn không làm được. Muốn không chưa đủ, còn phải thích nữa. Đàn ông cũng ăn mặc như người nữ nhưng chỉ muốn mặc chứ thích diện như nhiều người nữ thì không. Ở người nữ thì có cái '*nandī',* vui thích trong cái này cái kia. Chính từ cái vui thích đó mới hào hứng tìm thấy nhiều niềm thú vị trong cái này cái nọ, và chính vì có đầu tư mới có đường đi luân hồi. Trong chuyện trang phục, phải có thích mới đi shopping, có đi shopping thì trong tủ mới có nhiều đồ. Có thích thú sắm sửa thì đồ đạc mới nhiều. Có cái thích thì mới làm cho mình chịu khó đi kiếm tìm, đây chính là lý do Đức Phật trả lời: *Chính cái hỷ ái ràng buộc trói cột chúng ta vào với cuộc đời*. Trong đêm đại hội thiên chúng (xem Lục Đại Chân Kinh) Đức Phật có giảng bài kinh dành cho chúng sinh nặng về tánh *tầm*.

'Vitakka vicāraṇaṃ': 'lăng xăng', lưu lạc nơi này chốn nọ trong cõi trầm luân. Lúc thích cái này, lúc thích cái kia, cái khuynh hướng thích nhìn chỗ này chỗ nọ, lăng xăng đó mới dẫn đi trầm luân. Chất keo trói cột hay nhựa sống, chính là 'ái', chính là thái độ lăng xăng mới đưa mình trôi dạt, đó là '*vitakka'*. Ở đây bao gồm luôn cả 'tứ'.

'Vicāra': 'tứ'. *'Vicāraṇaṃ':* 'lang thang'. Chữ này nếu có thời gian thì nói ra rất nhiều thứ. Ví dụ như chuyện đọc sách, giới học giả khi đọc sách thì có đề tài rõ ràng, để đọc chuyên sâu; người đi du lịch thì có chương trình rõ ràng, muốn hiểu về văn hóa Nam Mỹ thì họ dành một hay hai năm để đi tìm hiểu về Nam Mỹ. Ngay cả chuyện đi chơi thì người có bài bản cũng khác người không có bài bản. Người không bài bản thì lăng xăng, đi lung tung, năm nào cũng đi du lịch nhưng không có cái biết nào chuyên nhất. Người Tây Phương khi đi về những xứ châu Á, chẳng hạn như đến VN họ sẽ bỏ ra một thời gian lặn lội trong rừng trong núi, tìm hiểu hang động nào dài nhất, những sinh hoạt nào đáng kể của người VN thiểu số. Người Pháp họ giỏi chuyện này, họ bỏ thời gian vào các bản làng để học những thứ nhạc cụ thất truyền từ lâu, sao chép hình thức chế tạo nhạc cụ đó, họ đem theo máy móc ghi âm rồi khi về xứ họ dựa vào những thước phim đó và tập lại cho giống. Đi chơi bài bản không lăng xăng như vậy lợi ích nhiều hơn. Về ăn uống cũng vậy, họ viết ẩm thực VN rất rành rẽ vì họ tìm hiểu tới nơi tới chốn. Còn mình đi nhiều nơi nhưng cái tìm hiểu kiến thức về những nơi mình đi qua không ra làm sao hết. Mình trôi dạt nhiều nơi trong luân hồi vì mình không tập

trung, Bồ Tát thì lại khác, đường luân hồi của họ có bài bản. Họ tu thiền, đắc thiền, về cõi Phạm thiên, trở xuống cõi Dục, họ tu tập Ba-la-mật, bố thí trì giới, nghe pháp, đi xuất gia, hoặc tu thiền về cõi Phạm thiên. Cũng luân hồi như nhau, bao nhiêu năm tháng a-tăng-kỳ trôi qua người ta trở thành Phật khác, còn chúng ta chẳng ra làm sao vì '*Vicāraṇaṃ',* lang thang sanh tử luân hồi.

Do đoạn trừ pháp gì, Mọi triền phược đoạn diệt?

Trong bài kinh này Đức Phật có giải thích: do diệt trừ ái. Chính từ sự diệt trừ ái thì tất cả sự trói cột được tháo theo. Phim Tàu có câu: *"Muốn tháo dây thì phải tìm người cột"*. Mình phải giải quyết vấn đề ngay từ cái gốc. Chính vì mình còn lăng xăng, lang thang nên mới trầm luân, cắt cái tham ái thì không còn gì hết. Tất cả sự có mặt của chúng sinh trên đời này là đều do tham ái mà ra. Những gì mình thấy là hay ho ngọt ngào thực ra nó có nguồn gốc rất là trẻ con và rất là đáng buồn. Do các nghiệp thiện ác đời này đời khác của phàm phu nên chúng ta mới bị đẩy xô vào những hoàn cảnh khác nhau và ngay trong những hoàn cảnh đó, những môi trường đó chúng ta phải thích cái này, ghét cái nọ. Ví dụ, do nghiệp bỏn xẻn sát sanh, hành hạ chúng sanh khác, tôi phải sanh về châu Phi, ốm đói, bịnh hoạn, yểu thọ. Từ chỗ tôi sinh làm người châu Phi nên tôi mới thích những chuyện kỳ cục: ăn trùn, ăn nhái, ăn rắn… Những chuyện này không phải là cái hay ho, nhưng do nghiệp bỏn xẻn, sát sanh mới đẩy tôi về chỗ đó và sống theo cách sống ở đó. Tôi yêu những vùng đất sa mạc cằn cỗi, yêu những gò mối, yêu những con sư tử, những cánh đồng cỏ cháy, tôi yêu những trưa hè nắng bốn năm chục độ, tôi yêu vũng nước trâu và người uống chung, tôi yêu món ăn vỏ cây rễ cây, thương cô gái da đen răng bóng tóc khét nắng… khi tôi sanh vào xứ đó thì tôi thích những thứ đó. Những thứ mình thích là do tiền nghiệp, do môi trường sống hiện tại và khuynh hướng tâm lý, khuynh hướng đó là tập khí sinh tử nhiều đời mình đã đi qua. Mình gieo chủng tử của cọp beo ăn thịt, gieo chủng tử của loài trâu bò ăn cỏ, rồi khi nghiệp đẩy mình đi đâu thì mình sống theo cách nơi đó. Tôi rời VN năm tôi 30 tuổi, tôi không còn nhỏ, nhưng khi sống nhiều năm bên Mỹ, do hoàn cảnh đẩy xô tôi có những nhu cầu, từ nhu cầu sinh ra cái sở thích. Ngày tôi trong nước tôi đâu có điều kiện đi lại nhiều, tôi đâu quan tâm đến những va li hay ba lô đeo lưng, tôi không xài nhiều nhưng tôi nhìn thấy thích, cho đến bây giờ mỗi lần đi ngang qua chỗ bán đồ thể thao, camping, fishing tôi rất thích dù tôi đâu có đi câu cá. Tôi thích những thứ đó là vì do hoàn cảnh đẩy đưa.

Tóm lại, nội dung bài kệ này: Do có thích thú nên mình mới bị ràng buộc vào với đời. Do khuynh hướng sống không kế hoạch không chủ đích nên ta mới lang

thang chỗ này chỗ nọ, và một khi cắt bỏ được ái thì chúng ta cắt đứt mọi trói buộc trong đời, từ đó chúng ta không còn lang thang nữa. Tham ái (thích) là vì cái này tạo ra cái kia, do tham ái tạo ra các nghiệp, các nghiệp tạo ra các kiểu tham ái.

BỊ ÁP ĐẢO

Attahatasutta

-- *Vật gì áp đảo đời?*

Vật gì bao phủ đời?

Tên gì bắn trúng đời?

Bởi gì thường huân tập?

-- *Sự chết áp đảo đời,*

Già nua bao phủ đời,

Tên ái bắn trúng đời,

Bởi dục, thường huân tập.

Theo cách dịch của ngài Minh Châu: *Cuộc đời này bị cái gì áp đảo, cái gì bao phủ?*

Câu hỏi này nếu ở trường hợp khác Đức Thế Tôn sẽ trả lời khác, cách nói khác nhau nhưng nội dung sẽ giống nhau. Ở đây Đức Phật muốn nói rằng: *Dầu muốn dầu không một ngày cũng qua, dầu muốn dầu không ta rồi cũng già, chuyện xưa ngày cũ như áng mây qua*là chỗ này. Dầu muốn dầu không thì một người ăn mày hay một vị hoàng đế cũng sẽ có mặt trong cõi chết. Có sướng cách mấy, có khổ cách mấy, vinh cách mấy, nhục cách mấy rồi ai cũng xuôi tay mà đi. Mấy hôm nay tôi theo dõi chuyện chiếc máy bay Mã Lai bị rớt, nhìn mấy hình ảnh thấy kinh hoàng, thấy phũ phàng và chuyện đời đúng là phù phiếm. Những va li, những ba lô của hành khách, chắc chắn đó là những món đồ họ rất thích, rất tâm đắc, họ mua với sự lựa chọn, thích thú hào hứng, để chuẩn bị những chuyến đi xa, để rồi cuối cùng thì sao, họ một nơi còn những món đồ đó một nẻo mà lúc còn sống thì không ai đụng vào được, giờ thì ai muốn lục lọi lấy gì thì lấy. Cách đây không lâu, có một chuyến máy bay rớt bên Miến Điện mà không mất một sợi tóc. Người dân Miến Điện gom chất hết vào chùa và hành khách đến nhận diện.

Đồ đạc không mất, cứ tới chùa mà lấy. Trong khi đó, mình thấy bây giờ chết hết rồi thì cái gì cũng buông, cái chết áp đảo cuộc đời là chỗ đó. Khi tới tuổi già rồi, hoặc chưa kịp già cũng chết. Mình giống như những người tử tù, cái chết lúc nào cũng treo lơ lửng trên đầu của mình. Xét về mặt bất trắc trong đời sống thì từng người trong lớp học này đều là những tử tù. Đang ngon lành mà bác sĩ phán ung thư là xong. Thanh Toàn con của nhạc sĩ Nhật Trường, khỏe mạnh lanh lợi đùng một cái bị bệnh. Tôi đọc báo thấy ổng cũng không biết bị bệnh, ổng về VN bị tai nạn xe, chở vào bệnh viện, nhờ đó người ta phát hiện ông bệnh ung thư. Ngày nay ta có một trăm ngàn lý do để bịnh ung thư. Chúng ta ăn toàn đồ đã qua chế biến có sự can thiệp của hóa chất. Dưỡng khí chúng ta hít thở mỗi ngày cũng có sự tác động không nhỏ từ làn khói công nghiệp. Đời sống bây giờ rất là mong manh dù điều kiện y tế tối tân. Chúng ta có quá nhiều cơ hội chết hơn ngày xưa. Chưa kể tai nạn giao thông: trên trời có máy bay, dưới biển có tàu thuyền, trên bộ có xe hai bánh, bốn bánh, cỡ nào cũng dễ chết hết. Tính toán cho nhiều rồi cũng xuôi tay. Nếu không chết sớm chúng ta phải trải qua tuổi già. Cây kim sợi chỉ, cái áo đôi dép còn cũ huống chi cái mạng của mình. Cơ thể của mình nó già trong từng phút, nếu từng phút không già thì làm sao một đứa bé có thể trở thành ông già 90 được. Cuối cùng mình lưng còng má hóp da nhăn gối mỏi chân chùn, mọi sự không như ý. Từ đâu ra chuyện đó?

Do sanh tử luân hồi, có sanh thì có già chết. Tham ái giống như mũi tên (*sadā*). Con của nữ thần Venus là một thiên thần nhỏ tay cầm mũi tên, bắn trúng ai là người đó 'fall in love', phải lòng ai đó liền. Venus là một nữ thần rất đẹp, đi đâu cũng có một tiểu thiên thần nhỏ (Cupid, Eros) dễ thương lắm, trên tay cầm cây cung nhỏ xíu. Từ điển tích của Hy Lạp đó mà có trào lưu xăm hình trái tim có mũi tên xuyên qua. Một điều ngẫu nhiên thú vị là trong kinh Đức Phật dạy tham ái cũng giống như mũi tên. Một chuyện khó tin là những gì chúng ta ghét sẽ ít làm khổ chúng ta hơn những gì chúng ta thích. Những người có tu tập hành trì mới thấm điều đó. Người mình thương mới trở thành mối bận tâm, sự ám ảnh, gánh nặng cho mình, thường là như vậy. Đồ đạc cũng vậy, cái gì mình ghét không ám ảnh nhiều bằng thứ mình thích, mình thích thì mới đi mua, muốn mua phải cày như trâu mới có tiền đi shopping. Báo trong nước đăng mấy cô sinh viên, người mẫu rất dễ dàng "bán trôn nuôi miệng". Bây giờ chuyện nuôi miệng nhỏ lắm, bán thân để làm đẹp cho bằng chị bằng em. Muốn có thỏi son, hộp phấn, áo quần giống người ta thì có thể qua đêm với ai cũng được miễn có tiền để mua. Nếu vì những thứ mình ghét thì mình có thể sống ô nhục đau khổ như vậy không?

Không có! Chính vì những cái mình thích mà mình lăn xả vào những góc tối tăm của đời sống dưới đáy xã hội như vậy đó. Cái làm cho mình khổ là cái mình thương thích. Đức Phật nói tham ái là mũi tên chính là vậy. Thỏa mãn cái này, thì lại nảy ra cái nhu cầu khác, cứ chạy theo suốt cuộc đời sao mà không khổ. Trong mười cái mình muốn thì đâu có bao nhiêu cái mình thỏa mãn dù mình là tỷ phú. Sở thích của người phụ nữ giống như nghiện cờ bạc, có bao nhiêu thì đặt bấy nhiêu.

"Bởi dục, thường huân tập": đời sống là một sự tích lũy, huân tập. Tôi từng có dịp nhìn thấy những căn phòng, những ngôi nhà mà người chủ của nó không muốn liệng, không muốn lìa xa cái gì hết, hộp bánh tây, thùng giấy, đôi dép cũ cũng giữ đó. Cuối cùng thì nhà họ cái gì cũng có mà cái thật sự xài được thì không bao nhiêu hết. Làm được sự tích lũy đó thì việc đầu tiên là phải 'muốn'. Đời sống có nhiều thứ tích lũy. Làm công đức cũng là một thứ tích lũy, cất chứa tài sản cũng là thứ tích lũy, những thứ này thực hiện từ cái 'muốn'. Tùy thuộc trình độ mà chúng ta có cái 'muốn' như thế nào, và tùy cái muốn như thế nào mà ta có sự tích lũy, huân tập khác nhau. Có người mất cả đời chỉ nhắm mục đích tiền, người thì nhắm kiếm vị trí trong xã hội, có người cả đời chỉ mong có kiến thức. Trong khi đó có người cả đời chỉ một kiểu sống, học cho nhiều cuối đời họ chỉ mong được cơ hội sống chậm, sống tỉnh thức, đó cũng là một kiểu tích lũy. Có những tích lũy mang tính buông ra: tích lũy cỏ khô, lá dừa, củi, gom để đốt qua mùa đông. Có người gom thùng thau tô chén để cất giữ, sở hữu lâu bền. Có người cũng thu gom để liệng bỏ. Chỗ tôi ở bây giờ đang là mùa mưa, một trong những niềm vui lớn của tôi là đốt nến. Nến ở đây rất đắt, đi tiệm đồ cũ thấy nến dở dang người ta bán cả rổ, tôi mua, người ta tưởng tôi là con ma ăn đèn cầy, tôi mua về để đốt, giống như mấy bà cụ nhà quê rảnh rảnh ra vườn rọc lá dừa để đốt. Ông hàng xóm của tôi lên rừng kiếm cây khô về chất đó để mùa đông đốt. Có người tích lũy để đốt bỏ, có thứ người ta tích lũy làm của lâu ngày dài hạn. Đời sống này được tích lũy bởi lòng ham muốn. Quí vị hãy lưu ý coi mình thích cái gì, vì chính chuyện mình thích cái gì mới dẫn đến mình huân tập, mình tích trữ cái gì. Hãy thỉnh thoảng quan sát mình, tự hỏi mình đang sống ra làm sao, đang bị cái sở thích nào, thị hiếu nào dắt dẫn mình đi, cái nào mình nặng lòng nhất, cái nặng lòng đó chính là dục. Nếu là hành giả thì từng giờ phải quan sát mình, xem mình đang đầu tư cho cái gì, nặng lòng cho cái gì.

Vật gì áp đảo đời?

Đó chính là cái chết. Cái gì bao phủ đời?

Đó là sự già nua. Cái gì làm khổ đời?

Chính là cái muốn. Cái gì làm cho mình có khuynh hướng tích lũy?

Đó chính là cái muốn. Thường xuyên để ý xem mình đang nặng lòng cái gì, chính cái đó giúp mình nhận diện được bản lai diện mục của mình.

BỊ TREO CỘT

Uḍḍitasuttaṃ

-- *Vật gì treo cột đời?*

Vật gì bao phủ đời?

Vật gì đóng kín đời?

Trên gì đời an trú?

-- *Khát ái treo cột đời,*

Già nua bao phủ đời,

Sự chết đóng kín đời,

Trên khổ, đời an trú.

67. ‘‘Kenassu uḍḍito loko, kenassu **parivārito**;

Kenassu pihito loko, kismiṃ loko patiṭṭhito’’ti.

‘‘Taṇhāya uḍḍito loko, jarāya parivārito;

Maccunā pihito loko, **dukkhe loko patiṭṭhito**’’ti.

67. Sattame taṇhāya uḍḍitoti taṇhāya ullaṅghito. Cakkhuñhi **taṇhārajjunā**āvunitvā rūpanāgadante uḍḍitaṃ, sotādīni saddādīsūti taṇhāya uḍḍito loko. Maccunā pihitoti anantare attabhāve kataṃ kammaṃ na dūraṃ ekacittantaraṃ, balavatiyā pana māraṇantikavedanāya pabbatena viya otthaṭattā sattā taṃ na bujjhantīti ‘‘maccunā pihito loko’’ti vuttaṃ. Sattamaṃ.

‘Rajju’ nghĩa là “sợi dây”, ở đây HT Minh Châu dịch là “treo cột”, *taṇhā* là “ái”, *taṇhārajju* là “*sợi dây tham ái*”. Treo cột bằng sợi dây tham ái. Trong bài kinh hai

vị tỳ kheo cãi nhau lục căn hay lục trần quan trọng, cư sĩ Citta nghe ké và góp ý rằng con bò trắng con bò đen dính nhau không phải do con bò mà do sợi dây. Ở đây cũng vậy, không phải lục căn hay lục trần trói buộc chúng ta vào sinh tử mà chính là tham ái. Lục căn quan sát thưởng thức chụp ảnh lục trần một cách vô tư, *'ái'* có mặt trong lúc đó. Đức Phật cũng nghe nhìn nhưng không có thích như mình. Chính mình còn thích nên mình có bất mãn. Sân và dục ái là một cặp, còn dục ái là còn sân. Người còn thích cái gì đó thì dứt khoát thế nào họ cũng sẽ càm ràm, than phiền. Trong bài kinh này Đức Phật dạy cái treo cột cuộc đời mình chính là sự tham ái. Quí vị đừng bao giờ nghĩ rằng Tam Tạng kinh điển dành riêng cho tăng ni. Chúng ta phải dành nhiều thời giờ cho gia đình, nhưng đừng cho phép mình sống dễ duôi. Giống như bây giờ, do bẩm sinh tôi không khỏe mạnh để tập tạ, chạy bộ như vận động viên chuyên nghiệp nhưng điều đó không có nghĩa là tôi coi thường chuyện rèn luyện thân thể. Sáng thức dậy cũng phải khom phải cúi một chút, nằm trên giường cũng đạp xe đạp một chút. Ở đây không phải làm đẹp mà là vì tôi muốn đốt mỡ bụng; giúp cho chân mình được vận động và khi mình ra khỏi giường là mình tỉnh táo hoàn toàn. Tập như vậy mỏi lắm, nhưng phải làm vậy để đốt bớt mỡ. Dầu là cư sĩ cũng phải nhớ rằng mình với tăng ni giống nhau một điểm đều là phàm phu, đã là phàm phu thì sơ ý một chút là tham ái nắm đầu, treo cổ mình lên. 99,9% cư sĩ cho mình cái quyền không cần trau dồi pháp học, không mặn mà với pháp hành. Trước tuổi già tăng ni cư sĩ giống nhau. Trên giường chết, trên giường bịnh tăng ni cư sĩ giống nhau,

Cái gì treo cột đời, đó chính là tham ái. Vật gì bao phủ đời?

'*Parivārito*' là 'sự ngăn trở', 'ngăn ngại'. Không có gì bậy cho bằng mình hoặc định những kế hoạch khi nào lớn tuổi sẽ làm cái này, làm cái kia. Làm sao mình chắc rằng mình sống tới già, và khi già rồi mình có làm được chuyện đó nữa hay không?

Bây giờ mình còn trẻ, còn tỉnh, còn nhớ giỏi mà không làm thì tuổi già trí nhớ kém, đi đứng khó khăn lấy gì mà làm, lấy gì mà nghiên cứu kinh điển. Một trăm đô la chia thành năm tờ hai chục, giá trị của các tờ đều tương đương như nhau. nhưng cuộc đời mình thì không thể chia ra đồng đều như vậy. Hai mươi lăm năm đầu tiên có những chuyện mình làm được và không làm được, 25 năm tiếp theo có những chuyện mình làm được mà 25 năm trước mình không làm được. Hai mươi lăm năm cuối đời thì có những chuyện mình không thể làm được nữa, đặc biệt là đời sống tâm linh. Bao giờ có một chút điều kiện, chút hào hứng thì lập tức xăn tay áo liền, chứ đừng chờ đợi hẹn hò cho lúc về sau.

Chính tham ái treo cuộc đời lên, chính tuổi già ngăn ngại chúng ta, chính cái chết đóng kín hết mọi thứ, và cuộc đời này được đặt trong biển khổ. '*Patiṭṭhito*': 'đặt'. Muốn không được là khổ, ghét mà phải chấp nhận gồng gánh cũng là khổ. Cái làm cho mình khổ là cái mình thương thích. Những thứ mình thấy ngọt ngào là vì do ba lý do: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, hoàn cảnh hiện tại, chính ba lý do này khiến cho chúng ta thích cái này thích cái nọ. Thích sưu tập tem, tiền xưa, thích nhà cao cửa rộng; từ đây mới là tiền đề cho cái khổ trong đời sống, vì những cái mình thích đều có vấn đề hết. Thích cũng làm khổ, ghét cũng làm khổ, sự lệ thuộc điều kiện cũng làm mình khổ, cái vô thường cũng là khổ. Hai cô tiểu thư nhà giàu nhưng một cô là con gái một cô là con dâu; làm con dâu nhà giàu, không bằng làm con gái nhà giàu, đó là sự lệ thuộc điều kiện. Tôi nhìn cảnh làm dâu mà tôi ngán. Có lẽ trong một kiếp gần đây tôi từng nhìn thấy người thân của tôi làm dâu nhà người, hay chính tôi làm dâu, mà hễ nói đến nỗi khổ trầm luân là tôi nghĩ chuyện ở tù hoặc làm dâu, sợ nhìn người thân người thương của mình khổ mà mình bất lực. Nhạc sĩ Nguyễn Trung Cang sau 1975 bị suyễn nặng, mẹ ông chỉ cần 800 đồng để mua viên thuốc suyễn cho ông mà không có, bà mẹ phải nhìn con mình ra đi trong khó thở tím tái chỉ vì không có 800 đồng.

"dukkhe loko patiṭṭhito", đời sống này được thiết lập trên đau khổ. Nhìn cuộc ly dị của những gia đình giàu, chia tay nhau phải bị mất bạc tỷ, thế là phải gồng sống với nhau, cũng là cái khổ. Thương nhau cảnh éo le không gần nhau cũng là khổ. Xinh đẹp mà gặp thằng sở khanh cũng khổ. Xấu quá không ai ngó ngàng cũng khổ. Đẹp cũng có nhiều cơ hội khổ mà đứa xấu không có. Cỡ nào cũng khổ bởi thế giới này được thiết lập trên đau khổ.

Bài giảng ngày 24-7-2014

ĐỜI

Lokasutta

Trên gì thế gian sanh?

Trên gì được giao tiếp?

Thế gian chấp trước gì?

Trên gì đời khổ não?

Tùy theo cơ duyên chúng sinh đang đối diện, có những trường hợp khi phân tích về thế giới này Đức Phật chỉ gọi một chữ thôi: "*Khổ*". Tất cả mọi hiện hữu là khổ. Trong hình thức nào đi nữa, có mặt ở đời là khổ, vì hễ có mặt là có lúc ra đi. Bất cứ cái gì trên đời này nếu muốn ra đi thì có một cuộc nổi loạn, một cuộc đảo chánh, kể cả cuộc đảo chánh bất thành cũng gây ra những xáo trộn phiền phức ghê gớm lắm, còn nếu cuộc đảo chánh thành công thì mọi thứ được thay đổi toàn diện.

Với cơ thể mình, muốn chết đâu phải dễ. Phải có cuộc nổi loạn trong đó và uống thuốc là trấn áp biểu tình, là vận dụng điều động cảnh sát công an để trấn áp. Điều động thành công nghĩa là uống thuốc có hiệu quả, còn nếu không hiệu quả thì cơ thể đã đến lúc xong xuôi rồi. Như biểu tình ở Libya kết thúc chính quyền Gadhafi, cuộc nổi loạn dàn xếp không được thì vị nguyên thủ phải ra đi, trước khi ra đi thì máu đổ thịt rơi, cơ thể mình cũng vậy đó. Nói như vậy có nghĩa là một ngón tay mà muốn cắt đi, một lá phổi hay thận gan muốn cắt bỏ cũng trải qua một cuộc biểu tình như vậy. Trên hết và sau cùng, tấm thân mình cũng vậy, trước khi muốn kết thúc thì có bao nhiêu rắc rối. Hễ có sanh phải có diệt, muốn có diệt phải có vấn đề, có rắc rối mới diệt được. Nói gọn lại, hễ có mặt trên đời là khổ. Có khi Đức Phật nói vắn tắt: "mọi hiện hữu là khổ" (*Sankhittena pancupadanakhandha dukkha.). 'Sankhittena':* 'nói gọn lại', briefly, 'nói rốt ráo'. Có khi Ngài nói chỉ cần có mặt năm uẩn là khổ. Có chỗ Ngài không nói năm uẩn, Ngài nói danh sắc, nói theo thế gian là có tinh thần có vật chất, có phần hồn có phần xác là khổ. Có chỗ Ngài nói là ba khổ: *khổ khổ, hành khổ, hoại khổ* hoặc Ngài nói sự có mặt của sáu căn là khổ. Tùy nhân duyên người nghe mà Ngài trình bày theo cách nào. Có người thích nghe năm uẩn, có người thích nghe 6 xứ, có người thích nghe 3 khổ, 3 hành, có người thích nghe danh sắc, có người chỉ nghe một chuyện: có mặt ở đời là khổ. Có người thì phải phân tích sâu rộng họ mới đắc đạo.

Trong bài kinh này, người hỏi hợp với con số 6. Có chỗ Đức Phật nói con số 12: 6 nội xứ, 6 ngoại xứ. Có chỗ Ngài nói thêm, 6 căn, 6 cảnh, 6 thức, người học A-tỳ-đàm nghe là hiểu, vì theo A-tỳ-đàm, khi nói con số 18 thì 6 căn không biết gì hết mà chỉ là 6 điều kiện vật chất cho tâm dựa vào đó. Phải có thần kinh thị giác

(thuộc về vật chất) thì mới có nhãn thức (cái biết của mắt) để ghi nhận hình này xanh, đỏ, vuông, tròn, dài ngắn… Khi kể 18 giới thì phải kể 6 căn và 6 thức riêng. Khi kể 12 xứ thì kể 6 căn là đủ. Khi Ngài chỉ nói 6 căn thôi thì mình biết Ngài muốn nói gọn, phải hiểu ngầm là bao gồm luôn cả thức và thần kinh; và con số 6 này tiêu biểu cho 6 căn và 6 thức, và con số 6 này là cội nguồn của mọi thứ đau khổ ở đời. Dù chúng ta là ai đi nữa, giáo hoàng, tổng thống hay ăn mày, dầu thế giới này có rộng lớn bao nhiêu đi nữa, chỉ gói gọn trong số 6 này thôi. Bỏ đi những gì ta có thể nhìn thấy, bỏ đi những gì ta có thể nghe bằng tai, bỏ đi những gì ta có thể ghi nhận bằng mũi, bằng vị giác, bằng xúc giác, bằng tư tưởng, thì toàn bộ thế giới này thành zero. Nếu không biết đạo thì thấy thế giới này đầy đủ hết: núi non, cây cối, sông hồ, chim muông, kênh rạch. Chính vì vậy ở đây Đức Phật trả lời: *6 nội xứ*. Y cứ trên 6 nội xứ này thì mới có 6 ngoại xứ. Bài kinh này ngụ ý thế giới này là thế giới của đau khổ, thế giới này là thế giới của sự lắp ráp, thế giới này là thế giới của sự lệ thuộc các điều kiện. Người có trí, có duyên lành, nghe như vậy là họ đắc.

Tại sao gọi là lệ thuộc?

Ở cõi Dục giới, hãy thử tưởng tượng nếu con mắt của quí vị có vấn đề nhìn không được, như tôi chẳng hạn, sáng mai quờ tay không thấy cặp mắt kiếng là khổ rồi. Cặp mắt kiếng mà bị bể hay mất là xong luôn. Cách đây một năm tôi bị ù tai suốt mấy tháng trời, ngồi yên mà nghe u u như mình bị nước trong lỗ tai. Cái lưỡi mình khi bịnh, ăn gì cũng lạt. Cái mũi mình nghẹt. Chỉ cần như vậy, không cần đau nhức quằn quại, chỉ cần con mắt mờ mờ không rõ, lỗ tai ù ù chớ chưa điếc, lỗ mũi thì yếu, lưỡi thì cũng không còn nhạy nữa, tay hơi tê tê thôi, nhiêu đó thôi là thấy đời sống mình có vấn đề rồi. Có những khi đầu óc mình mụ mẫm nghĩ không ra, có khi do buồn ngủ, hoặc bực mình, hoặc quên nhiều quá. Chỉ cần 6 căn của mình có một chút vấn đề là mình không an lạc. Chính vì chỗ này mà Đức Phật dạy: toàn bộ thế giới này là thế giới của khổ, y cứ trên 6 căn. Bài kệ tuy ngắn gọn nhưng rất quan trọng:

- Trên **sáu**, thế gian sanh,

Trên sáu, được giao tiếp,

Thế gian chấp trước sáu,

Trên sáu, đời khổ não.

Nói đến số 6 là ngụ ý số 12, và số 18, nhưng trong trường hợp này Ngài chỉ nói số 6 theo câu hỏi của người hỏi. Toàn bộ thế giới này nằm trong sự lắp ráp, lúc thì sống bằng cái thấy, lúc thì sống bằng cái nghe, ngửi, nếm đụng và suy tư. Thế giới này là thế giới của lệ thuộc. Sáu căn, 6 thức có một chút vấn đề là không xong. Muốn có được nụ cười trên môi đừng tưởng dễ, đừng nghĩ là cái miệng muốn cười là cười. Thử xem bị tiêu chảy mà không biết nhà vệ sinh nằm ở đâu có còn cười được không, nhức răng có cười được không, gia đình đang có vấn đề có cười được không. Để có nụ cười nhỏ xíu trên môi cần một tỷ điều kiện. Đang vui mà hột bụi chút xíu lọt vô mắt của mình thì nụ cười nào cũng tắt, phải lo lấy nó ra rồi mới cười tiếp được. Cái hạnh phúc trên đời này nó mong manh như vậy, một nụ cười mà cũng khó. Thế giới này là một thế giới sống trong sự lệ thuộc, là sự lắp ráp, không có gì là tinh tuyền là độc nhất. Cái gì lắp ráp và lệ thuộc thì cái đó không bền. Thế giới này vừa giả, vừa tạm, vừa rỗng. Nói đến số 6 là ngụ ý số 12, và số 18, nhưng trong trường hợp này Ngài chỉ nói số 6 theo câu hỏi của người hỏi. Toàn bộ thế giới này nằm trong sự lắp ráp, lúc thì sống bằng cái thấy, lúc thì sống bằng cái nghe, ngửi, nếm đụng và suy tư. Thế giới này là thế giới của lệ thuộc. Sáu căn, 6 thức có một chút vấn đề là không xong. Muốn có được nụ cười trên môi đừng tưởng dễ, đừng nghĩ là cái miệng muốn cười là cười. Thử xem bị tiêu chảy mà không biết nhà vệ sinh nằm ở đâu có còn cười được không, nhức răng có cười được không, gia đình đang có vấn đề có cười được không. Để có nụ cười nhỏ xíu trên môi cần một tỷ điều kiện. Đang vui mà hột bụi chút xíu lọt vô mắt của mình thì nụ cười nào cũng tắt, phải lo lấy nó ra rồi mới cười tiếp được. Cái hạnh phúc trên đời này nó mong manh như vậy, một nụ cười mà cũng khó. Thế giới này là một thế giới sống trong sự lệ thuộc, là sự lắp ráp, không có gì là tinh tuyền là độc nhất. Cái gì lắp ráp và lệ thuộc thì cái đó không bền. Thế giới này vừa giả, vừa tạm, vừa rỗng. *Giả* ở đây nghĩa là giá trị nào cũng tương đối; ở thời điểm này, chỗ này là hay, thời điểm khác chỗ khác không còn hay nữa. Trái sầu riêng ở nhà ông A là ngon, nhưng ở nhà ông B chưa chắc. Có những người bỏ ra cả ngàn đô la mua hộp kem bôi mặt, nhưng các vị đưa cho tôi một rổ mỹ phẩm tôi biết làm cái gì. Một bộ soirée mấy ngàn đô la chỉ có giá trị cho người sắp làm cô dâu chớ với người khác đâu có giá trị. ở đây nghĩa là giá trị nào cũng tương đối; ở thời điểm này, chỗ này là hay, thời điểm khác chỗ khác không còn hay nữa. Trái sầu riêng ở nhà ông A là ngon, nhưng ở nhà ông B chưa chắc. Có những người bỏ ra cả ngàn đô la mua hộp kem bôi mặt, nhưng các vị đưa cho tôi một rổ mỹ phẩm tôi biết làm cái gì. Một bộ soirée mấy ngàn đô la chỉ có giá trị cho người sắp làm cô dâu chớ với người khác đâu có giá trị. *Tạm* là không bền, có đó rồi mất đó. là không bền, có đó rồi mất đó. *Rỗng* (asāra) là

không có cốt lõi, không có gì căn bản cội rễ bên trong, như thể măng tre, bẹ chuối, lột từng bẹ lột miết thì không còn gì hết. Nói ông nào đó giàu, tháo chừng ba bẹ là ông ta không còn gì nữa: Bẹ thứ nhất, điều kiện kiếm tiền của ổng, chỉ cần lý do nào đó làm cho ổng mất điều kiện kiếm tiền là hết, chỉ cần đi casino hay kép nhí là xong; bẹ thứ hai, gia đạo có có vấn đề, có bịnh hoạn hay thiếu đạo đức là xong; lột cái bẹ thứ ba là tài sản, thì không còn gì hết.

Tóm lại nội dung bài kinh này: thế giới này là lắp ráp, là lệ thuộc, là đồ giả, đồ tạm, đồ rỗng, chỉ là mụt măng là thân chuối. Thỉnh thoảng nửa đêm giật mình thức dậy, khát nước, rớt mền… sực nhớ mình sẽ chết, có những bữa chết điếng. Sáng hôm nay tôi cũng bị trường hợp như vậy, nói theo đạo thì tốt cực kỳ, vì chỉ như vậy mình mới có cơ hội nhìn lại mình, chứ còn bây giờ có nói huyên thiên về thế giới này cũng không gì hiệu quả bằng cái chết, chính cái chết mới nhắc nhở mình điều mình vừa học. Khi còn sống thì móng tay mọc dài chịu không nổi phải cắt, tay khô thì bôi lotion, áo mặc phải vừa vặn, có tiền thì đổi xe đi cho êm, đùng một cái, khi cái thân này không còn thở nữa thì cái gì cũng bỏ hết. Ở đây thỉnh thoảng tôi ghé tiệm đồ cũ xem có cái gì tốt thì lượm về. Có những bộ đồ như áo thun hoặc giày tất, dao kéo nguyên bộ, tôi nhìn mà rùng mình vì ngờ ngợ đây là của một người đã chết, nhất là những bộ đắt tiền mà bán chỉ còn 1/10, hay 1/20 giá. Quí vị có dịp sang Thụy Sĩ mà dành một tuần lễ cùng với tôi đi tiệm đồ cũ thì có thể lấy lại tiền vé máy bay. Những bộ nồi bạc giá ngàn đô la chỉ còn giá một hai trăm; hoặc họ mua đồ mới bỏ đồ cũ, hoặc họ không còn trên hành tinh này nữa. Cũng có thể là đồ của nạn nhân rớt máy bay vừa rồi không chừng, hay đồ của ai đó vừa ra đi, đồ second-hand là vậy.

VIII. PHẨM ĐOẠN

ĐOẠN SÁT

Chetvāsuttaṃ

Sát vật gì được lạc?

Sát vật gì không sầu?

Có một pháp loại gì,

Ngài tán đồng sát hại

Ngài nhìn vào căn tánh, khuynh hướng tâm lý, cơ duyên tiền kiếp của người hỏi mà Ngài trả lời. Chúng ta cho người khác cái gì thường là tùy vào mình, không vì nghĩ đến lợi ích của người mà chỉ tùy vào điều kiện mình có. Bất cứ câu nói nào của Đức Phật cũng hội đủ bốn điều kiện: Ngài nhìn vào căn tánh, khuynh hướng tâm lý, cơ duyên tiền kiếp của người hỏi mà Ngài trả lời. Chúng ta cho người khác cái gì thường là tùy vào mình, không vì nghĩ đến lợi ích của người mà chỉ tùy vào điều kiện mình có. Bất cứ câu nói nào của Đức Phật cũng hội đủ bốn điều kiện: *1. Đúng sự thật, 2. Hữu ích, 3. Hợp thời, 4. Bằng từ tâm.* (Trung Bộ Kinh). Ngài không nói gì sai, điều Ngài nói là chân lý. Hữu ích là hữu ích trên con đường giải thoát, hữu ích cho đời sống tâm linh của họ. Ngài không nói những câu chuyện mua vui cho người khác, không nói một câu vô ích. Ngài là bậc Nhất thiết trí, chuyện gì Ngài cũng biết nên Ngài biết rất rõ hậu quả của một phút nói chuyện tào lao. Ngài thấy hậu quả kinh hoàng hơn mình thấy. "Này các tỳ kheo nếu các ngươi hiểu được quả báo của bố thí (Trung Bộ Kinh). Ngài không nói gì sai, điều Ngài nói là chân lý. Hữu ích là hữu ích trên con đường giải thoát, hữu ích cho đời sống tâm linh của họ. Ngài không nói những câu chuyện mua vui cho người khác, không nói một câu vô ích. Ngài là bậc Nhất thiết trí, chuyện gì Ngài cũng biết nên Ngài biết rất rõ hậu quả của một phút nói chuyện tào lao. Ngài thấy hậu quả kinh hoàng hơn mình thấy. "Này các tỳ kheo nếu các ngươi hiểu được quả báo của bố thí *như là ta hiểu*, thì một muỗng cơm cuối cùng dành cho mình sau khi đã cho hết thì các ngươi cũng không nỡ ăn". Hơn ai hết Ngài biết rất rõ bao giờ mình chết, thời gian trong đời mỗi người còn lại bao nhiêu để mà sống đàng hoàng thì còn bụng dạ nào mà nói lời vô ích. Nếu bây giờ, giả dụ, mạng sống của mình có thể dùng tiền mua được từng phút, từng hơi thở giống như mua được từng lít nước biển, từng lít máu, theo quí vị một phút, một hơi thở trong đời sống đáng giá bao nhiêu. Tôi biết ở đây không ai dám trả lời. Ngay bây giờ quí vị thấy nó thường lắm, nhưng nếu một người chí thân của mình đang nằm trên giường bệnh, bỏ ra một ngàn đô la để sống thêm một tiếng đồng hồ, thì tôi nghĩ quí vị sẽ bán nhà để mua thêm giờ sống. Ấy vậy mà, trong khi đó, chúng ta đang đành lòng hoang phí thời gian, trùm mền đọc tiểu thuyết, mua một đống bắp rang, xách thêm một hộp khăn giấy ngồi coi phim Đại Hàn khóc chơi, vậy mà được. Thời gian đi rồi không bao giờ quay trở lại hết. Đó là lý do vì sao vị Chánh Đẳng Giác chỉ nói chân lý và không nói gì vô ích, vì thời gian trong đời không nhiều. Và phải nói đúng lúc. Nói không đúng lúc sẽ phản tác dụng, gây phản cảm. Dạy con cũng phải lựa lúc mà nói, lựa lúc nó vừa bị hư hao, thất bại, nhắc nó mới nhớ. Ngay cả phàm phu với nhau mà còn phải lựa lúc mà nói nói chi là vị Chánh Đẳng Giác. Tâm mình giống y như thân mình, cũng giống như trời đất

bên ngoài, có những thời điểm chúng ta gieo hạt nó mới lên mầm trổ hoa ra trái, có những thời điểm lý tưởng cho một công việc nào đó, có những thời điểm lý tưởng để mình ăn uống, châm cứu, trị liệu, luyện tập thể dục v.v... Công việc còn luôn luôn cần những thời điểm lý tưởng thích hợp nói chi là đời sống tinh thần, vì vậy phải hợp thời. Điều gì cũng được Đức Phật nói ra bằng từ tâm, còn mình thì nói ra nhiều khi vì một lý do nào đó, vì danh, vì lợi, vì quyền lực, hoặc vì không nói thì … kỳ lắm, còn Đức Phật thì lúc nào cũng nói bằng từ tâm. Khi Ngài bắt đầu nói là phải có bốn điều kiện trên. Có những cái đúng sự thật nhưng không lợi ích, ví dụ phong thủy, tướng số, thời sự, chiến tranh, chính trị, có nhiều chỗ không thực sự cần thiết cho đời sống tâm linh của mình.

Khi người ta hỏi *cái gì bỏ đi sẽ được an lạc*, nếu gặp người khác hỏi chắc chắn Đức Thế Tôn sẽ trả lời khác; có bài kệ Ngài nói bỏ ái thì an lạc, bỏ danh thì được giải thoát. Ở đây Ngài nói bỏ được sự bất mãn, sự phẫn nộ (*kodha*) thì được an lạc. Ngài trả lời vậy bởi vì hai lý do:

1. Căn tánh người đối diện cần phải nghe điều này mới chạm huyệt của họ. Có người phải nói ngay chỗ đó họ mới thấy.

2. Đối với người học A-tỳ-đàm thì phải hiểu ngầm là tất cả những phiền não giống hệt sợi dây xích. Phiền não có nhiều cách nói: *tham sân si* cũng được, nói *tà kiến ngã mạn*cũng được, nhưng nói gì thì nói, các phiền não nó qui định lẫn nhau. Ví dụ khi nói vị Tu-đà-hoàn vĩnh viễn không còn hoài nghi, vĩnh viễn không còn thân kiến nữa, thì phải hiểu ngầm vị này là Hữu học hoặc là vị Vô học rồi. Ở đây có sự chơi chữ: '*Vadhaṃ': '*sát sanh'. *'Vadha'* (killing): 'giết chóc', 'sát hại'. Biết Đức Thế Tôn là một người từ mẫn, đệ nhất hiếu sinh, không chủ trương chuyện làm buồn ai chớ đừng nói là làm chết ai, vậy mà người hỏi có cái gì mình 'giết' nó, 'trừ khử' nó thì được an lạc. Đức Thế Tôn trả lời là trừ bỏ lòng phẫn nộ thì mới được an lạc. Vì căn cơ người nghe, Ngài nói đến 'phẫn nộ' mới hợp với họ, và chỉ nói đến 'phẫn nộ' là bao trùm các phiền não khác, bởi vì không có chuyện một người chấm dứt tuyệt đối phẫn nộ mà lại còn phàm phu. Theo A-tỳ-đàm thì tối thiểu phải là vị Tam quả mới chấm dứt phẫn nộ, chỉ cần Tu-đà-hoàn là đủ rồi. Tu-đà-hoàn là chiếc xe đã chạy tám ngàn tỷ (billion) cây số rồi, chỉ còn lăn bánh thêm 7cm (7 kiếp) nữa, (có chuyện thú vị là cùng chữ '*billion'* mà tiếng Mỹ nghĩa là 1 tỷ, còn tiếng Đức là 1000 tỷ). Vì vậy, chỉ cần nói chấm dứt hoài nghi, chấm dứt thân kiến thì phải hiểu ngầm vị này tối thiểu đã là Sơ quả, đã đi hết đường sanh tử rồi nói chi người đã chấm dứt phẫn nộ, tối thiểu là tam quả A-na-hàm. Phẫn nộ là sự bất mãn, là mặt kia của tham ái. Vì mình còn

thích cái này còn thích cái kia thì còn có sự bất mãn, chấm dứt phẫn nộ là khai trừ vĩnh viễn tham ái. Đó là lý do tại sao ở thiền Chỉ, đạt đến Tứ thiền rồi, thọ khổ và thọ lạc tạm thời chấm dứt, vị ấy không còn thấy sự sung sướng hay đau khổ của thân tâm mà chỉ còn cảm giác hững hờ lạnh lùng, vì *khổ và lạc* là một cặp. Còn bên thiền Quán, khi đắc Nhị quả thì giảm nhẹ được dục ái và sân, và đắc tam quả thì dứt hẳn dục ái và sân vì ở đâu có dục ái thì ở đó có sân. Hễ còn ái thô thiển thì còn có sự bất mãn. Người nào mà mình còn có khả năng giận họ là mình còn có khả năng quan tâm họ; còn không đáng giận họ nữa thì mình không còn khả năng quan tâm họ nữa, mình đã coi họ là người dưng, bên ngoài cuộc đời của mình rồi. Nói theo tâm lý học thì cái ghét gần cái thương hơn cái lạnh lùng, vì mình còn chút bận tâm. Còn càng nhiều cái thích thì càng nhiều cái ghét, càng ít bận tâm thế giới này thì cái ít cái bất mãn. Vì vậy trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật dạy: *"Đừng tìm chi cái thích, đừng tìm chi cái ghét. Thích phải xa là khổ, ghét phải gần là khổ."* Tôi có một chút kinh nghiệm trong chuyện này. Trong giao tiếp thôi, chỉ cần mình thấy người ta có một điểm dễ mến thì mình về mình nhớ, thay vì mình chỉ ghi nhận người ta là người ta. Ví dụ người ta cho mình cục xà bông, đôi vớ, tự nhiên mình nhìn cái mặt người ta mình mến 30%, rồi mình phân tích tại sao người ta mua cho mình đôi vớ, ý họ muốn là mỗi lần trời lạnh mình phải nhớ tới họ, mình mang họ vào trong giường, mình mang họ đi ra phố… mình phân tích một hồi rồi kết luận là người ta thương mình. Đó chỉ là do mình tưởng chớ thật ra không có gì hết, đừng tìm chi cái khía cạnh để thương thích hay ghét sợ, vì thương thích phải xa là khổ, ghét sợ phải gần là khổ. Khổ lạc là hai mặt của một đồng tiền; bất mãn thích thú là đồng tiền hai mặt. Đức Thế Tôn chỉ nói đến phẫn nộ thôi là đủ với người hữu duyên rồi.

CỖ XE

Rathasutta

"Kiṃsu rathassa **paññāṇaṃ**, kiṃsu paññāṇamaggino;

Kiṃsu raṭṭhassa paññāṇaṃ, kiṃsu paññāṇamitthiyā''ti

"Dhajo rathassa paññāṇaṃ, dhūmo paññāṇamaggino; Rājā raṭṭhassa paññāṇaṃ, **bhattā paññāṇamitthiyā''ti**

Chữ '*paññāṇa'* ở đây không liên hệ gì đến trí tuệ, mà chỉ là biểu tượng (symbol). Thế giới này là thế giới của những biểu tượng. Chỉ vì màu cờ sắc áo mà biết bao nhiêu người đã ngã xuống. Khoan nói đến chiến tranh hay lá cờ ở cổ thành

Quảng Trị năm 1972, chỉ cần nói đến mùa World Cup vừa rồi, chỉ có màu cờ sắc áo mà đã làm cho bao nhiêu người lên máu, đột quỵ, đó là chỉ nói người yêu bóng đá chớ không nói dân cá độ. Cùng một ngày nhưng người này gọi là ngày thống nhất, người kia gọi là ngày mất nước chỉ vì màu cờ. Chính thể nào rồi cũng tồn tại một thời, có thể nó bị bôi xóa tức thì trong một biến cố nào đó, hoặc có thể tiếp tục tồn tại trong sự thay đổi dần dần không còn như cũ. Vì nhãn hiệu mà chúng ta quay lưng, bắn vào nhau. Sau này nhắc chuyện cũ thì người Việt ôm nhau mà khóc. Không phải riêng VN mà toàn thế giới này như vậy. Chúng ta đã chế ra, nghĩ ra màu cờ sắc áo rồi phân ranh biên giới, rồi bắn vào nhau. Toàn bộ thế giới này là biểu tượng là vậy.

Trong bài kệ này Đức Phật có vô số cách trả lời cho câu hỏi, nhưng nhìn căn tánh người hỏi Ngài thấy chỉ có cách trả lời này thì đối tượng đó mới thấm. Đối với một đứa bé chưa có răng thì phải đưa bình sữa, một người già không còn răng thì đừng mời họ ăn mía, Đức Thế Tôn có thức ăn cho trẻ em và cho người lớn, cho người rụng răng và còn răng, trong bài kinh này, Ngài nói: Toàn bộ thế giới này chỉ là thế giới của biểu tượng.

'Cờ' ở đây phải hiểu ngầm. Ngày xưa nhà nghèo làm gì có xe. Xe của tổng thống Mỹ, một bên là cờ Mỹ, một bên là cờ của Nhà Trắng, mình thấy thì biết là không thể xin quá giang được. Trước 1975 xe của tướng có để hình sao. Ở bên Miến Điện bây giờ, một vị thuộc lòng Tam Tạng sẽ được chính phủ tặng cho chiếc xe hơi, trên đó có gắn biểu tượng để người ta biết vị này thuộc lòng Tam Tạng. Đó là cách vinh danh của chính phủ đối với những tinh hoa của đất nước. '*Paññāṇa'* ở đây là tiêu biểu cho nhân vật ngồi trên xe thể hiện qua lá cờ.

Tiêu biểu cho ngọn lửa là '*khói'*. Xưa có phong hỏa đài, đây là nơi để tạo ra những tín hiệu liên lạc bằng khói.

Vị nguyên thủ, lãnh đạo đất nước được xem là diện mạo của một đất nước. Một đất nước mà lãnh đạo biết suy nghĩ thì dân đất nước đó được nhờ, nên ở đây '*vua*' là biểu tượng cho đất nước là vì vậy. Một trụ trì mà bất tài thì chùa phát triển không nổi, nói gì nguyên thủ quốc gia. Một tổng thống Mỹ hay thủ tướng Anh mãn nhiệm rồi họ chỉ đi diễn thuyết cũng đủ làm giàu, vì họ có kiến thức thật sự. Trong khi đó có biết bao nhiêu kẻ bất tài nhưng lại làm lãnh đạo nhờ móc nối phe đảng. Những kẻ như vậy đứng trên đầu thiên hạ mà dân tộc đó không khổ mới lạ. Mỗi lần tôi bị kẹt xe, chờ đèn đỏ, chiếc xe đậu phía trước vì lý do nào đó

đèn xanh rồi mà không chạy, bắt những chiếc xe sau phải bóp kèn, tôi thường nghĩ đến mấy tay lãnh đạo bất tài làm trì trệ cả đất nước.

"bhattā paññāṇamitthiyā'ti" (chồng hiện tướng nữ nhân) Biểu tượng cho người đàn bà chính là người chồng. Chỗ dựa một đời của họ, trong nhờ đục chịu.

Toàn bộ nội dung của bốn câu kệ này là thế giới này tồn tại trong những biểu tượng. Nghĩ bao nhiêu đó đủ chán rồi. Tôi chủ trương cũng đừng nặng lòng lắm với những hình thức chớ ra đường thấy treo thánh giá thì ghét, mặc dù đó là tự do tín ngưỡng của người ta, hoặc thấy chữ Ả Rập là khó chịu vì nghĩ đến Hồi giáo, khủng bố, cực đoan, hắc ám; hoặc thấy búa liềm thì thở không nổi, đó là biểu tượng.

Bài giảng ngày 26-7-2014 CỖ XE (tt) Rathasutta

Trong bài kinh gốc chỉ có bốn câu thôi:

Cỗ xe hiện tướng gì?

Ngọn lửa hiện tướng gì?

Vương quốc hiện tướng gì?

Phụ nữ hiện tướng gì?

Nghĩa là cái diện mục của người nữ là gì, ngọn lửa biểu tượng cho cái gì, tiêu biểu của quốc gia là gì và chiếc xe được biểu tượng cho ai. Khi nhắc bài kinh này chúng tôi không gọi là bài kinh Cỗ Xe mà gọi là bài kinh Biểu Tượng và bài kinh này rất quan trọng.

Đối với rất đông đảo chúng sinh phàm phu, khi Đức Phật đối diện với một người Ngài nhìn vào căn cơ của người đó mà nói. Có người, thay vì nói rằng tất cả là đồ giả Ngài chỉ nói là đồ ráp, thì mình biết đó là đồ giả. Khi có người hỏi: Bạch Thế Tôn, khi một người sau khi chết họ sẽ đi về đâu, có tiếp tục tồn tại nữa hay không?

Khi họ hỏi như vậy là cái ý họ muốn nói đến một cái 'tôi', một cái 'ta'. Nhìn họ Ngài biết họ muốn hỏi là sau khi họ chết có còn gì nữa hay không. Đối với mỗi người Ngài trả lời một cách. Có người Ngài nói: Sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành thức cũng là vô thường, cái gì vô thường cái đó là vô ngã, cái gì vô thường cái đó là khổ… Nếu ngay lúc họ còn sống mà cái được gọi là cuộc đời của họ chỉ là sự có mặt của 5 uẩn, và 5 uẩn đó cũng chỉ là cái gì rất đỗi vô thường phù phiếm, nếu họ có tái sanh thì sự tái sanh của họ cũng là sự trở lại của những gì rất đỗi phù phiếm. Ở trường hợp khác, cũng có người hỏi Ngài một câu y như vậy và Ngài sẽ trả lời như thế này: Ở đây, ta nói rằng do

vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc v.v..., tức là Ngài nhắc lại hệ thống chuỗi duyên khởi cho họ nghe. Với người hữu duyên, họ nghe sẽ thấm liền. Thay vì trả lời họ sẽ tiếp tục tồn tại hay không tồn tại sau khi chết thì Ngài trả lời do vô minh duyên hành, hành duyên thức… nghĩa là sự tiếp nối của những đơn vị pháp giới rất là phù du. Nghĩa là "ngay bây giờ con đang còn sống thì nó đã như vậy thì nếu con chưa là vị La Hán chấm dứt sinh tử thì sự tiếp nối sau này của con vẫn là sự lặp lại của chừng đó món phụ tùng thiết bị linh kiện mà thôi."

Ngay trong đầu buổi giảng hôm trước, chúng tôi có đưa ra nội dung ngắn gọn của bài kinh này là "toàn bộ thế giới này được thiết lập trên biểu tượng". Trước khi biết Phật pháp, chúng ta chỉ sống trong thế giới biểu tượng. Cũng là người đó nhưng trong một buổi họp mặt, trước mặt mọi người, sau khi ta gắn vào tay họ, trên ngón áp út – ngón tay của cảm xúc, ngon tay trực tiếp gắn liền với trái tim – một chiếc khoen kim loại, có thể bằng vàng, bằng bạc hoặc bằng đồng, trên đó có cẩn hột xoàn hay đá quí hoặc không cẩn gì hết thì chiếc khoen kim loại đó được gọi là "nhẫn cưới" và buổi họp mặt đó có cái tên là "hôn lễ". Trong đời có biết bao nhiêu chiếc khoen kim loại, nhưng kể từ lúc chúng ta trao vào tay nhau chiếc nhẫn mà ta gọi là nhẫn cưới và trong buổi họp mặt ta gọi là hôn lễ thì người kia được gọi là người phối ngẫu của mình, là một nửa của đời mình, là chiếc xương sườn số 7 của mình. Rồi thì một thời gian cơm không lành canh không ngọt, chiếc khoen của ngày xưa bây giờ có thể được trả lại hay không được trả lại chỉ cần có mảnh giấy gọi là tờ hôn thú, giờ đây bị xé bỏ, được đem ra tòa, trả lại cho luật sư, xác nhận tờ giấy đó không còn tác dụng nữa. Chỉ cần xác nhận như vậy thôi thì buổi họp mặt mang tên "hôn lễ" ngày xưa đó không còn giá trị nữa và ý nghĩa tinh thần của chiếc khoen kim loại ngày cũ đó cũng không còn giá trị nữa. Những khế ước những hợp đồng giữa cá nhân này với cá nhân kia, đoàn thể này với đoàn thể nọ, tổ chức này với tổ chức khác cũng chỉ là những biểu tượng. Chúng ta thấy đời khổ quá, chạy về với Phật, chúng ta cầm trên tay xấp giấy gọi là cuốn Kinh, chúng ta quì lạy một bức tượng, khúc gỗ hay cục xi măng, một bức tranh mà ta gọi là tranh của vị Đạo sư tinh thần của mình, rồi thì cũng chỉ là biểu tượng. Những ngôn ngữ, những ngôn từ mà tăng ni, Phật tử cư sĩ vào đạo trước mình trao truyền cho mình, vẫn chỉ là biểu tượng. Quí vị xem trong Trường Bộ Kinh, bài kinh Poṭṭhapādasutta trong đó có một câu rất quan trọng:

"Itimā kho, Citta, lokasamaññā lokaniruttiyo lokavohārā lokapaññattiyo, yāhi Tathāgato voharati aparāmasanti." (Poṭṭhapādasutta- 440) (Ở đây, này gia chủ Citta, đó chỉ là ký hiệu của thế gian, từ ngữ của thế gian, ngôn ngữ của thế gian,

sự định đặt của thế gian, Đức Như Lai chỉ sử dụng thôi, không có chấp thủ, không có nặng lòng trong đó).

Chính từ những câu kinh rất nguyên thủy này mà có câu trong kinh Pháp Hoa: Trong bốn mươi mấy năm qua ta chưa từng nói một lời. Này Tu Bồ Đề, ta thuyết giảng mà không phải là thuyết giảng đó mới chính là thuyết giảng vậy. Những câu kinh đó của PG phát triển đời sau y cứ vào câu "Itimā kho, Citta, loka-samaññā lokaniruttiyo lokavohārā lokapaññattiyo, yāhi Tathāgato voharati aparāmasanti." Đó chỉ là từ ngữ ngôn từ định đặt của thế gian Như Lai chỉ sử dụng thôi, không có chấp thủ, nặng lòng trong đó, chỉ là biểu tượng thôi. Trong Trường Bộ Kinh[1], có câu thế này: Này các tỳ kheo nếu có cuộc tranh luận xảy ra giữa chúng tỳ kheo thì các ngươi phải ngồi lại trao đổi bàn luận xem sự khác biệt, mâu thuẫn đó thuộc về từ ngữ hay ý nghĩa, nếu chỉ mâu thuẫn về từ ngữ thì mâu thuẫn đó rất nhỏ không đáng kể miễn là quan điểm của hai bên tương đồng với Kinh tương ứng với Luật...

Khi chưa biết đạo thì mình sống chìm đắm trong thế giới của biểu tượng. Những khái niệm, những kỹ thuật hội họa cũng chỉ là những biểu tượng, vì những khái niệm, những kỹ thuật đó được người này chấp nhận nhưng không được người kia chấp nhận, bằng chứng là hội họa có vô số trường phái; rồi thì âm nhạc, kiến trúc, chính trị, văn hóa xã hội, bao nhiêu thứ trên đời cũng chỉ là những biểu tượng và trên những biểu tượng đó người ta hướng đến lý tưởng ý nghĩa cao vời nào đó của cá nhân hay của đoàn thể. Tất cả chỉ là biểu tượng và y cứ trên biểu tượng đó người ta mới làm việc tiếp tục. Trong chính trị thì biên giới, quốc ca, quốc kỳ chính là biểu tượng. Văn hóa cũng vậy, người Tàu tự hào 5000 nghìn năm văn hóa Hoa Hạ, người Việt Nam có 4000 năm văn hóa Văn Lang, Đại Việt… dân tộc nào cũng có huyền thoại huyền sử, đó chính là những biểu tượng.

Thế giới này chỉ là những biểu tượng, còn đời sống chúng ta là phải chọn lấy biểu tượng nào, để hướng tới cái gì. Nói như vậy không phải là tôi phủ nhận ý nghĩa tác dụng của biểu tượng, cái quan trọng là tôi muốn nhấn mạnh rằng hãy luôn luôn tâm niệm rằng đừng khư khư với tất cả những biểu tượng mà hãy nhớ rằng biểu tượng chỉ là phương tiện dẫn đến một lý tưởng. Như là cái ngón tay, dù là ngón tay của người nam hay nữ, ngón tay dơ hay sạch, đẹp hay không đẹp, ngón tay dài hay ngắn, mập hay ốm, đen hay trắng, ngón tay nào cũng là ngón tay thôi mà quan trọng là ngón tay đó chỉ về đâu. Đời sống mình chỉ là biểu tượng, Phật pháp cũng vậy, từng câu từng chữ trong kinh cứ xúm nhau mà cãi mà tranh luận, trong khi quan trọng nhất là những điều đó dẫn về đâu. Hôm nay chúng ta có

phong trào tu thiền từ 1962 đến năm 2012, đúng tròn trịa vừa vặn 50 năm, vừa vặn nửa thế kỷ. Miến Điện thì đóng cửa, bế quan tỏa cảng không mở cửa ra bên ngoài, thế là bao nhiêu cái gì bên trong thế giới đó chúng ta không có dịp để biết nhiều lắm. Rồi thì sau năm 2012 Miến Điện mở cửa, về nhiều mặt trong đó có tôn giáo, có Phật giáo và kéo theo đó là pháp môn Vipassana, Tứ Niệm Xứ, rồi thì người Việt chúng ta ùn ùn kéo vào trong đó. Tới ngày chúng ta vào được đất Miến rồi chúng ta mới tu thiền. Chuyện đó hay quá tốt quá nhưng lại nảy sinh ra một số vấn đề chúng ta được nghe, đọc trên internet. Có người mặn mà với pháp môn của thiền sư này, thiền sư kia, của dòng thiền này, dòng thiền nọ, nhưng chúng tôi muốn nói điều quan trọng là hành giả VN nói riêng, Phật tử VN nói chung hoan hỉ nhớ giùm mỗi vị thiền sư đều có thành tựu riêng của mình và có vấn đề của riêng mình, không ai giống ai hết. Trong đời này chỉ có một hạng người duy nhất là Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả chư Phật đều giống hệt nhau, khi hướng dẫn cho người khác thì các ngài luôn hướng đến bằng con đường tốt nhất. Nếu lật ngược thời gian lại, nếu Đức Phật Nhiên Đăng - là vị Phật đầu tiên đã thọ ký cho Bồ tát - gặp Angulimala thì Ngài cũng sẽ hành động và nói y hệt như Đức Phật Thích Ca vậy đó, vì cái thấy của các vị đó đối với ngài Vô Não giống nhau, nên phải nói gì, hành động gì, cư xử gì các ngài cũng chọn cái tốt nhất, và hiển nhiên là giống nhau. Nhưng nếu các vị Độc Giác hay Chí thượng Thanh Văn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, đại Thanh văn như ngài Ānanda, ngài Ca Diếp khi gặp chúng sinh khác cần phải tiếp độ thì mỗi vị sẽ có cách nói khác nhau nói chi là những vị thiền sư phàm phu, mỗi vị có vấn đề riêng và thành tựu riêng. Ví dụ, vị thiền sư A đi đứng không thoải mái lắm nên khi hướng dẫn thiền định vị này không nói nhiều về kinh hành. Không phải vì vị này muốn mọi người đều ngồi nhưng cứ nói kinh nghiệm tu tập thì vị ấy sẽ nói việc ngồi và nằm thì sở trường hơn là đi. Có vị thì coi nặng hành thiền tập thể hơn là thiền cá nhân. Có vị do điều kiện sức khỏe hoặc sở thích tâm lý hoặc do cơ thể mà vị đó luôn chú ý vấn đề thực phẩm; vị này sẽ nhấn mạnh việc chúng ta phải ăn cái gì kiêng cái gì. Có vị coi nặng vấn đề trú xứ, gặp mặt thì đề cập vấn đề chỗ ở phải như thế này thế kia. Chính vì vậy mà trong sự hướng dẫn của vị thiền sư A làm sao giống vị thiền sư B. Khổ thay người đi học thiền lại không để ý cái này, cứ thấy ông thầy mình hay hơn ông thầy kia, rồi từ đó nói chuyện với học trò của vị thầy khác thì khó giao cảm thỏa hiệp và từ đó thiếu sự cảm thông, chia sẻ, trong khi tất cả mọi thứ đó chỉ là biểu tượng, phương tiện, cách nào cũng được miễn là có chánh niệm, làm sao cho cái tâm nó yên và có cơ hội để nhìn vào diện mục thật sự của mình, cái gì là buồn vui, cái gì là vô ngã trong danh sắc này… Trong chuyện nghe pháp cũng vậy, mình nói mình hợp với vị này vị kia, nhưng tất cả những gì

mình nghe được thấy được từ vị ấy cũng chỉ là biểu tượng. Để ý điều này chúng ta sẽ thoát được cái bịnh cố chấp, bịnh phe đảng. Không có một nguyên tắc nào trên đời này là tuyệt đối hết, mà tất cả chỉ là những giải pháp tạm thời thôi, kể cả trong đạo lẫn ngoài đời. Tất cả vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị, đạo đức, cũng vậy, chỉ là giải pháp tạm thời. Ngay cả Đức Phật là bậc vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Nhất thiết trí mà Ngài cũng không xem nguyên tắc nào tuyệt đối hết, tùy căn cơ chúng sanh mà nói, và có vô số cách trình bày cho một vấn đề. Chúng ta cứ tưởng tượng trước mặt mình có một bản đồ, trên đó chúng ta để hột me hay hòn sỏi giữa tờ giấy, thử nghĩ có bao nhiêu con đường có thể dẫn đến hột me. Hột me nằm giữa hình tròn 3600, chúng ta có vô số hướng tìm đến hột me đó. Chân lý cũng vậy, đạo giải thoát, cứu cánh thánh trí cũng y hệt, có nhiều hướng đi vào, đạo giải thoát chỉ là hột me nằm ngay tâm của hình tròn 3600, tại sao có bao nhiêu con đường để đi vào mà chúng ta phải tranh luận với nhau rằng anh phải đi con đường này?

Con đường nào cũng được miễn là con đường đó mang tinh thần ý nghĩa Bát chánh đạo. Bát chánh đạo ở đây không phải riêng con số 8. Có chỗ Đức Phật không nói con số 8 mà là con số 7: thất giác chi; có chỗ Ngài nói con số 5: tín tấn niệm định tuệ; có chỗ Ngài nói con số 3: Tam vô lậu học; có chỗ Ngài nói số 2: Chỉ và Quán, Ngài không nhắc đến giới nhưng mình phải hiểu ngầm, không có giới thì làm gì có Chỉ, làm gì có Quán; không có tàm quí, không có từ tâm, không có nhẫn nhục, hành xả, trí tuệ làm gì có Chỉ Quán, nhưng Ngài chỉ nói có hai, trong Tăng Chi Bộ, phần 2 chi: "Này các tỳ kheo ta nói rằng chỉ có hai việc mà vị tỳ kheo phải dành trọn thời gian trong đời mình để thực hiện, đó là Chỉ và Quán". Nếu quí vị là một bác sĩ, khi đứng trước câu hỏi "Làm sao có được sức khỏe tốt?

" thì có rất nhiều cách trả lời phải không. Cách trả lời nào cũng chỉ là biểu tượng. Một hệ thống tín ngưỡng, hệ thống chính trị, ý thức hệ, quan điểm, học thuyết, chủ nghĩa nào cũng chỉ là biểu tượng mà mình sống chìm sâu vào trong nó, coi nó là tất cả thì hỏng. Mọi công thức, nguyên tắc chỉ là giải pháp mang tính tạm thời. Chúng ta không thể là những người máy di động, làm việc trong sự sắp xếp cài đặt của ai đó được, chúng ta phải có cái đầu độc lập. Chúng ta không phải là những con thú nuôi chỉ sinh hoạt trong những đường hướng nhất định mà người chủ bày ra cho mình, sáng đi ăn, chiều vô chuồng. Chúng ta không phải là em bé, người già lú lẫn mất trí để y tá sắp xếp. Chúng ta là người trưởng thành, bình tĩnh, có khả năng suy tư độc lập, tất cả những điều đó cho phép chúng ta có cái nhìn độc lập. Giải thoát là gì?

Trước khi chấm dứt phiền não, thoát khỏi sự sinh tử thì giải thoát nằm ở chỗ là chúng ta có khả năng suy tư độc lập. Còn chưa có được thánh trí, chưa chấm dứt sanh tử mà ngay trong cách nghĩ, cách hiểu, cách hành trì chúng ta đã bị nhốt tù, giam hãm thì giải thoát nằm ở đâu?

Phải thấy ra sự thật để được tự do (Krisnamurti). Nếu không thấy được sự thật chúng ta dễ dàng bị nhốt trong những cái lồng của những khái niệm mà người khác bày ra cho mình.

Hãy nhớ rằng tất cả mọi thứ ở ngoài đời hay trong Phật pháp cũng chỉ là biểu tượng, và cái quan trọng nhất là những biểu tượng đó tượng trưng cho cái gì và dắt chúng ta đi về đâu, cách đón nhận của chúng ta đối với những biểu tượng đó như thế nào. Tùy vào não trạng, vào hành trạng của mình, tùy vào khả năng đón nhận, khả năng tiêu hóa của mình mà chúng ta chấp nhận những biểu tượng đó theo kiểu nào, đây là việc quan trọng. Hãy nhớ rằng trong từng ngày, trong từng giờ chuyện chúng ta suy tư, hành trì thiền Quán thiền Chỉ, xem kinh đọc sách, tiếp xúc tăng ni cư sĩ để học hỏi, đó là những giờ phút chúng ta tăng cường khả năng nhận thức cuộc đời, tăng cường khả năng tiêu hóa Phật pháp, chớ đừng nghĩ là chúng ta thu gom kiến thức thu gom chân lý. Cách đón nhận những nguyên tắc, công thức, chính trị, văn hóa, tôn giáo rất quan trọng, tất cả chỉ là chiếc bè qua sông, là ngón tay chỉ mặt trăng, là bản đồ bằng giấy, là đường sá kẽ bằng mực, tờ giấy đó không phải là con đường mình muốn đi, con đường mình có thể đặt chân trên đó. Bản đồ không phải là con đường, con đường được phác họa trên bản đồ. Khả năng nhận thức, cách thức tiêu hóa của mình rất quan trọng. Có người đến với Phật pháp qua một buổi giảng và phải đúng ông thầy nào đó; có người đến với Phật pháp qua những trang kinh mà chỉ trang kinh đó nó mới chạm tâm tư của họ, là vì nó ứng với những gì họ đã chuẩn bị sẵn, đó là vì cách đón nhận biểu tượng. Mỗi người có cánh cửa thích hợp riêng để bước vào chân lý. Mỗi bộ kinh chỉ là những cánh cổng, từng bài kinh chỉ là những chiếc cổng để đi vào Phật pháp. Mỗi bài kinh được trình bày bởi một vị sư thì vị đó lại là một cánh cổng. Cùng một bài kinh nhưng đọc cách đây mười mấy năm cách hiểu sẽ không giống như bây giờ, vì cái não trạng, tâm trạng của mình bây giờ đã khác. Đời là một dòng chảy, tất cả chỉ là những giải pháp tạm thời mà thôi, đó chính là tất cả những gì chúng ta cần phải lưu tâm để ý khi nói đến chữ biểu tượng trong Phật pháp và nói rộng hơn, từ đó nó cũng dẫn đến những gợi ý quan trọng, những nhận thức của mình trong tất cả các lĩnh vực khác. Khư khư ôm lấy một thứ không dám nghi ngờ con đường dưới chân của mình thì chúng ta sẽ là chim lồng cá chậu. Kiếp người có bao nhiêu mà vùi đầu trong thứ chân lý ảo vọng, thứ học

thuyết chủ nghĩa người khác áp đặt cho mình, giống như con ngựa bị cột vào chiếc xe rồi còn bị che hai bên mắt.

TÀI SẢN

Bài kinh này có một duyên khởi rất là tôn giáo, rất là nội bộ. Gọi là tôn giáo vì duyên khởi bài kinh này không dễ chấp nhận, hơi hoang đường đối với người khác đạo.

Đức Phật của mình là Đức Phật Gautama hay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài chỉ là một trong vô số những vị Phật đã và đang và sẽ xuất hiện trên thế gian này. Phật là trước đây vô số kiếp Ngài cũng y chang như mình, rồi có một ngày nhận ra đời sống là biển khổ, thế là Ngài đi đến suy nghĩ: trên đời cái gì cũng có hai mặt: sáng và tối, đen và trắng, cao và thấp, mập và ốm, vui và khổ, khóc và cười, có ràng buộc có tháo cởi, vậy là hễ có sanh tử thì có sự không sanh tử, có trầm luân thì phải có gì đó đối lập với trầm luân. Thế là Ngài làm các hạnh lành, với tâm niệm rằng nếu quả thật có những cứu cánh như vậy thì với những hạnh lành này ta tìm ra được con đường để bản thân mình thoát khổ và giúp được người khác thoát khổ. Kể từ lúc sơ phát tâm như vậy đó được gọi là Bồ đề tâm của một vị Bồ tát, cứ như vậy huân tập các hạnh lành, và trong hàng tỷ tỷ người mới có một người có suy nghĩ như vậy, và trong hàng tỷ tỷ người chỉ có một người thực hiện được trọn vẹn tâm nguyện của mình để trở thành một vị Phật. Vì vậy trong kinh nói lâu lắm mới có một vị Phật ra đời, nhưng dòng luân hồi vốn vô thủy vô chung nên có vô số Đức Phật ra đời và sống hết tuổi thọ của mình thì từ đó ra đi vĩnh viễn không quay lại nữa. Khi đủ duyên thì còn sinh tử, khi duyên sinh tử hết rồi thì giống như ngọn đèn hết dầu, tim lụn thì tắt. Bên kinh điển Nam Tông thì không nói Phật quốc, ứng thân, báo thân để xuống hoằng pháp đản sanh thị hiện rồi trở về cõi Phật. Trước khi thành Phật thì vị nào cũng như vị nào, chỉ vì đại nguyện làm các hạnh lành Ba-la-mật, duyên thành tựu chứng quả sống hết tuổi thọ rồi từ đó ra đi. Đức Phật là một trong vô số vị Phật đã đang và sẽ xuất hiện trên thế gian theo cách này. Tôi không hiểu vì sao có nhiều vị trong đó có cả HT Trí Quang nói Nam Tông chỉ chấp nhận một vị Phật Thích Ca Mâu Ni thôi (trong lời nói đầu của kinh Pháp Cú), đây là cách nói dễ gây hiểu lầm. Ngay bây giờ trong vũ trụ này, chớ không nói vũ trụ khác thời điểm khác, thì chỉ có giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni thôi.

Trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có vị Phật tên là Ca Diếp (Kassapa). Lúc Đức Phật Ca Diếp còn tại thế chưa Niết bàn có cặp vợ chồng Dạ Xoa (yakkha) vào lễ

Phật. Dạ Xoa là một loại chúng sinh mà mình gọi là quỷ. Trong tầng Dục giới có nhiều cõi, cõi thấp nhất là các cõi Địa ngục, lên nữa là cõi Người, Tứ Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Tự Tại. Dạ Xoa này thuộc về thế giới Tứ Đại Thiên Vương, nằm dưới quyền chủ quản của một Thiên vương nào đó trong Tứ Thiên Vương. Ngay thời này chủ quản Dạ Xoa là Thiên vương Vessavana (Tỳ-sa-môn). Dạ Xoa có nhiều loại, có loại hiền, có thức ăn, thức uống, y phục, trú xứ; xuất hiện theo phước muốn là có, nhưng có loại Dạ Xoa thứ hai tính tình hung dữ, sống bằng cách ăn thịt chúng sanh khác, giống như mình ăn thịt heo cừu cá dê. Cặp vợ chồng Dạ Xoa đi vào lễ Phật Ca Diếp học đạo. Học xong xuôi họ về chép câu hỏi và câu trả lời vào những miếng vàng lá để thờ. Họ có một người con tên là Ālavaka. Dạ Xoa sống rất lâu nên cha mẹ Ālavaka gặp được Phật Ca Diếp, sau này Dạ xoa Ālavaka gặp được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đem những câu hỏi đó ra hỏi Đức Phật như là một cách thử, nếu Ngài đúng là thứ thiệt thì sẽ biết cách trả lời giống như ngày xưa cha mẹ mình đã biết. Đó là duyên khởi bài kinh này, hơi tôn giáo, hơi nội bộ một chút, người ngoài khó chấp nhận. Tôi do dự, không muốn nói rõ duyên sự vì sợ người chưa biết đạo họ không quen nghe. Tôi từng rất có cảm tình với Đức hồng y F.X. Nguyễn Văn Thuận, biết ngài qua video, tình cờ ngày xưa tôi thấy nơi nhà sách ở Houston có mấy băng giảng nên đem về nghe xem trong đó có gì. Có một điều là khi nghe ngài và những linh mục khác giảng, họ rất trí thức và được đào tạo bài bản, có những đoạn thánh kinh lẽ ra được diễn dịch một chút thì hay biết bao nhiêu, đàng này nói gì nói họ cũng quay lại Chúa, nên tôi nghe tôi nản. Trong sách văn lớp 10 VN có dạy về thơ Đỗ Phủ, một thi nhân nổi tiếng đời Đường, Trung Quốc, bài thơ của ông nói về thương người nghèo được diễn dịch ra là ông là người có tư tưởng tiến bộ, có tinh thần đấu tranh giai cấp nên đứng về phía người nghèo… nghe như thể ông này được đào tạo từ trường chính trị đi ra. Ở đây cũng vậy, vô đạo nghe tinh thần giáo lý thôi, nghe cái gì chuyên môn quá thì hơi nản.

Duyên khởi của bài kinh này là tài sản gì ở đời được xem là số một.

‘‘Kiṃsūdha vittaṃ purisassa seṭṭhaṃ, ở đời tài sản gì quí nhất. ở đời tài sản gì quí nhất. Kiṃsu suciṇṇo sukhamāvahati; ở đời sự thu gom nào đem lại sự an lạc

Chữ ‘suciṇṇo’ ở đây ngài Minh Châu dịch là ‘sự hành trì’, nhưng nó còn có một nghĩa nữa là ‘sự tích cóp’, ‘thu gom’. ‘Suciṇṇo’ là ‘sự thực hành’ nhưng thực hành cũng có nghĩa như sự tích góp từng ngày

‘Acināti’: ‘thu gom’, ‘lượm lặt’.

‘Āvahati’: ‘đem lại’

Kiṃsu have sādutaraṃrasānaṃ, kathaṃjīviṃ jīvitamāhu seṭṭha’’nti. Vị ngon nhất trên đời này là gì. Đời sống như thế nào được xem là đời sống số một

‘Sādu’: ‘vị ngon’, ‘ngọt’

Bốn câu này ở một hoàn cảnh khác thì sẽ được trả lời khác chứ không phải chỉ mấy điều này, nhưng tùy căn cơ người hỏi mà Đức Phật Ca Diếp trả lời như vậy. Khi Ālavaka đem lại hỏi, Đức Phật biết Ālavaka muốn thử xem Ngài có trả lời đúng câu trả lời ngày xưa không nên Đức Thế Tôn đã trả lời bằng cách nhắc lại những câu trả lời của Đức Phật Ca Diếp. Cũng bốn câu hỏi này, nếu ở trường hợp khác đối tượng khác, thời điểm khác, chắc chắn Đức Phật sẽ có vô số cách trả lời khác chớ không phải khư khư bốn câu trả lời này. Ngài trả lời: Ở đời này niềm tin là tài sản lớn nhất. Không có niềm tin thì không làm ăn được gì hết. Chuyện nhỏ xíu thôi, hôm nay mình biết chắc ra chợ thế nào cũng mua được thực phẩm về nấu, có niềm tin vậy mới đi chợ chớ không ai xách giỏ vô rừng kiếm hàng hóa để mua. Đi chợ phải đi vào chỗ nào mình tin rằng có bán hàng dù đó là chợ phiên chỉ nhóm họp trong vài giờ đồng hồ. Chỉ là chuyện đi chợ, của đàn bà của phụ nữ thôi mà không có niềm tin thì không làm ăn gì được. Đó là lý do tại sao niềm tin được gọi là tài sản số một.

‘‘Saddhīdha vittaṃ purisassa seṭṭhaṃ, dhammo suciṇṇo sukhamāvahati; Saccaṃ have sādutaraṃ rasānaṃ, paññājīviṃ jīvitamāhu seṭṭha’’nti

Theo chú giải: ‘Dhammoti dasakusalakammapatho”, chữ ‘dhammo’ (pháp) ở đây ám chỉ cho ‘dasakusalakammapatho’ (thập thiện nghiệp)

‘Kamma’: ‘nghiệp’; ‘patho’: ‘con đường’, ‘đạo’.

[41] Thập thiện nghiệp đạo

Thập thiện nghiệp đạo(dasakusalakammapatho): 1. Bố thí, 2. Trì giới, 3. Hành thiền, 4. Cung kính, 5. Phục vụ, 6. Thính pháp, 7. Thuyết pháp, 8. Hồi hướng, 9. Tùy hỷ, 10. Điều chỉnh tri kiến.

Hành thiền ở đây có thể là theo dõi hơi thở, niệm Phật, quán bất tịnh hay quán từ tâm.

Cung kính, phục vụquan trọng lắm, nghe thấy thường nhưng sống trọn những điều này cũng đẹp lắm: cung kính người tuổi tác, người đức hạnh; phục vụ là sống ở đời biết động tay động chân giúp đỡ người khác, chứ không phải chỉ biết người thân của mình.

Thính pháp là khi có dịp nghe được điều hay lẽ phải thì lắng tai nghe, và khi có dịp chia sẻ cái biết của mình về giáo lý cho người khác thì lập tức không từ nan. Kinh nói: Dầu có đãi ăn cả hành tinh này thì xét trên ý nghĩa giải thoát vẫn không bằng nói một bài kệ bốn câu có nội dung hướng dẫn tu hành.

Tùy hỷ là thấy người ta được quả vui thì mình cũng vui và thấy người ta tạo được nhân vui thì mình cũng vui.

Điều chỉnh tri kiếnlà học hoài học nữa học mãi cho cái biết của mình tăng trưởng (rộng, sâu, cao, chính xác hơn). Chỉ chữ ‘pháp’ trong bài kệ này mới ám chỉ cho ‘thập thiện nghiệp’ thôi chớ trong trường hợp khác thì mang ý nghĩa khác.

“lokasmiṃ loṇambilādīnaṃsabbarasānaṃ saccameva madhurataraṃ”. Tất cả hương vị trên đời như là dấm, muối v.v... không vị nào hơn vị ngọt của sự chân thật.

‘loṇam’: ‘muối’; ‘bilā’: dấm ‘adī’: vân vân

Đây chỉ là cách so sánh, không vị nào bằng vị chân thật là vì, đắng chua ngọt mặn cách mấy một giây một phút sau là hết. Trong lưỡi của mình có chỗ nếm được vị chua, có chỗ nếm được vị ngọt, và không phải phần nào của lưỡi cũng cảm nhận được vị. Sự cảm nhận được vị đắng chua, ngọt, mặn cũng chỉ một thời gian nào đó thôi, còn vị ngọt của sự thật thì kéo dài cả đời.

‘Sacca’: ‘sự chân thật của một người’, cũng còn có nghĩa là ‘chân lý’. Có một câu chuyện thú vị về ‘Chân lý’ của trường La San Taberd. Một giáo sư vô lớp viết lên bảng chữ ‘chân lý’ và bảo học trò hôm sau đưa ra định nghĩa hay nhất gọn nhất về chân lý. Hôm sau học trò trình bày y cứ trên bao nhiêu tài liệu dài lê thê nào là triết Đông triết Tây, nào là Thánh kinh. Giáo sư nghe xong ngao ngán: Không ngờ chân lý rườm rà rắc rối như vậy, chân lý đơn giản là ‘sự thật’.

Vị ngọt của sự thật là đời kiếp kiếp. Hôm nay chúng ta nhìn lên đồng tiền xu, tiền giấy hay con tem của Ấn Độ sẽ thấy hàng chữ Sanskrit trên đó: . Hôm nay chúng ta nhìn lên đồng tiền xu, tiền giấy hay con tem của Ấn Độ sẽ thấy hàng chữ Sanskrit trên đó: Satyameva Jayati[2](Chân lý chiến thắng tất cả).

satya (Skt) = sacca:Chân thật

anitya (Skt) = anicca:vô thường

madhya (Skt) = majjha: middle

trishna (Skt) = tanha: khát

krishna (Skt) = kanha: màu đen, hắc ám

Chỉ có chân lý mới lâu bền với trời đất trăng sao hoa lá vũ trụ, còn đồ dỏm thì không có bền. Không có gì làm cho sự thật phai mờ hết.

Cuộc sống như thế nào được xem là cuộc sống số một?

Đó là cuộc sống trí tuệ. Dầu cho mình có giàu có khỏe mạnh xinh đẹp cách mấy mà trong đầu mình không có nội hàm không có trí tuệ, toàn bã đậu thì chết rồi. Giàu cách mấy cũng lố bịch, đẹp cách mấy cũng vô duyên thôi, còn đẹp ngoài da (skin beauty) thì xài không được, chỉ đi làm người mẫu, làm một bình hoa biết đi trang trí cho cuộc đời thôi. Mỹ nhân thì phải có nội hàm, tức trí tuệ. Trí tuệ là biết phân biệt thiện ác, chuyện gì nên làm chuyện gì không nên làm, chuyện gì có lợi có hại cho mình, cho người, đời này kiếp khác. Nếu như hành động mà không màng gì đến lợi hại, thiện ác, cảm xúc của người khác là không trí tuệ. Đời sống có trí tuệ là đời sống có sự hướng dẫn, như câu kinh "Trí tuệ dẫn dắt đời" đã học trong các bài trước. Nếu không có trí tuệ thì chúng ta không biết phải học cái gì, sống ra sao, gặp ai, ý nghĩa thật sự của đời sống này là gì. Không có gì thê thảm cho bằng khi chỉ có biết: đói ăn, khát uống, nam nữ trống mái đực cái tìm nhau và khả năng phản vệ, ai đụng tới thì phản ứng. Nếu đời sống chỉ có như vậy thì có khác nào con thú. Hôm qua trên đường đi xuống núi tôi có thấm một điều, cũng con đường núi này, nhìn ra sông ra ruộng đẹp thế này, nhưng đâu phải trong thiên hạ ai cũng có cảm nhận giống nhau. Có câu chuyện tôi từng kể, một buổi trưa nọ vị sơn thần thấy một thiếu nữ đang tắm mà ông thì vô cảm, ông bèn biến thành con chim heo để đến gần nhìn kỹ hơn, nhưng khi biến thành con chim heo thì ông lại chú ý mấy con chuột trong bụi. Khi biến thành con bướm thì ông lại chú ý tới bông hoa, đến khi biến thành anh chàng thanh niên thì mới thưởng thức được vẻ đẹp của người con gái đang tắm. Để cảm nhận vấn đề thì phải đứng vào góc độ, khoảng cách tương ứng nào đó mới thấy được, chỉ có trí tuệ mới có thể làm được điều đó. Cũng món ăn đó nhưng cách thấm thía tiêu hóa của mình như thế nào chứ không phải ai ăn cũng thích, cũng dung nạp như nhau. Có một vị hòa thượng

có chứng bệnh khả năng tiêu hóa đường không giống như người khác, người ta chỉ ăn cơm trắng với nước lạnh không mà đường lên rất cao trong khi đó vị hòa thượng này thì có ăn uống bao nhiêu, ngâm trong đường thì cơ thể vị này cũng chỉ thu nạp 15% đường. Rất nhiều người VN bây giờ không dám ăn gạo thường nữa, họ chuyển qua loại gạo Basmati (loại gạo của Ấn Độ và Pakistan có chỉ số đường thấp). Đời sống trí tuệ là sự nội hàm, là khả năng nhận thức, đối diện, thấm thía, tiêu hóa của mỗi người. Nếu có khả năng này thì được gọi là đời sống tối thượng.

MƯA

Vuṭṭhisutta

Vật gì được mọc lên,

Là mọc lên tối thượng?

Vật gì được rơi xuống,

Là rơi xuống tối thượng?

Vật gì thường bộ hành?

Vật gì thuyết tối thượng?

Chúng ta phải biết là ngài Minh Châu khổ tâm ghê lắm khi dịch đoạn kệ này, ngài chú ý hai chữ ‘lên’ và ‘xuống’. Bài kệ này không phải do ngài sáng tác, ngài dịch từ ngôn ngữ khác mà phải giữ cho được chữ ‘lên’ và ‘xuống’ thì rất là khổ.

“Kiṃsu uppatataṃ seṭṭhaṃ, kiṃsu nipatataṃ varaṃ;

Kiṃsu pavajamānānaṃ, kiṃsu pavadataṃ vara”nti

Trong câu hỏi đã có sự chơi chữ. “up”: ‘lên’. Người học Phật không có chú giải thì xem như chết đứng như Từ Hải. Có một duyên sự nho nhỏ thế này, có một số vị Trời, tôi không gọi là vị chư thiên, ‘chư’ nghĩa là ‘nhiều’, nên không thể nói là

một vị chư thiên được, khổ một chỗ cái gì nghe lâu ngày hóa quen tai, trong kinh nói ”: ‘lên’. Người học Phật không có chú giải thì xem như chết đứng như Từ Hải. Có một duyên sự nho nhỏ thế này, có một số vị Trời, tôi không gọi là vị chư thiên, ‘chư’ nghĩa là ‘nhiều’, nên không thể nói là một vị chư thiên được, khổ một chỗ cái gì nghe lâu ngày hóa quen tai, trong kinh nói cuộc sống trí tuệ là cuộc sống tối thắnglà vậy, phải có lúc nhìn lại. Cái mặt mình có gì đâu hay mà sáng nào mình cũng soi gương, sức khỏe cũng khám định kỳ, mà kiến thức của mình thì lại không dòm ngó kiểm tra theo định kỳ. Một ngày kia có một số vị Trời xuống hầu Phật và hỏi Ngài thế này: “Cái gì nó lên tốt cho người ta, cái gì nó xuống tốt cho người ta”. Vị này hỏi cũng có lý, trên đời này có lên có xuống, có thăng có giáng, có ngày có đêm. Lúc đó có một vị đứng kế bên làm tày khôn trả lời: “Hột giống được mọc lên, cơn mưa được rơi xuống, con bò thường bộ hành”. Trong chú giải nói thế này “kira sutvā samīpe ṭhitā ekā devatā” tương truyền rằng, sau khi nghe câu hỏi, một vị Trời đứng kế bên hỏi, “kasmā tvaṃ etaṃ pañhaṃ dasabalaṃ pucchasi?

” câu này có gì đâu mà đi hỏi làm chi, tôi sẽ trả lời cho ông nghe. “attano khantiyā laddhiyā pañhaṃ kathesi” rồi dựa theo khả năng của ổng mà trả lời.

“Bījaṃ uppatataṃ seṭṭhaṃ, vuṭṭhi nipatataṃ varā;

Gāvo pavajamānānaṃ, putto pavadataṃ varoti

Vị kia mới nói thế này: “yāva padhaṃsī vadesi devate yāva pagabbhā mukharā”, ông liều mạng (pagabbhā)nhiều chuyện (mukharā) quá, ahaṃ buddhaṃ bhagavantaṃ pucchāmi; tôi hỏi Đức Thế Tôn chớ đâu có hỏi ông đâu mà ông trả lời. Tvaṃ mayhaṃ kasmā kathesī”’ti?

, trách xong vị này quay lại hỏi Đức Phật câu hỏi đó.

Ở đây chúng thấy chữ ‘up’ và chữ ‘ni’. Vị Trời hỏi: “Cái gì lên cũng giúp cho người ta, cái gì xuống cũng giúp cho người ta. Ai trên đời này thật sự là du sĩ”. Câu trả lời của vị Trời kia là: “Trên đời này không có cái lên nào hay bằng hột giống, mưa rơi xuống thì tốt, con bò đi nhiều nhất”. Đó là nói theo bối cảnh Ấn Độ, chớ hôm nay quí vị sang Thụy Sĩ nhìn lên những sườn đồi cỏ xanh mướt như nhung nhìn thấy những khối đen đen bất động, đó là những con cừu đứng ăn cỏ, miệng nó nhỏ nên nó đứng hàng giờ tại một chỗ để ăn, còn bò thì một ngày đi tới đi lui dù trong một diện tích không rộng. ‘Con trai thuyết tối thượng’, chỉ có lời nói của đàn ông mới tin được, Tàu cũng kỳ thị như vậy (nhất nam viết hữu thập

nữ viết vô), Ấn Độ cũng vậy, đàn bà có nói gì cũng không bằng lời nói của đàn ông. Bốn câu trả lời của vị này không liên quan gì con đường giải thoát hết.

Đức Phật trả lời theo tinh thần Phật pháp

“Vijjā uppatataṃ seṭṭhā, avijjā nipatataṃ varā;

Saṅgho pavajamānānaṃ, buddho pavadataṃ varo”ti

Huệ minhđược mọc lên,

Là mọc lên tối thượng.

Vô minh được rơi xuống,

Là rơi xuống tối thượng.

Tăng-già thường bộ hành,

Đức Phật thuyết tối thượng

Huệ minh (catumaggavijjā): là trí tuệ trong bốn thánh đạo; “mọc lên” ở đây là sự xuất hiện; Trên đời này không có sự xuất hiện nào hơn được sự xuất hiện của thánh trí thánh đạo. Hãy nghĩ xem, mình luân hồi từ vô thủy bỗng có được tâm sơ đạo là thấy khỏe, khả năng luân hồi tối đa là vài kiếp nữa, chuyện trước mắt là chấm dứt thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Khi đó thì những đau thương dồn dập của cuộc đời này trở nên vô nghĩa rồi, không còn bận tâm nặng lòng với chuyện đời như trước đây nữa (không còn thân kiến), không còn mất thời gian cho những pháp môn nằm ngoài Bát chánh đạo nữa (không còn giới cấm thủ). Nếu một kiếp nào đó không sinh ra không biết Phật pháp, thấy đời là khổ, mình chấp nhận một đường hướng tôn giáo nào đó, như Hồi giáo chẳng hạn một ngày có năm lần cầu nguyện dù đang ở trên biển cả hay rừng sâu, sa mạc mà không hề biết rõ mình từ đâu tới, cấu tạo bằng gì, rồi sẽ đi về đâu, suốt mấy chục năm cuộc đời như vậy thì hoang phí biết bao nhiêu. Một người đắc sơ đạo thôi thì không còn hành trì sai lầm như vậy nữa, nên sự xuất hiện của bốn thánh trí được xem là tối thắng. ‘Sự mọc lên’ chính là ‘sự xuất hiện’. Sự mọc lên của một khu rừng, của một thành phố, của một công trình, sự xuất hiện của một ngọn núi, hay tượng đài; sự mọc lên xuất hiện đó đã diễn ra bao nhiên lần, 7 kỳ quan của thế giới (Kim Tự Tháp, Vạn Lý Trường Thành, Angkor…) tất cả rồi sẽ tàn phai theo dòng chảy thời gian. Taj Mahal cũng đang xuống cấp nghiêm trọng mà người ta ước chừng

khoảng đôi ba trăm năm nữa sẽ không còn tồn tại, nền móng của nó đang bị rỗng, không phải rỗng do kiến trúc mà là do cấu trúc địa tầng. Bất cứ sự xuất hiện, mọc lên của công trình nào không có sự xuất hiện nào bằng thánh trí.

'Sự rơi xuống'(nipatana) là 'sự sụp đổ'. Sự sụp đổ của cái gì được xem là có lợi cho chúng sinh?

Trên đời này có biết bao nhiêu sự sụp đổ (công trình, triều đại, thần tượng, thân phận…) Không có sự sụp đổ nào thật sự có ý nghĩa và giá trị bằng sự sụp đổ của vô minh. Bao nhiêu đời nay thế giới được vận hành với tất cả sự có mặt của chúng sinh muôn loài, trầm luân sinh tử. Tất cả đều khởi đi từ vô minh, vô minh sụp đổ thì mọi thứ cũng sụp đổ, vì vậy sự biến mất của vô minh là tốt nhất. Không có sự phá hủy nào bằng sự phá hủy vô minh.

Ai thường đi bộ hành?

Bộ hành (pavajamānānaṃ) ở đây là xê dịch. Mọi thứ trên đời đều xê dịch, gió thổi, nước chảy, mây bay, cá lội, con người di chuyển… Mọi thứ trong hành tinh này đều xê dịch, sự xê dịch nào được xem là tối thượng?

Chư Phật một lần xuất hiện chỉ một vị, Đức Phật không thể nào cùng lúc có mặt mọi nơi chốn, mọi thời điểm, thay vào đó bóng dáng của chư tăng là đại biểu cho Đức Phật, xuất hiện ở mọi lúc mọi nơi. Giống như câu danh ngôn của Tây Phương: "Vì thượng đế không có mặt ở mọi nơi mọi lúc, nên ngài đã tạo ra những bà mẹ" (God could not be everywhere, and therefore he made mothers - Rudyard Kipling). Đây là một trong những câu danh ngôn tôi rất là tâm đắc. Có những chuyện không có trái tim của người mẹ thì không có cách chi làm được, một gánh chè, một gánh cháo có thể nuôi được cả chục đứa con, đứa đi học đứa bị bệnh, đứa tâm thần…, người mẹ nuôi được tất. Từ đó dễ dàng hiểu được câu Phật ngôn trên, vai trò của tăng chúng là đại diện cho Đức Phật ngay cả khi Ngài không còn nữa. Tôi nói điều này với sự khách quan thôi, mong những người không phải Phật tử không nghĩ rằng chúng tôi đang kêu gọi tán thán chuyện mấy ông sư đi tùm lum, mà sự xê dịch có mặt ở đây là đúng lúc và hữu ích. Sự bộ hành ở đây nhằm cho các vị thứ thiệt, đi bát để tạo điều kiện cho người ta bố thí chớ không phải chỉ để nuôi mạng. Thuyết pháp là để xây dựng đời sống tinh thần tâm linh cho người khác chớ không phải cầu danh lợi, có mặt ở đó là để người ta có cơ hội thấy bóng dáng của chư Phật chớ không phải mục đích vui cho cá nhân, những trường hợp đó mới gọi là sự bộ hành, sự có mặt, sự xê dịch của tăng già; nếu như nằm ngoài những ý nghĩa này thì sự xê dịch của mình phải xét lại. Sự xê

dịch ở đây là sự có mặt đúng lúc, đúng lúc là lúc đời đang cần mình. Chính vì vậy, sự xê dịch tối thắng ở đây là sự xê dịch của tăng chúng – Tăng già thường bộ hành (Saṅgho pavajamānānaṃ). Hôm nay đã có PG Nam Tông tại châu Phi, đã có PG Nam Tông ở Úc, cũng rất mạnh. PG đã có nền móng vững chãi ở châu Âu. PG Nam Tông ở Đức rất mạnh, nhưng chỉ mạnh trong cộng đồng người Đức, còn người Việt thì chỉ là ảo mộng. Thụy Sĩ thì chính chuyên với đạo Chúa vậy mà cũng có hội PG Theravada trên 100 tuổi, cũng mừng vì đã có dấu vết của chánh pháp. Nhờ có sự xê dịch ngày xưa nào đó trên mảnh đất lạnh lẽo hoang vắng này mà giờ đây có dấu vết ấm cúng của chánh pháp.

Trên đời này ai cũng có thể phát biểu, nhưng những phát biểu của ai được xem là tối thắng?

Chỉ có Đức Phật. Người duy nhất trên hành tinh này mỗi lần nói ra cái gì là đều giúp ích cho chúng sinh, đó là Đức Phật. Đức Thế Tôn khi nói luôn hội đủ 4 điều: 1.Đúng sự thật; 2. Hữu ích; 3. Hợp thời; 4.Bằng từ tâm. Một vị pháp sư hôm nay nhiều khi nói chưa chắc bằng lòng từ tâm, nhiều khi là vì tư lợi hay vì bực mình, hay vì một chút tình riêng… nhưng Đức Phật thì không, bao giờ Ngài nói điều gì cũng bằng từ tâm đối với người nghe, điều nào cũng phải đúng sự thật, hữu ích và nói đúng lúc. Chính vì mỗi câu nói đều phải hội đủ bốn tiêu chuẩn trên nên lời nói của Đức Phật là tối thượng, tối thắng trên đời này. Chính vì vậy, huệ minh được mọc lên là mọc lên tối thượng, vô minh được rơi xuống là rơi xuống tối thượng, tăng già thường bộ hành, Đức Phật thuyết tối thượng là như vậy đó.

#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng

[1] Kinh Thanh Tịnh (Pāsādika Sutta)

[2] Truth Alone Triumphs

Bài giảng ngày 29-7-2014 KHỦNG BỐ Bhītāsutta

"Vì sao ở đời này,

Rất nhiều người sợ hãi,

Dầu con đường đề cập,

Dưới hình thức sai biệt?

Con hỏi Gotama,

Bậc trí tuệ sáng suốt,

Phải an trú chỗ nào,

Khỏi sợ hãi đời sau?

"

Bài kinh này dành cho *người cư sĩ* (*gharamāvasanto*). Có một chuyện tôi phải nói đi nói lại nhiều lần sợ quí vị quên, tôi không biết quí vị đi theo sư phụ nào và thường được học hỏi gì, nhưng khi tiếp xúc với Phật tử, tôi có cảm giác lạ lùng là hình như tất cả những người Phật tử tôi gặp đều cho tôi một cảm giác là họ tự cho họ cái quyền được dốt Phật pháp. Như là chuyện hiển nhiên, *tôi là cư sĩ, tôi có vợ có chồng, có chuyện làm ở ngoài đời, không bắt buộc phải giỏi Phật pháp, tăng ni còn không giỏi huống gì Phật tử chúng tôi*. Họ coi học đạo như chuyện tùy duyên được chăng hay chớ. Riêng chỉ học đạo thôi, không có học lấy gì mà hành, biết gì mà tu. Ngay chuyện sợ sinh tử, nói đơn giản, thật ra nó không đơn giản, vì mình biết gì đâu mà mình sợ. Chuyện luân hồi sa đọa, thật ra có bao nhiêu người trong số chúng ta biết sợ điều này. Nhìn vào đời sống của mình thì rõ ràng là chuyện sa đọa trầm luân nó không có thật, mình nghĩ nó không có thật. Nếu thật sự mình có học đạo, có sợ sa đọa, sợ sanh tử, dứt khoát kiểu sống của mình có thay đổi, không phải như hiện nay lâu lâu chạy vô chùa cúng dường bố thí, dâng y, cất chùa, hùn phước ba mớ là xong. Không phải như vậy là không tốt, nhưng phải nói thẳng, nếu thật sự quý vị hiểu biết Phật pháp như trong kinh đã nói thì chuyện lâu lâu vào chùa nghe pháp, lâu lâu vô chùa hùn hạp cúng dường bố thí không đi tới đâu hết. Quan trọng là chuyện tu tâm, mình có bớt được tham sân mạn kiến hay không. Hãy nhớ rằng trên giường bệnh, giường chết không có sự khác biệt giữa tăng ni và cư sĩ. Chắc quí vị cũng không có nhiều dịp để thấy cư sĩ,

tăng ni hấp hối trên giường bệnh. Bắt đầu đi vào phòng mổ thì tăng ni và Phật tử giống hệt nhau. Không có luật nào bắt quí vị phải học hành, tăng ni còn có quyền dốt huống gì cư sĩ, nhưng hãy nghĩ, Phật pháp mà không biết thì thiệt thòi thuộc về ai?

Bài kinh này, câu hỏi dành cho cư sĩ nhưng phải hiểu rằng tất cả những ai sợ sanh tử đều phải coi tất cả lời Phật đều dành chung cho mọi người chứ không phải cho riêng ai. Mình là cư sĩ không có điều kiện pháp học pháp hành như tăng ni nhưng bắt buộc phải biết rằng trên giường chết mình và tăng ni giống hệt nhau. Trong bài kệ này hỏi: Trong cuộc đời có quá nhiều chuyện sợ hãi, 38 cảnh đời, gom chung: sanh ly tử biệt, muốn mà không được, sa đọa trầm luân, không được gặp Phật ra đời, gặp mà mình sanh ở xa xôi biên địa, khùng điên câm điếc, gặp thầy gặp bạn tào lao cũng đáng sợ; sanh trong cảnh trầm luân trôi nổi cũng đáng sợ; làm người sanh trong chỗ nghèo đói dốt nát không cần biết chữ - không phải không muốn học, nhưng học ở đâu, quanh năm không sách báo và cũng không có nhu cầu; một thế giới khép kín hoàn toàn với thế giới bên ngoài, đó cũng là một điều đáng sợ, khi sống trong cảnh như vậy thì sự ra đời của chánh pháp cũng không liên quan gì tới mình; giành giựt đấu đá đâm chém trong xã hội, trong gia đình v.v... ; với đời sống xã hội thường nhật, có nhiều cái e sợ như vậy, xin hỏi Thế Tôn sống làm sao để không sợ?

"*Con hỏi Gotama, Bậc trí tuệ sáng suốt, Phải an trú chỗ nào, Khỏi sợ hãi đời sau?*

"

Hãy chánh trú lời, ý,

Thân nghiệp chớ làm ác.

Nếu an trú trong nhà,

Với tài sản dồi dào,

Hãy tín tâm, nhu hòa,

Chia tài sản, hòa nhã.

An trú bốn pháp này,

Không sợ hãi đời sau.

Tùy chỗ tùy lúc mà câu trả lời của Đức Phật cho một câu hỏi không giống nhau. Nhìn tâm tư người hỏi ở đây Ngài trả lời: *Người cư sĩ an trú trong bốn pháp.*

"Vācaṃ manañca paṇidhāya sammā,

Kāyena pāpāni akubbamāno;

Bavhannapānaṃ gharamāvasanto,

Saddho mudū saṃvibhāgī vadaññū;

Etesu dhammesu ṭhito catūsu,

Dhamme ṭhito paralokaṃ na bhāye''ti".

'Saddho': 'niềm tin', 'đức tin Tam Bảo', 'đức tin trong lý nghiệp báo', 'pháp môn tu học'. Có người tin Phật Pháp Tăng và họ hành theo. Có người tin Phật là bậc đại trí tuệ nhưng lại thờ ơ với những pháp môn, ví dụ họ không bố thí. Có người coi nhẹ trì giới, coi nhẹ những thiện nghiệp khác trong thập thiện, không quan tâm đến việc điều chỉnh tri kiến. Mình hoàn toàn không có lý do nào để yên lòng với cái biết cái hiểu của mình trong Phật pháp hết, chỉ có Tu-đà-hoàn trở lên thôi, chớ như mình phải thường xuyên quan sát xem cái biết cái hiểu của mình có gì cần phải sửa sai không. Thuộc lòng Tam Tạng chưa đủ để đi tới đâu, chỉ hơn được cái người không thuộc thôi, còn thấm thía câu Phật ngôn lại là chuyện khác. Dĩ nhiên người thuộc lòng Tam tạng sẽ có điều kiện thấm thía hơn mình, khi họ đang suy nghĩ bài kinh này thì những bài kinh khác liên quan sẽ lởn vởn trong đầu cho họ đối chiếu. Tôi nói thuộc Tam Tạng cũng chưa tới đâu nghĩa là thuộc lòng như kiểu thuộc lòng bài Namo Tassa mà không hiểu ý nghĩa gì hết thì cũng bằng không. Quí vị có hiểu bài Namo Tassa nói gì không?

Sau buổi giảng hãy vào Thanh Tịnh Đạo phần Định xem người ta giảng Bhagava là gì, Ứng cúng Arahaṃ là gì, Samma sambuddho là gì, nếu không hiểu được ba chữ đó thì khi đọc có khác gì ngoại đạo đọc thần chú, đọc bùa?

Ngồi đọc kỹ lại trong Thanh Tịnh Đạo, phần giảng về 10 Pháp tùy niệm, phần niệm Phật; phần Ân Đức Tam Bảo, bài Itipiso, giảng từng ý nghĩa của mỗi hồng danh trong đó, Thiện Thệ, Thế Gian Giải là gì, bài Svakkhato, thế nào gọi là Sanditṭhiko. Pháp của Đức Thế Tôn là pháp tự mình nhìn thấy chứ không phải

vay mượn copy từ người khác; thánh trí là phải tự mình thân nghiệm và thể chứng. Tôi thật sự không hiểu được tại sao mình ăn uống cẩn thận mà đời sống tinh thần mình lại bất cẩn, thầy nói làm sao nghe vậy rồi về đổ thừa "cư sĩ có biết gì đâu". Tại Thụy Sĩ này có một cô tốt nghiệp đại học, quy y từ 1986, mà cổ không hề học giáo lý suốt 20 năm trời. Lâu lâu tăng ni ghé về thì cũng vô nghe ba mớ rồi thì thôi. Thưa thiệt với bà con, tôi không phải là bác sĩ, dược sĩ hay là bệnh nhân nan y nhưng đọc báo thấy người ta nói về dược tính của khổ qua, đậu nành, trà xanh, nhàu, lá bình bát, thấy cái nào cần cho tôi là tôi đi đọc thêm chỗ này chỗ nọ chớ tôi không thể nào nhắm mắt nhắm mũi theo bài báo đó được. Mình không thể là con chuột bạch cho người ta làm thí nghiệm. Cái mạng của mình đâu phải giẻ rách đâu mà coi rẻ như vậy. Ấy vậy mà có biết bao nhiêu kẻ là Phật tử trên hành tinh này đã đang và sẽ hành xử như vậy đó, tự cho mình quyền dốt Phật pháp, rồi tự cho mình cái quyền làm nô lệ của tăng ni rồi đổ thừa "tôi là cư sĩ nên tôi không thể chọn lựa được". Đây là cái nghiệp hành chúng sinh phải khổ chớ không có cách nào có thể biện hộ cho chuyện đó được.

Bài kinh này nói rằng đối với người cư sĩ việc điều chỉnh tri kiến rất là quan trọng, thường xuyên sửa chữa, muốn có được vậy thì ở đâu, phải dựa vào bốn pháp tín tâm, tức là niềm tin. Tin ở đây không phải là cuồng tín, mê tín, tà tín, bạ đâu tin đó mà phải là chánh tín, tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin nghiệp báo, tin pháp môn mình đang tu.

'Mudū': 'mềm', *'hadayo':* 'trái tim'.

'Muduhadayo': 'tim mềm' (nghĩa đen), luôn biết nghĩ tới người khác (nghĩa bóng), *anuddayā:* luôn nghĩ đến người khác. Trái tim mềm là không phải trái tim gỗ đá, mà phải là biết mềm lòng, biết trắc ẩn trước cái khổ của người khác. Xưa tôi đi xe đò, thấy mấy đứa nhỏ nhà nghèo, má nó xách giỏ mặc áo rách, mấy đứa nhỏ mang dép cột dây kẽm nhìn đứa khác ăn cà rem, má nó lấy nón lá che lại không cho nhìn nữa. Tôi nhìn cảnh đó tôi xót lắm. Ở VN có màn dạy con lạ lắm, cha mẹ thì lấy tay cú trên đầu con mình. Tới ngày đi ra nước ngoài tôi mới thấy đó hình như là cái nghiệp của dân tộc mình nó khiến như vậy, ngoài cái họa bị người ta dối gạt về chính trị tôn giáo thì đạo đức gia đình cũng là cái họa của dân tộc. Có những cảnh như đêm tối trời mưa nhìn ra đường thấy bà cụ trùm áo tơi bưng thúng gì đó đi bán, hoặc cảnh vợ chồng gây gổ nhau, hoặc cảnh bệnh nhân nằm la liệt trong bệnh viện bị đuổi lên đuổi xuống v.v... trắc ẩn trước những cảnh đó là có trái tim mềm.

'Saṃvibhāgī': 'chia sẻ' = '*bhaj'*: 'chia sẻ'.

Xem lại bài học gần đây nhất: Người có tài sản nhiều đem cho nhiều thì cũng bình thường thôi, khi mình không có bao nhiêu mà lòng vẫn nghĩ đến người khác thì ý nghĩa của nó lớn gấp ngàn lần. Bà Theresa nói: Ta có thể không làm được việc lớn nhưng ta có thể làm những việc nhỏ với trái tim lớn. Một ông ký giả người Mỹ đi qua Nepal nhìn thấy một cảnh mà thay đổi cả cuộc đời: một bà cụ ăn xin đang đói, có người mua cho bà khúc bánh mì, một con chó chạy ngang đứng nhìn bà, bà bẻ đôi khúc bánh mì cho con chó và ăn nửa phần bánh mì còn lại. Ông ký giả giật mình, ông nghĩ là ở Tây Phương mà có hành động vậy phải là người có tiền, trong khi bà cụ này chia sẻ phần thức ăn cho con chó không phải là của bà, chia sẻ như chia sẻ cho một con người. Giá trị con người là ở chỗ mình cho ra chớ không phải nhận được. Niềm vui của việc cho lớn hơn chuyện nhận gấp nhiều lần. Ví dụ tôi cho quí vị một món quà, cái đồng hồ chẳng hạn, người nghèo sẽ xúc động lắm, nhưng niềm vui đó kéo dài ba hoặc sáu tháng, một thời gian sau cái đồng hồ hư, và niềm vui kết thúc. Còn nếu như một ngày nào đó quí vị giúp cho ai đó một số tiền nhỏ vào lúc họ ngặt nghèo, năm năm mười năm, bốn mươi năm sau, nhớ lại chuyện đó quí vị vẫn vui. Có cơ hội để cho ra, vui lạ lắm, nói theo trong kinh thì chỉ người đại phước mới vui được niềm vui kiểu này, vui được khi họ hành thiện, vui được khi họ thương người khác; chỉ có người đại phước họ mới coi nặng nhân lành hơn quả lành. Người thiếu phước thiếu trí thì chỉ thích quả lành chớ không coi nặng nhân lành. Những ai ngã chấp nhiều, coi mình quan trọng thì nhớ bố thí theo kiểu này: Cái giá trị của mình tùy thuộc cái mình cho ra. Ta còn có cái cho ra nghĩa là ta còn có chút giá trị giữa cuộc đời này. Nếu có bị nhờ cậy hay bị lợi dụng, thì cũng nên vui vì trên đời này mình còn có gì để cho ra. Khổ thay trên đời này mình không còn gì để kẻ khác lợi dụng, nhờ cậy; khi mình không còn gì để chia sẻ người khác nữa thì sống làm gì.

'Vadaññū' = yuttakàlam jànàti: 'tùy thời hành xử'.

Tây Phương có câu hay lắm: Tây Phương có câu hay lắm: *"Trong việc nào cũng có thời điểm lý tưởng của nó".* Ở Vĩnh Long tôi có quen một gia đình, ai cũng tin Phật tin pháp, mỗi lần tôi về họ mời tôi thuyết pháp, đối với tôi là một cực hình, con nít lao xao quá, tôi bảo để tụi nó đi ngủ, nhưng họ nói phải tập cho tụi nó ngồi nghe. Tôi nói, mấy đứa nhỏ la hét vậy sao tôi nói chuyện được. Muốn hướng dẫn Phật pháp cho tụi nó thì phải dịp khác chớ giờ tụi nó đang cơn phá. Tùy thời hành xử là vậy, lúc đang bố thí thì bố thí, lúc đang thiền thì chuyên tâm thiền, lúc nghe pháp thì im lặng nghe pháp, không thể nào đang thiền đi bố thí.

Chuyên tâm là chuyện tốt, nhưng còn phải tùy thời nữa. Trong 38 pháp an lành có câu: tùy thời nghe pháp và tùy thời đàm luận pháp.

'*Kālena'*: 'đúng lúc hành xử'. (in proper time ; at the right moment). : 'đúng lúc hành xử'. (in proper time ; at the right moment). **Tùy thời** là khi có lòng nghi hoặc lập tức đi hỏi liền, đừng để lòng nghi hoặc kéo dài; hoặc khi lòng mình thấy *tham, sân, nghi hoặc* nhiều quá thì nên đi nghe pháp để thấy lòng bớt tham, bớt sân, bớt si. Lúc nào cho công việc nào, và biết lúc đó công việc nào cần kíp nhất. Trên đời có ba hạng người chết mà lòng không yên: 1. Làm quá nhiều việc ác, 2. Làm quá ít điều thiện, 3. Còn những điều dang dở chưa xong (Tăng Chi). Đời sống quá ngắn ngủi nên phải tùy lúc hành động để khi ra đi không còn tiếc nuối nữa.

Có câu chuyện, một giáo sư đem vào lớp học một cái lọ, những hòn sỏi, dăm gỗ vụn, cát và bảo học trò bỏ hết vào lọ để cắm một bình hoa. Học trò bỏ vào không hết vì không biết cách bỏ những thứ nào vào trước, thứ nào vào sau. Phải bỏ những thứ lớn vào trước, cát và nước sau cùng. Cuộc đời cũng vậy, phải biết ưu tiên việc nào, lúc nào cho việc nào, tùy thời mà hành xử. Những ai khéo tay cứ chưng thử bình hoa như vậy đi, sẽ thấy đẹp lắm. Cách đây mấy tháng tôi có đốn mấy cây thông sau nhà, cắt khúc rồi mà mấy ngày vẫn còn tươi, dáng thân cây rất đẹp, tôi đem ngâm nước rồi bỏ quên. Ba tháng sau tôi bỏ nó vào cái chậu cùng với mấy hòn đá mà rất đẹp. Nó đẹp vì nó được đặt đúng chỗ. Áo quần đẹp cũng vậy, không phải đẹp vì chất liệu vải, mà vì sự vừa vặn, vừa vặn là đúng chỗ. Điêu khắc gia Rodin có nói bí quyết điêu khắc của ổng là bỏ đi những thứ thừa cái còn lại chính là tác phẩm; đời sống này cũng vậy, bỏ đi những chỗ thừa. Tu hành là quá trình điêu khắc nội tâm, điêu khắc đời sống, bỏ đi những cái không cần thiết, không tiếp tục nói những chuyện tào lao, làm những chuyện tào lao nữa. Bởi vì khi *"không có gì để nói người ta sẽ nói bậy, khi không có gì để làm người ta sẽ làm bậy"* (Voltaire). Đời sống là phải có sự gạn lọc, chọn lựa, trân quý thời gian, tùy thời hành xử. Bài học từ bài kinh này: Giữa một cuộc sống có quá nhiều điều sợ hãi, người cư sĩ sống đúng như bốn pháp này thì chuyện đời sau kiếp khác nếu có cũng không có gì phải sợ hãi, và hiện tại cũng không sợ hãi. Có niềm tin thì trời có sập xuống tôi vẫn là người cư sĩ hành thiện, luôn sống bằng trái tim vị tha, bớt nghĩ về mình thì lòng sợ chết sẽ ít đi. Bằng chứng là những bà mẹ không còn nghĩ bản thân mình, chỉ nghĩ đến con, Bồ Tát cũng vậy, tu Ba-la-mật đến mức độ nào đó thì chuyện người ta ghét, người ta hại mình không đủ làm cho mình giận nữa, vì họ nhìn chúng sinh bằng tâm hồn của người mẹ. Chúng ta không tin Phật

vì có những chuyện nhẹ nhàng ở Ngài mà chúng ta không biết, đó là lòng từ, Ngài đã thương chúng sinh khác như mẹ thương con từ khi chưa thành Phật. Đại bi thì sẽ có đại dũng, và phải có đại trí. Có cái hiểu sẽ thương, mà thương rồi không sợ nữa. Một bí quyết quan trọng để không sợ chết là đừng coi nặng mình nữa. Ngay từ hôm nay hãy thực tập một pháp môn: quan sát mình như đang nhìn người khác. Đừng viện lý do rằng mình còn phải lo cho người này người kia trong gia đình mà không thực hành tu tập, nếu mình lăn đùng ra chết thì ai lo cho những người khác.

KHÔNG GIÀ

Najīratisutta

Bài kệ này do một vị Trời hỏi Đức Phật

"Ai già, ai không già?

Thế nào gọi phi đạo?

Vật gì chướng ngại pháp?

Vật gì đêm ngày diệt?

Vật gì uế Phạm hạnh?

Vật gì tắm không nước?

Đời bao nhiêu lỗ trống,

Trên ấy, tâm không trú?

”

Diễn theo văn xuôi: Trên đời này cái gì cũng có lúc cũ, lúc bị già, nhưng có cái nào không già không cũ hay không?

*Thế nào là phi đạo,*nghĩa là đường đời muôn vạn lối, có nhiều cách để mình làm giàu và có nhiều cách để mình trở nên nghèo đói, có nhiều cách làm cho mình nổi tiếng, và có nhiều cách làm cho mình tai tiếng, có nhiều con đường làm cho mình hạnh phúc nhưng cũng có con đường làm cho mình đau khổ; trong tất cả những con đường đó, con đường nào bậy bạ nhất mình phải tránh?

Trên đời có muôn ngàn chông gai trở ngại, nhưng cái gì trở ngại đáng sợ nhất?

Cái gì ngăn trở cho mình đời này kiếp khác một cách ghê gớm nhất, cái gì làm cho mọi thứ không trôi chảy lưu thông nữa?

Cái gì làm cho đời sống mình ngày một ngắn hơn (*vật gì đêm ngày diệt*)?

Đời sống phạm hạnh tối kỵ cái gì?

Tắm phải cần nước, có cách nào làm sạch không cần nước?

Đời có bao nhiêu cái khuyết điểm mình cần phải khắc phục?

Chữ *‘khiếm khuyết’*ở đây ngài Minh Châu dịch là *‘lỗ trống’*.

Tất cả mọi thứ trên đời này hễ có hình thức thì chắc chắn có lúc nó cũ, già cỗi. Nhưng tên gọi, danh xưng thì không, không có cũ, hoặc là nó nổi như cồn hoặc người ta không nhắc đến nó nữa, chứ nó không bị trầy xước héo úa như món đồ, như đóa hoa. Bao nhiêu thời gian trôi qua, khi Đức Phật nhắc lại 4 a-tăng-kỳ về trước, có Đức Phật Nhiên Đăng, 20 a-tăng-kỳ về trước có Đức Phật Tanhankaro, khi Ngài nhắc tới thì tất cả mọi thứ trở lại như trước, vẫn mới toanh. Từ chỗ này dẫn đến cho mình một gợi ý khác trong đời sống là muốn trường sanh bất lão mà làm lăng mộ thì không bằng tìm cách lưu danh thiên cổ. Ở tại VN có lăng mộ nào qua bốn thế hệ mà vẫn còn người sau chăm sóc?

Rất hiếm! Vì gia đình có tiền, vì mặt mũi mà học chăm sóc phần mộ chớ còn người hôm nay chăm sóc người nằm dưới mộ cách họ bốn thế hệ thì còn tình cảm gì nữa. Nếu nghèo thì họ cũng sẵn sàng bán đất bán lăng mà sống, nếu giàu mà bỏ xứ đi nước ngoài được thì mấy nấm mồ này cũng không ai coi ngó. Muốn

được trường tồn cùng trời đất trăng sao thì phải để lại tiếng chứ bao nhiêu tượng đài, mồ mả lăng mộ thì rất là trẻ con, phù phiếm. Tôi là người VN, không phải là người Tàu, có thành kiến về Chúa, ấy vậy mà đối với ông Tôn Dật Tiên, tôi vẫn tôn trọng, quí mến vì ông là người không danh không lợi chỉ biết lo cho đất nước; và Thánh Gandhi là hai. Còn nhiều người nữa cũng có công đất nước mà tôi không có trọng bằng đó là ông Nasser (Ai Cập) cha đẻ kênh đào Suez, hoặc ông Lý Quang Diệu của Singapore, hoặc Washington của Mỹ, Charles de Gaulle của Pháp, đó là những người không cần tượng đài, không cần lăng mộ, không cần ướp xác mà đời đời hễ dân tộc đó còn, đất nước đó còn, thì công ơn tên tuổi của họ vẫn còn đó. Tất cả những gì thuộc về hình danh sắc tướng đều mong manh phù du sương khói ngắn hạn nhưng tiếng đời vẫn còn đó hoài, như Đức Phật Tanhankaro cách mình 20 a-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp rồi mà khi cần nhắc lại thì vẫn mới tinh khôi như thuở nào.

Trên tay tôi cầm cuốn Đạo Đức Kinh của Lão tử, Nam Hoa Kinh của Trang Tử, tuy họ là người Tàu, không phải là PG, nhưng đặc biệt, đây là những tên tuổi mà tôi muốn nhắc tới, vì họ có đóng góp rất là lớn cho những suy tư của tôi và những người trên thế giới này. Tôi nhắc ở đây là vì muốn nói rằng cái gì cũng phù du, chỉ có những giá trị tinh thần mới thực sự tồn tại. Tôi không thích Trung Quốc nhưng trân trọng những cuốn sách đó vì nó có giá trị tinh thần.

"Tham dục gọi phi đạo". 'Uppatha': 'sai đường'. Ai cũng ham sướng sợ khổ, nhưng còn ham sướng sợ khổ thì còn luân hồi. Còn tham ái thì còn luân hồi, còn luân hồi thì còn sa đọa; cơ hội sa đọa nhiều gấp hai ngàn tỷ lần cơ hội sanh thiên. Con rùa mù một trăm năm ló lên mặt biển, chui đầu vào chiếc lỗ trong tấm ván, một xác xuất vô cùng bé cho việc có được thân người. Số lượng con người trên hành tinh này tuy đông nhưng so với những sinh vật khác mình đếm không được thì số bảy tỷ người không là bao. Có bao nhiêu người biết suy tư thiện ác, biết sống vì người khác trong số bảy tỷ người đó?

Tham ái chính là con đường lầm lạc (*phi đạo*)

"Tham ái, chướng ngại pháp". Chính vì tham ái nhiều quá nên con đường sanh thiên và con đường giải thoát bị cản trở rất nhiều. Muốn sanh về trời thì cái muốn đó đã là tham. Muốn thì mình hành thiện, khi hành thiện thì phải có lòng buông bỏ, không buông bỏ thì không thể bố thí trì giới hành thiền được, vì vậy tham ái chính là chướng ngại pháp.

"Tuổi tác đêm ngày diệt". Dựa vào đâu mà biết thời gian đang trôi?

Được gọi là bốn mùa vì có cây cối, ao hồ sông rạch. Nếu trong hư không vô cùng vô tận không đất đá cây cỏ sinh vật dựa vào đâu mà biết mùa xuân mùa hạ hay mùa thu mùa đông. Phải có cái gì làm điểm tựa mới có thể kể được thời gian. Đêm ngày được xác định qua tuổi tác con người. "Tuổi tác đêm ngày diệt", "*vayo rattindivakkhayo*", chính tuổi tác con người làm cho ngày và đêm trôi qua; hay nói khác đi phải dựa vào tuổi tác thì mới biết ngày và đêm trôi mất đi. Nếu nói ai đó sống được bao nhiêu tuổi thì có thể đếm được bao nhiêu ngày đêm đã trôi đi. Chữ '*vayo'* có nghĩa là 'tuổi tác' và còn có nghĩa là 'tiêu tan', 'băng hoại'.

Trong tiếng Anh, họ hỏi giờ như thế này: "*What time is it?*

". Tiếng Đức hỏi hay hơn: "*Wie spät ist es?*

" nghĩa là "Đã trễ bao nhiêu rồi?

". Một thiền sư Đại Hàn khi học trò đến mách ông chuyện gì mà ông thấy chuyện tào lao, ông trả lời có một câu: "Bây giờ mấy giờ rồi?

". Khi người ta trả lời thì ông sẽ đáp lại: "Trễ rồi!". Từ từ tất cả đệ tử của ông bớt "tào lao sự" chỉ nhờ câu trả lời của ông. Cuối cùng cũng có người hỏi vị thiền sư vì sao chỉ trả lời như vậy, ngài trả lời: *Bộ không thấy hả, đồng hồ luôn luôn đi tới, một phút đi qua không bao giờ trở lại, trong từng phút chúng ta đang bị trễ, vậy mà còn lo chuyện tào lao.*

"Nữ nhân uế Phạm hạnh", tất cả những đại nhân vật từ vị Chánh Đẳng Giác xuống, miễn là người nam đi tu bao giờ cũng có bóng dáng của phụ nữ lấp ló. Dĩ nhiên đối với Đức Phật hay các vị thánh thì chuyện đó là vô nghĩa. Con gái của Ma Vương từng quấy phá Đức Phật. Nữ nhân vì thương muốn đến cũng có, vì muốn phá cũng có, kẻ lân la lui tới để hỗ trợ thì nữ cũng nhiều hơn nam, và kẻ đe dọa phạm hạnh của Sa-môn cũng là phụ nữ. Người nữ chỉ là 'cấu uế' phạm hạnh chỉ khi nào mình mở cửa, mình đón họ, khi đó họ mới được xem là đe dọa cho phạm hạnh. Họ chỉ là sự đe dọa khi mình không có phòng thủ.

"Khổ hạnh và Phạm hạnh, Là tắm không cần nước". Sự tu tập trong đời sống nội tâm được xem là tắm không cần nước. Tu hành là làm sạch, làm mất đi những gì làm cho mình bất tịnh, cấu uế. Đây là cách tắm duy nhất không cần nước.

"Sáu lỗ trống ở đời, Trên ấy, tâm không trú. Biếng nhác và phóng dật"

"Cha lokasmiṃ **chiddā**ni, yattha vittaṃ na tiṭṭhati; **Ālasyañca** pamādo ca, **anuṭṭhānaṃ** asaṃyamo; **Niddā** tandī ca te chidde, sabbaso taṃ vivajjaye"

Sáu *khuyết điểm* (*chiddā:* lỗ trống) trong đời sống phàm phu mà mình phải khắc phục ("*6 lỗ trống phải lấp đầy"*) đó là:

1. Ālasya: 'lười biếng' (cách hai, số ít, thành *ālasyam*, cộng với *iti* thành *ālasyanti*). Biếng nhác là nằm, ngồi một chỗ không muốn xê dịch.

2. Pamādo: 'dễ duôi' trong phiền não. Khi trong nội tâm có tham sân, cứ để mặc tình nó tới nó đi chớ không chánh niệm tỉnh giác. Sống như ý mình thích, không có sự can thiệp của thiện pháp

3. Anuṭṭhānaṃ: 'không tinh tấn', 'không nỗ lực'. Có bốn sự tinh tấn: *thận, trừ, tu, bảo*. *Thận* là ngừa điều xấu chưa xảy đến. *Trừ* là sự nỗ lực ngăn chặn điều xấu đang có, là nỗ lực phát triển điều tốt đẹp chưa có, làm cho nó phát sinh. *Tu cần* là nỗ lực tìm thêm việc tốt trước đây chưa có. *Bảo* là gìn giữ sự tốt đẹp không để mất.

4. Asaṃyamo = asaññamo: 'không tự chế' (HT Minh Châu dịch là 'không giữ giới': *sīlasaññama*, buông trôi, thả nổi tam nghiệp). *'saññamo'='saṃyamo':* 'tự chế', self controlling, self taming. Train (Eng) = tame = dama (Pāḷi)

5. Niddā: ham ngủ nghỉ. Ngủ cũng là một thứ phiền não

6. Tandī: Sự mệt mỏi (aticchāta).

Bài giảng ngày 31-7-2014 TÔN CHỦ Issariyasutta

Có những trường hợp Đức Phật nói theo cách nghĩ của người hỏi rồi dẫn dắt người ta về với Ngài, trong câu hỏi ở đây:

"Vật gì làm chủ ở đời, hàng hóa gì tối thượng".

''Kiṃsu issariyaṃ loke, kiṃsu **bhaṇḍā**namuttamaṃ;

Chữ '*bhaṇḍā'* này có nhiều nghĩa: 'hàng hóa', 'nhà kho'.

-- *Vật gì chủ ở đời?*

Hàng hóa gì tối thượng?

Vật gì làm rỉ sét,

Lưỡi kiếm ở trên đời?

Vật gì ở đời này,

Tác thành cõi địa ngục?

Ai đem đi, bị chận?

Ai đem đi, được ưa?

Ai thường xuyên đi lại,

Được kẻ trí hoan hỷ?

Trên đây có 6 câu hỏi và dĩ nhiên có 6 câu trả lời, 4 câu trả lời sau bà con hiểu được, nhưng hai câu trả lời đầu có lẽ bà con thấy khó hiểu. Trong chánh tạng:

"Vaso **issariyaṃ** loke, itthī bhaṇḍānamuttamaṃ;

Kodho satthamalaṃ loke, corā lokasmimabbudā.

'issariyaṃ': 'chủ', 'sếp sòng' ở một nơi. Chữ này trong tiếng Sanskrit là '*isvara'*, từ đó mới ra chữ '*Avalokitesvara'* quán tự tại. Thời Đức Phật tiếng Pāḷi không có chữ viết, giống tiếng Việt mình chỉ có chữ Nôm, ông bà mình kết hợp với tiếng Tàu đẻ ra tiếng Nôm. Ví dụ Tàu có chữ 'ảo' nghĩa là không có thật, người ta

thêm bộ Thủy đằng trước thành ra chữ 'ao', thành ra 'ao hồ', hoặc thêm bộ Y vào thành ra chữ 'ào'. Tiếng Pāḷi cũng vậy, thời Đức Phật vùng châu thổ Ma Kiệt Đà (Magadha) rất giàu có, dân chúng rất đông và sử dụng tiếng Pāḷi, giới trí thức sử dụng tiếng Sanskrit, đây là ngôn ngữ được xem độc quyền của Bà-la-môn giáo, họ dùng trong các mục đích tôn giáo như chép ghi, tụng đọc kinh điển, cúng tế và là phương tiện để viết lách sáng tác văn chương thơ ca thi phú. Khi Đức Phật ra đời, Ngài xuất thân cao sang nhưng ngôn ngữ Ngài thường dùng không phải là Sanskrit mà dùng tiếng Pāḷi, người bình dân Ma Kiệt Đà sử dụng. Buổi đầu không gọi là tiếng Pāḷi, ngôn ngữ của xứ Magadha gọi là tiếng Magadhi nhưng về sau, khi Phật viên tịch thì mới được gọi là tiếng Pāḷi. Theo một số nhà ngôn ngữ học thì chữ này xuất phát từ chữ Pāleti (*hộ trì, bảo vệ*). Sau khi Phật viên tịch, người đời sau vì lòng tôn kính họ không gọi là tiếng Magadhi nữa mà họ gọi là tiếng Pāḷi là bởi vì trước khi Đức Phật ra đời ngôn ngữ Magadhi được người dân Magadha sử dụng trong phạm vi sinh hoạt thường nhật mỗi ngày như ăn uống, đi đứng, buồn vui, thường ngày, nhưng khi Đức Phật dùng ngôn ngữ này để thuyết pháp, diễn đạt những vấn đề cao sâu trong chánh pháp thì từ đó từng chữ từng chữ trong ngôn ngữ Magadhi Ngài sử dụng mang những nghĩa rất mới. Ví dụ, tiếng Việt thuở xa xưa trước khi có Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc, lúc đó chưa thật sự là ngôn ngữ quí tộc cao sang, sau khi những tác phẩm văn học lớn ra đời với những tác giả lớn như Nguyễn Gia Thiều, Đoàn thị Điểm, Nguyễn Du, thì tiếng Việt trở mình đứng dậy thành ngôn ngữ cao sang. Theo chỗ tôi được biết, trong khu vực Đông Dương (Miên, Lào, Thái, Miến) này không có dân tộc nào có nền văn chương ghê gớm như Việt Nam, có một điều ở người Thái hay Miến, ngôn ngữ họ sử dụng ngày nay được xem là ngôn ngữ lớn vì dân họ bây giờ đông, kinh tế phát triển và đặc biệt họ vay mượn một số rất lớn từ ngữ Pāḷi làm giàu cho ngôn ngữ của họ. Ở đây cũng vậy, khi Đức Thế Tôn ra đời và sử dụng tiếng Pāḷi và cho nó mang nghĩa mới, từ đó tiếng Pāḷi (theo tôi được biết, trên hành tinh này) là ngôn ngữ qua mặt tiếng Latin và tiếng Do Thái cổ Hebrew. Qua mặt ở một điểm là tiếng Hy Lạp cũ (Koinè), hay tiếng Do Thái xưa (Hebrew) hay tiếng Latin là ngôn ngữ gốc của La mã xưa, bên cạnh sử dụng cho thánh kinh thì sử dụng rất nhiều cho văn bản thế tục, riêng tiếng Pāḷi thì sau khi Phật ra đời thì ngôn ngữ Pāḷi qua Đức Phật và các đệ tử của Ngài trở thành ngôn ngữ gần như hoàn toàn mới, từng chữ từng chữ được sử dụng trong kinh điển hoàn toàn mang nghĩa rất sâu. Chẳng hạn như chữ '). Sau khi Phật viên tịch, người đời sau vì lòng tôn kính họ không gọi là tiếng Magadhi nữa mà họ gọi là tiếng Pāḷi là bởi vì trước khi Đức Phật ra đời ngôn ngữ Magadhi được người dân Magadha sử dụng trong phạm vi sinh hoạt thường nhật mỗi ngày như ăn uống, đi đứng, buồn vui, thường

ngày, nhưng khi Đức Phật dùng ngôn ngữ này để thuyết pháp, diễn đạt những vấn đề cao sâu trong chánh pháp thì từ đó từng chữ từng chữ trong ngôn ngữ Magadhi Ngài sử dụng mang những nghĩa rất mới. Ví dụ, tiếng Việt thuở xa xưa trước khi có Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc, lúc đó chưa thật sự là ngôn ngữ quí tộc cao sang, sau khi những tác phẩm văn học lớn ra đời với những tác giả lớn như Nguyễn Gia Thiều, Đoàn thị Điểm, Nguyễn Du, thì tiếng Việt trở mình đứng dậy thành ngôn ngữ cao sang. Theo chỗ tôi được biết, trong khu vực Đông Dương (Miên, Lào, Thái, Miến) này không có dân tộc nào có nền văn chương ghê gớm như Việt Nam, có một điều ở người Thái hay Miến, ngôn ngữ họ sử dụng ngày nay được xem là ngôn ngữ lớn vì dân họ bây giờ đông, kinh tế phát triển và đặc biệt họ vay mượn một số rất lớn từ ngữ Pāḷi làm giàu cho ngôn ngữ của họ. Ở đây cũng vậy, khi Đức Thế Tôn ra đời và sử dụng tiếng Pāḷi và cho nó mang nghĩa mới, từ đó tiếng Pāḷi (theo tôi được biết, trên hành tinh này) là ngôn ngữ qua mặt tiếng Latin và tiếng Do Thái cổ Hebrew. Qua mặt ở một điểm là tiếng Hy Lạp cũ (Koinè), hay tiếng Do Thái xưa (Hebrew) hay tiếng Latin là ngôn ngữ gốc của La mã xưa, bên cạnh sử dụng cho thánh kinh thì sử dụng rất nhiều cho văn bản thế tục, riêng tiếng Pāḷi thì sau khi Phật ra đời thì ngôn ngữ Pāḷi qua Đức Phật và các đệ tử của Ngài trở thành ngôn ngữ gần như hoàn toàn mới, từng chữ từng chữ được sử dụng trong kinh điển hoàn toàn mang nghĩa rất sâu. Chẳng hạn như chữ '**nibbuti'** chỉ có nghĩa là 'tắt đèn', 'tắt lửa'; nhưng từ khi Phật ra đời thì chữ ' chỉ có nghĩa là 'tắt đèn', 'tắt lửa'; nhưng từ khi Phật ra đời thì chữ '**nibbuti'** còn có nghĩa 'viên tịch', xuất sắc ở chỗ đó. Chữ '*Nibbana'*ngày xưa dùng với nghĩa thế tục: 'hết bịnh', 'tắt lửa', nhưng khi Phật ra đời thì mang nghĩa khác. Tất cả những từ Pāḷi chúng ta thấy đều được Đức Phật khoác lên màu áo mới. Sau khi Đức Phật Niết bàn rồi, chư thánh tăng thấy rằng không thể nào lưu truyền một bộ Tam Tạng không chữ viết nên vào đời vua A Dục, các vị căn cứ trên âm vận và ngữ vực từng chữ mà viết ra Tam Tạng Pāḷi bằng chữ viết. Vấn đề này hơi tâm linh một chút, quí vị có học chữ Pāḷi sẽ thấy rằng đây là chuyện không phải của con người làm. Từ một ngôn ngữ không có chữ viết mà đã có một hệ thống văn phạm rất là chặt chẽ, văn phạm cũng chỉ là văn phạm miệng, vậy mà đúc kết thành bộ ngôn ngữ, bộ văn phạm Pāḷi bằng miệng: Kaccāyana, Netipakarana, Niddesa, Aṭṭhakathā, đặc biệt là hai bộ văn phạm Kaccāyana, Netipakarana, đây là hai bộ mà một người học Phật cực đoan liếc qua không thấy Phật pháp gì hết, nhưng hai bộ này là chìa khóa văn phạm cho tiếng Pāḷi Phật Giáo. Tôi biết tôi nói hơi xa nhưng không thể không nói, vì mình là Nam Tông không thể không biết tiếng Pāḷi ở đâu mà ra. Các ngài căn cứ vào bộ văn phạm này mà tạo ra chữ viết. Tiếng Pāḷi có hai chữ T: t, ṭ. Tiếng Pāḷi buổi

đầu tiên, nguyên thủy được viết bằng tiếng Tích Lan cổ, khi con trai vua A Dục sang Tích Lan, ngài cho chư tăng viết bộ Tam tạng bằng ngôn ngữ mới. Ngày xưa mình đọc chữ 't' /ta/ có hai chữ. Chữ 'ta' thứ nhất: hai hàm răng cắn lưỡi (t), chữ 'ṭa' thứ hai: lưỡi uốn cong lên nóc họng (ṭ). Đến thế kỷ 19 các nhà học giả của Tây Phương: Anh, Đức, Nga, Hungari nghiên cứu Tam tạng Pāḷi bằng chữ Tích Lan và chữ Miến Điện rồi mới nghĩ ra tiếng Pāḷi Latin mà chúng ta đang thấy. Căn cứ vào bản Pāḷi họ thấy hai chữ T nên nghĩ ra cách phân biệt: Chữ 't' lưỡi của mình để giữa hai hàm răng gọi là *dentaja* (âm răng, *denta: cái răng, ja: sanh ra*), chữ 'ṭ' được gọi là *muddhaja* (âm đầu) lưỡi cuốn lên vòm nóc họng. Nhóm [t, th, d, dh,n] gọi là nhóm *dentaja*. Nhóm [ṭ, ṭh, ḍ, ḍh, ṇ] gọi là nhóm *muddhaja*. Tất cả những luật này nằm trong mấy bộ sách trên nên người đời sau cứ căn cứ vào những bộ sách đó, vẫn là không có chữ viết mà chỉ nhớ thuộc lòng. Người ta đã căn cứ vào bộ luật đó mà làm ra chữ viết Pāḷi, theo chỗ tôi được biết thì chưa có ngôn ngữ nào có được 3 điều đáng nể như thế: 1/ Không có chữ viết nhưng được lưu trữ thành hệ thống kinh văn, một hệ thống tư tưởng văn chương phong phú như tiếng Pāḷi, 2/ Không có chữ viết mà được bảo trì đầy đủ chính xác, chuyện này không thể dễ làm, 3/ Sự trung thành của người kế thừa thế hệ trước và thế hệ sau liên tục không gián đoạn bằng bộ nhớ phải nói là trác việt xuất chúng. Cho nên hôm nay chúng ta mới có bộ Tam Tạng bằng chữ Pāḷi viết ra mẫu tự hẳn hoi, mẫu tự Miến, Thái, Lào, Tích, Miên và Latin nhưng sau này chúng ta còn biết thêm mẫu tự nữa đó là Nga mà người Mông Cổ cũng sử dụng mẫu tự Nga để chế ra 33 (phụ âm) và 8 (nguyên âm) của tiếng Pāḷi, nên mới có một bản Pāḷi nữa mẫu tự Nga. Tôi đánh một vòng như vậy tôi mong rằng ai đang trực tiếp nghe thì hôm nay biết thêm một chuyện nữa, hoặc mai này ai nghe lại băng giảng này thì mới có dịp hiểu tiếng Pāḷi từ đâu ra. Kể từ khi kinh điển được viết thành chữ, dạng văn bản sách vở rồi thì không gọi là tiếng Magadhi nữa mà gọi là tiếng Pāḷi, từ động từ '*Pāleti'* (bảo trì), nghĩa là ngôn ngữ này giữ lại một ngôn ngữ của Đức Phật, giữ lại một truyền thống tuyệt đẹp của nhân loại.

- *Thế lực chủ ở đời,*

Nữ nhân, vật tối thượng.

Phẫn nộ làm rỉ sét,

Lưỡi kiếm ở trên đời.

Kẻ trộm ở đời này,

Tác thành cõi địa ngục.

Trộm đem đi, bị chận,

Sa-môn đem, được ưa,

Sa-môn thường đi lại,

Được kẻ trí hoan hỷ.

"Vật gì chủ ở đời?

", vật gì xếp sòng ở đời này?

Đó là quyền lực. '*Avalokitesvara'* (Skt): xếp sòng, tự tại. Tự tại nghĩa là tự mình quyết định mọi thứ, không bị lệ thuộc ai hết. Chồng thì phải nhìn mặt vợ mà sống, con cái thì nhìn mặt cha mẹ mà sống, bởi vì sống phải căn cứ vào buồn vui của người khác mà biết cách hành xử. Tự tại là người sống không lệ thuộc ai hết mà vẫn không mắc lỗi. Một vị Sa-môn trước 6 trần mà lòng không tham giận không thương thích ghét sợ mới được gọi là tự tại, một Sa-môn không vợ con nhà cửa đi đứng thoải mái gọi là tự tại, chớ không phải mấy người lang thang không nhà không cửa bị người nguyền rủa, xua đuổi là tự tại. Tự tại là khả năng tồn tại một cách thanh thản, độc lập, có quyền tự quyết đời mình mà không có lỗi.

"itthī bhaṇḍānamuttamaṃ". Câu này HT Minh Châu dịch *"Nữ nhân, vật tối thượng"*, nghe cũng hơi sốc. Người Tàu thì nói câu "nhất nam viết hữu thập nữ viết vô"; Ấn Độ cũng vậy, con gái nhà nghèo đi lấy chồng dễ bị chồng đánh, giá trị phụ nữ là của hồi môn mang theo, vậy sao ở đây nói là tối thượng?

Bhaṇḍā còn có nghĩa là nhà kho. Theo chú giải: "*sabbepi bodhisattā ca cakkavattino ca mātukucchiyaṃyeva nibbattantīti "itthī bhaṇḍānamuttama"nti āha".* Tất cả chư Bồ tát Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân thánh vương đều tự bụng mẹ (cái nhà kho đó) mà ra.

Chuyển Luân Vương là một loại vua do phước mà có chứ không phải do người ta bầu. Chuyển Luân Vương có nhiều loại, hạng thứ nhất, phước nhiều nhất, là sử dụng bánh xe ngọc. Một người đại phước lên làm vua tự nhiên họ biết chớ không cần ai nhắc, giữ trai giới trong sạch suốt bảy ngày, tự nhiên có bánh xe bằng ngọc xuất hiện trước mặt và họ dùng nó làm phương tiện, dụng cụ để cai trị bốn đại châu: Đông Thắng thần châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam thiệm Bộ Châu, Bắc

Cưu Lô Châu; gọi là Ngọc Luân thánh Vương. Kim Luân thánh vương là vị có bánh xe bằng vàng, vị này có khả năng cai trị ba đại châu. Ngân Luân thánh vương, vị này có bánh xe bằng bạc, cai trị một Nam Thiện Bộ Châu, tức là hành tinh của mình. Vị này có thể dùng bánh xe đó có thể di chuyển một lúc vô số người cùng đi với mình như ý. Hơi khó tin, nhưng tùy quí vị, mỗi thời kỳ có những chuyện mà thời điểm khác người ta tin không được. Cách đây một trăm năm về trước làm sao người ta có thể hình dung được chuyện hôm nay có kẻ điểm tâm ở Paris, ăn trưa ở Luân Đôn, ăn tối ở New York, cũng không ai tin được hôm nay con người cách nhau qua đại dương mà có thể nói chuyện mà nhìn thấy mặt nhau. Người ngày nay có những cái mà người ngày xưa không tin được, và ngược lại. Quí vị vào google gõ mấy chữ: "Người thế kỷ 19 tiên đoán gì về năm 2000?

". Ngày nay mình đã vượt xa những gì họ mà tưởng tượng.

"itthī bhaṇḍānamuttamaṃ", người nữ là "nhà kho số một" vì từ đây mà ra các bậc hiền thánh trong đời. Có một buổi chiều vua Pasenadi đang ngồi hầu Phật, có người vô báo vua chuyện gì đó, vua đang vui tự nhiên mặt bí xị, Đức Phật hỏi vua có an lạc không, vua thưa: *Bạch Thế Tôn con vừa nghe báo tin hoàng hậu sinh công chúa mà con thích hoàng tử hơn*. Đức Phật nói: *Này đại vương, sao lại có thể coi thường phụ nữ trong khi tất cả đàn ông vĩ đại nhất trên thế gian này đều do phụ nữ sanh ra.* Đó là câu tuyên ngôn về nữ quyền đầu tiên trên thế giới mà sâu sắc vô cùng. Nghe vậy nhưng đừng có ham, trong kinh còn có câu *"Itthī malaṃ brahmacariyassa",* người nữ là cấu uế của phạm hạnh. Cách đây không lâu tôi nghe một vị sư nói thế này, người nữ tuy là cấu uế của phạm hạnh nhưng là bạn lành của Sa-môn, vì cúng dường nuôi dưỡng toàn phần nhiều là phụ nữ. Cấu uế hay bạn lành là do chính mình. Ngài Narada có câu: *Ta không nên vì gai mà bỏ hoa cũng không nên vì hoa mà cắm mình vô gai.*

"Vật gì làm rỉ sét, Lưỡi kiếm ở trên đời?

"

Kodho **satthamalaṃ**loke, corā lokasmimabbudā.

'Mala': 'cấu uế', 'vật không sạch', cái gì đó khiến cái khác bị dơ bẩn. Ví dụ khói tàu khói xe trước khi ám trên thùng xe, vách tường, thì được gọi là khói xe, nhưng khi dính lên thì vết bẩn đó gọi là '*mala'.* Nước chảy dưới cống là nước cống, nhưng dính lên áo là *'mala'.* Trong bản tiếng Anh thì họ dùng chữ '*stain'*

(rỉ, sét, teng). Ngài Minh Châu nhìn thấy chữ 'lưỡi kiếm' nên chữ '*mala'* ngài dịch là *'rỉ sét'* chớ chữ *mala*nghĩa rộng mênh mông. *Sattha* là vũ khí bén nhọn hoặc con dao.

Câu kệ trên dịch lại: *Vật gì làm hỏng đi vũ khí ở đời?*

Đó chính là tâm sân! "Giận quá mất khôn". Chú giải giải thích, khi giận quá trí tuệ của mình không có cơ hội có mặt để làm việc. Tùy chỗ mà Đức Phật có câu trả lời khác nhau, ở đây Ngài trả lời *"tâm sân là cấu uế, vật bất tịnh, hoen ố trí tuệ của mình"*. Vũ khí ở đây là '*pannasāttha'*, vũ khí trí tuệ. Trong trường hợp khác Đức Phật sẽ không nói đến lòng phẫn nộ (*kodha*) ở đây nữa mà Ngài có thể trả lời là tâm tham hoặc ngã mạn, hoặc tà kiến, hoặc vô minh... Ở đây nhìn nội tâm người trước mặt, Ngài thấy trả lời như vậy hợp với họ hơn. Cũng xin nhắc lại, thấy Đức Phật nói đến tâm sân thì đừng hồn nhiên thơ ngây chỉ nghĩ đến tâm sân. Phiền não vốn đi chùm, người nào còn tâm sân thì có cao siêu lắm lắm cũng chưa đắc A-na-hàm, người nào còn thân kiến thì dù cao siêu lắm lắm cũng chưa phải Tu-đà-hoàn, còn ngã mạn thì có cao siêu lắm lắm cũng chưa đắc A-la-hán. Còn sân hận là còn vô số phiền não khác. Vì vậy ở đây Ngài nói phẫn nộ là cấu uế cho trí tuệ thì phải hiểu ngầm rằng ai còn phẫn nộ thì sẽ kéo theo bao nhiêu hệ lụy liên quan khác chứ không phải riêng tâm sân. Tất cả những gì mình thương thích ghét sợ hoàn toàn do hiểu lầm mà ra, hiểu lầm là nghĩ đó là tôi, đó là của tôi, là cái gì đó thuộc quyền sở hữu của tôi hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp. Thiện, ác, buồn, vui chính là những linh kiện lắp ráp nên cái gọi là chúng sinh.

Yathāpi aṅgasambhārā hoti saddo ratho iti,

Evaṃ khandhesu santesu hoti sattoti sammuti.

Giống như chiếc xe có tên gọi là xe bởi do các món phụ tùng lắp ráp lại, cái gọi là chúng sanh cũng là sự lắp ráp của năm uẩn mà thôi. Một cô gái bị cùi hay một hoa hậu chia ra một tỉ lần thì cũng giống như nhau thôi. Câu kệ trên của tỳ kheo ni Vajirà. *Vajirà* có hai nghĩa là 'kim cương', 'tia chớp'. Theo truyền thuyết Đế Thích có một bánh xe bằng ngọc mỗi lần ngài quăng bánh xe đó ra thì tạo ra những tia chớp. Thật ra bánh xe đó bằng kim cương (*vajirà*) từ đó mới có kinh Kim Cang Năng Đoạn (*Vajracchedikā*).

"Vật gì ở đời này, Tác thành cõi địa ngục?

"

Chỉ riêng trong trường hợp này Đức Phật đem chuyện trộm cắp ra nói. Trong câu Phật tử thường đọc khi xin giới thứ hai "con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp", tôi đề nghị đổi lại là 'trộm cướp' chứ không phải 'trộm cắp', vì chữ "trộm" và "cắp" đồng nghĩa (lấy lén lút), cướp là lấy công khai, tấn công người chủ. '*Cora'*: 'trộm', 'cướp' (lấy công khai hoặc lấy lén lút).

Trong kinh Đức Phật có dùng chữ này: '*theyyasamvāsa'*

'theyya': 'ăn trộm'

'*samvàsa'*: 'cộng trú', 'cộng sinh', 'ở chung'.

Theyyasamvāsa: ở chung với tư cách là kẻ trộm. Một người không chân chánh nhưng sống chung trà trộn với người chân chánh gọi là '*theyyasamvāsa',* không phải sinh viên nhưng ở chung với sinh viên để trộm. Trà trộn ở đây nghĩa là tìm đủ cách để lẩn vào trong mà không bị phát hiện ví dụ thấy người ta sáng tác, trình làng mình cũng bắt chước sáng tác trình làng như một tác giả lớn cũng gọi là '*theyyasamvāsa'.* Không phải Sa-môn, tỳ kheo nhưng sống chung trà trộn với Sa-môn, tỳ kheo cũng gọi là *theyyasamvāsa'*, nghĩa là sống chung, cộng hưởng, cộng trú theo tư cách của người ăn trộm. Ai làm tròn phận nấy thì xã hội này yên, nếu sống sai vai trò của mình thì thế giới này đại loạn. Vợ phải giữ tròn trách nhiệm của vợ, chồng phải tròn trách nhiệm của chồng, không có ai cố ý mong người khác hiểu lầm mình là một thứ khác mà mình vốn không phải. Xã hội đáng sợ nhất là xã hội lừa đảo, mình không được như vậy mà mong người khác nghĩ như vậy, đó cũng là một thứ trộm. Lạm dụng tín nhiệm của người khác để kiếm chác cũng gọi là trộm chứ không riêng gì đào tường khoét vách rọc xách móc túi. Phải hiệu nghĩa "trộm" rộng mênh mông như vậy mới hiểu được câu *"Kẻ trộm ở đời này, Tác thành cõi địa ngục".* Hôm nay, ngồi đây, quí vị tìm chỗ nào đó (trong chùa, nhà người quen) để túi xách có tiền của mình mà thanh thản yên lòng?

Tôi là một tu sĩ sống trong chùa mà phải nhìn nhận là không thể nào có. Vì sao lại như vậy, đó là do ăn trộm tạo ra. Tội ăn trộm lớn như vậy. Thằng Tèo ăn trộm của thằng Tý làm cho thằng Tý mất ăn mất ngủ và làm cho cả thế giới này không còn ai tin ai nữa. Đừng bao giờ dại dột đem bạn gái về ở chung nhà với chồng, đừng bao giờ dại dột đem bạn trai về sống chung nhà với vợ. Có ba sự bố thí: 1. Tài thí, đem chia sẻ vật chất của mình cho người khác, 2. Pháp thí, chia sẻ cái hiểu của mình về chánh pháp cho người khác. 3. Vô úy thí, đem lại an lòng cho người khác. Điều thứ ba này ít Phật tử để ý. Tôi e rằng không nhiều người biết

làm sao sống cho người khác yên tâm, an lòng. Khi mình làm bất cứ điều gì bất thiện thì phải hiểu rằng việc làm này làm cho thế giới này trở nên bất an bất ổn.

Giấc trưa, sau giờ cơm tôi hay ra ngoài rừng một chút, chỗ tôi ở trên rừng ngó xuống dòng sông đẹp lắm, sợ trời mưa tôi cầm dù đi thong thả, xứ này không có bạo hành cướp bóc. Đang đi ngon lành gặp một gã ở dưới đi lên, mình giơ tay chào mà mặt gã lạnh ngắt, tôi giựt mình nghĩ một chuyện rồi từ đó tôi nghĩ đến một trăm chuyện, một ngàn chuyện, tôi lui gót tức khắc. Có nhiều ông biến thái, tâm thần bạo lực, nhìn mình mà nghĩ mình là đối tượng cần thanh toán, giải quyết. Bà thủ tướng Palme của Thụy Điển, nữ hoàng Sissi của Áo cũng bị đâm bởi kẻ tâm thần bạo lực, từ đó người ta mới cần có vệ sĩ. Sẵn đây cũng nhắc các hành giả nữ đừng nghĩ mình có chư thiên hộ trì mà tìm chỗ vắng vẻ hành thiền nghen. Ở thánh địa Mecca, có câu: Giấc trưa, sau giờ cơm tôi hay ra ngoài rừng một chút, chỗ tôi ở trên rừng ngó xuống dòng sông đẹp lắm, sợ trời mưa tôi cầm dù đi thong thả, xứ này không có bạo hành cướp bóc. Đang đi ngon lành gặp một gã ở dưới đi lên, mình giơ tay chào mà mặt gã lạnh ngắt, tôi giựt mình nghĩ một chuyện rồi từ đó tôi nghĩ đến một trăm chuyện, một ngàn chuyện, tôi lui gót tức khắc. Có nhiều ông biến thái, tâm thần bạo lực, nhìn mình mà nghĩ mình là đối tượng cần thanh toán, giải quyết. Bà thủ tướng Palme của Thụy Điển, nữ hoàng Sissi của Áo cũng bị đâm bởi kẻ tâm thần bạo lực, từ đó người ta mới cần có vệ sĩ. Sẵn đây cũng nhắc các hành giả nữ đừng nghĩ mình có chư thiên hộ trì mà tìm chỗ vắng vẻ hành thiền nghen. Ở thánh địa Mecca, có câu: *Tin thánh A La thì cứ tin, nhưng hành lý của mình thì phải giữ*. Đó là lý do vì sao kẻ trộm cướp tội nặng như vậy, chúng không những gây thiệt hại trực tiếp cho nạn nhân mà còn gián tiếp gieo bất an cho toàn xã hội. Chỉ một chuyện nhỏ xíu: những người nhiều chuyện cũng làm cho thế giới bất an.

"Ai đem đi, bị chận?

Ai đem đi, được ưa?

". Ở đời có nhiều người họ lấy càng nhiều mình càng thích, nhưng có người lấy trái ớt trái cà mình giận. Sa-môn lấy đi được người ta thích, kẻ trộm đem đi thì người ta giận. Nghĩa sâu của câu này: khi mình là người xứng đáng thì cả thế giới đứng về phía mình, còn khi mình bất xứng thì cả thế giới quay lưng với mình. VN có câu đau lòng là "đàn bà xấu không quà", người ta thích cho người đẹp, câu này hiểu ngầm là người không có đức hạnh thì không nhận được gì từ cuộc đời, nếu muốn lấy đi cái gì thì chỉ lấy theo kiểu kẻ trộm sẽ làm cho người ta tiếc

của, bực mình, còn nếu mình xứng đáng thì người ta cho bao nhiêu cũng không tiếc.

"Sa-môn đem, được ưa". 'Sameti': 'làm cho lắng dịu', 'yên tĩnh'. Từ chữ này mới ra chữ *sāmaṇa:* Sa-môn. Sa-môn là âm của Tàu, theo kiểu phiên âm giống như 'Luân Đôn' (London), 'Hoa Thịnh Đốn' (Washington), 'Nữu Ước' (New York), Ba Lê (Paris). '*sāmaṇera':* 'sa di' (con của Sa-môn). Sa-môn là vị nhận làm cho người ta vui, còn ăn trộm lấy đi làm cho người ta tiếc.

"Sa-môn thường đi lại, Được kẻ trí hoan hỷ". Sự đi lại ở đây là sự có mặt đúng lúc khi cần thiết, một trăm lần một ngàn lần vẫn làm cho người ta hoan hỉ. Bên Tàu có câu "cần lai thân giả sơ" là lui tới hoài làm cho người ta nhàm, nhưng đến trong sự cần thiết thì sự lui tới của mình càng lúc càng ý nghĩa, được trân trọng hơn. Lấy nửa bài kinh trước để hiểu nửa bài kinh sau là xong.

DỤC

Kāmasutta

- *Nghĩ lợi, không cho ai,*

Con người từ bỏ gì?

Thiện gì nên thốt ra?

Ác gì nên ngăn chận?

Không nhìn chánh kinh Pāḷi thì không hiểu gì. Vì đây là kệ nên ngài Minh Châu không thể dịch khác được. Nếu dịch văn xuôi thì dễ vô cùng.

"Kim**atthakāmo** na dade, kiṃ macco na pariccaje;

Kiṃsu muñceyya kalyāṇaṃ, pāpikaṃ na ca mocaye"ti

'Attha': 'lợi ích', 'ý nghĩa', 'quyền lợi'. *'Kāma':* 'muốn'

'Atthakāmo': 'người bình thường'. Ai trên đời này cũng muốn vui, sợ khổ, ham sống sợ chết, trốn khổ tìm vui, ngay cả con nít, cái gì êm ấm hoan hỉ thì làm cho nó cười, chát chua nóng lạnh làm cho nó khóc, con nít cũng có sự lựa chọn trốn khổ tìm vui, nói chi là người lớn. Trong trường hợp này '*Atthakāmo'* có thể dịch

là "người bình thường". Câu kinh trên ý nói người bình thường muốn cho cái gì cũng được nhưng cái gì nên giữ lại?

. *"na dade"* là "không cho", nhưng dịch "không nên cho cái gì" thì hơi kỳ, nên dịch là "người bình thường nên giữ lại cái gì cho mình và có cho gì đến người khác thì cũng phải giữ lại cái gì?

" Ở đây Đức Phật trả lời: Cho gì thì cho nhưng không ai đem bản thân mình đi cho, ngoại trừ ra các vị Bồ tát (*Thapetvā sabbabodhisatte).*

"Kiṃsu muñceyya kalyāṇaṃ, pāpikaṃ na ca mocaye". Cái gì nên cho ra, cái gì nên đóng lại?

Lời thiện là lời nên cho ra, lời ác là lời nên giữ lại không nói ra.

Nghe qua bài kinh này có vẻ thường nhưng nói lên toàn bộ đời sống của mình từng ngày. Làm gì thì làm nhưng chuyện đầu tiên là phải nghĩ đến bản thân mình. Đây không phải là ích kỷ. **Người hiền trí** là người làm chuyện gì cũng suy xét điều này có hại mình hại người hay không, có đem lợi ích cho mình cho người hay không, lợi ích cho đời này hay cho kiếp sau, làm gì cũng biết nhân biết quả.

Bài kinh này có hai nghĩa: không đem tấm thân sinh học này trao tặng cho người khác và không để cho mình sống trong bất thiện vì khi mình sống trong bất thiện là tự mình phản bội mình.

"Kẻ thù hại kẻ thù,

Oan gia hại oan gia,

Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân".

(Pháp Cú 42)

Xưa nay chỉ kẻ thù mới hại mình, những người ghét nhau mới hại nhau, tấn công nhau nhưng không có kẻ thù nào đáng sợ bằng chính cái bất thiện ở mỗi con người, cái phiền não từ bên trong của mình. Theo A-tỳ-đàm, đặc biệt là giáo lý duyên khởi, mỗi lần có tâm bất thiện là mình đang tích chứa một số thuốc nổ trong đường luân hồi của mình. Mỗi lần tâm bất thiện có mặt là mỗi lần mình đã kiếm thêm một thùng thuốc nổ để sẵn. Kinh nói người làm phước nhiều thì đời

đời sinh ra được phước xưa chào đón như "tình nhân nhớ lúc người xa chưa về", giống như bà con quyến thuộc chờ đón nhau vậy đó, còn người làm bất thiện thì đời đời kiếp kiếp sanh ra bị cái ác chực chờ sẵn như kẻ thù chờ ngoài ngõ. Người hiền trí là người có kiểu hành động nào đó mà ngay đời này không tiếc nuối, đời sau không đau khổ. Làm bất thiện thì như đem trao mình cho quỷ dữ. "*Không đem cho*" ở đây nghĩa là không bán rẻ chính mình.

"*sīha*: 'sư tử'; '*yaggha'*: 'cọp'; '*sīhabyagghādīnaṃ':* 'dã thú'

"sīhabyagghādīnaṃ na pariccajeyya" không ai trên đời này đem mạng mình cho cọp beo sư tử ăn (ngoại trừ các vị Bồ tát). Có đi lấy chồng lấy vợ cũng nghĩ là mình hạnh phúc mới theo người ta chớ đâu có dại gì giao cái mạng mình cho người dưng.

Câu *"Nghĩ lợi, không cho ai"* phải hiểu rằng người bình thường (*atthakāmo*) nên giữ lại cái gì, không nên cho ra cái gì, và cái gì cần được giữ lại, cái gì cần phải được cho ra, cái gì cần phải được đóng kín. Đó là bốn câu hỏi của bài kệ này.

Trong kinh có nhắc đến nhân vật nổi tiếng đó là A Xà Thế tiếng Pāḷi là Ajātasattu (kẻ thù chưa được chào đời). Văn học phương Tây có nhân vật Oedipe là một hoàng tử, ngày chào đời được người ta bói là đứa bé này lớn lên sẽ giết cha và lấy mẹ làm vợ, vua cha thấy vậy sai người giết chết, nhưng họ không giết mà lại có người nuôi. Hoàng tử này sau lớn lên không biết gốc tích mình, trở về vương quốc cũ giết cha mình và lấy luôn bà mẹ ruột của mình. Trong kinh nói ông Ajātasattu cũng vậy, mẹ ông là hoàng hậu của vua Bimbisara (Bình Sa Vương) khi có mang lại thèm món máu tươi. Vua cắt máu cho bà hút. Thầy bói trong cung bói rằng đứa bé lớn lên sẽ là kẻ thù, nên ông được đặt tên là Ajātasattu (kẻ thù chưa được chào đời). Tôi kể câu chuyện này để nói rằng không phải chỉ vua Bình Sa Vương mới có kẻ thù chưa chào đời mà bản thân chúng ta mỗi người trong hội chúng này đều là Bình Sa Vương, đều có một đứa con là A Xà Thế, đó chính là tâm bất thiện của mình, mỗi một giây phút mình sống bất thiện thì mình sẽ tạo ra kẻ thù. Ai đi nữa cũng có một kẻ thù trong lòng đó chính là phiền não của mình. Một danh nhân người Mỹ nói: Trong kinh có nhắc đến nhân vật nổi tiếng đó là A Xà Thế tiếng Pāḷi là Ajātasattu (kẻ thù chưa được chào đời). Văn học phương Tây có nhân vật Oedipe là một hoàng tử, ngày chào đời được người ta bói là đứa bé này lớn lên sẽ giết cha và lấy mẹ làm vợ, vua cha thấy vậy sai người giết chết, nhưng họ không giết mà lại có người nuôi. Hoàng tử này sau lớn lên không biết gốc tích mình, trở về vương quốc cũ giết cha mình và lấy luôn bà

mẹ ruột của mình. Trong kinh nói ông Ajātasattu cũng vậy, mẹ ông là hoàng hậu của vua Bimbisara (Bình Sa Vương) khi có mang lại thèm món máu tươi. Vua cắt máu cho bà hút. Thầy bói trong cung bói rằng đứa bé lớn lên sẽ là kẻ thù, nên ông được đặt tên là Ajātasattu (kẻ thù chưa được chào đời). Tôi kể câu chuyện này để nói rằng không phải chỉ vua Bình Sa Vương mới có kẻ thù chưa chào đời mà bản thân chúng ta mỗi người trong hội chúng này đều là Bình Sa Vương, đều có một đứa con là A Xà Thế, đó chính là tâm bất thiện của mình, mỗi một giây phút mình sống bất thiện thì mình sẽ tạo ra kẻ thù. Ai đi nữa cũng có một kẻ thù trong lòng đó chính là phiền não của mình. Một danh nhân người Mỹ nói: *Những vấn đề trước sau và chung quanh ta có rắc rối đến mấy cũng không bằng những vấn đề ngay bên trong chúng ta.* Trong văn chương VN có câu chuyện Mỵ Châu. Khi thành Cổ Loa thất thủ, vua An Dương Vương bỏ hết mọi thứ sau lưng chỉ đem theo mình một thứ mà nghĩ là quý giá nhất trên đời là con gái của mình, ra biển tìm thần Kim Quy. Mỵ Châu ngồi sau lưng vua. Thần Kim Quy hiện lên nói: *Kẻ thù ngay sau lưng bệ hạ*. Vua rút gươm chém đầu Mỵ Châu. Nhiều khi mình không ngờ rằng kẻ thù sát bên mình chớ không đâu hết. Trong kinh nói kẻ thù chính là phiền não, còn ngoài đời thì ý nói kẻ tay chân thân cận của mình đó có khi chính là kẻ thù kẻ phản thùng, nhưng chính mình phản mình là đáng sợ nhất. Đã đúng bảy giờ, hẹn gặp lại quí vị.

Bài giảng ngày 02-8-2014 LƯƠNG THỰC 9. Pātheyyasutta

'Pātheyya' là chữ tôi rất thích. Đối với tôi nó là một trong những chữ thơ mộng bậc nhất, thấy ở đây dịch thành chữ 'lương thực' là "tan hoang sự nghiệp" rồi.

'Pātha': 'con đường', '*pātheyya'* là những gì mình mang theo trên con đường đi, tư lương, hành lý, hành trang… (trong trường hợp đặc biệt nào đó thì có nghĩa là 'thức ăn', 'thực phẩm') Chữ này hình thức và ngữ nghĩa na ná chữ '*path'* trong tiếng Anh. Tôi ngờ rằng chữ này tiếng Anh lấy từ chữ Phạn ra.

Cái gì cột lương thực?

Cái gì hút tài sản?

"Kiṃsu bandhati **pātheyyaṃ**, kiṃsu **bhogānamāsayo**;

Có hiểu chữ '*pātheyya'* đúng như tôi vừa trình bày nãy giờ quí vị mới thấy câu này dịch lại như thế này rõ hơn: Trong túi đựng hành trang (tư lương) mang theo trên đường, cái gì giúp cho mình giữ được những món hành trang trên đường?

Tài sản của mình, điểm tựa là ở đâu?

Ở đây là nhờ vào công đức, phước báu… những thứ này từ đức tin mà có. Không có đức tin thì không làm được gì hết. Nhìn vào căn tánh người hỏi, Đức Phật trả lời *đức tin chính là món hành trang quan trọng*.

Bhogānamāsayo=Bhogānam + āsayo (chỗ ở, chỗ dựa nương)

"sirī bhogānamāsayo", điểm tựa cho tài sản của mình là ở đâu. Câu này HT Minh Châu dịch là *"Thần tài hút tài sản*", quá là kẹt! Trong bản Pāḷi không hề có chữ 'hút' ở đây, mà là chữ 'chỗ dựa'. Chữ '*sirī*' HT Minh Châu dịch 'thần tài'. Theo chú giải, chữ 'thần tài' *Siri* này được giải thích là *issarya (*theo *Aṭṭhakathā), vibhava (*theo*Tika),* tổng kết lại chữ '*sirī'* ở đây nghĩa là 'quyền lực'. Theo chú giải, trong trường hợp này *sirī* dịch là quyền lực.

Ngày xưa điền chủ là vua trong một địa phương, bất cứ cái gì mà tá điền có, ông điền chủ ông quan địa phương mà muốn là phải được. Đó chỉ là quan phụ mẫu địa phương thôi. Hôm nay chúng ta cũng biết, mấy ông lớn tham nhũng muốn hối lộ thì càng mau nữa, quyền lực là điểm tựa, chỗ dựa cho tài sản. Chu Vĩnh Khang, Trung Quốc một thời nắm quyền ngành dầu mỏ, lúc là bộ trưởng bộ công

an, ông ta có một tập đoàn tài chính chằng chịt như chân rết, tới lúc phanh phui, tài sản tịch thu từ tập đoàn đó lên tới 14 tỷ đô la Mỹ. HT Minh Châu đã chọn nghĩa *'thần tài'* là một trong nhiều nghĩa của chữ '*sirī'* trong tự điển. Nhiều chỗ tôi nghĩ không phải ngài dịch, và cũng ngờ là dường như bản Pāḷi ngài chỉ tham khảo thôi chứ không phải bản gốc mà bản chính ngài dựa vào là bản tiếng Anh. Bản tiếng Anh có chỗ người ta chú thích, có chỗ không. Hôm nay chúng ta thấy có ngài Bodhi, một vị sư người Do Thái, ngài đang có chương trình dịch lại kinh tạng Pāḷi, tức là làm mới lại bản dịch của hiệp hội PTS, điểm độc đáo đó là ngài không chủ trương dịch lại nguyên vẹn chú giải mà chỉ dịch chánh tạng và ghi chú thêm phần chú giải cho những chữ khó. Tôi nghĩ rằng nếu trong tăng ni Phật tử VN nói chung và trong room này nói riêng, nếu mình dịch hẳn 100% sớ Aṭṭhakathā thì là một công trình lớn làm rất ngán, cách hay nhất là in lại bản dịch của HT Minh Châu và trước khi in mình đem phần chú thích của chú giải đó chèn vào mỗi trang dịch của ngài. Thứ nhất là bản dịch của ngài quá hay không thể thay thế nữa; thứ hai là dịch hẳn bộ chú giải thì ai đọc đây. Theo thống kê quốc tế năm 2014, số người Việt Nam đọc sách mỗi năm là 1,8 cuốn (nghĩa là chưa hết hai cuốn sách một năm). Sở thích đọc sách không còn nữa, bây giờ mình phải chấp nhận sự thật. Chẳng hạn như vừa rồi tôi in một lúc hai cuốn mà bây giờ chắc không thể để lại VN vì ai đọc đây, "rượu ngon không có bạn hiền, không mua không phải không tiền không mua".

Kiṃsu naraṃ parikassati, kiṃsu lokasmi dujjahaṃ; đường đời muôn vạn lối, con người đi dựa vào cái gì, cái gì lôi kéo chúng sanh đi về một phương?

Icchā naraṃ parikassati, icchā lokasmi dujjahā; Chính ý muốn mới là ma đưa lối quỷ đưa đường đưa ta vào chốn đoạn trường, cũng chính ý muốn đưa ta về phương trời lợi lạc, vào cõi thiên đường. Cũng chính ý muốn là cái mình không bỏ được. Còn có ý muốn thì còn có ý đi về phía trước, còn con đường đúng sai thì tính sau. Chúng ta còn nhiều chỗ dựa để đam mê thích thú hào hứng trong cuộc chơi sinh tử này. Sẵn ở đây tôi nói thiệt một chuyện, có nhiều người tôi tiếp xúc bị dính mắc chuyện này, có người nói với tôi rằng họ không thích cái gì hết, họ khoe không thích đi shopping, họ ăn cái gì cũng được, mấy chục năm lấy nhau họ chưa từng làm khó làm dễ bà xã trong chuyện ăn uống. Có người nói sao họ không thích xài đồ hiệu, đồ gì họ xài cũng được. Khi nói, họ tưởng đó là cái hay. Nếu đúng như vậy là hay, nhưng tôi xin thưa một điều, vì mình có một tỷ cái mình thích, nên cái nào mình cho rằng mình không thích thì chưa đủ để mình hãnh diện đâu. Bởi vì mình không thích cái này nên mình mới đi khoe. Một lần, cậu của ngài Xá Lợi Phất đến thưa với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn con không thích*

cái gì hết. Ông tưởng rằng Đức Phật sẽ khen, nhưng Đức Phật trả lời: *Chuyện ngươi không thích gì hết, ngươi có tâm đắc với điều đó hay không*. (Trung Bộ Kinh, bài Dighanakasutta). Lúc đó ngài Xá Lợi Phất đã xuất gia được một tháng đúng, trong suốt một tháng đó, ngài chỉ là vị sơ quả, sau khi nghe Đức Phật giảng xong bài kinh cho người cậu, lúc đó ngài đang đứng quạt hầu Đức Phật, nghe Đức Phật trả lời xong ngài Xá Lợi Phất lập tức chứng A-la-hán cùng với lục thông tam minh, tứ tuệ phân tích ngay tại chỗ. Một trường hợp khác, ngài Anuruddha, đệ nhất thiên nhãn, trước khi xuất gia chứng quả Tu-đà-hoàn, tu tập thiền Chỉ và chứng đắc Tứ thiền ngũ thông, thiên nhãn của ngài ngay lúc đó đã là số một. Một lần ngài vào gặp Xá Lợi Phất và nói thế này: *Thưa tôn giả, tôi có thể nhìn thấy một ngàn vũ trụ dễ dàng như người ta thấy nhìn trái sung đặt trong lòng bàn tay, tuy nhiên tôi vẫn chưa chấm dứt hết lậu hoặc*. Câu này đối với những người không mặn mà về khoa học thì thấy thường, nhưng đây là khả năng rất đáng nể, vì cho đến hôm nay, mình cứ hình dung trái đất trong vũ trụ như hột nhãn trong căn nhà có diện tích một cây số vuông. Trái đất của mình trong vũ trụ còn nhỏ hơn hột nhãn trong căn nhà đó, vì diện tích căn nhà mình còn tính được, còn vũ trụ thì bao la không bờ mé. Đến bây giờ khoa học chỉ khám phá được vòng quanh hột nhãn thôi vậy mà ngài Anuruddha thấy một ngàn vũ trụ như vậy. Một ngàn thái dương hệ làm nên một tiểu thiên thế giới, hai ngàn tiểu thiên thế giới làm thành một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới làm thành một đại thiên thế giới, khả năng thiên nhãn của ngài Anurudhha thấy được nhiều ngàn đại thiên thế giới, nên ngài tự hào kể với tôn giả Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất nói: *Một nửa câu nói của hiền giả được phát biểu bằng lòng kiêu mạn, một nửa câu còn lại chính là trạo hối.* Trong cái nhìn của một bậc thánh thì mọi sự phải chi li như vậy đó. Chỉ một câu nói của người sư đệ khoe với sư huynh thôi mà người sư huynh giúp đỡ sư đệ nhận diện vấn đề. Ngài Anurudhha cảm ơn ngài Xá Lợi Phất, lui ra chuyên tâm thiền định, không lâu sau đó chứng quả A-la-hán và dĩ nhiên không còn chuyện kiêu mạn hay trạo hối nữa. Còn mình thì sao?

Mình muốn tùm lum hết, cái gì mình cũng thích, và cái gì mình có chút ít cũng đủ làm niềm kiêu mạn cho mình. Nhìn quanh Phật tử chung quanh mình có ai một tháng 8 ngày bát quan không, không nhiều lắm, thế là mình kiêu mạn; Phật tử xung quanh có ai nghe pháp nhiều như mình hay không, có ai sách kinh nhiều như mình hay không, thế là kiêu mạn. Cái gì mình dễ kiêu mạn là những cái đó mình thích, còn cái thích ở mức độ nào, lý do vì sao là chuyện khác.

Cái gì lôi cuốn người?

Ở đời, khó bỏ gì?

Đó là Đó là *ý muốn (Icchā).* Chính cái ý muốn này dắt mình đi. Câu này có hai ý cần phải lưu ý:

1. Còn thích thì còn có chỗ đi, còn có chỗ đi thì còn sanh tử.

2. Muốn thực hiện điều gì đó, kể cả ước nguyện giải thoát cũng cần có ý muốn. Muốn đi vào hay đi ra cũng phải có cái gọi là ý muốn, muốn đi lên hay đi xuống cũng phải có cái gọi là ý muốn, vì vậy phải chú ý lại cái 'muốn' của mình.

"Icchābaddhā puthū sattā, **pāsena** sakuṇī yathā".

'Icchābaddhā': gắn chặt, trói buộc vào những ước muốn.

'puthū sattā' = 'puthujjana: 'phàm phu'

Kẻ phàm phu bị gắn chặt hay trói buộc vào những ước muốn giống như những con chim dính chặt vào những cái bẫy (*pāsa*). Cái lưới chụp chim cũng gọi là *pāsa*. Lồng để nhốt con chim mồi để chờ con chim trời bay vào kẹt trong đó cũng gọi là *pāsa.*

Icchā naraṃ parikassati, chính ước muốn dẫn dắt người ta đi

icchā lokasmi dujjahā, cũng chính ý muốn là cái khó bỏ nhất.

'*du': 'khó'*; '*jaha':* 'từ bỏ'; '*jaha'* là từ động từ ' là từ động từ '**jaheti'** (động từ này rất thường gặp trong tiếng Pāḷi). Chữ '*jaha'* cũng rất thường gặp trong kinh điển. *'dujjaha'*: cái gì đó khó lìa bỏ.

Còn ý muốn là còn có đi tới, cũng chính ý muốn nhưng nếu mình đổi hướng, thay vì đi vào, đi xuống dòng sanh tử thì mình đi lên, đi ra khỏi vòng sanh tử. Trong pháp Tứ thần túc, có *dục, cần, tâm, thẩm*thì chữ '*dục'* đó không xài chữ '*icchā'* nữa mà xài chữ '*chanda'. Dục, cần, tâm, thẩm*nghĩa là không có ước muốn mãnh liệt thì không được, không có sự nỗ lực đúng mức cũng không được, không có tâm thái tương ứng cũng không được và không có sức mạnh trí tuệ cũng không được. *Túc* là '*chân'*, có những chữ xài quen mình không tra nghĩa gốc của nó. Tàu có cái tôi không thích đó là cái gì họ cũng dịch, do ngày xưa nguồn tài liệu tham khảo ít. Chữ '*guna'*nghĩa là 'ân đức', 'công đức', nhưng đó chỉ là hai trong rất nhiều nghĩa của chữ '*guna'*. '*Guna'* còn có nghĩa là 'chồng', 'lớp'. *Kamaguna*

dịch là "dục công đức" nghe rất là kỳ, trong khi nghĩa của nó là năm trần, là cái gì đó khiến cho dục ái của mình chồng chất lên. '*Guna*' còn có nghĩa là nhân (trong toán học).

Nội dung bài kệ trên: Cái gì là cái túi đựng hành trang, túi đựng lương thực cho con người?

Đó chính là đức tin. Cái gì là điểm tựa, là chỗ dựa cho tài sản của con người?

Đó chính là quyền lực, khả năng huy động tới đâu thì giàu tới đó. Cái gì dẫn dắt người ta đi trong đời này, cái gì khó lìa bỏ nhất?

Đó chính là ước muốn. Thật ra người hỏi đã đoán biết câu trả lời, nhưng họ muốn Đức Phật xác nhận thôi, và dĩ nhiên cách trả lời này chỉ riêng cho đối tượng trước mặt Đức Phật thôi, trong những trường hợp khác Ngài sẽ có cách trả lời khác.

CHỚP

Pajjotasutta

- *Vật gì chiếu sáng đời?*

Vật gì thức tỉnh đời?

Ai cộng nghiệp với người?

Cử chỉ chúng là gì?

Ai nuôi kẻ nhác, siêng,

Như mẹ nuôi con cái?

Hữu tình gì trì mạng,

Y cứ vào địa đại?

Mê ngủ là sống như những xác chết biết đi, nghĩa là chết rồi mà chưa có chôn. Trong đời có nhiều hạng, hạng chết rồi mà chưa chôn và hạng chôn rồi mà chưa chết.

Chết rồi mà chưa chôn là sống, ăn, uống, đi đứng nằm ngồi, nói, cười buồn vui hoàn toàn không biết, cứ sống phóng dật, thất niệm. Kẻ đó như là kẻ chết rồi, trong Kinh Pháp Cú nói kẻ dễ duôi là kẻ chết rồi, '*mātā'* là 'chết rồi', đi đứng nằm ngồi như quỉ nhập tràng, chỉ biết ăn uống nói năng mà chớ hề nhìn lại xem coi cái gì đang diễn ra, bản chất đó là cái gì, đang ra làm sao, what is, how is. Sống như vậy không biết thân tâm bản chất thật sự là gì và đang là gì, gọi là chết rồi chưa chôn.

Chôn rồi nhưng chưa chết nghĩa là chết rồi nhưng tiếng tăm sự nghiệp của họ cũng còn đó, hoặc cách hiểu khác là những người về hưu rồi mà chưa nghỉ. Họ không còn chức vụ đó nữa, không còn chính thức đảm nhiệm vai trò nữa nhưng sức sống vẫn tràn trề kể cả họ bán thân bất toại, những người như vậy gọi là chôn rồi nhưng chưa chết.

Thỉnh thoảng phải tự hỏi mình là loại gì, chết rồi chưa chôn hay chôn rồi chưa chết?

- *Trí tuệ chiếu sáng đời,*

Chánh niệm thức tỉnh đời,

Bò cọng nghiệp với người,

Đường cày là con đường.

Mưa nuôi kẻ nhác, siêng,

Như mẹ nuôi con cái.

Mưa trì mạng chúng sanh,

Y cứ vào địa đại.

Trong bài kệ này, câu hỏi là trong cuộc đời tăm tối này, cái gì soi rọi cho mình?

Đức Phật dạy trên đời có những loại ánh sáng, ánh sáng mặt trời cho ban ngày, ánh sáng mặt trăng cho ban đêm, ánh sáng của lửa khi nào mình muốn có thì mình thắp lên những chỗ tối, nhưng riêng trí tuệ thì không. Khả năng soi rọi của trí tuệ không bị giới hạn trong không gian, thời gian. Lửa không phải lúc nào muốn cũng có, ánh nắng mặt trời không phải lúc nào muốn cũng có, ánh trăng đêm cũng vậy. Hôm nay, chúng ta có đèn điện xài cũng nhờ có ánh sáng trí tuệ

của một số người. Với sự phát minh của họ những nguồn lực của thiên nhiên được khai thác triệt để. Gián tiếp hay trực tiếp, duy tâm hay duy vật phải nói rằng trí tuệ dính vào nguồn sáng của thế giới.

Chánh niệm là sự thức tỉnh giữa cuộc đời mê ngủ này. Người này đi đứng, nói cười, buồn vui đều biết rõ, người mê ngủ thì không biết mình là cái gì đang ra sao. Học cho nhiều cho giỏi, tinh tấn nghe pháp, hành hương lễ Phật, cúng dường bố thí nhưng một cư sĩ hay tu sĩ sống không chánh niệm là thua rồi. Làm gì làm, quan trọng nhất vẫn là chánh niệm, nếu thu xếp được càng sớm càng tốt để sống chánh niệm chớ đừng hứa hẹn khi có thời gian, khi sắp xếp được chuyện gia đình. Chiều hôm qua tôi nói chuyện với Phật tử ở Đà Nẵng, cô này cũng may mắn từ nhỏ đến giờ, có gia thế, có ăn học, và giờ kể ra cũng thành công. Cổ hỏi tôi nghĩ gì về đời sống hiện tại của cổ, tôi nói: Nói cô đừng có buồn, tôi nhìn thấy cô là một tu nữ VN có mặt trong học viện nào đó ở Miến Điện thích hơn là dù gia đạo như ý, chồng con nhà cửa ok, nhưng 30 năm nữa chỉ là một bà cụ có tiền, có một bầy con cháu bu quanh. Tôi không xúi cô lìa bỏ gia đình nhưng cô nên dành thì giờ cho Phật pháp nhiều hơn, vì mình không biết mình sống đến bao lâu và hãy nhớ rằng càng về già tinh thần càng tệ, trí cũng tệ đi, niệm tệ đi.

"Kiṃsu lokasmi **pajjoto"** Vật gì chiếu sáng đời?

'*Pajjoto': '*ánh sáng'. Chữ '*Pajjoto'* ở đây không phải là động từ nhưng khi diễn dịch trong câu tiếng Việt nghe có vẻ giống như động từ, phải nói là "cái gì là ánh sáng cho cuộc đời?

" *kiṃsu lokasmi jāgaro;* cái gì là sự tỉnh thức ở đời?

'*Jāgaro': '*tỉnh thức'

Hai câu đầu: *"Vật gì chiếu sáng đời?*

" Đó là trí tuệ. *"Vật gì thức tỉnh đời?*

" Đó là chánh niệm. Đây là hai câu rất đáng để treo trong nhà.

Câu thứ ba: Ai cộng nghiệp với người?

"Kiṃsu kamme sajīvānaṃ" cái gì là sự cộng hưởng trong đời sống, trong công việc của mình.

"kimassa iriyāpatho", ngài Minh Châu dịch là "Cử chỉ chúng là gì?

"

'Iriyāti': 'di động', 'xê dịch', 'đổi dời', move.

'Patha': 'đường lối', 'kiểu cách', 'cách thức'.

'Iriyāpatha': oai nghi, đi đứng nằm ngồi, co tay duỗi chân, đại oai nghi, tiểu oai nghi nói chung. Đây là những chữ nên nhớ, chỉ có lợi, mai này đi tu thiền ở Thái Lan đôi lúc người ta sử dụng bằng tiếng Pāḷi. Những chữ Pāḷi này còn quan trọng hơn những chữ như cà-tô-mát (tomate, tomato), cải xà lách (salad), sa-pô-chê (Sapote, Tzapotl), trái sơ ri (cherry), trái bom (bomb), hoặc chữ mìn (mine), tất cả những chữ ngoài đời này còn cần thiết nói chi chữ Pāḷi thông dụng mà người Phật tử nên nhớ.

Ở đây Đức Phật cũng nhìn vào căn tánh người hỏi và trả lời. Người VN mình có chuyện đáng buồn là hay cắt khúc bài viết hay bài nói chuyện của người ta, rồi kẻ nghe hoặc đọc lại cứ nhắm mắt mà tin, trong khi cắt khúc như vậy thì ý nghĩa sẽ khác đi. Tổng hợp lại cả bài kệ mới thấy chiều sâu của nó chớ cắt khúc ra thì không thấy hay. Hai câu đầu của bài kệ thì quá dễ dàng hiểu, phần sau thì sâu sắc một cách thơ mộng, đó là bức tranh về cuộc sanh tử của mình. Cái gì cộng hưởng với con người?

Có câu ca dao của người VN nói về con trâu giúp cho người nông dân.

Trâu ơi! Ta bảo trâu này!

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Cày cấy vốn nghiệp nông gia,

Ta đây trâu đấy ai mà quản công!

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thời còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Trong xã hội nông thôn miền Tây Nam Bộ VN người ta coi nặng con trâu nhưng miền Đông Nam Bộ VN thì coi nặng con bò. Ở Ấn Độ xưa cũng coi nặng con bò. Trong chú giải có nói con bò không những giúp mình kéo xe kéo cày mà bất cứ cái gì trong thân của nó cũng cần thiết cho mình. Bên Đức có chữ riêng Milchprodukt để gọi cho tất cả những gì được làm ra từ sữa bò: phô mai, sữa tươi. Có thể nói rằng một phần trong đời sống của người Âu Mỹ là do con bò mang lại. Túi xách da bò, thức ăn thịt bò. Con bò đối với một số xã hội quan trọng như vậy. Bài kệ này thơ mộng ở chỗ là người khác nói về con bò thì không quan trọng gì hết, nhưng ở đây Đức Phật muốn nói con bò là người bạn buồn vui sinh tử của con người, và mưa là người mẹ nuôi dưỡng cuộc đời, và bốn oai nghi được dùng cho chuyện cày xới. Đó chính là bức tranh của dòng sinh tử. Con bò nói là bạn nhưng nó bị cư xử như người nô lệ. Nói tới mưa thì phải nói tới nắng. Có lần Đức Phật hỏi các vị tỳ kheo: *Các ngươi có tu tập về niệm chết hay không?*

Các vị tỳ kheo thưa có. Đức Phật hỏi tu tập như thế nào. Có vị trả lời: *Bạch Thế Tôn con suy niệm cuộc đời này chỉ là mùa nắng mùa mưa.* Có vị trả lời: *Con niệm chết bằng cách nghĩ cuộc đời này chỉ gồm những bữa ăn*. Một vị tỳ kheo nói: *Bạch Thế Tôn, con niệm chết bằng cách quán niệm hơi thở và thấy sự sống chết của con trong từng hơi thở.* Đức Phật tán thán: *Lành thay, ngươi đã tu tập niệm chết một cách đúng mức, tinh cần, sắc sảo như vậy.* Bài kệ này nhắc nhở: đời sống này chỉ là những lần mưa nắng, là những mùa nước lớn nước ròng, chỉ là những bữa ăn, xuân hạ thu đông, và sau cùng chỉ là những giây phút buồn vui, những hơi thở ra vào trong kiếp người mà thôi. Đọc chú giải bài kinh này, tôi hình dung ra trên một cánh đồng mưa, có những nông phu đang gò lưng kéo cày trên đó, đó chính là cánh đồng sinh tử. Mai này, cũng trong Tương Ưng Bộ, quí vị sẽ có dịp học bài kinh mà Đức Phật dạy: *tham ái chính là sự mầu mỡ trên cánh đồng sanh tử và thức tái sanh chính là hạt giống của cuộc trầm luân.* Lúc đó lấy bài kinh đó kết hợp với những bài kinh hôm nay, mới thấy ra bức tranh này. Con bò là bạn của người nông dân mà mình đối xử với nó ra sao?

Tất cả những gì mình có được trong cuộc đời này là sự lợi dụng lẫn nhau, là sự vay mượn, mua bán rất tàn nhẫn, khốc liệt, đó là diện mạo, dung nhan của cuộc sinh tử. Nó là nguồn sống của mình nhưng quan hệ giữa mình với nó chát chua làm sao. Mưa là sự lạnh lẽo, lầy lội, ấy vậy mà đời sống của con người phải nhờ cậy vào những cơn mưa lạnh lẽo lầy lội ướt át đó và chính sự nhọc nhằn đó làm nên cuộc sống của chúng ta, một sự mỉa mai vô cùng cho cái diện mạo phải nói là phũ phàng của đời sống. Không phải tôi thi vị hóa bài kinh này mà quí vị có đọc chú giải sẽ thấy. Ở đây tôi không đồng ý bản dịch của ngài Minh Châu trong câu

"cử chỉ chúng là gì" mà phải dịch *là "Các oai nghi trong cuộc đời này nhắm đến cái gì?*

" và câu trả lời rất phũ phàng là "*sītassa iriyāpatho",* bốn oai nghi có trong đời này chỉ làm những chuyện cày xới và có sự trùng hợp trong ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại, người ta không nói đi làm lụng cực nhọc mà người ta nói "đi cày". Người ta hỏi nhau lúc này có vui không, câu trả lời là: Cày dữ quá. Bốn oai nghi là để cày xới trên cánh đồng sinh tử. Từng hơi thở ra vào, từng bữa ăn chúng ta kiếm được, từng chuyện giật gấu vá vai, tần tảo một nắng hai sương chỉ là những lần cày xới trong đời của mình, và tất cả những quan hệ của mình trong đời sống: tôi là con bò của anh, anh là con bò của tôi, mình là vợ chồng nhau, mình là bạn bè nhau, đối tác làm ăn với nhau, tất cả đều là chủ và con bò. Anh vắt sữa của tôi, tôi vắt sữa của anh, cùng nhau mà sống trong cuộc đời buồn khổ này. Độc đáo là ở chỗ đó, bốn oai nghi ở đây để cho cái gì?

Chỉ để dành cho chuyện cày xới thôi, đọc kỹ cả Atthakata và Tika mới thấy chỗ này.

"Ai nuôi kẻ nhác, siêng, Như mẹ nuôi con cái?

" Cái gì nuôi kẻ siêng lẫn người lười như người mẹ nuôi con không phân biệt?

Ở đây Đức Phật giải thích đó chính là mưa. Nhưng hai câu cuối trong kinh rất dễ hiểu lầm: "*Mưa trì mạng chúng sanh, Y cứ vào địa đại."*. Hai câu Pāḷi cuối là bổ sung cho hai câu trước đó: *Vuṭṭhiṃ bhūtā upajīvanti, ye pāṇā pathavissitā.*

Cái gì như một người mẹ lo cho các con không phân biệt dầu đó là đứa lười hay đứa siêng. Câu trả lời ở đây là mưa. Mưa giống như người mẹ chan hòa khắp nơi, mưa rơi xuống khắp nơi không phân biệt đối tượng và không lựa chọn nơi chốn. Kẻ nào cũng được ân triêm lợi lạc từ mưa.

Vuṭṭhiṃ **bhūtā** upajīvanti, các loại hữu tình sống dựa vào mưa. Chữ *bhūtā* này phải đi liền với câu cuối cùng: *bhūtā ye pāṇā pathavissitā''ti.* Với loài sống trên đất phải luôn cậy nhờ mưa. Ở đây ngài Minh Châu đã dịch sát và dịch đúng trật tự của câu kệ nên nghe kỳ lắm, người Ma-Kiệt-Đà đọc thì hiểu nhưng người VN mình hay dân tộc khác đọc không hiểu, bởi vì cấu trúc của Pāḷi nó như vậy.

Vuṭṭhiṃ bhūtā upajīvanti, ye pāṇā pathavissitā. Đối với những loài sống dựa trên mặt đất, loài nào cũng sống dựa vào mưa.

KHÔNG TRANH LUẬN

Araṇasuttavaṇṇanā

Bài kệ này trong chú giải cũng giải thích nhẹ nhàng thôi.

Chữ "không tranh luận" ở đây từ chữ Pāḷi *'Araṇa'* dịch là 'vô tránh' hay 'vô tranh' đều được hết. Chữ '*raṇa*' ở đây đồng nghĩa '*kilesa'*: phiền não. Tại sao?

Bởi vì nghĩa gốc chữ '*raṇa'* là "sự xung đột", "sự mâu thuẫn", mà ở đâu có phiền não là ở đó có xung đột. Hễ có cái thích thì có cái không thích, có cái thương thì có cái ghét, tất cả mâu thuẫn trên thế giới này 100% xuất phát từ thích hoặc ghét. Vì vậy '*raṇa*' ở đây phải dịch là 'mâu thuẫn', 'xung đột'. Ở đâu có phiền não thì ở đó có mâu thuẫn, ở đâu có phiền não thì ở đó có xung đột. Đối với bậc thánh, ngay cả chuyện sống chết các ngài còn không coi nó ra gì sá chi mấy chuyện thành bại đắc thất doanh hư tiêu trưởng, những thứ này không nghĩa lý gì hết. Chúng ta thì ngoài chuyện ham sống sợ chết, trốn khổ tìm vui, còn đấu tranh giành giựt từng lợi ích nhỏ xíu. Biết bao vụ án trong nước xuất phát từ động cơ rất nhỏ mà nước ngoài không tin, chỉ 'nhìn đểu' thôi đủ chém nhau chết rồi. Chạy xe nẹt pô, rú ga cũng có thể bị chém chết. Đó chỉ là những chuyện nhỏ nói chi đến chuyện tiền bạc, tình cảm, làm ăn, tranh giành lãnh địa v.v... Phiền não nói chung được xem là căn cớ nguồn cơn cho mọi xung đột ở đời.

"Raṇanti kandanti etehīti **raṇā**",(Tika) chữ *raṇā* ở đây là xung đột, mâu thuẫn nhưng ám chỉ cho tất cả các phiền não.

"Ai không tranh luận đời?

Ai sống không hoại diệt?

Ai rõ ham muốn đời?

Ai thường xuyên tự tại?

"

Ở đây câu trả lời của Đức Phật là: "Samaṇīdha araṇā loke"

'*Samaṇīdha'*: '*Samaṇa'* (Sa-môn) + īdha (ở đây).

Có điểm hay ở đây là chữ '*rana'* nghĩa là 'mâu thuẫn' xung đột và Ngài cố tình xài chữ '*samana'*rất là hay. '*Samaṇa'* là "Sa-môn", động từ là *sameti* có nghĩa là *"làm cho lắng yên". Samatha:* thiền Chỉ. Từ gốc 'sam': làm cho lắng yên. '*Samôn'* là người có nội tâm thanh tịnh; '*samatha'* là pháp môn làm cho tâm yên tịnh. Người có tam nghiệp thanh tịnh mới gọi là Sa-môn. Trong chú giải ghi Sa-môn ở đây là *Samaṇāti khīṇāsavasamaṇā:*"lậu tận Sa-môn". Sa-môn ở đây ám chỉ cho *bậc thánh vô lậu*. Trong bài kinh Thuần chủng (Tăng Chi Bộ), có những hạng chúng sinh không sợ chết. "Ai trên đời này cũng sợ chết chỉ trừ một vài đối tượng đặc biệt đó là loài thuần chủng". Thú thuần chủng lòng kiêu mạn của nó lớn nên nó không sợ chết. Thứ hai là bậc lậu tận (A-na-hàm trở lên, không còn tâm sân nữa) không còn sợ chết nữa. Bên Mỹ sau nhà có một khu rừng lớn, rắn độc nhiều. Ban ngày chúng không thấy đường, chỉ di chuyển bằng khứu giác, tôi lấy cây dích nó đi mà nó mổ lia lịa, không sợ chết, không biết có phải thuần chủng không nhưng nó không chết. Lậu tận là ám chỉ cho vị không còn dục ái và sân, chấm dứt hết 10 phiền não, và trong trường hợp đặc biệt nào đó thì ám chỉ cho vị A-na-hàm.

Sa-môn không có tranh luận với đời vì nhiều lý do, 3 lý do đơn giản là vị A-la-hán không còn gì để thích và không có gì để ghét, ngài biết rất rõ bản chất của mọi người và mọi sự vốn dĩ là gì. Bản chất của mọi người chỉ là danh sắc, bản chất mọi sự xung đột chỉ toàn là hiểu lầm. Khi không còn gì để thương ghét, hiểu lầm thì làm gì còn lý do để xung đột, đấu tranh với thế gian nữa.

"vusitaṃ na nassati" bản tiếng Việt dịch "sống không hoại diệt", nghe kỳ lắm. Ở trong đoạn kinh mô tả sự chứng đắc của vị thánh, có câu tôi hay nhắc *"Vusitavā katakaranīyo ohitabhāro"* (Phạm hạnh đã thành, chuyện nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống). Còn *"vusitaṃ na nassati"* ở đây nghĩa là sao?

Tôi là người giàu có, tôi có rất nhiều tiền và tiền có thể sẽ hoàn toàn rời khỏi tôi một ngày nào đó và tôi trở thành một người ăn mày. Tôi là một người trí thức nhưng một ngày nào đó tôi có thể nghi ngờ những cái biết của tôi, hoặc một ngày nào đó tôi mất trí nhớ, hoặc trở thành một kẻ say sưa nghiện ngập, những cái biết của tôi sẽ hao mòn từ từ. Theo chú giải, tất cả những cái có của phàm phu đều có thể bị mất đi, nhưng "*Vusitaṃ na nassatīti tesaṃ ariyamaggavāso na nassati",* riêng đối với bậc lậu tận thì cái gì vị đó đạt được thì không thể mất được; đời sống hay đức tánh hay những gì vị thánh thành tựu được thì không thể nào mất được, chỉ khi nào Niết bàn thì thôi. Không mất được không phải là vì không có vô thường. Có hai cách vô thường:

1. Từ có thành không.

2. Từ cái này chuyển sang cái kia.

Sự vô thường của danh và sắc chỉ nằm trong hai trường hợp này, có sanh thì có tử, cái này chuyển thành cái kia. Ví dụ như tâm thì có vô thường, sát na trước xuất hiện rồi biến mất nhường chỗ cho sát na sau, tiếp nối liên tục thành dòng chảy không ngừng cho đến khi nào viên tịch thì thôi. Nói chữ viên tịch mới nhớ người Việt mình xài ẩu lắm. Cứ tu lâu là khi chết gọi là viên tịch. Viên là *tròn, trọn vẹn*. *Tịch* trong tiếng Hán là tắt, viên tịch là chỉ sự ra đi vĩnh viễn của vị La Hán, của Đức Phật, còn mình thì "đi quá xa" nên dùng chữ tưởng là hay, cần phải xét lại. Nhân tiện, cũng nói thêm những điều tôi trăn trở, không thể nói *"nhập Niết bàn"*, làm gì có chuyện "*nhập*", ngọn lửa tắt là đủ rồi. Tôi đã kể câu chuyện không biết quí vị còn nhớ không, câu chuyện đáng để đàn bà lấy son vẽ lên kính, đàn ông xăm lên người. Có người hỏi vị thiền sư ngọn lửa tắt đi về đâu, vị thiền sư trả lời muốn biết nó đi về đâu thì phải biết nó từ đâu tới. Chỉ hai câu này là toàn bộ giáo lý duyên khởi của PG cả chiều xuôi lẫn chiều nghịch, và cũng hai câu này thu gọn toàn bộ Phật ngôn. Vì vậy, chữ *'viên tịch'* chỉ dùng cho vị A-la-hán thôi; và Niết bàn là từ chữ '*parinibbāyati'* nghĩa là khi mà thân ngũ uẩn này không còn điều kiện để tiếp tục tồn tại nữa và đương sự không còn thức tái sinh nữa, đó là *parinibbāyati*, sự viên tịch. Đằng này mình tặng thêm chữ "nhập" giống như có cái cửa để mình bước vô, như có một cõi Phật cảnh, Phật quốc để mình bước vô, ở đây không có gì "nhập" hết, đó là do mấy ông thầy Tàu tặng cho mình xài, khi mình đã quen dùng như vậy mà ai có ý kiến bài xích không đồng ý thì mình nổi điên lên vì như câu ca dao "cầm vàng mà lội qua sông, vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng", hoặc như trong kinh kể chuyện có mấy người đi gánh cỏ khô, lỡ gánh lâu quá tới lúc kêu họ liệng họ tiếc. Nhớ ngày xưa lúc Đông Âu chưa bị sụp, bên Bungari có câu chuyện thế này, có ông cán bộ đang đi gặp người vô gia cư nghèo khó đang ngồi đói lạnh bên đường, bèn kêu hỏi có rảnh không, giúp việc rồi ông sẽ cho tiền. Người kia nói đang gánh cỏ cho người ta, đói bụng chưa có gì ăn. Ông cán bộ nói: Tôi có tủ bàn đắt tiền ông khiêng giùm rồi tôi trả tiền. Người kia nói đang gánh hai gánh rơm từ sớm đến giờ nếu bán thì được năm đồng; ông cán bộ liền mua luôn gánh rơm nhưng kêu bỏ gánh rơm ở đó. Anh chàng nông dân cầm năm đồng bỏ túi, đi theo ông cán bộ để khiêng đồ, nhưng cứ một lát lại quay lại dòm chừng gánh rơm. Khi ông cán bộ hỏi, anh nông dân nói, cảm ơn đã cho tôi năm đồng, tôi được năm đồng không cần gánh rơm nhưng tôi đã gánh gánh rơm đi một quãng đường xa, giờ bỏ đó lòng tôi không yên. Đó là câu chuyện cười nhưng tôi cố ý kể không thành chuyện cười, để nói

rằng, chúng ta cũng vậy, có những cái tào lao nhưng mình đã theo đuổi mấy chục năm rồi bỏ không đành. Thánh nhân thì những gì không cần cầm nắm nữa là buông. Mình thì muốn qua sông cần có bè, qua sông rồi liệng bè lòng không yên, không đành lòng cam tâm. Giữ giới một tháng tám ngày bát quan, nghe mấy thời pháp, nhà có mấy cuốn kinh, tưởng mình là vô địch võ lâm. Lâu lâu có điều kiện đi Miến Điện Thái Lan về cái mặt lầm lầm tưởng mình là hành giả có cầu chứng.

"Ai không tranh luận đời, ai sống không hoại diệt, Sa-môn không tranh đời, Sa-môn sống không diệt", ở đây giải thích thế này: "*samaṇānaṃ vusitaṃ na nassati":* thánh tâm của vị Sa-môn không thể nào bị mất. *"Samaṇā icchaṃ parijānanti":* Vị Sa-môn biết rất rõ lý tưởng sống ở đời là gì.

Câu *"Ai rõ ham muốn đời"* phải dịch lại. *Icchaṃ:* ý muốn= lý tưởng sống, chỗ để nhắm đến. Ai sống cũng có chỗ để nhắm đến hết. Vị Sa-môn biết rõ hễ còn có chỗ nhắm đến là còn có đường đi; còn có đường đi là còn có sanh tử. Tu là để "cùng căn mạt kiếp". Ngoài đời nghe bốn chữ "cùng căn mạt kiếp"này sẽ thấy sợ chứ chữ này trong đạo rất hay; người ta thường la con: "đừng chun dưới sào đồ coi chừng hết đầu thai. Mình cầu cho hết đầu thai, nếu chun dưới sào đồ mà hết đầu thai được thì cũng nên chun. Chữ '*Icchaṃ'* ở đây nên dịch là lý tưởng sống chứ đừng khư khư ôm tự điển. Sa-môn là người hiểu rất rõ mọi lý tưởng sống ở đời, còn có chỗ nhắm đến là còn tái sinh, còn tái sinh là còn luân hồi, hiểu rõ lẽ này Sa-môn buông hết, chính vì buông hết mới được gọi là Sa-môn

"Kedha icchaṃ parijānanti, kesaṃ **bhojissiyaṃ**sadā".

"bhojissiyanti"= adāsabhāvo. HT Minh Châu dịch là 'tự tại'

'dāsa': 'nô lệ'*; 'adāsa':* tự chủ, tự quyết.

Bhāva: trạng thái, tình trạng,

Tiếng Pāḷi cũng rộng lắm, chữTiếng Pāḷi cũng rộng lắm, chữ B**a**hu /báhú/: nhiều. hu /báhú/: nhiều. B**ā**hu /bahú/: cánh tay. Chỉ trừ trường hợp văn phạm, hu /bahú/: cánh tay. Chỉ trừ trường hợp văn phạm, b**ā**husaccan đồng nghĩa với chữ husaccan đồng nghĩa với chữ b**a**husutta (đa văn, quảng kiến, nghe nhiều học nhiều). Trong trường hợp này do văn phạm từ chữ '*bahu'* thành *bāhu* nhưng trong trường hợp đặc biệt đó thôi

Dāsa: là nô lệ*, dasa:* 10.10. Vì vậy khi đọc **dasa - parami** (thập độ, 10 Ba-la-mật) phải chú ý (đọc là "đá sá").

*"bhojissiyanti"*có nghĩa là *'adāsabhāvo':* 'sự tự tại', 'sự tự quyết'. Không bị lệ thuộc vào cái thích cái ghét nữa. Đời sống mình là một sự lệ thuộc kinh khủng lắm, mình cứ tưởng rằng nô lệ, đầy tớ, ở đợ là phải thờ chủ, mình đâu phải nô lệ, ở đợ cho ai. Mình mới là nô lệ, mỗi ngày mình để cho cái thích cái ghét nắm đầu mình đưa đi, mình không có tự tại. Mình làm cái gì cũng nhắm vào cái mình thích. Mình cứ nghĩ nằm ngủ là nghỉ ngơi, thật ra không phải, quí vị hãy thử làm cái này lợi lạc vô cùng: nằm trên giường mà tự hỏi mình là mình có đang thư giãn thật sự hay mình đang gồng?

Theo Anatomy thì khi mình nằm (mà chưa ngủ) thì cơ bắp mình vẫn còn đang gồng. Hãy theo dõi thử hai tay, hai chân, mình, cổ của mình đang gồng hay đang buông, quan sát thật kỹ coi mình có phải đang nghỉ ngơi hay không. Nằm chánh niệm mới thật sự nghỉ ngơi. Đó là cái thân. Còn cái tâm, có bao giờ mình sống mà không lệ thuộc phiền não không, một động tác nhỏ xíu của mình cũng do phiền não nó đẩy. Ngay cả hơi thở cũng vậy, khi sơ ý không thấy, theo Vi diệu pháp, sắc tâm hữu phần sẽ tạo hơi thở (chỉ trong lúc ngủ). Khi thức, nếu có chánh niệm mới thấy mình thở bằng tâm tham. Hơi thở vô phổi mà đầy rồi thì đẩy ra mới dễ chịu, trong lúc dễ chịu này đó là tâm tham, đẩy ra hết hơi thì nhu cầu sinh học tự động kéo hơi thở mới vô, khi đó có sự dễ chịu, thích thú trong đó, vì nhanh quá nên mình không ngờ mình thở ra thở vô bằng tâm tham. Ở đây chỉ đề cập tâm tham thôi chớ một phút có nhiều cái tâm. Về thân thì nếu mình chánh niệm một chút mình sẽ nhận ra một sự thật mình không ngờ được là thân của mình luôn luôn trong tình trạng căng thẳng và đau đớn. Chúng ta sống thật sự không tự tại, thân và tâm mình sống trong tình trạng rất chộn rộn, nặng nề và lệ thuộc nhiều thứ. Vì mình phóng dật nên khi nào nực mình quạt thấy mát thì tưởng sung sướng. Ngài Xá Lợi Phất nói muốn lắng nghe tiếng chuông lúc chỉ còn dư âm thì tâm mình phải vi tế, muốn theo dõi danh sắc ở mức độ vi tế nhất thì tâm phải sâu lắng theo. Ở mức độ sâu lắng đúng mức mình sẽ nhận ra tâm mình luôn phiền não, không tham thì sân, và thân mình luôn sống trong tình trạng căng thẳng và đau đớn, vì nó là nhà máy phức tạp bậc nhất thế giới. Các nhà máy lớn không rối bằng cơ thể của mình, từ ngón tay đến sợi tóc luôn trong tình trạng hoạt động ráo riết mà mình không biết. Chỉ cần lấy ống nghe bác sĩ đặt vào người, sẽ nghe tiếng động của nhà máy này làm việc, nếu khuếch đại âm thanh lên 50 lần là mình nghe không nổi, một nhà máy đang làm việc rầm rầm trong đó. Tôi từng có dịp xem những thước phim về cơ thể con người và viện bảo tàng về cơ thể, thấy dễ sợ lắm. Muốn chết không phải dễ, phải có một cuộc đảo chánh đình công dẫn đến sự sụp đổ của sự sống.

Các vị thánh thì tâm còn không lệ thuộc nữa nên các ngài được gọi là tự tại. Vị sa môn '*bhojissiyaṃ'* nghĩa là '*adāsabhāvo',* là trạng thái không nô lệ, là khả năng tự quyết.

"Samaṇaṃ mātā pitā bhātā, vandanti naṃ patiṭṭhitaṃ", Sa-môn chính là người mà cha mẹ, anh chị, huynh trưởng trong nhà có thể đảnh lễ, trong khi vua chúa thì không. Người ta cúi đầu trước vua, sợ uy của vua chớ trong lòng chắc gì người ta chịu cúi đầu. Hoàng thái hậu, thái thượng hoàng không cần quì trước vua, nhưng riêng vị Sa-môn thì khác, nếu là vị A-la-hán thì đến cả Phạm Thiên cũng phải quì xuống. Trong đêm cuối cùng của ngài Xá Lợi Phất chính đức Thiên Vương Đế Thích xuống xin được đi đổ ống nhổ cho ngài, ngài cản không cho, bởi vì ngài muốn gieo duyên lành cho mẹ mình vì ngài biết rất rõ ngài là ai. Trong trường hợp này vấn đề này hơi tôn giáo một chút. Bà mẹ rất là thương ngài, căn phòng ngài ở từ nhỏ bà vẫn giữ đó chờ ngài về. Ngài 84 tuổi còn bà đã 120 tuổi vẫn cứ chờ. Buổi chiều hôm đó người hầu ở ngoài phố chạy về nói "Bà ơi, cậu về rồi, cậu dẫn thêm 500 vị sư nữa, cậu nói bà sắp chỗ giùm". Bà mẹ sắp chỗ qua đêm cho 500 vị tỳ kheo, còn bà thì mở cửa căn phòng ngày xưa đó cho ngài về có chỗ nằm. Đêm đó ngài bị kiết ly, đầu hôm thì Tứ thiên Vương, giữa đêm thì Đế Thích hầu ngài. Gia đình ngài Xá Lợi Phất có bảy vị A-la-hán, trong đó có hai vị đệ nhất đặc hạnh, ngài Xá Lợi Phất trí tuệ, vị kia là Khadiravanya Revata (*Khadira*: cây keo; *vanya*: rừng, *người sống trong rừng keo*, thời Đức Phật người tên Revata rất nhiều nên tên phải ghép thêm như vậy để phân biệt). Đức Phật và chư tăng từng đến thăm vị này, trên đường đi đến đây nghe đồn đây là khu rừng ma thiêng nước độc mà ngài Revata là đệ nhất ẩn lâm. Các ngài nghe đồn vậy nhưng khi đến nơi thì thấy đường phố thênh thang, xóm làng trù phú, thanh niên thiếu nữ dập dìu "ngựa xe như nước áo quần như nêm", các vị thấy vậy có lòng không phục. Đức Phật chú nguyện cho hai vị tỳ kheo để quên đồ trong khu rừng, hai vị quay trở lại thì thấy rừng rậm hoang vu. Nhóm về trước gặp ngài Cấp Cô Độc, mới kể là nơi đó là phồn hoa phố thị, còn nhóm về sau thì kể đó là khu rừng già đáng sợ. Ngài Cấp Cô Độc nghe lấy làm lạ, sao chư tăng đi cùng Đức Phật đến cùng một chỗ mà đi về thì kể khác nhau nên mới đi hỏi Đức Phật. Đức Phật trả lời đó là nơi hoang sơn dã lãnh lam sơn chướng khí, nhưng chư thiên muốn cúng dường Như Lai và chúng tỳ kheo nên mới hóa hiện như vậy. Riêng tôn giả Revata cũng muốn cúng dường phòng ốc cho Đức Phật và chư tăng ở nên mới hóa hiện như vậy. Đó là em trai của ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất trước khi đi tu có tên là Upatisa, sau khi đi tu ngài có tên là Sariputta. Ngài có người em trai tên là Upasena Vangantaputta. Người anh ngài Xá Lợi

Phất có tên đời là Upatisa nhưng có ngoại hiệu Sariputta nghĩa là con của bà Sari; em trai ngài là Upasena, Vangantaputta nghĩa là con của ông Vanganta, người em được gọi theo tên của người cha. Ngài Revata có cuộc đời đặc biệt, trong ngày cưới vợ, nhìn thấy bà ngoại của mình già quá mới hết hồn, nghĩ trong lòng vợ mình mai mốt giống thế này thì nản lắm nên bỏ trốn đi xuất gia ngay trong ngày hôn lễ; còn ngài Upasena Vangantaputta thấy anh chị mình đi tu nên cũng bắt chước đi tu và chứng đắc A-la-hán. Một buổi trưa bào huynh của ngài Upasena và chư tăng đi bát xong về ăn cơm trên ngọn núi, ngài Upasena Vangantaputta đang may y trong một cái hang trên ngọn núi, bị một con rắn cực độc cắn vào người. Với vết cắn này biết mình không thể sống được, ngài mới nói với ngài Xá Lợi Phất: Tôi bị rắn độc cắn không qua nổi, xin sư huynh cho người đem tôi ra ngoài giùm. Ngài Xá Lợi Phất khen: *Thật hi hữu thay, trong giây phút này mà sắc diện của hiền giả vẫn chói sáng không giống như người sắp ra đi*. Ngài Upasena Vangantaputta trả lời: *Tôi được như vậy là vì từ lâu rồi tôi không nhìn xác thân này là tôi, là của tôi*. Chỉ có thánh với nhau mới làm được việc như vậy, em ruột chết trước mặt mà còn khen nhau. Bữa tôi về thăm gặp sư cậu bịnh nằm trong cái phòng chật, dơ và nóng là sốc chịu không nổi huống chi nhìn người thân bị rắn cắn, biết rõ người thân bị rắn cắn không qua khỏi mà vẫn tỉnh bơ. Trong kinh có những chỗ "vô tự" (không nói nhiều) nhưng ý rất nhiều. Trong kinh có ngài Ratthapāla xuất thân là một công tử thế gia vậy mà nhìn thấy chậu cháo thiu mà dám đề nghị đổ cháo thiu vào trong bát của mình đem về ăn, tôi nhà nghèo mà thấy thức ăn không rõ nguồn gốc là tôi đã lạnh người. Thà tôi ăn cơm với muối mà sạch chớ đồ ăn ngon thơm mà không rõ gốc tích tôi nuốt không nổi. Cháo thiu là đồ bỏ đi có kèm theo bao nhiêu thứ trong đó vậy mà ngài kêu người đầy tớ đổ vào bát đem về ăn hết thì tôi chỉ còn nước quỳ lạy thôi. Ngài Ca Diếp đi bát thì người cùi rớt ngón tay vào bát, ngài liệng ngón tay ra rồi ăn hết bát đó. Những vị thánh như vậy, cha mẹ có quỳ lạy dưới chân cũng đáng, vì là phước điền cho họ. Đêm cuối cùng ngài Xá Lợi Phất trở về, bà mẹ dù chưa biết con mình đã là gì, nhưng nhìn cách đi cách đứng cách mỉm cười của con mình bà biết đứa con này không thuộc về mình mà đã thuộc về trời cao đất rộng. Buổi sáng sớm, bà vào hỏi thăm sao ban đêm trong phòng sáng ngời, ngài nói là Phạm Thiên xuống hầu. Bà ngạc nhiên, ngài không giải thích ngài là ai, mà chỉ nói: "Thầy của tôi, mẹ có biết không, Phạm Thiên xuống hầu Phật giống như một người đệ tử, một thị giả, một sa di vậy". Bà mẹ nghe vậy hoan hỉ và ngài giảng Bốn Đế cho bà nghe. Nghe xong bà đắc quả Tu-đà-hoàn và quì sụp xuống, bà biết trước mặt bà là ai, đó là vị Thượng Thủ Thanh Văn, đệ nhất trí tuệ của vị Chánh Đẳng Chánh Giác, bà biết bà có một người con xuất sắc, nhân vật số hai

trong toàn vũ trụ, và sau đó ngài chỉ nói: *Này các hiền giả, các hành là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có dễ duôi*. Rồi ngài lấy y che mặt lại và nhập thiền, sơ nhị tam tứ thiền, sau khi xuất khỏi tứ thiền, ngài lập tức viên tịch. Trong kinh nói lúc đó địa cầu rung động, địa cầu rung động trước sự ra đi của một bậc đại trí. Bậc thánh như vậy đáng được cha mẹ huynh trưởng lễ bái, cúng dường.

"Samaṇīdha jātihīnaṃ, abhivādenti khattiyā''ti": Vị Sa-môn được như vậy, chẳng những đáng để cho cha mẹ huynh trưởng đảnh lễ mà ngay cả những bậc đế vương có quì lạy, đảnh lễ một vị sa môn có gia thế tầm thường cũng không có gì lạ. Có người đến hỏi Đức Phật về vấn đề gia thế của một tỳ kheo có liên hệ gì đến sở đắc và sở chứng của vị này không, Đức Phật trả lời: *Khúc gỗ nào cũng được, miễn là có thể đem đốt ra lửa thì thôi, ngọn lửa trên các khúc gỗ đều giống nhau.* Dù là gỗ tạp hay danh mộc, một khi đã cháy rồi thì ngọn lửa giống nhau. Xuất xứ của các vị Sa-môn, tỳ kheo có thể khác nhau nhưng nếu tu học tới nơi tới chốn thì ngọn lửa họ thắp lên được sẽ giống nhau. Đó là lý do tại sao một vị sa môn, *jātihīnaṃ,* dù thân thế tầm thường, đến cả hàng đế vương cũng có thể đảnh lễ được. Bây giờ đã là bảy giờ sáng. Chúng ta phải mừng vì đã kết thúc một chương. Xin đảnh lễ chư tôn đức, chào các vị Phật tử.

HẾT TẬP 1

Nguồn: TK GIÁC NGUYÊN (giảng)

NHỊ TƯỜNG (ghi)

0. Lời giới thiệu
1. Bài giảng ngày 22-5-2014
2. Bài giảng ngày 23-5-2014
3. Bài giảng ngày 24-5-2014
4. Bài giảng ngày 25-5-2014
5. Bài giảng ngày 26-5-2014
6. Bài giảng ngày 27-5-2014
7. Bài giảng ngày 28-5-2014
8. Bài giảng ngày 29-5-2014
9. Bài giảng ngày 30-5-2014
10. Bài giảng ngày 1-6-2014
12. Bài giảng ngày 2-6-2014
13. Bài giảng ngày 3-6-2014

14. Bài giảng ngày 4-6-2014
14. Bài giảng ngày 5-6-2014
15. Bài giảng ngày 7-6-2014
16. Bài giảng ngày 8-6-2014
17. Bài giảng ngày 23-6-2014
18. Bài giảng ngày 9-7-2014
19. Bài giảng ngày 10 -7-2014
20. Bài giảng ngày 11-7-2014
21. Bài giảng ngày 12-7-2014
22. Bài giảng ngày 13-7-2017
23. Bài giảng ngày 14-7-2014
24. Bài giảng ngày 17-7-2014
25. Bài giảng ngày 19-7-2014
26. Bài giảng ngày 22-7-2014
27. Bài giảng ngày 24-7-2014
28. Bài giảng ngày 26-7-2014
29. Bài giảng ngày 29-7-2014
30. Bài giảng ngày 21-7-2017
31. Bài giảng ngày 2-8-2014